

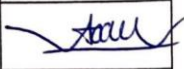
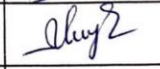
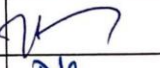
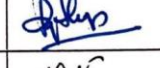
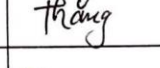
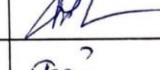
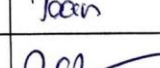
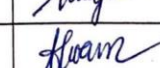
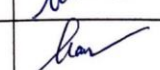
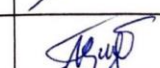
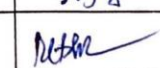
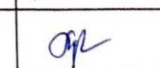
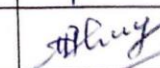
BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH BẮC



BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ CƠ SỞ GIÁO DỤC ĐẠI HỌC
GIAI ĐOẠN ĐÁNH GIÁ: 2017-2022

BẮC NINH, NĂM 2022

DANH SÁCH THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH BẮC
 (Kèm theo Quyết định số 281/QĐ-ĐHKB-TĐG ngày 22 tháng 4 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh Bắc)

TT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	NHIỆM VỤ	KÝ TÊN
01	Ông Nguyễn Văn Hòa	Hiệu Trưởng	Chủ tịch HĐ	
02	Ông Đoàn Xuân Tiếp	Chủ tịch HĐT	P. Chủ tịch HĐ	
		Bí thư Đảng ủy		
		Tổng Giám đốc Tập đoàn Kinh tế Chân - Thiện - Mỹ		
03	Bà Vũ Thị Minh Nghĩa	Trưởng phòng QLĐT	Ủy viên TT	
04	Bà Nguyễn Thị Thu Thủy	Phòng Khảo thí và ĐBCL Phụ trách ĐBCL và TTGD	Thư ký HĐ	
05	Bà Đoàn Thị Thanh Dung	Chủ tịch công đoàn Trường	Ủy viên	
06	Ông Đỗ Xuân Trung	Bí thư đoàn Trường P.Trưởng khoa CNTT - ĐTTT	Ủy viên	
07	Ông Đào Quang Thủy	Trưởng khoa CNTT - ĐTTT	Ủy viên	
08	Ông Nguyễn Đức Thắng	Viện trưởng viện Du lịch	Ủy viên	
09	Bà Nguyễn Thị Huyền Trang	P. Trưởng khoa NN	Ủy viên	
10	Bà Đoàn Hà Chi	P. Trưởng khoa Kinh tế	Ủy viên	
11	Bà Ngô Thị Toàn	Kế toán Trường	Ủy viên	
12	Bà Đoàn Thị Hào	P. Trưởng phòng KH-TC	Ủy viên	
13	Bà Lê Thị Tuyết Mai	P. Trưởng phòng KT&ĐBCL	Ủy viên	
14	Bà Nguyễn Thị Thủy	P. Giám đốc trung tâm TT&HTDN	Ủy viên	
15	Ông Nguyễn Hữu Hoan	Phụ trách Phòng CTSV	Ủy viên	
16	Bà Hà Bảo Trân	Phụ trách trung tâm TL - TV	Ủy viên	
17	Bà Nguyễn Thị Thảo	Phụ trách công tác Y tế	Ủy viên	
18	Bà Nguyễn Minh Thương	Phòng QLĐT	Ủy viên	
19	Bà Nguyễn Thị Nga	Phòng TC - HC - QT	Ủy viên	
20	Bà Trịnh Thị Thúy	Giảng viên khoa Du lịch	Ủy viên	

TT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	NHIỆM VỤ	KÝ TÊN
21	Bà Vũ Thị Mai	Đại diện sinh viên Trường	Ủy viên	V Mai
22	Ông Lê Trung Thu	Công ty CPDV Quốc tế Việt	Ủy viên	Thu
23	Ông Nguyễn Văn Thảo	Công ty TNHH Thương mại và du lịch Monisa	Ủy viên	Thảo

* Danh sách gồm 23 thành viên.

MỤC LỤC

DANH MỤC SƠ ĐỒ, BẢNG BIỂU, HÌNH VẼ.....	6
--	----------

PHẦN I. HỒ SƠ VỀ CƠ SỞ GIÁO DỤC	9
--	----------

1. Khái quát về cơ sở giáo dục	9
--------------------------------------	---

2. Bối cảnh triển khai các hoạt động của cơ sở giáo dục	13
---	----

3. Cơ sở dữ liệu kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục (<i>xem phụ lục</i>).....	19
--	----

PHẦN II. TỰ ĐÁNH GIÁ VỀ CHẤT LƯỢNG CƠ SỞ GIÁO DỤC	20
--	-----------

MỤC 1: ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG VỀ CHIẾN LƯỢC	20
--	-----------

Tiêu chuẩn 1. Tầm nhìn, sứ mạng và văn hóa	Error! Bookmark not defined.
--	------------------------------

Tiêu chuẩn 2. Quản trị	20
------------------------------	----

Tiêu chuẩn 3. Lãnh đạo và quản lý	52
---	----

Tiêu chuẩn 4. Quản trị chiến lược	64
---	----

Tiêu chuẩn 5: Các chính sách về đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng.....	76
--	----

Tiêu chuẩn 6. Quản lý nguồn nhân lực.....	88
---	----

Tiêu chuẩn 7. Quản lý tài chính và cơ sở vật chất.....	102
--	-----

Tiêu chuẩn 8. Các mạng lưới và quan hệ đối ngoại	119
--	-----

MỤC 2: ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG VỀ HỆ THỐNG	127
--	------------

Tiêu chuẩn 9. Hệ thống đảm bảo chất lượng bên trong	127
---	-----

Tiêu chuẩn 10. Tự đánh giá và đánh giá ngoài.....	142
---	-----

Tiêu chuẩn 11. Hệ thống thông tin đảm bảo chất lượng bên trong	154
--	-----

Tiêu chuẩn 12. Nâng cao chất lượng.....	164
---	-----

Mục 3: ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG VỀ THỰC HIỆN CHỨC NĂNG	179
---	------------

.....	179
-------	-----

Tiêu chuẩn 13: Tuyển sinh và nhập học	179
---	-----

Tiêu chuẩn 14. Thiết kế và rà soát chương trình dạy học	193
---	-----

Tiêu chuẩn 15. Giảng dạy và học tập	203
---	-----

Tiêu chuẩn 16. Đánh giá người học	221
---	-----

Tiêu chuẩn 17. Các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học.....	231
Tiêu chuẩn 18. Quản lý nghiên cứu khoa học	248
Tiêu chuẩn 19. Quản lý tài sản trí tuệ.....	257
Tiêu chuẩn 20. Hợp tác và đối tác nghiên cứu khoa học.....	268
Tiêu chuẩn 21: Kết nối và phục vụ cộng đồng.....	277
Tiêu chuẩn 22. Kết quả đào tạo	288
Tiêu chuẩn 23. Kết quả nghiên cứu khoa học	301
Tiêu chuẩn: 24. Kết quả phục vụ cộng đồng	324
Tiêu chuẩn 25. Kết quả tài chính và thị trường	337
Phụ lục 8. Cơ sở dữ liệu kiểm định chất lượng CSGD.....	359

DANH MỤC SƠ ĐỒ, BẢNG BIỂU, HÌNH VẼ

SƠ ĐỒ:

Sơ đồ 1.	Cơ cấu tổ chức của Trường Đại học Kinh Bắc	11
Sơ đồ 2.	Cấu trúc tổ chức của Hội đồng Trường Trường Đại học Kinh Bắc	11

BẢNG BIỂU:

Bảng 1.5:	Bảng đối sánh TN, SM, GTCL của Trường Đại học Kinh Bắc qua 2 giai đoạn	26
Bảng 4.1:	Bảng đối sánh các chỉ số phần đầu từ năm học 2016-2017 đến 2019-2020	60
Bảng 7.1:	Thống kê nguồn thu học phí qua các năm	86
Bảng 12.1:	Các tiêu chí lựa chọn đối tác	130
Bảng 12.3:	Đối sánh về số lượng đề tài NCKH và chuyển giao công nghệ	132
Bảng 12.4:	Đối sánh về số lượng bài báo của các cán bộ cơ hữu	133
Bảng 12.5:	Đối sánh về báo cáo khoa học của cán bộ cơ hữu	133
Bảng 12.6:	Đối sánh về quy mô, tuyển sinh, tốt nghiệp	134
Bảng 13.1:	Tổ hợp môn xét tuyển	142
Bảng 13.2:	Số lượng thí sinh đăng ký dự tuyển và nhập học trình độ đào tạo ĐH hệ chính quy từ 2016 đến 2021	147
Bảng 15.1:	Mức Thu lao giảng dạy	162
Bảng 15.2:	Bảng xác định hệ số phân công giờ giảng	163
Bảng 15.4:	Đánh giá của người học trước khi tốt nghiệp (K6) về hoạt động dạy học	167
Bảng 18.1:	Thống kê tổng số đề tài NCKH cấp trường được duyệt trong giai đoạn 2017-2022	194
Bảng 20.1:	Số lượng đoàn vào, đoàn ra giai đoạn 2016 – 2021	209
Bảng 25.1:	Nguồn thu của Trường qua các năm	260
Bảng 25.2:	Bảng đối sánh cơ cấu sử dụng các nguồn thu qua các năm	260

HÌNH VẼ:

Hình 9.1.1:	Sơ đồ Mạng lưới ĐBCL bên trong Trường Đại Học Kinh Bắc	104
Hình 9.1.2:	Các thành tố chính của Hệ thống ĐBCL bên trong Trường ĐHKB	105
Hình 16.1.1:	Quy trình kiểm tra đánh giá của Nhà Trường	171
Hình 17.1.1:	Các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học	180

DANH MỤC VIẾT TẮT

STT	KÝ HIỆU	CHỮ VIẾT ĐẦY ĐỦ
1	BGH	Ban Giám hiệu
2	BCH	Ban chấp hành
3	CB	Cán bộ
4	CNTT	Công nghệ thông tin
5	CSGD	Cơ sở giáo dục
6	CSV	Cựu sinh viên
7	CSVC	Cơ sở vật chất
8	CBQL	Cán bộ quản lý
9	CSDL	Cơ sở dữ liệu
10	CĐR	Chuẩn đầu ra
11	CĐ	Cao đẳng
12	CTDH	Chương trình dạy học
13	CTĐT	Chương trình đào tạo
14	CTSV	Công tác sinh viên
15	CVHT	Cổ vấn học tập
16	DN	Doanh nghiệp
17	GDĐH&TCCN	Giáo dục đại học và Trung cấp chuyên nghiệp
18	ĐHKB	Đại học Kinh Bắc
19	ĐTN	Đoàn thanh niên
20	ĐBCL	Đảm bảo chất lượng
21	ĐH	Đại học
22	ĐT	Đào tạo
23	ĐGN	Đánh giá ngoài
24	ĐCCT	Đề cương chi tiết
25	ĐTTT	Điện tử truyền thông
26	GV	Giảng viên
27	GD&ĐT	Giáo dục và đào tạo
28	HĐQT	Hội đồng quản trị
29	HTQT	Hợp tác quốc tế

30	HĐTS	Hội đồng tuyển sinh
31	KHCN	Khoa học công nghệ
32	KT&ĐBCLGD	Khảo thí và đảm bảo chất lượng giáo dục
33	KHCL	Kế hoạch chiến lược
34	KTX	Ký túc xá
35	KĐCL	Kiểm định chất lượng
36	KĐCLGD	Kiểm định chất lượng giáo dục
37	NV	Nhân viên
38	NCKH	Nghiên cứu khoa học
39	PVCĐ	Phục vụ cộng đồng
40	QLĐT	Quản lý đào tạo
41	QLKH&HTQT	Quản lý khoa học và hợp tác quốc tế
42	QLCL	Quản lý chất lượng
43	SM	Sứ mạng
44	SV	Sinh viên
45	SHTT	Sở hữu trí tuệ
46	TN	Tầm nhìn
47	THPT	Trung học phổ thông
48	TNCS	Thanh niên cộng sản
49	TV	Thư viện
50	TĐG	Tự đánh giá
51	TS	Tuyển sinh
52	TS&HTDN	Tuyển sinh và hợp tác doanh nghiệp
53	TBC	Trung bình cộng
54	TCHC	Tổ chức hành chính
55	TSTT	Tài sản trí tuệ
56	TS	Tiến sỹ
57	Th.S	Thạc sỹ
58	UBND	Ủy ban nhân dân
59	VLVH	Vừa làm vừa học

Phần I. HỒ SƠ VỀ CƠ SỞ GIÁO DỤC

1. Khái quát về cơ sở giáo dục

a) Khái quát về lịch sử phát triển, tầm nhìn, sứ mạng, các giá trị của CSGD. thành tích nổi bật của trường qua các giai đoạn phát triển và trong ĐT, NCKH, PVCD.

Trường Đại học Kinh Bắc được thành lập theo Quyết định số 350-QĐ/TTg ngày 26 tháng 3 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ, là cơ sở giáo dục đại học tư thục, Trường đại học đầu tiên ở Việt Nam được Thủ tướng Chính phủ tin tưởng giao nhiệm vụ tuyển sinh đào tạo hàng năm có tỷ lệ sinh viên là người khuyết tật.

Trường được đầu tư xây dựng bởi Anh hùng lao động thời kỳ đổi mới Đoàn Xuân Tiếp, hiện là Tổng Giám đốc Tập đoàn Kinh tế Chân – Thiện – Mỹ đồng thời là Chủ tịch Hội đồng Trường.

Trường Đại học Kinh Bắc là một trong mười đơn vị thành viên của Tập đoàn Kinh tế Chân – Thiện – Mỹ, được Công ty Chân – Thiện – Mỹ cũng là thành viên của tập đoàn đầu tư, hỗ trợ tài chính..., nên mọi hoạt động đảm bảo chất lượng giáo dục của Trường được thuận lợi. Tại các đơn vị thành viên của Tập đoàn ở Bắc Ninh, Hà Nội, Hải Dương... hàng ngày có trên 1000 khách nước ngoài chủ yếu là khách Châu Âu đến thăm quan, mua sắm và hợp tác kinh doanh... Đây là cơ hội thuận lợi cho sinh viên ngành du lịch, ngôn ngữ, quản trị kinh doanh... giao lưu, học hỏi trực tiếp góp phần nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.

Trong những năm đầu thành lập, Nhà trường gặp nhiều khó khăn, từ thiếu thốn về cơ sở vật chất, đội ngũ cán bộ giảng viên đến kinh nghiệm trong vận hành của một trường Đại học. Nhưng với hơn 10 năm phấn đấu nỗ lực không ngừng, Trường Đại học Kinh Bắc đã đạt được nhiều tiến bộ, cơ sở vật chất được xây dựng khang trang và ổn định, đội ngũ cán bộ giảng viên không ngừng được nâng lên cả về chất lượng và số lượng, đáp ứng được yêu cầu phát triển đào tạo trong thời kỳ hội nhập; quy mô cũng như chất lượng đào tạo đều được tăng lên và đáp ứng được yêu cầu của xã hội.

Trong những năm qua, Trường Đại học Kinh Bắc đã từng bước khẳng định

được uy tín, tạo được vị thế vững chắc khu vực về đào tạo, nghiên cứu khoa học & hợp tác quốc tế, đạt được nhiều thành tích như đào tạo đa lĩnh vực. Tuy nhiên, hiện nay cơ sở vật chất phục vụ đào tạo và nghiên cứu khoa học vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu mở rộng quy mô đào tạo; hiệu quả và cơ chế quản lý nhà trường còn chưa đáp ứng kịp yêu cầu đổi mới quản lý và cải cách hành chính trong giáo dục; chất lượng dịch vụ đối với sinh viên và giảng viên còn nhiều điểm cần bổ sung, hoàn thiện. Để đáp ứng được yêu cầu phát triển đào tạo trong thời kỳ hội nhập và đáp ứng nhu cầu xã hội, Nhà trường cần hoạch định chiến lược phát triển nhằm đổi mới công tác quản lý, nâng cao chất lượng đào tạo phù hợp với tình hình mới, đáp ứng yêu cầu và nhiệm vụ trong giai đoạn mới.

*** Tầm nhìn, sứ mạng và giá trị văn hóa của Đại học Kinh Bắc**

- **Sứ mạng:** Đào tạo nguồn nhân lực *chất lượng, trình độ cao*, trong đó có những người khuyết tật, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ, cung cấp dịch vụ chuyên môn đa lĩnh vực, đáp ứng sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của đất nước và hội nhập quốc tế.

- **Tầm nhìn:** Đến năm 2030, trở thành *Trường Đại học ứng dụng* được *xếp hạng cao* trong hệ thống giáo dục đại học cả nước.

- **Giá trị cốt lõi:** Giá trị cốt lõi của Trường Đại học Kinh Bắc là “Đổi mới - Sáng tạo – Phát triển bền vững, hướng tới Chân – Thiện – Mỹ”.

b) Quá trình phát triển của Nhà trường

Ngày 8 tháng 4 năm 2012, Nhà trường tổ chức Lễ công bố Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường, xin phép cho mở ngành đào tạo, chỉ tiêu tuyển sinh... Nhà trường đã được Bộ GD&ĐT cho phép mở 5 ngành đào tạo: Kế toán, Tài chính – Ngân hàng, Quản trị kinh doanh, Quản trị du lịch và khách sạn, Công nghệ thông tin.

Ngày 18 tháng 11 năm 2012 Nhà trường tổ chức khai giảng khóa học đầu tiên với hơn 500 sinh viên. Đến nay ngoài 5 ngành trên, Nhà trường đào tạo tiếp 12 ngành nữa, bao gồm: Điện tử truyền thông, Luật kinh tế, Quản lý Nhà nước và Ngôn ngữ Anh, các ngành khối mỹ thuật, khối ngành sức khỏe.

Năm 2017, Trường được Bộ GD&ĐT cho phép đào tạo trình độ thạc sĩ Ngành Quản lý Kinh tế.

Năm 2021, Trường được Bộ GD&ĐT cấp phép đào tạo thêm 02 mã ngành khối ngành sức khỏe trình độ đại học (Dược học và Y học cổ truyền); 01 ngành trình độ thạc sĩ (Luật kinh tế) và 01 ngành trình độ đại học Luật.

Nhà trường hiện đào tạo 04 khối ngành: III, V; VI và VII .

Nhà trường hiện có tổng diện tích được UBND tỉnh Bắc Ninh phê duyệt gần 30 ha (tại cơ sở 1 Thành Phố từ Sơn tỉnh Bắc Ninh 28,1 ha và cơ sở 2 tại phố Phúc Sơn, phường Vũ Ninh, TP. Bắc Ninh gần 2ha). Các công trình xây dựng đều thực hiện theo quy định của bộ tiêu chuẩn TCVN 3981-85. Nhà trường có 01 Trung tâm tư liệu -Thư viện với tổng diện tích thư viện 300m², trong đó phòng đọc và phòng nghiệp vụ, phòng mượn trả. Bên cạnh đó, Nhà trường đang chuẩn bị hoàn thiện việc kết nối với Hiệp hội thư viện Việt Nam tham gia xây dựng và được sử dụng một số cơ sở dữ liệu điện tử dùng chung thuộc “Thư viện điện tử dùng chung cho các cơ sở giáo dục đại học ở Việt Nam chuyên sâu khối ngành kinh tế, kinh doanh và quản lý”.

Trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, thực nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập 2.470m²; Phòng khám bệnh đa khoa chuẩn bị đưa vào hoạt động phục vụ khám chữa bệnh cho CB, SV hơn 500 m²; Có ký túc xá được Nhà trường thuê 1 toà 6 tầng giành riêng cho sinh viên, học viên. Có 3 Phòng ăn giành cho cán bộ và sinh viên khang trang, rộng rãi và tiện lợi.

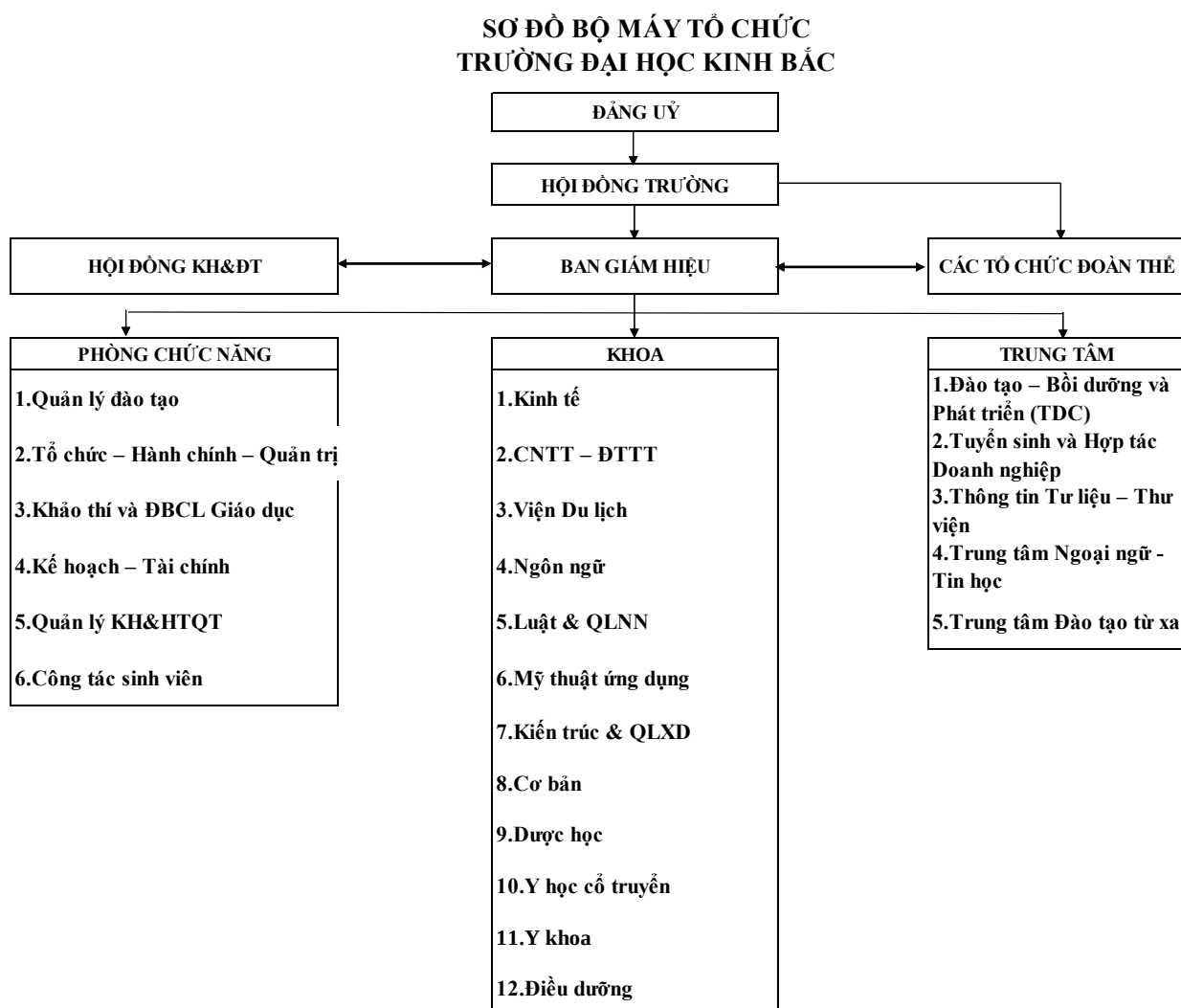
Về đội ngũ cán bộ: tính đến 31/07/2022 Nhà trường có 142 giảng viên/198 cán bộ cơ hữu. Trong đó giảng viên đó có 20 Giáo sư và phó giáo sư, 44 tiến sĩ, 77 thạc sĩ, 57 người có trình độ ĐH và trình độ khác. Ngoài ra còn có 57 giảng viên thỉnh giảng là các Giáo sư; PGS, TS, Thạc sĩ từ các trường Đại học, công ty và các viện nghiên cứu có uy tín.

Chương trình đào tạo:

Hiện nay, Trường Đại học Kinh Bắc có 17 ngành trình độ đại học, 02 ngành trình độ thạc sĩ và một số chương trình ngắn hạn cấp chứng chỉ được đào tạo ở 07 khoa và 01 viện đào tạo, 02 trung tâm đào tạo, đào tạo, cụ thể như sau:

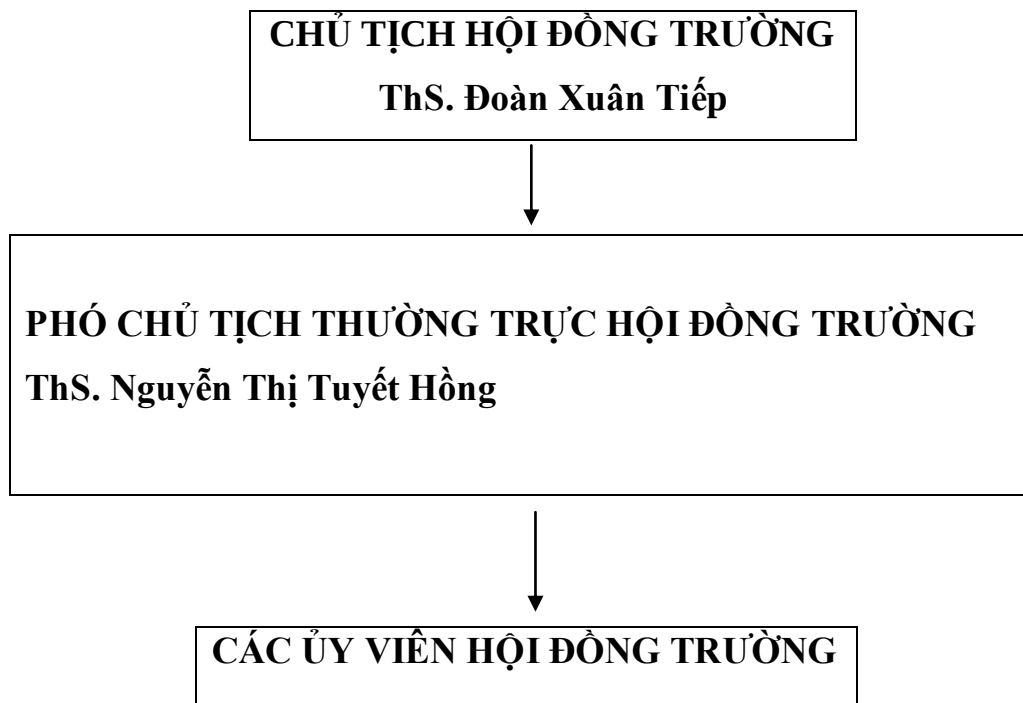
TT	Khoa, Viện, Trung tâm	Số CTĐT		
		Đại học	Cao học	Ngắn hạn
1	Khoa Kinh tế	03	01	01
2	Viện Du lịch	02		01
3	Khoa CNTT & ĐTTT	02		
4	Khoa Luật & QLNN	02	01	
5	Khoa Ngôn ngữ	01		
6	Khoa Dược học	01		
7	Khoa Y học cổ truyền	01		
8	Khoa kiến trúc- Quản lý xây dựng – Mỹ thuật	05		
9	Trung tâm Ngoại ngữ - tin học			02
10	Trung tâm Đào tạo từ xa			04

b) Cơ cấu tổ chức của cơ sở giáo dục



Sơ đồ 1: Sơ đồ cơ cấu tổ chức của Trường Đại học Kinh Bắc

c) Cơ cấu tổ chức của Hội đồng Trường



Sơ đồ 2: Cấu trúc tổ chức của Hội đồng Trường

2. Bối cảnh triển khai các hoạt động của cơ sở giáo dục

a) Mô tả quy định pháp lý của các hoạt động của Nhà trường và mức độ ảnh hưởng đến hoạt động của Nhà trường

- Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng Cộng sản Việt Nam toàn quốc lần thứ X, XI, XII khẳng định: *Giáo dục là quốc sách hàng đầu, có vai trò quyết định trong sự nghiệp Công nghiệp hoá - Hiện đại hoá đất nước; phát triển giáo dục - đào tạo là nhu cầu bức thiết để phát triển đất nước;*

- Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 của Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về *"Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế"*, trong đó nội dung then chốt là đổi mới thể chế quản lý, tập trung đào tạo nguồn nhân lực đặc biệt là nguồn nhân lực chất lượng cao;

- Luật Giáo dục năm 2005 và sửa đổi, bổ sung năm 2019 quy định: *Mục tiêu, tính chất, nguyên lý của nền Giáo dục nước nhà nhằm đào tạo con người Việt Nam phát triển toàn diện, có đạo đức, tri thức, văn hóa, sức khỏe, thẩm mỹ và nghề nghiệp; có phẩm chất, năng lực và ý thức công dân; có lòng yêu nước, tinh thần dân*

tộc, trung thành với lý tưởng độc lập dân tộc và CNXH; phát huy tiềm năng, khả năng sáng tạo của mỗi cá nhân; nâng cao dân trí, phát triển nguồn nhân lực, bồi dưỡng nhân tài đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc và hội nhập quốc tế.

- Luật Giáo dục đại học năm 2012 và sửa đổi, bổ sung năm 2018 quy định mục tiêu của giáo dục đại học là: “Đào tạo nhân lực, nâng cao dân trí, bồi dưỡng nhân tài; nghiên cứu khoa học, công nghệ tạo ra tri thức, sản phẩm mới, phục vụ yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh và hội nhập quốc tế; Đào tạo người học có phẩm chất chính trị, đạo đức; có kiến thức, kỹ năng thực hành nghề nghiệp, năng lực nghiên cứu và phát triển ứng dụng khoa học và công nghệ tương xứng với trình độ đào tạo; có sức khỏe; có khả năng sáng tạo và trách nhiệm nghề nghiệp, thích nghi với môi trường làm việc; có ý thức phục vụ nhân dân”;

- Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ về việc Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học.

- Quyết định số 711/QĐ-TTg, ngày 13/06/2012 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt “Chiến lược phát triển giáo dục 2011-2020” xác định mục tiêu của giáo dục Việt Nam “Tạo chuyển biến căn bản, mạnh mẽ về chất lượng, hiệu quả giáo dục, đào tạo; đáp ứng ngày càng tốt hơn công cuộc xây dựng, bảo vệ Tổ quốc và nhu cầu học tập của nhân dân. Giáo dục con người Việt Nam phát triển toàn diện và phát huy tốt nhất tiềm năng, khả năng sáng tạo của mỗi cá nhân; yêu gia đình, yêu Tổ quốc, yêu đồng bào; sống tốt và làm việc hiệu quả. Xây dựng nền giáo dục mở, thực học, thực nghiệp, dạy tốt, học tốt, quản lý tốt; có cơ cấu và phương thức giáo dục hợp lý, gắn với xây dựng xã hội học tập; bảo đảm các điều kiện nâng cao chất lượng; chuẩn hóa, hiện đại hóa, dân chủ hóa, xã hội hóa và hội nhập quốc tế hệ thống giáo dục và đào tạo; giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa và bản sắc dân tộc. Phấn đấu đến năm 2030, nền giáo dục Việt Nam đạt trình độ tiên tiến trong khu vực”, trong đó mục tiêu đối với giáo dục đại học “tập trung đào tạo nhân lực trình độ cao, bồi dưỡng nhân tài, phát triển phẩm chất và năng lực tự học, tự làm giàu tri thức, sáng tạo của người học. Hoàn thiện mạng lưới các cơ sở giáo dục đại học, cơ cấu ngành nghề và trình độ

đào tạo phù hợp với quy hoạch phát triển nhân lực quốc gia; trong đó, có một số trường và ngành đào tạo ngang tầm khu vực và quốc tế. Đa dạng hóa các cơ sở đào tạo phù hợp với nhu cầu phát triển công nghệ và các lĩnh vực, ngành nghề; yêu cầu xây dựng, bảo vệ Tổ quốc và hội nhập quốc tế”;

- Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg, ngày 10/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Điều lệ trường Đại học xác định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của trường đại học; cơ cấu tổ chức và hoạt động của trường đại học;

- Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoa XII về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng hiệu quả và hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập;

- Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập;

- Quyết định số 732/2016/QĐ-TTg, ngày 29/4/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án “*Đào tạo, bồi dưỡng nhà giáo và cán bộ quản lý cơ sở giáo dục đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục phổ thông giai đoạn 2016-2020, định hướng đến năm 2025*”;

- Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 của Thủ tướng chính phủ Phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam nhằm phân loại, chuẩn hóa năng lực, khối lượng học tập tối thiểu và văn bằng, chứng chỉ phù hợp với các trình độ thuộc giáo dục nghề nghiệp và GDĐH của Việt Nam, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực; thiết lập cơ chế kết nối hiệu quả giữa yêu cầu về chất lượng nguồn nhân lực của bên sử dụng lao động với hệ thống các trình độ đào tạo thông qua các hoạt động đào tạo, đo lường, kiểm tra, đánh giá và kiểm định chất lượng; làm căn cứ để xây dựng quy hoạch cơ sở giáo dục, chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo cho các ngành, nghề ở các bậc trình độ và xây dựng chính sách bảo đảm chất lượng, nâng cao hiệu quả đào tạo nguồn nhân lực; thiết lập mối quan hệ với khung trình độ quốc gia của các nước khác thông qua các khung tham chiếu trình độ khu vực và quốc tế làm cơ sở thực hiện công nhận lẫn nhau về trình độ, nâng cao chất lượng và năng lực cạnh tranh của nguồn nhân lực; tạo cơ chế liên thông giữa các trình độ đào tạo, xây dựng xã hội học tập và học tập suốt đời.

- Kế hoạch số 118/KH-BGDĐT ngày 23/02/2017 của Bộ GD&ĐT ban hành về Kế hoạch triển khai công tác KĐCLGD đối với cơ sở GDĐH, trường cao đẳng sư phạm và trung cấp sư phạm năm 2017 và những năm sau. Trong đó, đưa ra lộ trình đến hết năm 2020 đánh giá ngoài vòng 1 đối với các cơ sở đào tạo đủ điều kiện, khoảng 10% số chương trình đào tạo được đánh giá (theo các tiêu chuẩn trong nước và quốc tế). Thực hiện tốt và đi vào nề nếp việc công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục và công khai kết quả KĐCLGD, các điều kiện bảo đảm chất lượng của các cơ sở đào tạo cho xã hội biết và giám sát.

- Thông tư số 12/TT-BGDĐT ngày 19/5/2017 của Bộ trưởng Bộ GDĐT về việc ban hành Quy định kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục đại học.

- Từ năm 2019, Bộ GD&ĐT triển khai thực hiện Quyết định số 69/QĐ-TTg ngày 15/01/2019 của Thủ tướng Chính phủ về Phê duyệt Đề án nâng cao chất lượng GDĐH giai đoạn 2019-2025, trong đó mục tiêu cụ thể đến năm 2025.

- Quyết định số 63/2011/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ: Về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế và hoạt động của trường đại học tư thục ban hành kèm theo Quyết định số 61/2009/QĐ-TTg ngày 17 tháng 4 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ.

b) Những thách thức chính mà Trường gặp phải và kế hoạch của Nhà trường để khắc phục những thách thức đó

- Các yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng GDĐH như: Đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý, tuyển sinh, chương trình đào tạo, giáo trình giảng dạy, tài liệu nghiên cứu, phương pháp giảng dạy, hệ thống đánh giá kết quả học tập của sinh viên, phỏng vấn các bên liên quan về CTĐT... đào tạo sinh viên là người khuyết tật đều được Nhà trường kiểm soát bằng các quy trình nghiệp vụ, được kiểm tra, đánh giá và rà soát thường xuyên để cải tiến không ngừng nâng cao chất lượng đào tạo.

- Các yếu tố cạnh tranh trong đào tạo như: Sự cạnh tranh giữa các Trường đại học trong nước và quốc tế (gồm cả trường công lập và tư thục); việc làm cho sinh viên sau khi tốt nghiệp; yêu cầu nguồn nhân lực chất lượng cao của xã hội ngày càng cao nhất là trong xu thế hội nhập khu vực và quốc tế..., đó là những thách thức chính, đòi hỏi Trường Đại học Kinh Bắc phải vượt qua bằng chính chất lượng giáo dục của Nhà

trường. Chất lượng giáo dục luôn được Nhà trường xác định là nhiệm vụ trọng tâm, luôn được rà soát và cải tiến liên tục. Đó chính là yếu tố giúp Trường cạnh tranh lành mạnh với các cơ sở giáo dục đại học trong cả nước.

- Các yếu tố Văn hóa - Xã hội - Kinh tế như: Giáo dục trong thời kỳ hội nhập quốc tế; xã hội chưa xóa bỏ sự phân biệt giáo dục đại học công lập với đại học tư thục; đại học tư thục phải tự chủ 100% về tài chính, còn đại học công lập được Nhà nước đầu tư tài chính, cơ sở vật chất, đội ngũ...; nhu cầu tuyển dụng của các DN đối với SV tốt nghiệp; tình hình phát triển kinh tế của Việt Nam và thế giới... tất cả các yếu tố đó đều ảnh hưởng đến kết quả dự kiến của hệ thống ĐBCL của Trường ĐH Kinh Bắc.

Nhà trường đặc biệt quan tâm đến sự phản hồi của các bên liên quan, đến giáo dục trong thời kỳ hội nhập quốc tế, xu thế phát triển của xã hội và nhu cầu nguồn nhân lực trong thời kỳ mà cuộc cách mạng 4.0 đang phát triển mạnh mẽ... để điều chỉnh sứ mệnh, tầm nhìn, KHCL phát triển Trường cho phù hợp và đúng hướng.

c) Những điểm mạnh của Nhà trường và cơ hội về môi trường hoạt động, biện pháp thực hiện.

*** Điểm mạnh:**

- Mô hình quản trị, phát triển Nhà trường theo định hướng đại học ứng dụng phù hợp với định hướng phát triển của GDDH hiện nay.

- Nhà trường đã hội tụ được các nhà khoa học, GV đầu ngành trong các lĩnh vực kinh tế, công nghệ, du lịch... đó là nhân tố quan trọng thúc đẩy Trường phát triển.

- Nhà trường có quan hệ tốt với các cơ quan, trường đại học, học viện, tổ chức quốc tế về giáo dục... đã góp phần nâng cao uy tín của Trường trong cộng đồng xã hội.

- Hệ thống cơ sở vật chất được hiện đại hóa, đáp ứng nhu cầu giảng dạy, NCKH và học tập trong Trường.

- Hệ thống, quy trình ĐBCL chặt chẽ, thường xuyên được rà soát, cải tiến nhằm nâng cao chất lượng đào tạo.

- Trong 10 năm, Đảng bộ và chính quyền Nhà trường đã được tổ chức Đảng cấp trên, Bộ GD&ĐT, UBND tỉnh Bắc Ninh khen thưởng như sau:

+ Liên tục 10 năm từ 2013 đến 2022, Đảng bộ Nhà trường được Ban Thường vụ Thành ủy Bắc Ninh công nhận “Tổ chức cơ sở Đảng đạt trong sạch vững mạnh”.

+ Từ năm 2013 đến năm 2022, Nhà trường liên tục được Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Ninh tặng bằng khen, đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm học;

+ Năm 2017 nhân kỷ niệm 05 năm ngày thành lập Trường, Bộ trưởng Bộ GD&ĐT tặng Bằng khen cho Trường đã hoàn thành xuất sắc công tác giáo dục, đào tạo giai đoạn 2012 – 2017; và Bằng khen vì có thành tích xuất sắc trong thi đua chào mừng kỷ niệm 10 năm ngày thành lập Trường Đại học Kinh Bắc (năm 2022) của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Ninh.

+ Đặc biệt năm 2018, Nhà trường vinh dự đón nhận Cờ thi đua của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Ninh; cùng với tập thể Nhà trường, nhiều đơn vị phòng, khoa và cá nhân cũng vinh dự được nhận bằng khen của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT và Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Ninh.

*** Điểm tồn tại:**

- Chưa phát huy tốt các yêu cầu về liên kết, hợp tác với các cơ sở giáo dục đại học trong và ngoài nước.

- Chất lượng đội ngũ NCKH chưa đồng đều.

- Chất lượng đào tạo chưa thật sự đáp ứng yêu cầu của hội nhập quốc tế.

*** Cơ hội:**

- Đảng và Nhà nước luôn quan tâm đến sự nghiệp giáo dục - đào tạo nói chung và giáo dục nghề nghiệp nói riêng.

- Nhu cầu đào tạo nguồn nhân lực cho xã hội, đặc biệt là các vùng kinh tế phát triển, các ngành kinh tế mũi nhọn như: CNTT, Du lịch...

- Xu hướng hội nhập kinh tế khu vực và thế giới, sự vận hành của cộng đồng Kinh tế ASEAN (AEC) và Việt Nam là thành viên của Hiệp định đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CTTPP); Hiệp định EVFTA giữa Việt Nam và liên minh Châu Âu (EU); Hiệp định Thương mại giữa khối ASEAN (10 nước) và 5 nước đối tác (Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc, Úc và New Zealand.

*** Thách thức:**

- Cạnh tranh của các cơ sở giáo dục đào tạo trong và ngoài nước ngày càng gay gắt.

- Những thay đổi trong chính sách TS hàng năm của Bộ GD&ĐT, Nhà trường phải định hướng và có biện pháp thích hợp để TS đạt hiệu quả.

- Nhu cầu ngành nghề của người học luôn tác động đến TS và hiệu quả đào tạo của Nhà trường.

*** Các giải pháp xử lý rủi ro và cơ hội phát triển:**

- Về tuyển sinh: xây dựng và triển khai kế hoạch tư vấn về các CTĐT đặc biệt với ngành du lịch, CNTT nhằm thu hút đông đảo thí sinh đăng ký vào Trường.

- Về nội dung CTĐT: phát triển các chương trình đào tạo theo định hướng ứng dụng, chú trọng trình độ ngoại ngữ, tin học và trang bị kỹ năng cho người học để làm việc được ngay sau khi tốt nghiệp ra trường.

- Về quản lý đào tạo: rà soát, bổ sung các quy định về khung chuẩn đầu ra. Hoàn thiện hệ thống quản lý đào tạo, tập huấn nghiệp vụ, phát triển đội ngũ cán bộ QLĐT, ĐBCL.

- Về phương pháp giảng dạy: Tập huấn, bồi dưỡng giảng viên về phương pháp dạy và học tích cực, đồng thời tăng cường hướng dẫn SV các phương pháp học tập chủ động, tích cực, tự tin hội nhập quốc tế.

- Về điều kiện, phục vụ dạy và học: Tiếp tục tăng cường cơ sở vật chất như loa đài, micro, máy chiếu, phòng máy tính, phòng thực hành, giáo trình, tài liệu học tập. Xây dựng hệ thống cơ sở học liệu đa dạng với nhiều hình thức: Sách điện tử, bản in, các tài liệu học tập đa phương tiện, các môn học online.

- Về nguồn lực phục vụ đào tạo: Tạo môi trường làm việc tốt nhất cho giảng viên, cán bộ; công tác tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, giảng viên đảm bảo tính ổn định, kế thừa và phát triển.

- Về đảm bảo chất lượng: Thực hiện Tự đánh giá Trường theo Thông tư số 12/2017/TT-BGDĐT của Bộ GD&ĐT; xây dựng kế hoạch hành động khắc phục các tồn tại sau TĐG và ĐGN.

3. Cơ sở dữ liệu kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục (xem phụ lục).

Thời điểm báo cáo: Tính đến ngày 31/07/2022

Phần II. TỰ ĐÁNH GIÁ VỀ CHẤT LƯỢNG CƠ SỞ GIÁO DỤC

MỤC 1: ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG VỀ CHIẾN LƯỢC

Tiêu chuẩn 1: Tầm nhìn, sứ mạng và văn hoá

Tiêu chí 1.1. Lãnh đạo CSGD đảm bảo tầm nhìn và sứ mạng của CSGD đáp ứng được nhu cầu và sự hài lòng của các bên liên quan

Trường Đại học Kinh Bắc được thành lập theo Quyết định số 350/QĐ-TTg ngày 26/3/2012 của Thủ tướng Chính phủ. Tầm nhìn, sứ mạng của Nhà trường lần đầu tiên được xác định trong Đề án khả thi Trường [H01.01.01.01]. Sau khi thành lập, Nhà trường đã ban hành Quyết định số 492/QĐ-ĐHKB ngày 28/11/2013, đã tuyên bố Tầm nhìn, sứ mạng và giá trị cốt lõi của Trường Đại học Kinh Bắc và điều chỉnh vào năm 2018 trong chiến lược phát triển Nhà trường đến năm 2023 và tầm nhìn 2030 [H01.01.01.02], [H01.01.01.13]. Cụ thể:

Sứ mạng: Đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, trong đó có những người khuyết tật, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ, cung cấp dịch vụ chuyên môn đa lĩnh vực, đáp ứng sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của đất nước và hội nhập quốc tế.

Tầm nhìn: Đến năm 2030, trở thành Trường Đại học định hướng ứng dụng chất lượng cao, nòng cốt là Du lịch, Công nghệ thông tin và Kinh tế và khối ngành sức khỏe, được xếp hạng trong hệ thống giáo dục đại học cả nước.

Quá trình xây dựng SM, TN, giá trị cốt lõi được nhà trường thực hiện theo Quy trình xây dựng TN, SM, giá trị cốt lõi, triết lý giáo dục và thành lập Ban chỉ đạo xây dựng TN, SM, giá trị cốt lõi, triết lý giáo dục [H01.01.01.03], [H01.01.01.04]. Theo đó, Nhà trường đã thực hiện các bước: (1) Ban chỉ đạo xây dựng TN, SM, giá trị cốt lõi, triết lý giáo dục dự thảo TN, SM, giá trị cốt lõi và báo cáo Đảng uỷ, HĐQT và BGH để xin ý kiến; (2) Tổ chức lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan như: Đảng uỷ, HĐQT đã tổ chức họp để thảo luận, bàn bạc về nội dung SM, TN của Trường; Ban Giám hiệu đã tổ chức họp cán bộ chủ chốt bao gồm BGH, Trưởng phó các đơn vị, tổ chức đoàn thể để bàn bạc thảo luận về nội dung SM, TN của Trường [H01.01.01.05], [H01.01.01.06]; (3) Trên cơ sở các ý kiến góp ý các bên liên quan, Ban chỉ đạo xây dựng hoàn thiện Dự thảo

[H01.01.01.07]; đồng thời xây dựng kế hoạch và tổ chức khảo sát ý kiến phản hồi của các bên liên quan bao gồm lấy ý kiến của cán bộ, giảng viên, NV (Phòng TCHC chủ trì), người học, cựu NH (Các khoa chủ trì) và NTD (đặc biệt là các công ty thuộc Tập đoàn sáng lập Chân - Thiện - Mỹ) do Phòng ĐT chủ trì thực hiện [H1.01.01.08]. Kết quả khảo sát lấy ý kiến, các ý kiến đều cho rằng SM, TN của Trường phù hợp với chủ trương của Đảng, Nhà nước về phát triển giáo dục đại học và phù hợp với chiến lược phát triển KTXH của đất nước và của địa phương (100% ý kiến trả lời khảo sát đánh giá đồng ý và rất đồng ý với các nội dung về SM, TN, giá trị văn hóa/giá trị cốt lõi) [H1.01.01.09]. Trên cơ sở chọn lọc, tiếp thu các ý kiến đóng góp của các bên liên quan, Ban chỉ đạo xây dựng đã hoàn thiện các nội dung về SM, TN nhìn của Trường và báo cáo Đảng ủy, Chủ tịch HĐQT xem xét, ký ban hành chính thức [H01.01.01.02], [H01.01.01.13]. (4) Nhà trường đã chú trọng công tác tuyên truyền, phổ biến nội dung tầm nhìn, sứ mạng đến các bên liên quan trong và ngoài Trường thông qua việc công khai trên cổng thông tin điện tử của Trường, pano đặt trong khuôn viên, brochure, tờ rơi quảng cáo trong các dịp tư vấn tuyển sinh, hội nghị hội thảo, tuần sinh hoạt công dân đầu khóa, giữa khóa [H01.01.01.10]. Tầm nhìn, sứ mạng của Trường được xây dựng theo đúng định hướng, chỉ đạo của Đảng, Nhà nước, các văn bản định hướng phát triển cũng như chiến lược phát triển kinh tế-xã hội của tỉnh Bắc Ninh; đảm bảo theo đúng đường lối, sát với tình hình thực tiễn Nhà trường, mở ra cơ hội học tập cho mọi người với nhiều hình thức đào tạo, đa ngành theo định hướng ứng dụng, đáp ứng nhu cầu phát triển của tỉnh Bắc Ninh và khu vực.

Sứ mạng, tầm nhìn được xây dựng dựa trên Quy định chức năng, nhiệm vụ quyền hạn của Trường [H1.01.01.11]. Trong quá trình xây dựng Tầm nhìn, sứ mạng, Nhà trường đã tham khảo các văn bản quy phạm pháp luật và các văn bản liên quan đến giáo dục đào tạo đại học như Luật giáo dục Đại học năm 2012; tham khảo các văn bản của Chính phủ, của Bộ GD&ĐT, chiến lược phát triển kinh tế xã hội của địa phương, của cả nước như: Nghị quyết về “Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc

tế”, Quyết định phê duyệt “Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Bắc Ninh đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2025”, Quyết định số 711/QĐ-TTg ngày 13/6/2012 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt “Chiến lược phát triển giáo dục 2011-2020”,... [H01.01.01.12]. Năm 2018, Nhà trường đã rà soát, điều chỉnh “Chiến lược phát triển Trường ĐHKB giai đoạn 2013-2020, tầm nhìn 2025”, trong đó, SM của Nhà trường được điều chỉnh cho phù hợp với giai đoạn phát triển mới là: “Đào tạo nguồn nhân lực chất lượng, trình độ cao, trong đó có những người khuyết tật, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ, cung cấp dịch vụ chuyên môn đa lĩnh vực, đáp ứng sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của đất nước và hội nhập quốc tế”. Đồng thời, TN của Nhà trường được điều chỉnh và xác định: “Đến năm 2030, trở thành Trường Đại học ứng dụng, được xếp hạng cao trong hệ thống giáo dục đại học cả nước” [H01.01.01.13]. Tầm nhìn, sứ mạng của Trường được xây dựng theo đúng định hướng, chỉ đạo của Đảng, Nhà nước, các văn bản định hướng phát triển cũng như Chiến lược phát triển kinh tế-xã hội của tỉnh Bắc Ninh; đảm bảo theo đúng đường lối, sát với tình hình thực tiễn Nhà trường [H1.01.01.14], mở ra cơ hội học tập cho mọi người với nhiều hình thức đào tạo, đa ngành theo định hướng ứng dụng, đáp ứng nhu cầu phát triển của tỉnh Bắc Ninh và khu vực. Đây cũng là một trong ba đột phá chiến lược mà Tỉnh luôn chú trọng đề ra tại Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Tỉnh.

Nhằm hướng dẫn các đơn vị xây dựng và triển khai các hoạt động theo TN, SM đã được xác định, Ban Giám hiệu đã ban hành văn bản giải thích về TN, SM. Thông qua văn bản, các đơn vị, cá nhân hiểu hơn về TN, SM, GTCL, TLGD của Nhà trường [H01.01.01.15].

Trên cơ sở SM, TN đã công bố, Nhà trường đã có văn bản yêu cầu các đơn vị khi xây dựng chiến lược phát triển của đơn vị mình cần phải bám sát vào SM, TN của nhà trường và những mục tiêu trong chiến lược đã đề ra [H1.01.01.16]. Trong chiến lược phát triển và Kế hoạch CL phát triển trường giai đoạn 2013 – 2020, tầm nhìn đến năm 2025 và 2030 đều thể hiện SM, TN của Nhà trường [H1.01.01.17]. Đồng thời, Nhà trường ban hành các văn bản yêu cầu các đơn vị trong quá trình thực hiện xây dựng kế hoạch công tác hàng năm, nhất là công tác

phát triển CTĐT cần bám sát SM, TN của Trường [H1.01.01.18]. Trong các kế hoạch công tác hàng năm của Đảng ủy, của HĐQT đều bám sát TN, SM đã được công bố [H1.01.01.19] [H1.01.01.20]. Ngoài ra, tại các cuộc họp giao ban, BGH luôn chỉ đạo các đơn vị triển khai thực hiện các hoạt động đã được xác định trong kế hoạch năm học nhằm đạt được TN, SM của Trường [H01.01.01.21], [H01.01.01.22], [H01.01.01.23], [H01.01.01.24], [H01.01.01.25], [H01.01.01.21]. Tầm nhìn, sứ mạng được cụ thể hóa trong chiến lược phát triển, kế hoạch trung hạn và ngắn hạn của Nhà trường cũng như các đơn vị trực thuộc.

Tự đánh giá: 4/7

Tiêu chí 1.2. Lãnh đạo cơ sở giáo dục thúc đẩy các giá trị văn hóa phù hợp với tầm nhìn, sứ mạng của cơ sở giáo dục

Trường Đại học Kinh Bắc xác định giá trị cốt lõi ngay từ khi thành lập Trường và được xem là kim chỉ nam cho mọi hoạt động của Nhà trường. Giá trị văn hóa của Nhà trường là: “Đổi mới - Chất lượng - Phát triển bền vững, hướng tới Chân - Thiện - Mỹ” [H01.02.01.01]. Theo đó, giá trị cốt lõi đã xác định:

- *Đổi mới*: Trường luôn khuyến khích sự đổi mới, sáng tạo và tôn trọng sự khác biệt trong giảng dạy và nghiên cứu, trong xây dựng và phát triển nhà trường coi đổi mới, sáng tạo là cái gốc của sự phát triển bền vững.

- *Chất lượng*: Trường luôn đặt chất lượng đào tạo lên hàng đầu trong mọi hoạt động phát triển của Nhà trường; Định hướng đào tạo theo hướng nghề nghiệp ứng dụng, nâng cao kỹ năng nghề nghiệp cho SV, đáp ứng nhu cầu xã hội.

- *Phát triển bền vững*: Trường luôn tôn trọng và kế thừa truyền thống phát triển của Nhà trường; luôn ưu tiên phát triển và nâng cao chất lượng các ngành nghề truyền thống. Trường luôn mở rộng hợp tác với tất cả các đối tác trong nước và quốc tế trong đào tạo, nghiên cứu và chuyển giao khoa học công nghệ, quan hệ hợp tác trên cơ sở bình đẳng, cùng có lợi, lâu dài và bền vững.

- Hướng tới Chân - Thiện - Mỹ là đào tạo SV trở thành những công dân tri thức có đạo đức, hướng tới vẻ đẹp toàn diện Chân - Thiện - Mỹ. Giá trị cốt lõi đi liền với Tầm nhìn, sứ mạng của Nhà trường, được xây dựng trên sự đóng góp ý

kiến của các bên liên quan trước khi ban hành [H01.02.01.02]. Nhà trường thuộc Tập đoàn kinh tế Chân - Thiện - Mỹ do Anh hùng Lao động thời kì đổi mới Đoàn Xuân Tiếp sáng lập, do vậy GTCL của Nhà trường được xác định dựa trên giá trị truyền thống của Tập đoàn, đồng thời phù hợp với TN, SM của Trường. Các GTCL của Nhà trường được xác định cụ thể, trong đó “Chân” là chân lý, là những gì đúng đắn, chân thật, “Thiện” là lương thiện, làm điều tốt, không làm điều xấu, “Mỹ” là cái đẹp, cái thẩm mỹ [H01.02.01.03]. Các GTCL của Nhà trường được HĐQT thống nhất thông qua, trong đó rất chú trọng đến sự tiếp nối, phát triển các giá trị truyền thống của Tập đoàn kinh tế Chân - Thiện - Mỹ.

Trường ĐHKB đã từng bước khẳng định mình là cơ sở đào tạo uy tín, chất lượng trong hệ thống giáo dục quốc dân Việt Nam. Nhà trường luôn coi trọng chất lượng đào tạo là giá trị hàng đầu tạo nên thương hiệu và uy tín. Vì vậy, nâng cao chất lượng đào tạo luôn là nhiệm vụ quan trọng đặt ra trong mỗi năm học. GTCL của Nhà trường được xây dựng dựa trên sự tiếp thu, kế thừa từ các giá trị truyền thống của Trường qua các giai đoạn xây dựng và phát triển. Năm 2012, Trường Đại học Kinh Bắc thành lập, được Bộ Giáo dục và Đào tạo giao cho đào tạo 5 ngành bậc đại học hệ chính quy: Kế toán, Quản trị kinh doanh, Tài chính ngân hàng, Công nghệ thông tin, Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành. Năm 2013, Bộ Giáo dục và Đào tạo tiếp tục cho phép Nhà trường đào tạo trình độ đại học hệ chính quy 3 ngành Thiết kế đồ họa, thiết kế thời trang và thiết kế nội thất. Tới ngày 23/01/2015, Nhà trường tiếp tục được Bộ cho phép đào tạo trình độ đại học hệ chính quy ngành Kiến trúc, Quản lý xây dựng và Công nghệ kỹ thuật điện tử, truyền thông. Năm 2016, Bộ cho phép Nhà trường đào tạo ngành Luật kinh tế và Quản lý Nhà nước. Năm 2018, Nhà trường mở thêm được 1 mã ngành mới là ngành Ngôn ngữ Anh. Đặc biệt, năm 2017, Nhà trường được Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Quản lý kinh tế. Năm 2021, Trường Đại học Kinh Bắc được phép đào tạo ngành thứ 2 trình độ thạc sĩ: ngành Luật kinh tế. Cũng trong năm 2021, Trường Đại học Kinh Bắc vinh dự được Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép đào tạo 2 ngành thuộc khối ngành Sức khỏe: Dược học và Y học cổ truyền. Tới tháng 9/2021, Nhà trường tiếp tục được cho phép đào tạo

ngành Luật trình độ đại học. Như vậy, từ năm 2012 tới nay, Trường được phép đào tạo 17 ngành bậc đại học và 2 ngành bậc thạc sĩ. GTCL được quán triệt và truyền tải trong quá trình xây dựng ĐCHP và trong bài giảng của GV (PPD&H), trong các công tác CVHT, GVCN, trong các hoạt động ngoại khoá của Trường đều quán triệt giá trị văn hoá của Trường. Trong những năm qua, do làm tốt công tác quản lý đào tạo; thường xuyên thực hiện đổi mới phương pháp dạy học, ứng dụng CNTT vào giảng dạy; đổi mới công tác thi, kiểm tra, đánh giá nên chất lượng đào tạo từng bước được nâng lên [H01.02.01.04], [H01.02.01.05], [H01.02.01.06].

Trên nền tảng giá trị cốt lõi được hun đúc nhiều năm đó, Trường ĐHKB đã phát triển và lan tỏa giá trị nhân văn ngày một sâu rộng hơn tới cộng đồng. Trường đã gắn kết chặt chẽ với các cơ quan chuyên môn, đơn vị và doanh nghiệp đóng trên địa bàn và các địa phương giải quyết những vấn đề thực tiễn, khoa học, kỹ thuật và những dự án thực tế trong các lĩnh vực Trường có thế mạnh. Đồng thời, sinh viên Nhà trường đã chủ động xây dựng các kế hoạch ngoại khóa, các chương trình thiện nguyện, vì cộng đồng như: Phong trào thanh niên tình nguyện, tiếp sức mùa thi, hiến máu nhân đạo, hỗ trợ người có hoàn cảnh khó khăn; thành lập các đội SV tình nguyện phục vụ và rất nhiều hoạt động khác [H01.02.01.07], [H01.02.01.08], [H01.02.01.09], ...

Để tiếp tục phát huy những GTCL cũng như góp phần thúc đẩy các đơn vị, cá nhân thực hiện tầm nhìn, sứ mạng của Nhà trường. Nhà trường đã xây dựng kế hoạch truyền thông về GTCL và kế hoạch hành động giữ gìn và phát triển GTCL của Trường [H1.01.02.10].

Giá trị cốt lõi được công bố rộng rãi trên website [H01.02.01.11], quy định trong văn hóa ứng xử của SV và in thành bảng hiệu niêm yết trên các bảng tin và một số nơi công cộng trong khuôn viên của Nhà trường [H01.02.01.12] để phổ biến và nhắc nhở mọi thành viên của Nhà trường giữ gìn và phát huy giá trị văn hóa của Nhà trường. Giá trị văn hoá, giá trị cốt lõi được phổ biến bằng nhiều hình thức khác nhau để truyền thông đến các bên liên quan; Phòng CTSV lập kế hoạch phổ biến tuyên truyền Giá trị cốt lõi tới SV thông qua các chương trình Tuần sinh

hoạt công dân; Phòng TCHC lập kế hoạch phổ biến tới toàn thể CBNV, GV toàn Trường [H01.02.01.13], [H01.02.01.14].

Bên cạnh đó, Nhà trường đã xây dựng các kế hoạch cụ thể nhằm tuyên truyền rộng rãi đến CB-GV-NV và SV toàn trường về giá trị cốt lõi của Nhà trường [H01.02.01.15]. Các đơn vị phòng, ban, khoa, trung tâm và các tổ chức đoàn thể của Nhà trường trong từng năm học xây dựng và triển khai nhiều hoạt động truyền thông về GTCL của Trường và tổ chức các hoạt động cụ thể để giữ gìn và phát huy GTCL của Trường như: Cuộc thi sinh viên thanh lịch, rung chuông vàng, hùng biện, những nẻo đường du lịch, dạ hội hóa trang và thách thức bước nhảy, UKB star,... [H01.02.01.16].

Trong từng kế hoạch năm học, đã phân công rõ nhiệm vụ cho từng đơn vị trong Trường để triển khai thực hiện KHCL của Trường, KHCL của từng lĩnh vực ĐT, NCKH, PVCD, phát triển nguồn nhân lực, CSVC-tài chính,...; kế hoạch hoạt động hàng năm các nhiệm vụ giữ gìn, phát huy giá trị cốt lõi và nâng cao nhận thức giáo dục chính trị - tư tưởng cho CB, GV, người lao động và NH; nâng cao chất lượng ĐT, NCKH, đẩy mạnh thực hiện công tác ĐBCL; phát triển đội ngũ; tăng cường CSVC, quản lý tài chính; quản lý chất lượng hoạt động; tăng cường công tác quản lý người học [H01.02.01.17], [H01.02.01.18], [H01.02.01.19], [H01.02.01.20].

Ngoài ra, Hàng năm, Nhà trường đã tổ chức các hoạt động như: Lễ kỷ niệm ngày Thành lập Trường [H01.02.01.21]; Lễ kỷ niệm ngày Nhà giáo Việt Nam 20/11; các hoạt động chào mừng ngày thành lập Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh 26/3, ngày phụ nữ Việt Nam 20/10; các cuộc thi, hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao cho viên chức, người lao động và người học;... nhằm giáo dục truyền thống và phát huy giá trị văn hóa của Nhà trường, tạo sự kết nối giữa viên chức, người lao động, người học với Nhà trường nhờ đó xây dựng, vun đắp tinh thần đoàn kết một lòng, hướng tới thực hiện các sứ mạng, tầm nhìn và mục tiêu đề ra.

Tự đánh giá: 4/7

Tiêu chí 1.3. Tầm nhìn, sứ mạng và văn hóa của cơ sở giáo dục được

phổ biến, quán triệt và giải thích rõ ràng để thực hiện

Sứ mạng, tầm nhìn, giá trị cốt lõi luôn đóng một vai trò quan trọng, là kim chỉ nam trong việc triển khai thực hiện các hoạt động của Nhà trường. Do đó, Nhà trường luôn chú trọng công tác tuyên truyền, phổ biến, thường xuyên nhắc nhở để sứ mạng, tầm nhìn, giá trị cốt lõi được thấm nhuần trong mỗi viên chức, người lao động, người học.

Tầm nhìn, sứ mạng và văn hóa của Trường Đại học Kinh Bắc được công bố, phổ biến đến toàn thể cán bộ GV, NV và NH của Nhà trường và các bên liên quan bên ngoài trên website và các phương tiện truyền thông của trường. Nhà trường xây dựng kế hoạch thực hiện công tác truyền thông, phổ biến về tầm nhìn, sứ mạng và văn hóa đến các bên liên quan. Đưa các nội dung TN, SM, văn hoá vào Trang thông tin điện tử, cổng thông tin SV, và trên các ấn phẩm của Trường; tờ rơi tuyển sinh, clip giới thiệu Trường đăng tại bảng tin khu vực các phòng làm việc, phòng học, thư viện Trường,... Ngoài ra, Tầm nhìn, sứ mạng và văn hóa của Nhà trường được công bố rộng rãi, hiển ngôn tại các buổi lễ, các sự kiện do Nhà trường tổ chức và được phổ biến công khai như kế hoạch phổ biến tầm nhìn, sứ mạng và văn hóa của Nhà trường [H01.01.03.01], [H01.01.03.02], [H01.01.03.03], [H01.01.03.04].

Tầm nhìn, sứ mạng và giá trị văn hóa của Nhà trường cũng được quán triệt và giải thích rõ ràng [H01.01.03.05] để mọi người thực hiện, thông qua các nội dung sinh hoạt nội quy nhà trường, nội dung các buổi họp mặt đầu năm, các ngày lễ...[H01.01.03.03] và tại các bảng tin của Nhà trường [H01.01.03.06]. Để đánh giá kết quả việc quán triệt tầm nhìn, sứ mạng và văn hóa của Nhà trường, Nhà trường tiến hành khảo sát đối với CB-GV-NV và SV đã nắm bắt được tầm nhìn, sứ mạng, giá trị văn hóa của Nhà trường [H01.01.03.07]... Bên cạnh đó, công tác tuyên truyền, phổ biến vẫn được tiếp tục triển khai rộng rãi đến các bên liên quan trên các phương tiện thông tin đại chúng như: Phát thanh, truyền hình, báo mạng,... [H01.01.03.08].

Trên cơ sở được phổ biến, quán triệt về Tầm nhìn, sứ mạng và giá trị văn hóa của Nhà trường, Phòng Tổ chức hành chính đã tổ chức họp bàn với các đơn

vị trong Trường để xây dựng kế hoạch hành động cụ thể, nhiệm vụ ưu tiên nhằm đạt được Tầm nhìn, sứ mạng và văn hóa của Nhà trường [H01.01.03.09]. Việc gìn giữ, phát huy các giá trị văn hóa, thương hiệu của Nhà trường luôn được quan tâm và xây dựng thành một chương trình công tác trong kế hoạch hoạt động hàng năm của Nhà trường, trong Nghị quyết của Đảng Ủy, trong buổi họp giữa BGH Nhà trường với Bí thư, lớp trưởng các lớp; [H1.01.03.10]; [H1.01.03.11].

Tự đánh giá: 4/7

Tiêu chí 1.4. Tầm nhìn, sứ mạng và văn hóa của CSGD được rà soát để đáp ứng nhu cầu và sự hài lòng của các bên liên quan

Nhà trường thành lập Ban chỉ đạo rà soát tầm nhìn, sứ mạng, giá trị cốt lõi, triết lý giáo dục theo Quyết định số 79/QĐ-ĐHKB ngày 02 tháng 02 năm 2018 [H01.01.04.01]. Ban Giám hiệu Nhà trường phân công Ban chỉ đạo rà soát tầm nhìn, sứ mạng, giá trị cốt lõi, triết lý giáo dục Trường Đại học Kinh Bắc là đơn vị chịu trách nhiệm rà soát TN, SM và GTCL của Trường [H01.01.04.02]. Năm 2018, Ban chỉ đạo rà soát tầm nhìn, sứ mạng, giá trị cốt lõi, triết lý giáo dục tham mưu BGH Nhà trường ban hành công văn yêu cầu các đơn vị đóng góp ý kiến về TN, SM và GTCL của Trường [H01.01.04.03]. Trên cơ sở ý kiến của các đơn vị do Phòng KT&ĐBCLGD tổng hợp, Ban chỉ đạo rà soát tầm nhìn, sứ mạng, giá trị cốt lõi, triết lý giáo dục tổ chức họp rà soát về TN, SM và GTCL của Trường [H01.01.04.04]. Theo đó, thành phần tham dự cuộc họp rà soát về TN, SM và GTCL của Trường, bên cạnh HĐQT, BGH, lãnh đạo các phòng, ban, khoa, trung tâm, Nhà trường mời đại diện các doanh nghiệp hoạt động trong nhiều lĩnh vực, cựu SV. Thông qua cuộc họp, đại diện các đơn vị khách mời phát biểu ý kiến về việc thay đổi, điều chỉnh TN, SM, GTCL của Trường cho phù hợp với giai đoạn mới. Căn cứ bản tổng hợp các ý kiến góp ý của các bên liên quan bên trong và bên ngoài Trường của Phòng KT&ĐBCLGD [H01.01.04.05], Ban chỉ đạo rà soát tầm nhìn, sứ mạng, giá trị cốt lõi, triết lý giáo dục trình Hiệu trưởng ký ban hành văn bản về TN, SM, GTCL của Trường đã được điều chỉnh.

TN, SM và GTCL của Nhà trường sau khi được rà soát và điều chỉnh đã được thông báo rộng rãi, tuyên bố công khai, đồng thời phổ biến đến các bên liên

quan theo nhiều hình thức khác nhau [H01.01.04.06], [H01.01.04.107], [H01.01.04.08], [H01.01.04.09].

Nhà trường tiến hành rà soát tầm nhìn, sứ mạng, các giá trị văn hóa theo từng giai đoạn phát triển để có kế hoạch điều chỉnh, cải tiến sao cho phù hợp. Trong KHCL phát triển, Nhà trường đưa nhiệm vụ rà soát và cập nhật Tầm nhìn, sứ mạng, giá trị văn hóa là một trong những nhiệm vụ quan trọng hàng đầu, đảm bảo phù hợp với nguồn lực đang có, đáp ứng kỳ vọng của các bên liên quan [H1.01.04.10].

Sau khi điều chỉnh TN, SM, Nhà trường tổ chức khảo sát lấy ý kiến các bên liên quan về nội dung điều chỉnh sứ mạng, tầm nhìn, văn hóa của Trường, bao gồm: cán bộ, GV, NV và người lao động của nhà trường; SV và cựu SV; nhà tuyển dụng. Cách thức thực hiện khảo sát là Nhà trường tổ chức họp lấy ý kiến bản dự thảo về điều chỉnh sứ mạng, tầm nhìn, văn hóa để người được khảo sát trả lời và góp ý kiến. 100% các ý kiến trả lời đều đồng ý với nội dung của dự thảo về điều chỉnh sứ mạng, tầm nhìn, GTVH của Trường [H1.01.04.11].

Việc rà soát, cập nhật lại tầm nhìn, sứ mạng, tầm nhìn, giá trị cốt lõi của Nhà trường trong giai đoạn phát triển mới, phù hợp với các nguồn lực đang có, đáp ứng được kỳ vọng của các bên liên quan, phù hợp với Luật GDĐH hiện hành và Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội.

Tự đánh giá: 4/7

Tiêu chí 1.5. Tầm nhìn, sứ mạng và văn hóa của CSGD cũng như quá trình xây dựng và phát triển chúng được cải tiến để đáp ứng nhu cầu và sự hài lòng của các bên liên quan

Sau khi rà soát Tầm nhìn, Sứ mạng, giá trị văn hóa, Nhà trường đã tiến hành điều chỉnh Tầm nhìn, sứ mạng phù hợp với từng giai đoạn, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và các nguồn lực, phù hợp và gắn kết với chiến lược phát triển kinh tế xã hội của tỉnh Bắc Ninh và của cả nước, đồng thời đáp ứng nhu cầu và sự hài lòng của các bên liên quan. Cuối năm 2018, Hiệu trưởng Nhà trường đã ban hành Quyết định số 194/QĐ-ĐHKB ngày 05 tháng 03 năm 2018 điều chỉnh TN, SM và GTCL, TLGD, trong đó SM của Nhà trường được xác định: “Đào tạo

nguồn nhân lực chất lượng, trình độ cao, trong đó có những người khuyết tật, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ, cung cấp dịch vụ chuyên môn đa lĩnh vực, đáp ứng sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của đất nước và hội nhập quốc tế”. Đồng thời, TN của Nhà trường được xác định: “Đến năm 2030, trở thành Trường Đại học ứng dụng, được xếp hạng cao trong hệ thống giáo dục đại học cả nước” [H01.01.05.01].

Bảng 1.5.1: Bảng đối sánh TN, SM, GTCL của Trường Đại học Kinh Bắc qua 2 giai đoạn [H01.01.05.02]

TT	Giai đoạn 2013 - 2017	Giai đoạn 2018 - 2023	Ghi chú
Sứ mạng	Đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, trong đó có những người khuyết tật, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ, cung cấp dịch vụ chuyên môn đa lĩnh vực, đáp ứng sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của đất nước và hội nhập quốc tế.	Đào tạo nguồn nhân lực <i>chất lượng, trình độ cao</i> , trong đó có những người khuyết tật, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ, cung cấp dịch vụ chuyên môn đa lĩnh vực, đáp ứng sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của đất nước và hội nhập quốc tế.	Có thay đổi
Tầm nhìn	Đến năm 2025, trở thành Trường Đại học định hướng ứng dụng chất lượng cao, nòng cốt là Du lịch, Công nghệ thông tin và Kinh tế, được xếp hạng trong hệ thống giáo dục đại học cả nước.	Đến năm 2030, trở thành Trường Đại học ứng dụng, được xếp hạng cao trong hệ thống giáo dục đại học cả nước.	Có thay đổi
Giá trị cốt lõi	Đổi mới - Chất lượng	Đổi mới - Sáng tạo - Phát triển	Có thay đổi

TT	Giai đoạn 2013 - 2017	Giai đoạn 2018 - 2023	Ghi chú
lỗi	Phát triển bền vững, hướng tới Chân - Thiện - Mỹ.	triển bền vững, hướng tới Chân - Thiện - Mỹ.	

Việc điều chỉnh, cải tiến TN, SM và GTCL của Trường được thực hiện dựa trên kết quả lấy ý kiến các bên liên quan về TN, SM và GTCL [H01.01.05.03]. Trong cuộc họp về rà soát, điều chỉnh, cải tiến TN, SM và GTCL của Trường, BGH và trưởng các đơn vị chú trọng đến nhu cầu và sự hài lòng của các bên liên quan cũng như xu thế phát triển, chức năng, nhiệm vụ, các nguồn lực và định hướng phát triển của Nhà trường [H01.01.05.04],[H01.01.05.05],[H01.01.05.06]. Nhà trường áp dụng nhiều hình thức khác nhau để thông báo, phổ biến TN, SM và GTCL của Trường đã được điều chỉnh đến các bên liên quan bên trong và bên ngoài Trường [H01.01.05.07]. Đối với CB, GV, NV Nhà trường thông báo, phổ biến TN, SM và GTCL đã được điều chỉnh thông qua các cuộc họp, các hoạt động tập trung của Trường tổ chức [H01.01.05.08]. Đối với SV, Nhà trường thông báo, phổ biến tại tuần sinh hoạt công dân đầu năm học, các buổi sinh hoạt lớp,... [H01.01.05.09], [H01.01.05.10]. Bên cạnh đó, Nhà trường gửi công văn đến các sở, ban, ngành của địa phương, các doanh nghiệp sử dụng lao động về TN, SM và GTCL của Trường đã được điều chỉnh [H01.01.05.11]. Ngoài ra, TN, SM và GTCL của Trường đã được điều chỉnh được đăng tải trên website, niêm yết tại các bảng thông báo và trên panô được đặt tại các nơi công cộng trong khuôn viên Trường, thể hiện trên tờ rơi tuyển sinh và các ấn phẩm, các tài liệu quảng cáo về Trường...

Bên cạnh việc rà soát, điều chỉnh, cải tiến về tầm nhìn, sứ mạng, giá trị văn hóa của Trường, Ban chỉ đạo rà soát tầm nhìn, sứ mạng, giá trị cốt lõi, triết lý giáo dục tổ chức họp với các đơn vị để rà soát về quy trình xây dựng, rà soát và phát triển tầm nhìn, sứ mạng, giá trị văn hóa [H01.01.05.12] . Căn cứ kết quả góp ý của các đơn vị tại cuộc họp rà soát, Ban chỉ đạo rà soát tầm nhìn, sứ mạng, giá

trị cốt lõi, triết lý giáo dục đề xuất nội dung điều chỉnh, cải tiến quy trình xây dựng, rà soát và phát triển tầm nhìn, sứ mạng, văn hóa, trình Hiệu trưởng Nhà trường ký ban hành [H01.01.05.13], [H01.01.05.14]. Năm 2018, quy trình xây dựng, rà soát và phát triển tầm nhìn, sứ mạng, giá trị văn hóa được điều chỉnh với nội dung cụ thể như: Tiến hành khảo sát lấy ý kiến của CB, GV, NV về quy trình xây dựng, rà soát và phát triển tầm nhìn, sứ mạng, văn hóa của Nhà trường, lấy ý kiến cựu sinh viên tham gia rà soát tầm nhìn, sứ mạng và giá trị văn hóa của Nhà trường [H01.01.05.15], [H01.01.05.16], [H01.01.05.17].

Bảng 1.5.2: Bảng đối sánh quy trình xây dựng, rà soát và phát triển tầm nhìn, sứ mạng, văn hóa của Trường Đại học Kinh Bắc qua hai giai đoạn

	Giai đoạn 2013 - 2017	Giai đoạn 2018 - 2023	Ghi chú
Quy trình	Không tiến hành lấy ý kiến cựu sinh viên	Tiến hành lấy ý kiến cựu sinh viên	Có thay đổi

Tự đánh giá: 4/7

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 1

1. Tóm tắt các điểm mạnh

- Tầm nhìn, sứ mạng và giá trị văn hóa của Nhà trường được xây dựng theo quy trình với sự tham gia của các bên liên quan, được tuyên bố và phổ biến với đa dạng hình thức, cả trên các phương tiện truyền thông để tất cả các BLQ được biết, hiểu và thực hiện.

- GTVH của trường được xác định dựa trên sự tiếp thu, kế thừa từ các giá trị truyền thống của Tập đoàn trong những năm xây dựng và phát triển.

- Tầm nhìn, sứ mạng và giá trị văn hóa của Nhà trường và quy trình xây dựng được rà soát, cải tiến phù hợp với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, của cả nước, đáp ứng sự hài lòng của các bên liên quan.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại

Nhà trường mới chỉ mời cựu SV tham gia cuộc họp rà soát về TN, SM, GTCL của Trường và chưa triển khai rộng rãi khảo sát ý kiến của cựu SV về TN, SM và GTCL.

Trong quá trình xây dựng sứ mạng, tầm nhìn, GTVH việc tham gia của các doanh nghiệp, các tổ chức xã hội nghề nghiệp còn hạn chế.

3. Kế hoạch cải tiến

- Nhà trường cần chú trọng việc đưa giá trị văn hóa của Nhà trường vào các chương trình công tác hàng năm.

- Định kỳ 05 năm/lần, Nhà trường tiến hành khảo sát ý kiến của cựu SV về tầm nhìn, sứ mạng và văn hóa của Trường. Đồng thời, định kỳ 05 năm/lần, Ban chỉ đạo rà soát tầm nhìn, sứ mạng, giá trị cốt lõi, triết lý giáo dục phối hợp với các Khoa lấy ý kiến của CB, GV về quy trình xây dựng, rà soát và phát triển tầm nhìn, sứ mạng và văn hóa để từ đó có cơ sở cải tiến quy trình xây dựng, rà soát và phát triển tầm nhìn, sứ mạng và văn hóa của Trường.

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ Cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại 1	- Tổ chức rà soát TN, SM và GTVH của Nhà trường trên cơ sở lấy ý kiến đầy đủ các bên liên quan, nhất là các chuyên gia xây dựng chiến lược và chuyên gia giáo dục đại học.	- Ban chỉ đạo xây dựng TN, SM chủ trì lập KH và tổ chức rà soát – ĐU, HĐT và BGH chỉ đạo; Lãnh đạo các đơn vị/Khoa trong toàn Trường	Quý 1 năm 2023	
2	Khắc phục tồn tại 2, 3	Lập KH tổng thể lấy ý kiến các bên liên quan trong quá trình rà soát TN, SM và GTVH. Trong đó, đa dạng hóa hình thức và cần lấy ý	- Ban chỉ đạo xây dựng TN, SM chủ trì lập KH và tổ chức lấy YK các BLQ. Các đơn vị	Thực hiện trong quá trình rà soát TN, SM, GTVH	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ Cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
		kiến rộng rãi các BLQ nhất là cựu SV và NTD, và các tổ chức XH nghề nghiệp; tổ chức các hội nghị, hội thảo...lấy ý kiến	P.ĐT, P.CTSV, Phòng KT&ĐBCL và các Khoa phối hợp.		
3	Phát huy điểm mạnh 1	Xây dựng KH tiếp tục rà soát, cải tiến các hình thức công bố và phổ biến chính thức về sứ mạng, tầm nhìn, GTVH đảm bảo đáp ứng/hài lòng các bên liên quan	- Lãnh đạo - Ban chỉ đạo xây dựng TN, SM chủ trì	Thực hiện trong quá trình triển khai xây dựng sứ mạng, tầm nhìn GTVH/GTCL và trong suốt quá trình hoạt động	
4	Phát huy điểm mạnh 2	Ban hành chỉ đạo và KH để tiếp tục truyền tải GTVH thành các kế hoạch hành động cụ thể của các đơn vị; tuyên truyền, giáo dục truyền thống xây dựng và phát triển nhà trường để cho các thế hệ thầy và trò luôn tự hào và phát triển hơn nữa những GTVH của nhà trường	- Lãnh đạo HĐT, BGH - Lãnh đạo các đơn vị - Các tổ chức đoàn thể - Hội SV, cựu SV - Cá nhân CB, GV, NV và NH	Thực hiện thường xuyên Từ 2023	
6	Phát huy điểm mạnh 3	Trước mỗi lần rà soát tổ chức rà soát quy trình xây dựng, rà soát và phát triển tầm nhìn, sứ mạng và văn hóa để từ đó có cơ sở cải tiến quy	- Ban chỉ đạo rà soát tầm nhìn, sứ mạng, giá trị cốt lõi, triết lý giáo dục Lãnh đạo	- Thực hiện định kỳ 5 năm/ 1 lần hoặc khi có sự thay đổi những căn cứ XD SM, TN	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ Cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
		trình đề sử dụng rà soát cải tiến TN, SM, GTVH phù hợp với CLPT kinh tế - xã hội của địa phương, của cả nước, đáp ứng sự hài lòng của các BLQ	- Ban xây dựng chiến lược	và GTVH Từ 2023	

4. Mức đánh giá:

Tiêu chuẩn/tiêu chí	Tự đánh giá
<i>Tiêu chuẩn 1</i>	4.0
Tiêu chí 1.1	4.0
Tiêu chí 1.2	4.0
Tiêu chí 1.3	4.0
Tiêu chí 1.4	4.0
Tiêu chí 1.5	4.0

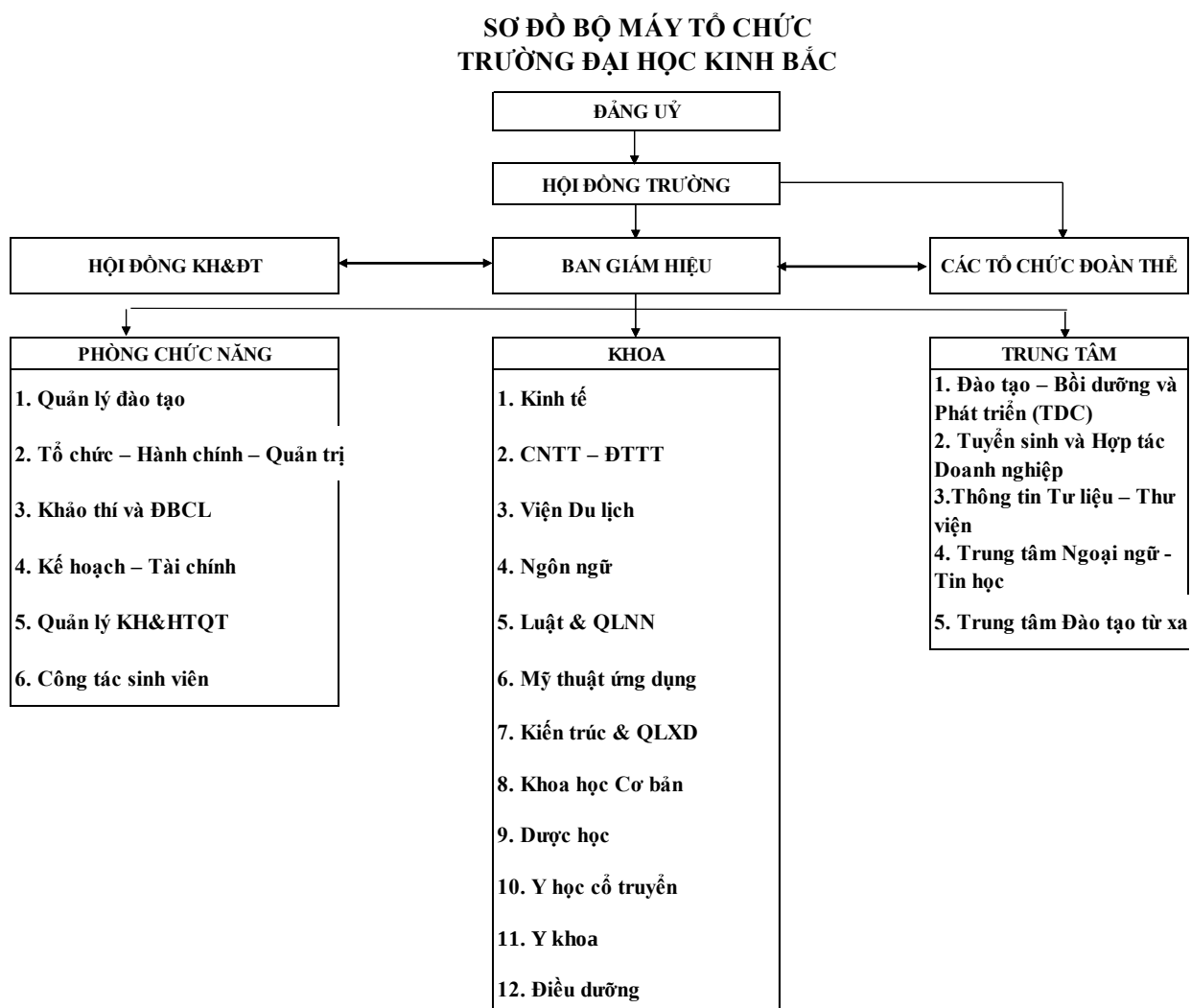
Tiêu chuẩn 2. Quản trị

Tiêu chí 2.1. Hệ thống quản trị (bao gồm Hội đồng quản trị hoặc hội đồng trường; các tổ chức đảng, đoàn thể; các hội đồng tư vấn khác) được thành lập theo quy định của pháp luật nhằm thiết lập định hướng chiến lược phù hợp với bối cảnh cụ thể của CSGD; đảm bảo trách nhiệm giải trình, tính bền vững, sự minh bạch và giảm thiểu các rủi ro tiềm tàng trong quá trình quản trị của CSGD

Hệ thống quản trị của Trường ĐHKB được thiết lập theo đúng quy định của pháp luật bao gồm: Đảng ủy, Hội đồng trường, Công đoàn, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Sinh viên và các hội đồng tư vấn như Hội đồng Khoa học và Đào tạo, Hội đồng tuyển dụng, Hội đồng lương, Hội đồng Thi đua - Khen thưởng... Các thành phần trong hệ thống quản trị được quy định rõ chức năng, nhiệm vụ trong Quy chế tổ chức và hoạt động của từng tổ chức và Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường ĐHKB [H02.02.01.01], [H02.02.01.02],

[H02.02.01.03] [H02.02.01.04], [H02.02.01.05], [H02.02.01.06] [H02.02.01.07]
[H02.02.01.08] [H02.02.01.09] [H02.02.01.10] [H02.02.01.11].

Sơ đồ về cơ cấu tổ chức của Trường dưới đây:



Sơ đồ 2.1. Cơ cấu tổ chức của Trường Đại học Kinh Bắc

HĐQT của Trường ĐHKB được thành lập năm 2012 theo Quyết định số 364/QĐ-UBND của UBND tỉnh Bắc Ninh. Sau lần kiện toàn vào năm 2019, đến 2020 HĐT của Trường ĐHKB gồm có 11 thành viên (QĐ số 68/QĐ-CTM của Công ty TNHH Chân Thiện Mỹ). HĐT có nhiệm vụ quyết định về chiến lược, kế hoạch phát triển, kế hoạch hằng năm của nhà trường; chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước cơ quan quản lý có thẩm quyền và các bên liên quan về các quyết định của HĐT và trước Tập đoàn Chân- Thiện – Mỹ; thực hiện công khai, minh bạch thông tin, chế độ báo cáo; chịu sự thanh tra, kiểm tra của cơ quan có thẩm quyền; thực hiện trách nhiệm giải trình trong phạm vi trách nhiệm, quyền hạn của HĐT;

chịu sự giám sát của xã hội, cá nhân và tổ chức trong trường; thực hiện trách nhiệm và quyền hạn khác theo quy định của pháp luật và của Trường [H02.02.01.05], [H02.02.01.07].

Đảng bộ Trường ĐHKB là tổ chức cơ sở Đảng trực thuộc Đảng bộ Thành phố Bắc Ninh. Đến năm 2017 Đảng uỷ Trường ĐHKB được thành lập trên cơ sở Chi bộ cơ sở trực thuộc Đảng bộ thành phố Bắc Ninh. Đảng bộ lãnh đạo trường, định hướng phát triển nhà trường phù hợp với định hướng phát triển của đất nước, của Đảng [H02.02.01.08].

Công đoàn cơ sở Trường ĐHKB được thành lập năm 2013, trực thuộc Liên đoàn lao động Thành phố Bắc Ninh. Từ ngày được thành lập và đi vào hoạt động Công đoàn Trường ĐHKB là tổ chức bảo vệ quyền lợi, chăm lo đời sống CB, GV, NV và người lao động, là lực lượng quan trọng tạo nên sức mạnh tổng hợp để chỉ đạo, thực hiện mục tiêu giáo dục, thực hiện nhiệm vụ cụ thể của Nhà trường. [H02.02.01.09].

Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh Trường ĐHKB trực thuộc Thành đoàn thành phố Bắc Ninh. ĐTN là tổ chức thực hiện chức năng giáo dục chính trị, định hướng tư tưởng cho đoàn viên thanh niên, khơi dậy tinh thần sáng tạo, xung kích, hăng hái đi đầu của thanh niên trong các lĩnh vực học tập và NCKH, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, chung sức vì cộng đồng với nhiều hoạt động tình nguyện ý nghĩa, thiết thực [H02.02.01.10].

Hội đồng KH&ĐT Trường ĐHKB được thành lập, kiện toàn vào các năm 2012 và 2017 với vai trò là hội đồng tư vấn cho Hiệu trưởng về phương hướng, kế hoạch, định hướng CTĐT, khoa học trong nhà trường theo từng giai đoạn nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển [H02.02.01.11].

Hội đồng ĐBCL Trường ĐHKB có nhiệm vụ tư vấn cho Hiệu trưởng xây dựng kế hoạch, tổ chức, triển khai thực hiện công tác ĐBCL của Trường [H02.02.01.12].

Hội đồng TĐKT có nhiệm vụ giúp Hiệu trưởng tổ chức, hướng dẫn, triển khai công tác thi đua, khen thưởng của Nhà trường theo quy định hiện hành của pháp luật và của tỉnh Bắc Ninh [H02.02.01.13].

Hội đồng TĐ- khen thưởng, Hội đồng tư vấn cho Hiệu trưởng việc quản lý và tổ chức thực hiện công tác thi đua, khen thưởng, đối với CB, GV, NV và NH theo quy định của Tập đoàn và của Trường ĐHKB [H02.02.01.14]. Các tổ chức nói trên được thành lập theo đúng quy định của Luật Giáo dục Đại học, Điều lệ Trường Đại học, quy định của pháp luật và quy định của Tập đoàn Chân – Thiện – Mỹ và theo Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường [H02.02.01.15].

Vai trò và trách nhiệm của hệ thống quản trị được thể hiện rõ trong Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường ĐHKB. Quy chế này đã phân định rõ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của từng đơn vị thể hiện trách nhiệm báo cáo, thông tin, minh bạch thể hiện trách nhiệm giải trình, tính bền vững, sự minh bạch và giảm thiểu các rủi ro tiềm tàng trong quá trình hoạt động thể hiện rõ tại Điều 4, điều 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13 Chương II của Quy chế tổ chức và hoạt động của trường Đại học Kinh Bắc [H02.02.01.16]. Tính minh bạch và giải trình còn thể hiện ở các quy chế và hoạt động khác như: (i) Đối với trách nhiệm giải trình của tổ chức quản trị: Thực hiện các quy định của pháp luật về GDDH theo hướng tăng cường công tác tự chủ cho các trường đại học, Trường ĐHKB luôn coi trọng việc thực hiện trách nhiệm giải trình và được thể hiện tại điều 14 chương III Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường ĐHKB, điều 6 Quy chế thực hiện dân chủ trong hoạt động của Trường ĐHKB [H02.02.01.17]. Trách nhiệm giải trình của HĐQT/HĐT được quy định tại Chương II mục 1 điều 8 của Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường ĐHKB và quy định tại điều 2 Quy chế tổ chức và hoạt động của HĐQT/HĐT. Hệ thống quản trị của Nhà trường thực hiện trách nhiệm giải trình thông qua các báo cáo tổng kết, báo cáo tại hội nghị CB, GV, NV và lao động [H02.02.01.18], [H02.02.01.19]; còn được thể hiện trong các cuộc thanh tra, kiểm tra, giám sát của các cơ quan cấp trên [H02.02.01.20]. Nhà trường thực hiện trách nhiệm giải trình với người học thông qua các buổi đối thoại giữa Nhà trường với người học [H02.02.01.21]. Ngoài ra, trách nhiệm giải trình của hệ thống quản trị thể hiện trong các cuộc họp của từng đơn vị, tổ chức trong hệ thống quản trị của Trường [H02.02.01.22].

Trách nhiệm giải trình của Nhà trường luôn gắn liền sự công khai, minh bạch. Với việc thực hiện “3 công khai” trên trang thông tin điện tử của Trường: các quy chế, quy định nội bộ, bao gồm cả Quy chế chi tiêu nội bộ, đảm bảo minh bạch trong công tác thu chi, thực hiện công khai đánh giá CB, GV, NV, đánh giá đảng viên; công khai về tỷ lệ việc làm của sinh viên sau khi ra trường [H02.02.01.23].

Tổ chức và quản lý của hệ thống quản trị đảm bảo thực hiện chức năng, nhiệm vụ hiện tại, phù hợp với chiến lược, kế hoạch phát triển cũng như sứ mạng, tầm nhìn của Trường, đảm bảo tính bền vững, giảm thiểu các rủi ro tiềm tàng trong quá trình hoạt động. Cụ thể: Đề án thành lập Trường và Chiến lược phát triển/KHCLPT Trường ĐHKB giai đoạn 2013-2020, tầm nhìn đến năm 2025, trong mỗi giai đoạn đều xác định chỉ tiêu phấn đấu chính trong các lĩnh vực hoạt động của Nhà trường trên cơ sở đánh giá nhu cầu ĐT, NCKH và PVCĐ và nhu cầu nguồn nhân lực: Quy mô ngành ĐT, quy mô NH, chỉ tiêu về đội ngũ CB, GV, NV và các chỉ tiêu về NCKH, CGCN, HTQT và CSVC và tài chính [H02.02.01.24].

Nhà trường có hệ thống văn bản để tổ chức, quản lý các hoạt động. Trong hoạt động ĐT, Nhà trường có các văn bản qui định về tổ chức đào tạo đại học, cao đẳng; đào tạo trình độ thạc sĩ; quy chế tuyển sinh [H02.02.01.25]. Trong hoạt động NCKH, Nhà trường đã ban hành quy định về QLKHCHN [H02.02.01.26]; quy định về hoạt động NCKH của người học. Trong tổ chức nhân sự, NT đã ban hành các quy định về Tổ chức và hoạt động; quy định về thành lập và chức năng, nhiệm vụ các đơn vị; nội quy lao động; Bộ quy tắc ứng xử văn hóa; quy định về phân cấp thẩm quyền ký văn bản; quy định về chế độ làm việc của GV; quy chế quản trị nguồn nhân lực; quy định giao mục tiêu và đánh giá hiệu quả công việc [H02.02.01.27]. Trong quản lý tài chính, Nhà trường đã ban hành nhiều văn bản quy định về quản lý tài chính - kế toán; quy chế chi tiêu nội bộ; quy định về chế độ thỉnh giảng; quy định về chế độ chính sách đối với người học...[H02.02.01.28]. Trong quản lý hoạt động PVCĐ, Nhà trường đã ban hành các văn bản qui định đánh giá kết quả rèn luyện của SV và hướng dẫn về trách nhiệm xã hội; hướng dẫn và khuyến khích CBGV và SV đóng góp vào các hoạt động ĐT, NCKH vì cộng đồng [H02.02.01.29].

Trong quá trình hoạt động, cơ cấu tổ chức của hệ thống quản trị Trường ĐHKB được tổ chức và hoàn thiện theo hướng đáp ứng tốt hơn việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ của từng tổ chức và của Nhà trường, phù hợp với điều kiện thực tiễn và đáp ứng nhu cầu xã hội. Đảng ủy, Hội đồng trường và các tổ chức đoàn thể có vị trí, vai trò riêng, hoạt động thống nhất trong hệ sinh thái chung của Nhà trường. Trong đó có phân định rõ chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của từng bộ phận đảm bảo trách nhiệm giải trình, tính bền vững, sự minh bạch và giảm thiểu các rủi ro tiềm tàng trong quá trình quản trị của Nhà trường.

Tự đánh giá: 5/7

Tiêu chí 2.2. Quyết định của các cơ quan quản trị được chuyển tải thành các kế hoạch hành động, chính sách, hướng dẫn để triển khai thực hiện

Hệ thống quản trị của Nhà trường luôn kịp thời đưa ra các quyết định và được chuyển tải thành các kế hoạch hoạt động và các văn bản hướng dẫn để triển khai thực hiện. Đảng ủy và HĐQT Trường giữ vai trò lãnh đạo toàn diện các hoạt động của Nhà trường, lãnh đạo thực hiện công tác chính trị tư tưởng, công tác chuyên môn, công tác tổ chức xây dựng Đảng, công tác kiểm tra, giám sát và lãnh đạo các tổ chức đoàn thể.

HĐT Nhà trường họp thường kỳ 06 tháng một lần và họp đột xuất khi có các công việc quan trọng cần giải quyết [H02.02.02.01]. Căn cứ nội dung cuộc họp, HĐQT ban hành các Nghị quyết làm cơ sở để Ban Giám hiệu xây dựng kế hoạch, chính sách, hướng dẫn các đơn vị triển khai thực hiện [H02.02.02.02]. Bên cạnh đó, Đảng ủy Nhà trường luôn quan tâm chỉ đạo, quán triệt Ban Giám hiệu và các tổ chức đoàn thể triển khai thực hiện các Nghị quyết của Đảng [H02.02.02.03], [H02.02.02.04], [H02.02.02.05]. Các văn bản của Nhà trường về chính sách, hướng dẫn, kế hoạch năm học cũng như kế hoạch hoạt động được xây dựng dựa trên các Nghị quyết của HĐQT và của Đảng ủy Trường [H02.02.02.06], [H02.02.02.07].

Ngoài ra, các tổ chức đoàn thể của Nhà trường luôn bám sát nội dung nghị quyết của HĐQT và của Đảng ủy để xây dựng kế hoạch hoạt động [H02.02.02.08], [H02.02.02.09]. Kế hoạch chiến lược Nhà trường giai đoạn

2013-2020 tầm nhìn 2025, Kế hoạch chiến lược trung hạn giai đoạn 2015-2017 và 2018-2020 là sự cụ thể hóa các nội dung chính trong Nghị quyết của HĐQT và của Đảng ủy Trường [H02.02.02.10], [H02.02.02.11], [H02.02.02.12]. Các nghị quyết, quyết định, kết luận của HĐQT/HĐT, BGH, Công đoàn, ĐTN, Hội SV và các HĐ tư vấn đã được chuyển tải thành các chương trình hành động và kế hoạch công tác cụ thể của các đơn vị, tổ chức để thực hiện. Theo đó, các đơn vị trực thuộc Trường căn cứ Nghị quyết của HĐQT, Đảng ủy và KHCL của Nhà trường để xây dựng KHCL và kế hoạch năm học của đơn vị như: P.ĐT xây dựng KHĐT, Phòng KHCT xây dựng KH tài chính, Phòng TCNS xây dựng KH nhân sự, Phòng KHCN và HTQT xây dựng kế hoạch KHCN, HTQT [H02.02.02.13], [H02.02.02.14], [H02.02.02.15], [H02.02.02.16], [H02.02.02.17].

- Các Nghị quyết, kết luận của tổ chức Công đoàn, ĐTN được cụ thể hóa thành các Chương trình, Kế hoạch công tác Công đoàn, ĐTN hằng năm và được phổ biến đến các đồng chí công đoàn viên để thực hiện. Các kế hoạch của ĐTN được triển khai đến các chi đoàn trong toàn trường để các đoàn viên thanh niên thực hiện. [H02.02.02.18], [H02.02.02.19].

- Các Nghị quyết của BGH được chuyển tải thành các báo cáo kết quả công tác hằng tuần, hằng tháng và nhiệm vụ trọng tâm công tác tuần, tháng tiếp theo. BGH tổ chức các buổi giao ban tuần và giao ban tháng đến triển khai đến các đơn vị. Phòng HCTC&QT là đầu mối nhận và gửi các kế hoạch, báo cáo đến các đơn vị trong trường và các đơn vị ngoài có liên quan; [H02.02.02.20]; Kế hoạch, chương trình công tác trọng tâm năm học [H02.02.02.21].

- Các kết luận của các Hội đồng tư vấn; Hội đồng KH&ĐT; Hội đồng thi đua, khen thưởng; Hội đồng lương, Hội đồng ĐBCL được chuyển tải thành các Quyết định định về mở ngành đào tạo; Quyết định thi đua, khen thưởng đối với CB, GV, NV và người lao động hằng năm; Quyết định khen thưởng, kỷ luật Thông qua các cuộc họp giao ban định kỳ, BGH Nhà trường phổ biến, quán triệt lãnh đạo các đơn vị nghiêm túc triển khai các nội dung công việc theo kế hoạch [H02.02.02.22].

Căn cứ các Kế hoạch hành động, chính sách, hướng dẫn của Đảng ủy, HĐT, BGH, các Hội đồng tư vấn, Công đoàn, ĐTN, các đơn vị và cá nhân trong trường nghiêm túc triển khai thực hiện, ĐBCL, hiệu quả. Cụ thể:

- Trên cơ sở Kế hoạch công tác năm học của Nhà trường, theo chức năng, nhiệm vụ được giao, các đơn vị trực thuộc đã xây dựng Kế hoạch triển khai thực hiện. Lãnh đạo đơn vị tổ chức phân công công việc cụ thể, rõ ràng, đảm bảo mặt bằng lao động cho CB, GV, NV và người lao động thuộc đơn vị [H02.02.02.23].

- Trên cơ sở báo cáo kết quả công tác hằng tháng và nhiệm vụ trọng tâm của tháng tiếp theo của Đảng ủy, Nhà trường; kết luận giao ban của BGH, các đơn vị tổ chức triển khai thực hiện các nhiệm vụ về ĐT, NCKH, KĐCL, tổ chức cán bộ, xây dựng CSVC, thu chi tài chính... đảm bảo đúng tiến độ và thời gian quy định [H02.02.02.16].

- Trên cơ sở các quy chế, quy định, hướng dẫn về chế độ, chính sách đối với CB, GV, NV và người lao động, người học, hoạt động ĐT, NCKH, ĐBCL, quản lý tài chính, tài sản, tổ chức cán bộ, thi đua khen thưởng... được các đơn vị đã tổ chức triển khai thực hiện nghiêm túc, đúng quy định hiện hành [H02.02.02.24].

Ban Giám hiệu nhà trường giao cho phòng Tổ chức Hành chính Quản trị thực hiện và ban hành quy định cụ thể về trách nhiệm, quy trình xây dựng kế hoạch, tổ chức thực thi kế hoạch, thiết lập cơ chế giám sát hiệu quả và xác định tiêu chuẩn mục tiêu, đánh giá hiệu quả làm việc của từng CB, GV, NV với KPIs. Các kế hoạch, chính sách, hướng dẫn của Đảng ủy, BGH được triển khai thực hiện kịp thời. Hàng tháng, các nghị quyết, kế hoạch của Đảng ủy được BGH họp triển khai đến tất cả các đơn vị, đoàn thể. Các phòng /khoa/trung tâm trực thuộc thực hiện cụ thể các nhiệm vụ theo chức năng, nhiệm vụ được giao và báo cáo kết quả thực hiện cho BGH [H02.02.02.25]. Trong các chương trình, kế hoạch công tác hàng năm, Đoàn Thanh niên, Hội SV tăng cường triển khai công tác giáo dục chính trị tư tưởng; học tập - NCKH; văn hóa - văn nghệ - thể thao; đồng hành cùng SV lập thân, lập nghiệp; xây dựng môi trường văn hóa - văn minh; khởi nghiệp sáng tạo; tình nguyện, các hoạt động phục vụ cộng đồng... Nhà trường đặc

biệt quan tâm đến hỗ trợ hoạt động của các câu lạc bộ SV, hướng câu lạc bộ SV vào tạo lập môi trường sư phạm, rèn luyện thiết thực bổ ích cho SV. Hoạt động các Câu lạc bộ SV và phong trào SV tiếp tục được đẩy mạnh, góp phần tạo nên phong cách và giá trị riêng có của SV Trường ĐHKB [H02.02.02.26].

Tự đánh giá: 5/7

Tiêu chí 2.3. Hệ thống quản trị của CSGD được rà soát thường xuyên

Định kỳ, hệ thống quản trị của Nhà trường được rà soát, đánh giá cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ để đảm bảo hoạt động theo đúng chức năng, nhiệm vụ cũng như đáp ứng theo yêu cầu nhiệm vụ mới. Quy chế làm việc, chương trình công tác toàn khóa, chương trình công tác hàng năm thường xuyên được rà soát bổ sung để phù hợp với điều kiện thực tế, cụ thể:

Về rà soát, đánh giá cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ của hệ thống quản trị:

- Định kì cuối mỗi năm, HĐQT/HĐT đều họp, đánh giá kết quả công tác trong năm; đồng thời rà soát, đánh giá cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ của hệ thống quản trị. HĐQT/HĐT nhiệm kì I và nhiệm kì được kiện toàn vào các năm 2019 và năm 2020 từ HĐQT với số lượng là 03 thành viên sang HĐT là 11 thành viên theo Luật GDĐH 2018 để đảm bảo trách nhiệm giải trình, tính bền vững, sự minh bạch trong quá trình hoạt động [H02.02.03.01], [H02.02.03.02], . Theo đó cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ và Quy chế tổ chức và hoạt động của HĐT nhiệm kì mới được thay đổi để phù hợp với Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học và Nghị định số 99/2019/NĐ-CP [H02.02.03.03], [H02.02.03.04].

- Đảng bộ Trường thực hiện rà soát cơ cấu tổ chức, chức năng nhiệm vụ định kì theo nhiệm kì đại hội đã thực hiện rà soát 02 lần: giữa nhiệm kì và cuối nhiệm kì. Chi bộ/Đảng bộ trường Đại học Kinh Bắc đã tiến hành 2 kỳ Đại hội vào năm 2015, 2020 Chi bộ lúc đầu với 2 đồng chí Bí thư và Phó Bí thư, Chi bộ cũng thực hiện rà soát nhân sự và bầu cấp ủy nhiệm kì mới với 9 đồng chí, đến nay Ban chấp hành Đảng bộ Nhà trường có 09 thành viên bao gồm: 01 Bí thư Đảng bộ, 01 đồng chí Phó Bí thư, 03 ủy viên Ban thường vụ, 06 ủy viên Ban chấp hành Đảng bộ.

Đảng bộ cũng đã thành lập được 3 chi bộ cơ sở đó là chi bộ Văn phòng, Chi bộ sinh viên và Chi bộ cơ sở thực hành. [H02.02.03.05], [H02.02.03.06].

Công đoàn Trường thực hiện rà soát, đánh giá cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ theo nhiệm kì đại hội hoặc thực hiện bổ sung BCH khi có thay đổi về nhân sự. BCH Công đoàn Trường thành lập Công đoàn vào các năm 2013. Đoàn Thanh niên thực hiện rà soát định kì cơ cấu tổ chức, chức năng nhiệm vụ theo nhiệm kì đại hội [H02.02.03.07], [H02.02.03.08].

Đối với Hội đồng KH&ĐT: Nhà trường thực hiện rà soát, bổ sung nhân sự, chức năng, nhiệm vụ theo sự thay đổi nhân sự trong cơ cấu lãnh đạo, quản lý và sự thay đổi các quy định của văn bản pháp luật. Năm 2012, thành lập Hội đồng KH&ĐT; năm 2017 để đáp ứng tình hình thực tế và sự phát triển của Nhà trường, Ban giám hiệu trường Đại học Kinh Bắc đã kiện toàn Hội đồng khoa học của Nhà trường, bổ sung nhân sự từ 8 thành viên năm 2012 lên đến 23 thành viên năm 2017 [H02.02.03.09].

- Đối với các Hội đồng tư vấn: Hằng năm theo tình hình thực tế, Nhà trường rà soát, kiện toàn và thành lập mới [H03.02.03.10].

Về rà soát, đánh giá các văn bản của hệ thống quản trị: Định kỳ hoặc theo tình hình thực tế, Nhà trường cũng tổ chức rà soát, điều chỉnh, bổ sung, xây dựng các văn bản của hệ thống quản trị khi có sự thay đổi các căn cứ pháp lý hoặc nhân sự trong cơ cấu lãnh đạo, quản lý hoặc theo yêu cầu của các cấp. Các văn bản thường xuyên được đánh giá, điều chỉnh, cụ thể:

- Hằng năm, HĐT đều rà soát và ban hành Nghị quyết về phương hướng hoạt động thực hiện nhiệm vụ của năm học. Năm 2019, HĐT rà soát hệ thống văn bản quản lý quan trọng, chiến lược của Nhà trường: Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường ĐHKB, ban hành Quy chế mới thay thế Quy chế trước đó, Quy chế thực hiện dân chủ trong hoạt động của Trường ĐHKB thay thế Quy chế dân chủ đã ban hành trước đó [H02.02.03.11], [H02.02.03.12].

- Đối với Đảng bộ trường: Sau mỗi kì đại hội Đảng bộ Trường, Đảng ủy đều ban hành Quy chế làm việc, phân công nhiệm vụ các đồng chí ủy viên BCH

Đảng bộ. Hằng năm, Đảng ủy điều rà soát và ban hành Nghị quyết về phương hướng hoạt động thực hiện nhiệm vụ của năm [H02.02.03.13].

- Đối với các tổ chức Đoàn, Hội: Khi tổ chức Đại hội, Công đoàn, ĐTN đều ban hành Quy chế hoạt động, Nghị quyết đại hội, chương trình công tác... [H02.02.03.14], [H02.02.03.15].

- Đối với các hội đồng tư vấn, định kỳ rà soát chức năng, nhiệm vụ của mỗi hội đồng tư vấn để điều chỉnh phù hợp theo yêu cầu của các văn bản cấp trên.

Việc rà soát, đánh giá cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị, bộ phận và các văn bản của hệ thống quản trị đã góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của hệ thống quản trị Nhà trường. Hằng năm, các tổ chức trong hệ thống quản trị Nhà trường đều có báo cáo tổng kết, đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ trong năm và phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm của năm tiếp theo:

- Đối với HĐT: Kết thúc năm học, HĐT có tổng kết đánh giá năm học, trong đó đề ra phương hướng, nhiệm vụ của HĐT trong năm học tiếp theo. Các nội dung báo cáo của HĐT liên quan công tác kiểm tra, đánh giá, giám sát về cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ và các văn bản đã ban hành còn được thể hiện trong báo cáo của các kì họp thường kì, họp đột xuất và báo cáo tổng kết cuối nhiệm kì [H02.02.03.15].

- Đối với Đảng bộ trường: Hằng năm, vào tháng 12, theo trình bày tại Hội nghị tổng kết công tác Đảng, trong đó có nội dung đánh giá về việc rà soát, đánh giá hằng năm về cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ, văn bản quản lí đã ban hành. Các chi bộ góp ý, Ban Thường vụ Đảng ủy tiếp thu, chỉnh sửa và ban hành chính thức, gửi báo cáo cấp ủy cấp trên và gửi các chi bộ để triển khai thực hiện [H02.02.03.16]. Báo cáo liên quan đến rà soát, đánh giá cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ của Đảng ủy Trường còn được thể hiện trong các cuộc kiểm tra của Đảng ủy cấp trên [H02.02.03.17].

- Đối với các tổ chức Đoàn, Hội: Định kỳ kết thúc năm các tổ chức Đoàn, Hội cũng xây dựng báo cáo tổng kết công tác năm và phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm năm tiếp theo trình bày tại Hội nghị tổng kết công tác đoàn hội [H02.02.03.18],

[H02.02.03.19].

Thông qua báo cáo tổng kết, các đơn vị, bộ phận thuộc hệ thống quản trị tổ chức rà soát lại kết quả thực hiện các mục tiêu của Nhà trường trong năm học, đánh giá kết quả của các nghị quyết, chương trình hành động, kế hoạch và hướng dẫn triển khai thực hiện các công việc. Trên cơ sở đó điều chỉnh cho phù hợp với tình hình thực tế của Nhà trường [H02.02.03.20], [H02.02.03.21], [H02.02.03.22], [H02.02.03.23].

Hàng năm, ngoài việc đánh giá đối với các tổ chức quản trị, cán bộ quản lý thuộc các tổ chức cũng được nhận xét, đánh giá, phân loại về năng lực lãnh đạo, quản lý. Đánh giá viên chức, lao động thực hiện tháng 12 hằng năm, trong đó có nội dung đánh giá đối với cán bộ quản lý (Phiếu đánh giá CB hằng năm) [H02.02.03.24], [H02.02.03.25]; Đánh giá, phân loại đảng viên (trong đó có nhận xét, đánh giá năng lực lãnh đạo, quản lý) được thực hiện vào tháng 12 hằng năm theo Hướng dẫn của Đảng ủy trường (Phiếu đánh giá đảng viên) [H02.02.03.26]; Đánh giá các lãnh đạo tổ chức Đoàn, Hội: thực hiện việc đánh giá, xếp loại tổ chức và đoàn viên, hội viên theo hướng dẫn của các tổ chức Đoàn, Hội cấp trên [H02.02.03.27].

Trên cơ sở các chương trình, kế hoạch được xây dựng, rà soát, điều chỉnh, các văn bản quản lý được xây dựng đồng bộ, các tổ chức đoàn thể đã thực hiện các nhiệm vụ một cách chủ động, sáng tạo, đề xuất nội dung cải tiến và đã đạt nhiều kết quả qua bản báo cáo hàng năm và được cấp trên đánh giá, ghi nhận bằng các hình thức khen thưởng [H02.02.03.28], [H02.02.03.29], [H02.02.03.30], [H02.02.03.31], [H02.02.03.32].

Tự đánh giá: 5/7

Tiêu chí 2.4. Hệ thống quản trị của CSGD được cải tiến để tăng hiệu quả hoạt động của CSGD và quản lý rủi ro tốt hơn

Thực hiện chủ trương của Đảng, HĐT về tiếp tục đổi mới, kiện toàn tổ chức bộ máy Đảng và hệ thống chính trị, nhằm mục tiêu đổi mới phương thức lãnh đạo, tăng hiệu lực, hiệu quả lãnh đạo của cấp ủy, quản lý của chính quyền. Hệ thống quản trị của Trường cũng từng bước được cải tiến để tăng hiệu quả hoạt động và quản lý rủi ro tốt hơn.

Căn cứ kết quả rà soát, đánh giá của HĐT về cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị trong hệ thống quản trị giai đoạn 2015-2018 và 2018-2020; kết quả đánh giá hoạt động của HĐQT nhiệm kỳ 2012-2017 và phương hướng hoạt động nhiệm kỳ 2018-2023; kết quả thực hiện nhiệm vụ năm 2017 và Phương hướng nhiệm vụ năm 2018 của Đảng ủy Trường Đại học Kinh Bắc; kết quả thực hiện nhiệm vụ năm 2018 và Phương hướng nhiệm vụ năm 2019 của Đảng ủy trường Đại học Kinh Bắc; kết quả đánh giá công tác các năm học trong giai đoạn 2017-2022, Nhà trường đã lập KH cải tiến cho từng nội dung trong hệ thống quản trị và theo giai đoạn, hằng năm, cụ thể:

Về cơ cấu tổ chức, nhân sự, chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị, bộ phận thuộc hệ thống quản trị: Căn cứ kết quả rà soát, đánh giá của HĐT về cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị trong hệ thống quản trị, Nhà trường đã thực hiện điều chỉnh 3 lần kể từ ngày thành lập Trường để phù hợp với tình hình thực tế của Trường, của Tập đoàn và các văn bản quy phạm pháp luật về giáo dục đại học. Kết thúc nhiệm kỳ I, HĐQT đã họp rà soát trình cơ cấu cho nhiệm kỳ mới (chuyển đổi thành HĐT theo quy định của Luật GDĐH năm 2018 , thành lập HĐT với cơ cấu và thành phần có thay đổi, Tổng số thành viên của HĐT được điều chỉnh, tăng từ 3 thành viên lên 11 thành viên đảm bảo về cơ cấu, thành phần tham gia và tăng cường nguyên tắc làm việc tập thể của HĐT. Số lượng thành viên ngoài trường tham gia HĐT tăng liên tục nhằm tăng cường đại diện cộng đồng tham gia quản trị Nhà trường. Trong thời gian đầu mới thành lập HĐT thì Chủ tịch HĐT hoạt động không chuyên trách, tuy nhiên đến năm 2020, Chủ tịch HĐT hoạt động chuyên trách, là giảng viên cơ hữu của Trường, không kiêm nhiệm cán bộ quản lý theo đúng quy định của Luật sửa đổi, bổ sung Luật Giáo dục đại học. Ngoài ra, thành viên HĐT được điều chỉnh, bổ sung do có người nghỉ hưu [H02.02.04.01], [H02.02.04.02], [H02.02.04.03].

Chức năng, nhiệm vụ của HĐQT/HĐT do thường xuyên được rà soát nên đã có sự điều chỉnh kịp thời, phù hợp với các quy định của pháp luật: Trước năm 2019, chức năng, nhiệm vụ của HĐQT phù hợp với quy định của Điều lệ trường đại học. Từ

năm 2019 đến nay, chức năng, nhiệm vụ của HĐT được quy định phù hợp với Luật sửa đổi, bổ sung Luật Giáo dục đại học và Nghị định số 99/2019/NĐ-CP [H02.02.04.04], [H02.02.04.05].

Về Đảng bộ Trường: Trong giai đoạn 2017-2022, Chi bộ Nhà trường đã kiện toàn, thành lập Đảng bộ Trường Đại học Kinh Bắc trực thuộc Thành ủy Bắc Ninh so với nhiệm kỳ cũ; Khi có cán bộ lãnh đạo nghỉ, BCH Đảng ủy trường đã thực hiện việc kiện toàn nhân sự. Đến năm 2020, Đại hội đại biểu Đảng bộ Trường bầu BCH Đảng bộ Trường nhiệm kỳ mới [H02.02.04.06].

Về tổ chức đoàn thể: Căn cứ kết quả rà soát, Công đoàn, ĐTN thực hiện điều chỉnh cơ cấu tổ chức, nhân sự, chức năng, nhiệm vụ phù hợp với quy định của pháp luật, của tỉnh và của trường, trong giai đoạn 2016-2020, đã kiện toàn về nhân sự, bổ sung nhân sự mới khi có cán bộ đoàn luân chuyển công tác, Năm 2021, Đại hội đại biểu Đoàn TN Trường bầu BCH Đoàn trường nhiệm kỳ mới [H02.02.04.07], [H02.02.04.08].

Về Hội đồng KH&ĐT: Theo Luật Giáo dục đại học, Điều lệ trường đại học, Hội đồng KH&ĐT được thành lập vào các năm 2012 và được kiện toàn năm 2017 Để thực hiện theo quy định của Luật sửa đổi, bổ sung Luật Giáo dục đại học và Quy chế Tổ chức, hoạt động của Trường, đồng thời có sự thay đổi nhân sự Hiệu trưởng, nên Hội đồng KH&ĐT được thành lập mới, gồm 23 thành viên, trong đó đồng chí Hiệu trưởng là Chủ tịch hội đồng, đồng chí Phó hiệu trưởng thường trực là Phó chủ tịch hội đồng [H02.02.04.09].

Về Hội đồng TĐKT, Hội đồng Khen thưởng và kỉ luật SV (nếu có) thực hiện điều chỉnh cơ cấu tổ chức, nhân sự, chức năng nhiệm vụ phù hợp với quy định của pháp luật, của tỉnh và của Trường [H02.02.04.10], [H02.02.04.11].

Về Hội đồng ĐBCL: Trong thời gian trước đây, các phòng ban của Trường thực hiện công tác ĐBCL, Trường mới triển khai công tác TĐG thông qua việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ của đơn vị và có tiến hành việc tập hợp, thu thập minh chứng [H02.02.04.12]. Trong quá trình triển khai công tác TĐG và qua rà soát, Nhà trường nhận thấy cần thiết thành lập Hội đồng ĐBCL nên ngay trong năm 2019 đã thành lập Hội đồng ĐBCL [H02.02.04.13].

Để nâng cao chất lượng nhân lực làm việc trong các tổ chức của hệ thống quản trị, Nhà trường luôn trú trọng công tác ĐT, bồi dưỡng đối với đội ngũ nhân lực này. Trong giai đoạn đánh giá, Trường đã tích cực cử các cán bộ đi ĐTBD nâng cao chuyên môn nghiệp vụ, như: Nhà trường đã cử cán bộ đi học bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý, bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn, nâng cao trình độ như Thạc sỹ, Tiến sỹ [H02.02.04.14]. Đảng bộ trường hằng năm đều cử cán bộ, đảng viên tham dự các lớp tập huấn về nghiệp vụ công tác Đảng; mở lớp bồi dưỡng cảm tình Đảng cho quần chúng ưu tú; mở các lớp học tập chỉ thị, nghị quyết của Đảng [H02.02.04.15]. Việc quan tâm thường xuyên đến công tác ĐT, bồi dưỡng nhân sự của HĐQT/HĐT, của Đảng ủy, BGH, các tổ chức đoàn thể đã góp phần nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, viên chức, tăng hiệu quả hoạt động của Nhà trường và giảm thiểu những rủi ro xảy ra trong công tác lãnh đạo, quản lý, điều hành.

Để phù hợp với sự thay đổi cơ cấu tổ chức, chức năng nhiệm vụ và nhân sự, hệ thống quản trị cũng thực hiện điều chỉnh hệ thống văn bản về tổ chức, quản lý. Các văn bản được điều chỉnh chủ yếu gồm: Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường ĐHKB; Quy chế dân chủ; Quy chế tổ chức, hoạt động, Quy chế làm việc của các tổ chức quản trị, Quyết định phân công nhiệm vụ các tổ chức...[H02.02.04.16], [H02.02.04.17], [H02.02.04.18]. Các văn bản này đã chú trọng việc cải tiến nhằm đảm bảo trách nhiệm giải trình, công khai, tính bền vững, quản lý rủi ro: (1) Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường ban hành năm 2019, thay thế Quy chế cũ ban hành năm 2012 Quy chế đã chi tiết, cụ thể hóa các quy định của Luật sửa đổi, bổ sung Luật Giáo dục đại học và Nghị định số 99/2019/NĐ-CP. Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường ĐHKB sau khi điều chỉnh, bổ sung, ban hành góp phần giúp nâng cao hiệu quả công tác quản lý trường đại học, đảm bảo cho các hoạt động của Nhà trường thực hiện đúng pháp luật [H02.02.04.16]. (2) Chiến lược phát triển Trường ĐHKB giai đoạn 2013-2020, tầm nhìn đến năm 2025. Chiến lược xác định nội dung phát triển tổng thể, bao gồm tất cả mọi lĩnh vực hoạt động của nhà trường; xác định được mục tiêu, kế hoạch và giải pháp để thực hiện chiến lược ĐT đại học, NCKH, CGCN và

HTQT giai đoạn 2013-2020, định hướng đến 2025 phù hợp với những thay đổi của Nhà trường, của sự nghiệp giáo dục - ĐT, của xã hội và xu hướng của các trường đại học trong khu vực và trên thế giới, đóng góp vào sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Bắc Ninh và khu vực phía Bắc cũng như cả nước, thực hiện thành công sứ mạng và tầm nhìn đến năm 2025 mà Nhà trường đã đề ra [H02.02.04.19]. Ngoài ra, để hệ thống quản trị được vận hành hiệu quả, hạn chế các rủi ro, Trường đã thực hiện việc rà soát cập nhật thường xuyên Quy chế Tài chính; điều chỉnh bổ sung Quy định về chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị điều chỉnh Quy chế lương bằng việc bổ sung chính sách trả lương, bổ sung hệ thống khung lương, ngạch, bậc, mô tả công việc, các yêu cầu tiêu chuẩn từng vị trí chức danh, mức tăng lương cho phép hằng năm nhằm tránh phá vỡ quỹ lương khi tăng lương thường xuyên theo định kỳ hoặc xếp lương chưa phù hợp yêu cầu vị trí công việc, năng lực và kinh nghiệm của nhân sự; Quy chế chi tiêu nội bộ ban hành các năm để có sự kiểm soát tài chính giữa các đơn vị cũng như các khoản thu, chi trong trường; điều chỉnh và ban hành Quy định về xử lý, phát hành văn bản và Danh mục phân quyền thẩm quyền ký văn bản để tránh việc ban hành, ký văn bản không đúng thẩm quyền, trách nhiệm, chức năng đơn vị hoặc đóng dấu, phát hành văn bản không đúng quy định [H02.02.04.20]. Ngoài ra, Nhà trường thực hiện cải tiến quy trình và quy hoạch về nguồn nhân lực hàng năm. Các quy trình và quy hoạch sau rà soát, cải tiến được thể hiện ở một số quy định, quy trình liên quan công tác nhân sự đã được ban hành vào năm 2021 mà các năm trước chưa có như: Quy trình tuyển dụng, Quy trình xử lý kỷ luật, Quy trình chấm dứt hợp đồng, Quy trình bổ nhiệm, thôi giữ nhiệm vụ, phân công công tác, Quy định quản lý hiệu quả làm việc giảng viên nhân viên, Quy định chế độ làm việc của giảng viên năm 2021 được ban hành cập nhật theo Quy định Thông tư 20/2020 của Bộ GD&ĐT và có điều chỉnh nhiều nội dung so với các năm trước [H02.02.04.21], [H02.02.04.22], [H02.02.04.23].

Ngoài các hoạt động trên được cải tiến, thì đặc biệt Công tác đào tạo là xương sống quan trọng của Nhà trường đều được cải tiến hàng năm [H2.02.04.24], [H2.02.04.25]. Cơ cấu tổ chức của hệ thống quản trị được rà soát,

cải tiến. Năng lực của đội ngũ cán bộ tham gia hệ thống quản trị được bổ sung [H2.02.04.27], [H2.02.04.28].. Các công việc, nhiệm vụ mới phát sinh trong điều kiện, hoàn cảnh mới được tổ chức tốt, khẳng định vai trò trong việc thực hiện chiến lược của Nhà trường [H2.02.04.26]

Tự đánh giá: 5/7

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 2

1. Tóm tắt các điểm mạnh

- Cơ cấu tổ chức của Nhà trường được thành lập theo đúng quy định của Luật Giáo dục, Luật Giáo dục đại học, Điều lệ trường đại học, Quy chế hoạt động của trường đại học ngoài công lập và các quy định khác của pháp luật, Bộ GD&ĐT.

- HĐQT, Đảng ủy, BGH, các tổ chức đoàn thể và các hội đồng tư vấn của Nhà trường ban hành văn bản quy định rõ ràng về tổ chức, hoạt động và phân công trách nhiệm cụ thể cho các thành viên.

- Nhà trường xây dựng và ban hành đầy đủ hệ thống văn bản để điều hành hệ thống quản lý và quản trị của Trường đồng thời triển khai trong công tác quản lý các hoạt động của Trường.

- Các Nghị quyết, chỉ đạo của HĐQT, Đảng ủy, BGH, các hội đồng tư vấn của Nhà trường được chuyển tải thành các kế hoạch hành động, chính sách, hướng dẫn và được triển khai thực hiện trong toàn Trường.

- Hằng năm, HĐQT Nhà trường triển khai đánh giá cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị trong hệ thống quản trị để từ đó có những điều chỉnh, cải tiến cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị cho phù hợp với điều kiện thực tiễn.

- Hệ thống quản lý và hệ thống văn bản của Nhà trường được đánh giá, rà soát và cải tiến hằng năm, góp phần nâng cao hiệu quả quản lý cũng như thể hiện đầy đủ trách nhiệm giải trình, bền vững, minh bạch và giảm thiểu rủi ro.

- Nhà trường đã điều chỉnh và ban hành văn bản về quy chế tổ chức hoạt động sau điều chỉnh, trong đó cập nhật chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị được thành lập mới hoặc sáp nhập.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại

Là trường Đại học mới thành lập nên công tác đánh giá tính hiệu quả cơ cấu tổ chức của Nhà trường sau cải tiến chưa được thực hiện.

3. Kế hoạch cải tiến

Kể từ năm học 2019-2020, kết thúc năm học trong đó có tiến hành điều chỉnh, cải tiến cơ cấu tổ chức, Nhà trường tiến hành đánh giá tính hiệu quả cơ cấu tổ chức của Trường sau cải tiến.

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục tồn tại	Thường xuyên lập kế hoạch công tác đánh giá tính hiệu quả cơ cấu tổ chức của Nhà trường	Ban Giám hiệu, phòng Tổ chức - Hành chính – Quản trị	Thường xuyên từ 2023
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục phát huy, rà soát, cải tiến, điều chỉnh phân định nhiệm vụ cụ thể cho các đơn vị trong hệ thống quản trị đảm bảo nguyên tắc tinh gọn và hiệu quả.	Hội đồng Trường, Ban Giám hiệu, phòng Tổ chức - Hành chính – Quản trị	Hàng năm; bắt đầu từ 2023

4. Mức đánh giá:

Tiêu chuẩn/tiêu chí	Tự đánh giá
<i>Tiêu chuẩn 2</i>	5.0
Tiêu chí 2.1	5.0
Tiêu chí 2.2	5.0
Tiêu chí 2.3	5.0
Tiêu chí 2.4	5.0

Tiêu chuẩn 3. Lãnh đạo và quản lý

Tiêu chí 3.1. Lãnh đạo CSGD thiết lập cơ cấu quản lý trong đó phân định rõ vai trò, trách nhiệm, quá trình ra quyết định, chế độ thông tin, báo cáo để đạt được tầm nhìn, sứ mạng, văn hóa và các mục tiêu chiến lược của CSGD.

Ngay từ những ngày đầu thành lập (2012), Nhà trường xây dựng bộ máy quản lý phù hợp và đúng theo Luật Giáo dục đại học, Điều lệ trường đại học quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, tầm nhìn, sứ mạng, văn hóa, định hướng chiến lược phát triển và điều kiện thực tế của Nhà trường, HĐT đã xây dựng cơ cấu tổ chức và thiết lập bộ máy quản lý Trường Đại học Kinh gồm: Đảng ủy; Hội đồng

trường; Ban Giám hiệu; Phòng chức năng; Khoa chuyên môn; Trung tâm/Viện trực thuộc theo luật định. Nhà trường quy định rõ cơ chế quản lý, điều hành, phân định rõ vai trò, trách nhiệm, quy trình ra quyết định, cơ chế phối hợp giữa các đơn vị, nhiệm vụ của từng đơn vị thuộc/trực thuộc Trường [H03.03.01.01] (Sơ đồ tổ chức Trường (*Sơ đồ 1 và 2- Phần I: Hồ sơ về CSGD*); được cụ thể hoá bằng Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Kinh Bắc [H03.03.01.02]. bao gồm: Hội đồng Trường; BGH và các tổ chức/đơn vị trực thuộc BGH (các Hội đồng tư vấn, các phòng/ban chức năng, các khoa/viện chuyên ngành, các đơn vị nghiên cứu- dịch vụ khoa học và dịch vụ đào tạo; các tổ chức Đảng, các tổ chức chính trị xã hội và tổ chức xã hội). Hiệu trưởng đã phê duyệt Đề án vị trí việc làm Trường ĐH Kinh Bắc; bản Đề án đã đưa ra quy hoạch tổng thể về nhân sự CBQL, tiêu chuẩn chức danh của từng vị trí công tác,... [H03.03.01.03], [H03.03.01.16].

Triển khai Kế hoạch thực hiện chiến lược phát triển Trường Đại học Kinh Bắc giai đoạn 2013 - 2020, tầm nhìn 2025 [H03.03.01.04] trong bối cảnh GDĐH Việt Nam đang ngày càng hội nhập quốc tế sâu rộng, Trường đã tổ chức/sắp xếp lại một số đơn vị/bộ phận: điều chỉnh tên và chức năng nhiệm vụ của Phòng Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục thành phòng Khảo thí và ĐBCLGD; Phòng Tổ chức Hành chính thành Phòng Tổ chức – Hành chính – Quản trị; phòng Tài vụ thành phòng Kế hoạch – Tài chính; Ban tuyển sinh thành Trung tâm tuyển sinh và HTDN; Khoa Du lịch thành Viện Du lịch; Khoa CNTT thành khoa CNTT-ĐTTT, phòng Đào tạo thành phòng Quản lý Đào tạo [H03.03.01.05], [H03.03.01.06].

Hoạt động của Nhà trường được văn bản hóa thể hiện qua “Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Kinh Bắc” [H3.03.01.02], quy định chi tiết cơ cấu tổ chức, quản lý đơn vị trực thuộc trường, các hội đồng khoa học, các khoa chuyên môn, các phòng chức năng, các viện/trung tâm trực thuộc, các tổ chức phục vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học và công nghệ, các đơn vị nghiên cứu- dịch vụ khoa học và dịch vụ đào tạo, tạo cơ sở pháp lý cho việc thực hiện các kế hoạch chiến lược. Các đơn vị chức năng, đơn vị đào tạo và các đơn vị trực thuộc (Phòng/Khoa/Viện/Trung tâm...) được quy định rõ chức năng, nhiệm vụ cụ thể,

trách nhiệm trong từng công việc theo phạm vi được phân quyền. Nhà trường xây dựng cơ chế phối hợp và điều hành công việc giữa Hiệu trưởng, các Phó Hiệu trưởng, Trưởng các đơn vị và người lao động tại các Phòng/Khoa/Viện/Trung tâm; xây dựng cơ chế phối hợp giữa Hội đồng trường và Ban Giám hiệu... đảm bảo cơ chế phối hợp tránh chồng chéo trong quá trình thực hiện công việc, đảm bảo minh bạch và công khai [H3.03.01.07].

Chế độ thông tin, báo cáo và mối liên hệ giữa các thành phần trong cơ cấu quản lý được thực hiện bằng các quy chế, quy định của Hiệu trưởng trên các mặt hoạt động đào tạo, NCKH và PVCĐ; Quy định về hoạt động của hội đồng đảm bảo chất lượng giáo dục tại *Quyết định số 111/QĐ-ĐHKB ngày 08/3/2016* đã chỉ rõ chế độ thông tin, báo cáo và mối liên hệ giữa các đơn vị trong hoạt động ĐBCL [H03.03.01.07]. Với các Quyết định số: 108/QĐ-ĐHKB ngày 07/3/2016, Trường đã thành lập Hội đồng ĐBCL - hình thành mạng lưới với 10 thành viên phủ hết tất cả các Khoa/Viện, Phòng/Ban/Trung tâm chức năng mà Phòng Khảo thí và ĐBCL là đơn vị chủ trì [H03.03.01.08]. Quy chế đào tạo theo hệ thống tín chỉ tại *Quyết định số 379 ngày 15/7/2016* quy định cụ thể trách nhiệm và mối liên hệ giữa các đơn vị trong tổ chức lớp học phần, tổ chức đánh giá kết quả học tập của người học đến việc xét và công nhận tốt nghiệp,... [H03.03.01.09], Quy chế nghiên cứu khoa học tại *Quyết định số 392/QĐ-ĐHKB ngày 10/8/2014* chỉ ra các bước và việc phối hợp giữa các đơn vị trong quá trình triển khai đề tài nghiên cứu [H03.03.01.10].

Nhân sự tham gia cơ cấu quản lý được phân định rõ vai trò, trách nhiệm, thẩm quyền ra quyết định, chế độ thông tin, báo cáo. Cùng với Quy chế tổ chức và hoạt động Trường, năm 2012, Hiệu trưởng ban hành Quyết định phê duyệt vị trí việc làm và mô tả công việc của từng chức danh cụ thể tại Quyết định số 433/QĐ-ĐHKB ngày 22/10/2013 đã chỉ ra rõ vai trò, trách nhiệm, thẩm quyền ra quyết định, chế độ thông tin báo cáo của nhân sự tham gia cơ cấu quản lý Trường [H03.03.01.02]; [H03.03.01.03]. Các thành viên trong BGH được phân công công việc một cách cụ thể trên từng lĩnh vực công tác và phụ trách trực tiếp một số đơn vị; cấp trưởng của các phòng/ban/trung tâm đều do các Phó hiệu trưởng kiêm

nhiệm; đây là một mô hình đặc trưng của Trường Đại học Kinh Bắc [H03.03.01.11]; sau các phiên họp thường kỳ của Lãnh đạo Trường, Phó hiệu trưởng là người trực tiếp quán triệt/chuyển tải đến phòng/ban/trung tâm các chỉ thị/nghị quyết/kế hoạch/hướng dẫn... của BGH, giúp làm tăng hiệu quả hoạt động của hệ thống quản trị [H03.03.01.12]. Trong Quyết định thành lập (kèm chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn) của các khoa/viện cũng đã quy định cụ thể vai trò, trách nhiệm, thẩm quyền ra quyết định, chế độ thông tin, báo cáo của chủ nhiệm khoa, các phó chủ nhiệm khoa, chế độ làm việc của Trưởng khoa, HĐKH của khoa,... [H03.03.01.13]. Ngoài ra, trong quá trình phân công công việc cụ thể cho từng cá nhân của các đơn vị cũng đã ghi rõ trách nhiệm, các công việc phải hoàn thành và chế độ thông tin, báo cáo theo tiến trình thực hiện nhiệm vụ,... [H03.03.01.14].

Cán bộ lãnh đạo, quản lý cấp trường tại Trường hầu hết là các thầy cô có tầm nhìn xa trông rộng, nắm bắt được xu thế phát triển; cán bộ quản lý các đơn vị chuyên môn hầu hết là các CB, GV có trình độ, chức danh, tuy nhiên một số Thầy cô chưa dày dặn kinh nghiệm trong công tác quản lý. Với sứ mạng: “Đào tạo nguồn nhân lực **chất lượng, trình độ cao**, trong đó có những người khuyết tật, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ, cung cấp dịch vụ chuyên môn đa lĩnh vực, đáp ứng sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của đất nước và hội nhập quốc tế” được xác định ngay từ ngày đầu thành lập đã thể hiện tầm nhìn xuyên thế kỷ của Lãnh đạo Trường và các đơn vị được mô tả rõ chức năng, nhiệm vụ [H03.03.01.15].

Cơ chế báo cáo và thông tin được thực hiện theo quy định của Nhà trường, định kỳ hàng tháng Nhà trường tổ chức họp giao ban để đánh giá kết quả công việc và xây dựng kế hoạch cho tháng tiếp theo. Cơ chế báo cáo và thông tin được thực hiện đầy đủ theo yêu cầu của Quy chế dân chủ Nhà trường. Đối với việc thực hiện chiến lược phát triển, Nhà trường tiến hành trao đổi, thống nhất và lấy ý kiến góp ý trước khi ban hành thông qua nghị quyết của Đảng ủy, Hội đồng trường và kết luận của Ban Giám hiệu.

Các hoạt động cụ thể trong việc thiết lập cơ cấu quản lý, vai trò, trách nhiệm, chế độ thông tin, báo cáo của Nhà trường đã và đang từng bước góp phần đạt được tầm nhìn, sứ mạng, xây dựng văn hóa và mục tiêu chiến lược của Trường ĐH Kinh Bắc.

Tự đánh giá: 4/7

Tiêu chí 3.2. Lãnh đạo cơ sở giáo dục tham gia vào việc thông tin, kết nối các bên liên quan để định hướng tầm nhìn, sứ mạng, văn hóa và các mục tiêu chiến lược của cơ sở giáo dục

Sứ mạng, Tầm nhìn, Giá trị cốt lõi và các mục tiêu chiến lược đã được lãnh đạo Nhà trường quan tâm ngay từ những năm đầu thành lập, hoạt động kết nối và phổ biến tới cán bộ giảng viên, người lao động, người học và các bên liên quan được thực hiện với nhiều hình thức, phương thức khác nhau [H03.03.02.01]. Trong các chỉ thị/quyết định và các văn bản hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ gửi các đơn vị và các bên liên quan đều có các nội dung nhằm lan tỏa tầm nhìn, sứ mạng, văn hóa và các mục tiêu chiến lược Trường Đại học Kinh Bắc; ngay trong phần mở đầu và toàn bộ Chương I, Điều 4 của *Quy chế Tổ chức và hoạt động* Trường Đại học Kinh Bắc đã nêu bật tầm nhìn, sứ mạng, văn hóa và các mục tiêu chiến lược: phát triển Trường Đại học Kinh Bắc giai đoạn 2013-2020, tầm nhìn 2025 [H03.03.02.02], [H03.03.02.03]. Trong phần Tổ chức thực hiện của Chiến lược phát triển Trường Đại học Kinh Bắc giai đoạn 2013-2020, tầm nhìn 2025 cũng đã đặt ra yêu cầu tuyên truyền phổ biến tầm nhìn, sứ mạng, văn hóa và các mục tiêu chiến lược của Trường Đại học Kinh Bắc đến toàn thể cán bộ, giảng viên, nhân viên [H03.03.02.04].

Tầm nhìn, sứ mạng, văn hóa và các mục tiêu chiến lược của Trường Đại học Kinh Bắc còn được chuyển tải qua Kế hoạch thực hiện Chiến lược phát triển Trường ĐHKB giai đoạn 2013-2020, tầm nhìn 2025 và tầm nhìn 2030; trong báo cáo tổng kết năm học, Hội nghị Người lao động hàng năm... [H03.03.02.03], [H03.03.02.05], [H03.03.02.06].

Ngoài ra, Tầm nhìn - Sứ mạng- Văn hóa và các mục tiêu chiến lược của Trường ĐHKB còn được Lãnh đạo Trường lan tỏa qua làm việc với các bên liên

quan, trong những hoạt động nhân các ngày lễ/hội, các cuộc hội thảo/hội nghị, các đối tác trong đào tạo, NCKH và PVCD [H03.03.02.07];

Tại các ngày Hội tư vấn tuyển sinh hàng năm, Lãnh đạo Trường đã trực tiếp tham gia và đã giới thiệu về Trường ĐHKB với sứ mạng của một trường ĐH phát triển; tuyên truyền tầm nhìn, sứ mạng và văn hóa thông qua các thông báo tuyển sinh đến các bên liên quan [H03.03.02.08].

Hàng năm, vào đầu khóa học, Nhà trường tổ chức *Tuần sinh hoạt công dân-sinh viên* cho toàn thể sinh viên khóa mới; trong những đợt sinh hoạt này Lãnh đạo Nhà trường đã phổ biến, quán triệt đến toàn thể SV về sứ mạng, tầm nhìn, văn hóa và các mục tiêu chiến lược của Nhà trường, giúp SV hiểu thêm ngôi trường mình học và định hướng phát triển của Nhà trường để có động lực học tập tốt hơn [H03.03.02.09]. Vào dịp đầu Khóa học mới, Nhà trường còn tổ chức buổi gặp gỡ phụ huynh của sinh viên để giới thiệu về sứ mạng, tầm nhìn, văn hóa và các mục tiêu chiến lược của Trường nhằm giúp các vị phụ huynh hiểu biết thêm về ngôi trường mà con em họ bắt đầu vào học, tạo gắn kết giữa Nhà trường và gia đình trong giáo dục SV hơn [H03.03.02.10].

Thông qua các hoạt động của Đảng bộ Nhà trường, của Công đoàn, Đoàn TNCS Hồ Chí Minh và Hội sinh viên, Tầm nhìn - Sứ mạng - Văn hóa và các mục tiêu chiến lược đã được các cấp lãnh đạo truyền tải đến tất cả các đảng viên, đoàn viên Công đoàn, đoàn viên thanh niên trong toàn Trường và các bên liên quan [H03.03.02.11]. Ngoài ra Tầm nhìn- Sứ mạng- Văn hóa và các mục tiêu chiến lược của Nhà trường còn được thể hiện qua các văn bản báo cáo lên cấp có thẩm quyền và các bên liên quan, đăng tải trên các pano lớn trong khuôn viên Trường và trên trang web của Trường... [H03.03.02.07], [H03.03.02.12], [H03.03.02.13], [H03.03.02.14].

Sứ mạng, tầm nhìn, giá trị cốt lõi và các mục tiêu chiến lược của Nhà trường được hiện thực hóa trong quá trình xây dựng chuẩn đầu ra, chương trình đào tạo, đề cương các học phần cho tất cả các ngành học, chương trình học thuộc các khoa chuyên môn trong Nhà trường.

Với các hoạt động truyền thông, thông tin có định hướng, mang tính tổng thể và đa dạng phương thức, sứ mạng, tầm nhìn, giá trị cốt lõi và các mục tiêu chiến lược đã được phổ biến tới tất cả các bên liên quan trong cũng như ngoài Nhà trường. Hoạt động tuyên truyền và thông tin từng bước góp phần lan tỏa thông điệp của nhà trường tới xã hội và các bên liên quan.

Tự đánh giá: 4/7

Tiêu chí 3.3. Cơ cấu lãnh đạo và quản lý của cơ sở giáo dục được rà soát thường xuyên

Trong quá trình hình thành và phát triển, cơ cấu bộ máy lãnh đạo và quản lý của Trường được thường xuyên rà soát và có những cải tiến đáng kể. Định kỳ hàng năm, Nhà trường tiến hành rà soát quy hoạch và vị trí quản lý, đảm bảo phù hợp với tình hình thực tế trong hoạt động quản lý của các đơn vị trực thuộc và đáp ứng yêu cầu luật định hiện hành. Nhà trường xác định rõ nhiệm vụ kiện toàn bộ máy quản lý có vị trí quan trọng để thực hiện sứ mạng, tầm nhìn, giá trị cốt lõi và các mục tiêu chiến lược, hoạt động rà soát được thể hiện trong kế hoạch và nhiệm vụ hằng năm. Cơ cấu quản lý được rà soát thông qua các hội nghị/cuộc họp của HĐT, BGH; chẳng hạn, tại các phiên họp thường kỳ BGH đã rà soát cơ cấu tổ chức và nhân sự đã điều chỉnh tên và chức năng nhiệm vụ của Phòng Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục thành phòng Khảo thí và ĐBCLGD; Phòng Tổ chức Hành chính thành Phòng Tổ chức – Hành chính – Quản trị; phòng Tài vụ thành phòng Kế hoạch – Tài chính; Ban tuyển sinh thành Trung tâm tuyển sinh và HTDN; Khoa Du lịch thành Viện Du lịch; Khoa CNTT thành khoa CNTT-ĐTTT, phòng Đào tạo thành phòng Quản lý Đào tạo [H03.03.03.01], H03.03.03.02]; Nhằm đáp ứng yêu cầu của công tác kết nối và PVCĐ của Trường, BGH giao phòng CTSV thực hiện đánh giá, giám sát tác động của hoạt động kết nối và PVCĐ, đóng góp cho xã hội của Trường Đại học Kinh Bắc đối với CB, GV, NV, SV [H03.03.03.03]; trong cuộc họp HĐT ngày 22/4/2021, BGH đã trình bày về đổi mới cơ cấu tổ chức bộ máy Trường ĐHKB với các đề nghị cụ thể: thành lập Trung tâm Tin học – Ngoại ngữ; ngày 30/8/2021 chuyển nhiệm vụ ĐBCL về Phòng Quản lý Đào tạo và thành lập Phòng Quản lý Đào tạo [H03.03.03.01]...

Đồng thời với việc rà soát cơ cấu tổ chức- quản lý, các văn bản quy định về vai trò, chức năng, nhiệm vụ và mối liên hệ giữa các thành phần trong cơ cấu quản lý cũng được thường xuyên rà soát cho phù hợp với những điều chỉnh, sắp xếp lại các đơn vị trong toàn Trường; nhờ có sự thường xuyên rà soát hệ thống văn bản quản lý nên quy định về vai trò, chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của các đơn vị được bổ sung, cập nhật: trong quá trình rà soát các quy định về công tác văn phòng, BGH đã đề nghị các đơn vị cập nhật bổ sung chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Văn phòng . Các đơn vị thực hiện chia tách/sáp nhập đều được rà soát lại các văn bản về chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn để ban hành quyết định mới phù hợp với từng đơn vị cụ thể: điều chỉnh tên và chức năng nhiệm vụ của phòng Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục thành phòng Khảo thí và ĐBCLGD; Phòng Tổ chức Hành chính thành Phòng Tổ chức – Hành chính – Quản trị; phòng Tài vụ thành phòng Kế hoạch – Tài chính; Ban tuyển sinh thành Trung tâm tuyển sinh và HTDN; Khoa Du lịch thành Viện Du lịch; Khoa CNTT thành khoa CNTT-ĐTTT, phòng Đào tạo thành phòng Quản lý Đào tạo và ban hành *Quy định chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của các đơn vị điều chỉnh tên* [H03.03.03.02]; rà soát, điều chỉnh các quy chế, quy định kèm theo để ban hành *Quyết định chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của toàn bộ các đơn vị trong trường*.

Nhà trường còn thực hiện rà soát các văn bản quy định về mối liên hệ giữa các thành phần trong cơ cấu quản lý; thông qua rà soát, BGH đã ban hành các văn bản mới: Quyết định số 990/QĐ-ĐHKB ngày 03/10/2020 ban hành Quy chế công tác văn thư lưu trữ của Trường Đại học Kinh Bắc [H03.03.03.04]; Quy định về hoạt động ĐBCLGD *Quyết định số 237/QĐ-ĐHKB ngày 05/5/2016* đã chỉ rõ chế độ thông tin, báo cáo và mối liên hệ giữa các đơn vị trong hoạt động ĐBCL [H03.03.01.05]; Quy chế đào tạo theo hệ thống tín chỉ *Quyết định số 407/QĐ-ĐHKB ngày 06/6/2018* quy định cụ thể trách nhiệm và mối liên hệ giữa các đơn vị trong tổ chức lớp học phần, tổ chức đánh giá kết quả học tập của người học đến việc xét và công nhận tốt nghiệp,... [H03.03.01.06]; Quy chế nghiên cứu khoa học

Quyết định số 73/QĐ-ĐHKB ngày 27/3/2014 chỉ ra các bước và việc phối hợp giữa các đơn vị trong quá trình triển khai đề tài nghiên cứu,... [H03.03.01.07].

Nhân sự tham gia vào cơ cấu lãnh đạo và quản lý của Trường Đại học Kinh Bắc được đánh giá định kỳ hàng năm; việc đánh giá cán bộ được Trường thực hiện theo Nghị định số 56/2015/NĐ-CP ngày 09/6/2015 của Chính phủ về quy định đánh giá cán bộ, công chức; Nghị định 88/2017/NĐ-CP sửa đổi bổ sung Nghị định số 56/2015/NĐ-CP và các văn bản hướng dẫn của cấp có thẩm quyền [H03.03.03.08], [H03.03.03.09]. Nhà trường ban hành Quy định đánh giá, phân loại CB/GV/NV Trường Đại học Kinh Bắc Quyết định số 22/QĐ-ĐHKB ngày 10/01/2019 [H03.03.03.10]; cùng với đó là các mẫu biểu dùng trong đánh giá, cho điểm và xếp loại cán bộ/công chức hàng năm; điểm đánh giá được chia theo các tiêu chí cụ thể với tổng điểm 100 [H03.03.03.11]; đầu mỗi năm học cá nhân làm bản đăng ký phấn đấu trở thành chiến sỹ thi đua cấp Trường (tự xét thấy đủ điều kiện). Đồng thời, Trường thống nhất quy trình đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ hàng năm đối với tất cả cán bộ lãnh đạo và quản lý các cấp: cá nhân tự kiểm điểm đánh giá bản thân theo các tiêu chí với thang điểm 100; tập thể đóng góp ý kiến, đánh giá, xếp loại; Lãnh đạo Trường đánh giá, xét duyệt và thông qua [H03.03.01.17]. Các tiêu chí đánh giá, kế hoạch đánh giá và kết quả đánh giá được công bố công khai trong nội bộ Nhà trường [H03.03.03.12], [H03.03.03.13]. Việc đánh giá đã làm rõ ưu điểm, khuyết điểm về phẩm chất, năng lực, trình độ của CBQL; trong 5 năm qua, nhiều cán bộ lãnh đạo được tập thể các đơn vị đề nghị xếp loại xuất sắc và đạt danh hiệu chiến sỹ thi đua [H03.03.03.14]. Kết quả đánh giá là cơ sở cho việc sắp xếp, bố trí lại đội ngũ CBQL.

Việc thực hiện quy hoạch đội ngũ cán bộ lãnh đạo- quản lý của các đơn vị được Nhà trường tuân thủ các quy định của cấp có thẩm quyền [H03.03.03.15]; Hiệu trưởng đã phê duyệt Đề án vị trí việc làm Trường Đại học Kinh Bắc [H03.03.01.16]; Trong Quy chế tổ chức và hoạt động Trường và cụ thể trong đề án đã mô tả vị trí việc làm của từng chức danh, thực hiện quy hoạch đội ngũ lãnh đạo, quản lý của các đơn vị/bộ phận, đã có kế hoạch, cũng như quy hoạch [H03.03.01.18] và bổ sung quy hoạch vị trí quản lý, nhằm đảm bảo đội ngũ cán

bộ luôn có tính kế thừa, tạo động lực phấn đấu cho cán bộ được quy hoạch [H03.03.01.19];

Tự đánh giá: 4/7

Tiêu chí 3.4. Cơ cấu lãnh đạo và quản lý của CSGD được cải tiến nhằm tăng hiệu quả quản lý và đạt được hiệu quả công việc của CSGD như mong muốn.

Cơ cấu lãnh đạo và quản lý của Trường Đại học Kinh Bắc đã được cải tiến nhờ vào việc thường xuyên rà soát, đánh giá thông qua các hội nghị/cuộc họp định kỳ của BGH và HĐT (HĐT họp định kỳ và một số phiên theo yêu cầu của các bên liên quan, BGH tổ chức giao ban tuần/tháng/quý; ngoài ra HĐT và BGH còn có các hội nghị chuyên đề, tổng kết, đánh giá,...) [H03.03.04.01], [H03.03.04.02]. Trong chu kỳ đánh giá (2016-2020) cơ cấu lãnh đạo và quản lý của Trường Đại học Kinh Bắc có những điều chỉnh/cải tiến đáng kể. HĐQT nhiệm kỳ 2012-2017 có 04 ủy viên chính thức [H03.03.04.03]; qua xem xét, đánh giá, rà soát cơ cấu lãnh đạo và quản lý, sang nhiệm kỳ 2020-2025 HĐT được tăng lên với số lượng là 11 ủy viên chính thức nhằm đáp ứng yêu cầu đầy đủ các thành phần và đặc biệt là để trường các đơn vị được tham gia HĐT [H03.03.04.04]. Nhằm trẻ hóa đội ngũ lãnh đạo, HĐT đã họp HĐT và làm thủ tục bổ nhiệm Ủy viên HĐT vào vị trí Hiệu trưởng [H03.03.04.05]; [H03.03.04.06] rà soát nhận sự, kiện toàn đội ngũ cán bộ chủ chốt của HĐT sáp nhập Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng với phòng Quản lý Đào tạo [H03.03.04.07]; thành lập Trung tâm Ngoại ngữ và Tin học [H03.03.04.08]; bổ sung nhiệm vụ cho Phòng Quản lý Đào tạo; thành lập khoa Dược và khoa Y học cổ truyền [H03.03.04.09]; [H03.03.04.10]; thành lập khoa Y khoa, khoa Điều dưỡng [H03.03.04.11]; [H03.03.04.12]; thành lập một số tổ chức/đơn vị mới đáp ứng yêu cầu phát triển của Trường trong giai đoạn mới: HĐ đảm bảo chất lượng, Ban cố vấn học tập, Ban công tác phục vụ cộng đồng/giao nhiệm vụ PVCD cho Phòng CTSV.

Để nâng cao hiệu quả quản lý trong hoạt động điều hành, Nhà trường thường xuyên rà soát, điều chỉnh, bổ sung và ban hành hệ thống văn bản quản lý với nhiều cải tiến, đổi mới trong việc thực hiện công việc. Nhiều quy định cụ thể

của Nhà trường được cải tiến và ban hành, góp phần tăng hiệu quả quản lý, hiệu quả công việc, đạt được tầm nhìn, sứ mạng cũng như các mục tiêu chiến lược mà Trường đã đề ra [H03.03.04.13]. Các văn bản của Nhà trường trước khi ban hành được lấy ý kiến của cán bộ quản lý, giảng viên và người lao động trong các đơn vị, được thông qua tại hội nghị viên chức và người lao động, đảm bảo công khai, minh bạch và dân chủ.

Đồng thời, HĐT/BGH còn có các quy định về vai trò, trách nhiệm và mối liên hệ giữa các thành phần trong cơ cấu quản lý trên tất cả các mặt hoạt động của Trường nhằm không ngừng nâng cao hiệu quả trong lãnh đạo và quản lý. Nhân sự tham gia cơ cấu lãnh đạo và quản lý của Trường được điều chỉnh, luân chuyển dựa trên kết quả đánh giá năng lực lãnh đạo, quản lý và hiệu quả công việc; định kỳ theo năm học đội ngũ cán bộ lãnh đạo- quản lý Trường Đại học Kinh Bắc được đánh giá năng lực lãnh đạo, quản lý và hiệu quả công việc [H03.03.04.14]. Trên cơ sở kết quả đạt được trong thực hiện nhiệm vụ hàng năm của mỗi cán bộ lãnh đạo- quản lý, HĐT/BGH xem xét, cân nhắc để ban hành các quyết định bổ nhiệm và luân chuyển vào các vị trí lãnh đạo của các đơn vị [H03.03.04.15]. Trong chu kỳ đánh giá (2017-2022), HĐT đã ban hành Nghị quyết về rà soát nhân sự, kiện toàn, trẻ hoá đội ngũ cán bộ chủ chốt của Trường, phù hợp với đề án vị trí việc làm giai đoạn mới [H03.03.04.16], BGH xây dựng quy trình và thủ tục đề nghị bổ nhiệm cán bộ nhằm đảm bảo trung thực, khách quan, công khai minh bạch trong công tác bổ nhiệm các vị trí lãnh đạo- quản lý [H03.03.04.17]. Với hoạt động định kỳ rà soát cơ cấu lãnh đạo và quản lý, Nhà trường đã kiện toàn cơ cấu tổ chức bộ máy của các đơn vị gồm: Đảng ủy, Hội đồng trường, Ban Giám hiệu, Hội đồng khoa học và đào tạo; Các khoa chuyên môn; Các phòng chức năng; Các trung tâm trực thuộc; Viện Du lịch. Đội ngũ cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý được kiện toàn và đảm bảo đáp ứng yêu cầu theo vị trí việc làm được quy định. Hoạt động của Nhà trường trong những năm qua đã góp phần nâng cao hiệu quả quản lý, hoạt động đào tạo, đạt được những thành tựu và thành tích đáng ghi nhận.

Tự đánh giá: 4/7

Đánh giá chung tiêu chuẩn 3:

1. Tóm tắt các điểm mạnh:

Nhà trường đã thường xuyên rà soát, đánh giá cơ cấu tổ chức quản lý và đội ngũ cán bộ chủ chốt; nhờ đó trong chu kỳ đánh giá (2017-2022) Trường đã có những quyết định đúng đắn trong việc xây dựng mô hình phát triển Trường Đại học Kinh Bắc sát nhập/chia tách một số đơn vị nhằm tối ưu hóa công tác quản lý - lãnh đạo, bổ nhiệm cán bộ trẻ có năng lực.

Nhà trường có hệ thống văn bản quy định rõ vai trò, trách nhiệm, chức năng, nhiệm vụ và mối liên hệ giữa các thành phần trong cơ cấu quản lý; đảm bảo cho các hoạt động đào tạo, NCKH, PVCD đạt hiệu quả cao.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại:

Cán bộ trẻ mới được bổ nhiệm tâm huyết, trách nhiệm trong thực hiện nhiệm vụ, tuy nhiên về năng lực, kinh nghiệm trong quản lý còn hạn chế.

3. Kế hoạch cải tiến:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục tồn tại	Tăng cường hỗ trợ kinh nghiệm, khuyến khích cán bộ trẻ học tập, bồi dưỡng nâng cao năng lực quản lý lãnh đạo.	HĐT, BGH, phòng TCHCQT phối hợp với các phòng, khoa liên quan.	Từ năm 2023-2024
2	Phát huy điểm mạnh 1	Thường xuyên rà soát cơ cấu tổ chức, chức năng nhiệm vụ của các đơn vị/bộ phận trong quá trình thực hiện nhiệm vụ để có những điều chỉnh hợp lý	Phòng TCCB tham mưu cho BGH và HĐT trong công tác rà soát	Từ năm 2023-2024
3	Phát huy điểm mạnh 2	Thường xuyên rà soát, đánh giá mức độ đáp ứng của hệ thống văn bản đối với cơ cấu tổ chức quản lý và lãnh đạo Trường ĐHKB để có những sửa đổi/điều chỉnh/bổ sung kịp thời các quy chế/quy định phù hợp với xu thế phát triển của	Phòng...chủ trì, phối hợp với các đơn vị thực hiện	Từ năm học 2023-2024

		Trường.		
--	--	---------	--	--

4. Mức đánh giá:

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Tự đánh giá
<i>Tiêu chuẩn 3</i>	4.0
Tiêu chí 3.1	4.0
Tiêu chí 3.2	4.0
Tiêu chí 3.3	4.0
Tiêu chí 3.4	4.0

Tiêu chuẩn 4. Quản trị chiến lược

Tiêu chí 4.1. Thực hiện việc lập kế hoạch chiến lược nhằm đạt được tầm nhìn, sứ mạng và văn hóa cũng như các mục tiêu chiến lược trong đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng

Trường Đại học Kinh Bắc đã triển khai xây dựng, rà soát kế hoạch Chiến lược phát triển Trường giai đoạn 2013-2020, tầm nhìn 2025 (QĐ Số 23/QĐ-ĐHKB ngày 12/01/2013) [H04.04.01.01]; nhằm đạt được tầm nhìn, sứ mạng, giá trị cốt lõi cũng như các mục tiêu chiến lược trong công tác đào tạo, NCKH, phục vụ cộng đồng, Hội đồng Quản trị đã thống nhất thành lập Ban Biên tập triển khai xây dựng chiến lược phát triển Trường và các tiểu ban phụ trách các nội dung trong quá trình xây dựng chiến lược [H04.04.01.02].

Nhà trường thành lập tổ công tác thực hiện sơ kết chiến lược phát triển giai đoạn 2013-2020, tầm nhìn 2025 và tầm nhìn 2030 [H04.04.01.03], [H04.04.01.05]. Tổ công tác do một thành viên BGH là Trưởng ban, đại diện lãnh đạo các phòng chức năng và một số khoa chuyên môn, trung tâm trực thuộc; phối hợp với các đơn vị có liên quan trong việc xây dựng, triển khai, giám sát, theo dõi thực hiện quy hoạch phát triển trường và giao cho Phòng Tổ chức- Hành chính là đơn vị giám sát, rà soát phụ trách công tác xây dựng kế hoạch chiến lược [H04.04.01.15].

NT thực hiện quy trình/hướng dẫn xây dựng kế hoạch chiến lược tổng thể; kế hoạch chiến lược theo từng lĩnh vực (nguồn nhân lực, cơ sở vật chất, tài chính,

đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng) với các bước như sau: (1) Đánh giá thực trạng tình hình hoạt động và các nguồn lực của Trường trong từng giai đoạn xây dựng và phát triển (2) Nghiên cứu Chiến lược phương hướng phát triển kinh tế-xã hội của đất nước và đặc biệt của tỉnh/Thành phố và các địa phương quanh vùng, trong đó (3) Quán triệt các văn bản quy phạm pháp luật của nhà nước (Luật, Nghị quyết, Quyết định), Chỉ thị, Thông tư, các Quy định khác của các Bộ/ngành liên quan đến lĩnh vực ĐT, NCKH và PVCD Bộ GD&ĐT (4) Ban soạn thảo chiến lược xây dựng kế hoạch xây dựng Chiến lược, trong đó phân công cụ thể nhiệm vụ cho các đơn vị liên quan, thời gian và sản phẩm (5) Căn cứ vào kết quả của bước 1, 2, 3; những định hướng của HĐQT/HĐT, chỉ đạo Ban giám hiệu về xây dựng và phát triển Trường trong từng giai đoạn thời gian tới, các đơn vị xây dựng Chiến lược của đơn vị gửi Ban XD chiến lược dự thảo chiến lược tổng hợp và dự thảo Chiến lược (6) Trong quá trình xây dựng Chiến lược, các đơn vị phải lấy ý kiến của cựu người học, chuyên gia, nhà quản lý...; Dự thảo Chiến lược lần 1 trước khi trình BGH, HĐT phải lấy ý kiến của các đơn vị đóng góp ý kiến và dự thảo chiến lược (7) Ban soạn thảo tổng hợp ý kiến đóng góp của các đơn vị về dự thảo chiến lược và hoàn thiện dự thảo lần 2 (8) BGH họp với Ban XD chiến lược thảo luận nội dung chiến lược với đại diện Phòng, Ban và một số cán bộ chủ chốt trong Trường để góp ý cho Dự thảo 2 (9) Ban XD chiến lược hoàn thiện dự thảo 2 theo góp ý của cuộc họp ở bước 8 và đưa Dự thảo lên trang website của Trường để lấy ý kiến rộng rãi trong 15 ngày (10) Sau 15 ngày, Ban XD chiến lược hoàn thiện dự thảo theo góp ý và trình BGH xem xét và trình , HĐT phê duyệt (11) Hội đồng quản trị /HĐT họp thảo luận và ra Nghị quyết về chiến lược xây dựng và phát triển Trường giai đoạn, tầm nhìn (12) Ban hành Nghị quyết của HĐQT/HĐT về chiến lược xây dựng và phát triển Trường giai đoạn, tầm nhìn (13) Trên cơ sở Chiến lược đã được HĐQT/HĐT phê duyệt, các đơn vị trong Trường, xây dựng Kế hoạch Chiến lược của đơn vị gửi Ban XD chiến lược dự thảo chiến lược tổng hợp và dự thảo Chiến lược.

Thực hiện quy trình trên, Ban soạn thảo chiến lược phát triển Trường ĐHKB giai đoạn 2021 – 2030 (QĐ Số 1211/QĐ-ĐHKB ngày 01/12/2020) đã dự

thảo nội dung chủ yếu định hướng phát Trường, xây dựng quy trình xây dựng chiến lược phát triển Trường và các văn bản hướng dẫn thực hiện trình Hiệu trưởng ban hành [H04.04.01.04], [H04.04.01.05]. Trong quá trình rà soát, tổ Thư ký tổng hợp báo cáo đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch 5 năm giai đoạn 2017-2022 [H04.04.01.06]. Ban soạn thảo đã phác thảo phiên bản dự thảo chiến lược phát triển Trường. Các bản dự thảo chiến lược đều được đưa ra thảo luận trong Hội đồng Trường, Ban Giám hiệu, hội nghị giao ban tháng [H04.04.01.07]. Sau đó, dự thảo Chiến lược phát triển Trường đến năm 2020, tầm nhìn 2025 được hoàn thiện và đưa ra lấy ý kiến công khai rộng rãi đến toàn thể cán bộ, giảng viên, nhân viên, người học và người sử dụng lao động [H04.04.01.08]. Sau khi tổng hợp ý kiến góp ý của các bên liên quan, Ban soạn thảo (Tổ thư ký) chỉnh sửa lại dự thảo chiến lược, hoàn thiện và giao cho tổ thư ký ban biên tập thẩm định, trình Chủ tịch Hội đồng Trường phê duyệt ban hành Chiến lược phát triển Trường đến năm 2021- 2030 [H04.04.01.09], [H04.04.01.10].

Sau khi ban hành, Chiến lược phát triển Trường giai đoạn 2021-2030 (sửa đổi, bổ sung) (NQ Số 45/NQ-HĐT ngày 01/4/2021) được gửi bằng văn bản đến các đơn vị thuộc trường và công bố SM, TN và Giá trị cốt lõi trên trang website <http://daihockinhbac.edu.vn> [H04.04.01.11], [H04.04.01.12]. Hội đồng Trường, Ban Giám hiệu chỉ đạo công tác tuyên truyền thực hiện Chiến lược phát triển Trường vào các nội dung hội họp, các bài phát biểu trên các hội nghị của lãnh đạo Trường. Kết quả có cho thấy CLPT/KHCLPT trường cho từng lĩnh vực hoạt động có phù hợp với Tầm nhìn, Sứ mạng, Giá trị cốt lõi và Mục tiêu mà Nhà trường đã đặt ra. Trên cơ sở chiến lược chung của Trường, các đơn vị liên quan đã xây dựng kế hoạch chiến lược cụ thể cho đơn vị mình hàng năm [H4.04.01.13]. Kế hoạch của các đơn vị đều hướng vào việc thực hiện sứ mạng, tầm nhìn và giá trị văn hoá cốt lõi của nhà Trường.

Công tác đánh giá thực hiện các nội dung chiến lược được cụ thể hóa trong các báo cáo tổng kết năm học của Nhà Trường, và từng đơn vị [H4.04.01.13], [H04.04.01.14].

Tiêu chí 4.2. Kế hoạch chiến lược được quán triệt và chuyển tải thành các kế hoạch ngắn hạn và dài hạn để triển khai thực hiện

Trên cơ sở Chiến lược phát triển Trường Đại học Kinh Bắc đến năm 2025, tầm nhìn 2030 (sửa đổi, bổ sung) [H04.04.02.01], NT đã được cụ thể hóa và chuyển tải thành các kế hoạch: kế hoạch chiến lược trung hạn giai đoạn 2015-2017, 2018-2020 [H04.04.02.02], kế hoạch nhiệm vụ năm học [H04.04.02.03], kế hoạch về đào tạo [H04.04.02.04], kế hoạch đảm bảo chất lượng [H04.04.02.05], kế hoạch phát triển nguồn nhân lực [H04.04.02.06], kế hoạch về tài chính [H04.04.02.07], kế hoạch nghiên cứu khoa học và HTQT [H04.04.02.08]. Các kế hoạch hàng năm còn được cụ thể hóa theo từng tháng thể hiện ở nội dung giao ban hàng tháng [H04.04.02.09].

Nhà trường đã công bố, phổ biến các kế hoạch chiến lược, kế hoạch ngắn hạn, dài hạn theo từng lĩnh vực để các bên liên quan biết và thực hiện như: công bố trên cổng thông tin điện tử <http://daihockinhbac.edu.vn> [H04.04.02.10], phổ biến cho sinh viên trong tuần sinh hoạt công dân đầu khóa học, trong lễ khai giảng năm học mới [H04.04.02.11], trong cuốn Sổ tay giảng viên [H04.04.02.12], Sổ tay sinh viên [H04.04.02.13]; trong cuộc họp giao ban đầu năm học [H04.04.02.09]. Bên cạnh đó, kế hoạch chiến lược phát triển Trường được phổ biến cho CB, GV toàn Trường trong Hội nghị CB, GV, NV. Đối với các kế hoạch ngắn hạn của từng đơn vị đều được tổ chức bảo vệ trong toàn Trường với sự tham gia của cấp quản lý các đơn vị và được phổ biến trên email của từng đơn vị [H04.04.02.14], [H04.04.02.15]. Trường thực hiện hướng dẫn xác định mục tiêu chiến lược, xác định các chỉ tiêu, chỉ số cần thực hiện để đạt TN, SM của trường trong các hoạt động ĐT, NCKH, PVCD, các biện pháp tổ chức thực hiện và phân công trách nhiệm cho các bộ phận. Các kế hoạch chiến lược đã bám sát mục tiêu, định hướng phát triển trường và phù hợp với tuyên ngôn về sứ mạng, tầm nhìn, cụ thể như việc mở rộng ngành nghề đào tạo [H04.04.02.16], [H04.04.02.17], tăng cường cơ sở vật chất phục vụ hoạt động đào tạo đáp ứng nhu cầu của người học và hoạt động kết nối phục vụ cộng đồng [H04.04.02.18]. Trong quá trình thực hiện kế hoạch chiến lược các giai đoạn, các mục tiêu chiến lược và các hoạt động

luôn được rà soát, đánh giá, điều chỉnh cho phù hợp với tầm nhìn, sứ mạng của Trường và có quy trình trong xây dựng, triển khai, theo dõi việc thực hiện kế hoạch [H04.04.02.21].

Hàng năm, Nhà trường xây dựng kế hoạch công tác năm và các chỉ tiêu phấn đấu được thông báo công khai, rộng rãi đến toàn thể CB, GV, VC và người lao động để thực hiện. Kế hoạch công tác hàng tháng sau khi được hội nghị Đảng ủy và hội nghị giao ban thông qua đều được thông báo tới toàn thể các chi bộ, các đơn vị trong toàn trường để các đơn vị quán triệt tới cán bộ, đảng viên, viên chức trong đơn vị. Các đơn vị khoa, phòng, trung tâm, viện đã cụ thể hóa, triển khai hoạt động theo đúng chức năng, nhiệm vụ nhằm hoàn thành kế hoạch chiến lược, kế hoạch ngắn hạn, trung hạn của đơn vị tương ứng với các lĩnh vực hoạt động như: (1) Về đào tạo: mở rộng ngành nghề đào tạo, nâng cao chất lượng công tác tuyển sinh, tổ chức rà soát, cải tiến chương trình đào tạo; đổi mới phương pháp đào tạo theo hướng tích cực, tăng thời lượng dạy - học thực hành, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy - học; (2) về nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ: đã xây dựng quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng khoa học và đào tạo, các định mức thù lao cho các đề tài, đề án trong hoạt động NCKH, các chỉ số KPIs và quy định về công tác sở hữu trí tuệ... ; (3) Về công tác hợp tác quốc tế: Phát triển và mở rộng các đối tác, tiếp tục xúc tiến ký kết hợp tác với các nước (Trung Quốc, Hàn Quốc, Singapor, ...); tiếp tục triển khai ký kết các biên bản ghi nhớ, các hợp đồng liên kết giữa Nhà trường và các bệnh viện, doanh nghiệp trong và ngoài nước cho sinh viên đi thực tập, thực hành, liên kết giữa Nhà trường với doanh nghiệp, bệnh viện [H04.04.02.19]; (4) Về công tác cán bộ và xây dựng và phát triển đội ngũ: đã có các quy trình, quy chế và các giải pháp thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao về Trường giảng dạy cùng các quy định, kế hoạch, đề án vị trí việc làm, xây dựng bộ tiêu chí đánh giá cán bộ, giảng viên, mở các lớp tập huấn, hội thảo, bồi dưỡng... (5) Về công tác bảo đảm chất lượng: Đã thành lập phòng Quản lý chất lượng, xây dựng quy trình về công tác khảo thí; cử cán bộ đi tập huấn công tác kiểm định chất lượng, tổ chức chặt chẽ kiểm tra đào tạo; (6) Về các hoạt động về công tác kết nối, phục vụ cộng đồng: đã xây

dựng quy định về hoạt động kết nối và cung cấp dịch vụ cộng đồng, có kế hoạch hoạt động hàng năm ... [H04.04.02.20].

Tự đánh giá: 4/7

Tiêu chí 4.3. Các chỉ số thực hiện chính, các chỉ tiêu phân đầu chính được thiết lập để đo lường mức độ thực hiện các mục tiêu chiến lược của cơ sở giáo dục

CLPT trường giai đoạn 2017-2022 đã xác định các chỉ tiêu phân đầu chính cho từng lĩnh vực hoạt động, Nhà trường đã xây dựng các nhóm giải pháp chiến lược, đưa ra chỉ tiêu phân đầu để đo lường mức độ thực hiện các mục tiêu chiến lược [H04.04.01.01], [H04.04.01.02].

Trường Đại học Kinh Bắc đã sử dụng bộ chỉ số KPIs, các chỉ tiêu phân đầu, thực hiện chính được xây dựng rõ ràng, đo lường được có tính khả thi theo từng mốc thời gian thực hiện, cụ thể như sau:

- Các chỉ tiêu về đào tạo được thực hiện hàng năm bao gồm quy mô đào tạo hệ đại học, quy mô đào tạo hệ thạc sĩ, số lượng ngành mới mở, tỷ lệ SV tốt nghiệp/tổng SV toàn khóa, mức độ hài lòng của sinh viên, người học về chương trình đào tạo, tỷ lệ chương trình đào tạo đạt kiểm định/tổng chương trình đào tạo của Trường, tỷ lệ sinh viên có việc làm sau 12 tháng.

- Các chỉ tiêu về nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ được đo lường hàng năm gồm các chỉ số số đề tài nghiên cứu khoa học hàng năm, doanh thu từ hoạt động chuyển giao công nghệ, số lượng sách, bài báo khoa học được công bố trong năm.

- Các chỉ tiêu về hợp tác phát triển và hội nhập: Số lượt sinh viên tham quan thực tập tại doanh nghiệp, số lượt sinh viên quốc tế đến thăm quan, học tập tại trường, số lượng biên bản ghi nhớ MOU ký hàng năm.

- Các chỉ tiêu về cơ cấu tổ chức và phát triển đội ngũ gồm các chỉ số được thực hiện hàng năm: Tỷ lệ giảng viên là tiến sĩ trở lên/tổng số giảng viên cơ hữu của Trường, tỷ lệ sinh viên/giảng viên cơ hữu đã quy đổi, mức độ hài lòng của sinh viên về hoạt động giảng dạy.

- Các chỉ tiêu về cơ sở vật chất: Tỷ lệ diện tích giảng đường/sinh viên, Tỷ lệ đầu sách/sinh viên, mức độ hài lòng của sinh viên đối với các dịch vụ tại thư viện, tỷ lệ bao phủ mạng không dây, kết nối Internet, tỷ lệ hài lòng với chất lượng Website, cổng thông tin điện tử.

- Các chỉ tiêu về nguồn lực tài chính: Tỷ lệ tăng nguồn thu hàng năm

- Các chỉ tiêu về đảm bảo chất lượng: Số lượng nhân sự tham gia tổ/nhóm chuyên trách, số lượng khóa học về đảm bảo chất lượng hàng năm.

- Các chỉ tiêu về phục vụ cộng đồng: Đào tạo ngắn hạn (khóa/năm), công tác thiện nguyện, tư vấn, hội thảo...

Chỉ số KPIs và các chỉ tiêu phần chính về đào tạo, nghiên cứu khoa học, phát triển nhân lực, tài chính, cơ sở vật chất, phục vụ cộng đồng còn được thể hiện trong Kế hoạch kế hoạch chiến lược trung hạn giai đoạn 2015-2017, 2018-2020 [H04.04.03.03], kế hoạch nhiệm vụ năm học hàng năm của Trường [H04.04.03.04] và kế hoạch nhiệm vụ năm học hàng năm của các đơn vị [H04.04.03.05]; kế hoạch hàng năm của từng lĩnh vực như đào tạo, NCKH, đảm bảo chất lượng, tài chính, nhân sự, phục vụ cộng đồng [H04.04.03.06], [H04.04.03.07], [H04.04.03.08], [H04.04.03.09], [H04.04.03.10].

Chỉ số KPIs và các chỉ tiêu phần đầu chính thể hiện trong kế hoạch chiến lược cũng như kế hoạch chiến lược trung hạn, các kế hoạch từng lĩnh vực của Trường ... đều rõ ràng, đo lường được, có tính khả thi, thích hợp, có mốc thời gian thực hiện như nêu trên. Ví dụ, để đạt mục tiêu trong Chiến lược phát triển; Nhà trường đã đưa ra KPIs: mở mới các ngành đào tạo đại học và sau đại học; chỉ tiêu phần đầu là: (1) từ 2 đến 3 ngành đào tạo đại học, từ 1 đến 2 ngành đào tạo sau đại học; (2) KPIs về môn học có bài giảng và tài liệu học tập Elearning; chỉ tiêu đề ra: 80% vv... Mức độ thực hiện 2 chỉ tiêu trên đã đạt được lần lượt như sau: (1) đã hoàn thành mở 02 ngành đào tạo trình độ đại học ngành Y học cổ truyền, Dược học và 01 ngành ở trình độ thạc sĩ là Luật kinh tế [H04.04.03.11], (2) Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp và có việc làm sau 01 năm ra trường [H04.04.03.12].

Nhà trường đã thực hiện giám sát, đánh giá và rà soát mức độ thực hiện theo quy trình [H04.04.03.23], theo KPIs, các chỉ tiêu phấn đấu chính so với mục tiêu chiến lược, hoạt động này được thực hiện thông qua cuộc họp giao ban hàng tháng [H04.04.03.13] và cuối mỗi năm học, Nhà trường tiến hành đánh giá, so sánh và đối chiếu các mục tiêu đã được đề ra, đồng thời tổng kết lại để điều chỉnh kế hoạch sao cho phù hợp với từng giai đoạn phát triển của Nhà trường, đảm bảo việc thực hiện các mục tiêu này thông qua kế hoạch hành động hàng năm của Trường qua các báo cáo tổng kết và phương hướng hoạt động hàng năm [H04.04.03.14], [H04.04.03.15]; [H04.04.03.22]; đồng thời, Nhà trường thành lập bộ phận giám sát, rà soát, điều chỉnh chiến lược phát triển Trường [H04.04.03.16]. Phòng ĐT là đơn vị theo dõi giám sát, đánh giá các chỉ tiêu về đào tạo, phòng KH-HTQT theo dõi giám sát các chỉ tiêu về hoạt động khoa học, HTQT, Phòng TCCB theo dõi, giám sát các chỉ tiêu về phát triển đội ngũ...; Phòng ĐBCL giám sát các chỉ tiêu ĐBCL. Hằng năm, trong báo cáo tổng kết năm đều rà soát đánh giá kết quả đạt được từng nội dung, từng chỉ số, từng chỉ tiêu phấn đấu trong năm, rút ra nguyên nhân và bài học, trên cơ sở đó xây dựng chỉ tiêu, kế hoạch cho năm tiếp theo. Chỉ số KPIs được duy trì thực hiện hàng năm, phòng KT&ĐBCL được giao nhiệm vụ rà soát các chỉ số này theo năm nhằm kiểm tra, đánh giá tiến độ thực hiện, báo cáo Hội đồng Trường và Ban Giám hiệu để điều chỉnh kịp thời, bổ sung những chỉ số mới (nếu có) và bảo đảm mục tiêu chiến lược không đi chệch hướng [H04.04.03.17], [H04.04.03.18], [H04.04.03.19].

Tự đánh giá: 4/7

Tiêu chí 4.4. Quá trình lập kế hoạch chiến lược cũng như các chỉ số thực hiện chính, các chỉ tiêu phấn đấu chính được cải tiến để đạt được các mục tiêu chiến lược của CSGD

Trong giai đoạn đầu khi mới thành lập (ngày 26/3/2012), Trường Đại học Kinh Bắc hoạt động theo Đề án thành lập Trường [H04.04.04.01]. Năm 2013, Nhà trường đã xây dựng chiến lược phát triển giai đoạn 2013 – 2020, tầm nhìn 2025 [H04.04.04.02]. Sau gần 5 năm thực hiện theo định hướng, mục tiêu chiến lược phát

triển, trên cơ sở rà soát các chỉ tiêu phân đầu, Hội đồng Quản trị quyết định xây dựng kế hoạch chiến lược trung hạn 2 giai đoạn, sửa đổi, bổ sung một số chỉ tiêu phân đầu chính trong chiến lược [H04.04.04.03]. Đến năm 2021 Nhà trường thành lập Ban soạn thảo chiến lược phát triển trường giai đoạn 2021-2030, trên cơ sở đó sửa đổi, bổ sung và ban hành chiến lược phát triển Trường với tầm nhìn dài hơn để phù hợp với tình hình mới [H04.04.04.04].

Căn cứ vào kết quả thực hiện các chỉ tiêu đề ra trong kế hoạch dài hạn, trung hạn, cùng với việc phân tích, đánh giá nhận định những thay đổi trong môi trường mới, Nhà trường tiến hành xây dựng kế hoạch chiến lược hàng năm [H04.04.04.10].

Trong quá trình thực hiện KHCL, Nhà trường giao nhiệm vụ cho các đơn vị định kỳ hằng năm tiến hành xây dựng kế hoạch chiến lược cho đơn vị mình [H04.04.04.11]. Căn cứ báo cáo đánh giá tình hình tổ chức và hoạt động của Trường, báo cáo tổng kết thực hiện kế hoạch chiến lược trung hạn 2 giai đoạn 2015-2017, 2018-2020 [H04.04.04.05], cùng với việc cải tiến quá trình lập kế hoạch chiến lược, Trường đã có những bổ sung, điều chỉnh kịp thời chỉ số KPIs và các chỉ tiêu phân đầu chính (về nguồn nhân lực, cơ sở vật chất, tài chính, đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng) như: (1) Ban hành văn bản điều chỉnh tầm nhìn, sứ mạng, giá trị cốt lõi và triết lý giáo dục vào 2018 [H04.04.04.06]; (2) Thông báo điều chỉnh chỉ số phân đầu KPIs và mục tiêu chiến lược phát triển Trường [H04.04.04.07].

Giai đoạn 2016 - 2021, Nhà trường phát triển khá nhanh theo hướng đa ngành nghề và mở rộng quy mô, cụ thể: mở mới 05 chương trình cử nhân, 02 chương trình thạc sĩ [H04.04.04.08]; đội ngũ giảng viên cơ hữu có trình độ tiến sĩ trở lên chiếm tỷ lệ khá cao 39,24%, Về việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp, chỉ tiêu đề ra cho giai đoạn 2016 - 2021 là: phân đầu 85% sinh viên tốt nghiệp có việc làm sau 12 tháng, kết quả thực hiện năm 2019 đạt 89% [H04.04.04.09].

Các hoạt động điều chỉnh kế hoạch chiến lược đều được đưa vào nội dung họp giao ban và có văn bản của Ban Giám hiệu gửi đến các bên liên quan để lấy ý kiến bổ sung, cải tiến và điều chỉnh kế hoạch [H04.04.04.04].

Bảng 4.1. Bảng đối sánh các chỉ số phần đầu từ năm học 2017-2021

TT	Mục tiêu	Chỉ số đánh giá	Chỉ tiêu phần đầu				
			2017-2018	2018-2019	2019-2020	2020-2021	2021-2022
1	Giáo dục và đào tạo	Quy mô đào tạo hệ đại học	1252	1302	1411	1798	1916
2		Quy mô đào tạo hệ thạc sĩ	73	42		25	39
3		Số lượng ngành mới mở		1 ThS; 1 ĐH	1 ThS; 1 ĐH	1 ThS; 3 ĐH	1 ThS, 03 ĐH
4		Tỷ lệ SV tốt nghiệp/tổng SV toàn khóa	92,9	94,8	93,8	91,6	90,3
5		Mức độ hài lòng của SV về CTĐT		80%	85%	88%	90%
6		Tỷ lệ CTĐT đạt kiểm định/tổng CTĐT của Trường	-	-	-	-	-
7		Tỷ lệ sinh viên có việc làm sau 12 tháng		88.4%	88.9%	90.1%	90.0%
8	Nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ	Số đề tài NCKH hàng năm của giảng viên và đề tài NCKH với đối tác	8	8	9	20	5
		Số đề tài NCKH hàng năm của SV, học viên	13	21	22	27	31
9		Doanh thu từ hoạt động chuyển giao công nghệ	-	-	-	-	
10		Số lượng sách, bài giảng, bài báo khoa học được công bố trong năm	03	16	11	30	12
11	Hợp tác	CBGV thăm quan học tập ở nước ngoài	3	4			

TT	Mục tiêu	Chỉ số đánh giá	Chỉ tiêu phấn đấu				
			2017-2018	2018-2019	2019-2020	2020-2021	2021-2022
	phát triển và hội nhập	Số lượt sinh viên tham quan thực tập tại doanh nghiệp		300	420	460	510
12		Số lượt sinh viên quốc tế đến thăm quan, học tập tại trường	10	20		30	40
13		Số lượng biên bản ghi nhớ MOU/MOA	1	3		5	8
14	Cơ cấu tổ chức và phát triển	Tỷ lệ sinh viên/GV	25,0	20,0	18,0	15,0	15,4
15		Tỷ lệ giảng viên là tiến sĩ trở lên/tổng GVCH của Trường	48,2%	49,2%	50,0%	50,0%	45,1
16		Mức độ hài lòng của sinh viên về hoạt động giảng dạy		85%	85%	90%	80%
17	Cơ sở vật chất	Tỷ lệ diện tích giảng đường/SV	0.90	0,84	0,94	1,43	
18		Tỷ lệ đầu sách/SV		1.3	1,3	1.33	1.5
19		Mức độ hài lòng của sinh viên đối với các dịch vụ tại thư viện	80%	80%	85%	85%	
20		Tỷ lệ bao phủ mạng không dây, kết nối Internet	60%	60%	80%	100%	100%
21		Tỷ lệ hài lòng với chất lượng Website, cổng thông tin điện tử	60,8%	70%	90%	100%	100%
22	Nguồn lực tài chính	Tỷ lệ tăng nguồn thu hàng năm (%)	15	20	25	30	
23	Đảm bảo chất lượng	Số lượng nhân sự tham gia tổ/nhóm chuyên trách	3	3	5	8	10
24		Số lượng khóa học về ĐBCL hàng năm	-	-	3	5	
25	Phục vụ	Đào tạo ngắn hạn (khóa/năm)	3	5	7	10	

TT	Mục tiêu	Chỉ số đánh giá	Chỉ tiêu phấn đấu				
			2017-2018	2018-2019	2019-2020	2020-2021	2021-2022
26	cộng đồng	Thiện nguyện	4	5	8	10	
27		Tư vấn, hội thảo	2	4	5	6	

Tự đánh giá: 4/7

*** Đánh giá chung về tiêu chuẩn 4**

1. Tóm tắt các điểm mạnh

Chiến lược của Trường được xây dựng dựa trên phân tích cơ hội, nguy cơ, điểm mạnh, điểm yếu và phản ánh được mong muốn của các bên liên quan của nhà trường. Chiến lược được cụ thể hóa thành các kế hoạch, chương trình để đảm bảo thực hiện được mục tiêu đề ra. Các mục tiêu chiến lược được chuyển thành các kế hoạch dài hạn, trung hạn, ngắn hạn với các chỉ tiêu rõ ràng, cụ thể để các đơn vị để triển khai thực hiện. Các mục tiêu chiến lược được đánh giá theo từng năm học để có sự điều chỉnh kịp thời và phù hợp với thực tiễn của Nhà trường

2. Tóm tắt các điểm tồn tại

Cơ chế phối hợp giữa các bộ phận trong việc thực hiện mục tiêu chiến lược còn gặp khó khăn nên dẫn tới có sự thiếu đồng bộ trong thực hiện mục tiêu của các đơn vị

3. Kế hoạch cải tiến

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện (bắt đầu và hoàn thành)
1	Khắc phục tồn tại	Tiến hành rà soát các hoạt động, áp dụng đồng bộ các biện pháp phòng ngừa và công nghệ 4.0 để quản trị rủi ro một cách tốt nhất.	Ban Giám hiệu, các đơn vị thuộc trường	Từ năm học 2021-2022 hoàn thành trong năm học 2022-2023
2	Phát huy điểm mạnh	Nhà trường duy trì việc rà soát đánh giá việc thực hiện mục tiêu chiến lược theo từng giai đoạn cụ thể để có điều chỉnh	Ban Giám hiệu và các đơn vị	Từ năm 2022 -2023

		kịp thời.		
--	--	-----------	--	--

4. Mức đánh giá

Tiêu chuẩn/tiêu chí	Tự đánh giá
<i>Tiêu chuẩn 4</i>	4.0
Tiêu chí 4.1	4.0
Tiêu chí 4.2	4.0
Tiêu chí 4.3	4.0
Tiêu chí 4.4	4.0

Tiêu chuẩn 5: Các chính sách về đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng

Tiêu chí 5.1. Có hệ thống để xây dựng các chính sách về đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng

Trường Đại học Kinh Bắc xác định đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng (ĐT, NCKH & PVCD) là những hoạt động quan trọng của Nhà trường thể hiện trong sứ mạng, tầm nhìn và chiến lược phát triển [H05.05.01.01]. Nhà trường đã ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường, trong đó quy định chức năng, nhiệm vụ của Ban Giám hiệu và các đơn vị [H05.05.01.02], [H05.05.01.03]. Trên cơ sở từng nội dung chính sách và kế hoạch xây dựng chính sách, BGH phân công các đơn vị chức năng liên quan xây dựng các chính sách về đào tạo, NCKH và PVCD nhằm thực hiện các mục tiêu của trường và phù hợp với định hướng các chính sách tương ứng mà nghị quyết của HĐQT đã đề ra [H05.05.01.04].

Phòng TC-HC-QT tham mưu cho Hiệu trưởng trong Xây dựng Chiến lược phát triển cơ cấu tổ chức, bộ máy, sử dụng nhân lực và công tác chế độ chính sách; Phòng Đào tạo có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan xây dựng, tham mưu ban hành và thực hiện các chính sách về Đào tạo; về NCKH giao cho phòng QLKH&HTQT chủ trì; về PVCD giao Phòng CTSV chủ trì hoặc thành lập Ban PVCD chủ trì, Trung tâm Tuyển sinh và HTDN, Công đoàn, ĐTN

phối hợp thực hiện; về chính sách ĐBCL giao cho Phòng KT&ĐBCL chủ trì thực hiện [H05.05.01.05], [H05.05.01.06], [H05.05.01.07], [H05.05.01.08], [H05.05.01.09]. Ban Giám hiệu giao cho Phòng TCHC xây dựng kế hoạch tập huấn, mời báo cáo viên hướng dẫn quy trình xây dựng chính sách đối với lãnh đạo các đơn vị và đại diện CB, GV, NV của Trường [H05.05.01.10], [H05.05.01.11]. Trên cơ sở đó, các phòng chức năng tiến hành nghiên cứu các chính sách của Nhà nước để từ đó tham mưu, đề xuất BGH Nhà trường thông qua và ban hành các chính sách về ĐT, NCKH và PVCĐ của Trường [H05.05.01.12], [H05.05.01.13].

Bên cạnh đó, các phòng chức năng luôn căn cứ SM, TN, giá trị cốt lõi, triết lý giáo dục và các mục tiêu chiến lược của Trường để đề xuất chính sách về ĐT, NCKH, PVCĐ [H05.05.01.01], [H05.05.01.14]. Chiến lược phát triển trường được xây dựng trên cơ sở chủ trương của Đảng, Nhà nước, Luật Giáo dục, Luật GDĐH, Điều lệ trường ĐH, các thông tư và công văn hướng dẫn của Bộ GD&ĐT, các Bộ, ngành liên quan; dựa trên kết quả phân tích bối cảnh xã hội, thực trạng của Nhà trường, thách thức về sự cạnh tranh nên phù hợp các Chiến lược này đã xác định rõ các chính sách chiến lược cho từng lĩnh vực đào tạo, NCKH, PVCĐ với các mục tiêu chiến lược cụ thể cho từng lĩnh vực phù hợp với SM, MT chiến lược của Nhà trường [H05.05.01.15]. Để các chính sách đi vào cuộc sống thì trước khi trình lãnh đạo phê duyệt, các văn bản này đã được lấy ý kiến góp ý rộng rãi của các đối tượng liên quan (đội ngũ CB, GV, NV và người học; chuyên gia, CBQL của các cơ quan quản lý cấp trên; các chuyên gia từ các trường ĐH, viện nghiên cứu, cơ quan tuyển dụng lao động...) thông qua nhiều hình thức trực tiếp, qua online...[H05.05.01.16], [H05.05.01.17], [H05.05.01.18], [H05.05.01.19], [H05.05.01.20], [H05.05.01.21], [H05.05.01.22], [H05.05.01.23], [H05.05.01.24]. Ngoài ra, bộ phận Thanh tra của trường có nhiệm vụ tư vấn, kiểm soát tính phù hợp, hợp pháp của các chính sách và giám sát quy trình thực hiện trong xây dựng các chính sách theo đúng quy định của pháp luật và phù hợp với điều kiện và chức năng, nhiệm vụ của Nhà

trường [H05.05.01.25]. Vì vậy, các chính sách của NT phù hợp với chủ trương của Đảng, các chính sách phát triển KT-XH của địa phương, vùng và đất nước; phù hợp với SM, TN và mục tiêu CLPT Trường; phù hợp với các chính sách của cơ quan quản lý cấp trên; liên quan mật thiết với các chính sách lao động, việc làm và an sinh xã hội.

Trước khi rà soát, xây dựng kế hoạch chính sách về ĐT, NCKH & PVCĐ, căn cứ các văn bản hướng dẫn của Chính phủ, Bộ Giáo dục và Đào tạo, các bộ, ngành liên quan, Nhà trường ban hành kế hoạch rà soát, xây dựng chính sách về ĐT, NCKH & PVCĐ hằng năm [H05.05.01.26].

Nhà trường đã ban hành các chính sách về đào tạo: Trên cơ sở các Nghị quyết của Chính phủ, Quyết định, Thông tư, Quy chế và các quy định hiện hành của các văn bản QPPL của cơ quan quản lý cấp trên như: quy chế tuyển sinh hàng năm, các quy chế/quy định đào tạo, quy định mở ngành đào tạo của Bộ GD&ĐT; Quy định Khung trình độ Quốc gia VN, Quy định về đào tạo liên thông, Điều lệ trường đại học của TTCP; Luật GD, Luật GDĐH của Quốc hội; Nhà trường đã xây dựng các chính sách về tuyển sinh [H05.05.01.53], đào tạo, xây dựng CTĐT, mở ngành mới và quy định các chính sách đối với CBQL, giảng viên, nhân viên (tiêu chuẩn và chế độ) và người học (chính sách học bổng, chế độ khen thưởng) [H05.05.01.27], [H05.05.01.52].

Để triển khai thực hiện các chính sách đào tạo, Nhà trường đã ban hành một hệ thống các quy chế, quy định như: Quy chế học vụ, trong đó có quy định về thi, ngân hàng câu hỏi thi, tổ chức thi, quản lý điểm; Quy chế chi tiêu nội bộ; Quy chế lương; Quy định chế độ làm việc; Quy định quản lý giảng dạy; Quy định tuyển dụng; Quy định cấp phát văn bằng chứng chỉ; Quy định học phí; các văn bản liên quan đến vệ sinh, an toàn trong công tác đào tạo và các hoạt động hỗ trợ đào tạo khác của Nhà trường [H05.05.01.28], [H05.05.01.29], [H05.05.01.30], [H05.05.01.31], [H05.05.01.32], [H05.05.01.33], [H05.05.01.34], [H05.05.01.35], [H05.05.01.36].

Triển khai thực hiện các quy chế, quy định nêu trên, Nhà trường đã có văn bản hướng dẫn cụ thể các công việc và các quy trình nghiệp vụ: Quy trình xây

dựng CTĐT và CDR, Quy trình lập kế hoạch giảng dạy và xếp thời khóa biểu, Quy trình mời giảng viên thỉnh giảng và quản lý hoạt động giảng dạy của GV, Quy trình tổ chức thi hết môn, Quy trình hướng dẫn và chấm đồ án, khóa luận tốt nghiệp, Quy trình xét tốt nghiệp, Quy trình quản lý văn bằng và chứng chỉ quốc gia; các hướng dẫn, nội quy an toàn lao động trong các phòng thực hành, phòng thí nghiệm [H05.05.01.35], [H05.05.01.37], [H05.05.01.38], [H05.05.01.39], [H05.05.01.40], [H05.05.01.41], [H05.05.01.42], [H05.05.01.43]. Các chính sách và các quy chế, quy định về đào tạo được các đơn vị liên quan (Phòng ĐT, Viện Đào tạo SDH, các khoa chuyên ngành, Phòng CTSV, P.TCHC, Phòng Khảo thí) chủ trì xây dựng trình lãnh đạo phê duyệt và triển khai [H05.05.01.44].

Các chính sách về **NCKH**: trên cơ sở các văn bản pháp quy của Chính phủ và của Bộ GD&ĐT, Bộ KH&CN, Nhà trường đã xây dựng các chính sách về NCKH; ban hành các quy chế, quy định, hướng dẫn thực hiện, các quy trình nghiệp vụ, liên quan đến các chính sách về NCKH, trong đó có các quy định về vấn đề sở hữu trí tuệ, các quy tắc đạo đức trong NCKH, trong chuyển giao công nghệ và hợp tác nghiên cứu như: Quy trình quản lý đề tài NCKH của CB-GV-NV [H05.05.01.45]; Quy trình quản lý đề tài NCKH của SV cấp Trường [H05.05.01.46]; quy định về tiêu chuẩn năng lực, đạo đức trong NCKH [H05.05.01.47]; HĐT đã ban hành Quy định hỗ trợ kinh phí NCKH cho sinh viên, học viên cao học và nghiên cứu sinh như tăng kinh phí, tăng số giờ chuẩn cho các đề tài NCKH, hỗ trợ kinh phí nghiên cứu từ 5 triệu - 10 triệu đồng/đề tài, quy định mỗi giảng viên có trách nhiệm phải chủ trì hoặc tham gia viết giáo trình, bài giảng; khi được Hội đồng khoa học duyệt in, phát hành được thưởng 10 triệu - 12 triệu/bài giảng [H05.05.01.48], Tuy nhiên, chính sách về nghiên cứu khoa học còn chưa thể hiện rõ việc ưu tiên, đầu tư nguồn lực cho NCKH và chuyển giao công nghệ; chưa khuyến khích GV, người học NCKH. Các chính sách và các văn bản về NCKH được các đơn vị liên quan xây dựng và triển khai [H05.05.01.49].

Chính sách phục vụ cộng đồng: trên cơ sở các văn bản pháp quy của Bộ GD&ĐT, Nhà trường đã xây dựng các chính sách về PVCD, chính sách hỗ trợ đối với SV như: Xây dựng và thực hiện văn hóa học đường, tổ chức hội chợ việc

làm, hội thảo tìm kiếm việc làm cho SV, tư vấn hỗ trợ học vụ, tư vấn hướng nghiệp, tư vấn - xác nhận SV hưởng các chính sách theo đúng quy định, hoạt động mùa hè xanh, hiến máu nhân đạo, phong trào SV tình nguyện, hợp tác đào tạo [H05.05.01.50], [H05.05.01.51].

Tự đánh giá: 5/7

Tiêu chí 5.2. Quy trình giám sát sự tuân thủ các chính sách được cụ thể hóa bằng văn bản, phổ biến và thực hiện

Nhà trường có các văn bản quy định về công tác giám sát các chính sách về đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng. Đó là, quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng trường, Quy chế tổ chức và hoạt động của Đảng ủy. Để giám sát sự tuân thủ các chính sách và các văn bản cụ thể hóa các chính sách về ĐT, NCKH và PVCĐ, dựa trên nội dung phân công chức năng, nhiệm vụ cho các đơn vị được quy định trong quy chế tổ chức hoạt động, Nhà trường phân công các đơn vị chịu trách nhiệm theo dõi và giám sát việc thực hiện các chính sách về ĐT, NCKH và PVCĐ [H05.05.02.01], [H05.05.02.02], [H05.05.02.03], [H05.05.02.04], [H05.05.02.17]. Theo đó, Phòng TCHC là đơn vị thường trực theo dõi, giám sát việc thực hiện các chính sách về ĐT, NCKH và PVCĐ của Trường [H05.05.02.05]. Bên cạnh đó, Phòng QLĐT theo dõi và giám sát việc thực hiện các chính sách về ĐT; Phòng QLKH&HTQT theo dõi và giám sát việc thực hiện các chính sách về NCKH; Phòng CTSV theo dõi và giám sát việc thực hiện các chính sách về phục vụ cộng đồng [H05.05.02.06]. Ngoài ra, các đơn vị của Trường đồng thời có trách nhiệm theo dõi và giám sát việc thực hiện các chính sách về ĐT, NCKH và PVCĐ của Nhà trường [H05.05.02.07].

Nhà trường đã ban hành quy trình giám sát sự tuân thủ các chính sách, quy định thời gian, nhiệm vụ giám sát và báo cáo đối với các phòng chức năng theo nhiệm vụ được phân công; các văn bản hướng dẫn ban thanh tra về giám sát chính sách ĐT, NCKH và PVCĐ [H05.05.02.08] [H05.05.02.18], [H05.05.02.19]. Quy trình giám sát sự tuân thủ của các đơn vị có liên quan về thực hiện các chính sách về ĐT, NCKH và PVCĐ được tiến hành bao gồm các bước: 1) Tiếp nhận,

thu thập và xử lý thông tin về các chính sách ĐT, NCKH và PVCĐ; 2) Thực hiện xây dựng kế hoạch kiểm tra (thực hiện kế hoạch kiểm tra tổng thể và kế hoạch kiểm tra cụ thể); 3) Thông báo kế hoạch kiểm tra; 4) Tổ chức kiểm tra (Kiểm tra trong quá trình thực hiện, kiểm tra khi hoàn thành thực hiện các chính sách về ĐT, NCKH và PVCĐ); 5) Yêu cầu khắc phục các tồn tại trong quá trình thực hiện các chính sách về ĐT, NCKH và PVCĐ; 6) Phát hành thông báo kết quả kiểm tra và lưu trữ hồ sơ theo quy định.

Nhà trường đã công bố trên Website, gửi Thông báo quy trình giám sát tuân thủ các chính sách về ĐT, NCKH và PVCĐ tới các đơn vị; gửi qua Email cho các đơn vị; phổ biến trong cuộc họp Đảng uỷ/HĐT Trường; phổ biến trong các cuộc họp giao ban của BGH, cuộc họp chuyên đề, họp định kỳ của các đơn vị; đội ngũ CVHT phổ biến tới người học để toàn thể CB, GV, NV và người học giám sát và thực hiện [H05.05.02.09], [H05.05.02.10], [H05.05.02.11].

Để giám sát các chính sách về ĐT, NCKH và PVCĐ, Nhà trường đã thực hiện tự giám sát bên trong trường và giám sát ngoài (Cơ QLNN về GD và cơ quan chủ quản). Đối với NCKH: Giám sát quy định quản lý NCKH/KHCN, quy định tài chính NCKH, quy trình quản lý đề tài NCKH; tỷ lệ kinh phí NCKH. Đối với ĐT: giám sát việc mở ngành ĐT, xây dựng CTĐT, việc cấp phát, lưu trữ VBCC, quy trình KTĐG; hoạt động GD, Đối với PVCĐ: giám sát việc xây dựng KH; ký kết HĐ/thoả thuận, hiệu quả và tác động của PVCĐ [H05.05.02.12], [H05.05.02.13].

Định kỳ hàng năm, các phòng chức năng được giao nhiệm vụ giám sát chính sách đều phải thực hiện báo cáo hoạt động giám sát. Cụ thể, Phòng TC-HC báo cáo về hoạt động ĐTBĐ cán bộ; Phòng QLKH&HTQT báo cáo kết quả NCKH của SV, GV; các bài báo, công bố khoa học. Phòng Công tác sinh viên báo cáo kết quả giám sát về học bổng, các chế độ hỗ trợ khác cho SV. Phòng Tài vụ thống kê báo cáo tất cả các khoản chi cho hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ. Các báo cáo được công khai trên hệ thống quản lý văn bản nội bộ; thông báo trong cuộc họp tổng kết cuối năm và hội nghị tổng kết năm học hằng năm [H05.05.02.14], [H05.05.02.15], [H05.05.02.16]. Việc thực hiện các chính sách

này được báo cáo thường xuyên qua các cuộc họp Đảng ủy và Giao ban hàng tháng, kết quả thực hiện chính sách được phổ biến tới toàn thể cán bộ, đảng viên và người lao động thông qua Nghị quyết Đảng ủy, HĐT [H05.05.02.20], [H05.05.02.21] .

Tự đánh giá: 5/7

Tiêu chí 5.3. Các chính sách về đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng được rà soát thường xuyên

Trong văn bản hướng dẫn về xây dựng chính sách do Nhà trường ban hành có quy định về việc định kỳ hằng năm tiến hành rà soát các chính sách về ĐT, NCKH và PVCĐ của Trường [H05.05.03.01].

Các chính sách về ĐT: Nhà trường có quy định về việc định kỳ rà soát thực hiện một số chính sách, như rà soát chuẩn đầu ra và chương trình đào tạo [H05.05.03.13], [H05.05.03.14], từ đó có cơ sở điều chỉnh, cải tiến các kế hoạch cho phù hợp với điều kiện thực tiễn và sự phát triển của Nhà trường [H05.05.03.02]. Nhà trường phân công Phòng QLĐT thực hiện việc rà soát các chính sách về ĐT; Phòng TCHC là đơn vị theo dõi, giám sát việc rà soát các chính sách về quy chế chi tiêu nội bộ, quy định về định mức của nhà giáo, các quy định về nghiên cứu khoa học, về phục vụ cộng đồng. Phòng QLKH&HTQT thực hiện việc rà soát các chính sách về NCKH; Phòng CTSV thực hiện việc rà soát các chính sách về PVCĐ [H05.05.03.03], [H05.05.03.04], [H05.05.03.05].

Hằng năm, Phòng TCHC tổng hợp báo cáo thực hiện việc rà soát các chính sách về ĐT, NCKH và PVCĐ do các đơn vị của Trường thực hiện thành báo cáo rà soát các chính sách về ĐT, NCKH và PVCĐ của Nhà trường [H05.05.03.06], [H05.05.03.07]. Trong báo cáo tổng kết hằng năm của Nhà trường đồng thời thể hiện kết quả rà soát các chính sách về ĐT, NCKH và PVCĐ của Trường [H05.05.03.08]. Kết quả rà soát các chính sách về ĐT, NCKH và PVCĐ của Nhà trường được thực hiện dựa trên việc đánh giá kết quả áp dụng các chính sách về ĐT, NCKH và PVCĐ trong thực tiễn đồng thời phát hiện các tồn tại, chưa kịp cập nhật của các chính sách so với thực tiễn hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ của Nhà

trường [H05.05.03.07]. Các quy định thường được rà soát khi có sự thay đổi của các quy định cấp trên, riêng quy chế chi tiêu nội bộ được định kỳ rà soát hằng năm nhằm bổ sung, cập nhật các chính sách được kịp thời nhất. Kết quả rà soát, đánh giá là cơ sở để Nhà trường ban hành các văn bản điều chỉnh các chính sách về ĐT, NCKH và PVCĐ cho phù hợp với điều kiện thực tiễn [H05.05.03.09], [H05.05.03.10] , [H05.05.03.11], [H05.05.03.12].

Tự đánh giá: 5/7

Tiêu chí 5.4. Các chính sách về đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng được cải tiến nhằm tăng hiệu quả hoạt động của CSGD, đáp ứng nhu cầu và sự hài lòng của các bên liên quan

Các chính sách về đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng được nhà trường cải tiến, điều chỉnh nhằm thích ứng với những thay đổi của cơ quan quản lý cấp trên và phù hợp với tình hình thực tiễn của Nhà trường cũng như định hướng phát triển của Nhà trường ở các thời kỳ. Trong quá trình cải tiến các chính sách đều được thực hiện theo những quy trình nhất định.

Dựa trên kết quả rà soát, đánh giá việc thực hiện các chính sách về ĐT, NCKH và PVCĐ, các đơn vị tiến hành điều chỉnh, cải tiến các chính sách cho phù hợp với điều kiện thực tiễn nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của Trường [H05.05.04.01]. Phòng ĐT đề xuất việc điều chỉnh, cải tiến chính sách về ĐT, phòng HTQT&QLKH đề xuất cải tiến, điều chỉnh chính sách về NCKH, Công đoàn và Đoàn thanh niên, trung tâm HTSV đề xuất việc điều chỉnh, cải tiến các chính sách về PVCĐ, các phòng chức năng theo trách nhiệm được phân công đề xuất cải tiến, điều chỉnh quy chế, quy định liên quan đến các chính sách về ĐT, NCKH và PVCĐ [H05.05.04.02]. Các đề xuất điều chỉnh, cải tiến chính sách ĐT, NCKH, PVCĐ sau khi được tổ chức lấy ý kiến của các bên liên quan (HĐT, cán bộ, giảng viên, sinh viên...) và thống nhất tại cuộc họp giữa lãnh đạo nhà trường với lãnh đạo các đơn vị, Hiệu trưởng Nhà trường ký ban hành các chính sách về ĐT, NCKH, PVCĐ đã được điều chỉnh, cải tiến [H05.05.04.02], [H05.05.04.03], [H05.05.04.04], [H05.05.04.05], [H05.05.04.06],

[H05.05.04.07], [H05.05.04.08], [H05.05.04.09], [H05.05.04.10], [H05.05.04.11].

Sau mỗi đợt rà soát các chính sách về ĐT, NCKH và PVCĐ, các đơn vị chủ trì báo cáo các mặt tồn tại, hạn chế, phân tích nguyên nhân và đề nghị hướng khắc phục, phòng ngừa rủi ro và cải tiến chính sách [H05.05.04.12]. Các quy định chung về ĐT theo học chế tín chỉ đã được cải tiến. Quy định các khoản chi cho các hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ được bổ sung, cập nhật hằng năm thể hiện rõ trong quy chế chi tiêu nội bộ [H05.05.04.13], [H05.05.04.14].

Sau mỗi hội nghị đối thoại giữa lãnh đạo Nhà trường với đại diện sinh viên đều có thông báo kết luận của hiệu trưởng về các nội dung sẽ thực hiện cải tiến trong thời gian tới đáp ứng nhu cầu của sinh viên và phù hợp với khả năng của Nhà trường [H05.05.04.15] và Biên bản họp của Đảng bộ, của HĐT hàng năm [H05.05.04.28], [H05.05.04.29].

Trường ĐHKB đã tiến hành khảo sát các bên liên quan về chính sách ĐT, NCKH, PVCĐ từ giảng viên, sinh viên, nhà tuyển dụng, các đối tượng thụ hưởng chính sách PVCĐ và đa số nhận được kết quả hài lòng của đối tượng được khảo sát [H05.05.04.30]. Sự hài lòng của các bên liên quan về các chính sách ĐT, NCKH và PVCĐ thể hiện:

- Sự hài lòng của sinh viên về các đề xuất đã được Nhà trường kịp thời trả lời và thông tin chính thức sau các cuộc họp, hội nghị đối thoại với sinh viên [H05.05.04.16].

- Các doanh nghiệp hài lòng về chính sách ĐT của nhà trường của thông qua các phản hồi doanh nghiệp, của người sử dụng lao động trong các hoạt động tổ chức Ngày hội việc làm tại Trường. Nhà trường có nhiều hợp đồng ĐT, bồi dưỡng, tập huấn ngắn hạn theo đơn đặt hàng của các doanh nghiệp [H05.05.04.17], [H05.05.04.18], [H05.05.04.19].

- Các chính sách về PVCĐ của nhà trường được triển khai thực hiện thường xuyên, hiệu quả, đem lại sự gắn kết giữa nhà trường với cộng đồng [H05.05.04.20], [H05.05.04.21].

Việc xin ý kiến của các bên liên quan như vậy đã góp phần nâng cao hiệu quả, hiệu lực của các chính sách, các thầy cô giáo đều biết, hiểu chính sách, do đó việc áp dụng sẽ thành công hơn. Bên cạnh đó, hằng năm nhà trường đều tiến hành điều chỉnh và ban hành những sự thay đổi cho phù hợp [H05.05.04.22], [H05.05.04.23], [H05.05.04.24], [H05.05.04.25], [H05.05.04.26], [H05.05.04.27].

Tự đánh giá: 5/7

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 5:

1. Tóm tắt các điểm mạnh

- Nhà trường đã xây dựng các chính sách về đào tạo, nghiên cứu khoa học, phục vụ cộng đồng khi có các quy định của cấp trên; việc xây dựng quy chế, quy định có sự đóng góp của các đơn vị, cán bộ, GV; được đưa vào áp dụng và làm cơ sở cho việc đánh giá, phân loại cán bộ, viên chức và người lao động hằng năm.

- Nhà trường đã có những văn bản quy định về công tác giám sát thực hiện các chính sách. Kết quả thực hiện chính sách được báo cáo thường xuyên trong các kỳ họp Đảng ủy và giao ban hằng tháng.

- Các chính sách được rà soát thường xuyên, phù hợp với những thay đổi của cấp trên; quá trình rà soát các chính sách được thực hiện theo quy trình và được xin ý kiến của các đơn vị, các cán bộ, viên chức và người lao động.

- Các chính sách được phổ biến rộng rãi tới các đối tượng có liên quan để biết và thực hiện.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại:

- Việc tập huấn xây dựng chính sách cho đội ngũ cán bộ chưa được thực hiện thường xuyên; hằng năm chưa lấy ý kiến của các bên liên quan về thực hiện các chính sách chưa thực hiện tốt do đối tượng người học nhiều; việc rà soát các chính sách còn hạn chế do hạn chế về nhân lực.

- Vai trò giám sát về việc thực hiện một số chính sách còn hạn chế; chưa xây dựng thành quy trình giám sát và cơ chế báo cáo kết quả giám sát trong thực hiện các chính sách.

- Một số chính sách có thay đổi, cập nhật nhưng còn chậm so với các quy định của cấp trên. Bộ phận rà soát các văn bản của Nhà trường hoạt động còn chưa hiệu quả, chủ yếu là do các đơn vị tự rà soát khi có yêu cầu cập nhật, đổi mới từ cấp trên.

- Quá trình điều chỉnh chính sách đào tạo, nghiên cứu khoa học có liên quan đến người học chưa được thực hiện rộng rãi.

3. Kế hoạch cải tiến

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/cá nhân thực hiện	Thời gian
1	Khắc phục tồn tại 1	- Tập huấn xây dựng chính sách cho đội ngũ cán bộ - Tổ chức lấy ý kiến của các bên liên quan về thực hiện chính sách - Rà soát các quy định, quy chế về chính sách	Phòng HC-TC Phòng KT&ĐBCLGD chủ trì, các phòng có liên quan phối hợp Phòng Thanh tra – Pháp chế	Đầu mỗi năm dương lịch Kết thúc mỗi năm học Cuối mỗi năm dương lịch
2	Khắc phục tồn tại 2	- Rà soát lại quy chế hoạt động của Hội đồng Trường, Quy chế tổ chức và hoạt động của Đảng ủy, Quy chế tổ chức và hoạt động của Nhà trường để quy định rõ hơn, cụ thể hơn về trách nhiệm giám sát - Xây dựng và ban hành quy trình chuẩn về giám sát thực hiện chính sách - Tăng cường truyền thông tới các bên liên quan, nhất là sinh viên về thực hiện chính sách của Nhà trường, nhất là các chính sách có liên	Văn phòng Hội đồng trường, Văn phòng Đảng ủy, Phòng Hành chính tổ chức chủ trì Ban giám sát của Hội đồng trường; Phòng Thanh tra – Pháp chế	Năm 2023 Năm 2023

		quan đến sinh viên	Phòng CT HSSV, ĐTN, BCN các khoa, các cố vấn học tập	Năm 2023
	Khắc phục tồn tại 3	- Định kỳ rà soát các quy định về chính sách đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng - Tổ chức tập huấn cho cán bộ làm công tác rà soát các chế độ chính sách	Phòng TT-PC chủ trì rà soát; các đơn vị: Phòng HC-TC, Phòng KH-TC; Phòng KHCN&HTQT; Phòng QLĐào tạo; Công đoàn trường thực hiện cập nhật Phòng TT-PC cử cán bộ đi tập huấn, tổ chức lớp tập huấn cho các cán bộ thuộc các phòng	Năm 2023 Mỗi năm 1 lần
	Khắc phục tồn tại 4	Xin ý kiến người học một cách rộng rãi với các chính sách có liên quan đến người học	Đơn vị soạn thảo chủ trì, phối hợp cùng hệ thống cố vấn học tập; Đoàn thanh niên Nhà trường	Năm 2023
	Phát huy điểm mạnh 1	Tiếp tục hoàn thiện các chính sách, tổ chức các hội nghị để lấy ý kiến đóng góp rộng rãi từ giảng viên và người học	Các đơn vị chuyên môn	Từ năm 2023
	Phát huy điểm mạnh 2	Chuyên môn hóa báo cáo đánh giá kết quả thực hiện các chính sách để có những giải pháp cải tiến phù hợp hơn	Các đơn vị chuyên môn	Từ năm 2023
	Phát huy điểm mạnh 3	Định kỳ hằng năm rà soát các chính sách để có các cải tiến cho phù hợp với thực tiễn hơn	Các đơn vị chuyên môn	Từ năm 2023
	Phát huy	Phát huy hơn nữa công	Phòng CT	Từ năm

	điểm mạnh 4	tác phổ biến chính sách, nhất là đối với người học	HSSV, Đoàn TN, Hội SV trường	2023
--	----------------	---	------------------------------------	------

4. Mức đánh giá

Tiêu chuẩn/ Tiêu chí	Tự đánh giá
Tiêu chuẩn 5	5/7
Tiêu chí 5.1	5/7
Tiêu chí 5.2	5/7
Tiêu chí 5.3	5/7
Tiêu chí 5.4	5/7

Tiêu chuẩn 6. Quản lý nguồn nhân lực

Tiêu chí 6.1: Nguồn nhân lực được quy hoạch để đáp ứng đầy đủ nhu cầu của hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng

Trường ĐH KB xác định việc quy hoạch và phát triển nguồn nhân lực là mục tiêu tiên quyết nhằm đáp ứng nhu cầu hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng. Tầm quan trọng của việc quy hoạch nguồn nhân lực được nêu rõ trong Chiến lược phát triển Trường, trong đó xác định việc xây dựng nguồn nhân lực chất lượng cao và chuyên nghiệp trong tất cả các đối tượng cán bộ quản lý, giảng viên, chuyên viên và nhân viên phục vụ mà trung tâm là lực lượng giảng viên giữ vai trò quyết định về chất lượng đào tạo, vị thế và thương hiệu của Trường [H06.06.01.01]; Nhà trường phân công Phòng TC-HC triển khai xây dựng văn bản quy định quy hoạch nhân sự của Trường [H06.06.01.02]. Hằng năm, NT thực hiện rà soát nguồn nhân lực hiện có, đánh giá nhu cầu phát triển đội ngũ từ các đơn vị để xây dựng KH bổ sung nguồn nhân lực chung cho Trường [H06.06.01.03]; Căn cứ các văn bản của Bộ Nội vụ, Bộ GD&ĐT và các quy định hiện hành về công tác CB, Phòng TC-HC xây dựng văn bản quy định về quy hoạch nhân sự của Trường, lấy ý kiến của các đơn vị, chỉnh sửa dựa trên ý kiến góp ý của các đơn vị, trên cơ sở đó trình Hiệu trưởng ký ban hành [H06.06.01.04], [H06.06.01.05], [H06.06.01.14]. Phòng TC-HC gửi văn bản quy định về quy hoạch nhân sự do Nhà trường ban hành đến các đơn vị để phổ biến đến CB, GV, NV và triển khai thực hiện. Các đơn vị đề xuất nhân sự quy hoạch

dựa trên nhu cầu của hoạt động ĐT, NCKH và PVCD, gửi danh sách đề xuất nhân sự quy hoạch của đơn vị về Phòng TC-HC để tổng hợp, báo cáo BGH, HĐQT Nhà trường để thông qua danh sách quy hoạch nhân sự của Trường [H06.06.01.06], [H06.06.01.15], [H06.06.01.16] và sau khi thực hiện quy trình đã có Báo cáo tổng hợp về việc thực hiện bổ nhiệm, bổ nhiệm lại hàng năm [H06.06.01.20].

Trong văn bản quy định về quy hoạch nhân sự của Trường có đầy đủ các nội dung về quy trình thực hiện quy hoạch cũng như các tiêu chí cụ thể đối với từng vị trí công tác được quy hoạch. Ngoài các tiêu chí chung về quy hoạch nguồn nhân lực, trong văn bản quy định về quy hoạch nhân sự của Trường, đồng thời quy định các tiêu chí cụ thể đối với các chức danh quản lý. Nhà trường gửi văn bản quy định về quy hoạch nhân sự của Trường đến các đơn vị để thông báo đến đội ngũ CB, GV, NV của Trường. Bên cạnh đó, văn bản quy định về quy hoạch nhân sự của Trường được đăng tải trên website cũng như phổ biến, quán triệt tại các cuộc họp giao ban của Nhà trường [H06.06.01.07], [H06.06.01.08], [H06.06.01.09]. Trong KHCL của Nhà trường giai đoạn 2013-2020 tầm nhìn 2025 có các nội dung về chiến lược phát triển đội ngũ với các chỉ tiêu cụ thể: Tỷ lệ GV có trình độ TS đạt 30 - 40% [H06.06.01.10]. Bên cạnh đó, trong bộ chỉ số KPIs của Nhà trường ban hành đồng thời có các chỉ tiêu về phát triển đội ngũ [H06.06.01.11]. BGH Nhà trường giao nhiệm vụ cho Phòng TC-HC là đơn vị thường trực của công tác phát triển đội ngũ của Trường. Phòng TC-HC thông báo các đơn vị xác định Đề án vị trí việc làm của đơn vị dựa trên nhu cầu nhân lực nhằm phục vụ hoạt động ĐT, NCKH và PVCD. Các đơn vị xây dựng Đề án vị trí việc làm của đơn vị, gửi về Phòng TC-HC để tổng hợp và thông qua cuộc họp của HĐQT, BGH, trên cơ sở đó, Hiệu trưởng Nhà trường ký ban hành Đề án vị trí việc làm của Trường [H06.06.01.12], [H06.06.01.16].; danh sách quy hoạch nhân sự giai đoạn 19-22 [H06.06.01.15] . Phòng TC-HC gửi văn bản Đề án vị trí việc làm, danh sách quy hoạch nhân sự của Trường đã phê duyệt đến các đơn vị để phổ biến đến đội ngũ CB, GV, NV biết và thực hiện [H06.06.01.13], [H06.06.01.17], [H06.06.01.18], [H06.06.01.19]. Nhờ có việc quy hoạch nguồn

nhân lực trên cơ sở đánh giá, rà soát nhu cầu nguồn nhân lực mà NT đã xây dựng được đội ngũ CBQL, GV, NV đáp ứng nhu cầu ĐT, NCKH và PVCĐ. Tính đến cuối năm 2021, NT có 29 cán bộ quản lý; 151 giảng viên cơ hữu, trong đó có 57 giảng viên trình độ tiến sĩ, 73 giảng viên trình độ thạc sĩ, trình độ đại học là 21 giảng viên. [H06.06.01.07], [H06.06.01.15].

Tự đánh giá: 5/7

Tiêu chí 6.2. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn bao gồm cả các tiêu chí về đạo đức và tự do học thuật sử dụng trong việc đề bạt, bổ nhiệm và sắp xếp nhân sự được xác định và được phổ biến

Công tác tuyển dụng là yếu tố đóng vai trò hết sức quan trọng trong việc bổ sung và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực. Để thực hiện tốt công tác tuyển dụng, Nhà trường ban hành Quy định về tuyển dụng và ký kết hợp đồng làm việc đối với viên chức tại Trường. BGH Nhà trường phân công nhiệm vụ cho Phòng TC-HC xây dựng Quy định quản lý đội ngũ CB, GV, NV của Trường [H06.06.02.01]. Phòng TC-HC căn cứ Đề án vị trí việc làm của đội ngũ CB, GV, NV; khung năng lực CB, GV, NV [H06.06.02.02], [H06.06.02.03], [H06.06.02.18], [H06.06.02.20]. Để xây dựng dự thảo Quy định quản lý đội ngũ CB, GV, NV, phòng TC-HC lấy ý kiến góp ý của các đơn vị và chỉnh sửa dự thảo dựa trên các ý kiến góp ý, thông qua cuộc họp của BGH với lãnh đạo các đơn vị và trình Hiệu trưởng ký ban hành [H06.06.02.04], [H06.06.02.15], [H06.06.02.16]. Trong Quy định quản lý đội ngũ CB, GV, NV của Nhà trường có quy định rõ về quy trình, tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn đội ngũ CB, GV, NV đáp ứng các yêu cầu của Luật Viên chức, Luật Công chức và các quy định hiện hành khác của Nhà nước [H06.06.02.05], [H06.06.02.17].

Trong văn bản Quy định quản lý đội ngũ CB, GV, NV của Nhà trường ban hành đồng thời quy định về công tác đề bạt, bổ nhiệm và sắp xếp nhân sự của Trường [H06.06.02.06]. Theo đó, các nhân sự được đề bạt, bổ nhiệm và sắp xếp phải đáp ứng đúng và đủ các yêu cầu theo quy định. Đối với tiêu chuẩn Hiệu trưởng yêu cầu phải có trình độ chuyên môn từ tiến sĩ trở lên, có năng lực, kỹ năng lãnh đạo, quản lý. Đối với Phó Hiệu trưởng phụ trách công tác đào tạo và

nghiên cứu khoa học phải có trình độ chuyên môn từ tiến sĩ trở lên, có năng lực, kỹ năng lãnh đạo, quản lý. Đối với Trưởng Phòng QLĐT, Phòng QLKH&HTQT phải có trình độ chuyên môn từ tiến sĩ trở lên và Trưởng các Khoa, Tổ trưởng bộ môn phải có trình độ chuyên môn từ tiến sĩ trở lên đúng chuyên ngành quản lý [H06.06.02.07]. Bên cạnh các quy định về trình độ, chuyên môn nghiệp vụ, công tác đề bạt, bổ nhiệm và sắp xếp CBQL của Nhà trường đồng thời phải đáp ứng các yêu cầu về trình độ ngoại ngữ B1, trình độ tin học cơ bản, có phẩm chất tư tưởng đạo đức vững vàng, có ý thức kỷ luật tốt và không được quá 75 tuổi [H06.06.02.08]; [H06.06.02.09].

Thông kê thời điểm ĐGN, NT có 198 CBQL, GV, NV cơ hữu, trong đó Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ tiến sĩ trên tổng số giảng viên cơ hữu (44/142): 31,0%, trong đó PGS (17)17,1%; Giáo sư (03) 2,2%;. Giai đoạn đánh giá, NT có 21 cán bộ, giảng viên bổ nhiệm chức vụ Lãnh đạo, 63 GV được tuyển dụng mới theo quy định; 0 về hưu, 0 kéo dài thời gian. [H06.06.02.10].

Phòng TC-HC gửi văn bản Quy định quản lý đội ngũ CB, GV, NV đến các đơn vị để thông báo đến CB, GV, NV [H06.06.02.11], [H06.06.02.14], [H06.06.02.19]. Chiến lược phát triển nguồn nhân lực, các quy định được lồng ghép phổ biến trong các cuộc họp, hội nghị và đăng tải trên website <http://daihockinhbac.edu.vn> của Trường, [H06.06.02.12], [H06.06.02.13], [H06.06.02.21]..

Tự đánh giá: 5/7

Tiêu chí 6.3. Xác định và xây dựng được tiêu chuẩn năng lực (bao gồm cả kỹ năng lãnh đạo) của các nhóm cán bộ, giảng viên, nhân viên khác nhau

Trong Đề án vị trí việc làm của Nhà trường ban hành có thể hiện rõ nội dung mô tả năng lực đối với đội ngũ CB, GV, NV... trong đó quy định tiêu chuẩn khung năng lực của đội ngũ cán bộ lãnh đạo quản lý, cán bộ, giảng viên và nhân viên của Trường như: Đề án đã xác định được 55 vị trí và phân theo 3 nhóm, gồm: nhóm công việc lãnh đạo, quản lý, điều hành (12 vị trí); nhóm công việc hoạt động nghề nghiệp (11 vị trí); nhóm công việc hỗ trợ, phục vụ (32 vị trí). Đối

với từng vị trí công việc của CB, GV, NV đều có mô tả các năng lực bao gồm cả kỹ năng lãnh đạo [H06.06.03.01]. Xác định chất lượng đội ngũ giảng viên đóng vai trò quyết định trong việc nâng cao chất lượng đào tạo, khẳng định vị thế, thương hiệu của Trường, Nhà trường đã xây dựng quy trình quy hoạch cán bộ quản lý, trong đó quy định rõ chế độ ưu tiên thu hút sử dụng lao động có trình độ từ tiến sĩ trở lên. Với mục tiêu phát triển thành trường đại học đa ngành, Nhà trường ưu tiên tuyển dụng đối với các giảng viên ngoài ngành sư phạm nhưng có kinh nghiệm trong giảng dạy, thành thạo ngoại ngữ, ứng dụng tốt khoa học, kỹ thuật trong giảng dạy, có năng lực nghiên cứu... Từng vị trí tuyển dụng lại có yêu cầu đạt về trình độ, năng lực, ngành nghề khác nhau theo khung năng lực [H06.06.03.02]. Nhà trường thông báo nội dung mô tả năng lực cụ thể của từng đối tượng đến toàn thể CB, GV, NV biết và thực hiện [H06.06.03.03]. Trong các thông báo tuyển dụng của Nhà trường luôn xác định và mô tả rõ năng lực cần có đối với các vị trí CB, GV, NV cần tuyển dụng [H06.06.03.04], [H06.06.03.13]. Bên cạnh đó, trong văn bản hướng dẫn công tác quy hoạch và bổ nhiệm của Nhà trường có mô tả rõ năng lực đối với từng vị trí quy hoạch và bổ nhiệm [H06.06.03.05].

Căn cứ vào Chiến lược phát triển trường [H06.06.03.10], [H06.06.03.12], Đề án vị trí việc làm của Trường và nhu cầu các đơn vị, Nhà trường tiến hành việc tuyển dụng viên chức. Xác định chất lượng đội ngũ nhân sự đóng vai trò quyết định trong việc nâng cao chất lượng đào tạo, năm 2022,

Nhà trường xác định các tiêu chuẩn năng lực của đội ngũ CB, GV, NV bao gồm cả kỹ năng lãnh đạo trong văn bản Quy định quản lý đội ngũ CB, GV, NV của Nhà trường. Nhà trường quy định năng lực cụ thể đối với đội ngũ CBQL bao gồm: Đối với Hiệu trưởng Nhà trường yêu cầu phải có trình độ chuyên môn tiến sĩ trở lên, hoàn thành chương trình cao cấp lý luận chính trị, chương trình bồi dưỡng kiến thức Quản lý nhà nước chuyên viên cao cấp, chương trình bồi dưỡng năng lực, kỹ năng lãnh đạo, quản lý. Đối với Phó Hiệu trưởng phụ trách công tác đào tạo và nghiên cứu khoa học phải có trình độ chuyên môn từ tiến sĩ trở lên, có năng lực, kỹ năng lãnh đạo, quản lý. Đối với Trưởng Phòng QLĐT, Phòng

QLKH&HTQT phải có trình độ chuyên môn từ tiến sĩ trở lên, Trưởng các Khoa và Tổ trưởng bộ môn phải có trình độ chuyên môn từ Tiến sĩ trở lên, đúng với chuyên ngành quản lý. Bên cạnh đó, Nhà trường quy định năng lực cụ thể đối với đội ngũ GV như: Trình độ chuyên môn Thạc sĩ trở lên, đúng chuyên ngành, có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm, có lý lịch rõ ràng, phẩm chất chính trị, đạo đức, tư cách tốt. Đối với nhân viên, Nhà trường quy định năng lực cụ thể bao gồm: Có trình độ đại học trở lên; có năng lực chuyên môn, nghiệp vụ theo yêu cầu vị trí việc làm; có trình độ ngoại ngữ, trình độ tin học cơ bản [H06.06.03.06]. Ngoài ra, Nhà trường ưu tiên tuyển chọn cũng như bổ nhiệm nhân sự có học hàm, học vị cao, thành tích và kinh nghiệm trong giảng dạy, NCKH và quản lý [H06.06.03.07] và trong quy định về công tác thi đua, khen thưởng trong trường [H06.06.03.11].

Đối với các chức danh lãnh đạo quản lý, căn cứ vào quy định của Nhà nước và của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Trường đã cụ thể hóa tiêu chuẩn năng lực trong quy chế tổ chức và hoạt động của Trường [H06.06.03.08].

Việc xác định và xây dựng tiêu chuẩn năng lực của các nhóm cán bộ, giảng viên, nhân viên và cán bộ quản lý đều được thực hiện từ nghị quyết Hội đồng Trường, Ban Giám hiệu giao cho phòng Tổ chức – Hành chính – Quản trị (chủ trì) làm đầu mối xây dựng kế hoạch và giám sát thực hiện [H06.06.03.09] và được thông báo và lấy ý kiến đóng góp xây dựng Quy định quản lý đội ngũ CBGVNV trường ĐHKB [H06.06.03.11].

Tự đánh giá: 5/7

Tiêu chí 6.4. Nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng, phát triển đội ngũ cán bộ, giảng viên, nhân viên được xác định và có các hoạt động được triển khai để đáp ứng các nhu cầu đó

Trường Đại học Kinh Bắc đã xây dựng quy trình về đào tạo, bồi dưỡng, cán bộ, giảng viên và nhân viên [H06.06.04.01].

Để có cơ sở xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng và phát triển đội ngũ CB, GV, NV, Phòng TC-HC thông báo đến các đơn vị triển khai để CB, GV, NV đăng ký nhu cầu được đào tạo, bồi dưỡng trong từng giai đoạn cũng như hằng

năm [H06.06.04.02]. Căn cứ số liệu đăng ký của các đơn vị về nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng của CB, GV, NV, Phòng TC-HC tổng hợp, trình BGH ký ban hành kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn của đội ngũ CB, GV, NV và gửi thông báo đến các đơn vị để phổ biến CB, GV, NV biết và thực hiện [H06.06.04.03], [H06.06.04.04].

Phòng TC-HC là đơn vị thường trực theo dõi và báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn của đội ngũ CB, GV, NV, đồng thời yêu cầu lãnh đạo các đơn vị động viên, khuyến khích CB, GV, NV tham gia đào tạo, bồi dưỡng theo kế hoạch đã được ban hành [H06.06.04.05]; [H06.06.04.06]. Trong quá trình thông qua kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn của đội ngũ CB, GV, NV, BGH Nhà trường luôn chú trọng đến mức độ đáp ứng của kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn của đội ngũ CB, GV, NV với các mục tiêu chiến lược của Trường được xác định trong KHCL giai đoạn 2013-2020 tầm nhìn 2025 cũng như kế hoạch phát triển nhân sự từ năm 2017-2022 [H06.06.04.07], [H06.06.04.08]. Bên cạnh đó, trong Quy chế chi tiêu nội bộ của Nhà trường ban hành có các nội dung cụ thể về kinh phí hỗ trợ cho công tác đào tạo, bồi dưỡng CBQL, GV, NV [H06.06.04.09], [H06.06.04.19]. Hằng năm, Nhà trường luôn dành kinh phí chi cho công tác đào tạo, bồi dưỡng CBQL, GV, NV [H06.06.04.10], [H06.06.04.18]. Trong giai đoạn 2017-2022, Nhà trường đã dành kinh phí 1.5 tỷ đồng chi cho công tác đào tạo, bồi dưỡng CBQL, GV, NV [H06.06.04.11]. Trong giai đoạn 2017-2022, Nhà trường đã cử hàng trăm lượt CB, GV, NV của Nhà trường tham gia học tập sau đại học và tham dự các khóa đào tạo, bồi dưỡng ở trong và ngoài nước, đạt tỷ lệ 85% tổng số CB, GV, NV hiện có của Trường. Bên cạnh đó, trong giai đoạn 2017-2022, đã có 112 CB, GV, NV của Nhà trường được đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn ít nhất 02 lần, chiếm tỷ lệ 80% [H06.06.04.12].

Bên cạnh việc quan tâm, tạo điều kiện cử đội ngũ CBQL, GV, NV tham gia các khóa đào tạo, bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ trong và ngoài nước như: đào tạo trình độ tiến sĩ theo Đề án 911, đào tạo trình độ thạc sĩ, học tập chuyên môn nghiệp vụ tại Malaysia, Hội thảo tập huấn nâng cao năng lực công tác bảo

đảm và kiểm định chất lượng giáo dục đại học, tập huấn xây dựng hệ thống đảm bảo chất lượng giáo dục bên trong đáp ứng bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục đại học theo Thông tư 12/2017/TT-BGDĐT, chương trình đào tạo, kiểm định viên kiểm định chất lượng giáo dục đại học và trung cấp chuyên nghiệp, tập huấn các hoạt động phục vụ người học... Nhà trường thường xuyên tổ chức các lớp bồi dưỡng cho đội ngũ CB, GV, NV về quản lý giáo dục, lý luận chính trị, nghiệp vụ sư phạm, tin học, ngoại ngữ,... [H06.06.04.13].

Thông qua báo cáo tổng kết năm học, báo cáo tại Hội nghị Người lao động hằng năm trong giai đoạn 2017-2022, hầu hết ý kiến của CB, GV, NV hài lòng với các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn của Nhà trường [H06.06.04.14], [H06.06.04.15]. Các ý kiến phát biểu của CB, GV, NV tại Hội nghị Người lao động cũng như ý kiến của lãnh đạo các đơn vị tại các buổi họp giao ban định kỳ thể hiện mức độ hài lòng đối với các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn của Nhà trường [H06.06.04.16]. Ngoài ra, kết quả khảo sát ý kiến CB, GV, NV do Phòng KT&ĐBCLGD thực hiện trong năm học 2018-2019, trong đó có nội dung về đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn với kết quả trên 85% ý kiến của CB, GV, NV hài lòng với các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn của Trường [H06.06.04.17].

Tự đánh giá: 5/7

Tiêu chí 6.5. Hệ thống quản lý việc thực hiện nhiệm vụ (bao gồm chế độ khen thưởng, ghi nhận và kế hoạch bồi dưỡng) được triển khai để thúc đẩy và hỗ trợ hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng

Trường Đại học Kinh Bắc quản lý việc thực hiện chế độ khen thưởng, ghi nhận kế hoạch bồi dưỡng cán bộ, giảng viên, nhân viên được phân thành 02 cấp: phòng, khoa, trung tâm và cấp trường. Quy trình đánh giá, phân loại để khen thưởng, ghi nhận được thực hiện theo trình tự: cá nhân tự đánh giá, đơn vị đánh giá, thường trực hội đồng thi đua, khen thưởng tập hợp báo cáo Hội đồng thi đua, khen thưởng Nhà trường xem xét, đánh giá và công nhận [H6.06.05.01].

Nhằm tăng cường công tác quản lý việc thực hiện nhiệm vụ, trong đó có nội dung tạo động lực cho đội ngũ CB, GV, NV, Nhà trường giao trách nhiệm

cho Phòng TC-HC là đơn vị chủ trì triển khai công tác đánh giá hiệu quả công việc của CB, GV, NV trong toàn Trường [H06.06.05.02]. Hằng năm, Phòng TC-HC xây dựng kế hoạch đánh giá hiệu quả công việc của CB, GV, NV trình Hiệu trưởng Nhà trường ký ban hành và thông báo đến các đơn vị để triển khai thực hiện [H06.06.05.03]. Trong văn bản Quy định đánh giá, phân loại CB, GV, NV do Nhà trường ban hành đồng thời có các biểu mẫu, biên bản, phiếu đánh giá để phục vụ công tác đánh giá, phân loại CB, GV, NV hằng năm [H06.06.05.04]; [H06.06.05.05]. Nhà trường thông báo Quy định đánh giá, phân loại CB, GV, NV đến các đơn vị để phổ biến đến CB, GV, NV biết và thực hiện [H06.06.05.06]. Bên cạnh việc ban hành và áp dụng Quy định đánh giá, phân loại CB, GV, NV, hằng năm Nhà trường ban hành kế hoạch đánh giá, phân loại CB, GV, NV và thông báo đến các đơn vị để triển khai thực hiện. Thông qua cuộc họp giao ban với lãnh đạo các đơn vị, BGH yêu cầu lãnh đạo các đơn vị triển khai thực hiện kế hoạch đánh giá, phân loại CB, GV, NV [H06.06.05.07]. Dựa trên cơ sở đó, lãnh đạo các đơn vị phổ biến đến đội ngũ nhân sự của đơn vị để triển khai các nội dung đánh giá, phân loại CB, GV, NV theo kế hoạch đánh giá, phân loại CB, GV, NV của Nhà trường đã ban hành [H06.06.05.08]. Kết quả đánh giá, phân loại CB, GV, NV của Nhà trường được thông báo đến các phòng, ban, khoa, viện, trung tâm trong Trường [H06.06.05.09].

Việc đánh giá kết quả chất lượng, khối lượng công việc của cán bộ, giảng viên, nhân viên được công khai, minh bạch theo trình tự cá nhân tự đánh giá, đơn vị đánh giá, hội đồng thi đua, khen thưởng Nhà trường họp bình xét. Kết quả xét duyệt của Hội đồng thi đua khen thưởng được công khai gửi văn bản tới các đơn vị, riêng các trường hợp đề nghị Bộ Giáo dục và Đào tạo tặng bằng khen được công khai trên <http://daihockinhbac.edu.vn> trước ít nhất 7 ngày trước khi gửi văn bản trình Bộ GD&ĐT [H6.06.05.10].

Trong quá trình xét thi đua, khen thưởng đối với các tập thể, cá nhân CB, GV, NV, kết quả đánh giá, phân loại CB, GV, NV hằng năm là cơ sở quan trọng để các đơn vị và Hội đồng Thi đua, khen thưởng của Nhà trường xét tặng các

danh hiệu đối với các đơn vị và cá nhân CB, GV, NV [H06.06.05.11], [H06.06.05.12].

Bên cạnh việc sử dụng kết quả đánh giá, phân loại CB, GV, NV hằng năm trong quá trình xét các danh hiệu thi đua, khen thưởng, trong Quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý nhân sự của Nhà trường đồng thời quy định kết quả đánh giá, phân loại hằng năm được sử dụng làm căn cứ để xác định đầu tư cho đào tạo, bồi dưỡng để hỗ trợ hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ [H06.06.05.13], [H06.06.05.14], [H06.06.05.15], [H06.06.05.16]. Căn cứ kết quả đánh giá, phân loại CB, GV, NV hằng năm, Nhà trường xét chọn cử các CB, GV, NV tham gia học tập nâng cao trình độ về chuyên môn nghiệp vụ nhằm hỗ trợ cho các hoạt động ĐT, NCKH, PVCĐ của Trường [H06.06.05.17]. Trong giai đoạn 2017-2022, Nhà trường đã chi 1.5 tỷ đồng cho công tác đào tạo, bồi dưỡng CBQL, GV, NV, cử 120 CB, GV, NV tham gia học tập sau đại học cũng như tham dự các khóa đào tạo, bồi dưỡng, hội nghị, hội thảo trong và ngoài nước [H06.06.05.18].

Tự đánh giá: 5/7

Tiêu chí 6.6. Các chế độ, chính sách, quy trình và quy hoạch về nguồn nhân lực được rà soát thường xuyên

Nhà trường phân công trách nhiệm cho Phòng TC-HC theo dõi, rà soát việc thực hiện các chế độ, chính sách, quy trình và quy hoạch về nguồn nhân lực của Trường [H06.06.06.01], [H06.06.06.15], [H06.06.06.02], [H06.06.06.03]. Phòng TC-HC đồng thời phân công 01 nhân viên của Phòng theo dõi, rà soát việc thực hiện các chế độ, chính sách, quy trình và quy hoạch về nguồn nhân lực của Trường [H06.06.06.04], [H06.06.06.16],. Bên cạnh đó, trong thành phần BGH của Nhà trường phân công 01 Phó Hiệu trưởng phụ trách công tác nhân sự, trong đó có nội dung theo dõi, rà soát việc thực hiện các chế độ, chính sách, quy trình và quy hoạch về nguồn nhân lực của Trường [H06.06.06.05], [H06.06.06.06].

Hằng năm, BGH Nhà trường tổ chức họp với lãnh đạo các đơn vị để rà soát việc thực hiện các chế độ, chính sách, quy trình và quy hoạch về nguồn nhân lực của Trường [H06.06.06.07]. Căn cứ ý kiến của lãnh đạo các đơn vị về việc thực hiện các chế độ chính sách, quy trình và quy hoạch về nguồn nhân lực của

Trường, Phòng TC-HC tổng hợp báo cáo kết quả rà soát việc thực hiện các chế độ, chính sách, quy trình và quy hoạch về nguồn nhân lực của Trường [H06.06.06.08]. Bên cạnh đó, kết quả thực hiện các chế độ, chính sách, quy trình và quy hoạch về nguồn nhân lực của Trường được thể hiện trong báo cáo tổng kết năm học hằng năm [H06.06.06.09].

Trong quá trình triển khai các chế độ, chính sách, quy trình và quy hoạch về nguồn nhân lực của Trường, BGH Nhà trường luôn yêu cầu lãnh đạo các đơn vị thường xuyên tiếp thu ý kiến của CB, GV, NV và báo cáo BGH tại các cuộc họp giao ban định kỳ để kịp thời điều chỉnh, bổ sung, cải tiến cho phù hợp, nêu kết quả điều chỉnh, bổ sung, cải tiến chế độ, chính sách, quy trình qua các lần thay đổi... [H06.06.06.10], [H06.06.06.11]. Bên cạnh đó, tại Hội nghị Người lao động hằng năm, Nhà trường tiếp thu ý kiến của CB, GV, NV về việc thực hiện các chế độ, chính sách, quy trình và quy hoạch về nguồn nhân lực của Trường [H06.06.06.12], [H06.06.06.13]. Ngoài ra, kết quả khảo sát ý kiến CB, GV, NV do Phòng KT&ĐBCLGD thực hiện, trong đó có nội dung về việc thực hiện các chế độ, chính sách, quy trình và quy hoạch về nguồn nhân lực của Trường với kết quả trên 85% ý kiến của CB, GV, NV hài lòng với các chế độ, chính sách, quy trình và quy hoạch về nguồn nhân lực của Trường [H06.06.06.14].

Tự đánh giá: 6/7

Tiêu chí 6.7. Các chế độ, chính sách, quy trình và quy hoạch nguồn nhân lực được cải tiến để hỗ trợ đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng

Căn cứ kết quả theo dõi, rà soát, đánh giá hằng năm về các chế độ, chính sách, quy trình và quy hoạch nguồn nhân lực để hỗ trợ hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ, Nhà trường ban hành các chế độ, chính sách đã được cải tiến để hỗ trợ tốt hơn hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ của Trường [H06.06.07.01], [H06.06.07.02], [H06.06.07.03], [H06.06.07.04]. Trong giai đoạn 2017-2022, Nhà trường cải thiện và ban hành nhiều chế độ, chính sách về ĐT, NCKH và PVCĐ. Về ĐT, Nhà trường đã liên tục cập nhật, cải tiến các chế độ, chính sách về nguồn nhân lực như: Chế độ lương, thưởng, phúc lợi, chính sách đào tạo, bồi

đưỡng chuyên môn nghiệp vụ... [H06.06.07.05], [H06.06.07.06], [H06.06.07.07]. Nhà trường chú trọng công tác đào tạo, bồi dưỡng nâng cao chất lượng năng lực cho đội ngũ CB, GV, NV để họ đáp ứng yêu cầu của công việc và góp phần phát triển sự nghiệp giáo dục của Nhà trường [H06.06.07.08], [H06.06.07.09], [H06.06.07.10], [H06.06.07.11]. Về NCKH, Nhà trường bổ sung định mức, nâng mức chi kinh phí cho hoạt động NCKH, đặc biệt nâng mức chi thưởng cho các bài báo quốc tế nhằm thu hút sự tham gia đóng góp của các GV và các nhà khoa học trong hoạt động NCKH... [H06.06.07.12]. Về PVCD, Nhà trường đã cải tiến các chính sách hỗ trợ cam kết việc làm cho SV khi ra trường nhằm giúp sinh viên cố gắng rèn luyện và học tập, yên tâm về đầu ra khi tốt nghiệp... [H06.06.07.13]. Với việc cải thiện và ban hành nhiều chế độ, chính sách về ĐT, NCKH và PVCD, Nhà trường đã nhận được nhiều hình thức khen thưởng các cấp như: Từ năm 2016 đến năm 2021, Nhà trường liên tục nhận được Bằng khen của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Cờ thi đua và Bằng khen của UBND tỉnh Bắc Ninh với các danh hiệu: Thành tích xuất sắc trong xây dựng và phát triển, Tập thể lao động xuất sắc, thành tích trong công tác giáo dục, thành tích trong phong trào thi đua yêu nước... [H06.06.07.14].

Nhằm phát triển đội ngũ CB, GV, NV ngày càng chuyên nghiệp và hiệu quả, căn cứ kết quả rà soát, đánh giá quy trình và quy hoạch về nguồn nhân lực, Phòng TC-HC đề xuất những nội dung điều chỉnh, cải tiến về quy trình và quy hoạch về nguồn nhân lực của Trường, thông qua cuộc họp với BGH và lãnh đạo các đơn vị, trình Hiệu trưởng ký ban hành quy trình và quy hoạch về nguồn nhân lực đã được điều chỉnh, cải tiến [H06.06.07.15]. Quy trình và quy hoạch về nguồn nhân lực được điều chỉnh, cải tiến của Nhà trường đã rút ngắn quy trình quy hoạch nhưng vẫn đảm bảo được việc quy hoạch các nhân sự phù hợp với vị trí yêu cầu [H06.06.07.16]. Nhà trường thông báo quy trình và quy hoạch về nguồn nhân lực đã được điều chỉnh, cải tiến đến các đơn vị để triển khai thực hiện [H06.06.07.17]. Trong giai đoạn 2017-2022, Nhà trường đã tuyển dụng thêm 63 CB, GV, NV [H06.06.07.18]. Bên cạnh đó, Nhà trường bổ nhiệm 29 cán bộ quản

lý vào các vị trí Phó Hiệu trưởng, Trưởng, Phó các Phòng, Khoa, Viện, Trung tâm để hoàn thiện bộ máy quản lý của Nhà Trường [H06.06.07.19].

Tự đánh giá: 5/7

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 6

1. Tóm tắt các điểm mạnh

- Nhà trường có kế hoạch, quy hoạch nguồn nhân lực, có các tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm cán bộ, có đề án vị trí việc làm trong đó xác định được tiêu chuẩn, năng lực của nhóm cán bộ, giảng viên, nhân viên.

- Nhà trường đã xây dựng bộ tiêu chí, các quy định, quy chế để đánh giá hiệu quả công việc của đội ngũ cán bộ, giảng viên, nhân viên; đồng thời các chế độ, chính sách, quy trình, quy hoạch về nguồn nhân lực được rà soát, cải tiến nhằm thúc đẩy, hỗ trợ cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại

- Việc số hóa thông tin nhân sự chưa phát triển mạnh.
- Là trường ĐH ngoài công lập nên công tác phát triển nguồn nhân lực có học hàm, học vị và kinh nghiệm quản lý, giảng dạy cũng gặp một số khó khăn.

3. Kế hoạch cải tiến

- Từ năm học 2021-2022, định kỳ hằng năm, Nhà trường sẽ tiến hành rà soát, đánh giá quy trình và quy hoạch về nguồn nhân lực để có cơ sở điều chỉnh, cải tiến quy trình và quy hoạch về nguồn nhân lực cho phù hợp với điều kiện thực tiễn.

- Từ năm học 2021-2022, Nhà trường tăng cường nguồn kinh phí và áp dụng các chính sách động viên, khuyến khích để tuyển dụng được đội ngũ CB, GV có học hàm, học vị và kinh nghiệm trong quản lý, giảng dạy để đáp ứng tốt hơn nhu cầu ĐT, NCKH và PVCD của Trường.

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/Cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành
1	Khắc phục tồn tại	Số hóa mạnh thông tin nhân sự	Ban Giám hiệu, phòng TC-HC và	Từ 2023

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/Cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành
			khoa CNTT&ĐTTT	
2	Phấn đấu đến năm 2030 tỷ lệ GV có trình độ TS 45%, GV có học hàm PGS, GS đạt tỷ lệ 20%	- Đào tạo tại chỗ - Tuyển dụng mới - Tăng chế độ lương, thưởng, phúc lợi, chính sách đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ...	Ban Giám hiệu, phòng TC-HC	Từ 2023
3	Phát huy điểm mạnh a	Tiếp tục rà soát, cải tiến các quy trình, quy hoạch cho phù hợp làm căn cứ đầu tư cho phát triển nguồn nhân lực đáp ứng tầm nhìn, sứ mạng, giá trị cốt lõi và chiến lược phát triển Trường.	Ban Giám hiệu, phòng TC-HC phối hợp với các phòng, khoa	Từ 2023
4	Phát huy điểm mạnh b	Tiếp tục rà soát, cải tiến, bổ sung các tiêu chí, quy định, quy chế để đánh giá đội ngũ cán bộ, giảng viên, nhân viên nhằm không ngừng nâng cao chất lượng, hiệu quả công việc.	HĐT, Ban Giám hiệu, phòng TC-HC	Hàng năm, Từ 2023

4. Mức đánh giá

Tiêu chuẩn/tiêu chí	Tự đánh giá
Tiêu chuẩn 6	4.7
Tiêu chí 6.1	5.0
Tiêu chí 6.2	5.0
Tiêu chí 6.3	5.0

Tiêu chí 6.4	4.0
Tiêu chí 6.5	4.0
Tiêu chí 6.6	5.0
Tiêu chí 6.7	5.0

Tiêu chuẩn 7. Quản lý tài chính và cơ sở vật chất

Tiêu chí 7.1. Hệ thống lập kế hoạch, triển khai, kiểm toán, tăng cường các nguồn lực tài chính của CSGD để hỗ trợ việc thực hiện tầm nhìn, sứ mạng, các mục tiêu chiến lược trong đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng được thiết lập và vận hành

Ngay từ khi thành lập, Trường đã thành lập Phòng Kế hoạch-Tài chính để xây dựng các kế hoạch về tài chính, theo dõi, giám sát việc phát triển nguồn lực tài chính phục vụ cho hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng, được quy định rõ Quy chế tổ chức và hoạt động, Nhà trường [H7.07.01.01]. Căn cứ tầm nhìn, sứ mạng đã xác định, Nhà trường ban hành KHCL giai đoạn 2013-2020 tầm nhìn 2025, trong đó, xác định các nội dung, các mục tiêu, chỉ số phân đầu về hoạt động kế hoạch tài chính từng giai đoạn [H07.07.01.02], cùng với các biện pháp triển khai thực hiện, cụ thể: Đầu tư từ Tập đoàn 54%, Nguồn thu học phí 46%. Là trường ĐH ngoài công lập nên Nhà trường luôn chủ động xây dựng kế hoạch tài chính với các mục tiêu, chỉ tiêu tài chính cụ thể nhằm đảm bảo nguồn tài chính của Trường. Bên cạnh đó, trong kế hoạch trung hạn của Nhà trường giai đoạn 2015-2017, giai đoạn 2018-2020 đồng thời quy định cụ thể về việc tạo nguồn thu hợp pháp hỗ trợ việc thực hiện tầm nhìn, sứ mạng và các mục tiêu chiến lược trong ĐT, NCKH và PVCĐ. Các nguồn thu hợp pháp của trường chủ yếu là nguồn đầu tư từ HĐQT, thu học phí [H07.07.01.03]. Hằng năm, Nhà trường gửi thông báo kèm theo các biểu mẫu thống nhất để yêu cầu các đơn vị đề xuất dự toán nhu cầu sử dụng kinh phí của đơn vị và gửi về Phòng Tài vụ để tổng hợp, trình BGH ký ban hành kế hoạch tài chính của năm học [H07.07.01.04], [H07.07.01.05], [H07.07.01.06], [H07.07.01.07]. Phòng Tài vụ thông báo kế hoạch tài chính đến các đơn vị để thực hiện [H07.07.01.08]. NT có nhiều cơ chế chính sách theo từng giai đoạn tạo các nguồn tài chính hợp pháp nhằm hỗ trợ việc thực hiện tầm nhìn, sứ mạng, các mục tiêu chiến lược trong ĐT, NCKH và PVCĐ

như chính sách thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao về làm việc tại trường, chính sách hỗ trợ sinh viên khuyết tật giảm 50% học phí toàn khóa, chính sách học bổng đầu vào, học bổng á khoa, thủ khoa, chính sách học bổng hàng năm.

Căn cứ các văn bản của Bộ Tài chính, năm 2013, Nhà trường ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ của Trường theo QĐ số 805/QĐ-ĐHKB ngày 30/12/2015; số 515/QĐ-ĐHKB ngày 30/8/2017 [H07.07.01.09]. Trong quá trình xây dựng Quy chế chi tiêu nội bộ, NT luôn bám sát các quy định tài chính áp dụng đối với cơ sở giáo dục ngoài công lập như; Nghị định 99/2014/NĐ-CP quy định chi tiêu cho hoạt động KHCN (quy định là 5% từ nguồn thu hợp pháp, trong đó từ nguồn thu học phí là 3%); NĐ 81/2021 về cơ chế thu, quản lý và chính sách miễn giảm học phí: CSGD NCL được chủ động mức thu học phí bảo đảm bù đắp và có tích lũy, công khai với NH và XH toàn khóa học, tỷ lệ tăng hằng năm không quá 10%; chế độ kế toán... Nhà trường đã lấy ý kiến đóng góp của các đơn vị, Phòng Kế hoạch tài chính tổng hợp ý kiến và thông qua cuộc họp giữa BGH với lãnh đạo các đơn vị, trình Hiệu trưởng phê duyệt, thông báo Quy chế chi tiêu nội bộ đến các đơn vị để phổ biến đến đội ngũ CB, GV, NV biết và thực hiện. Hằng năm, Nhà trường thực hiện rà soát Quy chế chi tiêu nội bộ để từ đó có những bổ sung, điều chỉnh cho phù hợp với tình hình thực tế và phát triển của Trường [H07.07.01.10], [H07.07.01.11], [H07.07.01.12], [H07.07.01.13], [H07.07.01.14]. Phòng Kế hoạch tài chính sử dụng phần mềm kế toán Misa trong công tác quản lý tài chính của Trường [H07.07.01.15].

Hằng năm, Nhà trường ban hành văn bản triển khai kế hoạch tài chính, trong đó Phòng Tài vụ là đơn vị được giao trách nhiệm chính và phối hợp với các đơn vị để thực hiện. Nhà trường đã thực hiện nhiều biện pháp để tăng cường các nguồn thu hợp pháp như: mở thêm ngành đào tạo đại học, sau đại học; đa dạng hóa các loại hình đào tạo như loại hình đào tạo vừa học vừa làm [H07.07.01.16], [H07.07.01.17], [H07.07.01.18]. Từ ngày thành lập Trường đến nay, Nhà trường luôn tự chủ về tài chính, nguồn thu ổn định, năm sau cao hơn năm trước, đáp ứng đầy đủ các hoạt động ĐT, NCKH và PVCD.

Nhằm đảm bảo sử dụng kinh phí đúng mục đích, tiết kiệm và có hiệu quả, hằng năm Trường đã ban hành và thực hiện Quy chế chi tiêu nội bộ quy định về việc quản lý, sử dụng tài chính và tài sản; quy định mức thu học phí và các khoản thu khác theo từng hệ, từng ngành học; quy định về chế độ làm việc đối với GV; quy định mua sắm, quản lý và sử dụng tài sản công; Đầu năm, NT giao kế hoạch tài chính cho từng đơn vị để triển khai: các kế hoạch về tài chính, kiểm toán, tăng nguồn thu hợp pháp như: mở thêm ngành đào tạo đại học, sau đại học; đa dạng hóa các loại hình đào tạo như loại hình đào tạo vừa học vừa làm [H07.07.01.19], [H07.07.01.20]. Trong Giai đoạn ĐGN: tổng thu của Nhà trường là 258.955 triệu đồng, trong đó thu học phí là 116.310 triệu đồng, thu lệ phí 1.063 triệu đồng và thu khác là 363 triệu đồng; tổng số chi của Trường là 255.843 triệu đồng, trong đó: chi cho con người là 46.152 triệu đồng; chi cho hoạt động đoàn thể là 3.084 triệu đồng, chi cho đào tạo và bồi dưỡng đội ngũ là 1.236 triệu đồng; chi cho mua tài liệu, giáo trình là 792 triệu đồng, chi cho hoạt động HTQT là 112 triệu đồng, chi cho mua sắm, sửa chữa trang thiết bị và xây dựng cơ bản là 2.360 triệu đồng; chi cho NCKH của GV và người học là 1.919 triệu đồng, trong đó chi cho NCKH của SV là 898 triệu đồng; chi PVCD 7.063 Triệu đồng.

Bảng 7.1. Thống kê nguồn thu học phí qua các năm

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Nội dung	Năm 2016		Năm 2017		Năm 2018		Năm 2019		Năm 2020		Năm 2021	
		Số tiền	Tỷ lệ	Số tiền	Tỷ lệ	Số tiền	Tỷ lệ	Số tiền	Tỷ lệ	Số tiền	Tỷ lệ	Số tiền	Tỷ lệ
1	Nguồn thu từ chủ đầu tư	113.398	92%	2.206	12.4%	1.411	6%	8.687	20%	6.852	25%	10.091	29%
2	Nguồn thu học phí	9.965	8%	15.537	87.6%	21.904	94%	22.902	80%	20.672	75%	25.330	71%
	Tổng cộng	123.363		17.743		23.315		31.589		27.524		35.421	

(Nguồn số liệu: Phòng Kế hoạch tài chính)

Hàng năm căn cứ vào kế hoạch tài chính đã được BGH phê duyệt Nhà trường triển khai đảm bảo đúng chế độ, chính sách, quy định và quy chế hiện hành và kết quả triển khai được thể hiện qua các báo cáo tài chính năm [H07.07.01.21]. Bên cạnh đó, việc thực hiện thu, chi tài chính được Nhà trường công bố công khai tại Hội nghị Người lao động hằng năm [H07.07.01.22], [H07.07.01.23]. Kết quả kiểm toán hằng năm từ đơn vị kiểm toán độc lập cũng như từ Tập đoàn kinh tế Chân - Thiện - Mỹ đều thể hiện Nhà trường không có sai phạm trong công tác tài chính, đặc biệt năm 2018 Thanh tra Thuế đã về thanh tra tại Trường kết quả không sai phạm gì trong công tác tài chính [H07.07.01.24], [H07.07.01.25]. Trong giai đoạn 2017-2022, Phòng Kế hoạch tài chính và các cá nhân của Phòng đã nhận được nhiều hình thức khen thưởng vì đã đạt được nhiều thành tích xuất sắc trong công việc [H07.07.01.26].

Tự đánh giá : 5/7

Tiêu chí 7.2. Hệ thống lập kế hoạch, bảo trì, đánh giá, nâng cấp cơ sở vật chất và cơ sở hạ tầng như các phương tiện dạy và học, các phòng thí nghiệm, thiết bị và công cụ để đáp ứng các nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng được thiết lập và vận hành

Theo quy định tại Quyết định số 124/QĐ – ĐHKB ngày 25/6/2012 Phòng TCHC là đơn vị được Nhà trường giao nhiệm vụ xây dựng, giám sát thực hiện kế hoạch đầu tư, bảo trì, đánh giá, nâng cấp CSVC và hạ tầng các phương tiện dạy và học, các phòng thí nghiệm, thiết bị phục vụ ĐT, NCKH và PVCD của Trường [H07.07.02.01].

Nhà trường ban hành KHCL giai đoạn 2013-2020 tầm nhìn 2025, trong đó có các nội dung về CSVC và trang thiết bị. Trên cơ sở KHCL được ban hành, Nhà trường đã xây dựng kế hoạch trung hạn giai đoạn 2015-2017, giai đoạn 2018-2020 [H07.07.02.02]. Hằng năm, hoặc định kì ngắn hạn, Trường ban hành quy chế mua sắm, quản lý và sử dụng tài sản. Lập và trình phê duyệt kế hoạch xây dựng, sửa chữa các công trình kiến trúc, hạ tầng kỹ thuật; kế hoạch mua sắm vật tư; mua sắm, sửa chữa trang thiết bị phục vụ ĐT, NCKH và PVCD theo từng năm để làm cơ sở cho việc thực hiện các hoạt động của Nhà trường

[H07.07.02.03]; [H07.07.02.04]. Hằng năm, Phòng TCHC gửi thông báo kèm theo các biểu mẫu thống nhất để các đơn vị đề xuất nhu cầu CSVC và trang thiết bị của đơn vị [H07.07.02.05]. Trên cơ sở đó, Phòng TCHC tổng hợp, báo cáo BGH về CSVC, trang thiết bị phục vụ cho năm học [H07.07.02.06]. Phòng TCHC phối hợp với các đơn vị để triển khai thực hiện kế hoạch bảo trì, nâng cấp CSVC và cơ sở hạ tầng của Trường [H07.07.02.07].

Trong giai đoạn 2017-2022, Nhà trường đã tập trung mọi nguồn lực để đầu tư phát triển CSVC, cơ sở hạ tầng theo các kế hoạch đã đề ra. Nhà trường đã có hệ thống các công trình kiến trúc, hạ tầng kỹ thuật, trang thiết bị, phương tiện dạy và học, các phòng thí nghiệm tương đối đồng bộ, hiện đại, đủ để phục vụ cho dạy, học, NCKH và PVCĐ. Hằng năm, Nhà trường đều dành kinh phí để triển khai kế hoạch bảo trì, nâng cấp CSVC và cơ sở hạ tầng của Trường [H07.07.02.08]. Đối với hoạt động đầu tư, năm 2015 Nhà trường đã đưa vào sử dụng Khu giảng đường tòa nhà 07 tầng với tổng mức đầu tư 110 tỷ VNĐ, năm 2019 hoàn thành công tác đền bù, san lấp mặt bằng tại cơ sở thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh trên khuôn viên 28,1ha [H07.07.02.09], [H07.02.07.10], [H07.07.02.11], [H07.07.02.12]. Đối với công tác bảo trì CSVC và cơ sở hạ tầng, Phòng TCHC đã ban hành Quy định sử dụng CSVC, trang thiết bị đối với các đơn vị trong Trường [H07.07.02.13]. Bên cạnh đó, Nhà trường tiến hành ký hợp đồng bảo trì, bảo dưỡng CSVC, trang thiết bị đối với đơn vị cung cấp [H07.07.02.14].

Tổng kinh phí đầu tư, duy trì, bảo dưỡng, bảo trì hệ thống CSVC, cơ sở hạ tầng giai đoạn 2017-2022, đã được đầu tư 139.645 Triệu đồng. Với sự đầu tư này đã nâng cao hiệu quả sử dụng trong đào tạo, NCKH, PVCĐ và phát huy tối đa hiệu quả đầu tư.

Hàng năm, BGH giao cho phòng TCHC phối hợp với các đơn vị sử dụng tài sản thực hiện các nhiệm vụ xây dựng và thực hiện kế hoạch rà soát, đánh giá hiệu quả đầu tư thông qua kết quả kiểm kê tài sản, báo cáo đánh giá tình hình thực hiện đầu tư công, báo cáo giám sát đầu tư đối với dự án đầu tư xây dựng [H07.07.02.14], [H07.07.02.15]. Các báo cáo rà soát, đánh giá đầu tư đều được

báo cáo công khai tại Hội nghị CBVC hằng năm [H07.07.02.16]. Hàng năm nhà trường luôn tiến hành nâng cấp các hệ thống CSVC, cơ sở hạ tầng nhằm phục vụ nhu cầu ĐT, NCKH và PVCD. Nhà trường luôn đảm bảo đồng bộ, hiện đại và có các thông số kỹ thuật chủ yếu phù hợp với yêu cầu của từng ngành ĐT đặc biệt là nhà trường luôn chú trọng việc nâng cấp để đạt tiêu chuẩn hiện hành.

Hằng năm, NT tiến hành kiểm kê, đánh giá thực trạng tài sản; lập sổ theo dõi tần suất, công suất sử dụng đối với các phòng học, phòng thực hành và tất cả hệ thống máy móc, trang thiết bị phục vụ ĐT, NCKH và PVCD để theo dõi, đánh giá chính xác hiệu quả sử dụng [H07.07.02.17]. Ngoài ra, cuối mỗi năm, NT giao Phòng TCHC khảo sát, lấy ý kiến GV, sinh viên về mức độ hài lòng, hiệu quả sử dụng, sự phù hợp với từng CTĐT đối với hệ thống CSVC, trang thiết bị. Kết quả khảo sát cho thấy khoảng trên 75% giảng viên, sinh viên được khảo sát hài lòng về cơ sở vật chất và trang thiết bị hiện có tại nhà trường [H07.07.02.18]. Hiện nay, Nhà trường có 34 phòng học lý thuyết với tổng diện tích 2.930m²; hội trường: 870,75m²; phòng học đa phương tiện: 150m²; phòng học ngoại ngữ: 70m², phòng học máy tính: 300m²; phòng thí nghiệm: 270m²; xưởng cơ sở thực hành: 1.200m²; khu nhà giáo dục thể chất: 900m²; thư viện: 300m²; nhà khách: 1.600m²; nhà ăn: 250,75m²; nhà hội đồng, ban giám hiệu: 602,5m²; ký túc xá sinh viên khuyết tật: 617,7m²; các diện tích phòng, ban, khoa, viện, trung tâm: 2.200m²; nhà để xe: 1.500m².

Các kế hoạch đầu tư dài hạn, trung hạn và ngắn hạn đã được Nhà trường tập trung mọi nguồn lực để thực hiện vì vậy, đã làm thay đổi hiện trạng của Nhà trường như: mở rộng đất đai, các công trình, đầu tư trang thiết bị đã được hoàn thành mới hoặc sửa chữa, duy tu đáp ứng yêu cầu ĐT, NCKH, PVCD. Trong giai đoạn 2015-2019, Nhà trường đã đầu tư xây mới khu giảng đường 07 tầng khang trang, hiện đại [H07.07.02.09], [H07.07.02.10]. Bên cạnh đó, Nhà trường thực hiện bảo trì hệ thống thang máy, hệ thống phòng cháy chữa cháy, khu giảng đường 07 tầng [H07.07.02.14], [H07.07.02.19]. Trong năm học 2020-2021 Nhà trường đã mở được 04 ngành học mới vì vậy đã đầu tư về cơ sở vật chất như phòng thí nghiệm, các phòng thực hành theo tiêu chuẩn hiện hành

[H07.07.02.18]. Hầu hết ý kiến của CB, GV, NV tại Hội nghị Người lao động hằng năm, ý kiến của SV thông qua diễn đàn trao đổi giữa BGH Nhà trường với SV trong mỗi năm học đều thể hiện mức độ hài lòng về CSVC và trang thiết bị của Trường [H07.07.02.19]; [H07.07.02.20].

Tự đánh giá: 4/7

Tiêu chí 7.3. Hệ thống lập kế hoạch, bảo trì, kiểm toán, nâng cấp các thiết bị công nghệ thông tin và cơ sở hạ tầng như máy tính, hệ thống mạng, hệ thống dự phòng, bảo mật và quyền truy cập để đáp ứng các nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng được thiết lập và vận hành

Nhà trường ban hành Quyết định số 172/QĐ-ĐHKB ngày 12/8/2012 về việc giao cho Phòng TCHC là đơn vị trực tiếp quản trị thiết bị CNTT và cơ sở hạ tầng CNTT của Trường, đồng thời phân công Khoa CNTT-ĐTTT hỗ trợ Phòng TCHC trong công tác quản trị thiết bị CNTT và cơ sở hạ tầng CNTT của Trường [H07.07.03.01], [H07.07.03.02]. Phòng TCHC phân công 01 nhân viên quản trị thiết bị CNTT và cơ sở hạ tầng CNTT của Trường [H07.07.03.03]. Bên cạnh đó, tại mỗi đơn vị đều phân công 01 nhân viên quản lý thiết bị CNTT và cơ sở hạ tầng CNTT do Trường cấp để thực hiện công việc [H07.07.03.04].

Trong KHCL giai đoạn 2013-2020, tầm nhìn 2025 cũng như kế hoạch trung hạn giai đoạn 2015-2017, giai đoạn 2018-2020 của Nhà trường có các nội dung đầu tư về trang thiết bị CNTT và cơ sở hạ tầng CNTT của Trường như: Máy tính, hệ thống mạng, hệ thống dự phòng, bảo mật và quyền truy cập... [H07.07.03.05], [H07.07.03.06]. Hằng năm, NT xây dựng kế hoạch đầu tư, sửa chữa, bảo trì về thiết bị CNTT và cơ sở hạ tầng (gồm: máy tính, hệ thống mạng, hệ thống dự phòng, bảo mật và quyền truy cập,...) phục vụ công tác ĐT, NCKH và PVCĐ. Triển khai kế hoạch, Nhà trường gửi thông báo kèm theo các biểu mẫu thống nhất để các đơn vị đề xuất nhu cầu về trang thiết bị CNTT và cơ sở hạ tầng CNTT của đơn vị gửi về Phòng TCHC [H07.07.03.07]. Trên cơ sở đó, Phòng TCHC tổng hợp, báo cáo BGH về kế hoạch bảo trì, nâng cấp trang thiết bị CNTT và cơ sở hạ tầng CNTT trình Hiệu trưởng Nhà trường phê duyệt và gửi đến các đơn vị để thực hiện [H07.07.03.08], [H07.07.03.09], [H07.07.03.10],

[H07.07.03.11]. Các nội dung về bảo trì, nâng cấp trang thiết bị CNTT và cơ sở hạ tầng CNTT của Trường đồng thời được thể hiện trong kế hoạch năm học hằng năm [H07.07.03.12].

Phòng TCHC phối hợp với các đơn vị để triển khai thực hiện kế hoạch bảo trì, nâng cấp trang thiết bị CNTT và cơ sở hạ tầng CNTT của Trường [H07.07.03.13]. Hằng năm, Nhà trường đều dành kinh phí để triển khai kế hoạch bảo trì, nâng cấp trang thiết bị CNTT và cơ sở hạ tầng CNTT của Trường như: Máy tính, hệ thống mạng, hệ thống dự phòng, bảo mật và quyền truy cập để đáp ứng các nhu cầu về ĐT, NCKH và PVCD [H07.07.03.14]. Đối với hoạt động đầu tư, nâng cấp về trang thiết bị CNTT và cơ sở hạ tầng CNTT được bổ sung hàng năm để phục vụ tốt cho việc dạy và học. Bên cạnh đó, đối với công tác bảo trì về trang thiết bị CNTT và cơ sở hạ tầng CNTT, Phòng TCHC kết hợp với Khoa CNTT-ĐTTT thường xuyên kiểm tra trang thiết bị CNTT và cơ sở hạ tầng CNTT [H07.07.03.15]. Để truyền đạt thông tin nội bộ của Nhà trường đến CB, GV, NV chính xác và thống nhất, Nhà trường đã cấp cho mỗi CB, GV, NV một tài khoản email mang tên miền của Trường là @ukb.edu.vn và thông báo yêu cầu sử dụng trong trao đổi công việc đối với các bên liên quan, bên trong cũng như bên ngoài Trường [H07.07.03.16]. Đối với hệ thống mạng internet, Nhà trường lựa chọn VNPT là nhà cung cấp và ký hợp đồng triển khai thực hiện [H07.07.03.17]. Để phòng tránh mất dữ liệu thông tin trong quá trình triển khai công việc, Nhà trường yêu cầu tất cả các đơn vị trực thuộc phải có cơ chế sao lưu dữ liệu, trong đó mỗi đơn vị trang bị một ổ cứng rời bên cạnh server lưu trữ chung do mỗi cán bộ phụ trách trong phòng quản lý [H07.07.03.18]. Trong giai đoạn 2017-2022, Nhà trường chú trọng tin học hóa công tác quản lý thông qua việc trang bị, sử dụng nhiều phần mềm quản lý chuyên dụng như: Phần mềm Quản lý đào tạo, phần mềm Kế toán Misa, phần mềm Quản lý Thư viện, phần mềm diệt virus,... [H07.07.03.19], [H07.07.03.20].

Việc nâng cấp, cải tiến thiết bị CNTT và cơ sở hạ tầng như máy tính, hệ thống mạng, hệ thống dự phòng, bảo mật và quyền truy cập đã khắc phục được các hạn chế của hệ thống CNTT, đáp ứng được nhu cầu ĐT, NCKH và PVCD

của NT. Kinh phí tăng hằng năm và tổng 5 năm đầu tư, mua sắm và bảo trì, bảo dưỡng để cải tiến Hệ thống CNTT là 2.970 triệu đồng. Hầu hết ý kiến của CB, GV, NV tại Hội nghị Người lao động hằng năm, ý kiến của SV thông qua diễn đàn trao đổi giữa BGH Nhà trường với SV trong mỗi năm học đều thể hiện mức độ hài lòng cao (tỷ lệ 90%) về trang thiết bị CNTT và cơ sở hạ tầng CNTT của Trường [H07.07.03.21].

Hàng năm, nhà trường phân công Phòng TCHC là đơn vị tổng hợp và quản lý cơ sở dữ liệu cấp trường về trang thiết bị CNTT và cơ sở hạ tầng CNTT, đồng thời các đơn vị có trách nhiệm quản lý CSDL cấp đơn vị về trang thiết bị CNTT được Nhà trường cấp để đơn vị sử dụng [H7.07.03.22]. Phòng TCHC phân công 01 nhân viên phụ trách quản lý CSDL về trang thiết bị CNTT và cơ sở hạ tầng CNTT của Trường [H07.07.03.04]. Tại các đơn vị của Trường đồng thời phân công 01 nhân viên quản lý CSDL về trang thiết bị CNTT của đơn vị [H07.07.03.05]. Hiện nay, Nhà trường có 03 phòng máy cấu hình cao với tổng diện tích 300m², 01 phòng server máy chủ cho cả Trường để đảm bảo an toàn, bảo mật [H07.07.03.23]. Phòng TCHC triển khai Sổ theo dõi tại các phòng CNTT để theo dõi đánh giá sử dụng trang thiết bị CNTT và cơ sở hạ tầng CNTT phục vụ ĐT, NCKH, PVCĐ của Trường [H07.07.03.24]. Trên cơ sở đó, hằng năm, Phòng TCHC thực hiện báo cáo đánh giá sử dụng trang thiết bị CNTT và cơ sở hạ tầng CNTT phục vụ ĐT, NCKH, PVCĐ của Trường [H07.07.03.25]. Trong giai đoạn 2017-2022, Nhà trường chú trọng tin học hóa công tác quản lý thông qua việc trang bị, sử dụng nhiều phần mềm quản lý chuyên dụng như: Phần mềm Quản lý đào tạo Unisoft, phần mềm Kế toán Misa, phần mềm Quản lý Thư viện, phần mềm diệt virus,... [H07.07.03.19]. Trong giai đoạn 2017-2022, Nhà trường đã đầu tư bổ sung thêm nhiều trang thiết bị CNTT cơ sở hạ tầng theo từng năm học: Năm học 2017-2018 có 80 máy tính, 15 máy chiếu; Năm học 2018-2019 có 120 máy tính, 15 máy chiếu; Năm học 2019-2020 có 120 máy tính, 19 máy chiếu; Năm học 2020-2021 có 150 máy tính, 23 máy chiếu [H07.07.03.23]. Bên cạnh đó, Nhà trường thực hiện bảo trì định kì theo kế hoạch cho từng năm học [H07.07.03.08].

Hàng năm, Phòng TCHC thông báo đến các đơn vị để các đơn vị cử nhân sự phối hợp với Phòng TCHC tiến hành kiểm kê trang thiết bị CNTT và cơ sở hạ tầng CNTT theo các biểu mẫu do Nhà trường quy định. Trước ngày 31/12 hàng năm, Nhà trường tiến hành kiểm kê đối sánh trang thiết bị CNTT và cơ sở hạ tầng CNTT của các đơn vị đang sử dụng so với số liệu Phòng TCHC đang quản lý [H07.07.03.26]. Trên cơ sở đó, Phòng TCHC phối hợp với Phòng TV thực hiện báo cáo đánh giá trang thiết bị CNTT và cơ sở hạ tầng CNTT và hiệu quả đầu tư trang thiết bị CNTT và cơ sở hạ tầng CNTT của Trường [H07.07.03.27]; [H07.07.03.28]. Bên cạnh đó, trong báo cáo tổng kết năm học của Nhà trường luôn có nội dung đánh giá trang thiết bị CNTT và cơ sở hạ tầng CNTT của Trường [H7.07.03.29].

Tự đánh giá: 4/7

Tiêu chí 7.4. Hệ thống lập kế hoạch, bảo trì, đánh giá và tăng cường các nguồn lực học tập như nguồn học liệu của thư viện, thiết bị hỗ trợ giảng dạy, cơ sở dữ liệu trực tuyến để đáp ứng các nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng được thiết lập và vận hành

Theo QĐ số 48/QĐ-ĐHKB ngày 20/4/2012 Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh Bắc thành lập tổ Thư viện, Tổ TV là đơn vị trực thuộc BGH, được phân công quản trị nguồn lực học tập như nguồn học liệu của thư viện, thiết bị hỗ trợ giảng dạy, cơ sở dữ liệu trực tuyến để đáp ứng các nhu cầu về ĐT, NCKH và PVCĐ của Trường; Ngoài ra, trong chức năng , nhiệm vụ của các đơn vị phục vụ công tác thư viện có được bố trí cán bộ phối hợp với Thư viện (các khoa/bộ môn) để hỗ trợ cập nhật, cung cấp học liệu [H07.07.04.01]. Tổ TV hiện có 02 thành viên, trong đó có 01 cán bộ quản lý chung, 01 cán bộ Thủ thư [H07.07.04.02], [H07.07.04.03].

Trong Nghị quyết chiến lược phát triển trường giai đoạn 2021-2030, KHCL giai đoạn 2013-2020 tầm nhìn 2025 cũng như kế hoạch trung hạn giai đoạn 2015-2017, giai đoạn 2018-2020 của Nhà trường có các nội dung về nguồn học liệu của thư viện, thiết bị hỗ trợ giảng dạy, cơ sở dữ liệu trực tuyến để đáp ứng các nhu cầu về ĐT, NCKH và PVCĐ [H07.07.04.04]. Hàng năm, Nhà

trường gửi thông báo kèm theo các biểu mẫu thống nhất để yêu cầu các đơn vị đề xuất nhu cầu nguồn lực học tập của đơn vị gửi về Tổ TV [H07.07.04.05]. Căn cứ đề xuất của các đơn vị, Tổ TV tổng hợp danh sách nguồn lực học tập cần bổ sung để đáp ứng các nhu cầu về ĐT, NCKH và PVCĐ, thông qua BGH để xét duyệt, trình Hiệu trưởng ký ban hành kế hoạch đầu tư, bảo trì các nguồn lực học tập, gửi thông báo đến các đơn vị biết để phối hợp thực hiện [H07.07.04.06], [H07.07.04.07]; [H07.07.04.08].

Để triển khai kế hoạch đầu tư, bảo trì các nguồn lực học tập nhằm đáp ứng các nhu cầu về ĐT, NCKH và PVCĐ, Tổ TV tiến hành bổ sung nguồn học liệu theo kế hoạch đầu tư trên cơ sở quy định của Nhà trường. Hàng năm, NT ưu tiên phân bổ kinh phí đầu tư mua sắm bổ sung các nguồn lực học tập cho TV như: nguồn học liệu phục vụ tại thư viện, thiết bị hỗ trợ giảng dạy, cơ sở dữ liệu trực tuyến để đáp ứng các nhu cầu về ĐT, NCKH và PVCĐ [H07.07.04.09]. Bên cạnh đó, các GV của Nhà trường đã biên soạn sách, giáo trình với mục đích phục vụ tốt hơn nhu cầu về ĐT, NCKH và PVCĐ [H07.07.04.10]. TV có diện tích 300m², có các phòng chức năng như: phòng đọc mở, phòng xử lý thông tin, phòng mượn sách về nhà; tại các Khoa có tủ sách chuyên ngành. TV có máy tính nối mạng Internet luôn phục vụ miễn phí nhu cầu tra cứu thông tin của giảng viên và SV. Để đáp ứng yêu cầu cho bạn đọc sử dụng và khai thác các nguồn lực học tập có hiệu quả, Tổ TV đã ban hành các văn bản quy định hoạt động của Tổ bao gồm: Nội quy sử dụng thông tin - thư viện; Quy định về sử dụng và khai thác thông tin - thư viện tại bảng tin và trên Website của Trường [H07.07.04.11]. Tổ TV hoạt động theo giờ làm việc sáng từ 7h15-11h15, chiều từ 13h-17h tất cả các ngày trong tuần. Ngoài ra, Tổ TV còn ban hành các hướng dẫn như: Hướng dẫn sử dụng thông tin - thư viện; ngoài ra TV hướng dẫn bạn đọc dễ dàng khai thác và sử dụng các dịch vụ thông tin - thư viện. Tổ TV sử dụng phần mềm để quản lý các nguồn lực học tập được lưu trữ cũng như thực hiện tác nghiệp tại TV [H07.07.04.12].

Việc rà soát, đánh giá hiệu quả đầu tư, bảo trì nguồn lực học tập như nguồn lực học liệu được tiến hành định kỳ hằng năm thông qua báo cáo hiệu quả

đầu tư tài chính cho các hoạt động [H07.07.04.13] và dựa trên việc thống kê nhu cầu kinh phí đầu tư cho các nguồn lực học tập [H07.07.04.14]. Thông qua các sổ nhật ký phòng học, thí nghiệm, sổ mượn trả sách thư viện qua đó các bộ phận chuyên trách kịp thời sửa chữa, thay thế thiết bị đảm bảo đầy đủ trang thiết bị phục vụ cho hoạt động dạy và học tập [H07.07.04.15]. Đồng thời đánh giá hiệu quả sử dụng các nguồn lực học tập dựa trên việc đối chiếu các kết quả rà soát thực tế với kế hoạch đầu tư đề ra [H07.07.04.16].

Nhà trường giao nhiệm vụ cho Tổ TV là đơn vị quản lý dữ liệu về các nguồn lực học tập và dữ liệu đánh giá của bạn đọc về các nguồn lực học tập như: Nguồn học liệu của thư viện, thiết bị hỗ trợ giảng dạy, cơ sở dữ liệu trực tuyến [H07.07.04.17]. Tổ TV hiện có nguồn tài liệu phong phú và đầy đủ bao gồm: 219 bản sách bằng tiếng Việt phục vụ học tập và nghiên cứu cho tất cả các chuyên ngành đào tạo và 26 bản sách bằng tiếng nước ngoài; 01 bản sách tài liệu nội sinh do GV Nhà trường biên soạn; 560 băng đĩa và 05 tạp chí (không chuyên ngành) [H07.07.04.18]. Kết quả khảo sát cho thấy có trên 80% SV hài lòng về các nguồn lực học tập như: Nguồn học liệu của thư viện, thiết bị hỗ trợ giảng dạy, cơ sở dữ liệu trực tuyến của Trường [H7.07.04.19].

Hằng năm, Nhà trường ban hành kế hoạch đầu tư, cập nhật các nguồn lực học tập như: Nguồn học liệu của thư viện, thiết bị hỗ trợ giảng dạy, cơ sở dữ liệu trực tuyến do Tổ TV đề xuất. Bên cạnh đó, các nội dung về đầu tư, cập nhật các nguồn lực học tập đồng thời được thể hiện trong kế hoạch năm học hằng năm của Nhà trường [H07.07.04.20]. Trong giai đoạn 2017-2022, các nguồn lực học tập của Nhà trường được cải thiện về số lượng và chất lượng đặc biệt trong năm 2021 nhà trường đã cung cấp hơn 200 đầu sách về Y học cổ truyền và Dược học nhằm đáp ứng nhu cầu dạy và học của các chuyên ngành này [H07.07.04.21]. Tất cả các máy chiếu, loa, mic, âm thanh, máy tính hầu hết đều được kịp thời bảo trì và thay thế khi hỏng. Lướt bạn đọc sử dụng thư viện tăng lên hàng năm [H07.07.04.22]. Hầu hết ý kiến của CB, GV, NV tại Hội nghị Người lao động của Nhà trường, ý kiến của SV thông qua diễn đàn trao đổi giữa BGH với SV trong mỗi năm học đều đánh giá nguồn lực học tập của Nhà trường được cải tiến

để đáp ứng các nhu cầu về ĐT, NCKH và PVCD [H07.07.04.23], [H07.07.04.24], [H07.07.04.25].

Tự đánh giá: 4/7

Tiêu chí 7.5. Hệ thống lập kế hoạch, thực hiện, đánh giá và cải tiến môi trường, sức khỏe, sự an toàn và khả năng tiếp cận của những người có nhu cầu đặc biệt được thiết lập và vận hành

Nhà trường phân công nhiệm vụ cho Phòng CTSV là đơn vị chịu trách nhiệm chính về môi trường, sức khỏe, sự an toàn và khả năng tiếp cận của người có nhu cầu đặc biệt (đối tượng là NH khuyết tật, NH có hoàn cảnh khó khăn, NH quốc tế...) [H07.07.05.01]. Phòng CTSV hiện có 04 thành viên, trong đó có 01 Trưởng phòng phụ trách chung, 01 Phó Trưởng phòng phụ trách công tác sinh viên, 01 cán bộ y tế, 01 cán bộ phụ trách KTX. Phòng CTSV có phân công cho cán bộ y tế trực tiếp phụ trách về sức khỏe, môi trường, an toàn của người có nhu cầu đặc biệt [H07.07.05.02]. Hằng năm, Nhà trường cử cán bộ y tế tham gia các khóa đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ, trong đó có nội dung quản lý về môi trường, sức khỏe, sự an toàn và khả năng tiếp cận của những người có nhu cầu đặc biệt [H07.07.05.03].

Nhà trường được Bộ GD&ĐT giao chỉ tiêu hàng năm đào tạo từ 5% đến 10% SV là người khuyết tật, nên trong KHCL giai đoạn 2013-2020 tầm nhìn 2025, kế hoạch trung hạn giai đoạn 2015-2017, giai đoạn 2018-2020 cũng như kế hoạch năm học hằng năm của Nhà trường luôn có các nội dung về môi trường, sức khỏe, sự an toàn và khả năng tiếp cận của những người có nhu cầu đặc biệt, [H07.07.05.04], [H07.07.05.05], [H07.07.05.06]. Nhà trường giao nhiệm vụ cho Phòng CTSV thực hiện khảo sát thực tế số lượng, nhu cầu của người có nhu cầu đặc biệt để từ đó ban hành kế hoạch đầu tư về môi trường, sức khỏe, sự an toàn và khả năng tiếp cận của những người có nhu cầu đặc biệt cho phù hợp với thực tiễn [H07.07.05.07]. Nhà trường thông báo các nội dung đầu tư về môi trường, sức khỏe, sự an toàn và khả năng tiếp cận của những người có nhu cầu đặc biệt trong kế hoạch năm học đến các đơn vị để triển khai thực hiện [H07.07.05.08], [H07.07.05.09].

Lãnh đạo Nhà trường rất quan tâm và thường xuyên chỉ đạo, yêu cầu các đơn vị tập trung triển khai các nội dung đầu tư về môi trường, sức khỏe, sự an toàn và khả năng tiếp cận của những người có nhu cầu đặc biệt [H07.07.05.10]. Thực hiện nhiệm vụ đào tạo cho SV khuyết tật, ngay từ ban đầu, Nhà trường xây dựng hệ thống đường đi dành riêng cho SV khuyết tật để thuận tiện cho việc đi lại, hệ thống thang máy, có khu vệ sinh dành riêng cho SV khuyết tật [H07.07.05.11]. Nhà trường có chính sách đặc biệt dành cho SV khuyết tật để có điều kiện tốt nhất trong quá trình học tập tại Trường như: Chính sách miễn giảm 50% học phí trong 4 năm học tại Trường; hỗ trợ miễn phí 100% chỗ ở tại KTX; hỗ trợ sách giáo trình trong 4 năm học; hỗ trợ việc làm thêm ngoài giờ học cho các sinh viên có nhu cầu trong thời gian học tập tại Trường [H07.07.05.12]. Bên cạnh đó, hằng năm để có môi trường học tập an toàn, sạch sẽ cho SV khuyết tật cũng như đảm bảo lối đi dành cho SV khuyết tật được sạch sẽ, Phòng TCHC tiến hành rắc vôi bột 02 lần trong 01 năm [H07.07.05.13]. Đồng thời, CB y tế của Nhà trường quan tâm chăm sóc sức khỏe của SV khuyết tật, trong đó thường xuyên gặp gỡ, hỏi thăm sức khỏe và phát một số loại thuốc cơ bản như: Thuốc cảm cúm, thuốc đau đầu,... cho SV khuyết tật [H07.07.05.14], [H07.07.05.15]. Bên cạnh việc chăm sóc về y tế, đảm bảo SV có thời gian, không gian sau các giờ học căng thẳng, Nhà trường tạo sân chơi về văn hóa, văn nghệ, thể dục - thể thao cho SV thông qua việc thành lập các câu lạc bộ hiphop, câu lạc bộ võ thuật, câu lạc bộ UBK.Tech cũng như tổ chức nhiều hoạt động ngoại khóa cho SV như: các giải bóng đá nam và nữ, tổ chức cắm trại,... [H07.07.05.16], [H07.07.05.17], [H07.07.05.18]. Nhà trường xây dựng tường rào bao quanh, cách ly hoàn toàn với môi trường xung quanh để đảm bảo an toàn cho việc học tập và rèn luyện trong Trường [H07.07.05.19]. Nhà trường ký hợp đồng với Công ty TNHH dịch vụ bảo vệ Bình An về công tác bảo vệ và được bảo vệ 24/24 khu vực trong khuôn viên Trường [H07.07.05.20]. Ngoài ra, Nhà trường lắp đặt hệ thống camera tại các vị trí như: cổng ra vào, khu vực để xe,... [H07.07.05.21], [H07.07.05.22], [H07.07.05.23]. Tại các tầng, Nhà trường đều treo bảng nội quy, quy định, bảng cấm hút thuốc, các phòng thực hành máy tính

thì có nội quy sử dụng máy, có giá để giày dép bên ngoài,... [H07.07.05.24], [H07.07.05.25]; [H07.07.05.26]. Nhà trường có quan hệ chặt chẽ với cơ quan chính quyền địa phương để hỗ trợ trong công tác đảm bảo an toàn, an ninh trật tự của Trường và đến nay Nhà trường chưa xảy ra vấn đề trộm cắp tài sản của CB, GV, NV, SV của Trường [H07.07.05.27]; [H07.07.05.28]. Giai đoạn đánh giá, NT đã đầu tư cho môi trường, sức khỏe, sự an toàn và khả năng tiếp cận của người có nhu cầu đặc biệt là 4.063 Triệu đồng.

Hàng năm, Phòng CTSV là đơn vị được giao nhiệm vụ tiến hành rà soát về môi trường, sức khỏe, sự an toàn và khả năng tiếp cận của những người có nhu cầu đặc biệt [H07.07.05.29]. Đồng thời, Phòng CTSV là đơn vị quản lý dữ liệu đánh giá, giám sát môi trường, sức khỏe, sự an toàn và khả năng tiếp cận của những người có nhu cầu đặc biệt [H07.07.05.01]. Hàng năm, Phòng CTSV tiến hành rà soát, đánh giá về môi trường, sức khỏe, sự an toàn và khả năng tiếp cận của những người có nhu cầu đặc biệt của Trường [H07.07.05.30]. Trong báo cáo tổng kết năm học hằng năm của Nhà trường luôn có nội dung rà soát, đánh giá về môi trường, sức khỏe, sự an toàn và khả năng tiếp cận của những người có nhu cầu đặc biệt của Trường [H07.07.05.31]. Tuy nhiên, Dữ liệu theo dõi đánh giá hiệu quả đầu tư về môi trường, sức khỏe, sự an toàn và khả năng tiếp cận của những người có nhu cầu đặc biệt còn hạn chế.

Phòng CTSV đồng thời là đơn vị được phân công nhiệm vụ xây dựng và quản lý CSDL về đầu tư cải tiến môi trường, sức khỏe, sự an toàn và khả năng tiếp cận của những người có nhu cầu đặc biệt [H07.07.05.29], [H07.07.05.32]. Trong giai đoạn 2012-2019, Nhà trường có 35 SV là người khuyết tật [H1.07.05.33]. Hàng năm, Phòng CTSV phối hợp với Phòng Tài vụ tiến hành đánh giá hiệu quả đầu tư về môi trường, sức khỏe, sự an toàn và khả năng tiếp cận của những người có nhu cầu đặc biệt [H07.07.05.34]. Báo cáo đánh giá hiệu quả đầu tư về môi trường, sức khỏe, sự an toàn và khả năng tiếp cận của những người có nhu cầu đặc biệt được Phòng CTSV báo cáo BGH và lãnh đạo các đơn vị tại cuộc họp giao ban cũng như được thể hiện trong báo cáo tổng kết năm học hằng năm của Nhà trường [H07.07.05.35]; [H07.07.05.31].

Căn cứ kết quả đánh giá, giám sát môi trường, sức khỏe, sự an toàn và khả năng tiếp cận của những người có nhu cầu đặc biệt và đề xuất của Phòng CTSV về việc cải tiến môi trường, sức khỏe, sự an toàn và khả năng tiếp cận của những người có nhu cầu đặc biệt, Nhà trường phân công cho các đơn vị tiến hành cải tiến môi trường, sức khỏe, sự an toàn và khả năng tiếp cận của những người có nhu cầu đặc biệt của Trường [H07.07.05.36]. Hằng năm, Nhà trường dành kinh phí cho việc cải tiến môi trường, sức khỏe, sự an toàn và khả năng tiếp cận của những người có nhu cầu đặc biệt [H07.07.05.34]. Trong giai đoạn 2017-2022, Nhà trường đã đầu tư cải tiến môi trường, sức khỏe, sự an toàn và khả năng tiếp cận của những người có nhu cầu đặc biệt, bao gồm: nâng cấp hệ thống đường đi dành riêng cho người có nhu cầu đặc biệt, khu vệ sinh được đảm bảo thuận tiện dễ dàng, hệ thống thang máy, khu nhà ở KTX gần Trường... [H07.07.05.37], [H07.07.05.38], [H07.07.05.39]; [H07.07.05.40]. Nhờ việc thực hiện tốt những chính sách miễn giảm học phí, cấp học bổng, hỗ trợ... theo quy định của Nhà nước và của Trường cho thí sinh trúng tuyển đã khuyến khích các em SV có nhu cầu đặc biệt đến học tại Trường và hoàn thành khóa học có chất lượng. Hầu hết ý kiến của CB, GV, NV tại Hội nghị Người lao động hằng năm, ý kiến của SV thông qua diễn đàn trao đổi giữa BGH với SV trong mỗi năm học đều thể hiện sự hài lòng đối với môi trường, sức khỏe, sự an toàn và khả năng tiếp cận của những người có nhu cầu đặc biệt của Trường [H07.07.05.41]; [H07.07.05.42]. Nhà trường và nhiều tập thể, cá nhân đã nhận được hình thức khen thưởng các cấp vì đã có thành tích xuất sắc trong việc thực hiện nhiệm vụ đào tạo người học là những người có nhu cầu đặc biệt [H07.07.05.43]; [H07.07.05.44].

Tự đánh giá: 5/7

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 7:

1. Tóm tắt các điểm mạnh

- Nhà trường có bộ phận xây dựng kế hoạch tài chính; kế hoạch đầu tư, bảo trì, nâng cấp CSVC; đồng thời theo dõi giám sát, rà soát việc phát triển các

nguồn lực tài chính và CSVC cùng các nguồn lực học tập đáp ứng nhu cầu về ĐT, NCKH và PVCĐ của SV có nhu cầu đặc biệt.

- Nhà trường thực hiện tốt chỉ tiêu tuyển sinh đào tạo SV khuyết tật được cấp trên giao và luôn thực hiện tốt nhiệm vụ đào tạo người học là những người có nhu cầu đặc biệt mà còn đảm bảo 100% sinh viên khuyết tật ra trường được hỗ trợ việc làm.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại

Dữ liệu theo dõi đánh giá hiệu quả sử dụng nguồn học liệu của thư viện Nhà trường còn hạn chế.

3. Kế hoạch cải tiến

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, cá nhân TH	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục tồn tại	Lập KH, áp dụng CNTT vào quản lý Dữ liệu theo dõi đánh giá hiệu quả đầu tư về môi trường, sức khỏe, sự an toàn và khả năng tiếp cận của những người có nhu cầu đặc biệt.	P.CNTT chủ trì, p/h với P.TC-HC-QT; P. Quản lý Đào Tạo	Từ năm học 2023-2024
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục thực hiện tốt việc phát triển các nguồn lực tài chính đáp ứng nhu cầu về ĐT, NCKH và PVCĐ của SV có nhu cầu đặc biệt.	Phòng KHTC chủ trì, p/h với P.TC-HC-QT.	Hàng năm, từ năm học 2023-2024

4. Mức đánh giá

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Tự đánh giá
Tiêu chuẩn 7	4.8
Tiêu chí 7.1	5.0
Tiêu chí 7.2	4.0
Tiêu chí 7.3	4.0
Tiêu chí 7.4	4.0
Tiêu chí 7.5	5.0

Tiêu chuẩn 8. Các mạng lưới và quan hệ đối ngoại

Tiêu chí 8.1. Có kế hoạch phát triển các đối tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại để đạt được tầm nhìn, sứ mạng và các mục tiêu chiến lược của cơ sở giáo dục

Trường Đại học Kinh Bắc xác định sứ mạng của Nhà trường là: “Đào tạo nguồn nhân lực **chất lượng, trình độ cao**, trong đó có những người khuyết tật, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ, cung cấp dịch vụ chuyên môn đa lĩnh vực, đáp ứng sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của đất nước và hội nhập quốc tế”. Vì vậy, việc xây dựng và phát triển phát triển các đối tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại của Nhà trường trực tiếp góp phần thực hiện mục tiêu chiến lược đã đề ra.

Trường Đại học Kinh Bắc luôn xem các đối tác, các mạng lưới và công tác quan hệ đối ngoại là yếu tố quan trọng và là cơ hội mà Nhà trường có thể tận dụng để làm tăng giá trị, thương hiệu và uy tín của mình. Nhà trường luôn chú trọng các mạng lưới là các doanh nghiệp, các tổ chức nghề nghiệp. Ngay từ khi thành lập, Nhà trường phân công nhiệm vụ cho Phòng QLKH&HTQT là đơn vị thực hiện xây dựng kế hoạch, theo dõi giám sát các hoạt động đối ngoại của Nhà trường theo đúng quy định, có văn bản thành lập, giao nhiệm vụ rõ ràng [H08.08.01.01].

Nhà trường đã xây dựng kế hoạch chiến lược giai đoạn 2013-2020 tầm nhìn 2025; kế hoạch trung hạn trong đó có kế hoạch phát triển các đối tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại theo tầm nhìn, sứ mạng và mục tiêu chiến lược [H08.08.01.02], [H08.08.01.03]. Hàng năm, Nhà trường xây dựng các kế hoạch hoạt động. Chiến lược của Nhà trường luôn được điều chỉnh, bổ sung và cụ thể hóa theo từng giai đoạn, từng năm [H08.08.01.04], [H08.08.01.05].

Nhà trường đã xây dựng và ban hành các văn bản quy định về hoạt động hợp tác với các đối tác trong nước và quốc tế [H08.08.01.06], có quy định rõ ràng về cơ chế kiểm tra, giám sát, quản lý cán bộ, nhân viên, giảng viên của trường đi công tác, học tập trong và ngoài nước [H08.08.01.07] căn cứ các quy định của Chính phủ, Bộ Công an, Bộ GD&ĐT về hoạt động HTQT.

Nhà trường đã gửi thư mời làm việc, ký kết hợp tác, trao đổi với nhiều đối tác, trao đổi, hỗ trợ thực tập sinh cho sinh viên. Từ 2015, Phòng QLKH&HTQT đã chủ động gửi thư mời hợp tác đối với các cơ quan, tổ chức, các trường ĐH trên thế giới cũng như nhận được thư mời hợp tác của Trường Đại học Toyo

Nhật Bản, Trường Đại học Yibin Trung Quốc, Trung tâm Giáo dục Toppik Korea, Tập đoàn Univeral Shipmanagementpte, Trường Đại học Khoa học và Công nghệ Malaysia (Must) [H08.08.01.08]. Thông tin về các đối tác đối ngoại của Nhà trường thường xuyên được cập nhật trên website của Trường và của Phòng QLKH&HTQT [H08.08.01.09].

Nhà trường đã sử dụng kênh thông tin điện tử của Trường (email nội bộ và Website của Trường) để thông báo, thu nhập thông tin kết quả khảo sát cho toàn bộ CB, GV, NV và của các bên liên quan [H08.08.01.10]. Ngoài ra các thông tin cũng được phổ biến tại bảng tin của Trường, biểu ngữ quảng cáo, ... điều này giúp làm tăng hiệu quả hoạt động đối ngoại trong phạm vi trong và ngoài nước [H08.08.01.11].

Tự đánh giá: 4/7

Tiêu chí 8.2. Các chính sách, quy trình và thỏa thuận để thúc đẩy các đối tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại được triển khai thực hiện

Nhằm đẩy thúc đẩy các đối tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại, Nhà trường đã trao đổi, ký kết bản ghi nhớ hợp tác song phương, đa phương (MOU) về trao đổi giảng viên, sinh viên, đào tạo, nghiên cứu khoa học, tổ chức hội nghị, hội thảo và các công tác khác với đối tác trong và ngoài nước.

Nhà trường đã phổ biến, triển khai, thúc đẩy các quan hệ hợp tác theo kế hoạch, chiến lược phát triển của Nhà trường. Trong các cuộc họp triển khai đầu năm học, BGH Nhà trường phổ biến, triển khai và yêu cầu các đơn vị tập trung triển khai đồng bộ và hiệu quả việc phát triển các quan hệ hợp tác, đối tác với Trường. Căn cứ nội dung phân công của BGH Nhà trường, các phòng, ban, khoa, viện, trung tâm phối hợp thực hiện các hoạt động HTQT theo kế hoạch Trường đã ban hành [H08.08.02.01], [H08.08.02.02].

Nhà trường đã tích cực mở rộng quan hệ với các đối tác trong và ngoài nước, cử cán bộ, sinh viên tham gia trao đổi, học tập, đặc biệt có sự trao đổi thực tập sinh cho sinh viên ngành du lịch tại Singgapo với Tập đoàn Univeral Shipmanagementpte, tạo cơ hội cho SV được thực tập tại Tập đoàn du thuyền 01 năm nhằm nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ và được hưởng từ

600-900USD/tháng; đã ký kết hợp tác với Tập đoàn Khoa học kỹ thuật Hồng Hải của Đài Loan (tại Bắc Ninh) đào tạo nguồn nhân lực, chất lượng cao trong lĩnh vực CNTT-ĐTTT, tạo cơ hội việc làm có hưởng lương cho SV trong thời gian học tập và sau khi tốt nghiệp. Nhà trường đã ký kết 55 hợp đồng và thỏa thuận hợp tác với các đối tác trong và ngoài nước, bao gồm các cơ sở giáo dục, công ty, doanh nghiệp,... với nội dung hợp tác về ĐT, NCKH và trao đổi GV, SV [H08.08.02.03], [H08.08.02.04].

Nhà trường xây dựng các chương trình NCKH với Trường Đại học Khoa học và Công nghệ Malaysia trong đó có nội dung về trao đổi SV [H08.08.02.05].

Nhiều GV, chuyên gia nước ngoài đã đến Trường giảng dạy trình độ đại học, báo cáo hội thảo và trao đổi chuyên môn với các GV Nhà trường. Từ năm 2015 đến nay, Nhà trường đã tiếp nhận 08 chuyên gia, GV nước ngoài đến làm việc và giảng dạy tại Trường [H08.08.02.06].

Ngoài ra, Nhà trường còn tiếp nhận các SV quốc tế đến học tập theo CTĐT [H08.08.02.07]. Nhà trường đã tổ chức đào tạo gắn kết Nhà trường với doanh nghiệp, với các tổ chức xã hội và gắn kết với địa phương để cùng sử dụng lợi thế chung, gắn học với trải nghiệm, gắn lý luận với thực tiễn, giải quyết được bài toán việc làm sau khi ra trường của SV, đào tạo đáp ứng nhu cầu của nhà tuyển dụng. Tỷ lệ SV của Nhà trường có việc làm ngay (khoảng 90%) sau khi tốt nghiệp một năm [H08.08.02.08]. Mỗi năm, Nhà trường làm việc với hơn 50 doanh nghiệp trong và ngoài nước, tìm cơ hội thực tập và việc làm bán thời gian cho SV đang học và việc làm toàn thời gian cho SV năm cuối.

Nhà trường tham gia tổ chức nhiều hội nghị, hội thảo khoa học quốc tế [H08.08.02.09]. Trong giai đoạn 2017-2022, Nhà trường đã tổ chức hội thảo với các đối tác trong và ngoài nước như: “Diễn đàn doanh nhân ASEAN” do Trường phối hợp với Công ty Saigon Tourist đồng tổ chức; Hội nghị tọa đàm “SV ngành Công nghệ thông tin, Điện tử truyền thông và con đường phía trước” do Nhà trường và VNPT Bắc Ninh đồng tổ chức. Bên cạnh đó, Nhà trường liên kết, hợp tác với Trường Đại học Khoa học và Công nghệ Malaysia (MUST) đồng tổ chức

các hội thảo như: Hội thảo chuyên môn trao đổi phương pháp giảng dạy, thỏa thuận hợp tác nghiên cứu khoa học, Hội thảo áp dụng nghiên cứu khoa học công nghệ vào thực tiễn, Hội thảo “Khởi sự kinh doanh của sinh viên khối ngành kinh tế”. Thông tin về các hội nghị, hội thảo với các đối tác trong và ngoài nước được đăng tải trên website của Trường và của Phòng QLKH&HTQT [H08.08.02.10].

Và đã hội thảo sinh viên và cán bộ nghiên cứu khoa học do phòng NCKH Nhà trường tổ chức 3 lần hội thảo với tổng số đề tài 20 [H08.08.02.11].

Tự đánh giá: 4/7

Tiêu chí 8.3. Các đối tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại được rà soát

Nhà trường giao Phòng QLKH&HTQT là đơn vị thực hiện rà soát, đánh giá hiệu quả hợp tác với các đối tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại cũng như hệ thống văn bản quản lý về đối ngoại của Trường ban hành [H08.08.03.01].

Hàng năm, Phòng QLKH&HTQT triển khai rà soát các hoạt động HTQT của Trường trên cơ sở đối sánh kết quả thực hiện so với kế hoạch đã xác định [H08.08.03.02], [H08.08.03.03], [H08.08.03.04]. Đồng thời có biện pháp nhằm đẩy mạnh hoạt động HTQT [H08.08.03.05].

Phòng QLKH&HTQT tổ chức họp với các đơn vị để xem xét về hiệu quả và kết quả của các ký kết hợp tác với các đối tác nước ngoài để từ đó báo cáo BGH Nhà trường có các biện pháp nhằm đẩy mạnh hoạt động hợp tác với các đối tác của Trường [H08.08.03.04], [H08.08.03.05]. Nhà trường đồng thời tiến hành rà soát kết quả của các chương trình liên kết đào tạo, trao đổi SV, hợp tác tổ chức các hội nghị, hội thảo, đăng tải các công trình NCKH, ... Kết quả và hiệu quả hợp tác với các đối tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại được thể hiện trong báo cáo tổng kết năm học của Nhà trường và của Phòng QLKH&HTQT [H08.08.03.06], [H08.08.03.07], [H08.08.03.08].

Bên cạnh việc thực hiện rà soát, đánh giá hiệu quả hợp tác với các đối tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại, Phòng QLKH&HTQT tiến hành rà soát các văn bản quản lý về hoạt động HTQT do Nhà trường ban hành, trong đó chú trọng xem xét tính cập nhật của văn bản [H08.08.03.09].

Nhà trường không có bất kỳ vi phạm nào trong hoạt động HTQT, có các quyết định khen thưởng các tập thể, cá nhân có thành tích trong hoạt động HTQT của Trường [H08.08.03.10] và thể hiện qua bảng thông kê các cá nhân và tập thể có thành tích trong hoạt động HTQT của trường Đại học Kinh Bắc giai đoạn 2017-2022 [H08.08.03.12] .

Các văn bản quản lý hoạt động HTQT của Nhà trường được đăng tải trên website của Trường và của Phòng QLKH&HTQT [H08.08.03.11].

Đối với công tác tiếp đón đoàn vào, đoàn ra, trong 5 năm vừa qua Nhà trường đã tiếp đón 05 đoàn khách quốc tế đến học tập, nghiên cứu, giảng dạy, trao đổi hợp tác, tham dự hội nghị, hội thảo quốc tế [H08.08.03.13], [H08.08.03.14], [H08.08.03.15].

Tự đánh giá: 4/7

Tiêu chí 8.4. Các đối tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại được cải thiện để đạt được tầm nhìn, sứ mạng và các mục tiêu chiến lược của cơ sở giáo dục

Qua từng giai đoạn phát triển, Nhà trường đã ban hành các kế hoạch thực hiện các chiến lược cho tất cả các hoạt động, trong đó có công tác quan hệ đối ngoại [H08.08.04.01], [H08.08.04.02]. Qua đó, có thể nhận thấy Nhà trường đã có sự điều chỉnh, thay đổi dựa trên xu hướng thay đổi và phát triển của xã hội nhưng vẫn đảm bảo mục tiêu, tầm nhìn và sứ mạng của Nhà trường [H08.08.04.03].

Trong các cuộc họp giao ban, BGH Nhà trường thường xuyên chỉ đạo, yêu cầu Phòng QLKH&HTQT phối hợp với các đơn vị tập trung triển khai các hoạt động HTQT, trong đó tăng số lượng đối tác, mở rộng mạng lưới và quan hệ đối ngoại của Trường [H08.08.04.04]. Trong giai đoạn 2017-2022, số lượng đối tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại của Nhà trường tăng theo hằng năm. Đến nay, Nhà trường đã ký kết MOU với 03 đối tác nước ngoài, trong đó có 01 MOA [H08.08.04.05]. Thông tin về các đối tác đối ngoại của Nhà trường thường xuyên được cập nhật trên website của Trường và của Phòng QLKH&HTQT [H08.08.04.06].

Với sự nỗ lực không ngừng của Nhà trường trong việc phát triển các mạng lưới hợp tác, số lượng ký kết, biên bản thỏa thuận, ghi nhớ tăng lên đáng kể (20 hợp tác ghi nhớ) [H08.08.04.07].

Hàng năm, hoạt động HTQT được đánh giá và có phương hướng triển khai các hoạt động trong năm học tiếp theo [H08.08.04.08]. Đồng thời rà soát ban hành các quy định nhằm nâng cao hoạt động hợp tác quốc tế [H08.08.04.09]. Trong quá trình triển khai hoạt động HTQT, kết thúc mỗi học kỳ và mỗi năm học, Nhà trường tiến hành đối sánh kết quả của hoạt động HTQT so với mục tiêu, chỉ tiêu đã xác định trong kế hoạch năm học. Dựa trên cơ sở đối sánh các chỉ tiêu và kết quả đạt được, Nhà trường ban hành các biện pháp nhằm đẩy mạnh hoạt động HTQT của Trường như: Tăng cường cơ chế phối hợp giữa Phòng QLKH&HTQT với các đơn vị trong việc triển khai các hoạt động hợp tác, khuyến khích các đơn vị chủ động tìm kiếm và giới thiệu với Nhà trường các đối tác phù hợp và tiềm năng [H08.08.04.10], [H08.08.04.11].

Trong giai đoạn 2017-2022, Nhà trường đã phát triển các mối quan hệ hợp tác với các đối tác của các quốc gia: Hoa Kỳ, Nhật Bản, Hàn Quốc, Singapore, Malaysia, Trung Quốc. Bên cạnh đó, Nhà trường điều chỉnh tăng mức kinh phí chi cho hoạt động HTQT, được thể hiện trong “Kế hoạch tài chính năm học” của Trường cũng như áp dụng nhiều chính sách khen thưởng nhằm cải tiến hoạt động HTQT của Trường. Tham gia KĐCL theo tiêu chuẩn quốc tế cũng là một bước cải tiến của Nhà trường trong giáo dục nhằm đạt được mục tiêu chiến lược đề ra [H08.08.04.12], [H08.08.04.13], [H08.08.04.14]. Một số lượng nhỏ cán bộ giảng viên thỉnh giảng hoặc cơ hữu (sau khi đã nghỉ chế độ hưu từ các trường Đại học khác) của Trường đã phối hợp với các nhà khoa học, chuyên gia quốc tế xuất bản nhiều công trình nghiên cứu trên tạp chí quốc tế và tạp chí có uy tín trong nước. Trong giai đoạn 5 năm từ 2017-2021, Nhà trường có tổng số 72 bài báo đăng trên các tạp chí quốc tế (11 bài) và tạp chí trong nước (61bài) và có 3 bài hội thảo trong nước (tuy nhiên các bài báo của các Thầy cô này chủ yếu đăng khi còn là giảng viên khi chưa nghỉ hưu) hoặc hợp tác nghiên cứu khoa học [H08.08.04.15], [H08.08.04.17]. Các Thầy cô còn đi tham gia

khóa tập huấn Đảm bảo chất lượng ở một số Trung tâm KĐCLGD trong nước [H08.08.04.16]. Ngoài ra còn có những sinh viên tham gia trải nghiệm tại doanh nghiệp (chủ yếu ngành du lịch) [H08.08.04.18].

Tự đánh giá: 4/7

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 8:

1. Tóm tắt các điểm mạnh

- Nhà trường đã có kế hoạch phát triển các đối tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại để đạt được tầm nhìn, sứ mạng và các mục tiêu chiến lược;
- Các chính sách, quy trình và thỏa thuận để thúc đẩy các đối tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại được triển khai thực hiện bởi các đơn vị chức năng thông qua đầu mối chung của trường là Phòng KHCN&HTQT;
- Nhà trường chú trọng và khuyến khích các cá nhân tập thể mở rộng quan hệ đối tác, tăng cường kết nối phát triển;
- Các công tác hợp tác đối ngoại thường xuyên được rà soát , đề xuất cải tiến hoặc dừng hoạt động và không có vi phạm nào trong quá trình xây dựng và triển khai các hoạt động hợp tác.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại

Là trường đại học tư thục nên còn chưa đa dạng các loại hình quan hệ hợp tác đối ngoại, chủ yếu mới chỉ là biên bản ghi nhớ, trao đổi SV đi thực tập, trong khi nhiều hình thức hợp tác tiềm năng khác chưa được khai thác.

Số lượng các biên bản ghi nhớ được cụ thể hóa thành hợp đồng hợp tác giữa Nhà trường với các đối tác quốc tế còn hạn chế.

Các công bố khoa học của các cán bộ Nhà trường chủ yếu lúc đang còn công tác tại các cơ sở khác

3. Kế hoạch cải tiến

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Phát triển đa dạng các loại hình hợp tác	Mở rộng hợp tác nhiều loại hình hợp tác như đổi mới phương pháp giảng dạy, các chương trình liên kết với nước	- Phòng QLKH&HTQT - Khoa/Phòng	Từ 2023

		ngoài theo mô hình 1+3, 2+2, ...		
2	Đẩy mạnh thực hiện và bổ sung vào kế hoạch chiến lược	Xây dựng kế hoạch để giới thiệu hình ảnh của Nhà trường, tìm kiếm đối tác chủ động hơn, tham gia các diễn đàn, dự án đào tạo và hợp tác quốc tế	- Phòng QLKH&HTQT - Khoa/Phòng	Từ 2023

4. Mức đánh giá

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Tự đánh giá
Tiêu chuẩn 8	4.0
Tiêu chí 8.1	4.0
Tiêu chí 8.2	4.0
Tiêu chí 8.3	4.0
Tiêu chí 8.4	4.0

MỤC 2: ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG VỀ HỆ THỐNG

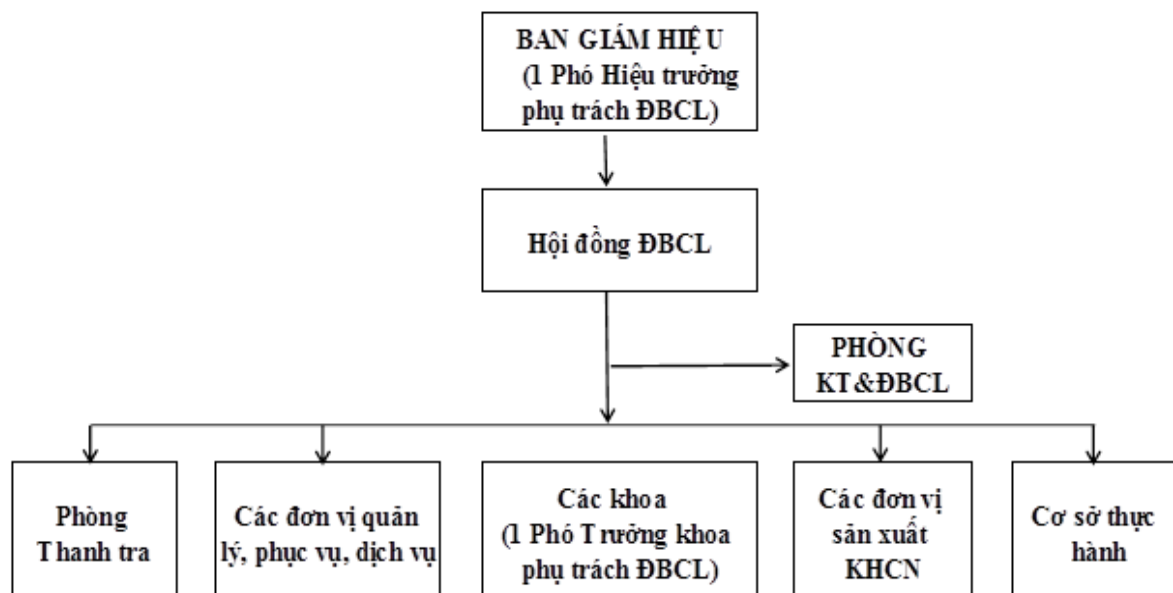
Tiêu chuẩn 9. Hệ thống đảm bảo chất lượng bên trong

Tiêu chí 9.1. Cơ cấu, vai trò, trách nhiệm và trách nhiệm giải trình của hệ thống đảm bảo chất lượng bên trong được thiết lập để đáp ứng các mục tiêu chiến lược và đảm bảo chất lượng của cơ sở giáo dục

Hệ thống ĐBCL bên trong là nhân tố quyết định cho thành công của công tác ĐBCL trong trường; Hệ thống bao gồm quá trình từ đánh giá, đo lường, kiểm soát đến cải tiến chất lượng các hoạt động chính yếu của nhà trường: Đào tạo, NCKH...đáp ứng tốt sứ mạng, tầm nhìn, đạt được các mục tiêu chiến lược của nhà trường, đáp ứng yêu cầu của các bên liên quan.

Hệ thống ĐBCL bên trong của NT được thiết lập gồm: phân công Lãnh đạo trong BGH phụ trách trực tiếp công tác ĐBCL; Hội đồng ĐBCL, Phòng ĐBCL (là đơn vị chuyên trách); các đơn vị trong Trường có nhiệm vụ phối hợp trong công tác ĐBCL [H09.09.01.01], [H09.09.01.02], [H09.09.01.15].

Hệ thống đảm bảo chất lượng giáo dục trường Đại học Kinh Bắc có thể sơ đồ hóa như sau:

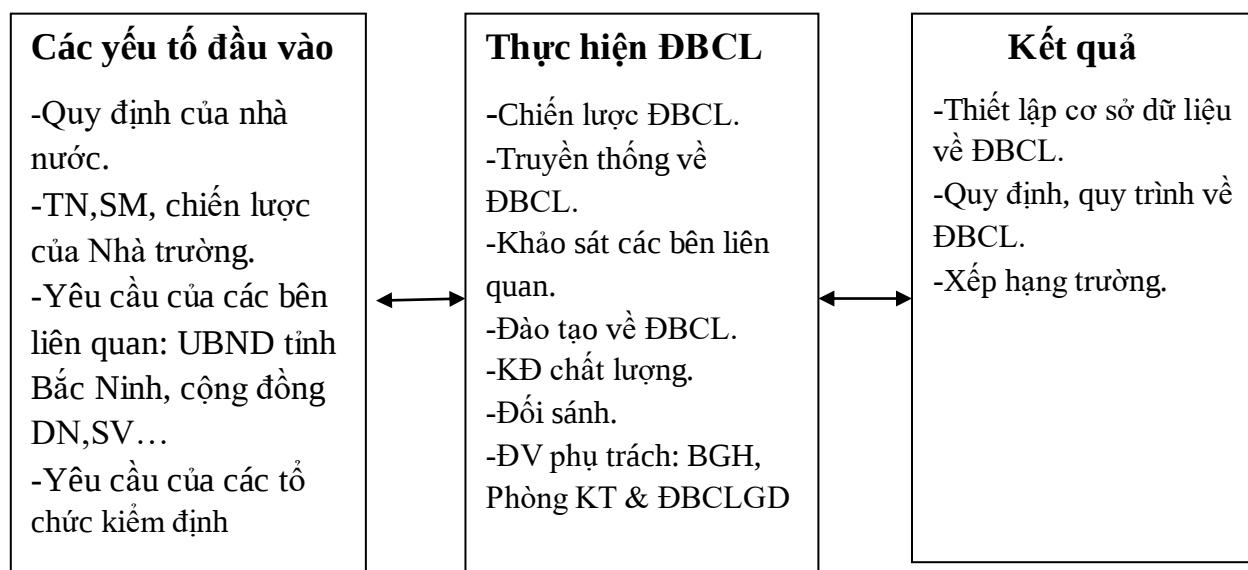


Hình 9.1.1. Sơ đồ Mạng lưới ĐBCL bên trong Trường Đại Học Kinh Bắc

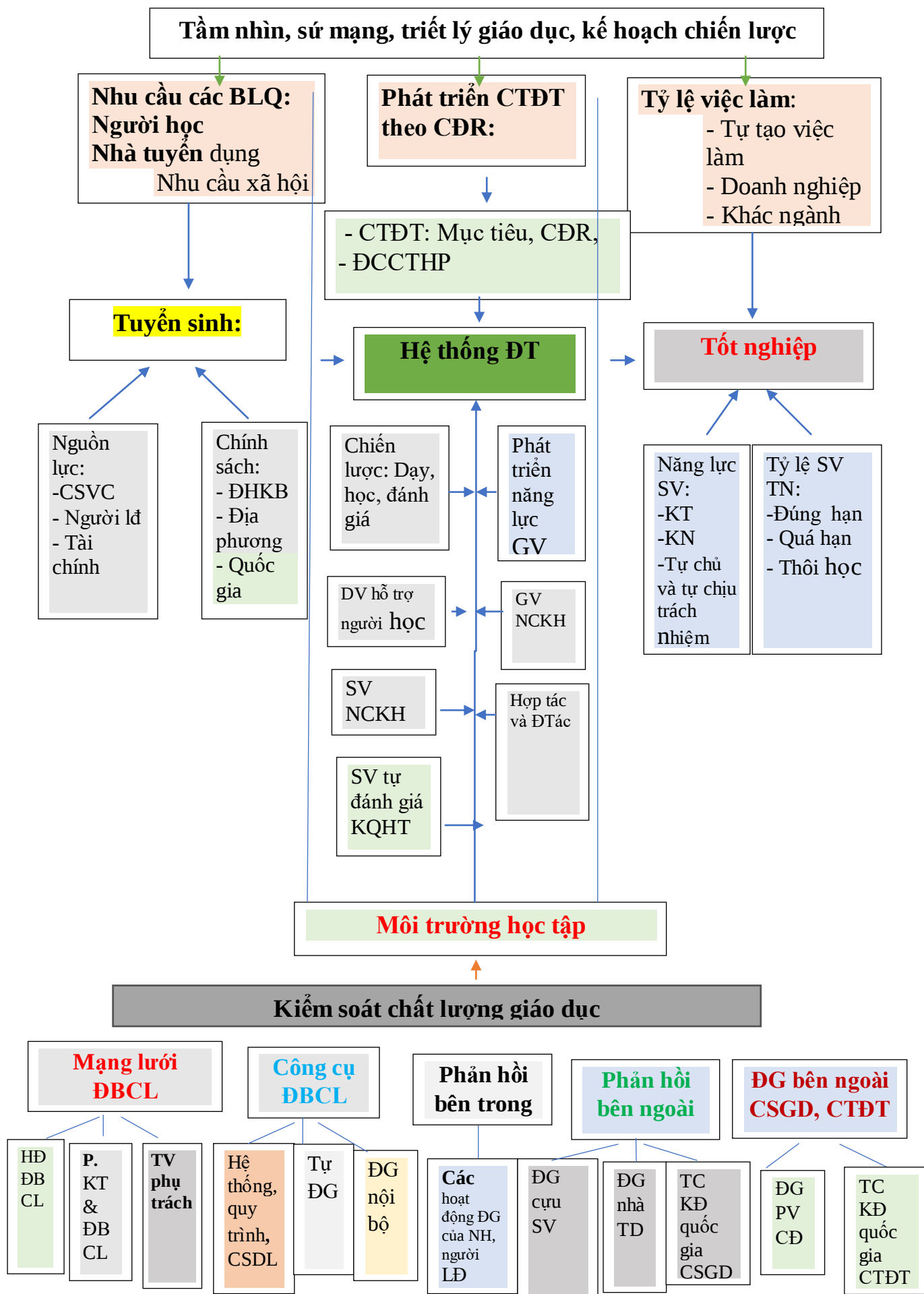
Trường ĐH Kinh Bắc đã thành lập hội đồng ĐBCLGD của Trường vào năm 2018 và năm 2022 [H09.09.01.03], [H09.09.01.15]. Hội đồng có trách nhiệm tham mưu cho Hiệu trưởng xây dựng kế hoạch, tổ chức, triển khai và đánh giá công tác ĐBCLGD của Trường theo quy định của Nhà nước và định hướng của Nhà trường. Sau khi Hội đồng ĐBCLGD được thành lập, Nhà trường cũng đã ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng ĐBCLGD [H09.09.01.04]. Trong quy chế có quy định rõ chức năng, nhiệm vụ, phương thức hoạt động và nhiệm vụ cụ thể của các thành viên Hội đồng. Hội đồng có từ 09 thành viên năm 2018 và 23 thành viên năm 2022. Chủ tịch Hội đồng ĐBCLGD là đại diện BGH phụ trách công tác ĐBCL của trường [H09.09.01.02], [H09.09.01.16]. Hiệu trưởng ra quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch, Phó chủ tịch, Thư ký và các ủy viên Hội đồng. Nhiệm kỳ của Hội đồng theo nhiệm kỳ của Hiệu trưởng [H09.09.01.03]. Hội đồng ĐBCLGD có Quy chế hoạt động của HĐĐBCL để phân định rõ về cơ chế phối hợp trong việc thực hiện nhiệm vụ ĐBCL của từng thành viên trong Hội đồng với các đơn vị liên quan [H09.09.01.04]. Cùng với đó, Nhà trường đã tổ chức được mạng lưới ĐBCL từ Phòng chức năng đến các Khoa chuyên môn. Cụ thể, Trường có một đơn vị chuyên trách về ĐBCL là Phòng Khảo thí và ĐBCLGD, gồm Trưởng phòng, 01 Phó trưởng phòng và các cán bộ làm công tác KT & ĐBCL [H09.09.01.13]. Ở cấp Khoa chuyên môn gồm

các cán bộ, giảng viên kiêm nhiệm công tác KT & ĐBCL [H09.09.01.13], [H09.09.01.15], [H09.09.01.16].

Nhà trường đã ban hành văn bản quy định về hệ thống ĐBCL bên trong gồm ba thành tố chính, đó là:



Hình 9.1.2. Các thành tố chính của Hệ thống ĐBCL bên trong Trường Đại học Kinh Bắc



Hình 9.1.3. Sơ đồ Hệ thống ĐBCL bên trong trường ĐH KB năm 2022 (tổng hợp)

Nhà trường ban hành đầy đủ hệ thống văn bản quy định về các hoạt động ĐBCL và các hướng dẫn thực hiện để hỗ trợ hiệu quả cho công tác quản lý như: Chiến lược cụ thể về ĐBCL và KH hành động chiến lược riêng cho lĩnh vực ĐBCL [H09.09.01.05]; Quy định về đối sánh CLGD của Trường, sổ tay ĐBCL (hệ thống, mô hình, nguồn lực và trách nhiệm của các đơn vị trong Trường về công tác ĐBCL; các văn bản quy định về ĐBCL bên trong,...) và một số văn bản hướng dẫn [H09.09.01.06], [H09.09.01.07]. Để triển khai hoạt động ĐBCL, trường có ban hành các quy định: quy trình lập kế hoạch GD, quy trình thực tập thực tế, thực tập nghề nghiệp, quy trình, thủ tục lấy ý kiến thăm dò SV về chất lượng giảng dạy của GV, quy định thực hiện làm đồ án, khóa luận tốt nghiệp (bao gồm các hoạt động kiểm tra, giám sát); quy định chuẩn đầu ra, các quy định đánh giá trong quá trình đào tạo, quy trình coi thi chấm thi, ra đề... [H09.09.01.08], Quy định về tổ chức và hoạt động thanh tra giáo dục của Nhà trường [H09.09.01.18]. Trong giai đoạn đánh giá, tất cả CB, GV, NV... của NT tham gia công tác ĐBCL của Nhà trường được BD, tập huấn về công tác ĐBCL [H09.09.01.09], [H09.09.01.10], [H09.09.01.11].

Nhằm tăng cường năng lực công tác ĐBCL, kiểm định chất lượng cho cán bộ viên chức của Nhà trường cũng như xây dựng đội ngũ cán bộ viên chức đáp ứng yêu cầu của hoạt động ĐBCL, đội ngũ ĐBCL của Nhà trường đã tham gia tích cực nhiều khóa tập huấn, đào tạo trong và ngoài nước về ĐBCL, công tác kiểm định CTĐT và CSGD [H09.09.01.12], [H09.09.01.13]. [H09.09.01.14].

Tự đánh giá: 5/7

Tiêu chí 9.2. Xây dựng kế hoạch chiến lược về đảm bảo chất lượng (bao gồm chiến lược, chính sách, sự tham gia của các bên liên quan, các hoạt động trong đó có việc thúc đẩy công tác đảm bảo chất lượng và tập huấn nâng cao năng lực) để đáp ứng các mục tiêu chiến lược và đảm bảo chất lượng của cơ sở giáo dục

Trong chiến lược phát triển của Nhà trường giai đoạn 2013-2020, tầm nhìn 2025 và tầm nhìn 2030 đã xác định các nội dung về: Công tác TCCB; Công tác đào tạo; NCKH& Hợp tác quốc tế; KT&ĐBCLGD...Trên cơ sở bản chiến lược này, Phòng KT&ĐBCLGD sẽ có trách nhiệm tham mưu, xây dựng kế hoạch ĐBCL theo giai đoạn và cho từng năm học.

Kế hoạch chiến lược của Nhà trường đã xác định chiến lược ĐBCL, trong đó có các nội dung cụ thể như: chỉ tiêu phân đầu chính trong giai đoạn CL về KĐCLCSGD; kiểm định chất lượng CTĐT; nâng cấp, cải tiến hệ thống ĐBCL bên trong; ĐTBĐ đội ngũ thực hiện công tác ĐBCL; lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan; nâng cao chất lượng [H09.09.02.01].

Phòng KT&ĐBCLGD Tham mưu BGH quyết định ban hành kế hoạch ĐBCL trung hạn giai đoạn 2015-2017 và giai đoạn 2018-2020 cũng như kế hoạch hàng năm từ 2016 đến 2021 [H09.09.02.02], Các mục tiêu chiến lược về đảm bảo chất lượng này được triển khai theo kế hoạch hàng năm, phân công cho các bộ phận phòng ban cùng tham gia nhằm đạt được kết quả tốt nhất. Trong KHĐBCL có các KPIs (chỉ tiêu phân đầu chính cho các ND ĐBCL bao gồm cả các tỉ lệ ĐBCL) như: Tỉ lệ GV/SV, tỷ lệ tốt nghiệp, tỷ lệ bỏ học, tỷ lệ việc làm SV sau tốt nghiệp 6 tháng/12 tháng; rà soát CĐR, ĐCHP; phân bổ các nguồn tài chính cho việc triển khai thực hiện Kế hoạch ĐBCLGD; lộ trình chi tiết để đạt được các mục tiêu đã hoạch định [H09.09.02.03].

Nhà trường đã ban hành chính sách chất lượng và thông báo rộng rãi đến các bên liên quan bên trong và bên ngoài trường với mục đích cam kết với người học và xã hội về chất lượng đào tạo [H09.09.02.04]. Bên cạnh đó, Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2015-2017 và giai đoạn 2018-2020, Cũng như kế hoạch ĐBCL giáo dục của Nhà trường hàng năm từ 2016 đến 2021, Nhà trường luôn có các chính sách ưu tiên cho các hoạt động ĐBCL giáo dục như: Tổ chức lớp bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm dành cho GV; “Tăng cường bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ về công tác ĐBCL; tăng cường nhận thức về chất lượng đối với toàn bộ đội ngũ”; “Cải tiến, nâng cấp hệ thống ĐBCL bên trong”, “Tăng cường đối sánh chất lượng giáo dục với các CSGD khác”; chiến lược tài chính nêu

chính sách hỗ trợ SV “...triển khai một cách tích cực các chính sách liên quan như: tín dụng đào tạo, miễn giảm học phí, xây dựng quỹ học bổng cho SV giỏi, SV có hoàn cảnh khó khăn” hoặc ưu tiên nguồn tài chính cho việc KĐCLCSGD và CTĐT; ưu tiên tăng cường công tác tập huấn cho cán bộ, đặc biệt là cán bộ làm công tác ĐBCL; ưu tiên tập trung nguồn lực cho công tác TĐG [H09.09.02.05], [H09.09.02.06], [H09.09.02.07], [H09.09.02.08], [H09.09.02.09], [H09.09.02.10].

Hằng năm, Nhà trường lấy ý kiến rộng rãi các bên liên quan cụ thể: Ý kiến của người học về chất lượng học phần; chất lượng đào tạo; hoạt động GD, KTĐG; lựa chọn phương pháp và kỹ năng giảng dạy đại học; Quy trình kiểm tra giờ giảng; Ý kiến của CB, GV, NV về dự thảo KHCL ĐBCL giai đoạn 2013-2020, tầm nhìn 2025; ý kiến của CB, GV, NV về TN, SM, hoạt động ĐT, BD, chính sách, chế độ, hệ thống văn bản, CSVC của Nhà trường; ý kiến của nhà tuyển dụng lao động về mức độ hài lòng đối với cựu SV, chất lượng hỗ trợ kết nối việc làm của NT, đề xuất nâng cao CL nguồn nhân lực [H09.09.02.11], [H09.09.02.12], [H09.09.02.13], [H09.09.02.14], [H09.09.02.15].

Tự đánh giá: 5/7

Tiêu chí 9.3. Kế hoạch chiến lược về đảm bảo chất lượng được quán triệt và chuyển tải thành các kế hoạch ngắn hạn và dài hạn để triển khai thực hiện

Dựa trên kế hoạch chiến lược dài hạn giai đoạn 2015-2020, tầm nhìn 2025 và tầm nhìn 2030 và kế hoạch hàng năm từ 2017-2022 của hoạt động ĐBCL, phòng KT&ĐBCLGD lập kế hoạch để triển khai các công tác về ĐBCL thông qua kế hoạch chất lượng dài hạn và hàng năm [H09.09.03.01], [H09.09.03.02], [H09.09.03.03], [H09.09.03.04]. Việc phổ biến, quán triệt kế hoạch chất lượng được phổ biến qua các hội nghị, hội thảo, thông qua email, thông tin điện tử của Nhà trường; các đợt tập huấn cho cán bộ các đơn vị về công tác ĐBCLGD cũng được thường xuyên tổ chức [H09.09.03.05], [H09.09.03.06], [H09.09.03.07], [H09.09.03.08], [H09.09.03.09], [H09.09.03.10].

Căn cứ vào kế hoạch chiến lược ĐBCL giáo dục nhà trường giai đoạn 2015-2020, tầm nhìn 2025, phòng KT & ĐBCLGD xây dựng kế hoạch trung hạn ĐBCL giáo dục giai đoạn 2015-2017 và giai đoạn 2018-2021 [H09.09.03.01], [H09.09.03.03]

Kế hoạch chất lượng nêu các hoạt động cụ thể, mục tiêu cụ thể cần thực hiện trong năm đó của công tác ĐBCL trong toàn trường. Ngoài ra các hoạt động ĐBCL còn được chuyển tải thành các kế hoạch như sửa đổi tài liệu, đề cương chi tiết học phần [H09.09.03.11].

Để thực hiện kế hoạch ĐBCL đã phổ biến, Nhà trường luôn chú trọng đến hoạt động tập huấn, bồi dưỡng, mời chuyên gia có kinh nghiệm về tập huấn công tác ĐBCL cho viên chức, NLD trong Trường [H09.09.03.14]. Ngoài ra, Trường cũng ban hành Sổ tay ĐBCL để hướng dẫn quy trình, nghiệp vụ đến các đơn vị, cá nhân trong Trường [H09.09.03.13].

Trên cơ sở kế hoạch ĐBCL theo năm học [H09.09.03.12], Nhà trường cũng ban hành kế hoạch triển khai các công việc cụ thể theo từng mốc thời gian nhất định như: Kế hoạch đánh giá ngoài CSGD 2022; Kế hoạch tự đánh giá các CTĐT; Kế hoạch đánh giá Ngoài các CTĐT; Kế hoạch khảo sát lấy ý kiến các bên liên quan theo năm.

Cuối mỗi năm học, hoặc giai đoạn thực hiện các mặt công tác công tác của Nhà trường, thì công tác ĐBCLGD cũng được triển khai thực hiện: của phòng KT&ĐBCLGD [H09.09.03.11], Biên bản Hội nghị đối thoại SV [H09.09.03.15], Biên bản Họp triển khai công tác ĐBCL giai đoạn 2017-2022 của Nhà trường [H09.09.03.16]; Biên bản họp các đơn vị triển khai KHĐBCL giai đoạn 2017-2022 [H09.09.03.17], Báo cáo kết quả khảo sát sinh viên về về chất lượng phục vụ học tập, ĐBCL [H09.09.03.18].

Tự đánh giá: 5/7

Tiêu chí 9.4. Hệ thống lưu trữ văn bản, rà soát, phổ biến các chính sách, hệ thống, quy trình và thủ tục đảm bảo chất lượng được triển khai

Về công tác quản lý, lưu trữ văn bản trong toàn Trường, Nhà trường đã có những quy định cụ thể từ quy trình soạn thảo, ban hành, quản lý đến lưu trữ văn

bản. Đối với công tác ĐBCL, Phòng KT&ĐBCLGD là đơn vị đầu mối phụ trách việc lưu trữ đúng theo quy định của Nhà trường và quy trình riêng của đơn vị. Các chính sách, hệ thống, quy trình và thủ tục ĐBCL được lưu trữ dưới dạng bản cứng và bản mềm. Bản cứng được lưu trữ tại Phòng, bản mềm các văn bản đó đều được cập nhập trên phần mềm quản lý văn bản, trên website của Nhà trường hoặc tại Phòng để lưu trữ và tiếp cận dễ dàng. Việc lưu trữ văn bản ĐBCL đều được thực hiện một cách khoa học và theo quy định của Nhà trường.

Nhà trường có hệ thống văn bản Quy định về ĐBCL, hệ thống ĐBCL, chính sách chất lượng, sổ tay chất lượng, các kế hoạch, hướng dẫn về công tác ĐBCL theo từng giai đoạn cụ thể là giai đoạn 2015-2020, tầm nhìn 2025, giai đoạn trung hạn 2015-2017 và 2018-2020; các quy định các mảng chuyên môn như tổ chức hoạt động, đào tạo, NCKH, chính sách giảng viên, tài chính, người học ... [H09.09.04.01], [H09.09.04.02], [H09.09.04.03]. Các văn bản này, được rà soát thường xuyên và được phổ biến đến toàn thể cán bộ GV thông qua các website và phần mềm nội bộ, bản cứng được lưu giữ tại Phòng KT&ĐBCLGD, bản mềm được lưu trữ, phổ biến và cập nhật trên website [H09.09.04.04]. Ngoài ra Trường còn áp dụng các tài liệu cho các hoạt động đảm bảo theo quy định được lưu trữ và cập nhật trên trang Website [H09.09.04.05]. Các tài liệu này khi có ban hành/sửa đổi được Phòng KT&ĐBCLGD phổ biến đến các cán bộ nhân viên liên quan thông qua Thông báo ban hành/sửa đổi tài liệu theo quy định [H09.09.04.06], [H09.09.04.07].

Hệ thống tài liệu, quy định riêng của Trường được rà soát thường xuyên theo kế hoạch hằng năm và theo nhu cầu đột xuất; Cơ sở dữ liệu về đội ngũ, người học, CTĐT, tài chính, học liệu được lưu trữ và quản lý bởi phần mềm chuyên dụng... [H09.09.04.08]. Nhà trường có văn bản phân quyền quản lý, sử dụng và khai thác hệ thống các cơ sở dữ liệu, Các văn bản được phổ biến đầy đủ tuy nhiên mức độ phản hồi về việc đã đọc không nhiều. Mức độ tuân thủ quy trình, quy định vẫn còn nhiều điểm chưa cao [H09.09.04.09].

Hồ sơ thực hiện công việc của từng hoạt động được lưu trữ tại các bộ phận chức năng. Trường Quy định về nơi lưu trữ, thời gian lưu trữ các hồ sơ tại các bộ phận chức năng trong từng quy trình cụ thể [H09.09.04.10].

Hệ thống quy định, chính sách được lưu trữ bản cứng tại Phòng Tổ chức-Hành chính và lưu trữ trên trang website và được phổ biến qua kênh online trực tiếp trên trang này. Hệ thống chính sách về ĐBCL thường xuyên được rà soát:

- Quy định về tài chính SV đã được rà soát sửa đổi hằng năm, tính từ năm 2017 đến năm 2022 quy định tài chính đã được rà soát sửa đổi 05 lần [H09.09.04.11].

- Chính sách lương có tính ổn định cao, tuy nhiên từ năm 2018 chính sách này cũng được rà soát [H09.09.04.12].

- Quy định về đào tạo cũng được rà soát sửa đổi thường xuyên. Quy chế đào tạo đã được rà soát, hiệu chỉnh số tín chỉ cho phù hợp [H09.09.04.13].

Hệ thống các văn bản, quy định về ĐBCL sau khi được bổ sung, cập nhập sẽ được phổ biến rộng rãi và bằng nhiều hình thức cho cán bộ, giảng viên, sinh viên. Với đối tượng là CB, GV các chính sách, hệ thống, quy trình ĐBCL sẽ được phổ biến thông qua các hình thức như: thông qua cuộc họp giao ban giữa các đơn vị trong CSGD [H09.09.04.14] ; thông qua phần mềm quản lý văn bản của CSGD; trên trang thông tin điện tử của CSGD; thông qua các buổi tập huấn về ĐBCL....Đối với đối tượng là sinh viên và các bên liên quan thì các văn bản, quy định về ĐBCL sẽ được truyền tải đến họ thông qua các hình thức như: GVCN sẽ phổ biến cho sinh viên thông qua các buổi sinh hoạt lớp hoặc chủ động tiếp cận các thông tin trên website của Nhà trường

Tự đánh giá: 5/7

Tiêu chí 9.5. Các chỉ số thực hiện chính và các chỉ tiêu phấn đấu chính được thiết lập để đo lường kết quả công tác đảm bảo chất lượng của cơ sở giáo dục

Trên cơ sở chiến lược phát triển của Nhà trường, nhằm cụ thể hóa các chỉ số thực hiện và chỉ tiêu phấn đấu trong công tác ĐBCL, Nhà trường đã ban hành kế hoạch chiến lược công tác KT&ĐBCLGD theo giai đoạn. Trong kế hoạch

cũng đưa ra các kế hoạch trọng tâm và kế hoạch cụ thể cho công tác ĐBCL trong từng năm. Nhà trường đã thiết lập bộ chỉ số phản ánh nội dung ĐBCL trong bộ chỉ tiêu quá trình và một phần trong bộ chỉ số KPIs năm 2021 [H09.9.05.01], [H09.9.05.02].

Các chỉ tiêu này được quy định công thức, định nghĩa, các loại trừ, người chịu trách nhiệm thu thập, người chịu trách nhiệm giải trình... cho các chỉ số trong Hướng dẫn thu thập, tính toán chỉ tiêu.

Cụ thể các chỉ tiêu chia thành các nhóm:

- Nhóm chỉ số về CBGV: 4 chỉ tiêu
- Nhóm chỉ số về hoạt động đào tạo: 16 chỉ tiêu
- Nhóm chỉ tiêu ĐBCL trong NCKH: 9 chỉ tiêu
- Nhóm chỉ tiêu ĐBCL trong quốc tế hóa: 6 chỉ tiêu
- Nhóm chỉ số cơ bản về PVCĐ: 14 chỉ tiêu
- Nhóm chỉ số cơ bản về hỗ trợ, giám sát người học: 6 chỉ tiêu
- Nhóm chỉ số về đo lường, khảo sát, đánh giá: 5 chỉ tiêu
- Nhóm chỉ số cơ bản về tài chính: 9 chỉ tiêu

Nhóm chỉ số cơ bản về CSVC: 9 chỉ tiêu

Các chỉ số này được thu thập, theo dõi thông qua báo cáo chất lượng hàng tháng do bộ phận ĐBCL thực hiện [H09.09.05.03].

Tất cả các chỉ tiêu chiến lược đều được đặt con số mục tiêu theo từng năm, dựa trên con số thực hiện năm trước và theo nguyên tắc năm sau tốt hơn năm trước. Mỗi chỉ số có chu kỳ đo và thống kê dữ liệu riêng theo nội hàm chỉ tiêu đó. Tất cả các chỉ tiêu đều được cập nhật dữ liệu theo chu kỳ đó [H09.09.05.04].

Để đo lường và đánh giá kết quả công tác ĐBCL, Nhà trường sẽ căn cứ vào định mức khối lượng công việc (giảng dạy, NCKH, PVCĐ, ĐBCL) theo vị trí việc làm, theo nhiệm vụ năm học, chỉ tiêu phấn đấu và kế hoạch đã đề ra....của mỗi cá nhân và đơn vị. Trên cơ sở đó, Nhà trường sẽ tiến hành triển khai đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của mỗi cá nhân, đơn vị vào cuối mỗi năm học. Các tiêu chí, đánh giá xếp loại VC, NLĐ được Nhà trường xây dựng

căn cứ trên khối lượng giờ giảng, giờ NCKH/1 giảng viên theo vị trí việc làm được quy định cụ thể trong [H09.09.05.05]. Nhà trường cải tiến các chỉ số đo lường chất lượng, các chỉ số KPIs mới được thiết lập và được đưa trong chiến lược kế hoạch hàng năm của Trường và các đơn vị để hành động [H09.09.05.02], [H09.09.05.06], [H09.09.05.07], [H09.09.05.08]. Kết quả đo lường và đánh giá công tác ĐBCL được thể hiện cụ thể trong các báo cáo tổng kết hoạt động KT&ĐBCL hàng năm của Nhà trường [H09.09.05.09], [H09.09.05.10].

Tự đánh giá: 5/7

Tiêu chí 9.6. Quy trình lập kế hoạch, các chỉ số thực hiện chính và các chỉ tiêu phấn đấu chính được cải tiến để đáp ứng các mục tiêu chiến lược và đảm bảo chất lượng của cơ sở giáo dục

Nhằm đạt được các mục tiêu chiến lược và ĐBCL của CSGD, quy trình lập kế hoạch các hoạt động thường xuyên được rà soát và cải tiến. Quy trình lập kế hoạch trong quá trình xây dựng rất chú trọng đến việc lấy ý kiến của các bên liên quan thông qua bản dự thảo nhằm đảm bảo tính khách quan, hiệu quả, hiệu lực của văn bản được xây dựng. Quy trình lập kế hoạch sau khi hoàn thiện và triển khai thực hiện cũng sẽ thường xuyên được rà soát, phân tích, đánh giá nhằm đảm bảo tính phù hợp của quy trình và kịp thời cải tiến cho phù hợp với tình hình thực tiễn tại CSGD.

Phòng KT&ĐBCLGD được giao nhiệm vụ thực hiện rà soát và cải tiến quy trình lập kế hoạch các hoạt động ĐBCL [H09.09.06.01], [H09.09.06.02]. Phòng đã họp với các đơn vị để xem xét, đánh giá, rà soát quy trình lập kế hoạch các hoạt động ĐBCL của Nhà trường đang áp dụng [H09.09.06.03]. Căn cứ kết quả thống nhất tại cuộc họp với các đơn vị, Phòng KT&ĐBCLGD trình Hiệu trưởng ký ban hành quy trình lập kế hoạch các hoạt động ĐBCL đã được điều chỉnh, cải tiến [H09.09.06.04]. Năm 2018, và năm 2022, Nhà trường đã ban hành và thông báo đến các đơn vị quy trình lập kế hoạch các hoạt động ĐBCL đã được điều chỉnh, cải tiến để triển khai thực hiện [H09.09.06.05], [H09.09.06.06].

Nhà trường đồng thời giao nhiệm vụ cho Phòng KT&ĐBCLGD tiến hành rà soát Bộ chỉ số KPIs và các chỉ tiêu phấn đấu chính về ĐBCL [H09.09.06.07], [H09.09.06.08]. Kết thúc năm học, Phòng KT&ĐBCLGD tổ chức họp với các đơn vị để xem xét, đánh giá, rà soát Bộ chỉ số KPIs và các chỉ tiêu phấn đấu chính về ĐBCL của Nhà trường đang áp dụng [H09.09.06.09]. Căn cứ ý kiến góp ý của các đơn vị, Phòng KT&ĐBCLGD dự thảo điều chỉnh Bộ chỉ số KPIs và các chỉ tiêu phấn đấu chính về ĐBCL, trình Hiệu trưởng ký ban hành: [H09.09.06.10], [H09.09.06.11], [H09.09.06.12], [H09.09.06.13].

Năm 2018, năm 2022, Nhà trường đã ban hành và thông báo đến các đơn vị Bộ chỉ số KPIs và các chỉ tiêu phấn đấu chính về ĐBCL đã được điều chỉnh để triển khai thực hiện. Bộ chỉ số KPIs và các chỉ tiêu phấn đấu chính về ĐBCL của Nhà trường được điều chỉnh, đó là Bộ tiêu chí đánh giá chất lượng đào tạo năm 2014 (*phiên bản 1*) có 25 tiêu chí; Bộ chỉ số KPIs năm 2016 (*phiên bản 2*) có 51 chỉ số; Bộ chỉ số KPIs năm 2018 (*phiên bản 3*) đã được điều chỉnh, cải tiến có 71 chỉ số, trong đó xây dựng các chỉ số cho các đơn vị, cá nhân thuộc khối phòng, trung tâm; các chỉ số cho các đơn vị, cá nhân thuộc khối khoa/viện, [H09.09.06.11], [H09.09.06.12]. Đặc biệt năm 2022 thêm chỉ số về đến kết thúc năm 2022 phải ĐGN được CSGD và sang năm 2023 tự đánh giá CTĐT 4 chương trình và tiến tới ĐGN 4 CTĐT vào cuối năm 2023 [H09.09.06.13]. Phòng KT&ĐBCLGD gửi văn bản ban hành Bộ chỉ số KPIs và các Chỉ tiêu phấn đấu chính về ĐBCL đã được điều chỉnh, cải tiến đến các đơn vị để triển khai thực hiện [H09.09.06.13], [H09.09.06.14]. Nhà trường, đồng thời góp ý cho việc cải tiến Quy trình lập kế hoạch, cải tiến và thiết lập các chỉ tiêu phấn đấu cho phù hợp, đầy đủ hơn ở các năm học sau (như rà soát cải tiến CTĐT, CBGV, công tác ĐBCL, NCKH, cơ sở vật chất, công tác đoàn thể....) [H09.09.06.16], [H09.09.06.17], [H09.09.06.18].

Với những kết quả đạt được, Đảng bộ Nhà trường liên tục 10 năm qua được Ban thường vụ Thành ủy Bắc Ninh công nhận đạt “Trong sạch vững mạnh”; từ 2013-2020, Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Ninh tặng Bằng khen cho Trường; năm 2018 Nhà trường được nhận Cờ đơn vị xuất sắc trong phong trào

thi đua của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Ninh tặng; năm 2017 Bộ trưởng Bộ GDĐT tặng Bằng khen cho Trường [H09.09.06.15].

Tự đánh giá: 5/7

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 9:

1. Tóm tắt các điểm mạnh

- Nhà trường đã thành lập Phòng KT&ĐBCLGD là đơn vị chuyên trách về công tác ĐBCL giáo dục.

- Nhà trường đã xây dựng hệ thống ĐBCL bên trong, thành lập Hội đồng ĐBCL của Trường với sự phân công trách nhiệm cụ thể cho các thành viên và ban hành quy chế hoạt động của Hội đồng.

- Nhà trường ban hành quy định về công tác ĐBCL trong đó quy định về cơ chế phối hợp giữa các đơn vị trực thuộc trong việc triển khai công tác ĐBCL giáo dục.

- Mạng lưới công tác ĐBCL của Nhà trường được cấu trúc chặt chẽ, xây dựng ở cấp trường và cấp các đơn vị và triển khai các hoạt động ĐBCL theo kế hoạch.

- Nhà trường đã ban hành Kế hoạch ĐBCL giáo dục giai đoạn 2017-2022, tầm nhìn 2025; giai đoạn 2021-2026, tầm nhìn 2030; các Kế hoạch trung hạn ĐBCL và Kế hoạch ĐBCL giáo dục cho từng năm học.

- Nhà trường đã ban hành Bộ chỉ số KPIs, để đo lường, đánh giá hoạt động ĐBCL của Trường, đồng thời xây dựng các chỉ tiêu phấn đấu chính về ĐBCL giáo dục giai đoạn 2017-2022.

- Nhà trường tạo điều kiện thuận lợi để các CB, GV tham gia các khóa tập huấn về công tác ĐBCL và KĐCL giáo dục cũng như tổ chức nhiều khóa tập huấn tại Trường nhằm bồi dưỡng kiến thức về công tác ĐBCL và KĐCL giáo dục cho đội ngũ làm công tác ĐBCL cấp trường và cấp đơn vị.

- Nhà trường áp dụng nhiều chính sách ưu tiên cho hoạt động ĐBCL giáo dục của Trường.

- Nhà trường áp dụng nhiều hình thức thông báo, phổ biến hệ thống văn bản về công tác ĐBCL giáo dục đến các đơn vị, CB, GV, NV và SV.

- Hệ thống văn bản về công tác ĐBCL giáo dục được Nhà trường lưu trữ có hệ thống, cập nhật đầy đủ, rõ ràng và dễ tiếp cận.

- Phòng KT&ĐBCLGD định kỳ tiến hành rà soát quy trình lập kế hoạch ĐBCL cũng như Bộ chỉ số KPIs và các chỉ tiêu phân đầu chính về ĐBCL của Nhà trường.

- Năm 2022 Nhà trường đã ban hành Bộ chỉ số KPIs và các chỉ tiêu phân đầu chính về ĐBCL được điều chỉnh, cải tiến cho phù hợp với điều kiện thực tiễn.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại

Sự tham gia của các bên liên quan trong hệ thống ĐBCL bên trong của Nhà trường còn hạn chế.

3. Kế hoạch cải tiến

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện (bắt đầu và hoàn thành)
1	Cải tiến bộ chỉ tiêu KPIs	-Cải tiến bộ chỉ tiêu KPIs, hằng năm BGH chỉ đạo rà soát bộ chỉ tiêu và các mục tiêu đạt được để cải tiến bộ chỉ tiêu nhằm đạt được các mục tiêu trong công tác ĐBCL.	Phòng KT&ĐBCLGD	Từ năm 2021
2	Cải tiến việc thu thập dữ liệu chỉ tiêu KPIs	-Cải tiến việc thu thập dữ liệu chỉ tiêu KPIs bằng cách xây dựng phần mềm thu thập dữ liệu để cải tiến cách thức lấy dữ liệu tính toán chỉ tiêu.	Phòng đào tạo, phòng KT&ĐBCLGD	Từ năm 2021
3	Phổ biến sâu rộng các nội dung của kế hoạch chiến lược về hoạt động ĐBCL	Tham mưu trường tổ chức hội nghị chất lượng hằng năm để phổ biến Kế hoạch chiến lược, Kế hoạch trung hạn, ngắn hạn về hoạt động chất lượng cho các bộ phận liên quan	phòng KT&ĐBCLGD	Từ năm 2021
4	Nâng cao tính hiệu	Kế hoạch cử thêm CM của phòng KT&ĐBCLGD và các bộ	Phòng TCHC và Phòng	Từ năm 2021

	lực và hiệu quả của hoạt động ĐBCL bên trong	phận liên quan tham gia các khóa tập huấn về ĐBCL để nâng cao năng lực chuyên môn và kinh nghiệm thực tiễn triển khai	KT&ĐBCLGD	
--	--	---	-----------	--

Trong năm học 2020-2021, Nhà trường rà soát và tăng cường sự tham gia của các bên liên quan trong hệ thống ĐBCL bên trong của Nhà trường, trong đó mở rộng thành phần của các bên liên quan trong Hội đồng ĐBCL giáo dục.

4. Mức đánh giá

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Tự đánh giá
<i>Tiêu chuẩn 9</i>	5.0
Tiêu chí 9.1	5.0
Tiêu chí 9.2	5.0
Tiêu chí 9.3	5.0
Tiêu chí 9.4	5.0
Tiêu chí 9.5	5.0
Tiêu chí 9.6	5.0

Tiêu chuẩn 10. Tự đánh giá và đánh giá ngoài

Tiêu chí 10.1. Kế hoạch TĐG và chuẩn bị cho việc ĐGN được thiết lập

Thực hiện các hướng dẫn của Bộ GD&ĐT về công tác KĐCL giáo dục, Nhà trường đã ban hành Kế hoạch chiến lược về công tác ĐBCL Trường Đại học Kinh Bắc giai đoạn 2015-2020, tầm nhìn 2025 (Theo QĐ số 733/QĐ-ĐHKB ngày 07 tháng 12 năm 2015) trong đó xác định giai đoạn tự đánh giá cơ sở giáo dục là 2017-2022 và đánh giá ngoài trong năm 2022 [H10.10.01.01], [H10.10.01.02], [H10.10.01.03]. Nhà trường giao nhiệm vụ cho Phòng KT&ĐBCLGD là đơn vị chủ trì triển khai hoạt động TĐG và chuẩn bị công tác ĐGN của Trường [H10.10.01.04], [H10.10.01.05]. Ngoài ra, trong kế hoạch công tác ĐBCL hằng năm của Nhà trường luôn xác định các nội dung cần triển khai để TĐG và chuẩn bị ĐGN cấp CSGD, ngày 07/11/2018 nhà Trường đã

thành lập Hội đồng Tự đánh giá gồm 24 thành viên và thành lập Ban Thư ký, các nhóm chuyên trách phục vụ cho công tác Tự đánh giá [H10.10.01.06].

Từ năm 2018, Trường đã lập kế hoạch TĐG và chuẩn bị các thủ tục cho việc ĐGN theo bộ tiêu chuẩn sửa đổi ban hành theo thông tư 12/2017/TT-BGDĐT ngày 19/05/2017 của Bộ GD&ĐT [H10.10.01.01], [H10.10.01.07]. Tuy nhiên ở giai đoạn này Nhà trường mới tiến hành tự đánh giá và chưa đánh giá ngoài CSGD [H10.10.01.08]. Đến năm 2021 Nhà trường đã bổ sung, điều chỉnh Hội đồng Tự đánh giá CSGD lần 2 và chuẩn bị các thủ tục cho việc ĐGN theo bộ tiêu chuẩn sửa đổi ban hành, theo quyết định số 284/QĐ-ĐHKB ngày 23 tháng 4 năm 2021 và chỉnh sửa bổ sung năm 2022 [H10.10.01.09]. Bên cạnh đó, Phòng KT&ĐBCLGD tham mưu BGH Nhà trường ban hành các văn bản hướng dẫn cụ thể để thực hiện công tác TĐG và đăng ký ĐGN [H10.10.01.10]. Năm 2019 Nhà trường đã gửi các tài liệu văn bản hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo như Công văn 1237/KTKĐCLGD-KĐĐH về việc Sử dụng tài liệu hướng dẫn đánh giá chất lượng trường đại học ban hành ngày 03/08/2016 [H10.10.01.11], Công văn số 462/KTKĐCLGD-KĐĐH về việc Hướng dẫn tự đánh giá trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp ban hành ngày 09/05/2013 [H10.10.01.12]. Trong giai đoạn Tự đánh giá theo Bộ tiêu chuẩn kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục đại học theo Thông tư 12/2017/TT-BGDĐT [H10.10.01.01] các văn bản hướng dẫn như Công văn 766/QLCL-KĐCLGD 31/12/2019 về việc Hướng dẫn tự đánh giá cơ sở giáo dục đại học [H10.10.01.01], Công văn Số 767/QLCL-KĐCLGD ngày 20/4/2018 Hướng dẫn đánh giá ngoài cơ sở giáo dục đại học [H10.10.01.13], Công văn 768/QLCL-KĐCLGD ngày 20/4/2018 Hướng dẫn đánh giá theo bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục đại học [H10.10.01.14] và gần đây nhất là Công văn số 1668/QLCL-KĐCLGD ngày 21/12/2019 [H10.10.01.01] về việc thay thế Bảng hướng dẫn đánh giá ban hành kèm theo Công văn số 768/QLCL-KĐCLGD, công văn 1669/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2019 về việc thay thế tài liệu đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ GDĐH ban hành kèm theo Công văn số 769/QLCL-KĐCLGD [H10.10.01.15]. Kế hoạch TĐG cấp CSGD được thông

báo, phổ biến rộng rãi đến tất cả các đơn vị và toàn thể CB, GV, NV biết để thực hiện [H10.10.01.16]. Trong kế hoạch TĐG cấp CSGD của Nhà trường đã xác định các nội dung công việc cần thực hiện với các mốc thời gian cụ thể theo các văn bản hướng dẫn của Bộ GD&ĐT [H10.10.01.07]. Đồng thời, Nhà trường phân công trách nhiệm cụ thể cho các đơn vị tham gia công tác TĐG cấp CSGD và chuẩn bị ĐGN [H10.10.01.17].

Để thực hiện công tác TĐG cấp CSGD và chuẩn bị ĐGN, Phòng KT&ĐBCLGD tham mưu Ban Giám hiệu bổ sung, điều chỉnh Hội đồng TĐG, Ban thư ký, các nhóm chuyên trách phục vụ TĐG theo đúng các văn bản hướng dẫn của Bộ GD&ĐT và phù hợp với giai đoạn Tự đánh giá với nhà trường [H10.10.01.18], [H10.10.01.19]. Hội đồng TĐG tổ chức họp và phân công trách nhiệm rõ ràng của từng thành viên trong quá trình thực hiện công tác TĐG: Chủ tịch HĐTĐG chỉ đạo chung các công việc TĐG; Phòng KT&ĐBCLGD là đơn vị thường trực và là thành viên chủ chốt của Ban thư ký thực hiện công tác TĐG cấp CSGD; các Khoa/phòng chuyên môn có nhiệm vụ phối hợp và thực hiện theo chỉ đạo của chủ tịch HĐTĐG. Các nhóm chuyên trách có nhiệm vụ khảo sát các BLQ, thu thập minh chứng, thực hiện phiếu đánh giá tiêu chí và viết dự thảo báo cáo TĐG tiêu chuẩn/tiêu chí được phân công. Ban thư ký có nhiệm vụ tổng hợp báo cáo TĐG từ báo cáo TĐG tiêu chuẩn/tiêu chí do các nhóm chuyên trách thực hiện cũng như theo dõi, giám sát, hỗ trợ các nhóm chuyên trách trong quá trình triển khai công tác TĐG [H10.10.01.20].

Chuẩn bị cho hoạt động ĐGN, Hội đồng TĐG của Nhà trường yêu cầu các đơn vị, các nhóm chuyên trách, Ban thư ký đảm bảo thực hiện đúng và đầy đủ các nội dung theo kế hoạch TĐG cấp CSGD đã được ban hành [H10.10.01.21]. Nhà trường đã thực hiện công bố BCTĐG trong nội bộ nhà trường năm 2019 và năm 2022; tổ chức lấy ý kiến các chuyên gia ĐBCL/KĐCL về BCTĐG; gửi CV về việc hoàn thành hoạt động TĐG và BCTĐG cho Cục QLCL-Bộ GD&ĐT [H10.10.01.22].

Đồng thời, để trang bị cho các thành viên của Hội đồng TĐG, các nhóm chuyên trách, Ban thư ký những hiểu biết đầy đủ về công tác KĐCL giáo dục và

TĐG trong KĐCL cấp CSGD, Nhà trường làm việc với Trung tâm KĐCLGD-Đại học Đà Nẵng triển khai tập huấn về Thông tư số 12/2017/TT-BGDĐT ngày 19/5/2017 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT [H10.10.01.23], [H10.10.01.24], [H10.10.01.25]. Đồng thời, chuẩn bị cho việc đăng kí, kí hợp đồng thẩm định BCTĐG, tiến tới kí kết hợp đồng ĐGN và thẩm định công nhận [H10.10.01.26], [H10.10.01.27], [H10.10.01.28]. Bên cạnh đó, Nhà trường đã cử 07 CB, GV tham gia và hoàn thành khóa đào tạo kiểm định viên KĐCL GDĐH&TCCN [H10.10.01.29], [H10.10.01.30], [H10.10.01.31]. Tại các cuộc họp của Đảng ủy và giao ban định kỳ của chính quyền, Đảng ủy và BGH Nhà trường luôn quan tâm chú trọng, chỉ đạo các đơn vị tập trung triển khai công tác TĐG cấp CSGD theo đúng kế hoạch đã xây dựng. Đến nay, Nhà trường đã bảo đảm đầy đủ các điều kiện để ĐGN trong năm 2022 [H10.10.01.31].

Tự đánh giá: 5/7

Tiêu chí 10.2. Việc TĐG và ĐGN được thực hiện định kỳ bởi các cán bộ và/hoặc các chuyên gia độc lập đã được đào tạo

Năm 2018 Nhà trường đã thành lập Hội đồng Tự đánh giá, Ban thư ký, các nhóm chuyên trách và phân công cụ thể cho mỗi nhóm phụ trách các tiêu chuẩn, trong đó đảm bảo triển khai đầy đủ 25 tiêu chuẩn trong bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục đại học theo Thông tư 12/2017/TT-BGDĐT ngày 19/5/2017 do Bộ GD&ĐT ban hành [H10.10.02.01], [H10.10.02.02] [H10.10.02.03], [H10.10.02.04]. Ban thư ký công tác TĐG cấp CSGD của Nhà trường bao gồm 07 thành viên với Trưởng Ban thư ký là Trưởng phòng KT&ĐBCLGD [H10.10.02.05]. Năm 2019 để triển khai thực hiện tốt công tác TĐG, Nhà trường đã hợp đồng với Trung tâm KĐCLGD-Đại học Đà Nẵng tổ chức tập huấn về công tác TĐG CSGD với sự tham gia của các thành viên Hội đồng TĐG, Ban thư ký, các nhóm chuyên trách vào 15/16 tháng 01 năm 2019, tổng số người tham dự 29 người [H10.10.02.06], [H10.10.02.07], [H10.10.02.08], [H10.10.02.09], [H10.10.02.10]. Tuy nhiên Nhà trường vẫn chưa tiến hành Đánh giá ngoài trong giai đoạn này. Đến năm 2021 nhà trường tiếp tục triển khai kế hoạch TĐG và kế hoạch chuẩn bị cho việc đánh giá ngoài,

để thực hiện tốt công tác TĐG và kế hoạch đánh giá ngoài Nhà trường đã phối hợp với Trung tâm KĐCLGD – Trường Đại học Vinh về việc thẩm định báo cáo tự đánh giá. Hiện tại Nhà trường đã thực hiện TĐG năm 2021 và chuẩn bị cho đánh giá ngoài năm 2022 theo kế hoạch [H10.10.02.11], [H10.10.02.12], [H10.10.02.13].

Năm 2019, Nhà trường đã cử 07 CB, GV tham gia và hoàn thành khóa đào tạo, được cấp chứng chỉ kiểm định viên KĐCL GDĐH&TCCN do Đại học Đà Nẵng tổ chức vào tháng 7 năm 2019 [H10.10.02.15], [H10.10.02.16], [H10.10.02.17], [H10.10.02.18]. Do trong năm 2018, Cục KT&KĐCLGD, Bộ GD&ĐT không tổ chức tuyển chọn kiểm định viên KĐCL GDĐH&TCCN, tuy nhiên vào tháng 02 năm 2019, Nhà trường đã cử 01 CB tham gia quan sát viên đợt khảo sát chính thức phục vụ đánh giá ngoài tại Trường ĐH Hồng Bàng [H10.10.02.19]. Bên cạnh đó, Nhà trường cử 02 CB của Trường tham gia quan sát viên đợt khảo sát chính thức phục vụ đánh giá ngoài tại Trường ĐH Văn Hiến vào tháng 8 năm 2019, năm 2021 nhà trường đã cử 02 CB tham gia chương trình Hội thảo tập huấn Nâng cao năng lực công tác Bảo đảm và kiểm định chất lượng Giáo dục Đại học vào tháng 1 năm 2021 [H10.10.02.20]. Tất cả các thành viên tham gia hội đồng TĐG, các thành viên Ban thư ký, các thành viên nhóm chuyên trách thực hiện công tác TĐG đã tham gia các khóa tập huấn về công tác ĐBCL và KĐCLGD [H10.10.02.10]. Ngoài ra, đến nay đã có 50 CB, GV của Nhà trường đã tham gia các khóa tập huấn, hội nghị, hội thảo về ĐBCL và KĐCL giáo dục do Trường tổ chức hoặc Nhà trường cử tham dự [H10.10.02.21], [H10.10.02.22], [H10.10.02.23].

Tự đánh giá: 5/7

Tiêu chí 10.3. Các phát hiện và kết quả của việc Tự đánh giá và Đánh giá ngoài được rà soát

Trường Đại học Kinh Bắc đã tiến hành Tự đánh giá CSGD lần 1 năm 2019 và lần 2 năm 2021 [H10.10.03.01], [H10.10.03.02]. Trong báo cáo tự đánh giá của Nhà trường các điểm mạnh, điểm tồn tại của các lĩnh vực hoạt động đều được xác định, phân tích. Cụ thể với tất cả 25 tiêu chuẩn và 111 tiêu chí theo 4

lĩnh vực ĐBCL, gồm ĐBCL về chiến lược, ĐBCL về hệ thống, ĐBCL về thực hiện chức năng và ĐBCL về kết quả hoạt động theo yêu cầu nội hàm của từng tiêu chí, tiêu chuẩn từ đó xác định điểm mạnh, điểm tồn tại và xây dựng kế hoạch cải tiến [H10.10.03.03] .

Căn cứ nội dung thống nhất về việc xác định các điểm mạnh, tồn tại của Nhà trường tập trung ở các lĩnh vực ĐT, NCKH và PVCD, Hội đồng TĐG triển khai các biện pháp cụ thể để tiếp tục tăng cường, duy trì điểm mạnh và đặc biệt quan trọng là xây dựng kế hoạch và triển khai KH khắc phục toàn bộ các tồn tại so với yêu cầu của tiêu chuẩn/tiêu chí [H10.10.03.04]. Hội đồng TĐG Nhà trường đề nghị các đơn vị tiến hành áp dụng các biện pháp khắc phục các tồn tại được phát hiện trong quá trình triển khai công tác TĐG [H10.10.03.05]. Trên cơ sở đó, các đơn vị tổ chức họp và triển khai khắc phục các tồn tại nhằm đạt được các yêu cầu của tiêu chuẩn/tiêu chí [H10.10.03.06]. Tính đến thời điểm ĐGN, nhà trường đã triển khai thực hiện được 76 điểm mạnh, chỉ ra được 76 điểm tồn tại qua đó thấy được đúng thực trạng theo từng lĩnh vực hoạt động của Nhà trường như Đào tạo, Nghiên cứu khoa học, Hợp tác quốc tế, Người học, Cán bộ nhân viên, Giảng viên, Cơ sở vật chất, Tài chính [H10.10.03.07].

Tại các cuộc họp của Hội đồng TĐG cũng như họp giao ban định kỳ, các đơn vị được phân công thực hiện khắc phục các tồn tại tiến hành báo cáo kết quả khắc phục các tồn tại được phát hiện trong quá trình thực hiện công tác TĐG cấp CSGD [H10.10.03.08]. Đồng thời, các đơn vị báo cáo về các khó khăn, đề xuất các biện pháp tháo gỡ các khó khăn trong quá trình khắc phục các tồn tại để BGH Nhà trường, Hội đồng TĐG có những điều chỉnh nhằm đảm bảo khắc phục các tồn tại, đáp ứng yêu cầu của tiêu chuẩn/tiêu chí [H10.10.03.09]. Bên cạnh đó, Phòng KT&ĐBCLGD là đơn vị thường trực, thực hiện tổng hợp kết quả thực hiện của các đơn vị và báo cáo kết quả cải tiến chất lượng sau khi triển khai các kế hoạch hành động khắc phục tồn tại sau TĐG [H10.10.03.09]. Trong quá trình thực hiện công tác TĐG cấp CSGD, Nhà trường đã triển khai khắc phục các tồn tại như: Tiến hành, điều chỉnh cải tiến cơ cấu tổ chức, rà soát chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị để kịp thời điều chỉnh hoặc ban hành mới các văn

bản cho phù hợp với điều kiện thực tiễn [H10.10.03.10], [H10.10.03.11], [H10.10.03.12]. Bên cạnh đó, từ năm học 2018-2019 và các năm học tiếp theo, định kỳ 02 năm/lần, Nhà trường tiến hành lấy ý kiến của các tổ chức, đơn vị bên ngoài Trường về quá trình lập KHCL, cải tiến các chỉ số thực hiện chính, các chỉ tiêu phân đầu chính của Trường [H10.10.03.13], [H10.10.03.14], [H10.10.03.15], [H10.10.03.11]. Trong năm học 2021-2022 Nhà trường rà soát và tăng cường sự tham gia của các bên liên quan trong hệ thống ĐBCL bên trong của Nhà trường, trong đó mở rộng thành phần của các bên liên quan trong Hội đồng ĐBCL giáo dục [H10.10.03.16], [H10.10.03.17], đồng thời Nhà trường tăng cường nguồn kinh phí và áp dụng các chính sách động viên, khuyến khích để tuyển dụng được đội ngũ CB, GV có học hàm, học vị và kinh nghiệm trong quản lý, giảng dạy để đáp ứng tốt hơn nhu cầu ĐT, NCKH và PVCĐ của Trường [H10.10.03.18], [H10.10.03.19], [H10.10.03.20].

Tự đánh giá: 4/7

Tiêu chí 10.4. Quy trình Tự đánh giá và quy trình chuẩn bị cho việc Đánh giá ngoài được cải tiến để đáp ứng các mục tiêu chiến lược của cơ sở giáo dục

Trước năm 2017, Nhà trường thực hiện công tác TĐG theo Quyết định số 65/2007/QĐ-BGDĐT ngày 01/11/2007 của Bộ GD&ĐT và theo quy trình TĐG được quy định tại công văn số 462/KTKĐCLGD-KĐĐH ngày 9/5/2013 về hướng dẫn TĐG trường đại học [H10.10.04.01], [H10.10.04.02]. Đến tháng 4 năm 2018, sau khi Cục QLCL, Bộ GD&ĐT ban hành các văn bản cụ thể hướng dẫn triển khai công tác TĐG và ĐGN theo Thông tư số 12/2017/TT-BGDĐT ngày 19/5/2017 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT, Nhà trường đã tiến hành rà soát quy trình TĐG để từ đó có những điều chỉnh, cải tiến cho phù hợp, đặc biệt là đối với bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục đại học có sự thay đổi và phù hợp với công văn số 766/QLCL-KĐCLGD ngày 20/4/2018 của Cục QLCL, Bộ GD&ĐT về việc hướng dẫn tự đánh giá cơ sở giáo dục đại học [H10.10.04.03], [H10.10.04.04], [H10.10.04.05]. Nhà trường phân công trách

nhiệm cho Phòng KT&ĐBCLGD rà soát và đề xuất các điều chỉnh, cải tiến quy trình TĐG cho phù hợp [H10.10.04.06].

Phòng KT&ĐBCLGD tiến hành rà soát và đề xuất điều chỉnh, tổ chức họp với các đơn vị để tiếp thu ý kiến về việc cải tiến quy trình TĐG của Nhà trường để đáp ứng các văn bản hướng dẫn triển khai công tác TĐG và ĐGN theo Thông tư số 12/2017/TT-BGDĐT ngày 19/5/2017 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT [H10.10.04.07]. Quy trình TĐG của Nhà trường được điều chỉnh, cải tiến tập trung nội dung Nhà trường phải gửi báo cáo TĐG đến Cục QLCL, Bộ GD&ĐT trước khi tiến hành thẩm định báo cáo TĐG bởi tổ chức KĐCL giáo dục [H10.10.04.08], [H10.10.04.09]. Bên cạnh đó, việc xác định số lượng các nhóm chuyên trách và phân công các nhóm chuyên trách phụ trách các tiêu chuẩn cũng thay đổi so với quy trình TĐG theo công văn số 462/KTKĐCLGD-KĐĐH ngày 09/5/2013 Cục KT&KĐCLGD, Bộ GD&ĐT [H10.10.04.02], [H10.10.04.10]. Phòng KT&ĐBCLGD trình Hiệu trưởng Nhà trường ký ban hành quy trình TĐG đã được điều chỉnh, cải tiến và thông báo đến các đơn vị để thực hiện [H10.10.04.11], [H10.10.04.12], một số cải tiến như sau:

Về Quy trình: Quy trình TĐG đã được Nhà trường ban hành kèm theo Quyết định ban hành Quy định hoạt động hệ thống Đảm bảo chất lượng giáo dục của Trường Đại học Kinh Bắc [H10.10.04.13]. Trên cơ sở rút kinh nghiệm thực hiện Hướng dẫn tự đánh giá trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp [H10.10.04.14], Hội đồng ĐBCL kết luận bổ sung 2 bước vào quy trình TĐG là: Bổ sung bước truyền thông đến các bên liên quan về việc nhà trường thực hiện TĐG; bổ sung bước các nhóm công tác chuyên trách rà soát chéo các nội dung mô tả của nhóm khác trước khi ban thư ký tổng hợp báo cáo TĐG. Hai nội dung bổ sung đã được nhà trường đưa vào Quy trình TĐG cấp cơ sở trong kế hoạch tự đánh giá cơ sở giáo dục năm 2021 [H10.10.04.15]. Quá trình triển khai tự đánh giá được thực hiện nghiêm túc theo các bước đã quy định.

Về Phương thức triển khai: Để triển khai TĐG Nhà trường ban hành kèm theo Quy định hoạt động Đảm bảo chất lượng giáo dục của trường Đại học Kinh Bắc. Nhằm hỗ trợ các nhóm chuyên viết báo cáo TĐG, Nhà trường đã chỉ ra một

số nội dung cần quan tâm dựa trên rút kinh nghiệm viết báo cáo TĐG lần 1 vào năm 2019, Phân công cụ thể thành viên viết báo cáo và thành viên thu thập minh chứng; Các nhóm chuyên trách trong quá trình viết báo cáo được đề xuất thay thành viên hoặc điều động thêm thành viên hỗ trợ nhóm chuyên trách [H10.10.04.16].

Về Cơ sở vật chất: Cơ sở vật chất được Nhà trường trang bị 1 Phòng hội trường, các phòng họp, phòng thực hành, thí nghiệm để phục vụ cho các ngành học mới và đồng thời giúp các nhóm chuyên trách tập trung viết báo cáo, lưu trữ minh chứng. Trang bị máy tính, máy in, wifi riêng phục vụ công tác KĐCL [H10.10.04.17].

Nhà trường đồng thời giao cho Phòng KT&ĐBCLGD rà soát, đánh giá quy trình chuẩn bị cho ĐGN [H10.10.04.18]. Hội đồng Tự đánh giá, các nhóm chuyên trách tiến hành rà soát, đánh giá, tổ chức họp để tiếp thu ý kiến về quy trình chuẩn bị cho ĐGN của Nhà trường so với công văn số 767/QLCL-KĐCLGD ngày 20/4/2018 của Cục QLCL, Bộ GD&ĐT về việc hướng dẫn đánh giá ngoài cơ sở giáo dục đại học [H10.10.04.19], [H10.10.01.20]. Năm 2021 để chuẩn bị cho công tác Đánh giá ngoài Nhà trường lập kế hoạch chuẩn bị cho công tác Đánh giá ngoài Cơ sở giáo dục trong đó có sự thay đổi về các mốc thời gian cần thực hiện trong quá trình đánh giá ngoài theo công văn số 767/QLCL-KĐCLGD ngày 20/4/2018 của Cục QLCL, Bộ GD&ĐT về việc hướng dẫn đánh giá ngoài cơ sở giáo dục đại học. Nhà trường đã mời chuyên gia đọc góp ý trước sau đó hoàn thiện rồi mời tiến hành gửi Trung tâm KĐCLGD – Đại học Vinh để thẩm định Báo cáo Tự đánh giá và kế hoạch chuẩn bị cho công tác Đánh giá ngoài [H10.10.04.21], [H10.10.04.22]. Sau khi Báo cáo Tự đánh giá được thông qua Nhà trường đã đăng ký ĐGN cấp CSGD với Trung tâm KĐCLGD – Đại học Vinh [H10.10.04.23].

Tại các cuộc họp của Hội đồng Tự đánh giá, Ban Giám hiệu với Ban thư ký, các nhóm chuyên trách luôn báo cáo kết quả thực hiện, trong đó chú trọng phát huy các cách triển khai công việc hiệu quả của các cá nhân phụ trách các tiêu chuẩn để áp dụng nhằm nâng cao hiệu quả công tác TĐG cấp CSGD của

Nhà trường [H10.10.04.24]. Bên cạnh đó, các nhóm chuyên trách thảo luận và chia sẻ những thực hành tốt trong quá trình triển khai thu thập, xử lý minh chứng cũng như viết báo cáo TĐG tiêu chuẩn/tiêu chí [H10.10.04.25], [H10.10.04.26]. Ngoài ra, các đơn vị của Nhà trường, đặc biệt là các Khoa đã tổ chức nhiều hoạt động chia sẻ kinh nghiệm, các thực hành tốt trong việc xây dựng CTĐT, đổi mới phương pháp dạy học, áp dụng các phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học [H10.10.04.27], [H10.10.04.28], [H10.10.04.29], [H10.10.04.30]. Đến thời điểm trước khi ĐGN, nhà trường phổ biến cho các đơn vị trong Trường kế hoạch Đánh giá ngoài, đã cử cán bộ đi làm kiểm định viên, quan sát viên ở các đoàn ĐGN các trường đại học khác để học tập kinh nghiệm [H10.10.04.31].

Tự đánh giá: 5/7

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 10:

1. Tóm tắt điểm mạnh

- Kế hoạch ĐBCL giai đoạn 5 năm và mỗi năm học được thiết lập, các kế hoạch TĐG và đánh giá ngoài được xây dựng lịch trình rõ ràng, phân công nội dung công việc cụ thể cho các đơn vị, bộ phận liên quan.

- Trong 5 năm của chu kỳ đánh giá 2017 - 2022, Trường tiến hành công tác TĐG định kì và theo đúng quy định của BGD&ĐT, các kế hoạch đánh giá ngoài được xây dựng chi tiết, cụ thể.

- Quá trình rà soát báo cáo TĐG được thực hiện nhiều lần và qua nhiều cấp và xin ý kiến một số chuyên gia, giúp cho việc xác định, phân tích các điểm mạnh, điểm tồn tại cũng như đề xuất kế hoạch hành động khả thi để khắc phục tồn tại phát hiện qua quá trình TĐG được thực hiện kĩ lưỡng, mang tính chính xác cao.

- Công tác rà soát, đánh giá và cải quy trình TĐG và chuẩn bị ĐGN cấp CSGD luôn được thực hiện.

2. Tóm tắt điểm tồn tại

- Các cá nhân, đơn vị, bộ phận liên quan chưa còn thiếu nhân lực, chưa thực sự chủ động, chặt chẽ trong việc phối hợp triển khai các kế hoạch TĐG

cũng như đánh giá ngoài.

- Việc triển khai thực hiện kế hoạch hành động khắc phục tồn tại và kế hoạch cải tiến chất lượng chưa đồng đều ở tất cả các đơn vị, còn quá phụ thuộc vào đơn vị đầu mối là phòng Khảo thí và ĐBCLGD.

-Nhà trường mới có 01 cán bộ có thể kiểm định viên so với yêu cầu có 03 cán bộ.

3. Kế hoạch cải tiến

Từ năm học 20-2021 và những năm học tiếp theo, Nhà trường tăng cường nguồn lực và tập trung khắc phục triệt để các tồn tại được phát triển trong quá trình thực hiện công tác TĐG cũng như qua quá trình ĐGN.

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ Cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại 1	Tăng cường công tác tập huấn, tuyên truyền cho các cá nhân chịu trách nhiệm đầu mối công việc liên quan tại các đơn vị hiểu rõ vai trò, nhiệm vụ và trách nhiệm của bản thân trong hoạt động TĐG, đánh giá ngoài.	Phòng KT&ĐBCLGD; Các đơn vị.	Từ năm 2023	
2	Khắc phục tồn tại 2	Tăng cường vai trò của các thành viên hội đồng ĐBCL bên trong. Tăng cường công tác giám sát việc triển khai thực hiện kế hoạch hành động khắc phục tồn tại và kế hoạch cải tiến chất lượng.	Phòng KT&ĐBCLGD; Các đơn vị.	Từ năm 2023	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ Cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
3	Khắc phục tồn tại 3	Khuyến khích CBGV đi tham tham dự các lớp đào tạo kiểm định viên hoặc các lớp tập huấn về công tác ĐBCL	P. KT&ĐBCL	Năm 2023	
4	Phát huy điểm mạnh 1	Nhà trường tiếp tục thực hiện công tác TĐG định kì và theo đúng quy định của BGD&ĐT, các kế hoạch đánh giá ngoài được xây dựng chi tiết, cụ thể và theo hướng tinh gọn, chuyên nghiệp hơn.	Ban Giám hiệu; Các đơn vị.	Từ năm 2023	
5	Phát huy điểm mạnh 2	Tiếp tục thực hiện công tác rà soát, đánh giá và cải quy trình TĐG và chuẩn bị ĐGN cấp CSGD.	Phòng KT&ĐBCLGD	Từ năm 2023	

4. Mức đánh giá

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Tự đánh giá
Tiêu chuẩn 10	4.0
Tiêu chí 10.1	4.0
Tiêu chí 10.2	4.0
Tiêu chí 10.3	4.0
Tiêu chí 10.4	4.0

Tiêu chuẩn 11. Hệ thống thông tin đảm bảo chất lượng bên trong

Tiêu chí 11.1. Kế hoạch quản lý thông tin đảm bảo chất lượng bên trong bao gồm việc thu thập, xử lý, báo cáo, nhận và chuyển thông tin từ các bên liên quan nhằm hỗ trợ hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng được thiết lập

Với mục đích xây dựng hệ thống quản lý thông tin hỗ trợ cho các hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng, Nhà trường thành lập Hội đồng ĐBCL bên trong, và ban hành quy chế hoạt động của Hội đồng ĐBCL bên trong [H11.11.01.25]. Hệ thống thông tin ĐBCL của Nhà trường được xác định bao gồm hai thành phần quan trọng là thông tin thu thập từ khảo sát các bên liên quan và thông tin gồm tất cả các số liệu của Nhà trường như số liệu về học vụ, giảng viên, sinh viên, cơ sở vật chất, nghiên cứu khoa học, tài chính... Từ đó, Nhà trường có kế hoạch xây dựng hệ thống quản lý thông tin ĐBCL bên trong (bao gồm thu thập, xử lý, báo cáo, nhận và chuyển thông tin từ các bên liên quan) thông qua những kế hoạch cụ thể theo từng năm học.

Xác định tầm quan trọng của hệ thống thông tin ĐBCL bên trong, Nhà trường giao nhiệm vụ cho Phòng KT&ĐBCLGD xây dựng kế hoạch triển khai hệ thống quản lý thông tin ĐBCL bên trong của Trường [H11.11.01.01], [H11.11.01.02], [H11.11.01.03], [H11.11.01.04], [H11.11.01.05], [H11.11.01.06]. Kế hoạch quản lý thông tin đảm bảo chất lượng bên trong của Trường được thiết lập hệ thống văn bản trong Quy định hoạt động ĐBCLGD được lưu trữ theo quy định và trên website của Trường [H11.11.01.07]. Nhà trường duy trì hệ thống thông tin liên lạc bên trong thông suốt giữa các đơn vị có liên quan đến các quá trình của hệ thống ĐBCLGD [H11.11.01.08]. Thông tin được thực hiện thông qua các hội nghị giao ban tháng, quý và hàng tuần đối với lãnh đạo; được triển khai thông qua bản cứng, bản mềm qua thư điện tử chuyển thông tin của hệ thống văn bản quy phạm pháp luật (công văn, chỉ thị, báo cáo, quy định) tới đơn vị cá nhân. Kế hoạch quản lý thông tin đảm bảo chất lượng bên trong của Trường được thiết lập qua tài liệu, văn bản quản lý, sổ tay chất lượng của Trường [H11.11.01.09], [H11.11.01.10]. Theo đó tài liệu này quy

định chi tiết về các thông tin ĐBCL cho hoạt động bộ phận, nhiệm vụ, vai trò của từng thành viên trong quá trình hoạt động, nơi lưu trữ thông tin/hồ sơ, thời gian lưu trữ, luồng luân chuyển tài liệu.

Đối với thông tin thu thập từ khảo sát các bên liên quan, Nhà trường đã ban hành Quy định về công tác lấy ý kiến từ các BLQ [H11.11.01.26], trong đó quy định về mục đích, yêu cầu, quy trình tổ chức thực hiện và trách nhiệm của những đơn vị, cá nhân thực hiện và tham gia công tác lấy ý kiến phản hồi. Quy định nêu rõ, công tác lấy ý kiến phản hồi từ các BLQ được thực hiện theo định kỳ với nhiều hình thức thu thập như thông qua phần mềm trực tuyến, phát phiếu trực tiếp, phỏng vấn, điện thoại, email, mời tham dự hội thảo, chuyên đề..., sử dụng phần mềm excel hoặc SPSS để phân tích dữ liệu khảo sát, viết báo cáo và gửi kết quả khảo sát đến các BLQ. Để triển khai Quy định này, các kế hoạch khảo sát mức độ hài lòng về hoạt động phục vụ của các phòng, khoa, trung tâm; về mức độ đáp ứng đối với các lĩnh vực: Tài chính; hệ thống cơ sở vật chất, hệ thống CNTT, Thư viện, môi trường cảnh quan; về công tác khảo thí; về hoạt động giảng dạy của giảng viên... được xây dựng và thực hiện hàng năm [H11.11.01.27].

Trường có các kế hoạch quản lý thông tin ĐBCL bên trong, có các hệ thống văn bản đầy đủ các lĩnh vực hoạt động đào tạo của một trường đại học gồm: tuyển sinh, xây dựng CTĐT, tuyển dụng giảng viên, đào tạo, chăm sóc người học, xét tốt nghiệp, quản lý thư viện, tiếp nhận và giải quyết khiếu nại, lập, thu thập báo cáo số liệu [H11.11.01.11].

Trong kế hoạch xây dựng hệ thống quản lý thông tin ĐBCL bên trong của Nhà trường có sự phân công trách nhiệm cụ thể cho các đơn vị phối hợp thực hiện [H11.11.01.12]. Phòng KT&ĐBCLGD là đơn vị chủ trì, phân quyền hoạt động hệ thống quản lý thông tin ĐBCL bên trong của Nhà trường. Khoa CNTT-ĐTTT là đơn vị chịu trách nhiệm về việc quản lý, bảo trì, bảo dưỡng và vận hành hệ thống quản lý thông tin ĐBCL bên trong [H11.11.01.13], [H11.11.01.14]. Các đơn vị có trách nhiệm cung cấp, đề xuất dữ liệu và biểu mẫu của hệ thống quản lý thông tin ĐBCL bên trong của Nhà trường

[H11.11.01.15], [H11.11.01.16]. Ngoài ra, Nhà trường quy định phương thức phối hợp thực hiện cũng như chế độ báo cáo giữa các đơn vị nhằm xây dựng hệ thống quản lý thông tin ĐBCL bên trong hiệu quả [H11.11.01.12].

Nhằm đảm bảo tính thống nhất, kịp thời, bảo mật và an toàn của thông tin, Nhà trường giao nhiệm vụ cho Khoa CNTT - ĐTTT đề xuất phương án sử dụng CNTT đối với hệ thống quản lý thông tin ĐBCL bên trong của Trường [H11.11.01.17]. Nhà trường yêu cầu Khoa CNTT - ĐTTT nghiên cứu, tham khảo về việc áp dụng CNTT trong đó đảm bảo tính bảo mật, an toàn của hệ thống quản lý thông tin ĐBCL bên trong, đồng thời dễ dàng trích xuất dữ liệu để phục vụ các hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ. Nhà trường có phương án ứng dụng CNTT trong xây dựng hệ thống quản lý ĐBCL bên trong như các phần mềm quản lý đào tạo, phần mềm kế toán Misa, phần mềm quản lý chiến dịch marketing GetFly... có ứng dụng quản lý tất cả các khâu trong quá trình đào tạo, từ khi sinh viên nhập học đến khi tốt nghiệp ra trường, tuy nhiên phần mềm cũng còn một số hạn chế, trong thời gian tới Trường sẽ sử dụng các phần mềm ưu việt hơn [H11.11.01.18], [H11.11.01.19], [H11.11.01.20], [H11.11.01.21], [H11.11.01.22], [H11.11.01.23], [H11.11.01.24] .

Tự đánh giá: 4/7

Tiêu chí 11.2. Thông tin về đảm bảo chất lượng bên trong bao gồm kết quả phân tích dữ liệu phải phù hợp, chính xác và sẵn có để cung cấp kịp thời cho các bên liên quan nhằm hỗ trợ cho việc ra quyết định; đồng thời, đảm bảo sự thống nhất, bảo mật và an toàn

Khoa CNTT-ĐTTT là đơn vị được giao nhiệm vụ hỗ trợ ứng dụng CNTT trong việc xây dựng hệ thống quản lý thông tin ĐBCL bên trong của Nhà trường [H11.11.02.01], [H11.11.02.02], [H11.11.02.03], [H11.11.02.04]. Căn cứ yêu cầu của Phòng KT&ĐBCLGD về hệ thống quản lý thông tin ĐBCL bên trong, Khoa CNTT - ĐTTT đã họp bàn về việc ứng dụng phương án CNTT đối với hệ thống quản lý thông tin ĐBCL bên trong của Nhà trường [H11.11.02.05]. Hệ thống quản lý thông tin ĐBCL bên trong của Nhà trường được xây dựng trên

nền tảng CNTT và cung cấp dữ liệu kịp thời cho việc ra quyết định của Trường [H11.11.02.04], [H11.11.02.06], [H11.11.02.07].

Hệ thống quản lý thông tin ĐBCL bên trong của Nhà trường được thiết kế dựa trên việc đề xuất các dữ liệu từ các đơn vị. Nhà trường đã tổ chức họp với lãnh đạo các đơn vị để thống nhất dữ liệu trong hệ thống thông tin ĐBCL bên trong của Trường [H11.11.02.08]. Các thông tin liên quan đến hoạt động của Trường được lưu trữ thành hệ thống tập trung trên website của Trường và trong các chương trình quản lý phần mềm [H11.11.02.09]. Thông tin từ các hoạt động nghiệp vụ của các bộ phận được đảm bảo tính phù hợp, chính xác. Trường hợp có vấn đề phát sinh sẽ được xử lý qua các báo cáo hoạt động trong cuộc họp giao ban hàng tuần, tháng và các báo cáo tổng kết năm học [H11.11.02.10], [H11.11.02.11]. Tính chính xác và sẵn có của thông tin liên quan đến các hoạt động nghiệp vụ còn được đảm bảo bằng hoạt động kiểm soát nội bộ của bộ phận ĐBCL và cơ chế kiểm tra chéo – thông tin đầu ra của hoạt động này là thông tin đầu vào của hoạt động khác được quy định trong quy trình đảm bảo chất lượng [H11.11.02.12].

Hệ thống thông tin ĐBCL bên trong được phân tích chính xác, đầy đủ cho từng lĩnh vực hoạt động để nâng cao chất lượng. Thông tin 3 công khai theo quy chế của Bộ GD&ĐT như quy chế tuyển sinh, tỷ lệ SV có việc làm theo quy định được công bố trên các kênh tin tức chính thức của Trường [H11.11.02.11].

Các chính sách chung cần phổ biến tới toàn trường cũng được phổ biến qua các trang báo, website trường, phần mềm cập nhật đánh giá của các bên liên quan [H11.11.02.13].

Thông tin về học tập của sinh viên được cập nhật thường xuyên, liên tục trên trang phần mềm quản lý, các cán bộ liên quan cần đăng nhập bằng tài khoản cá nhân để truy cập và lấy các thông tin cần thiết cho việc ra quyết định [H11.11.02.14]. Hệ thống thông tin đảm bảo chất lượng như trên của Nhà trường luôn sẵn sàng cho việc truy xuất nhanh chóng phục vụ cho việc ra quyết định cũng như nhu cầu nắm bắt của các bên liên quan.

Để đảm bảo sự thống nhất, an toàn và bảo mật dữ liệu, Nhà trường có các biện pháp đảm bảo an toàn, bảo mật cho hệ thống thông tin ĐBCL bên trong thông qua các Quy định sử dụng phần mềm, phân quyền admin, phân cấp quản lý và sử dụng password, sử dụng các phần mềm bảo vệ như: Avast antivirus, Kaspersky Anti- Ransomware, Firewall tích hợp trong window và thiết bị Firewall cho toàn bộ hệ thống CNTT của Nhà trường. Các bản sao lưu dữ liệu được định kỳ thực hiện, cũng như bảo trì phần mềm để tránh trường hợp mất dữ liệu do hỏng thiết bị [H11.11.02.15].

Tính bảo mật và an toàn của thông tin ĐBCL bên trong của Trường được đảm bảo qua các cơ chế:

- Mỗi CB, GV mới phải ký thỏa thuận bảo mật khi ký hợp đồng lao động và được hướng dẫn bảo vệ thông tin trong các thiết bị điện tử cá nhân [H11.11.02.16], [H11.11.02.17].

- Việc quản lý, nhập dữ liệu và xem xét các kết quả của thông tin ĐBCL bên trong trên phần mềm được phân quyền cụ thể theo quy định. Thêm nữa, để truy cập sử dụng một số hệ thống của Trường, người sử dụng buộc phải truy cập tại mạng nội bộ, mạng internet của Nhà trường [H11.11.02.18]. Đặc biệt, theo quy định về quản lý an toàn bảo mật thông tin GV, CB của Trường phải tuân thủ các quy định bảo mật thông tin cũng như quy định về sử dụng thư điện tử trong trao đổi thông tin trong và ngoài tổ chức khi làm việc [H11.11.02.19], [H11.11.02.20].

Kết quả khảo sát các bên liên quan về hoạt động giảng dạy của GV, về chất lượng khóa học, về tình trạng việc làm của sinh viên đều đạt trên 85% số sinh viên hài lòng [H11.11.02.21]; và đề nhận được sự phản hồi các bên liên quan với sự nhất trí cao trong các bước quy trình xây dựng, điều chỉnh CĐR, CTĐT[H11.11.02.22].

Tự đánh giá: 4/7

Tiêu chí 11.3. Thực hiện rà soát hệ thống quản lý thông tin đảm bảo chất lượng bên trong, số lượng, chất lượng, sự thống nhất, bảo mật, an toàn của dữ liệu và thông tin

Hàng năm, Nhà trường định kỳ rà soát, điều chỉnh, bổ sung hệ thống quản lý thông tin ĐBCL bên trong thông qua các kế hoạch khảo sát, kế hoạch thực hiện quy chế công khai, hay rà soát và cung cấp các biểu mẫu theo quy trình của đơn vị, báo cáo tổng kết hoạt động của các đơn vị trong Trường. Nhà trường giao nhiệm vụ cho Phòng KT&ĐBCLGD hàng năm thực hiện rà soát, bổ sung, điều chỉnh hệ thống quản lý thông tin ĐBCL bên trong của Trường. Những thông tin, dữ liệu về thông tin minh chứng, báo cáo TĐG, các văn bản của Bộ GD&ĐT và của Trường liên quan hoạt động ĐBCL, các biểu mẫu về công tác điều tra, khảo sát...luôn được rà soát, cập nhật [H11.11.03.01], [H11.11.03.02], [H11.11.03.03], [H11.11.03.04]. Phòng TC-KT rà soát về các chỉ số tài chính, P.ĐT rà soát về kết quả đào tạo, kết quả tuyển sinh; Phòng TC-HC-QT rà soát về nhân sự, Phòng CTSV rà soát về kết quả việc làm của SV sau khi tốt nghiệp [H11.11.03.05]. Việc rà soát được thực hiện từ khâu kiểm soát thể thực văn bản, tính nhất quán trong nội dung thông tin, tiến độ thực hiện, phát hành, lưu trữ. Nhà trường giao trách nhiệm cho từng đơn vị chức năng chịu trách nhiệm về tính chính xác, tính bảo mật an toàn dữ liệu thông tin của đơn vị mình quản lý. Lập danh mục theo dõi tài liệu nhằm đảm bảo thông tin luôn mang tính cập nhật không lỗi thời [H11.11.03.06], [H11.11.03.07].

Các thông tin dạng số lượng, các đơn vị phải đảm bảo tính thống nhất dữ liệu lưu trữ và báo cáo, từ đó dựa vào đó Nhà trường sử dụng cho việc ra quyết định và xây dựng kế hoạch có liên quan [H11.11.03.08].

Tính bảo mật và an toàn của dữ liệu được đảm bảo: Đối với thông tin dạng điện tử Nhà trường sử dụng mô hình mạng bảo mật để quản lý và sử dụng tài nguyên CNTT với hệ thống mạng bảo mật toàn diện, hệ thống mạng wifi được kiểm soát bằng bộ giám sát tập trung giúp quản lý và kiểm soát tốt hơn. Đối với những phần mềm quản lý phục vụ dạy học, triển khai các hoạt động trong nhà trường, cổng thông tin nội bộ trên website “daihockinhbac.edu.vn”, CB, GV, NV được cấp một tài khoản truy cập đảm bảo nhanh chóng chính xác, an toàn đảm bảo tính thống nhất bảo mật an toàn của dữ liệu và thông tin [H11.11.03.09], [H11.11.03.10].

Trong quá trình vận hành hệ thống quản lý thông tin ĐBCL bên trong, Phòng KT&ĐBCLGD thực hiện khảo sát ý kiến phản hồi của các bên liên quan, trong đó có nội dung khảo sát về hệ thống quản lý thông tin ĐBCL bên trong [H11.11.03.11], [H11.11.03.12], [H11.11.03.13]. Kết quả khảo sát ý kiến của các bên liên quan được báo cáo BGH, đồng thời được Phòng KT&ĐBCLGD sử dụng để đề xuất các biện pháp cải tiến hệ thống quản lý thông tin ĐBCL bên trong [H11.11.03.14], [H11.11.03.15]. Ngoài ra, tại các cuộc họp giao ban định kỳ, lãnh đạo các đơn vị báo cáo các ý kiến góp ý của các bên liên quan đối với hệ thống quản lý thông tin ĐBCL bên trong của Trường [H11.11.03.16].

Tự đánh giá: 4/7

Tiêu chí 11.4. Việc quản lý thông tin đảm bảo chất lượng bên trong cũng như các chính sách, quy trình và kế hoạch quản lý thông tin đảm bảo chất lượng bên trong được cải tiến để hỗ trợ đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng

Căn cứ nội dung thống nhất tại cuộc họp với các đơn vị, Phòng KT&ĐBCLGD đề xuất các biện pháp cải tiến hệ thống quản lý thông tin ĐBCL bên trong, trong đó tăng cường chính sách bảo mật và bổ sung kịp thời các dữ liệu của hệ thống quản lý thông tin ĐBCL bên trong nhằm đáp ứng hỗ trợ các hoạt động ĐT, NCKH, PVCĐ [H11.11.04.01], [H11.11.04.02], [H11.11.04.03], [H11.11.04.04], [H11.11.04.05], [H11.11.04.06], [H11.11.04.07], [H11.11.04.08]. Trong năm học 2019 - 2020, Nhà trường đã thực hiện hợp đồng số 156/HĐKT/ĐHKB-TA với công ty TNHH Thiên An về xây dựng và nâng cấp hệ thống phần mềm quản lý hệ thống tích hợp các phân hệ: Unistudent - quản lý sinh viên nhập trường, quản lý hồ sơ sinh viên, đánh giá rèn luyện sinh viên; Unimark - tổ chức thi, quản lý quá trình điểm, quản lý xét duyệt, cấp phát văn bằng chứng chỉ; Unifees - quản lý học phí, quản lý học bổng; Unisoft - cổng thông tin sinh viên đăng ký học, tra cứu học phí, tra cứu điểm [H11.11.04.09], [H11.11.04.10]. Ngoài ra, Nhà trường còn tiến hành ký kết với công ty TNHH Smart Agri Kinh Bắc lắp đặt wifi miễn phí phục vụ CB, GV, NV, SV truy cập

internet, sử dụng tài nguyên CNTT trong hoạt động dạy và học cũng như trong công tác quản lý ĐT, NCKH và PVCĐ [H11.11.04.11].

Khoa CNTT - ĐTTT thường xuyên cập nhật phần mềm diệt virus và Phòng KT&ĐBCLGD triển khai yêu cầu các đơn vị thường xuyên rà soát các dữ liệu của hệ thống quản lý thông tin ĐBCL bên trong để bổ sung, điều chỉnh cho phù hợp [H11.11.04.12]. Bên cạnh đó, Phòng KT&ĐBCLGD phối hợp với các đơn vị để bổ sung dữ liệu và triển khai rà soát, đánh giá, cải tiến hệ thống quản lý thông tin ĐBCL bên trong của Trường đáp ứng yêu cầu của bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục đại học được ban hành theo Thông tư số 12/2017/TT-BGDĐT ngày 19/5/2017 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT [H11.11.04.13], [H11.11.04.14], [H11.11.04.15]. Căn cứ kết quả triển khai hệ thống quản lý thông tin ĐBCL bên trong, Phòng KT&ĐBCLGD đề xuất BGH Nhà trường cải tiến các chính sách, quy trình và kế hoạch quản lý thông tin ĐBCL bên trong [H11.11.04.16]. Nhà trường đã có những điều chỉnh quy định về việc yêu cầu các đơn vị cập nhật dữ liệu theo quy định, có những chế tài đối với những đơn vị không thực hiện và gây ảnh hưởng đến tính cập nhật về dữ liệu trong hệ thống quản lý thông tin ĐBCL bên trong của Trường [H11.11.04.07]. Bên cạnh đó, Nhà trường đã dành kinh phí chi cho việc cải tiến hệ thống quản lý thông tin ĐBCL bên trong, cụ thể là nâng cấp phần mềm và ứng dụng CNTT của hệ thống quản lý thông tin ĐBCL bên trong của Trường [H11.11.04.17], [H11.11.04.18]. Bên cạnh đó, Phòng KT&ĐBCLGD là đơn vị được giao nhiệm vụ chủ trì và phối hợp với các đơn vị khác để tổ chức khảo sát ý kiến phản hồi của các bên liên quan trong Trường cũng như thông tin, thông báo kết quả khảo sát để các phòng, ban, khoa, viện, trung tâm trực thuộc tiếp thu và sử dụng để thực hiện cải tiến hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ [H11.11.04.19], [H11.11.04.20], [H11.11.04.21]. Trên 80% ý kiến đánh giá của các bên liên quan hài lòng về hệ thống quản lý thông tin ĐBCL bên trong của Nhà trường [H11.11.04.22].

Trong văn bản quản lý hệ thống quản lý thông tin ĐBCL bên trong, Nhà trường quy định về việc sử dụng thông tin ĐBCL bên trong để phục vụ các hoạt

động ĐT, NCKH và PVCĐ của Trường [H11.11.04.23]. Nhà trường yêu cầu các đơn vị bên cạnh việc cập nhật dữ liệu vào hệ thống quản lý thông tin ĐBCL bên trong, đồng thời có trách nhiệm sử dụng dữ liệu của hệ thống quản lý thông tin ĐBCL bên trong của Trường để hỗ trợ, phục vụ các hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ [H11.11.04.07], [H11.11.04.24], [H11.11.04.25], [H11.11.04.26]. Trung tâm TS&HTDN sử dụng thông tin, dữ liệu tuyển sinh qua các năm cũng như số liệu về đội ngũ GV để xây dựng đề án tuyển sinh; các Khoa và GV sử dụng kết quả khảo sát ý kiến phản hồi của SV để điều chỉnh, cải tiến hoạt động ĐT và CTĐT; Phòng QLKH&HTQT và các Khoa sử dụng kết quả NCKH của GV và SV để đề xuất, áp dụng các biện pháp nâng cao chất lượng hoạt động NCKH của Nhà trường,... [H11.11.04.22], [H11.11.04.27], [H11.11.04.28]. Trong báo cáo tổng kết năm học hằng năm, Nhà trường luôn đánh giá hiệu quả sử dụng thông tin ĐBCL bên trong để phục vụ các hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ của Trường [H11.11.04.29].

Từ năm học 2019 - 2022 đến nay, nhiều cách thu thập ý kiến đã được sử dụng linh hoạt trong các đợt khảo sát như: sử dụng phần mềm khảo sát (Lấy ý kiến người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên); gọi điện thoại, phát phiếu trực tiếp, các ứng dụng trực tuyến như zalo, facebook, email, ... (khảo sát tình hình việc làm của SVTN); Lấy ý kiến của người học, CBVC về công tác Kế hoạch tài chính, CSVC, CNTT; Người học sắp tốt nghiệp đánh giá khóa học...); tại hội nghị, hội thảo, các cuộc gặp gỡ (Nhà tuyển dụng, Chuyên gia). Đối với hệ thống quản lý thông tin thứ cấp, trong đó, phương pháp thu thập dữ liệu công khai đã được cải tiến qua việc ứng dụng công nghệ thông tin, hạn chế rủi ro khi nhập dữ liệu, đồng thời có sự kiểm dò, đối chiếu của đơn vị quản lý trước khi công khai. Các văn bản được cập nhật và ban hành như thông báo về việc hướng dẫn thủ tục hành chính, thông báo trình ký các văn bản hành chính, hướng dẫn xử lý các văn bản đến trên phần mềm quản lý văn bản, quy chế đào tạo đại học theo tín chỉ, quy chế hoạt động khoa học công nghệ được cập nhật trong các năm từ 2021 - 2022, quy chế thi, kiểm tra và đánh giá kết quả học tập bên cạnh các quy trình như Quy trình nghiệp vụ được ban hành mới và việc cập nhật, bổ

sung các quy trình tại các đơn vị trong Nhà trường [H11.11.04.29]; [H11.11.04.30].

Tự đánh giá: 4/7

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 11:

1. Tóm tắt các điểm mạnh

- Nhà trường có các văn bản quy định rõ ràng chức năng nhiệm vụ về Quản lý hệ thống thông tin ĐBCL bên trong với các phần mềm chuyên dụng quản lý đào tạo, quản lý tài chính và quản lý minh chứng phục vụ đánh giá và đánh giá ngoài.

- Hệ thống quản lý thông tin ĐBCL bên trong luôn được rà soát, cải tiến, sẵn sàng trích xuất khi cần, hỗ trợ tích cực trong mọi hoạt động của Nhà trường và trong công tác ĐT, NCKH và PVCĐ.

- Tính bảo mật và an toàn của thông tin được đảm bảo do Trường sử dụng hệ thống thư điện tử nội bộ.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại

Việc khảo sát ý kiến cựu sinh viên và nhà tuyển dụng chưa thu hồi được kết quả tốt, số phiếu thu về thấp.

3. Kế hoạch cải tiến

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện (bắt đầu và hoàn thành)
1	Khắc phục tồn tại 1	Cải tiến công tác khảo sát ý kiến cựu sinh viên và nhà tuyển dụng bằng việc mở rộng địa bàn khảo sát và tăng số lượng phiếu khảo sát	TT Tư vấn và hỗ trợ HSSV; Các Khoa chuyên môn.	Năm học 2023-2024
2	Phát huy điểm mạnh 1	Tiếp tục rà soát, ban hành mới các văn bản quy định rõ ràng chức năng nhiệm vụ về Quản lý hệ thống thông tin ĐBCL bên trong với các phần mềm chuyên dụng	Phòng Khảo thí & ĐBCL	Từ năm học 2023 - 2024

		quản lý đào tạo, quản lý tài chính và quản lý minh chứng phục vụ đánh giá và đánh giá ngoài		
3	Phát huy điểm mạnh 2	Tiếp tục thực hiện rà soát, cải tiến hệ thống quản lý thông tin ĐBCL bên trong, sẵn sàng trích xuất khi cần, hỗ trợ tích cực trong mọi hoạt động của Nhà trường và trong công tác ĐT, NCKH và PVCĐ	Phòng Khảo thí & ĐBCLGD	Từ năm học 2022 - 2023

4. Mức đánh giá

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Tự đánh giá
Tiêu chuẩn 11	4.0
Tiêu chí 11.1	4.0
Tiêu chí 11.2	4.0
Tiêu chí 11.3	4.0
Tiêu chí 11.4	4.0

Tiêu chuẩn 12. Nâng cao chất lượng

Tiêu chí 12.1. Xây dựng kế hoạch liên tục nâng cao chất lượng của CSGD bao gồm các chính sách, hệ thống, quy trình, thủ tục và nguồn lực để thực hiện tốt nhất hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng

Trong kế hoạch năm học hằng năm của Nhà trường luôn tập trung ở các nội dung nâng cao chất lượng của Trường ở các lĩnh vực, trong đó chú trọng hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ [H12.12.01.01]. Nhà trường phân công trách nhiệm cụ thể cho các đơn vị triển khai thực hiện các biện pháp nhằm nâng cao chất lượng của Trường [H12.12.01.02], [H12.12.01.03]. Nhà trường ưu tiên dành kinh phí hằng năm chỉ cho các hoạt động nâng cao chất lượng ĐT, NCKH và PVCĐ [H12.12.01.04]. Bên cạnh đó, các đơn vị căn cứ kế hoạch năm học của Trường để xây dựng kế hoạch năm học của đơn vị, trong đó tập trung triển khai các hoạt động nhằm nâng cao chất lượng của đơn vị, góp phần nâng cao chất lượng ĐT, NCKH và PVCĐ của Trường [H12.12.01.01], [H12.12.01.05]. Phòng

QLĐT gửi kế hoạch năm học hằng năm đến các đơn vị và gửi đến địa chỉ email của các đơn vị để triển khai thực hiện, cũng như phổ biến đến CB, GV, NV và SV của đơn vị [H12.12.01.05], [H12.12.01.06]. Bên cạnh đó, tại các cuộc họp giao ban định kỳ, BGH Nhà trường luôn yêu cầu lãnh đạo các đơn vị triển khai các biện pháp, hoạt động nâng cao chất lượng ĐT, NCKH và PVCĐ của Trường [H12.12.01.07].

Các nội dung cần triển khai nhằm nâng cao chất lượng ĐT, NCKH và PVCĐ trong kế hoạch hằng năm của Nhà trường luôn được xác định về các nội dung cần thực hiện với các mốc thời gian cụ thể, liên tục [H12.12.01.01]. Các đơn vị được phân công thực hiện các nội dung nâng cao chất lượng ĐT, NCKH và PVCĐ của Nhà trường được yêu cầu bám sát các nội dung thực hiện với các mốc thời gian cụ thể đã được xác định [H12.12.01.08]. Tại các cuộc họp giao ban định kỳ, lãnh đạo các đơn vị báo cáo kết quả triển khai các nội dung nâng cao chất lượng ĐT, NCKH và PVCĐ, trên cơ sở đó BGH Nhà trường đối sánh với các nội dung cần thực hiện với các mốc thời gian đã xác định để đánh giá và có các biện pháp điều chỉnh, bổ sung nhằm nâng cao chất lượng của Trường [H12.12.01.09], [H12.12.01.10]. Trong giai đoạn 2017-2022, chất lượng ĐT, NCKH và PVCĐ của Nhà trường cải thiện và Nhà trường được nhận nhiều hình thức khen thưởng các cấp [H12.12.01.11]. Chiến lược và Kế hoạch thực hiện chiến lược phát triển Trường giai đoạn 2013 - 2020 tầm nhìn đến 2025 và tầm nhìn 2030 đã đề ra các mục tiêu, giải pháp, các chính sách và nguồn lực nhằm nâng cao chất lượng các hoạt động trong đào tạo, NCKH và PVCĐ [H12.12.01.12], [H12.12.01.13]. Nhà trường đã ban hành bổ sung hoàn thiện các văn bản : về quy chế, quy định chi tiêu nội bộ [H12.12.01.14], Kế hoạch Tự đánh giá và ĐGN [H12.12.01.15], [H12.12.01.16], vị trí việc làm [H12.12.01.17], Quy chế làm việc [H12.12.01.18], quy chế chi tiêu nội bộ [H12.12.01.19], [H12.12.01.20], công tác Công đoàn và Đoàn thanh niên, trong đó có một số hoạt động PVCĐ [H12.12.01.21], [H12.12.01.22], quyền sở hữu trí tuệ [H12.12.01.23], thực tập tốt nghiệp [H12.12.01.25] và quy trình tổ chức thực

hiện xây dựng, rà soát, thẩm định, ban hành chuẩn đầu ra, chương trình đào tạo [H12.12.01.26].

Tự đánh giá: 5/7

Tiêu chí 12.2. Các tiêu chí lựa chọn đối tác, các thông tin so chuẩn và đối sánh để nâng cao chất lượng hoạt động được thiết lập

Đối sánh là một hoạt động quan trọng trong việc cải tiến chất lượng tại trường

Đại học KB. Việc đối sánh sẽ giúp Nhà trường thấy được vị trí của Nhà trường trong thị trường trong nước cũng như khu vực và quốc tế; từ đó, Nhà trường sẽ có các kế hoạch cải tiến chất lượng, nâng cao vị thế này nhằm đáp ứng sứ mệnh, tầm nhìn của nhà trường. Nhà trường thực hiện đối sánh nhằm vào một trong các mục tiêu: (i) Đối sánh để hiểu rõ hiện trạng của chính mình; (ii) Đối sánh để xác định khoảng cách giữa mình và các chuẩn mực khách quan bên ngoài mà mình muốn đạt; Và (iii) Đối sánh nhằm học hỏi những phương pháp thực hành tốt nhất từ bên ngoài để triển khai tại đơn vị. Ba mục tiêu này không tồn tại độc lập, mà kết hợp với nhau thành một hệ thống thứ bậc, các mục tiêu đi từ thấp đến cao trên con đường tự cải tiến chất lượng của Nhà trường. Với ý nghĩa đó, nhằm không ngừng nâng cao chất lượng trên các mặt hoạt động NT đã xây dựng các tiêu chí để lựa chọn đối tác, các nội dung trong so chuẩn và đối sánh [H12.12.02.01], [H12.12.02.02], [H12.12.02.03];

Về tiêu chí lựa chọn đối tác để thực hiện so chuẩn và đối sánh, Nhà trường xác định đó là các cơ sở GDĐH với các tiêu chí ưu tiên theo bảng 12.1 sau đây:

Bảng 12.1 Các tiêu chí lựa chọn đối tác

Đối tác	Tiêu chí lựa chọn đối tác
Trong nước	Là CSGD ĐH trong hệ thống giáo dục quốc dân, trong đó ưu tiên chọn các trường có các đặc điểm sau: - Thuộc loại hình trường ĐH tư thục; - Trường ĐH tư thục phát triển theo định hướng ứng dụng/thực hành; - Có thời gian thành lập giai đoạn từ năm 1996 đến năm 2010 - Có sự tương đồng về vị trí địa lý, quy mô GV, quy mô người học, trình độ và ngành đào tạo;

Đối tác	Tiêu chí lựa chọn đối tác
	- Sẵn sàng chia sẻ thông tin chính thức phục vụ đối sánh.
Ngoài nước	Là cơ sở giáo dục ĐH của nước ngoài hoặc có 100% vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam, trong đó ưu tiên chọn các trường có các đặc điểm sau: - Là trường ĐH thuộc khu vực ASEAN; ưu tiên trường tham gia Mạng lưới các trường ĐH Đông Nam Á – AUN; - Có thời gian thành lập từ năm 1996 đến năm 2010; - Có sự tương đồng về vị trí địa lý, quy mô GV, quy mô người học, trình độ và ngành đào tạo; - Sẵn sàng chia sẻ thông tin chính thức phục vụ đối sánh.

Về nội dung so chuẩn, Nhà trường lấy Luật giáo dục, Luật giáo dục đại học, Điều lệ trường đại học và các quy chế, quy định của Bộ GD-ĐT làm chuẩn mực trong thực hiện nhiệm vụ ĐBCL và nâng cao chất lượng: Quy chế đào tạo ĐH, CĐ hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ số 407/QĐ-ĐHKB ngày 06/6/2018 [H12.12.02.04]; Quy chế đào tạo thạc sĩ [H12.12.02.05]; Thông tư 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16/4/2015 ban hành Quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học [H12.12.02.06]; Quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành CTĐT trình độ ĐH, ThS, TS; các bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT và đánh giá chất lượng CSGD của Bộ GD-ĐT; [H12.12.02.07], [H12.12.02.08].

Nội dung đối sánh chất lượng CTĐT, Nhà trường xác định và thực hiện 7 nội dung: 1- Mục tiêu đào tạo; 2- Chuẩn đầu ra; 3- Thời gian đào tạo toàn khóa; 4- Khối lượng kiến thức toàn khóa; 5- Đối tượng tuyển sinh; 6- Quy trình đào tạo; 7- Điều kiện tốt nghiệp. Về nội dung đối sánh chất lượng CSGD, Nhà trường xác định 10 tiêu chí đối sánh chất lượng nội bộ và 16 tiêu chí đối sánh chất lượng với các CSGD khác về các hoạt động đào tạo – NCKH – kết nối và PVCĐ và ban hành bộ tiêu chí chuẩn, đối sánh với các đối tác [H12.12.02.09], [H12.12.02.18].

Toàn bộ quá trình lựa chọn đối tác, thực hiện đối sánh chất lượng được cụ thể hóa thành các quy trình ban hành kèm theo Quy định đối sánh chất lượng giáo dục [H12.12.02.10]. Ngoài ra, Trường còn ban hành các văn bản hướng dẫn các đơn vị thực hiện đối sánh và so chuẩn trong quá trình xây dựng CTĐT, đề

cương chi tiết các học phần, trong rà soát, đánh giá trên tất cả các mặt hoạt động... [H12.12.02.11], [H12.12.02.12], [H12.12.02.13], [H12.12.02.14]. Để việc so chuẩn bám sát các yêu cầu theo các thông tư và hướng dẫn của Bộ GD&ĐT trong công tác kiểm định chất lượng giáo dục, Nhà trường đã thành lập ban soạn thảo Quy định về Quy trình Tự đánh giá CSGD Đại học Kinh Bắc và kế hoạch Tự đánh giá [H12.12.02.15], [H12.12.02.16]. Bên cạnh quy định về tiêu chí lựa chọn và nội dung so chuẩn, đối sánh, quy trình so chuẩn, Nhà trường cũng triển khai các quy định và hướng dẫn về thực hiện so chuẩn, đối sánh nội bộ và so chuẩn, đối sánh ngoài tới các đơn vị trong toàn trường [H12.12.02.17].

Cụ thể quy trình thực hiện so chuẩn, đối sánh nội bộ gồm 09 bước:

Bước 1: Chuẩn bị dữ liệu so chuẩn/ đối sánh

Đơn vị phụ trách nội dung, dữ liệu cần đối sánh xác định cách thức, nhân sự, thu thập số liệu theo nội dung các tiêu chuẩn, tiêu chí đánh giá chất lượng; cần có sự phân tích, kiểm dò số liệu trước khi thực hiện đối chiếu, xác lập mức đạt so với chuẩn, đối sánh cần đạt.

Bước 2: Đánh giá theo chuẩn

Đơn vị, cá nhân được giao tiến hành thu thập, phân tích, đánh giá, thống kê thông tin; cần đảm bảo lượng hóa mức độ đạt so với chuẩn so chuẩn, đối sánh. Trưởng đơn vị ký xác nhận vào tất cả các biểu mẫu do đơn vị phụ trách. Toàn bộ biểu mẫu kèm số liệu được chuyển về phòng Khảo thí & ĐBCLGD để tổng hợp.

Lưu ý: thông tin thu thập cần phải từ các nguồn chính thức, có ghi nguồn truy xuất.

Bước 3: Tổng hợp kết quả

Phòng Khảo thí & ĐBCLGD tổng hợp số liệu toàn trường, phân loại và lập bảng tổng hợp các chỉ số, báo cáo Ban Giám hiệu.

Bước 4: Ban Giám hiệu phê duyệt số liệu

Trong vòng 7 ngày làm việc.

Bước 5: Tổ chức phiên họp đối sánh với tất cả các đơn vị liên quan.

Bước 6: Các đơn vị đề xuất kế hoạch cải tiến các nội dung cần thiết.

Bước 7: Trình Ban Giám hiệu phê duyệt và gửi về phòng Khảo thí & ĐBCLGD.

Bước 8: Triển khai thực hiện kế hoạch cải tiến được phê duyệt.

Bước 9: Giám sát, đánh giá

Đối với quy trình thực hiện đối sánh ngoài được thực hiện qua 10 bước như sau:

Bước 1: Chuẩn bị dữ liệu so chuẩn/ đối sánh

Bước 2: Ban Giám hiệu xem xét, quyết định đối tác.

Bước 3: Đơn vị phụ trách nội dung, dữ liệu cần đối sánh phối hợp với phòng Khoa học công nghệ - HTQT dự thảo văn bản liên hệ với đối tác về việc thực hiện đối sánh ngoài, kết nối với các đơn vị chức năng của đối tác thống nhất nội dung, cách thức đối sánh.

Bước 4: Sau khi thống nhất với đối tác, đơn vị phụ trách nội dung, dữ liệu cần đối sánh thu thập số liệu theo các nội dung đối sánh ngoài từ các đơn vị chức năng trình Ban Giám hiệu.

Lưu ý: thông tin thu thập cần phải từ các nguồn chính thức, có ghi nguồn truy suất.

Bước 5: Ban Giám hiệu phê duyệt các kế hoạch cải tiến theo từng đơn vị.

Bước 6: Ban Giám hiệu, các đơn vị, cá nhân tham gia làm việc với đối tác thực hiện đối sánh các nội dung.

Bước 7: Xây dựng kế hoạch cải tiến. Căn cứ kết quả đối sánh ngoài, các đơn vị xây dựng kế hoạch cải tiến các nội dung cần thiết, trình Ban Giám hiệu phê duyệt trước khi thực hiện gửi về phòng Khảo thí & ĐBCLGD.

Bước 8: Ban Giám hiệu phê duyệt các kế hoạch cải tiến theo từng đơn vị.

Bước 9: Triển khai thực hiện kế hoạch cải tiến được phê duyệt.

Bước 10: Giám sát, đánh giá

Để đảm bảo chất lượng và hiệu quả của hoạt động so chuẩn và đối sánh. Từ đó là cơ sở cho việc cải tiến và nâng cao chất lượng về các lĩnh vực của Nhà trường, Phòng KT&ĐBCLGD là đơn vị đầu mối được Hiệu trưởng giao cho

việc biên soạn bộ chỉ số so chuẩn và đối sánh. Sau khi hoàn thiện, Hiệu trưởng ra quyết định ban hành bộ chỉ số và áp dụng cho toàn trường [H12.12.02.18].

Tự đánh giá: 5/7

Tiêu chí 12.3. Thực hiện việc so chuẩn và đối sánh nhằm tăng cường các hoạt động đảm bảo chất lượng và khuyến khích đổi mới, sáng tạo

Trường thực hiện việc so chuẩn và đối sánh nhằm tăng cường các hoạt động đảm bảo chất lượng và khuyến khích đổi mới, sáng tạo; mặt khác so chuẩn và đối sánh còn giúp Nhà trường nhận diện được chất lượng của mình “đang ở đâu” trong hệ thống giáo dục đại học Việt Nam và quốc tế.

Mức so chuẩn đầu tiên mà Nhà trường thực hiện, đó là căn cứ Luật giáo dục, Luật giáo dục đại học, Điều lệ trường đại học và các quy chế, quy định, các thông tư, hướng dẫn của Bộ GD-ĐT ban hành (Bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CSGD- Thông tư 12/2017/TT-BGDĐT, Bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT- Thông tư 04/2016/TT-BGDĐT,...) [H12.12.03.01], [H12.12.03.02], [H12.12.03.03], [H12.12.03.04]. Hàng năm, Trường lập báo cáo kết quả thực hiện các lĩnh vực công tác gửi Bộ GD-ĐT [H12.12.03.05]. Trên tất cả các lĩnh vực công tác như đào tạo, NCKH, hợp tác quốc tế, đảm bảo chất lượng, phát triển đội ngũ, phục vụ cộng đồng,... đều được Nhà trường tự đánh giá, cho điểm theo các tiêu chí cụ thể [H12.12.03.06], [H12.12.03.07], [H12.12.03.08].

Đối sánh được thực hiện trong nội bộ Trường; hàng năm, trên các lĩnh vực công tác Nhà trường đã tiến hành tổng kết, đánh giá kết quả và có sự so sánh giữa các năm khác nhau, rút ra bài học kinh nghiệm và đưa ra các giải pháp nâng cao chất lượng [H12.12.03.09].

Để không ngừng nâng cao chất lượng dạy và học, hàng năm, theo học kỳ Nhà trường đã tổ chức khảo sát ý kiến của SV về chất lượng giảng dạy; kết quả khảo sát được tổng hợp, phân tích và đối sánh qua các năm cho thấy tỷ lệ GV được SV đánh giá dạy giỏi tăng rõ rệt [H12.12.03.10], [H12.12.03.11], [H12.12.03.12].

Đối sánh chất lượng trong tuyển sinh: Hàng năm, sau kỳ tuyển sinh ĐH chính quy, Nhà trường tổ chức tổng kết công tác tuyển sinh, qua đó thực hiện đối sánh và phân tích các kết quả tuyển sinh đạt được so với năm trước (Điểm đầu vào, chỉ tiêu tuyển sinh, kết quả tuyển sinh; Vùng tuyển, ...); dựa trên kết quả đối sánh Phòng QL Đào tạo đề xuất điều chỉnh, cải tiến, cập nhật chính sách và xây dựng kế hoạch tuyển sinh hàng năm cho phù hợp, nhằm duy trì số lượng đầu vào ít nhất là bằng hoặc tăng lên so với năm trước; nhờ vậy mà trong những năm qua Nhà trường luôn tuyển sinh đủ chỉ tiêu [H12.12.03.13].

Năm 2016, thực hiện định kỳ cập nhật CTĐT hai năm một lần, Nhà trường thực hiện đối sánh chất lượng nội bộ giữa các phiên bản của ... CTĐT trình độ ĐH hệ chính quy, để từ đó ban hành CTĐT mới. Sau khi thực hiện đối sánh, Nhà trường cập nhật và ban hành phiên bản mới của CTĐT... [H12.12.03.14].

Nhà trường thực hiện đối sánh nội bộ thuộc các mảng đào tạo – NCKH – kết nối và PVCĐ theo quy định đối sánh chất lượng ban hành kèm theo QĐ số 137/QĐ-ĐHKB ngày 18/3/2016, Kết quả đối sánh nội bộ các số liệu như sau:

- Về đào tạo: Trường đã xây dựng bảng đối sánh về quy mô, tuyển sinh, số tốt nghiệp, tỷ lệ tốt nghiệp so với nhập học, tỷ lệ thôi học, số năm tốt nghiệp trung bình của mỗi khóa:

Mảng NCKH: Đối sánh về số lượng đề tài NCKH và chuyển giao công nghệ;

Bảng 12.3 Đối sánh về số lượng đề tài NCKH và chuyển giao công nghệ

TT	Phân loại đề tài	Số lượng					Tổng số
		2017-2018	2018-2019	2019-2020	2020-2021	2021-2022	
1	Đề tài cấp NN						
2	Đề tài cấp Bộ					0	
3	Đề tài cấp trường	8	8	9	20	5	52
4	Tổng cộng	8	8	9	20	5	52

Đối sánh về số lượng bài báo của các cán bộ cơ hữu của Nhà trường được đăng tạp chí:

Bảng 12.4 Đối sánh về số lượng bài báo của các cán bộ cơ hữu

T	Phân loại tạp chí	Số lượng
---	-------------------	----------

T		2017 - 2018	2018 - 2019	2019 - 2020	2020 - 2021	2021 - 2022	Tổng số
1	Tạp chí KH quốc tế			1	5	5	11
2	Tạp chí KH cấp Ngành trong nước						
3	Tạp chí/ tập san của cấp trường	03	15	10	25	7	61
4	Tổng cộng	03	15	11	27	12	72

Đối sánh về số lượng báo cáo khoa học do cán bộ cơ hữu của nhà trường báo cáo tại các hội nghị, hội thảo, được đăng toàn văn trong tuyển tập công trình hay kỉ yếu;

Bảng 12.5: Đối sánh về báo cáo khoa học của cán bộ cơ hữu

TT	Phân loại hội thảo	Số lượng					
		2017- 2018	2018 - 2019	2019- 2020	2020- 2021	2021- 2022	Tổng số
1	Hội thảo quốc tế				1		1
2	Hội thảo trong nước				3		3
3	Hội thảo cấp trường	0	8	6	6	0	20
	Tổng cộng	0	8	6	10	0	24

Về thực hiện đối sánh chất lượng cơ sở giáo dục (CSGD) với các trường đại học bên ngoài, NT thu thập thông tin qua mạng internet và đã gửi công văn đến các trường đại học Thăng Long,... [H12.12.03.15] để trao đổi thông tin về đối sánh chất lượng cơ sở giáo dục [H12.12.03.16].

Căn cứ vào kết quả so chuẩn và đối sánh các số liệu hàng năm, Nhà trường đã tăng cường triển khai các hoạt động ĐBCL và đổi mới sáng tạo; Trong đó, về đào tạo đã từng bước hoàn thiện và cập nhật CTĐT theo phương thức hệ thống tín chỉ [H12.12.03.25], Quy định về thiết kế xây dựng, giám sát ban hành CTĐT và CĐR [H12.12.03.24]. Khi rà soát CTĐT đã thực hiện đúng quy định so chuẩn và đối sánh đã ban hành [H12.12.03.22], [H12.12.03.23], [H12.12.03.26], [H12.12.03.27] và năm 2021 Nhà trường đã mở một số ngành mới đáp ứng nhu cầu thị trường lao động như ngành: Dược học và Y học cổ truyền trình độ đại học và Luật Kinh tế trình độ Thạc sĩ [H12.12.03.17]. Về NCKH đã sửa đổi và ban hành Quy định quản lý Khoa học – Công nghệ

[H12.12.03.18]; Phục vụ cộng đồng: đã thành lập Ban Công tác phục vụ cộng đồng, Trung tâm khảo sát thông tin việc làm của SV và đào tạo khởi nghiệp cho SV [H12.12.03.19]; số lượng giải thưởng về sáng tạo, khoa học công nghệ, khởi nghiệp, các hội thảo khoa học của Trường tăng liên tục trong giai đoạn 2016-2020 [H12.12.03.20]. Đối với hoạt động đào tạo, hàng năm Phòng đào tạo thực hiện báo cáo tổng kết công tác đào tạo trong đó thể hiện rõ về một số chỉ tiêu về tuyển sinh, tỷ lệ SV tốt nghiệp, tỷ lệ SV thôi học, học lại, thời gian tốt nghiệp trung bình của SV qua các năm qua đề án tuyển sinh hàng năm [H12.12.03.21]. Trên cơ sở kết quả về các chỉ tiêu, phòng đã đề ra mục tiêu, kế hoạch và phương hướng cho các năm tiếp theo.

Trong kế hoạch TĐG CSGD để tiến tới ĐGN, Nhà trường đã cử các cán bộ tham gia lớp kiểm định viên KĐCL GD và đi làm quan sát viên tại các cơ sở giáo dục khác [H12.12.03.28], [H12.12.03.29] , [H12.12.03.30]

Tự đánh giá: 5/7

Tiêu chí 12.4. Quy trình lựa chọn, sử dụng các thông tin so chuẩn và đối sánh được rà soát

Nhằm không ngừng nâng cao chất lượng trong các hoạt động đào tạo, NCKH, kết nối và PVCĐ, Nhà trường chú trọng rà soát quy trình lựa chọn và sử dụng các thông tin so chuẩn, đối sánh chất lượng; thông qua tổng kết năm học các đơn vị tổ chức họp kiểm điểm các mặt hoạt động của đơn vị trong đó có so chuẩn và đối sánh chất lượng so với năm trước và đề ra kế hoạch cho năm sau căn cứ trên các số liệu đã thực hiện đối sánh [H12.12.04.01], [H12.12.04.02], [H12.12.04.03], [H12.12.04.04], [H12.12.04.05], [H12.12.04.06]. Trên cơ sở đó Lãnh đạo Trường tiến hành họp và tổng hợp thành báo cáo chung của Trường, trong đó có phần đối sánh chất lượng [H12.12.04.07], [H12.12.04.08]; chẳng hạn trong các Báo cáo tổng kết năm học giai đoạn 2017-2022 đều có số liệu để đối sánh về đội ngũ cán bộ giảng viên “*Rà soát và kiện toàn về tổ chức và đội ngũ CBGV...*” đã đưa ra số liệu đối sánh như sau:

Bảng 12.6. Đối sánh về quy mô, tuyển sinh, tốt nghiệp

Khóa học Tiêu chí	2017- 2018	2018- 2019	2019- 2020	2020- 2021	2021-2022
Công tác đào tạo					
Quy mô					
Tuyển sinh					
Tốt nghiệp	369	217	105	164	279
Tỷ lệ % tốt nghiệp so với nhập học	92,9	94,8	93,8	91,6	90,3
Số SV thôi học					
Tỷ lệ % SV thôi học so với nhập học					
Số năm tốt nghiệp trung bình					

Trường đã thực hiện rà soát các quy trình lựa chọn, sử dụng các thông tin so chuẩn và đối sánh trên tất cả các mặt hoạt động và một số quy trình đã được cải tiến: Quy trình thẩm định, phê duyệt đề cương chi tiết học phần, Quy trình thẩm định, phê duyệt CTĐT [H12.12.04.09], [H12.12.04.10], [H12.12.04.11], Quy trình nghiệm thu giáo trình đã biên soạn; Quy trình lựa chọn các giáo trình do các tác giả ngoài trường viết [H12.12.04.12]; Nhà trường đã ban hành các ban hành chính sách được cải tiến về đào tạo, NCKH và PVCD theo chức năng nhiệm vụ, theo kế hoạch chiến lược [H12.12.04.13], [H12.12.04.14], [H12.12.04.15].

Về công tác tuyển sinh, thông qua đối sánh số liệu hàng năm [H12.12.04.16], Nhà trường đã thực hiện rà soát để cải tiến, bổ sung các quy trình xét tuyển, đưa thêm các tổ hợp các môn xét tuyển với các ngành nghề phù hợp như thêm phương thức/quy trình xét tuyển bằng học bạ của thí sinh, tổng hợp 3 môn theo tổ hợp quy định [H12.12.04.17].

Nhà trường đã thực hiện đối sánh nội bộ CTĐT vào năm 2017 thông qua việc đánh giá, cập nhật các chương trình đào tạo [H12.12.04.18]. Nhằm hoàn thiện phương thức đào tạo theo hệ thống tín chỉ, năm học 2018, Trường tiến hành rà soát và đã bổ sung vào quy trình cập nhật, xây dựng CTĐT một số nội dung như tham khảo và đối sánh với một số CTĐT tương đồng của các CSGD khác, đối sánh và nêu những điểm mới so với CTĐT ban hành năm 2018

[H12.12.04.19], [H12.12.04.24]. Quy chế công tác tổ chức hoạt động của Nhà trường [H12.12.04.25]. Để quy định cũng như quy trình so chuẩn và đối sánh được triển khai đồng bộ và phù hợp Nhà trường, trước khi ban hành phòng KT&ĐBCLGD là đơn vị đầu mối gửi công văn xin ý kiến các đơn vị về các nội dung trong quy định này. Trên cơ sở các ý kiến góp ý từ các đơn vị, phòng tổng hợp và chỉnh sửa để ban hành [H12.12.04.21], [H12.12.04.23]. .

Trong quá trình xây dựng Quy định đối sánh chất lượng CSGD, Nhà trường đã làm việc với Trường ĐH Thăng Long để tham khảo, xác định các nội dung, hình thức đối sánh và thang đo chuẩn đối với đối sánh ngoài. Ngoài ra, Nhà trường tham khảo các nội dung, hình thức đối sánh chất lượng giáo dục của Trường ĐH Thăng Long để xây dựng quy định đối sánh của Trường [H12.12.04.20].

Khi bản hợp về rà soát, chỉnh sửa chương trình đào tạo năm, CDR,

Thực hiện đối sánh chất lượng giữa các trường đại học ở Việt Nam là một hoạt động mới, do đó việc cung cấp số liệu còn gặp nhiều khó khăn cho nên công việc này Trường mới chỉ triển khai ở những bước ban đầu, cần được tăng cường hơn nữa trong thiết lập các đối tác so chuẩn và đối sánh.

Tự đánh giá: 5/7

Tiêu chí 12.5. Quy trình lựa chọn, sử dụng các thông tin so chuẩn và đối sánh được cải tiến để liên tục đạt được các kết quả tốt nhất trong đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng

Việc cải tiến quy trình lựa chọn, sử dụng các thông tin so chuẩn và đối sánh được Trường Đại học Kinh Bắc luôn coi trọng, đó là cách tốt nhất nhằm không ngừng đổi mới và nâng cao chất lượng trong đào tạo, NCKH và PVCD. Nhưng Nhà trường chưa tham khảo quy trình lựa chọn, sử dụng các thông tin so chuẩn và đối sánh chất lượng của các trường ĐH quốc tế để điều chỉnh, cải tiến quy trình lựa chọn, sử dụng các thông tin so chuẩn và đối sánh của Trường.

Trên thực tế, các thông tin so chuẩn Trường thực hiện theo yêu cầu các văn bản quy định của Bộ GD-ĐT; trong những năm qua, Bộ GD-ĐT đã ban hành nhiều quy chế, quy định, văn bản hướng dẫn nhằm thực hiện đổi mới toàn

diện chất lượng giáo dục - đào tạo theo Nghị quyết số 29/NQ-TW của BCH Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam [H12.12.05.01].

Trường đã tiến hành cải tiến các quy trình sau khi thực hiện đối sánh, thể hiện trong việc thay đổi cách thức tiến hành thăm dò ý kiến SV đối với công tác giảng dạy của GV; cụ thể:

- Cải tiến cách thức thăm dò ý kiến của SV từ việc dùng Phiếu giấy thăm dò sang hình thức trực tuyến qua mạng internet đã tiết kiệm được nhiều công sức và thời gian, đồng thời giúp cho việc tổng hợp được nhanh và chính xác hơn [H12.12.05.02].

Trong công tác tuyển sinh, để có thể lựa chọn được người học đảm bảo chất lượng cả về văn hóa và đạo đức Nhà trường đã có những cải tiến đáng kể, ngoài tuân thủ theo quy định của Bộ GD-ĐT về điểm sàn, Trường đã bổ sung các nhóm môn xét tuyển (A4, A5, A6, A7, A8, A9,...), bổ sung phương án/quy trình xét tuyển theo học bạ, trong đó có tiêu chí xếp loại hạnh kiểm [H12.12.05.03] và kết quả học tập của sinh viên được cải tiến đáng kể [H12.12.05.14]

Thực hiện đối sánh và so chuẩn trong quá trình xây dựng/cập nhật CTĐT vào năm học 2017-2018 đã giúp cho Trường điều chỉnh nội dung và thời lượng một số học phần (Tin học và Ngoại ngữ), cập nhật được các kiến thức mới đáp ứng yêu cầu của sự phát triển của khoa học và nhu cầu của thị trường lao động, CDR các CTĐT cũng được xác định bằng các tiêu chí cụ thể và rõ ràng hơn [H12.12.05.04]; các phương pháp dạy học được cập nhật và cải tiến giúp cho người học đạt được hiệu quả cao trong quá trình tích lũy kiến thức, kỹ năng [H12.12.05.05].

Trong đánh giá kết quả học tập của người học, sau khi rà soát, đối sánh các quy trình trong quy chế thi hết học phần, Nhà trường đã ban hành để bổ sung, sửa đổi một số quy trình thực hiện nhằm đảm bảo tính chính xác, khách quan, công bằng trong công tác khảo thí..... [H12.12.05.06].

Điểm nổi bật nhất trong việc cải tiến quy trình lựa chọn, quy trình so chuẩn và đối sánh chất lượng là Nhà trường đã ban hành được Quy định đối

sánh chất lượng (Quyết định số 248/QĐ-ĐHKB ngày 20/3/2018); Quyết định đã chỉ rõ các quy trình, thủ tục trong hoạt động lựa chọn đối tác, nội dung đối sánh và các bước trong quá trình thực hiện [H12.12.05.04].

Về NCKH, sau khi thực hiện đối sánh và so chuẩn với các đối tác và các quy định, Trường đã ban hành Quy định quản lý hoạt động NCKH với nhiều cải tiến trong chế độ - chính sách (trích 20 % tổng thu của Trường cho NCKH, quy đổi giờ NCKH,...) nhằm tạo điều kiện tốt nhất để cán bộ, giảng viên và người học tham gia công tác nghiên cứu [H12.12.05.07]; với quy chế NCKH được cải tiến, các cá nhân/đơn vị đã triển khai được nhiều đề tài nghiên cứu thiết thực [H12.12.05.08] và kết quả NCKH của Nhà trường so với Đại học Thăng Long được thể hiện trong MC [H12.12.05.13].

Về phục vụ cộng đồng, Nhà trường đã phân công cho phòng CTSV với chức năng, nhiệm vụ cụ thể [H12.12.05.09]; Phòng CTSV đã xây dựng kế hoạch và phân công nhiệm vụ cho các bên liên quan trong công tác kết nối và PVCĐ [H12.12.05.10]; Phòng CTSV là đầu mối cho các hoạt động khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo cho SV, thu thập các thông tin từ cựu SV để thực hiện các đối sánh và so chuẩn nhằm không ngừng nâng cao chất lượng [H12.12.05.11] và kết quả công tác kết nối và PVCĐ của Nhà trường được thể hiện trong MC [H12.12.05.12].

Tự đánh giá: 4/7

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 12:

1. Tóm tắt các điểm mạnh

- Trong kế hoạch năm học hằng năm của Nhà trường luôn có các nội dung và biện pháp nâng cao chất lượng, trong đó tập trung ở các hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ.

- Nhà trường ban hành văn bản so chuẩn và đối sánh, trong đó quy định về các tiêu chí lựa chọn đối tác cũng như quy trình so chuẩn và đối sánh chất lượng.

- Căn cứ kết quả so chuẩn và đối sánh chất lượng, Nhà trường đã áp dụng nhiều chính sách, biện pháp để tăng cường hoạt động ĐBCL cũng như khuyến khích hoạt động đổi mới, sáng tạo trong GV và SV.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại

Nhà trường chưa tham khảo quy trình lựa chọn, sử dụng các thông tin so chuẩn và đối sánh chất lượng của các trường ĐH quốc tế để điều chỉnh, cải tiến quy trình lựa chọn, sử dụng các thông tin so chuẩn và đối sánh của Trường.

3. Kế hoạch cải tiến

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục tồn tại	Nhà trường tham khảo quy trình lựa chọn, sử dụng các thông tin so chuẩn và đối sánh chất lượng của các trường ĐH quốc tế để điều chỉnh, cải tiến quy trình lựa chọn, sử dụng các thông tin so chuẩn và đối sánh của Trường	BGH, Phòng QLĐT	2023-2024
2	Phát huy điểm mạnh	Trong kế hoạch năm học hằng năm của Nhà trường luôn có các nội dung và biện pháp nâng cao chất lượng, trong đó tập trung ở các hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ.	Các đơn vị thuộc trường	2023-2024

Trong giai đoạn 2021-2025 Nhà trường tham khảo quy trình lựa chọn, sử dụng các thông tin so chuẩn và đối sánh chất lượng của các trường ĐH quốc tế để điều chỉnh, cải tiến quy trình lựa chọn, sử dụng các thông tin so chuẩn và đối sánh của Trường.

4. Mức đánh giá

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Tự đánh giá
<i>Tiêu chuẩn 12</i>	4.8
Tiêu chí 12.1	5.0
Tiêu chí 12.2	5.0
Tiêu chí 12.3	5.0
Tiêu chí 12.4	5.0
Tiêu chí 12.5	4.0

Mục 3: ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG VỀ THỰC HIỆN CHỨC NĂNG

Tiêu chuẩn 13: Tuyển sinh và nhập học

Tiêu chí 13.1: Xây dựng kế hoạch, chính sách và truyền thông để tuyển sinh cho các chương trình đào tạo khác nhau của cơ sở giáo dục

Hàng năm Nhà trường đã xây dựng Đề án tuyển sinh trình Bộ GD&ĐT phê duyệt. Trong đề án tuyển sinh thể hiện rõ các chính sách tuyển sinh, cụ thể là: Đối tượng tuyển sinh, phạm vi tuyển sinh, phương thức tuyển sinh, chỉ tiêu tuyển sinh, ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào [H13.13.01.12].

Trường Đại học Kinh Bắc hiện tại đang tuyển sinh đa ngành với 17 ngành đào tạo trình độ Đại học và 2 ngành đào tạo trình độ Thạc sỹ với các bậc và hệ đào tạo khác nhau như: Tuyển sinh bậc đại học chính quy, tuyển sinh đại học liên thông, đại học vừa làm vừa học, tuyển sinh bậc Thạc sỹ. Mỗi chương trình đào tạo, Nhà trường xây dựng các kế hoạch tuyển sinh, chính sách và truyền thông khác nhau và thành lập Hội đồng tuyển sinh với thành phần bao gồm: BGH, đại diện lãnh đạo các phòng, khoa, viện, trung tâm..., với đơn vị thường trực là Ban Tuyển sinh, nay là Trung tâm Tuyển sinh và Hợp tác doanh nghiệp để thực hiện [H13.13.01.01], [H13.13.01.02].

Ngoài việc thực hiện đúng và đầy đủ những chế độ, chính sách ưu tiên về tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo; hàng năm, căn cứ vào nhiệm vụ, chức năng đào tạo nguồn nhân lực cho tỉnh Bắc Ninh, khu vực Đông Bắc, Nhà trường đã thực hiện việc bổ sung chế độ, chính sách tuyển sinh, có điều chỉnh miễn giảm học phí cho: học sinh, học viên, chế độ ký túc xá, chế độ học bổng [H13.13.01.03], [H13.13.01.04], [H13.13.01.05], [H13.13.01.06], [H13.13.01.07], [H13.13.01.08], [H13.13.01.09], [H13.13.01.10].

Hàng năm, theo Quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo và kết quả tuyển sinh trong những năm trước đó, Nhà trường đã xây dựng Kế hoạch tuyển sinh [H13.13.01.11]. Các ban, tổ tuyển sinh của Hội đồng tuyển sinh căn cứ vào kế hoạch để triển khai tổ chức thực hiện các nội dung công việc trong mỗi kỳ tuyển sinh. Căn cứ vào các văn bản hướng dẫn tuyển sinh của Bộ Giáo

dục và Đào tạo, Nhà trường đã xây dựng Đề án tuyển sinh riêng của Trường và điều chỉnh cho phù hợp với tình hình thực tế về nhu cầu đào tạo [H13.13.01.12].

Nhà trường đã thành lập Ban Tư vấn tuyển sinh. Ban Tư vấn tuyển sinh phối hợp với Phòng Quản lý Đào tạo lập kế hoạch và xây dựng Đề án tuyển sinh, tổ chức triển khai và thực hiện công tác truyền thông tuyển sinh các trình độ, các hệ và hình thức đào tạo [H13.13.01.13], [H13.13.01.14]. Ban Tư vấn tuyển sinh tham mưu Hội đồng tuyển sinh kế hoạch tổng thể, kế hoạch tuyển sinh và trực tiếp triển khai thực hiện. Thông tin tuyển sinh, tư vấn tuyển sinh và tuyển truyền trên các phương tiện thông tin báo, mạng Internet, tư vấn trực tiếp đến học sinh các trường Trung học phổ thông (THPT) trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh, Bắc Giang, Lạng Sơn và một số tỉnh vùng cao khu vực Đông Bắc và Tây Bắc [H13.13.01.15], [H13.13.01.16].

Hàng năm, Ban tư vấn tuyển sinh của Trường đã trực tiếp đến các trường THPT trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh, Bắc Giang và Lạng Sơn để tư vấn tại chỗ cho học sinh về tuyển sinh đại học. Từ năm 2016 – 2017 đến nay, Trường đã quyết định thực hiện kế hoạch tổ chức mời các phụ huynh và học sinh đến thăm Trường Đại học Kinh Bắc và Tập đoàn Kinh tế Chân Thiện Mỹ [H13.13.01.17]. Tổ chức cho học sinh lớp 12 tham gia trải nghiệm chương trình “Tôi là sinh viên Trường Đại học Kinh Bắc” để quảng bá hình ảnh, tư vấn hướng nghiệp và tuyển sinh viên về nhập học tại Trường [H13.13.01.18].

Trường đã thực hiện nhiều chế độ, chính sách ưu tiên đặc biệt cho các đối tượng sinh viên là người khuyết tật [H13.13.01.09], [H13.13.01.10]. Nhà trường đã lập website tuyển sinh riêng; thông qua trang web, Nhà trường đã có nhiều biện pháp thông tin tuyển sinh về phương thức tuyển sinh, thời gian tuyển sinh, thông tin các ngành nghề đào tạo, hướng dẫn cụ thể về thủ tục làm hồ sơ đăng ký tuyển sinh [H13.13.01.15]. Ngoài ra, thông tin tuyển sinh của trường còn được công bố công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng như: Đài phát thanh, Đài truyền hình VTV1, Báo VTC, Báo Dantri, cảm nang tuyển sinh, các ấn phẩm truyền thông tuyển sinh. Nhà trường có hệ thống tư vấn tuyển sinh qua các kênh Facebook Sinh viên đại học Kinh Bắc, Zalo. Nhà trường và thông qua

các hotline tư vấn giải đáp cho học sinh những thông tin, quy chế tuyển sinh của trường, đồng thời định hướng, hướng dẫn học sinh lựa chọn được ngành học phù hợp với nhu cầu, điều kiện kinh tế gia đình và năng lực bản thân [H13.13.01.16].

Tự đánh giá: 5/7 điểm

Tiêu chí 13.2: Xây dựng các tiêu chí để lựa chọn người học có chất lượng cho mỗi chương trình đào tạo

Căn cứ vào các ngành và chương trình đào tạo, Nhà trường đã xây dựng và thực hiện các tiêu chí lựa chọn tuyển sinh sinh viên vào học theo yêu cầu chất lượng đầu vào phù hợp với yêu cầu đào tạo và thực tế nguồn tuyển của trường [H13.13.02.01], [H13.13.02.02].

Đối với tuyển sinh đại học chính quy: Từ năm 2021 đến nay, trường đã áp dụng đồng thời 2 phương thức xét tuyển chính:

Phương thức 1: Xét tuyển kết quả thi THPT và Bỏ túc THPT quốc gia.

Phương thức 2: Xét tuyển học bạ THPT theo tổ hợp 3 môn.

Đối với phương thức xét tuyển điểm thi THPT và Bỏ túc THPT quốc gia, trường thực hiện xét tuyển theo quy định của Bộ.

Đối với phương thức xét tuyển học bạ THPT theo tổ hợp 3 môn, điều kiện xét tuyển bao gồm 3 hình thức:

Hình thức 1: Xét tuyển học bạ lớp 12 theo tổ hợp 3 môn

Tốt nghiệp THPT hoặc Bỏ túc THPT; tổng điểm trung bình (TB) năm lớp 12 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển đạt từ 6,0 điểm trở lên. Theo đó, điểm xét tuyển trúng tuyển được tính là: Điểm xét trúng tuyển = [Điểm trung bình năm lớp 12 môn 1 + Điểm trung bình năm lớp 12 môn 2 + Điểm trung bình năm lớp 12 môn 3 + Điểm ưu tiên (nếu có)]/3.

- Đối với ngành Dược học và Y học cổ truyền: Thí sinh tốt nghiệp THPT có học lực lớp 12 xếp loại giỏi hoặc điểm trung bình cộng các môn theo tổ hợp xét tuyển đạt từ 8.0 trở lên cả năm lớp 12

Hình thức 2: Xét tuyển học bạ kỳ 1, 2 lớp 11 và kỳ 1 lớp 12 theo tổ hợp 3 môn

Tốt nghiệp THPT hoặc Bổ túc THPT; tổng điểm trung bình kỳ 1, 2 lớp 11 và kỳ 1 lớp 12 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển đạt từ 6,0 điểm trở lên; điểm xét trúng tuyển được tính là: Điểm xét trúng tuyển = [Điểm TB môn 1 + Điểm TB môn 2 + Điểm TB môn 3 + Điểm ưu tiên (nếu có)]/3.

+ Điểm TB môn 1 = (TB Học kỳ 1 lớp 11 môn 1 + TB học kỳ 2 lớp 11 môn 1 + TB học kỳ 1 lớp 12 môn 1)/3.

+ Điểm TB môn 2 = (TB Học kỳ 1 lớp 11 môn 2 + TB học kỳ 2 lớp 11 môn 2 + TB học kỳ 1 lớp 12 môn 2)/3.

+ Điểm TB môn 3 = (TB Học kỳ 1 lớp 11 môn 3 + TB học kỳ 2 lớp 11 môn 3 + TB học kỳ 1 lớp 12 môn 3)/3.

- Đối với ngành Dược học và Y học cổ truyền: Thí sinh tốt nghiệp THPT có học lực lớp 12 xếp loại giỏi hoặc điểm trung bình cộng các môn theo tổ hợp xét tuyển đạt từ 8.0 trở lên của 3 học kỳ (2 học kỳ lớp 11 và học kỳ 1 lớp 12).

Hình thức 3: Đối với ngành Dược học và Y học cổ truyền: Kết hợp kết quả học bạ THPT và đánh giá năng lực đối với Ngành Dược học và Y học cổ truyền.

- Thí sinh tốt nghiệp THPT phải có học lực lớp 12 xếp loại khá hoặc điểm trung bình cộng các môn theo tổ hợp xét tuyển đạt từ 6.5 trở lên

- Tham gia kỳ thi đánh giá năng lực của Trường Đại học Kinh Bắc

- Ngưỡng đảm bảo đầu vào tùy theo từng đợt cụ thể [H13.13.02.03].

Để đảm bảo chất lượng đầu vào cho từng chương trình đào tạo, ngay từ đầu quy trình tuyển sinh, trường đã lựa chọn các tổ hợp môn xét tuyển phù hợp với từng ngành đào tạo [H13.13.02.04].

Bảng 13.1. Tổ hợp môn xét tuyển

STT	Tên ngành	Mã ngành	Tổ hợp môn xét tuyển	Thời gian học tập
1	Thiết kế đồ họa	7210403	Ngữ văn và các môn Hình họa	4 năm
2	Thiết kế nội thất	7580108		
3	Thiết kế thời trang	7210404		
4	Quản trị kinh doanh	7340101	Toán , Lý, Hóa	4 năm

5	Tài chính ngân hàng	7340201	Toán, Lý, Anh	
6	Kế toán	7340301	Toán, Văn, Anh Toán, Văn, Địa	
7	Luật kinh tế	7380107	Toán, Lý, Hóa Toán, Lý, Anh Toán, Văn, Anh Văn, Sử, Địa	4 năm
8	Công nghệ thông tin	7480201	Toán, Lý, Hóa Toán, Văn, Anh Toán, Lý, Anh Toán, Văn, Địa	4 năm
9	Công nghệ kỹ thuật điện tử viễn thông	7510302		
10	Kiến trúc	7580101	Toán, Lý, Vẽ Toán, Văn, Vẽ Vẽ, Toán, Anh Vẽ, Toán, Hóa	4 năm
11	Quản lý xây dựng	7580302	Toán, Lý, Hóa Toán, Văn, Anh Toán, Lý, Anh Toán, Văn, Địa	4 năm
12	Quản lý Nhà nước	7310205	Toán, Lý, Hóa Toán, Lý, Anh Toán, Văn, Anh Văn, Sử, Địa	4 năm
13	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	7810103	Toán, Lý, Hóa Toán, Lý, Anh Toán, Văn, Anh Văn, Sử, Địa	4 năm
14	Ngôn ngữ Anh	7220201	Toán, Lý, Anh Toán, Văn, Anh Văn, Sử, Anh Toán, Địa, Anh	4 năm
15	Dược học	7720201	Toán, Lý, Hóa Toán, Lý, Anh Toán, Hóa, Sinh Toán, Văn, Anh	5 năm
16	Y học cổ truyền	7720115	- Toán, Lý, Hóa - Toán, Lý, Anh - Toán, Hóa, Sinh - Toán, Anh, KHTN	6 năm
17	Luật	7380101	- Toán, Lý, Hóa - Toán, Lý, Anh - Toán, Văn, Anh - Văn, Sử, Địa	4 năm

Đối với ngành kinh tế xã hội, trường xét tuyển các tổ hợp môn có phần lớn kiến thức thuộc khối xã hội C00, D01. Đối với các ngành kỹ thuật, các tổ hợp môn phần lớn thuộc khối kiến thức khoa học tự nhiên A00, A01. Những ngành khác khi tổ hợp môn, trường chú trọng các môn văn hóa cơ bản như: Toán, Lý, Hóa hoặc Văn, Anh, Sử, Địa và bổ sung những môn có kiến thức gần với yêu cầu đặc thù về chương trình đào tạo của ngành như Tiếng Anh, Sinh, Vẽ.

Chủ trương xét tuyển tổ hợp môn kiến thức chuyên ngành và gần chuyên ngành, việc lựa chọn xét tuyển đã tạo được cơ sở nền tảng kiến thức phù hợp với ngành xét tuyển, đồng thời giúp học sinh định hướng được việc lựa chọn ngành nghề phù hợp với năng lực và nhu cầu của bản thân [H13.13.02.05].

Đối với việc tuyển sinh đại học liên thông, đại học vừa làm vừa học, Trường tổ chức xét tuyển nhiều đợt/năm với những tiêu chí khác nhau [H13.13.02.06], [H13.13.02.07]. Ngoài yêu cầu về điều kiện hồ sơ theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, thí sinh phải đảm bảo điểm TBC xét tuyển học bạ theo tổ hợp 3 môn theo ngành học từ 6,0 trở lên với hệ vừa làm vừa học; Với hệ đại học liên thông xét kết quả học tập hệ TC hoặc CĐ: Điểm TBC toàn khóa đạt từ 5.0 (thang điểm 10) hoặc đạt từ 2.0 (thang điểm 4) trở lên. Theo quy trình xét tuyển, trước khi công bố mức điểm chuẩn cho từng ngành, Hội đồng tuyển sinh thống nhất và thông báo mức điểm chuẩn bằng văn bản hoặc trên các phương tiện thông tin của Nhà trường [H13.13.02.08], [H13.13.02.09]. Năm 2017, 2018, Nhà trường quy định điểm xét tuyển học bạ có tổng điểm trung bình năm lớp 12 hoặc trung bình 3 học kỳ (2 học kỳ lớp 11, học kỳ 1 lớp 12) của 3 môn tổ hợp đạt từ 6 điểm trở lên. Riêng điểm xét tuyển từ kết quả thi tốt nghiệp THPT quốc gia và tương đương đạt từ 18 điểm trở lên. Mức điểm chuẩn xét tuyển của trường phù hợp với điều kiện, nhu cầu đào tạo đồng thời giúp Nhà trường lựa chọn được những thí sinh đạt yêu cầu để đào tạo. Đối với những ngành chưa tuyển đủ chỉ tiêu, thông qua các kênh thông tin, trường sẽ thông báo tuyển sinh cho các đợt tiếp theo trong năm [H13.13.02.10], [H13.13.02.11].

Tự đánh giá: 5/7 điểm

Tiêu chí 13.3: Quy trình giám sát công tác tuyển sinh và nhập học được thực hiện

Hằng năm, Nhà trường thực hiện việc giám sát, kiểm tra và kiểm soát quy trình, tiến độ và chất lượng công tác tuyển sinh và nhập học, căn cứ vào những quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo về công tác tuyển sinh [H13.13.03.01], [H13.13.03.02]. Nhà trường đã xây dựng các quy trình xét tuyển, thi tuyển và quy trình nhập học, đồng thời có sự phân công chức năng, nhiệm vụ cho các bộ phận thuộc Hội đồng Tuyển sinh, các phòng ban chức năng của trường trực tiếp chịu trách nhiệm thực hiện [H13.13.03.03].

Trước các kỳ thi tuyển sinh theo quy định, Nhà trường thành lập Hội đồng Tuyển sinh (HĐTS) và các Ban của Hội đồng tuyển sinh [H13.13.03.04], trong đó HĐTS thành lập phòng Thanh tra hoạt động độc lập với Hội đồng thi tuyển sinh [H13.13.03.05].

Trong quá trình thực hiện công tác tuyển sinh và nhập học, phòng Thanh tra xây dựng và trình Hiệu trưởng ký ban hành Quy trình giám sát công tác tuyển sinh và nhập học [H13.13.03.06]. Phòng Thanh tra có trách nhiệm: Thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Quy chế thi tuyển sinh trong các đợt thi tuyển do Nhà trường tổ chức; kiểm tra hồ sơ xét tuyển thí sinh trúng tuyển; kiểm tra hồ sơ nhập học của thí sinh trúng tuyển [H13.13.03.07].

Quy trình giám sát công tác tuyển sinh và nhập học của Nhà trường bao gồm các bước cụ thể với sự tham gia của các đơn vị. Phòng Thanh tra phối hợp với Trung tâm TS&HTDN để thực hiện giám sát công tác tuyển sinh từ khâu thông báo tuyển sinh, tư vấn tuyển sinh, tiếp nhận hồ sơ, xử lý hồ sơ, quy trình xét tuyển, kết quả xét tuyển, thông báo trúng tuyển [H13.13.03.08], [H13.13.03.09].

Ban Thư ký Hội đồng tuyển sinh xử lý hồ sơ thí sinh nộp và xét tuyển, sau khi hoàn tất thì phòng Thanh tra sẽ kiểm tra nhằm đảm bảo chính xác kết quả thi của thí sinh trước khi công bố. Sau khi Hội đồng Tuyển sinh công bố kết quả trúng tuyển và gửi giấy báo nhập học đến thí sinh, phòng Thanh tra sẽ tiếp tục giám sát việc tổ chức nhập học và thu nhận hồ sơ theo đúng quy định. Công

tác này được thực hiện định kỳ mỗi năm một lần và kết quả thanh tra được báo cáo lại cho Ban Giám hiệu nhằm phát hiện và chấn chỉnh kịp thời những thiếu sót, hạn chế [H13.13.03.10].

Ngoài ra Nhà trường thực hiện quy trình giám sát công tác nhập học, đảm bảo đúng quy định cũng như thuận tiện cho người học và quá trình tổ chức quản lý công tác nhập học thuận lợi [H13.13.03.11], [H13.13.03.12].

Tự đánh giá: 5/7 điểm

Tiêu chí 13.4: Có các biện pháp giám sát việc tuyển sinh và nhập học

Nhà trường triển khai các biện pháp giám sát khác nhau nhằm đảm bảo việc thực hiện tuyển sinh và nhập học theo đúng quy chế, quy định và hướng dẫn của Bộ GD-ĐT và Trường đã được ban hành [H13.13.04.01], [H13.13.04.02]. Cùng chung quyết định thành lập Hội đồng Tuyển sinh là Ban Thanh tra giám sát Tuyển sinh đối với hệ ĐH chính quy để kiểm tra/giám sát tất cả các khâu trong quá trình xây dựng đề án, tổ chức thu nhận hồ sơ, xác định ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào đến xét tuyển, giấy báo nhập học, lập danh sách trúng tuyển,... [H13.13.04.03], [H13.13.04.04]. Đối với tuyển sinh các trình độ thạc sĩ, liên thông, vừa làm vừa học, đào tạo từ xa Nhà trường tổ chức thi tuyển; Chủ tịch HĐ tuyển sinh thành lập Ban thanh tra, giám sát theo từng khâu của tiến trình tổ chức thi: từ công tác chuẩn bị thi, ra đề thi, coi thi đến chấm thi đến công bố kết quả thi, tổ chức nhập học,..., [H13.13.04.05], [H13.13.04.06], [H13.13.04.07], [H13.13.04.08].

Giám sát tuyển sinh ĐH chính quy được thực hiện ngay từ khâu xây dựng đề án; căn cứ vào các quy chế/quy định của Bộ GD-ĐT và điều kiện thực tế của Trường, Ban Thanh tra thực hiện giám sát HĐ tuyển sinh trong việc xác định chỉ tiêu theo các ngành đào tạo, phương thức xét tuyển, các điều kiện đảm bảo chất lượng của Trường, điều chỉnh/bổ sung nhân sự đáp ứng yêu cầu của công tác tuyển sinh,... [H13.13.04.09], nhờ có thực hiện việc giám sát trong quá trình xây dựng Đề án tuyển sinh nên Trường đã có những điều chỉnh kịp thời một số nội dung đáp ứng yêu cầu xét tuyển (việc điều chỉnh có xin ý kiến của Bộ GD-ĐT); ngoài ra, Trường còn lập báo cáo về công tác tuyển sinh và các điều kiện đảm

bảo chất lượng gửi Bộ GD-ĐT để cơ quan cấp trên kiểm tra, giám sát [H13.13.04.10].

Trường đã giao cho Trung tâm Tin học – Ngoại ngữ xây dựng hệ thống phần mềm để hỗ trợ và giám sát trong quá trình triển khai công tác tuyển sinh và nhập học; dữ liệu đầu vào của hệ thống là các thông tin về thí sinh: học và tên, ngày sinh, số báo danh thi THPT quốc gia, tên trường học lớp 12, khu vực ưu tiên,...; các tiêu chí lựa chọn người học có chất lượng được chuyển hóa thành các thuật toán là các bộ lọc để đảm bảo không có sai sót trong quá trình thực hiện tuyển sinh và nhập học. Hệ thống có thể kết xuất thông tin, cập nhật theo ngày làm việc về số lượng thí sinh đăng ký xét tuyển để báo cáo HĐ tuyển sinh và Ban giám hiệu. Dựa trên các tiêu chí tuyển sinh của mỗi ngành đào tạo, hệ thống phần mềm sẽ lọc ra danh sách trúng tuyển cho từng ngành cụ thể; đồng thời hệ thống in giấy báo nhập học cho thí sinh trúng tuyển. Hệ thống phần mềm tuyển sinh giúp Nhà trường hình thành cơ sở dữ liệu cho khóa học mới với đầy đủ mã SV, lý lịch SV theo các ngành đào tạo, ... [H13.13.04.11].

Đối với công tác nhập học, phòng Thanh tra phối hợp với phòng CTSV triển khai thực hiện giám sát công tác nhập học. Phòng Thanh tra phối hợp với phòng CTSV tiến hành giám sát quá trình nhập học từ khâu thông báo trúng tuyển, gửi giấy báo nhập học, tiếp nhận SV và hậu kiểm [H13.13.04.12]. Kết quả giám sát công tác nhập học thường xuyên được báo cáo BGH và Hội đồng tuyển sinh Nhà trường [H13.13.04.13].

Việc nhập học của các thí sinh được theo dõi và giám sát thông qua các quy định, quy trình và hướng dẫn cụ thể với sự phối hợp thực hiện của các đơn vị chức năng trong toàn trường. Phòng công tác sinh viên chủ trì và phối hợp với Phòng Quản trị, Phòng QL Đào tạo, Phòng Tài chính – kế toán, Trung tâm Tin học tổ chức thực hiện và giám sát trong quá trình SV làm thủ tục nhập học, tạo thành quy trình với công đoạn sau kiểm tra/giám sát tính đúng đắn của công đoạn trước đó [H13.13.04.14].

Sau mỗi kỳ tuyển sinh, Nhà trường đều có báo cáo tổng kết, lập các bảng thống kê số liệu theo các tiêu chí khác nhau: thống kê thực hiện chỉ tiêu tuyển

sinh hàng năm, tổng hợp số liệu thí sinh nhập học thực tế theo trình độ đào tạo và phương thức xét tuyển hàng năm, tổng hợp số liệu thí sinh nhập học thực tế theo từng nhóm ngành đào tạo hàng năm,... trên cơ sở đó đánh giá, phân tích kết quả giám sát công tác tuyển sinh và nhập học hàng năm để xây dựng kế hoạch, các chỉ số trong công tác tuyển sinh cho năm sau [H13.13.04.15]. Bảng 13.1 dưới đây thống kê số lượng thí sinh đăng ký dự tuyển vào Trường hàng năm (2017-2022).

Bảng 13.2. Số lượng thí sinh đăng ký dự tuyển và nhập học trình độ đào tạo ĐH hệ chính quy từ 2017 đến 2022

<i>Năm học</i>	<i>Số thí sinh ĐK</i>	<i>Số trúng tuyển</i>	<i>Tỷ lệ cạnh tranh</i>	<i>Số nhập học thực tế</i>	<i>Điểm tuyển đầu vào</i>
Hệ Cao học					
2017	90	76		73	
2018	50	43		42	
2019					
2020	27	27		25	
2021	40	39		39	
Hệ Đại học					
2017	800	325	2.5	309	13
2018	950	556	1.7	361	15
2019-2019	589	587	1.0	294	15
2020-2021	299	289	1.0	207	15
2021 -2022	728	719	1.0	506	15

Bên cạnh các số liệu thống kê, HĐ tuyển sinh lập báo cáo tổng tổng kết công tác tuyển sinh hàng năm; báo cáo đưa ra những số liệu cụ thể, những việc làm tốt, những bài học kinh nghiệm cho kỳ tuyển sinh sau.

Tự đánh giá: 5/7 điểm

Tiêu chí 13.5: Công tác tuyển sinh và nhập học được cải tiến để đảm bảo tính phù hợp và hiệu quả

Sau mỗi kỳ tuyển sinh, Nhà trường đều tổ chức tổng kết, đánh giá công tác tuyển sinh và nhập học [H13.13.05.01]; căn cứ vào kết quả đánh giá, tổng kết công tác tuyển sinh và nhập học hàng năm, căn cứ vào thông

kê, phân tích số liệu tuyển sinh hàng năm, Trường đã có những điều chỉnh về chiến lược/ chính sách/kế hoạch trong quá trình thực hiện tuyển sinh và nhập học [H13.13.05.02]; SV nhập học vào Trường phần lớn là con em ở nông thôn/miền núi/biên giới/hải đảo có hoàn cảnh khó khăn nên Nhà trường đã có những chính sách hỗ trợ như giảm học phí, cấp học bổng vượt khó,... nhằm thu hút thí sinh những vùng này đăng ký dự tuyển [H13.13.05.03]; qua phân tích/đánh giá các khâu thực hiện trong tuyển sinh, Nhà trường nhận thấy xây dựng chiến lược quảng bá rộng rãi trên tất cả các phương tiện thông tin đại chúng, có kế hoạch cụ thể cho từng khâu trong công tác tuyển sinh và nhập học sẽ đưa lại hiệu quả cao trong quá trình tổ chức thực hiện [H13.13.05.04].

Từ năm 2017– 2018 Nhà trường đã trực tiếp quan hệ với Hiệu trưởng các trường THPT trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh và một số trường thuộc khu vực Đông Bắc, Tây Bắc; Tổ chức Hội nghị bàn về công tác hướng nghiệp, tuyển sinh cho học sinh lớp 12; trực tiếp tư vấn cho học sinh lớp 12 của các trường THPT trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh [H13.13.05.05].

Từ năm 2013, Nhà trường đã xét tuyển kết quả thi đại học theo phương thức “3 chung” của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Năm 2015, ngoài xét tuyển theo phương thức “3 chung”, trường đã bổ sung thêm phương thức xét tuyển học bạ THPT theo Đề án tuyển sinh riêng. Theo phương thức này, việc xét tuyển sẽ căn cứ vào điểm trung bình 3 môn tổ hợp từ học bạ của học sinh lớp 12. Trong đó, trung bình của mỗi môn phải đạt từ 6 điểm trở lên. Năm 2016, trường tuyển sinh theo phương thức gồm xét tuyển theo kết quả thi tốt nghiệp THPT và phương thức xét tuyển học bạ năm 2015. Từ năm 2017, 2018, 2019, 2020, 2021 trường tuyển sinh theo các phương thức. Xét theo điểm tốt nghiệp THPT và BTVH phổ thông; xét học bạ THPT với điều kiện điểm trung bình cả năm lớp 12 trên điểm trung bình của 3 môn tổ hợp phải bằng hoặc lớn hơn 18 điểm; xét điểm trung bình 3 môn tổ hợp của cả 3 năm học THPT đạt từ 18 điểm trở lên [H13.13..05.06].

Một trong những cải tiến đưa lại hiệu quả cao trong công tác tuyển sinh và nhập học là Nhà trường ứng dụng công nghệ thông tin vào hỗ trợ trong quá trình tác nghiệp; Trung tâm Tin học phối hợp với các đơn vị chức năng xây dựng hệ thống phần mềm với cơ sở dữ liệu dùng chung cho toàn trường có đầy đủ các thông tin của thí sinh [H13.13.05.07]; Nhờ có cơ sở dữ liệu thí sinh đăng ký tuyển sinh dùng chung nên việc thống kê, tìm kiếm trở nên nhanh chóng và thuận lợi, giúp cho HĐ tuyển sinh Trường có được các báo cáo kịp thời, cập nhật được số lượng thí sinh đăng ký hàng ngày theo từng ngành cụ thể, xác định chính xác ngưỡng điểm chuẩn,... [H13.13.05.08]. Dựa trên các tiêu chí tuyển sinh cụ thể của mỗi ngành đào tạo, hệ thống phần mềm sẽ lọc ra danh sách trúng tuyển cho từng ngành cụ thể; đồng thời hệ thống in giấy báo nhập học cho thí sinh trúng tuyển. Hệ thống phần mềm tuyển sinh giúp Nhà trường hình thành cơ sở dữ liệu cho khóa học mới với đầy đủ mã SV, lý lịch SV, ngành đào tạo, ...

Ngoài cổng thông tin điện tử được cập nhật liên tục về tuyển sinh, Nhà trường còn mở rộng phạm vi truyền thông trực tiếp từ tỉnh Bắc Ninh đến các tỉnh Bắc Giang, Lạng Sơn, Lào Cai, Yên Bái, Sơn La, Lai Châu, Điện Biên, Hà Giang..... và các tỉnh Miền Trung; thủ tục nộp hồ sơ xét tuyển nhanh, gọn, thuận tiện cho học sinh đến trường hoặc qua bưu điện; kết quả trúng tuyển được thông báo kịp thời, nhanh chóng qua Cổng điện tử, tin nhắn điện thoại đến từng thí sinh [H13.13.05.09].

Sau mỗi kỳ tuyển sinh, trên cơ sở tổng hợp kết quả trúng tuyển và số lượng thực tế vào trường [H13.13.05.10], Hội đồng Tuyển sinh nhận định tình hình, xác định xu hướng, phân tích cơ hội và đánh giá việc thực hiện mục tiêu, chỉ tiêu tuyển sinh đồng thời kịp thời điều chỉnh các tiêu chí tuyển, vùng tuyển, công tác truyền thông, để bổ sung kế hoạch nhằm thực hiện chỉ tiêu đã đề ra.

Căn cứ vào hướng dẫn và quy định trong Quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo và tình hình thực tế, trường luôn cập nhật, thay đổi công tác tuyển sinh để kịp thời đáp ứng nguyện vọng của phụ huynh như tiếp xúc và đón tiếp học sinh, phụ huynh, trả lời các yêu cầu về học tập, ăn ở, tài chính. Đề án tuyển sinh của Nhà trường thường xuyên được cập nhật, bổ sung các phương

thức xét tuyển, các tổ hợp môn phù hợp để tạo điều kiện thuận lợi cho học sinh có cơ hội vào đại học nhưng vẫn đảm bảo chất lượng đầu vào [H13.13.05.11], [H13.13.05.12].

Trong công tác nhập học, Nhà trường đã có nhiều cải tiến để mang lại hiệu quả tốt nhất. Thời gian qua, việc ứng dụng Công nghệ thông tin hỗ trợ quá trình nhập học đã có những kết quả khả quan. Các bước khai báo thông tin Online, thủ tục thu nhận học phí chia theo học kỳ đã được cải tiến gọn, tiện lợi giúp học sinh nhập học dễ dàng. Việc xếp lớp, bố trí chỗ ở trong ký túc xá (miễn phí) được đổi mới thuận lợi cho SV và phụ huynh khi đến trường làm thủ tục nhập học, đăng ký chỗ ở [H13.13.05.13], [H13.13.05.14].

Tự đánh giá: 5/7 điểm

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 13:

1. Tóm tắt các điểm mạnh

- Việc thực hiện các quy trình tuyển sinh như lập kế hoạch, triển khai, giám sát đầy đủ, đảm bảo nội dung theo đúng các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
- Đối với mỗi chương trình đào tạo, Nhà trường đã có các Phương án tuyển sinh với các tiêu chí cụ thể, rõ ràng để lựa chọn người học có chất lượng.
- Việc so sánh, đối chiếu và phân tích số liệu tuyển sinh, nhập học hàng năm được thực hiện giúp Nhà trường có những điều chỉnh phù hợp với tình hình thực tế nguồn tuyển của trường.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại

- Do tình hình tuyển sinh khó khăn về nguồn tuyển của các trường đại học ngoài công lập, kết quả tuyển sinh chính quy của trường hàng năm chưa cao.
- Dù đã có những biện pháp thu hút nhưng số học sinh khá, giỏi tốt nghiệp lớp 12 nhập học vào trường chưa nhiều.

3. Kế hoạch cải tiến

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện (bắt đầu và
----	----------	----------	---------------------------	---------------------------------

				hoàn thành)
1	Đa dạng hóa các hình thức truyền thông trong tuyển sinh	- Lập kế hoạch - Giải pháp: Nhà trường tập trung tiến hành việc quảng bá thương hiệu gắn bó chặt chẽ với truyền thông tuyển sinh, đẩy mạnh quan hệ với các trường THPT, cơ sở giáo dục – đào tạo trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh, Bắc Giang, Lạng Sơn và một số tỉnh khu vực Đông Bắc và Tây Bắc, để thực hiện tư vấn tuyển sinh trực tiếp cho đối tượng học sinh lớp 12.	Trung tâm TS chủ trì, các đơn vị phối hợp	Từ năm học 2022-2023
2	Thu hút nguồn Tuyển sinh	Đẩy mạnh chính sách thu hút học sinh như miễn giảm học phí toàn khóa, cấp học bổng, tạo việc làm cho SV và cam kết đảm bảo giới thiệu việc làm cho SV tốt nghiệp.	Trung tâm TS, P.TC-KT	
3	Nâng cao chất lượng	Tăng cường quan tâm nâng chất lượng đào tạo, bổ sung xây dựng cơ sở vật chất, nâng chất lượng đảm bảo ăn, ở của ký túc xá và các điều kiện dịch vụ sinh hoạt cho SV	P. QLĐT P.TC-HC-QT P.TC-KT	

4. Mức đánh giá

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Tự đánh giá
Tiêu chuẩn 13	5.0
Tiêu chí 13.1	5.0
Tiêu chí 13.2	5.0
Tiêu chí 13.3	5.0
Tiêu chí 13.4	5.0
Tiêu chí 13.5	5.0

Tiêu chuẩn 14. Thiết kế và rà soát chương trình dạy học

Tiêu chí 14.1. Xây dựng hệ thống để thiết kế, phát triển, giám sát, rà soát, thẩm định, phê duyệt và ban hành các chương trình dạy học cho tất cả các chương trình đào tạo và các môn học/học phần có sự đóng góp và phản hồi của các bên liên quan

Để xây dựng và phát triển CTDH một cách có hệ thống, đáp ứng các quy định của Bộ GD&ĐT, Nhà trường phân công Phòng QLĐT xây dựng văn bản quy định về xây dựng, điều chỉnh CTDH của Trường [H14.14.01.01], [H14.14.01.02], [H14.14.01.03], [H14.14.01.04], [H14.14.01.05]. Phòng QLĐT tham khảo các văn bản hướng dẫn của Bộ GD&ĐT để tiến hành xây dựng dự thảo quy định xây dựng, điều chỉnh CTDH của Trường, thông qua cuộc họp với lãnh đạo các đơn vị để lấy ý kiến góp ý, chỉnh sửa dự thảo dựa trên ý kiến góp ý của các đơn vị và trình Hiệu trưởng ký ban hành [H14.14.01.06], [H14.14.01.07], [H14.14.01.08], [H14.14.01.09], [H14.14.01.10]. Trong quy định xây dựng, điều chỉnh CTDH của Nhà trường ban hành có phân công trách nhiệm cụ thể cho các đơn vị và cá nhân liên quan trong quá trình xây dựng, rà soát, thẩm định, phê duyệt và ban hành CTDH của Trường. Theo đó, Phòng QLĐT chịu trách nhiệm quản lý chung về đào tạo, xây dựng và ban hành các quy định về đào tạo, các Khoa trên cơ sở chỉ đạo chung từ Phòng QLĐT sẽ xây dựng kế hoạch cụ thể cho khoa và triển khai thực hiện [H14.14.01.11]. Bên cạnh đó, trong quá trình triển khai thực hiện xây dựng, điều chỉnh các CTDH và đề cương môn học/học phần, Nhà trường thành lập các tổ soạn thảo CTĐT và ĐCCT, Hội đồng thẩm định CTĐT [H14.14.01.12]. Khi triển khai thực hiện, Nhà trường gửi văn bản quy định xây dựng, điều chỉnh CTDH đến các đơn vị và địa chỉ email của các đơn vị để thông báo đến CB, GV, NV biết và thực hiện [H14.14.01.13], [H14.14.01.14], [H14.14.01.15]. Ngoài ra, quy định xây dựng, điều chỉnh CTDH của Nhà trường ban hành được đăng tải trên website của Trường và của Phòng QLĐT [H14.14.01.16], [H14.14.01.17].

Nhà trường đồng thời phân công trách nhiệm cho Phòng QLĐT xây dựng văn bản quy định về xây dựng và ban hành ĐCCT học phần. Phòng QLĐT tham

khảo các văn bản hướng dẫn của Bộ GD&ĐT và ĐCCT học phần của các trường ĐH để xây dựng dự thảo, thông qua cuộc họp với lãnh đạo các đơn vị để lấy ý kiến góp ý, chỉnh sửa dự thảo dựa trên ý kiến góp ý của các đơn vị và trình Hiệu trưởng ký ban hành. Trong quy định xây dựng và ban hành ĐCCT học phần của Nhà trường ban hành có phân công trách nhiệm cụ thể cho các đơn vị và cá nhân liên quan trong quá trình xây dựng, rà soát, thẩm định, phê duyệt và ban hành đề cương môn học/học phần. Theo đó Phòng QLĐT chịu trách nhiệm quản lý chung, phân công cho các Khoa chịu trách nhiệm xây dựng, rà soát, thẩm định, phê duyệt và ban hành ĐCCT môn học/học phần, trên cơ sở đó các Khoa phân công cho giảng viên giảng dạy học phần nào xây dựng đề cương chi tiết học phần đó. Nhà trường gửi văn bản quy định xây dựng và ban hành ĐCCT học phần đến các đơn vị và địa chỉ email của các đơn vị để thông báo đến GV biết và thực hiện. Ngoài ra, quy định xây dựng và ban hành ĐCCT học phần của Nhà trường ban hành được đăng tải trên website của Trường và của Phòng QLĐT.

Trong văn bản quy định xây dựng, điều chỉnh CTDH cũng như văn bản quy định về xây dựng và ban hành ĐCCT học phần do Nhà trường ban hành có nêu yêu cầu về việc triển khai lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan khi xây dựng, phát triển, rà soát, thẩm định CTDH, đề cương môn học/học phần [H14.14.01.18], [H14.14.01.19]. Nhà trường phân công trách nhiệm cho Phòng KT&ĐBCLGD là đơn vị chủ trì triển khai lấy ý kiến các bên liên quan khi xây dựng, phát triển, rà soát, thẩm định CTDH, đề cương môn học/học phần [H14.14.01.20]. Phòng KT&ĐBCLGD xây dựng kế hoạch và phối hợp với các đơn vị để lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan để xây dựng, phát triển, rà soát, thẩm định CTDH, đề cương môn học/học phần, trong đó Phòng QLĐT lấy ý kiến của GV; Phòng KT&ĐBCLGD lấy ý kiến của SV; Phòng CTSV lấy ý kiến của cựu SV, khoa chuyên ngành phù hợp, và doanh nghiệp sử dụng lao động [H14.14.01.21], [H14.14.01.22], [H14.14.01.26]. Đối với GV và SV, Nhà trường triển khai lấy ý kiến bằng phiếu hỏi. Đối với cựu SV, Nhà trường lấy ý kiến thông qua điện thoại, [H14.14.01.23], [H14.14.01.24]. Ý kiến khảo sát các

bên liên quan khi xây dựng, phát triển, rà soát, thẩm định CTDH, đề cương môn học/học phần được tổng hợp về Phòng KT&ĐBCLGD để xử lý dữ liệu và gửi kết quả khảo sát đến Phòng QLĐT, đặc biệt gửi đến các Khoa để sử dụng trong quá trình xây dựng, điều chỉnh CTDH cũng như đề cương môn học/học phần [H14.14.01.25]. Tuy nhiên, việc xin ý kiến bằng phiếu cũng có những hạn chế nhất định, các ý kiến đưa ra phần lớn đều đồng thuận với những gì dự kiến trong bảng hỏi. Trước khi ban hành Quy trình xây dựng, phát triển, rà soát, thẩm định CTDH [H14.14.01.28], Nhà trường còn thông qua Hội đồng KHĐT [H14.14.01.27].

Tự đánh giá: 5/7

Tiêu chí 14.2. Có hệ thống xây dựng, rà soát, điều chỉnh chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo và các môn học/học phần để phù hợp với nhu cầu của các bên liên quan

Để thực hiện xây dựng, rà soát và điều chỉnh CDR của CTĐT và các học phần phù hợp với nhu cầu của các bên liên quan, Nhà trường đã xây dựng và ban hành các quy định về xây dựng quy trình thiết kế và phát triển chương trình dạy học hệ đại học chính quy/môn học/học phần [H14.14.02.01], [H14.14.02.02], [H14.14.02.03], [H14.14.02.04], [H14.14.02.05]. Theo quy định xây dựng, điều chỉnh CTDH của Nhà trường ban hành có phân công trách nhiệm cụ thể cho các đơn vị và cá nhân liên quan trong quá trình xây dựng, điều chỉnh CDR CTĐT/môn học/học phần [H14.14.02.06], [H14.14.02.07]. Theo đó đơn vị phụ trách chính là các Khoa chuyên môn, phối hợp với Phòng QLĐT để thực hiện rà soát, điều chỉnh CDR CTĐT, khảo sát nhu cầu thị trường lao động liên quan đến chuẩn đầu ra, thông qua Hội đồng xây dựng và thẩm định CTDH và ĐCCT môn học/học phần, sau đó được Hội đồng KH&ĐT xem xét trước khi trình Hiệu trưởng ký ban hành [H14.14.02.08]. [H14.14.02.09], [H14.14.02.10], [H14.14.02.11], [H14.14.02.12], [H14.14.02.13], [H14.14.02.14], [H14.14.02.15].

Trong văn bản quy định xây dựng, điều chỉnh CTDH do Nhà trường ban hành có nêu yêu cầu về việc triển khai lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan

khi xây dựng và điều chỉnh CĐR cho CTĐT/môn học/học phần [H14.14.02.16], [H14.14.02.17]. Nhà trường phân công trách nhiệm cho Phòng KT&ĐBCLGD là đơn vị chủ trì triển khai lấy ý kiến các bên liên quan khi xây dựng và điều chỉnh CĐR cho CTĐT/môn học/học phần [H14.14.02.18]. Phòng KT&ĐBCLGD xây dựng kế hoạch và phối hợp với các đơn vị để lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan để xây dựng và điều chỉnh CĐR cho CTĐT/môn học/học phần, trong đó Phòng QLĐT lấy ý kiến của GV; Phòng KT&ĐBCLGD lấy ý kiến của SV; Phòng CTSV lấy ý kiến của cựu SV và doanh nghiệp sử dụng lao động [H14.14.02.19]. Đối với GV và SV, Nhà trường triển khai lấy ý kiến bằng phiếu hỏi [H14.14.02.20], [H14.14.02.21]. Đối với cựu SV, Nhà trường lấy ý kiến thông qua điện thoại [H14.14.02.22]. Ý kiến khảo sát các bên liên quan khi xây dựng và điều chỉnh CĐR cho CTĐT/môn học/học phần được tổng hợp về Phòng KT&ĐBCLGD để xử lý dữ liệu và gửi kết quả khảo sát đến Phòng QLĐT, đặc biệt các Khoa để sử dụng trong quá trình xây dựng và điều chỉnh CĐR cho CTĐT/môn học/học phần [H14.14.02.23].

Hiệu trưởng Nhà trường ký ban hành CĐR của các CTĐT/các môn học/học phần [H14.14.02.24]. Phòng QLĐT gửi quyết định ban hành CĐR của các CTĐT/các môn học/học phần đến các Khoa để thông báo đến GV và SV biết [H14.14.02.25]. CĐR của các CTĐT/các môn học/học phần được đăng tải trên website của Nhà trường và của Phòng QLĐT [H14.14.02.26], [H14.14.02.27]. CĐR của các CTĐT/các môn học/học phần được phổ biến đến SV tại tuần sinh hoạt công dân đầu khóa học, đầu năm học [H14.14.02.28]. GV giảng dạy thông báo CĐR của các môn học/học phần ngay tại buổi học đầu tiên của môn học/học phần [H14.14.02.29], [H14.14.02.30], [H14.14.02.31]. Bên cạnh đó, định kỳ 02 năm/lần, Nhà trường triển khai rà soát, điều chỉnh CĐR của các CTĐT/các môn học/học phần [H14.14.02.32], [H14.14.02.33], [H14.14.02.34]. Tháng 8 năm 2015, tháng 8 năm 2017, tháng 8 năm 2019 và tháng 10 năm 2021, Nhà trường đã tiến hành rà soát và ban hành CĐR của các CTĐT/các môn học/học phần đã được điều chỉnh [H14.14.02.35].

Tự đánh giá: 5/7

Tiêu chí 14.3. Các đề cương môn học/học phần, kế hoạch giảng dạy của chương trình đào tạo và các môn học/học phần được văn bản hóa, phổ biến và thực hiện dựa trên chuẩn đầu ra

Tất cả các học phần trong các CTĐT đều có đề cương môn học theo mẫu thống nhất và được Nhà trường văn bản hóa bằng các quyết định ban hành [H14.14.03.01]. Đề cương học phần được ghi đầy đủ các thông tin theo đúng quy định, bao gồm: Tên môn học; Mã môn học; số tín chỉ; Thời lượng giảng dạy, lý thuyết, bài tập, thực hành, thực tập; Thuộc chương trình đào tạo; Phương pháp đánh giá phù hợp với chuẩn đầu ra; Điều kiện ràng buộc môn học; Nội dung tóm tắt môn học; Các giảng viên tham gia giảng dạy; Các tài liệu sử dụng giảng dạy; Nội dung chi tiết giảng dạy; Chuẩn đầu ra môn học; Phương pháp giảng dạy để đạt chuẩn đầu ra [H14.14.03.01] [H14.14.02.02], [H14.14.02.03]. Ban chủ nhiệm các Khoa triển khai để GV các bộ môn tiến hành xây dựng ĐCCT môn học/học phần, trong đó chú trọng đến việc đạt được CĐR của CTĐT [H14.14.03.04]. GV các bộ môn tiến hành xây dựng ĐCCT môn học/học phần đảm bảo đạt CĐR của học phần và CĐR của CTĐT. Các Khoa tổng hợp ĐCCT môn học/học phần do GV biên soạn và gửi về Phòng QLĐT để trình Hiệu trưởng ký ban hành [H14.14.03.05], [H14.14.02.06]. Bên cạnh đó, đầu mỗi học kỳ, căn cứ vào kế hoạch giảng dạy của Nhà trường, Khoa phân công GV giảng dạy và gửi về Phòng QLĐT [H14.14.03.07], [H14.14.03.08], [H14.14.03.09]. Phòng QLĐT xây dựng thời khóa biểu trong toàn trường và thông báo thời khóa biểu đến tất cả GV thông qua hệ thống quản lý đào tạo [H14.14.03.10], [H14.14.03.11], [H14.14.03.12]. Căn cứ thời khóa biểu của Nhà trường và ĐCCT môn học/học phần đã được phê duyệt, GV xây dựng kế hoạch giảng dạy (lịch trình giảng dạy) của cá nhân, trong đó thể hiện rõ nội dung giảng dạy, số tiết giảng dạy tương ứng để đạt được CĐR của học phần đã được xác định [H14.14.03.13], [H14.14.02.14].

Nhà trường áp dụng nhiều hình thức thông báo đề cương các môn học/học phần, kế hoạch giảng dạy đến người học thông qua website của nhà trường, tuần sinh hoạt công dân, các buổi sinh hoạt lớp [H14.14.03.15], [H14.14.03.16],

[H14.14.03.17], [H14.14.03.18], [H14.14.03.19], [H14.14.03.20]. Bên cạnh đó, GV phổ biến đến người học về đề cương các môn học/học phần, kế hoạch giảng dạy tại buổi học đầu tiên [H14.14.03.21], [H14.14.03.22]. Ngoài ra, Nhà trường đăng tải ĐCCT học phần, kế hoạch giảng dạy trên website của Nhà trường, của Phòng QLĐT [H14.14.03.23], [H14.14.03.24].

Nhà trường quán triệt và yêu cầu các Khoa triển khai thực hiện hoạt động giảng dạy của GV theo đúng kế hoạch giảng dạy và hướng đến đạt CĐR của môn học/học phần [H14.14.03.25]. Tại các buổi họp Khoa, Ban chủ nhiệm Khoa luôn quán triệt, nhắc nhở GV triển khai các hoạt động dạy học theo kế hoạch và hướng tới đạt CĐR [H14.14.03.26]. Các Khoa thường xuyên giám sát công tác giảng dạy của GV theo kế hoạch và hướng tới đạt CĐR thông qua các buổi dự giờ [H14.14.03.27], [H14.14.03.28]. Ngoài ra, Phòng Thanh tra thường xuyên triển khai hoạt động giám sát kế hoạch giảng dạy của GV toàn trường [H14.14.03.29], [H14.14.03.30]. Trong báo cáo tổng kết năm học của Nhà trường hằng năm luôn có nội dung đánh giá về việc triển khai các hoạt động giảng dạy của GV [H14.14.03.31], [H14.14.03.32].

Tự đánh giá: 5/7

Tiêu chí 14.4. Việc rà soát quy trình thiết kế, đánh giá và rà soát chương trình dạy học được thực hiện

Quy trình thiết kế và quy trình đánh giá CTDH được nêu rõ trong văn bản quy định của Nhà trường về xây dựng, điều chỉnh CTDH [H14.14.04.01]. Nhà trường phân công Phòng QLĐT thực hiện việc rà soát quy trình thiết kế và quy trình đánh giá chương trình dạy học do Nhà trường ban hành [H14.14.04.02], [H14.14.04.03], [H14.14.04.04]. Phòng QLĐT tổ chức họp với các Khoa để rà soát, đánh giá quy trình thiết kế và quy trình đánh giá CTDH và dựa trên ý kiến góp ý của các Khoa để đề xuất BGH Nhà trường những nội dung điều chỉnh, bổ sung đối với quy trình thiết kế và quy trình đánh giá CTDH của Trường [H14.14.04.05], [H14.14.04.06], [H14.14.04.07], [H14.14.04.08]. Năm 2015 Hiệu trưởng Nhà trường ký ban hành văn bản quy định về xây dựng, điều chỉnh CTDH đã được điều chỉnh, trong đó có điều chỉnh về quy trình thiết kế và quy

trình đánh giá CTDH của Trường [H14.14.04.09], [H14.14.04.10]. Quy trình thiết kế và quy trình đánh giá CTDH sau khi rà soát đã được gửi đến các đơn vị để thông báo đến GV và được các Khoa thông báo đến GV tại các cuộc họp của Khoa cũng như đăng tải trên website của Nhà trường [H14.14.04.11], [H14.14.04.12], [H14.14.04.13].

Trong văn bản quy định về xây dựng, điều chỉnh CTDH của Nhà trường có nêu rõ yêu cầu về việc định kỳ 02 năm/lần triển khai rà soát CTDH, trong đó yêu cầu phải tham khảo các CTDH tiên tiến trong nước/quốc tế và lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan [H14.14.04.01], [H14.14.04.14], [H14.14.04.15], [H14.14.04.16], [H14.14.04.17]. Năm 2015, năm 2017, năm 2019 và năm 2021, Nhà trường ban hành kế hoạch rà soát, điều chỉnh CTDH, trong đó phân công trách nhiệm Phòng QLĐT là đơn vị chủ trì phối hợp với các Khoa để thực hiện và Phòng KT&ĐBCLGD là đơn vị triển khai lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan [H14.14.04.02], [H14.14.04.15], [H14.14.04.18], [H14.14.04.19], [H14.14.04.20]. Phòng QLĐT họp triển khai để các Khoa thực hiện rà soát, điều chỉnh CTDH theo quy định [H14.14.04.21]. Các Khoa đã họp rà soát, điều chỉnh CTDH trong đó tham khảo các CTDH tiên tiến trong nước và quốc tế như Đại học Thương mại, Đại học Hà Nội, Đại học Boise State..., đồng thời tham khảo kết quả khảo sát ý kiến phản hồi của các bên liên quan do Phòng KT&ĐBCLGD thực hiện và gửi đến các Khoa [H14.14.04.22], [H14.14.04.23], [H14.14.04.24]. Tiếp theo đó, Hội đồng Khoa học Đào tạo của Trường họp thông qua các CTDH của các Khoa được rà soát, điều chỉnh [H14.14.04.25], [H14.14.04.26]. Trên cơ sở ý kiến thống nhất của Hội đồng Khoa học Đào tạo của Nhà trường, Hiệu trưởng ký ban hành các CTDH được điều chỉnh. Nhà trường đã ban hành các CTDH được điều chỉnh vào năm 2015, năm 2017, năm 2019 và năm 2021 [H14.14.04.27].

Tự đánh giá: 5/7

Tiêu chí 14.5. Quy trình thiết kế, đánh giá và chương trình dạy học được cải tiến để đảm bảo sự phù hợp và cập nhật nhằm đáp ứng nhu cầu luôn thay đổi của các bên liên quan

Trong giai đoạn 2015-2021, sau khi Thông tư số 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16 tháng 4 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT được ban hành, Nhà trường đã tiến hành điều chỉnh văn bản quy định về rà soát, điều chỉnh CTDH [H14.14.05.01], [H14.14.05.02]. Phòng QLĐT xây dựng dự thảo về điều chỉnh quy định rà soát, điều chỉnh CTDH của Nhà trường, triển khai lấy ý kiến của các Khoa, thực hiện điều chỉnh dự thảo dựa trên ý kiến góp ý của các Khoa, họp với BGH và lãnh đạo các đơn vị để thông qua dự thảo điều chỉnh, cải tiến văn bản quy định về rà soát, điều chỉnh CTDH [H14.14.05.03], [H14.14.05.04], [H14.14.05.05], [H14.14.05.06], [H14.14.05.07], [H14.14.05.08], [H14.14.05.09]. Trên cơ sở các ý kiến thống nhất, Hiệu trưởng ký ban hành văn bản quy định về rà soát, điều chỉnh CTDH đã được cải tiến [H14.14.05.07], [H14.14.05.08]. Trong văn bản quy định về rà soát, điều chỉnh CTDH đã được cải tiến thể hiện sự điều chỉnh, cải tiến về quy trình thiết kế, đánh giá, trong đó năm 2017, bổ sung nhiệm vụ của Khoa là phụ trách thiết kế hoạt động dạy và học chi tiết và tổ chức rà soát đề cương môn học cùng với Bộ môn. Năm 2019, Bộ môn tham gia vào quá trình xác định cấu trúc, khối lượng kiến thức cần thiết của chương trình đào tạo và thiết kế chương trình đào tạo đảm bảo mục tiêu chuẩn đầu ra. Sau khi hoàn thiện, Phòng QLĐT gửi văn bản quy định về rà soát, điều chỉnh CTDH đã được cải tiến đến các đơn vị và gửi đến địa chỉ email của các đơn vị để thông báo đến GV biết và thực hiện [H14.14.05.10], [H14.14.05.11], [H14.14.05.12]. Bên cạnh đó, văn bản quy định về rà soát, điều chỉnh CTDH đã được cải tiến được gửi đến địa chỉ email nội bộ của GV và đăng tải trên website của Trường [H14.14.05.13], [H14.14.05.14].

Các CTDH đã được điều chỉnh, cải tiến, sau khi được Hiệu trưởng Nhà trường ký ban hành đã được Phòng QLĐT gửi đến các Khoa để thông báo, phổ biến đến GV, SV [H14.14.05.15], [H14.14.05.16]. Bên cạnh đó, các CTDH đã được điều chỉnh, cải tiến được gửi đến địa chỉ email nội bộ của GV, đồng thời được Ban chủ nhiệm các Khoa phổ biến tại các cuộc họp của Khoa [H14.14.05.12], [H14.14.05.14], [H14.14.05.15], [H14.14.05.16]. Đối với SV, Nhà trường phổ biến đến SV về CTDH đã được điều chỉnh, cải tiến tại tuần sinh

hoạt công dân đầu khóa học và đầu năm học cũng như được cố vấn học tập thông báo tại các buổi sinh hoạt lớp [H14.14.05.17], [H14.14.05.18]. Ngoài ra, các CTDH đã được điều chỉnh, cải tiến được đăng tải trên website của Nhà trường [H14.14.05.14].

Trong quá trình triển khai rà soát, điều chỉnh CTDH, Nhà trường yêu cầu các Khoa tuân thủ các nội dung được quy định trong văn bản quy định về rà soát, điều chỉnh CTDH do Trường ban hành, trong đó đảm bảo có các học phần được cấu trúc đảm bảo sự gắn kết và liên mạch, có tỷ lệ cân đối giữa kiến thức chung, kiến thức chuyên ngành và kỹ năng mềm; thời gian và trình tự bố trí các học phần/môn học hợp lý, logic [H14.14.05.07], [H14.14.05.08]. Trên cơ sở đó, các Khoa phổ biến, yêu cầu các Bộ môn và GV trong quá trình xây dựng, rà soát, điều chỉnh CTDH tuân thủ yêu cầu các học phần được cấu trúc đảm bảo sự gắn kết và liên mạch, có tỷ lệ cân đối giữa kiến thức chung, kiến thức chuyên ngành và kỹ năng mềm; thời gian và trình tự bố trí các học phần/môn học hợp lý, logic [H14.14.05.19]. Bên cạnh đó, Hội đồng Khoa học Trường khi thông qua các CTDH luôn xem xét, đánh giá kỹ về nội dung các học phần được cấu trúc đảm bảo sự gắn kết và liên mạch, có tỷ lệ cân đối giữa kiến thức chung, kiến thức chuyên ngành và kỹ năng mềm; thời gian và trình tự bố trí các học phần/môn học hợp lý, logic [H14.14.05.20]. Kết quả khảo sát ý kiến của SV trước khi tốt nghiệp do Phòng KT&ĐBCLGD tổ chức hằng năm cho thấy các học phần của CTDH được cấu trúc đảm bảo sự gắn kết và liên mạch, có tỷ lệ cân đối giữa kiến thức chung, kiến thức chuyên ngành và kỹ năng mềm; thời gian và trình tự bố trí các học phần/môn học hợp lý, logic [H14.14.05.21], [H14.14.05.22] [H14.14.05.23], [H14.14.05.24], [H14.14.05.25].

Trong chu kỳ 5 năm từ 2017-2022, Nhà trường đã ban hành 3 phiên bản CTĐT và đã thực hiện đối sánh với khung CTĐT ccas năm trước của Nhà trường và của một số CTDH trong nước và Quốc tế [H14.14.05.23], [H14.14.05.26], [H14.14.05.27].

Tự đánh giá: 5/7

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 14:

1. Tóm tắt các điểm mạnh

- Nhà trường ban hành văn bản quy định xây dựng, điều chỉnh CTDH và ĐCCT các học phần/môn học đảm bảo các quy định của Bộ GD&ĐT.
- Trong quá trình xây dựng các văn bản quy định xây dựng, điều chỉnh CTDH và ĐCCT các học phần/môn học, Phòng QLĐT đã tổ chức họp để lấy ý kiến của các đơn vị, đặc biệt là các Khoa.
- Nhà trường thông báo quy định xây dựng, điều chỉnh CTDH và ĐCCT các học phần/môn học đến các Khoa để phổ biến đến GV thực hiện.
- Các CTDH, CDR của các CTĐT và của các môn học/học phần, các ĐCCT các học phần/môn học được Nhà trường triển khai xây dựng, ban hành và phổ biến đến GV, SV của Trường.
- Các văn bản quy định xây dựng, điều chỉnh CTDH và ĐCCT các học phần/môn học, CDR của các CTĐT và của các môn học/học phần được đăng tải trên website của Nhà trường.
- Các hoạt động dạy học của Nhà trường được triển khai theo kế hoạch, hướng tới đạt được chuẩn đầu ra.
- Phòng QLĐT triển khai rà soát, đánh giá quy trình xây dựng và quy trình đánh giá CTDH và đề xuất BGH Nhà trường ban hành quy trình xây dựng và quy trình đánh giá CTDH đã được điều chỉnh, cải tiến dựa trên kết quả rà soát.
- Định kỳ 02 năm/lần, Nhà trường triển khai để các Khoa tiến hành rà soát, điều chỉnh CTDH và ban hành các CTDH đã được điều chỉnh, cải tiến.
- Nhà trường công bố và phổ biến các CTDH đã được điều chỉnh, cải tiến đến GV và SV biết để thực hiện.
- Các CTDH của Nhà trường được xây dựng, điều chỉnh đảm bảo có các học phần được cấu trúc đảm bảo sự gắn kết và liên mạch, có tỷ lệ cân đối giữa kiến thức chung, kiến thức chuyên ngành và kỹ năng mềm; thời gian và trình tự bố trí các học phần/môn học hợp lý, logic.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại

Do Nhà trường chưa có bộ phận chuyên trách về phát triển CTĐT và chủ yếu do phòng QLĐT và các Khoa thực hiện nên tính đồng bộ, thống nhất giữa các đơn vị đôi lúc còn chưa đảm bảo.

3. Kế hoạch cải tiến:

Năm học 2022-2023, Phòng QLĐT phân công nhân sự chuyên trách về phát triển CTĐT và tăng cường kiểm tra, giám sát nhằm đảm bảo tính thống nhất của các Khoa trong việc xây dựng, điều chỉnh CTDH.

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện (bắt đầu và hoàn thành)
1	Khắc phục tồn tại	Nhà trường tăng cường kiểm tra, giám sát nhằm đảm bảo tính thống nhất của các Khoa trong việc xây dựng, điều chỉnh CTDH	BGH, Các khoa	Từ 2023
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục tổ chức tập huấn, hội thảo để toàn thể giảng viên nắm vững phương pháp giảng dạy theo chuẩn đầu ra - OBE (Outcome – based education).	Các khoa, giảng viên, P.QLĐT	Từ 2023

4. Mức đánh giá

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Tự đánh giá
Tiêu chuẩn 14	5.0
Tiêu chí 14.1	5.0
Tiêu chí 14.2	5.0
Tiêu chí 14.3	5.0
Tiêu chí 14.4	5.0
Tiêu chí 14.5	5.0

Tiêu chuẩn 15. Giảng dạy và học tập

Tiêu chí 15.1. Thiết lập được hệ thống lựa chọn các hoạt động dạy và học phù hợp triết lý giáo dục và để đạt được chuẩn đầu ra

Triết lý giáo dục được hiểu là những quan điểm, tư tưởng chủ đạo, cốt lõi phản ánh một cách khái quát dưới dạng mệnh đề cô đúc, ngắn gọn về mục đích của giáo dục nhằm đáp ứng các yêu cầu của xã hội trong một giai đoạn lịch sử cụ thể, có tác dụng định hướng hành động cho con người. Xét theo các mối quan hệ, thì triết lý giáo dục là một tư tưởng giáo dục xuất phát từ nhu cầu nhu cầu thực tiễn, tồn tại trên nền tảng của văn hóa, chịu sự chi phối của ý thức hệ,

hướng đến lý tưởng, là cơ sở nhằm xác lập các nguyên lý thực hành trong giáo dục. Triết lý giáo dục của Trường Đại học Kinh Bắc thể hiện rõ cách tiếp cận dạy và học của Nhà trường, được phát biểu: “*Giáo dục toàn diện – Chắp cánh tương lai*” [H15.15.01.01]; triết lý giáo dục này hoàn toàn phù hợp với NT là trường đại học phát triển theo định hướng ứng dụng; đồng thời triết lý giáo dục NT cũng hoàn toàn phù hợp với mục tiêu Chiến lược phát triển Trường giai đoạn 2012-2020, tầm nhìn 2025 “*Trường Đại học Kinh Bắc xác định mục tiêu đào tạo định hướng ứng dụng nghề nghiệp trong các lĩnh vực Kinh tế, Công nghệ thông tin, Du lịch, truyền thông và Mỹ thuật...*” [H15.15.01.02].

Triết lý giáo dục NT đã trở thành kim chỉ Nam cho mọi hành động; ngay trong Sứ mạng- Tầm nhìn Trường cũng được xác định: “*Đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, đẩy mạnh nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ, cung cấp dịch vụ chuyên môn đa lĩnh vực, đáp ứng sự nghiệp phát triển kinh tế xã hội của đất nước và hội nhập quốc tế*” [H15.15.01.03], [H15.15.01.14], [H15.15.01.15].

MT và Triết lý giáo dục được công khai trên cổng thông tin điện tử của Trường: www.daihockinhbac.edu.vn

Triết lý giáo dục của Đại học Kinh Bắc (UKB) cũng hoàn toàn phù hợp với mục tiêu chung của GDĐH Việt Nam là giúp cho người học phát triển toàn diện, học tập có chất lượng, xác định nội dung và phương pháp dạy học để người học có khả năng thích ứng với giáo dục trong thời đại toàn cầu hoá; đáp ứng các yêu cầu quy định về chuẩn kiến thức- kỹ năng đối với các trình độ đào tạo của Bộ GD-ĐT: Thông tư số 07/2015/TT-BGDĐT về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học, Quy chế đào tạo theo hệ thống tín chỉ (Quyết định 43/2007/QĐ-BGDĐT, Thông tư 57/2012/TT-BGDĐT) [H15.15.01.04], [H15.15.01.05].

Để đạt được mục tiêu giáo dục đã đề ra, Nhà trường đã có các văn bản quy định, hướng dẫn về việc xác định, lựa chọn các hoạt động dạy và học phù hợp với triết lý giáo dục. Trong quy định đào tạo trình độ đại học theo hệ thống

tín chỉ, đã quy định rõ hình thức và phương pháp tổ chức đào tạo theo hệ thống tín chỉ, là phương thức đào tạo tiên tiến hướng tới người học; Nhà trường đã định hướng các hoạt động dạy và học lấy SV làm trung tâm, giúp SV chủ động xây dựng kế hoạch học tập, biến quá trình đào tạo thành quá trình tự đào tạo. Trên cơ sở các thông tư, hướng dẫn của Bộ GD-ĐT, Trường đã ban hành các quy chế, quy định và hướng dẫn các hoạt động giảng dạy và học tập phù hợp với triết lý giáo dục, giá trị văn hóa của NT [H15.15.01.06] , [H15.15.01.16].

Ngoài ra, Trường còn có các quy định, hướng dẫn cách thức lựa chọn các hoạt động dạy và học phù hợp với triết lý giáo dục đối với mỗi ngành học/bậc học, cụ thể VD: Hướng dẫn quy định về thực hiện tiểu luận, seminar, bài tập, kiểm tra và đánh giá kết quả trong đào tạo hệ cao học thạc sĩ [H15.15.01.07]; Quy chế đào tạo theo hệ thống tín chỉ đối với trình độ ĐH, CĐ chính quy ([H15.15.01.08].

Trên cơ sở CDR các CTĐT đã được ban hành [H15.15.01.09], , [H15.15.01.17] , [H15.15.01.18] , [H15.15.01.19] Nhà trường ban hành các văn bản hướng dẫn xây dựng đề cương chi tiết các học phần, trong đó có các yêu cầu về xác định/lựa chọn các hoạt động dạy và học nhằm đạt được CDR [H15.15.01.10]; Khoa chuyên môn trong quá trình xây dựng đề cương chi tiết học phần/môn học đã cân nhắc, lựa chọn để xác định các hoạt động dạy và học đối với từng chương/bài cụ thể; Hội đồng khoa học khoa/viện đánh giá, nhận xét và trình Hội đồng khoa học Trường thẩm định, phê duyệt, sau đó được Hiệu trưởng ký ban hành đề cương chi tiết học phần/môn học [H15.15.01.11]; đề cương chi tiết đã chỉ rõ các hoạt động dạy và học cho từng học phần/môn học cụ thể theo CDR , [H15.15.01.22] , [H15.15.01.23] , [H15.15.01.24] , [H15.15.01.26]. Ngoài ra, các đơn vị chuyên môn còn có các quy định và hướng dẫn giảng dạy cho từng học phần đầu mỗi năm học để cập nhật kiến thức và cải tiến các hoạt động dạy- học [H15.15.01.12], , [H15.15.01.21] , [H15.15.01.25]. Trong lúc dịch covid 19 , nhà trường Hướng dẫn học trên zoom cho cán bộ và sinh viên [H15.15.01.26].

Các phương pháp kiểm tra - đánh giá người học cũng được lựa chọn dựa vào đặc thù của mỗi học phần/môn học nhằm hướng tới đạt được CDR và được

thông qua hội đồng khoa học Trường thẩm định [H15.15.01.13]. Các phương pháp kiểm tra - đánh giá người học cũng được đưa vào cuốn sổ tay sinh viên [H15.15.01.20].

Tự đánh giá: 5/7

Tiêu chí 15.2. Triển khai được hệ thống thu hút, tuyển chọn đội ngũ giảng viên, phân công nhiệm vụ dựa trên trình độ chuyên môn, năng lực, thành tích chuyên môn và kinh nghiệm

Nhà trường thực hiện chiến lược, chính sách thu hút, tuyển dụng, bổ nhiệm, phát triển đội ngũ giảng viên theo Chiến lược xây dựng và phát triển Trường ĐH Kinh Bắc giai đoạn 2013-2020 tầm nhìn 2025, đã đề ra yêu cầu về đội ngũ GV là “(1) Duy trì, ổn định đội ngũ giảng viên cơ hữu theo quy mô đào tạo, phấn đấu tăng tỷ lệ giảng viên có trình độ Tiến sĩ đạt từ 40-45% [H15.15.02.01]. Trong Kế hoạch thực hiện Chiến lược phát triển giảng viên đã đề ra chỉ tiêu phấn đấu “Phát triển đội ngũ giảng viên cơ hữu có chất lượng, trình độ từ cấp Thạc sĩ trở lên, có phẩm chất đạo đức tốt, chuyên môn, năng lực đạt chuẩn của Bộ Giáo dục – Đào tạo. Đến năm 2025, 100% giảng viên sau đại học, 35-40% GV có trình độ thạc sĩ trở lên, trong đó trên 40-45% có trình độ tiến sĩ; chức danh GS, PGS đến năm 2025 là 20-25%” [H15.15.02.02]. Nhà trường áp dụng nhiều chính sách thu hút GV như: Chế độ Bảo hiểm xã hội, ưu tiên giảng viên là con em địa phương, ưu tiên đi sớm về muộn đối với những giảng viên ở xa, giảng viên vừa tham gia giảng dạy vừa tham gia quản lý thì số tiết giảng được giảm đi [H15.15.02.03]. Bên cạnh đó, Nhà trường áp dụng chế độ khen thưởng GV có thành tích giảng dạy tốt để thu hút nhân tài và kích thích năng lực làm việc của GV thông qua Quy chế chi tiêu nội bộ; Quy chế trả lương cho CB, GV, NV; Quyết định thù lao giảng dạy năm học,...Chất lượng đào tạo gắn liền với chất lượng của đội ngũ GV; để có đội ngũ GV đảm bảo chất lượng và tâm huyết với nghề nghiệp, Nhà trường đã dựa trên Quyết định 58/2010/QĐ-TTg ngày 22/9/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc Ban hành điều lệ trường Đại học để làm quy định về nguyên tắc, tiêu chuẩn và quy trình tuyển dụng GV cơ hữu [H15.15.02.04], [H15.15.02.05], [H15.15.02.06],

[H15.15.02.07], [H15.15.02.08]. Dựa trên nguyên tắc, tiêu chuẩn và quy trình tuyển dụng GV cơ hữu, Nhà trường đã ban hành chính sách về thu hút giảng viên Trường Đại học Kinh Bắc [H15.15.02.13], lựa chọn được nhiều CB/GV có đầy đủ trình độ và kinh nghiệm trong các hoạt động dạy và học; bên cạnh đó, Trường còn có chính sách khuyến khích CB/GV nâng cao trình độ: CB/GV đi học thạc sĩ, tiến sĩ được giảm tiết giảng [H15.15.02.05]; trong 5 năm lại đây Trường đã tuyển chọn được nhiều CB/GV có trình độ chuyên môn cao [H15.15.02.05]. Để thu hút và tuyển chọn được đội ngũ GV có chất lượng và trình độ chuyên môn cao Nhà trường đã thường xuyên quan tâm đến chế độ đãi ngộ đối với CB/GV; Trường đã xây dựng quy chế trả lương cho GV [H15.15.02.06], để thực hiện các chế độ chính sách về tiền lương cho CB/GV một cách thỏa đáng với công sức của họ. Ngoài ra Trường còn ký hợp đồng thỉnh giảng với các giảng viên có kinh nghiệm ở các Trường Đại học, Viện nghiên cứu hay các Tập đoàn, công ty lớn để giảng dạy và hướng dẫn thực hành nghề [H15.15.02.19], [H15.15.02.20], [H15.15.02.21]. Nhà trường thực hiện tốt công tác phân công nhiệm vụ quản lý cho GV dựa trên trình độ chuyên môn, năng lực, thành tích chuyên môn và kinh nghiệm nghề nghiệp [H15.15.02.14], [H15.15.02.15], [H15.15.02.16], [H15.15.02.17], [H15.15.02.18].

Hàng năm, Trường điều chỉnh tăng mức thù lao giờ giảng cho CB/GV để giúp họ có cuộc sống ổn định, yên tâm công tác tại Trường. Quyết định số 728/QĐ-ĐHKB của Hiệu trưởng trường Đại học Kinh Bắc về điều mức thù lao giảng dạy cho giảng viên [H15.15.02.07] như sau: VD:

Bảng 15.1. Mức Thù lao giảng dạy

Ngạch	Bậc	Thù lao cho 1 tiết giảng (VNĐ)
Cử nhân	1	
	2	
	3	90.000
	4	
Thạc sĩ	Khối ngành sức khỏe	150.000
	Khối ngành khác	130.000
	Giảng viên chính ngành sức khỏe	160.000
	Giảng viên chính ngành	140.000

	khác	
TS	Khối ngành sức khỏe	170.000
	Khối ngành khác	150.000
	Giảng viên chính ngành sức khỏe	190.000
	Giảng viên chính ngành khác	160.000

BGH đã cử một cán bộ chuyên trách theo dõi thù lao tiết giảng cho GV, kịp thời điều chỉnh chế độ giờ giảng cho những GV đạt các mốc chuẩn nâng thù lao của Nhà trường đã quy định; GV bảo vệ thành công luận án tiến sĩ, có bằng trình Phòng TCCB là được làm thủ tục để nhận thù lao tiết giảng bậc 1 của ngạch tiến sĩ. Nhờ thực hiện kịp thời các chế độ nên đã tạo động lực cho GV trong học tập và giảng dạy.

Nhà trường đã giao cho các khoa/viện khi phân công nhiệm vụ cho giảng viên phải dựa trên trình độ chuyên môn, thành tích chuyên môn, năng lực và kinh nghiệm của họ; trên cơ sở đó các đơn vị đã xây dựng các bộ tiêu chí cụ thể đối với mỗi ngành học cụ thể trong phân công nhiệm vụ [H15.15.02.09], [H15.15.02.10], [H15.15.02.11], đã có những quy định cụ thể về chế độ làm việc cho GV, đó là dựa vào (i)*Định mức giờ giảng được Trường giao*, (ii)*Thâm niên giảng dạy tại Trường*, (iii)*Học hàm, học vị*, (iv)*Năng lực giảng dạy (xếp loại giỏi, khá, TB và yếu)*, (v)*Ý thức trách nhiệm* trên cơ sở đó Khoa lập bảng xác định hệ số phân công giờ giảng như bảng 15.2 sau đây:

Bảng 15.2 Bảng xác định hệ số phân công giờ giảng

Thâm niên Trình độ	Định mức giờ chuẩn	Quy đổi giờ hành chính
Thạc sỹ	270	810
Tiến sỹ	290	870
GS, PGS	300	900

Các bộ tiêu chí về phân công nhiệm vụ cho GV đã giúp các đơn vị thực hiện công khai, minh bạch và đúng với năng lực, kinh nghiệm của mỗi cá nhân; tạo động lực cho CB/GV trong quá trình thực hiện nhiệm vụ [H15.15.02.12].

Tự đánh giá: 5/7

Tiêu chí 15.3. Các hoạt động dạy và học thúc đẩy việc học tập suốt đời được tổ chức phù hợp để đạt được chuẩn đầu ra

Nhà trường đã tạo dựng được môi trường học tập đa dạng, tạo thuận lợi cho việc đạt được CDR, cho việc học tập, nghiên cứu và thúc đẩy NH tìm tòi học hỏi và khám phá kiến thức.

Tổng diện tích đất quy hoạch của Nhà trường được UBND tỉnh Bắc Ninh phê duyệt gần 30 ha, tuy nhiên Nhà trường hiện đang tạm làm việc, học tập, nghiên cứu tại CS 2 (16.292,7m²). với các hạng mục như khu điều hành, giảng đường, thư viện, trung tâm thực hành thực nghiệm và các công trình khác nhằm đáp ứng đủ nhu cầu hoạt động của Nhà trường. Các công trình xây dựng đều thực hiện theo quy định của bộ tiêu chuẩn TCVN 3981-85. Nhà trường có 01 Trung tâm tư liệu -Thư viện với tổng diện tích thư viện 300m², trong đó phòng đọc và phòng nghiệp vụ, phòng mượn trả. *Trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, thực nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập* 2.470m²; Phòng khám bệnh đa khoa chuẩn bị đưa vào hoạt động phục vụ khám chữa bệnh cho CB, SV hơn 500 m²; Có ký túc xá được Nhà trường thuê 1 toà 6 tầng giành riêng cho sinh viên, học viên. Có 3 Phòng ăn giành cho cán bộ và sinh viên khang trang, rộng rãi và tiện lợi.

Để các hoạt động dạy và học thúc đẩy việc học tập suốt đời được tổ chức phù hợp nhằm đạt được CDR, Trường ĐH Kinh Bắc đã tạo ra môi trường học tập đa dạng, phong phú cho người học. Hàng năm, căn cứ vào chương trình đào tạo [H15.15.03.01], Nhà trường đều xây dựng kế hoạch năm học [H15.15.03.02] và thời khóa biểu [H15.15.03.03] cụ thể cho từng ngành, từng khóa, từng lớp để tạo điều kiện thuận lợi cho việc học tập, nghiên cứu. Bên cạnh đó, Nhà trường còn ban hành các quyết định, các quy chế, quy định và hướng dẫn cụ thể đối với từng ngành học/bậc học trong công tác đào tạo nhằm làm đa dạng hóa các phương pháp dạy và học; trong Hội nghị tổ chức đổi mới phương pháp giảng dạy đã chỉ ra nhiệm vụ của GV đối với mỗi học phần, mỗi buổi lên lớp, nhiệm vụ và trách nhiệm của ban Chủ nhiệm khoa trong việc thúc đẩy người học khám phá kiến thức và nâng cao chất lượng [H15.15.03.04]; Quyết định về bảo vệ đồ án tốt nghiệp các ngành trường Đại học Kinh Bắc đã đặt ra yêu cầu đồ án tốt nghiệp (ĐATN) phải có tính hiện thực, đáp ứng yêu cầu

của thực tiễn xã hội, có thể lấy từ các công trình thực tế, hoặc nghiên cứu giải quyết những vấn đề cần thiết cho sự phát triển xã hội. Trong quy định về thực hiện các khâu: tiểu luận, seminar, bài tập, kiểm tra và đánh giá kết quả học tập đối với học viên (HV) cao học đã đặt ra yêu cầu HV phải thực hiện tiểu luận và seminar trong 1 khóa học nhằm giúp người học nghiên cứu sâu rộng hơn cả về lý thuyết và thực tiễn [H15.15.03.05]. Nhằm tạo điều kiện cho SV còn nợ tín chỉ có thể tích lũy đủ kiến thức theo CĐR để tốt nghiệp, Nhà trường đã có văn bản hướng dẫn học lại, thi lại [H15.15.03.06]; ngoài ra, Trường còn ban hành nhiều văn bản nhằm thúc đẩy việc học tập của người học tiến tới đạt được CĐR của ngành đào tạo [H15.15.03.07]. Các đơn vị chuyên môn đã tổ chức nhiều hội thảo, hội nghị về đổi mới phương pháp dạy – học trong đào tạo theo hệ thống tín chỉ, đào tạo khởi nghiệp đổi mới sáng tạo cho người học,...[H15.15.03.08].

Để triển khai các hoạt động học tập đa dạng, ngoài việc học tập tại giảng đường, người học còn được học tập tại các phòng thực hành, thí nghiệm của Trường (các phòng thực hành khối kỹ thuật- công nghệ; các phòng thí nghiệm khối sức khỏe; các phòng thực hành khối Du lịch) [H15.15.03.19], Nhà trường đã chi gần chục tỷ đồng để xây dựng các phòng thực hành thí nghiệm về khối sức khỏe, các phòng thực hành khối kỹ thuật, các phòng thực hành khối Du lịch [H15.15.03.09]. Trường còn phối hợp với các nhà máy, xí nghiệp/doanh nghiệp, các bệnh viện để đưa SV đi thực tập, thực hành và trải nghiệm: Nhà trường ký hợp đồng liên kết đào tạo với các doanh nghiệp [H15.15.03.10], [H15.15.03.18], [H15.15.03.20], [H15.15.03.25].

Thực hiện đề án hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia đến năm 2025 (Quyết định số 844/QĐ-TTg) và Quyết định số 1665/QĐ-TTg ngày 31/10/2017 về phê duyệt Đề án hỗ trợ học sinh, sinh viên khởi nghiệp đến năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ [H15.15.03.11], Trường đã thành lập câu lạc bộ SV khởi nghiệp, nhằm cung cấp cho SV những thông tin hữu ích trong hoạt động khởi nghiệp sáng tạo, các cơ chế chính sách của Nhà nước hỗ trợ cho SV khởi nghiệp, việc thực hiện đào tạo khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trong

trường đại học,... [H15.15.03.12], [H15.15.03.21], [H15.15.03.22], [H15.15.03.23].

Nhằm đưa các phương pháp, công nghệ hiện đại vào ứng dụng trong dạy và học, Nhà trường đã lắp đặt mạng internet phủ sóng toàn bộ khuôn viên để người học có thể truy cập liên tục phục vụ học tập; tài liệu học tập được bổ sung, cập nhật, thư viện mở cửa liên tục, tạo nên môi trường tự học thuận lợi cho SV; Trường đang xây dựng thư viện điện tử/sách điện tử phục vụ người học [H15.15.03.13]; Đặc biệt khối ngành sức khỏe và ngành du lịch là ngành học đòi hỏi được thực hành nhiều, Nhà trường đã dành toàn bộ tầng 7 và tầng 3 làm thực hành, thí nghiệm; các phòng thực hành/thí nghiệm được trang bị đầy đủ thiết bị, dụng cụ thực hành cho từng môn học. BGH giao cho các đơn vị chuyên môn tổ chức, hướng dẫn các hoạt động dạy và học thúc đẩy SV chủ động xây dựng kế hoạch học tập, tổ chức tự học bằng các hình thức khác nhau (qua mạng internet, theo nhóm, ceminer, bài tập lớn,...) để đạt kết quả cao trong học tập. Trong thời gian thực hiện giãn cách xã hội do đại dịch Covid19 vừa qua, Trường đã triển khai hình thức đào tạo trực tuyến; BGH ban hành các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn, triển khai thực hiện [H15.15.03.14]. Các khoa chuyên môn đã thực hiện thành công đề án hình thức dạy học trực tuyến và vẫn tiếp tục duy trì cho đến nay đối với những lớp học lý thuyết [H15.15.03.15].

Cùng với công tác giảng dạy trực tuyến trong thời gian giãn cách, Nhà trường cũng đã triển khai việc kiểm tra đánh giá bằng hình thức thi online. Nhà trường đã mua phần mềm thi online, sau đó cấp cho mỗi sinh viên một mã thi để truy cập vào thi. Vì vậy, việc kiểm tra đánh giá xếp loại vẫn diễn ra đúng tiến độ, không bị ảnh hưởng đến kế hoạch đào tạo của Nhà trường [H15.15.03.16]. Tuy nhiên, trong bối cảnh cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 hiện nay, các trường đại học cần đáp ứng hơn nữa nhu cầu của người học: cần được thực tế, thực nghiệm nhiều hơn tại các phòng học mô phỏng, phòng học ảo. Do vậy, Nhà trường cần đầu tư thêm những phòng học này để đáp ứng hơn nữa nhu cầu của người học hiện nay.

Tự đánh giá: 5/7

Tiêu chí 15.4. Các hoạt động dạy và học được giám sát và đánh giá để đảm bảo và cải tiến chất lượng

Nhà trường có hệ thống giám sát tất cả các hoạt động dạy và học hàng năm được cụ thể hóa tại các quy định về Quản lý công tác giảng dạy trên lớp của Trường Đại học Kinh Bắc và được giám sát bởi nhiều bên có liên quan như Phòng Thanh tra Pháp chế; Phòng Đào tạo; Phòng Khảo thí và ĐBCL; Khoa; Bộ môn. Nhà trường thực hiện giám sát chặt chẽ hoạt động dạy của giảng viên. Phòng đào tạo thực hiện việc sắp xếp thời khóa biểu, giảng viên lên lớp dạy theo đúng thời khóa biểu do Phòng đào tạo công bố.

Trường thành lập các đoàn thanh tra để kiểm tra/ đánh giá các mặt hoạt động của các đơn vị chuyên môn, trong đó có kiểm tra/ đánh giá các hoạt động dạy và học [H15.15.04.01]; kết luận thanh tra đã giúp cho các đơn vị chuyên môn chấn chỉnh nền nếp và cải tiến chất lượng các hoạt động dạy và học [H15.15.04.02]; kết luận thanh tra khoa có lịch trình giảng dạy, bảng phân công giờ giảng, có sổ ký giảng hàng ngày và phối hợp với giám thị học đường kiểm tra giờ lên lớp của GV; có tổ chức dự giờ theo kế hoạch,... [H15.15.04.03]; tuy nhiên khoa còn có một số GV lên lớp muộn và tan học sớm, phân công giảng dạy chưa hợp lý,... [H15.15.04.04].

Đầu mỗi năm học, Phòng Quản lý đào tạo thông báo kế hoạch đào tạo của học kỳ và cả năm học để các khoa/viện phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức thực hiện; đồng thời đây cũng là kênh thông tin để Nhà trường theo dõi, giám sát tiến độ thực hiện kế hoạch giảng dạy và học tập của GV và SV [H15.15.04.05]. Bên cạnh đó Nhà trường còn thực hiện Quy định về kỷ cương học đường nhằm giám sát và đánh giá mức độ chấp hành nội quy lớp học, nền nếp học tập của cả thầy và trò [H15.15.04.06]; Quyết định Số 427/QĐ-ĐHKB ngày 04/08/2015 ban hành quy định đối với giảng viên về quản lý giảng dạy và học tập nhằm tăng cường giám sát việc chấp hành giờ lên lớp của cả GV và SV bằng các chế tài/chính sách: SV vắng mặt khi GV điểm danh bị trừ điểm học phần và nếu vắng mặt 20% thời gian lên lớp thì phải học lại [H15.15.04.07]. Phòng CTSV chủ trì phối hợp với Phòng QL Đào tạo và các khoa chuyên môn

triển khai giám thị học đường; lập báo cáo tuần/tháng/học kỳ gửi BGH và các đơn vị liên quan, Nhà trường tổ chức sơ kết, đánh giá công tác giám thị học đường và có đúc rút kinh nghiệm để kỳ sau thực hiện tốt hơn [H15.15.04.08].

Các khoa/viện thực hiện giám sát các hoạt động dạy và học thông qua việc thực hiện kế hoạch đào tạo, thời khóa biểu, sổ theo dõi giờ dạy của GV [H15.15.04.09].

Đánh giá/giám sát các hoạt động dạy và học được thực hiện qua sinh hoạt chuyên môn của khoa/viện và tổ bộ môn, qua dự giờ thăm lớp, tổ chuyên môn, khoa/viện tổ chức họp để đánh giá các hoạt động của đơn vị, trong đó có hoạt động dạy và học, đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao chất lượng dạy và học [H15.15.04.10].

Trường tổ chức đánh giá, xếp loại GV vào cuối mỗi năm học với thang điểm 100, hoạt động giảng dạy là một trong những tiêu chí quan trọng trong đánh giá cuối năm của GV [H15.15.04.11]; quy trình đánh giá, xếp loại cuối năm của GV bao gồm: (1) GV tự đánh giá kết quả công tác, giảng dạy của mình theo thang điểm 100; (2) đơn vị nhận xét, cho điểm và xếp loại; (3) Lãnh đạo Trường xem xét, công nhận [H15.15.04.12], [H15.15.04.24], [H15.15.04.25], [H15.15.04.26].

Nhà trường thực hiện thăm dò ý kiến người học về chất lượng giảng dạy của GV đối với từng học phần/môn học theo học kỳ/năm học. Từ năm học 2018 đến nay, sau mỗi học kỳ, Nhà trường đều có tổ chức để SV đánh giá chất lượng của các hoạt động dạy- học của 100% các học phần/môn học và giảng viên tham gia giảng dạy học phần/môn học đó. Đây là một trong những kênh thông tin quan trọng giúp Nhà trường đánh giá chất lượng các hoạt động dạy và học. Trường lập Ban chỉ đạo hướng dẫn SV đánh giá chất lượng giảng dạy của GV; ban hành quy trình, thủ tục và phương pháp tiến hành lấy ý kiến thăm dò SV về chất lượng giảng dạy của GV; tổ chức, hướng dẫn SV thực hiện;... [H15.15.04.13], [H15.15.04.20]. Kết quả đánh giá được gửi đến các khoa/viện, là một nguồn thông tin để các đơn vị đánh giá chất lượng giảng viên và đổi mới

hoạt động dạy và học [H15.15.04.14]; kết quả tổng hợp từ 2018 đến nay có trong bảng sau:

Bảng 15.3. Bảng đối sánh chất lượng về đánh giá của SV đối với GV
(Phụ lục 8 về CSDL BCTĐG)

Bên cạnh thực hiện đánh giá chất lượng giảng dạy của GV qua thăm dò người học theo học phần. Nhà trường còn tổ chức lấy ý kiến của SV trước khi tốt nghiệp trên tất cả các mặt hoạt động đào tạo và phục vụ đào tạo. Kết quả chi tiết có trong bảng tổng hợp sau đây [H15.15.04.15].

Bảng 15.4: Đánh giá của người học trước khi tốt nghiệp (K6) về hoạt động dạy học

TT	Tiêu chí đánh giá	Đánh giá về mức độ đáp ứng đồng ý và hoàn toàn đồng ý		Ghi chú
		Điểm	%	
I	Ý kiến về chương trình đào tạo			
1	Bạn có đồng ý với chương trình đào tạo	80	80	
2	Mức độ cập nhật thực tiễn của các môn học	85	85	
3	Sự phù hợp của nội dung chương trình với mục tiêu đào tạo	80	80	
II	Ý kiến về đội ngũ giảng viên và phương pháp giảng dạy			
1	Đội ngũ giảng viên có trình độ chuyên môn nghiệp vụ giỏi, tâm huyết trách nhiệm với sinh viên	80	80	
2	Phương pháp giảng dạy khuyến khích được sinh viên chủ động tích cực trong học tập	85	85	
3	Khối lượng nội dung lý thuyết và thực hành phù hợp với nhau	80	80	
4	Phương pháp kiểm tra, thi, đánh giá kết quả học tập phù hợp với chương trình đào tạo	85	85	
III	Công tác quản lý đào tạo, quản lý sinh viên			
1	Quản lý đào tạo (kế hoạch đào tạo, kiểm tra, thi, đánh giá kết quả học tập ...) khoa học, chuyên nghiệp, đúng quy chế của BGD&ĐT	80	80	
2	Quản lý sinh viên: Thường xuyên tổ	85	85	

	chức nhiều hoạt động ngoại khóa giúp sinh viên nâng cao nhận thức xã hội và tự tin khởi nghiệp			
--	--	--	--	--

Kết quả thăm dò ý kiến người học sau khi tốt nghiệp về CTĐT cho thấy: có nhiều bạn sinh viên 80% đánh giá CDR đáp ứng được yêu cầu của vị trí công việc; 75% người học tự tin về khả năng đáp ứng các yêu cầu của công việc [H15.15.04.16].

Trên cơ sở đánh giá dựa vào báo cáo tổng kết hội giảng cấp trường và kết quả kiểm tra hồ sơ chuyên môn hàng năm [H15.15.04.21], [H15.15.04.22], [H15.15.04.23], tổng kết các hoạt động chuyên môn tại khoa/viện [H15.15.04.17], kết hợp với thông tin khảo sát các bên liên quan thu được, các đơn vị chuyên môn đã triển khai cải tiến chất lượng phương pháp giảng dạy, kiểm tra/đánh giá người học; Về kiểm tra/đánh giá, thông qua khảo sát ý kiến của các bên liên quan, các khoa/viện đã tổ chức các semina, hội thảo khoa học và kết quả học tập và rèn luyện của NH trong 5 năm [H15.15.04.27], đi đến những cải tiến bằng việc chuyển một số học phần thi tự luận sang trắc nghiệm, đổi mới phương thức thi trong một số học phần thực hành [H15.15.04.18]. Những cải tiến phương pháp đánh giá kết quả học tập của người học được Trường triển khai thực hiện, đó là các quy định về thực hiện các khâu trong tiểu luận, seminar, bài tập, kiểm tra và đánh giá kết quả trong đào tạo cao học; Quy chế xây dựng và bảo vệ đồ án tốt nghiệp các ngành [H15.15.04.19].

Tự đánh giá: 5/7

Tiêu chí 15.5. Triết lý giáo dục cũng như hoạt động dạy và học được cải tiến để đạt được chuẩn đầu ra, đảm bảo dạy và học có chất lượng, học tập suốt đời

DHKB là trường đại học phát triển theo định hướng thực hành, triết lý giáo dục là “Đại học Kinh Bắc – Chắp cánh tương lai” [H15.15.05.01]. Trường thực hiện Chiến lược phát triển giai đoạn 2013-2020 và tầm nhìn 2025 với triết lý giáo dục được điều chỉnh: “Giáo dục toàn diện – Chắp cánh tương lai”; nội dung của triết lý giáo dục này là hoàn toàn phù hợp với yêu cầu CDR các ngành

đào tạo của Trường; đồng thời cũng đáp ứng xu hướng đào tạo theo nhu cầu xã hội hiện nay- xu hướng hội nhập quốc tế sâu rộng [H15.15.05.02].

Các hoạt động dạy và học luôn được Nhà trường quan tâm cải tiến nhằm đạt được CĐR và không ngừng nâng cao chất lượng đào tạo. Nhà trường đã ban hành quy định các chương trình đào tạo phải được rà soát theo chu kỳ 2 năm 1 lần để cập nhập kiến thức cũng như đổi mới phương pháp dạy- học và kiểm tra- đánh giá [H15.15.05.03]. Trong chu kỳ đánh giá 2017-2022, Trường đã điều chỉnh 2 lần các hoạt động dạy và học thông qua việc đánh giá, điều chỉnh và cập nhật CTĐT/đề cương chi tiết học phần vào năm học 2017, 2019, 2021 [H15.15.05.04]; nội dung điều chỉnh phù hợp với triết lý giáo dục và nhằm đạt được CĐR.

Các hoạt động dạy và học cũng như kiểm tra/đánh giá được xác định dựa vào nội dung và đặc thù của mỗi học phần cụ thể; Đề cương chi tiết học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh đã đưa ra yêu cầu người học cần tự đọc các tác phẩm của Bác và rút ra những tri thức theo mục tiêu bài học, chỉ ra những nhiệm vụ cụ thể cho cả GV và SV trong từng bài học; đánh giá kết quả theo quá trình với 2 bài kiểm tra viết, 2 lần seminar và thi kết thúc học phần bằng trắc nghiệm khách quan [H15.15.05.05]. Bám sát CĐR, đề cương chi tiết học phần Kinh tế chính trị Mác- Lênin đã có những điều chỉnh/cải tiến trong các hoạt động dạy và học, những hướng dẫn để GV thực hiện và các yêu cầu đối với SV trong quá trình học tập [H15.15.05.06].

Với triết lý giáo dục “*Giáo dục toàn diện – Chắp cánh tương lai*” và để đạt được CĐR, trong những năm qua Trường đã đẩy mạnh các hoạt động dạy và học gắn kết với các doanh nghiệp, nhà máy và các bệnh viện, tăng thời lượng thực hành thí nghiệm [H15.15.05.07].

Trong quá trình rà soát chuẩn đầu ra CTĐT và rà soát cập nhật CTĐT, các khoa chuyên môn đã tổ chức hội nghị lấy ý kiến các nhà quản lý đào tạo, giảng viên và các cựu sinh viên, sinh viên năm cuối về chuẩn đầu ra và chương trình đào tạo [H15.15.05.12], [H15.15.05.13], [H15.15.05.14], [H15.15.05.15]. Thông qua các hội nghị này, các khoa tiến hành xây dựng chuẩn đầu ra CTĐT,

đồng thời tiến hành rà soát, cập nhật các CTĐT. Chuẩn đầu ra của các chương trình đào tạo đã được công khai trên Website của Trường. Nhìn chung, các chương trình đào tạo được xây dựng đã đáp ứng yêu cầu của xã hội, phù hợp với đào tạo theo hệ thống tín chỉ; tuân thủ các quy chế và quy định về khối lượng kiến thức, thời lượng học tập; đảm bảo tính liên thông dọc với các bậc học, liên thông ngang giữa các ngành học và các chương trình đào tạo trong Nhà trường.

Nhà trường đã tổ chức lấy ý kiến các bên liên quan về mức độ hài lòng đối với các hoạt động dạy học và triết lý giáo dục. Sau mỗi học kỳ của năm học, Nhà trường đều có tổ chức để SV đánh giá chất lượng của các hoạt động dạy-học của 100% các học phần/môn học và giảng viên tham gia giảng dạy học phần/môn học đó [H15.15.05.08]; kết quả khảo sát cho thấy có hơn 75% người học hài lòng và rất hài lòng với các phương pháp giảng dạy của GV.

Cùng với việc khảo sát ý kiến SV về chất lượng của các hoạt động dạy-học theo học phần/giảng viên, hàng năm Nhà trường tiến hành khảo sát SV đại học chính quy trước khi tốt nghiệp về mức độ hài lòng của các hoạt động dạy học. Kết quả thăm dò năm học 2019-2020 của SV khóa 06 , có 80 % SV hài lòng và rất hài lòng về tiêu chí “*Giảng viên cập nhật liên tục nội dung, phương pháp giảng dạy*”, tiêu chí “*Phương pháp giảng dạy rõ ràng, hấp dẫn, sinh động, tạo hứng thú cho người học*” được SV đánh giá hài lòng và rất hài lòng ở mức 85 %, tiêu chí “*Giảng viên đã chủ động, tích cực tạo điều kiện cho sinh viên tự học, tự nghiên cứu và rèn luyện các kỹ năng cần thiết*” được đánh giá hài lòng và rất hài lòng ở mức 80% tiêu chí “*Hoạt động giảng dạy luôn gắn với định hướng nghề nghiệp*” được đánh giá hài lòng và rất hài lòng ở mức 80 % [H15.15.05.09].

Ngoài ra, Trường còn tổ chức khảo sát ý kiến CB/GV/NV về triết lý giáo dục “*Giáo dục toàn diện – Chắp cánh tương lai*”, kết quả đạt được là 100% CB/GV/NV hài lòng và rất hài lòng [H15.15.05.10], [H15.15.05.11].

Tự đánh giá: 5/7

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 15:

1. Tóm tắt các điểm mạnh

- Nhà trường đã xây dựng được triết lý giáo dục và mục tiêu của các CTĐT phù hợp với chiến lược phát triển của Trường; đã ban hành các văn bản quy định, hướng dẫn về việc xác định, lựa chọn các hoạt động dạy và học phù hợp với triết lý giáo dục và học đạt được chuẩn đầu ra được thể hiện trong đề cương môn học và thường xuyên được rà soát, điều chỉnh. Đồng thời đội ngũ GV thường xuyên được đào tạo nâng cao trình độ, bồi dưỡng về nghiệp vụ sư phạm, phương pháp giảng dạy.

- Nhà trường đã có Quy chế tuyển dụng, đào tạo và sử dụng GV, có quy trình quản lý đào tạo giúp người dạy, người học và các đơn vị quản lý có thể triển khai, theo dõi, giám sát việc dạy và học một cách thuận tiện, đảm bảo cho việc phân công giảng dạy cho các GV theo đúng chuyên môn, đủ khối lượng và tiếp thu được các đánh giá, phản hồi của SV. Quy trình phân công giảng dạy, mở lớp chặt chẽ, đảm bảo tính công bằng; khách quan, được công khai và phổ biến cụ thể đến người học.

- Nhà trường áp dụng nhiều hình thức để thông báo, phổ biến triết lý giáo dục đến các bên liên quan bên trong và bên ngoài Trường.

- Nhà trường triển khai xây dựng môi trường học tập đa dạng với các phương thức học tập đa dạng, linh hoạt nhằm thúc đẩy người học tìm tòi học hỏi và khám phá kiến thức.

- Phòng KT&ĐBCLGD triển khai lấy ý kiến phản hồi của GV, SV về triết lý giáo dục, hoạt động dạy học với kết quả thể hiện sự hài lòng về triết lý giáo dục, các hoạt động dạy học của Trường.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại

- Việc phân công giảng dạy ở cấp Khoa, Bộ môn theo kế hoạch của Phòng Đào tạo và việc phản hồi, điều chỉnh phân công giảng dạy giữa các Bộ môn với Phòng Đào tạo, hiện tại đang được thực hiện qua hệ thống Zalo, Email cá nhân giữa các Khoa và phòng Đào tạo chưa được đưa vào hệ thống quản lý đào tạo.

- Trong bối cảnh cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 hiện nay, người học cần được thực tế, thực nghiệm nhiều hơn tại các phòng học mô phỏng, phòng học

ảo. Nhà trường cần đầu tư thêm những phòng học này để đáp ứng hơn nữa nhu cầu của người học hiện nay.

- Việc chuyển tải kiến thức, kỹ năng của mỗi giảng viên là khác nhau, việc đánh giá kỹ năng giảng dạy của GV còn mang tính định tính (do một số giảng viên cơ hữu có kinh nghiệm thiếu hụt ở một số đơn vị).

- Việc khảo sát ý kiến của các bên liên quan cần được tổ chức đa dạng và thường xuyên hơn để thu nhập được nhiều thông tin đa chiều và khách quan về chất lượng giảng dạy và mức độ hài lòng của các bên liên quan

3. Kế hoạch cải tiến:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện
1.	Khắc phục tồn tại 1	Xây dựng hệ thống đào tạo trực tuyến một cách đồng bộ, nhằm hỗ trợ tốt hơn việc tương tác giữa GV và SV trong dạy và học các học phần trực tuyến, đảm bảo đạt được CDR và phù hợp với triết lý giáo dục của Nhà trường	Trung tâm Thông tin Thư viện. Phòng đào tạo Phòng Công tác HSSV	Năm 2023
2.	Khắc phục tồn tại 2	Tích hợp việc phân công giảng dạy ở cấp Khoa và Bộ môn vào hệ thống quản lý đào tạo để thuận lợi cho việc quản lý, giám sát và hiệu quả trong điều hành	Phòng đào tạo	Năm 2023
3.	Khắc phục tồn tại 3	Nhà trường cần đầu tư thêm các phòng học mô phỏng, phòng học ảo để đáp ứng hơn nữa nhu cầu của người học hiện nay.	Phòng Quản trị phục vụ Các khoa chuyên môn	Năm 2023
4.	Khắc phục tồn tại 4	Hệ thống câu hỏi đánh giá của người học đối với công tác giảng dạy trên lớp của giảng viên cần được định lượng nhiều hơn, bổ sung đội ngũ kinh nghiệm ở một số đơn vị còn thiếu.	Phòng Khảo thí và ĐBCCLGD Phòng đào tạo Phòng công tác HSSV Các Khoa	Năm 2023
5.	Khắc phục	Nhà trường cần có kế hoạch	Phòng Khảo	Năm 2023

	tồn tại 5	cụ thể về việc khảo sát ý kiến của các bên liên quan về chất lượng giảng dạy và mức độ hài lòng của các bên liên quan	thí và ĐBCLGD Phòng công tác HSSV Các Khoa, phòng liên quan	
6.	Phát huy điểm mạnh 1	Nhà trường thường xuyên rà soát, cập nhật để ban hành các văn bản quy định, hướng dẫn các hoạt động dạy và học phù hợp với triết lý giáo dục và học đạt được chuẩn đầu ra các CTĐT	Phòng đào tạo Các Khoa, phòng liên quan	Năm 2023
7.	Phát huy điểm mạnh 2	Nhà trường cần phát huy Quy chế tuyển dụng, đào tạo và sử dụng GV, để lựa chọn và tuyển dụng được những giảng viên giỏi, có trình độ cao phục vụ Nhà trường	Phòng hành chính tổng chức Các Khoa	Năm 2023
8.	Phát huy điểm mạnh 3	Nhà trường cần phát huy hơn nữa và tạo môi trường dạy - học đa dạng để SV được tham gia vào quá trình học tập một cách chủ động để người học đạt được chuẩn đầu ra của CTĐT.	Phòng đào tạo Phòng công tác HSSV Đoàn trường Các khoa	Năm 2023
9.	Phát huy điểm mạnh 4	Hệ thống văn bản quy định về quản lý công tác giảng dạy trên lớp cần thường xuyên rà soát, cập nhật để làm căn cứ để cải tiến: chất lượng giảng dạy, phương pháp giảng dạy, kiểm tra, đánh giá người học.	Phòng Khảo thí và ĐBCLGD Phòng đào tạo Phòng công tác HSSV Các khoa	Năm 2023

4. Mức đánh giá

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Tự đánh giá
<i>Tiêu chuẩn 15</i>	5.0
Tiêu chí 15.1	5.0
Tiêu chí 15.2	5.0

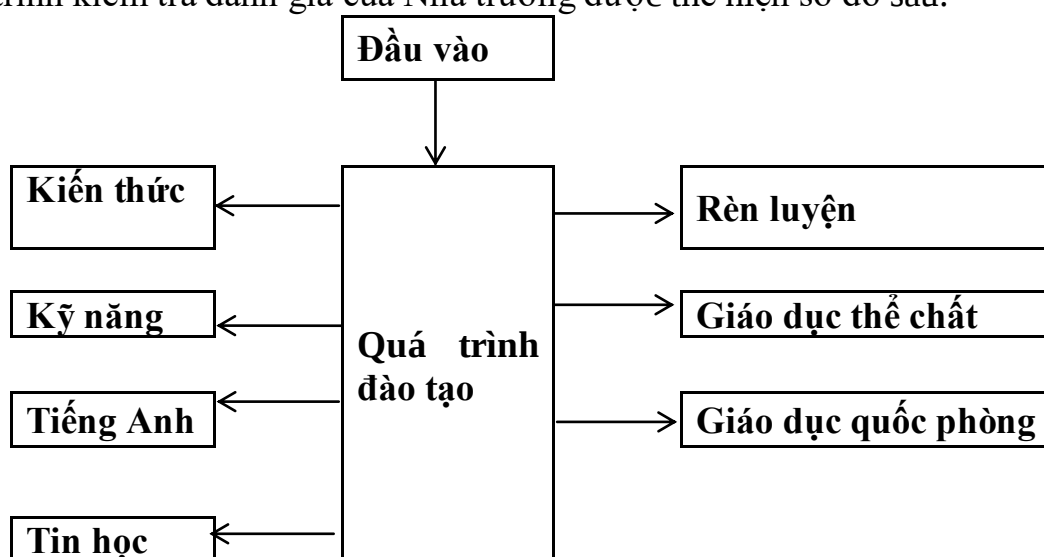
Tiêu chí 15.3	5.0
Tiêu chí 15.4	5.0
Tiêu chí 15.5	5.0

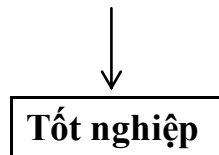
Tiêu chuẩn 16. Đánh giá người học

Tiêu chí 16.1. Thiết lập được hệ thống lập kế hoạch và lựa chọn các loại hình đánh giá người học phù hợp trong quá trình học tập

Đánh giá người học của nhà trường là khâu quan trọng trong hoạt động đào tạo, đều được lập kế hoạch và lựa chọn các hình thức đánh giá trước khi bắt đầu năm học, được công khai cho người học biết. Trong suốt quá trình đào tạo việc đánh giá người học từ khâu tuyển sinh đầu vào, quá trình học tập của các học phần cho đến đánh giá đầu ra của một khóa học. Để triển khai hoạt động đánh giá người học một cách đồng bộ và hệ thống, Nhà trường phân công Phòng KT&ĐBCLGD xây dựng văn bản quy định về hoạt động kiểm tra đánh giá người học của Trường [H16.16.01.01], [H16.16.01.02]. Đánh giá kết quả học tập của người học là một trong những hoạt động rất quan trọng trong hệ thống đào tạo. Hoạt động này đòi hỏi quá trình đánh giá chính xác, khách quan, công bằng, đồng thời có tác dụng khuyến khích người học hướng đến mục tiêu học tập suốt đời. Trường đã xây dựng hệ thống quy chế, quy định để thiết lập kế hoạch và lựa chọn các loại hình đánh giá phù hợp quá trình học tập [H16.16.01.03].

Quy trình kiểm tra đánh giá của Nhà trường được thể hiện sơ đồ sau:





Hình 16.1.1. Quy trình kiểm tra, đánh giá của Nhà trường.

Theo quy chế các cá nhân, bộ phận được giao nhiệm vụ sẽ lập, thực hiện và giám sát các kế hoạch đánh giá người học phù hợp với chương trình đào tạo, tiến độ và trình độ học tập của người học.

Căn cứ quy chế tuyển sinh hàng năm của Bộ GD&ĐT, Nhà trường đã xây dựng và công bố đề án tuyển sinh với các nội dung: các phương thức tuyển sinh, chỉ tiêu tuyển sinh, ngưỡng đảm bảo chất lượng, các tổ hợp môn xét tuyển cũng như mức học phí của từng CTĐT [16.16.01.17]. Trong quá trình học các hình thức, loại hình đánh giá người học cũng được xem xét, cân nhắc lựa chọn cho phù hợp với từng học phần/môn học giúp người học đạt được kết quả đào tạo như mong muốn của CTĐT [H16.16.01.04]. Trong văn bản quy định về kiểm tra đánh giá người học do Nhà trường ban hành có thể hiện rõ quy định hướng dẫn, kế hoạch triển khai đánh giá người học và phân công trách nhiệm cụ thể đối với các đơn vị thực hiện [H16.16.01.05], [16.16.01.15]. Theo văn bản quy định về kiểm tra đánh giá người học của Nhà trường, Phòng KT&ĐBCLGD là đơn vị lập kế hoạch thi, tổ chức thi, chấm thi [H16.16.01.01]; Phòng QLĐT là đơn vị thông báo kết quả thi, nhận đơn đề nghị phúc khảo bài thi và ý kiến thắc mắc của SV về kết quả điểm thi (nếu có), lưu giữ điểm thi [H16.16.01.06]; các Khoa chuẩn bị đề thi, kế hoạch thực hiện xây dựng đề thi, ngân hàng câu hỏi thi, quy trình thi [H16.16.01.16], phân công cán bộ coi thi [H16.16.01.07]; Phòng TCHC và cán bộ kỹ thuật phòng máy chuẩn bị phòng thi, phòng máy tính [H16.16.01.08]; Phòng KT&ĐBCLGD chuẩn bị danh sách thí sinh dự thi, giấy thi, in sao đề thi, tổ chức thi, chấm thi, chấm phúc khảo bài thi, giải đáp thắc mắc của SV về kết quả điểm thi (nếu có), cung cấp kết quả thi cho Phòng QLĐT; Phòng Thanh tra tổ chức giám sát các buổi thi [H16.16.01.09]. Đồng thời, Nhà trường quy định các mốc thời gian cụ thể cho các nội dung của kiểm tra đánh giá người học.

Nhà trường ban hành CTĐT cho SV theo từng ngành, tùy theo từng học phần/môn học sẽ có hình thức và kế hoạch đánh giá phù hợp [H16.16.01.06], [H16.16.01.10]. Trong quá trình xây dựng ĐCCT môn học/học phần, GV được các khoa và bộ môn yêu cầu xác định các loại hình đánh giá phù hợp để đạt CĐR cũng như các loại hình đánh giá của môn học/học phần trong ĐCCT được Hội đồng khoa học đào tạo cấp khoa và cấp Trường xem xét, đánh giá cụ thể trong quá trình thông qua ĐCCT môn học/học phần do GV biên soạn nhằm đảm bảo sự phù hợp của loại hình đánh giá trong quá trình học tập của người học [H16.16.01.11], [H16.16.01.12], [H16.16.01.13] và kế hoạch thi mỗi học kỳ [H16.16.01.14]. Các tiêu chí đánh giá, nội dung đánh giá của mỗi phương pháp/loại hình đánh giá được lựa chọn trên cơ sở các ý kiến thảo luận của Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo và đề cương chi tiết học phần [H16.16.01.17].

Tự đánh giá: 4/7

Tiêu chí 16.2. Các hoạt động đánh giá người học được thiết kế phù hợp với việc đạt được chuẩn đầu ra

Các hoạt động đánh giá người học, hình thức kiểm tra đánh giá người học được thiết kế đa dạng, thể hiện trong quy chế đào tạo, các quy định tổ chức thi [H16.16.02.01], [H16.16.02.02], [H16.16.02.03]. Tùy theo đặc điểm của từng học phần mà có hình thức thi phù hợp đảm bảo SV đạt yêu cầu theo từng CTĐT. Quy trình thi, kiểm tra đánh giá người học được Nhà trường tổ chức nghiêm túc và đảm bảo đúng theo quy định về kiểm tra đánh giá người học đã được ban hành. Xác định việc lựa chọn các phương pháp kiểm tra đánh giá người học là quan trọng, bên cạnh việc tổ chức các khóa tập huấn về kiểm tra đánh giá, Phòng KT&ĐBCLGD đã gửi đến GV các tài liệu hướng dẫn về việc sử dụng các phương pháp kiểm tra đánh giá nhằm đạt được CĐR [H16.16.02.04]. Bên cạnh đó, các Khoa và bộ môn yêu cầu GV trong quá trình xác định các phương pháp kiểm tra đánh giá các môn học/học phần phải chú trọng tính đo lường được mức độ đạt được CĐR [H16.16.02.05]. Trên cơ sở đó, Hội đồng khoa học đào tạo cấp khoa và cấp Trường chú trọng đến tính đo lường của các phương pháp kiểm tra

đánh giá được xác định trong ĐCCT các môn học/học phần khi xét duyệt và thông qua [H16.16.02.06].

Cuối mỗi học kỳ, Phòng KT&ĐBCLGD phối hợp với các Khoa tiến hành phân tích phổ điểm thi, phân tích đề thi để từ đó đánh giá mức độ tương thích, phù hợp, khách quan của đề thi cũng như tính đo lường của các phương pháp kiểm tra đánh giá người học, đồng thời tiến hành phân tích các loại hình/hình thức đánh giá đặc thù đối với mỗi loại kỳ thi [H16.16.02.07]. Hằng năm, trong nội dung lấy ý kiến phản hồi của người học về hoạt động giảng dạy của GV có các nội dung khảo sát về phương pháp kiểm tra đánh giá các môn học/học phần với kết quả thể hiện trên 85% số người học hài lòng về phương pháp kiểm tra đánh giá và đo lường được mức độ đạt CĐR [H16.16.02.08]. Đồng thời, thông qua các diễn đàn trao đổi SV thể hiện sự hài lòng của SV về các phương pháp kiểm tra đánh giá người học đã được sử dụng [H16.16.02.09].

Thông tin về nội dung và hình thức kiểm tra đánh giá của từng học phần được công bố trên Website của Nhà trường [H16.16.02.10].

Các học phần sẽ có đánh giá quá trình và đánh giá thi kết thúc học phần được ghi trong đề cương học phần, các quy định về hình thức đánh giá, trọng số, thời gian, yêu cầu của học phần. Đánh giá quá trình gồm một số trong các hình thức sau: kiểm tra quá trình, điểm chuyên cần, điểm thuyết trình, điểm bài tập, Trọng số của điểm quá trình thường chiếm 40% tổng điểm của mỗi học phần [H16.16.02.11]. Việc chú trọng đánh giá quá trình thúc đẩy SV học tập liên tục trong suốt quá trình của học phần.

Trong văn bản quy định kiểm tra đánh giá người học, Nhà trường yêu cầu GV sử dụng nhiều phương pháp kiểm tra đánh giá tương thích để đạt CĐR [H16.16.02.12]. Tại các cuộc họp giao ban với các đơn vị, BGH yêu cầu lãnh đạo các đơn vị, đặc biệt là các khoa triển khai để GV áp dụng đa dạng các phương pháp kiểm tra đánh giá tương thích để đạt CĐR [H16.16.02.13], [H16.16.02.14]. Trên cơ sở đó, Lãnh đạo các khoa phổ biến để GV áp dụng nhiều phương pháp kiểm tra đánh giá tương thích để đạt CĐR môn học/học phần, GV Nhà trường đã áp dụng nhiều phương pháp kiểm tra đánh giá tương

thích để đạt CĐR như: Kiểm tra thông qua phát biểu xây dựng bài học, làm bài tập nhóm, báo cáo tiểu luận,... đối với đánh giá quá trình; thi vấn đáp, thi trắc nghiệm, thi tự luận, thực hành,... đối thi kết thúc môn học/học phần [H16.16.02.15], [H16.16.02.16], [H16.16.02.20], [H16.16.02.21]. Tuy nhiên ngân hàng câu hỏi thi ở một số học phần chưa nhiều, chủ yếu là câu hỏi tự luận.

Để đảm bảo tính nghiêm túc, khách quan, chính xác và công bằng trong kiểm tra đánh giá, Nhà trường thường xuyên rà soát và ban hành kịp thời các quy định liên quan đến công tác đánh giá môn học phù hợp và giao Phòng Khảo thí phụ trách, hoàn toàn tách rời với quá trình đào tạo [H16.16.02.03].

Phòng Khảo thí đã tổng hợp phân tích, nghiên cứu có kết quả thực hiện các hình thức đánh giá người học rõ ràng, đảm bảo đánh giá kết quả người học đạt chuẩn đầu ra và các quy trình của công tác đánh giá được công bố công khai đến các bên liên quan [H16.16.02.17], [H16.16.02.18], [H16.16.02.19].

Trường linh hoạt sử dụng nhiều phương pháp kiểm tra đánh giá tương thích phù hợp với người học.

Tự đánh giá: 4/7

Tiêu chí 16.3. Các phương pháp đánh giá và kết quả đánh giá người học được rà soát để đảm bảo độ chính xác, tin cậy, công bằng và hướng tới đạt được chuẩn đầu ra

Hàng năm, Nhà trường yêu cầu các Khoa, các bộ môn rà soát lại đề cương môn học. Các đơn vị tiến hành rà soát điều chỉnh đề cương môn học, phương pháp kiểm tra, đánh giá của các học phần. Trong quá trình tổ chức giảng dạy, các bộ môn nếu muốn thay đổi hình thức đánh giá khác với hình thức đã nêu ra trong đề cương có thể đề xuất điều chỉnh thay đổi hình thức, phương pháp kiểm tra, đánh giá người học xin phê duyệt của Hiệu trưởng Nhà trường. Hình thức thi kết thúc học phần có thể là thi viết (trắc nghiệm trên giấy hoặc tự luận), thực hành trên máy tính, vấn đáp, viết tiểu luận, làm bài tập lớn, hoặc kết hợp giữa các hình thức trên. Hình thức thi do Bộ môn và Khoa đề xuất, được Hiệu trưởng phê duyệt trong kế hoạch đào tạo của năm học và được ghi trong đề cương chi tiết học phần.

Nhà trường phân công trách nhiệm cho Phòng KT&ĐBCL là đầu mối nhận thông tin và triển khai rà soát, đánh giá các phương pháp kiểm tra đánh giá người học [H16.16.03.01], [H16.16.03.02]. Phòng KT&ĐBCLGD xây dựng kế hoạch và tham mưu BGH tổ chức họp với Phòng QLĐT, các Khoa để rà soát, phân tích đánh giá các phương pháp kiểm tra đánh giá người học [H16.16.03.03], [H16.16.03.04]. Năm 2016 và 2018, Nhà trường tổ chức họp để rà soát, đánh giá các phương pháp kiểm tra đánh giá người học đã được áp dụng [H16.16.03.05], [H16.16.03.06]. Bên cạnh đó, hằng năm Phòng KT&ĐBCLGD căn cứ kết quả ý kiến đánh giá của SV về các phương pháp kiểm tra đánh giá người học trong phiếu khảo sát về hoạt động giảng dạy của GV để rà soát, đánh giá các phương pháp kiểm tra đánh giá người học [H16.16.03.07],[H16.16.03.08],[H16.16.03.09],[H16.16.03.10],[H16.16.03.11],[H16.16.03.12]. Ngoài ra, Phòng KT&ĐBCLGD tiếp thu ý kiến góp ý của GV, Cán bộ, nhân viên nhà trường để rà soát, đánh giá các phương pháp kiểm tra đánh giá người học [H16.16.03.13], [H16.16.03.14].

Hằng năm, Phòng KT&ĐBCLGD tiến hành phân tích đánh giá công tác tuyển sinh, phân tích phổ điểm qua phần mềm đào tạo [H16.16.03.15], phương thức xét tuyển, hình thức tuyển chọn người học, tổ hợp môn xét tuyển để từ đó đề xuất các hình thức tuyển chọn thí sinh đầu vào cho phù hợp, [H16.16.03.16], [H16.16.03.17]. Đối với kiểm tra đánh giá người học trong quá trình học tập, Phòng KT&ĐBCLGD phối hợp với các Khoa tiến hành phân tích phổ điểm, phân tích đề thi [H16.16.03.18], [H16.16.03.19], [H16.16.03.20], [H16.16.03.21], [H16.16.03.22]. Trên cơ sở đó, Phòng KT&ĐBCLGD gửi báo cáo kết quả phân tích kết quả kiểm tra đánh giá người học đến BGH, Hội đồng xét tốt nghiệp [H16.16.03.34], và các Khoa để tiến hành điều chỉnh, cải tiến các phương pháp kiểm tra đánh giá cho phù hợp và đạt CĐR [H16.16.03.23], [H16.16.03.24], [H16.16.03.25].

Trong văn bản quy định kiểm tra đánh giá người học do Nhà trường ban hành đã nêu rõ thời gian công bố kết quả đánh giá kết quả học tập của người học [H16.16.03.26], [H16.16.03.27]. GV và SV của Nhà trường được thông báo,

phổ biến cụ thể quy định về thời gian công bố kết quả đánh giá kết quả học tập của người học. GV thực hiện công bố điểm đánh giá quá trình và danh sách SV đủ điều kiện dự thi học phần trên hệ thống phần mềm quản lý đào tạo ngay khi kết thúc học phần và gửi về Phòng KT&ĐBCLGD [H16.16.03.15]. Bên cạnh đó, Phòng KT&ĐBCLGD tiến hành nhập điểm thi kết thúc học phần (trừ học phần thi trắc nghiệm) vào hệ thống phần mềm quản lý đào tạo chậm nhất 03 ngày sau ngày thi cuối cùng của kỳ thi [H16.16.03.28]. Để đảm bảo quyền lợi cho người học, trên cơ sở kết quả được công bố, người học được quyền khiếu nại, phúc khảo và việc giải quyết khiếu nại, phúc khảo được thực hiện theo nội dung khiếu nại điểm, phúc khảo bài thi trong quy định thực hiện hiệu quả các hình thức kiểm tra, thi đánh giá hoạt động giảng dạy của giảng viên do Nhà trường ban hành [H16.16.03.29]. Sau khi công bố điểm kết thúc học phần, Phòng QLĐT công bố công khai thời gian nhận đơn phúc khảo trên cổng thông tin điện tử của Nhà trường cũng như thời hạn SV phản ánh sai lệch điểm chậm nhất 07 ngày kể từ ngày công bố kết quả thi. Phòng KT&ĐBCLGD xác nhận đơn của SV và phối hợp với Bộ môn, Khoa thực hiện chấm phúc khảo theo quy định, đồng thời giải đáp ý kiến thắc mắc của SV về kết quả thi (nếu có); kết quả chấm phúc khảo được chuyển về Phòng QLĐT để thông báo qua tài khoản của SV, chậm nhất sau 05 ngày kể từ ngày nhận đơn phúc khảo [H16.16.03.30].

Nhà trường phân công trách nhiệm cho Phòng KT&ĐBCLGD thực hiện khảo sát ý kiến của người học và lấy ý kiến của cựu người học về kiểm tra đánh giá của Trường [H16.16.03.07], [H16.16.03.08]. Phòng KT&ĐBCLGD xây dựng kế hoạch và phối hợp với các đơn vị để khảo sát ý kiến của người học và cựu người học về kiểm tra đánh giá ĐBCL của Trường [H16.16.03.31]. Trên cơ sở đó, Khoa triển khai khảo sát ý kiến của SV và Phòng CTSV khảo sát ý kiến của cựu SV về kiểm tra đánh giá của Trường. Kết quả khảo sát kiến của người học và cựu người học về kiểm tra đánh giá của Trường do Phòng KT&ĐBCL xử lý dữ liệu được gửi báo cáo BGH và gửi đến Phòng QLĐT, các Khoa để áp dụng các biện pháp điều chỉnh, cải tiến hoạt động kiểm tra đánh giá người học của Trường [H16.16.03.32]. Sau mỗi năm học Phòng KT&ĐBCL tổng hợp số

liệu về kết quả xử lý, phúc tra, khiếu nại, đề nghị của người học về kiểm tra và đánh giá [H16.16.03.33], tổng hợp kết quả tiếp nhận đơn thư, khiếu nại của người học chu kỳ đánh giá [H16.16.03.34]. Từ kết quả trên cho thấy các phương pháp đánh giá và kết quả đánh giá người học được Nhà trường rà soát, thực hiện đúng như công khai ban đầu, đảm bảo độ chính xác, tin cậy và công bằng hướng tới đạt CDR.

Tự đánh giá: 4/7

Tiêu chí 16.4. Các loại hình và các phương pháp đánh giá người học được cải tiến để đảm bảo độ chính xác, tin cậy và hướng tới đạt được chuẩn đầu ra

Để đảm bảo tính nghiêm túc, khách quan, chính xác và công bằng trong thi cử, việc tổ chức thi được giao cho Phòng Khảo thí, hoàn toàn tách rời với công tác đào tạo. Đề thi được biên soạn bởi GV, có sự rà soát, thẩm định của khoa chuyên ngành [H16.16.04.01]. Hằng năm, Phòng KT&ĐBCLGD phối hợp với các khoa triển khai đánh giá độ tin cậy và độ chính xác của những loại hình, phương pháp kiểm tra đánh giá người học. Các khoa tổ chức họp để đánh giá độ tin cậy và độ chính xác của những loại hình, phương pháp kiểm tra đánh giá người học đã thực hiện và gửi báo cáo về Phòng KT&ĐBCLGD [H16.16.04.02]. Trên cơ sở đó, BGH phân công phòng Phòng KT&ĐBCLGD đề xuất các nội dung điều chỉnh, cải tiến các loại hình, phương pháp kiểm tra đánh giá người học [H16.16.04.03]. BGH gửi thông báo đến các Khoa về việc góp ý vào dự thảo điều chỉnh, cải tiến các loại hình kiểm tra đánh giá người học, Phòng KT&ĐBCL tổng hợp báo cáo gửi BGH. [H16.16.04.04], [H16.16.04.05].

Cách thức, phương pháp đánh giá người học được thay đổi thường xuyên. Để triển khai công tác kiểm tra đánh giá người học một cách khoa học và hiệu quả, Nhà trường giao nhiệm vụ cho Phòng KT&ĐBCLGD xây dựng quy trình xây dựng và đánh giá độ tin cậy và độ chính xác của các phương pháp kiểm tra, đánh giá [H16.16.04.06]. Trên cơ sở đó, Phòng KT&ĐBCLGD tham khảo các tài liệu, tiến hành xây dựng dự thảo và tổ chức họp để lấy ý kiến của Phòng QLĐT, các Khoa/Viện về quy trình xây dựng và đánh giá độ tin cậy và độ chính

xác của các phương pháp kiểm tra, đánh giá [H16.16.04.07], [H16.16.04.08], [H16.16.04.09]. Căn cứ nội dung góp ý của các đơn vị, Phòng KT&ĐBCLGD chỉnh sửa và trình Hiệu trưởng ký ban hành quy trình xây dựng và đánh giá độ tin cậy và độ chính xác của các phương pháp kiểm tra, đánh giá [H16.16.04.10], [H16.16.04.11]. Bên cạnh đó, quy trình kiểm tra đánh giá được thông báo đến toàn thể SV thông qua tuần sinh hoạt công dân đầu khóa học và đầu năm học, được niêm yết trong Sổ tay SV và GV thông báo tại buổi học đầu tiên của môn học/học phần [H16.16.04.12], [H16.16.04.13], [H16.16.04.14].

Định kỳ được đánh giá độ tin cậy và độ chính xác của những loại hình/phương pháp kiểm tra, đánh giá người học [H16.16.04.15]. Công tác đánh giá độ tin cậy và độ chính xác của các phương pháp kiểm tra, đánh giá được thực hiện khoa học, được kiểm chứng trước khi áp dụng và được thông báo công khai cho người học, kết quả học tập của người học được đánh giá chính xác, khách quan không có tình trạng khiếu nại, phản nản của SV về sự thiếu công bằng, minh bạch trong sử dụng các phương pháp đánh giá kết quả học tập [H16.16.04.16], [H16.16.04.17], [H16.16.04.18]. Trên cơ sở các ý kiến phản hồi về các loại hình/phương pháp đánh giá người học [H16.16.04.19], Phòng Khảo thí và ĐBCL báo cáo BGH kết quả điều chỉnh, cải tiến phương pháp kiểm tra, đánh giá [H16.16.04.20].

Tự đánh giá: 4/7

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 16:

1. Tóm tắt các điểm mạnh

- Nhà trường đã ban hành quy chế đào tạo, Có hệ thống khá đầy đủ các quy định về công tác thi và đánh giá kết quả học tập. Áp dụng một số hình thức kiểm tra đánh giá (tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp...).

- Có quy trình phản hồi kết quả đánh giá trong quá trình học tập; kết quả học tập được phản hồi kịp thời đến người học để điều chỉnh việc cải thiện việc học tập; Quy trình khiếu nại và phúc khảo dễ dàng tiếp cận, hướng đến người học; tỷ lệ khiếu nại về kết quả người học rất thấp.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại

- Ngân hàng câu hỏi của các học phần chưa nhiều, chủ yếu câu hỏi tự luận.

- Một số học phần chưa ghi rõ chuẩn đầu ra, việc thẩm định, đánh giá đề cương còn mất nhiều thời gian.

3. Kế hoạch cải tiến

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện
Khắc phục tồn tại 1	Ngân hàng câu hỏi	Hoàn thiện ngân hàng câu hỏi các học phần của từng ngành học	Phòng Khảo thí, các Khoa	Từ 2023
Khắc phục tồn tại 2	Bổ sung chuẩn đầu ra cho mỗi phần đánh giá và chuẩn hóa đề cương học phần nhằm đáp ứng yêu cầu chuẩn đầu ra	Xem xét và bổ sung chuẩn đầu ra cho mỗi phần đánh giá từ chuẩn đầu ra chung của học phần	Phòng QLĐT, các Khoa	Từ 2023
Phát huy điểm mạnh 1	Nhà trường ban hành văn bản chi tiết, cụ thể có liên quan đến công tác, kiểm tra đánh giá người học.	Các Khoa, Phòng Đào tạo, Phòng Khảo thí & ĐBCLGD	2023-2028	
Phát huy điểm mạnh 2	Nhà trường tiếp tục thực hiện đa dạng các hình thức kiểm tra đánh giá bằng các quy trình, hướng dẫn dễ dàng tiếp cận hướng đến người học.	Các Khoa, Phòng Đào tạo, Phòng Khảo thí & ĐBCLGD	2023-2028	

4. Mức đánh giá

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Tự đánh giá
Tiêu chuẩn 16	4.0
Tiêu chí 16.1	4.0

Tiêu chí 16.2	4.0
Tiêu chí 16.3	4.0
Tiêu chí 16.4	4.0

Tiêu chuẩn 17. Các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học

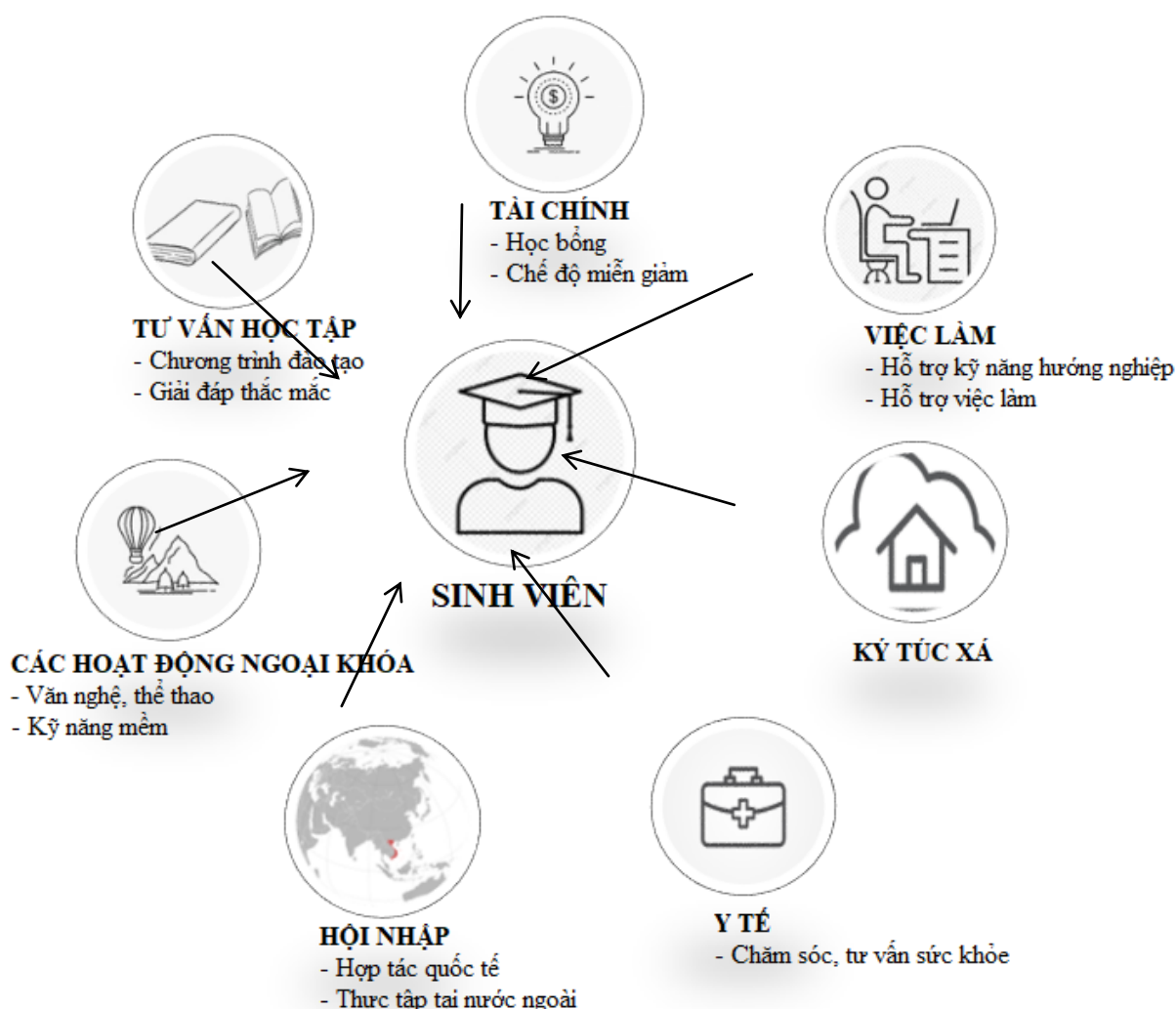
Tiêu chí 17.1. Có kế hoạch triển khai các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học cũng như hệ thống giám sát người học

Công tác sinh viên là một trong những nhiệm vụ trọng tâm của các cơ sở giáo dục đào tạo nói chung và Trường Đại học Kinh Bắc nói riêng, với tiêu chí lấy người học (NH) là trung tâm của quá trình đào tạo. Chính vì vậy, việc xây dựng các hoạt động phục vụ và hỗ trợ NH luôn là mối quan tâm hàng đầu của Nhà trường. Trong suốt quá trình học tập tại trường, NH được hỗ trợ học tập, hỗ trợ tài chính, hỗ trợ tư vấn việc làm và hướng nghiệp, hỗ trợ kỹ năng, hỗ trợ đời sống và một số hoạt động hỗ trợ khác. Trong Quy định tổ chức và hoạt động của Nhà trường có phân công trách nhiệm cụ thể cho các đơn vị tham gia triển khai các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học [H17.17.01.01], [H17.17.01.02]. Nhà trường phân công Phòng CTSV là đơn vị chủ trì và phối hợp với các đơn vị để triển khai các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học [H17.17.01.03]. Năm 2012, Nhà trường đã thành lập Phòng CTSV với chức năng tham mưu cho Ban Giám hiệu Nhà trường về công tác quản lý sinh viên. Tổ chức thực hiện công tác quản lý phục vụ và hỗ trợ sinh viên cũng như giám sát, quản lý Sinh viên theo Quy chế, Quy định của Bộ giáo dục & Đào tạo và các Quy chế, Quy định của Nhà trường và các nhiệm vụ khác do Ban Giám hiệu giao [H17.17.01.02]. Phòng CTSV hiện có 05 thành viên, trong đó có 01 Trưởng phòng, 01 Phó Trưởng phòng phụ trách công tác sinh viên và 01 chuyên viên phụ trách y tế, 01 chuyên viên phụ trách ký túc xá [H17.17.01.04], [H17.17.01.05]. Phòng CTSV xây dựng dự thảo Quy chế CTSV của Trường, tổ chức họp với các đơn vị để lấy ý kiến góp ý, chỉnh sửa dự thảo theo các nội dung góp ý của các đơn vị, trình Hiệu trưởng ký ban hành [H17.17.01.06]. Năm 2013, Nhà trường đã ban hành Quy chế CTSV và thông báo đến các đơn vị để triển khai thực hiện, đồng thời phổ biến đến CB, GV, NV, SV của Trường [H17.17.01.07], [H17.17.01.08].

Trong Quy chế CTSV của Trường ban hành quy định rõ các nội dung về việc triển khai các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học. Trong nội dung tuần sinh hoạt công dân đầu khóa học và đầu năm học, SV được phổ biến các văn bản về Quy chế đào tạo, Quy chế CTSV, quy định thi kiểm tra, đánh giá kết quả học tập, quy định về CVHT, quy định về hỗ trợ người học... [H17.17.01.07], [H17.17.01.09], [H17.17.01.10], [H17.17.01.11], [H17.17.01.12], [H17.17.01.40], [H17.17.01.41], [H17.17.01.45], . Bên cạnh đó, các văn bản về CTSV được niêm yết trong Sổ tay SV do Nhà trường cấp phát cho sinh viên [H17.17.01.13].

Hằng năm, trong kế hoạch năm học của Nhà trường luôn có các nội dung triển khai các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học [H17.17.01.14], [H17.17.01.42], [H17.17.01.43], [H17.17.01.44], [H17.17.01.46],. Nhà trường luôn có sự phân công cụ thể cho các đơn vị triển khai các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học theo chức năng, nhiệm vụ đã được xác định [H17.17.01.15] [H17.17.01.16], [H17.17.01.17]. Theo đó, Phòng QLĐT xây dựng và chủ trì triển khai kế hoạch đào tạo của năm học [H17.17.01.18]. Phòng KT&ĐBCLGD xây dựng kế hoạch về thi, kiểm tra, đánh giá người học [H17.17.01.19]. Phòng CTSV xây dựng và chủ trì triển khai kế hoạch năm học về CTSV [H17.17.01.20]. Phòng QLKH&HTQT xây dựng và chủ trì triển khai kế hoạch NCKH, kế hoạch tổ chức các hội thảo khoa học [H17.17.01.21]. Các khoa chuyên môn phối hợp Phòng QLĐT xây dựng kế hoạch về công tác CVHT cho SV. Đoàn TN xây dựng kế hoạch và chủ trì triển khai hoạt động của Đoàn trường, trong đó có nhiều hoạt động các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học [H17.17.01.22], [H17.17.01.23], [H17.17.01.47], [H17.17.01.48], [H17.17.01.49], [H17.17.01.50], [H17.17.01.51], [H17.17.01.52], [H17.17.01.53], Tại cuộc họp triển khai kế hoạch năm học và tại các cuộc họp giao ban định kỳ với các đơn vị, BGH Nhà trường phân công, quán triệt và yêu cầu tất cả các đơn vị tích cực triển khai các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học theo chức năng, nhiệm vụ và các nội dung được phân công trong kế hoạch năm học [H17.17.01.24]. Bên cạnh đó, các đơn vị triển khai các hoạt động phục

vụ và hỗ trợ người học tại các cuộc họp giao ban của đơn vị và theo các nội dung đã được xác định trong kế hoạch năm học [H17.17.01.25], [H17.17.01.61]. Sự hỗ trợ của nhà trường đối với SV bao gồm các hoạt động, dịch vụ được mô tả trên hình 17.1.



Hình 17.1.1 các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học

Nhà trường quan tâm chú trọng đến việc xây dựng hệ thống giám sát người học, trong đó phân công trách nhiệm cụ thể cho các đơn vị trực tiếp tham gia giám sát người học [H17.17.01.26]. Phòng QLĐT giám sát kết quả học tập của người học. Phòng CTSV giám sát kết quả rèn luyện của người học. Hệ thống giám sát người học của Trường còn có giám thị học đường; thực hiện kiểm tra/giám sát thời gian lên lớp và mức độ chuyên cần của người học; trong

kế hoạch công tác giám thị học đường hàng năm đã phân công cụ thể các tổ chức/cá nhân trong thực hiện nhiệm vụ; hàng tuần, hàng tháng và cuối học kỳ đều lập báo cáo gửi BGH về công tác giám thị học đường. Phòng KT&ĐBCLGD giám sát công tác thi, kiểm tra, đánh giá kết quả người học. Các Khoa giám sát kết quả học tập và kết quả rèn luyện của SV do Khoa quản lý. Cố vấn học tập giám sát kết quả học tập và kết quả rèn luyện của SV trong lớp được phân công quản lý. Bên cạnh đó, Phòng QLKH&HTQT giám sát kết quả NCKH của SV toàn trường [H17.17.01.27]. Ngoài ra, Phòng Thanh tra thực hiện việc giám sát nề nếp học tập của SV toàn trường [H17.17.01.28]. Nhà trường trang bị phần mềm quản lý đào tạo nhằm phục vụ cho việc triển khai các hoạt động đào tạo, đồng thời thực hiện chức năng giám sát, cảnh báo đối với SV về kết quả học tập [H17.17.01.29], [H17.17.01.30], [H17.17.01.31].

Nhà trường giao nhiệm vụ cho Phòng TCHC xây dựng tiêu chí đánh giá năng lực của đội ngũ CB làm công tác hỗ trợ và tiêu chí đánh giá mức độ hài lòng về các dịch vụ hỗ trợ. Bộ tiêu chí đưa ra nhằm đánh giá năng lực của đội ngũ GVCN và nhân viên phục vụ và hỗ trợ người học về tính nhanh nhẹn, linh hoạt, hiểu rõ các nghiệp vụ của công việc, khả năng làm việc độc lập, chủ động, tinh thần học hỏi và cầu tiến,... [H17.17.01.32], [H17.17.01.33]. Trong Đề án vị trí việc làm của Nhà trường ban hành có xác định các tiêu chí về năng lực của đội ngũ CB làm công tác hỗ trợ để từ đó lựa chọn, bố trí các CB làm công tác hỗ trợ của Trường [H17.17.01.34]. Bên cạnh đó, trong kế hoạch đánh giá đội ngũ CB, GV, NV hằng năm của Nhà trường luôn có các tiêu chí đánh giá về mức độ hoàn thành nhiệm vụ của đội ngũ CB, GV, NV nói chung, trong đó có CB làm công tác hỗ trợ nói riêng [H17.17.01.35]. Trong kế hoạch năm học của Nhà trường và của các đơn vị luôn có các chỉ tiêu phấn đấu, trong đó đề cập đến mức độ hài lòng của các bên liên quan về các dịch vụ hỗ trợ [H17.17.01.14]. Nhà trường có bộ tiêu chí đánh giá năng lực của đội ngũ cán bộ, nhân viên hỗ trợ; đo lường và đánh giá mức độ hài lòng về các dịch vụ hỗ trợ; [H17.17.01.36] qua bộ chỉ số KPIs có quy định so chuẩn và đối sánh gồm cả CBHT (Năng lực NCKH; năng lực phát triển CTĐT; năng lực giảng dạy; năng lực giám sát và

TĐG chất lượng công việc; năng lực NC và đóng góp cho cộng đồng,...) [H17.17.01.38], [H17.17.01.39] đối với các hoạt động của Trường nhằm nâng cao mức độ hài lòng của các bên liên quan đối với hoạt động của Trường, trong đó có các dịch vụ hỗ trợ. Ngoài ra, hàng năm Nhà trường đều có kế hoạch tổ chức các khảo sát mức độ hài lòng của NH đối với các đơn vị trong trường về hoạt động giảng dạy và các hoạt động hỗ trợ người học [H17.17.01.37], [H17.17.01.55], [H17.17.01.56].

Tự đánh giá: 5/7

Tiêu chí 17.2. Các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học cũng như hệ thống giám sát người học được triển khai để đáp ứng nhu cầu của các bên liên quan

Năm 2012, Trường ĐH Kinh Bắc thành lập Phòng HTSV với nhiệm vụ chính là cung cấp các hoạt động và dịch vụ hỗ trợ SV [H17.17.02.01]. Cùng với các đơn vị chức năng, Đoàn thanh niên – Hội sinh viên, Trung tâm TV & HTSV đã góp phần hoàn thiện và nâng cao chất lượng các hoạt động phục vụ và hỗ trợ NH. Các đơn vị chức năng trong trường đều có một hệ thống nhân sự chất lượng, có chuyên môn cao, đảm bảo công tác hỗ trợ SV được thực hiện nhanh chóng và chuyên nghiệp [H17.17.02.02].

Năm 2012, Trường ĐH Kinh Bắc thành lập Phòng CTSV là đơn chủ trì và phối hợp với các đơn vị triển khai các hoạt động tư vấn và các dịch vụ hỗ trợ người học [H17.17.02.01], [H17.17.02.02]. Cùng với các đơn vị chức năng, Đoàn thanh niên, Phòng CTSV đã góp phần hoàn thiện và nâng cao chất lượng các hoạt động phục vụ và hỗ trợ NH. Các đơn vị chức năng trong trường đều có một hệ thống nhân sự chất lượng, có chuyên môn cao, đảm bảo công tác hỗ trợ SV được thực hiện nhanh chóng và chuyên nghiệp. Trên cơ sở đó, Phòng CTSV phân công 01 nhân sự của Phòng quản lý và phối hợp với các đơn vị triển khai thực hiện các hoạt động tư vấn và các dịch vụ hỗ trợ người học [H17.17.02.03]. Nhân sự của Phòng CTSV được phân công thực hiện hoạt động tư vấn và các

dịch vụ hỗ trợ người học là những người có kinh nghiệm và tham gia các hoạt động phong trào Đoàn TN [H17.17.02.04]. Các khoa/viện/phòng chuyên môn quản lý SV thuộc ngành mình đào tạo trong suốt quá trình học tập, đồng thời cử giảng viên cơ hữu tham gia hệ thống *Cố vấn học tập* (CVHT) của Trường [H17.17.02.06]; CVHT được các khoa/viện lựa chọn là những GV có đạo đức, lối sống lành mạnh, hiểu sâu cấu trúc nội dung CTĐT để tư vấn, giúp đỡ người học trong suốt quá trình học tập; CVHT có nhiệm vụ hướng dẫn SV phương pháp học tập (học trên lớp/tự học ở nhà) và tư vấn cho SV với các nội dung: Xây dựng kế hoạch học tập cá nhân theo học kỳ/năm học; giúp SV tìm hiểu CTĐT và lựa chọn các học phần/môn học; hướng dẫn SV đăng ký học lại, thi lại; hướng dẫn SV tham gia NCKH,... Trung tâm Tuyển sinh và hợp tác Doanh nghiệp là đơn vị có nhiệm vụ: (i)tổ chức các khóa bồi dưỡng kỹ năng mềm cho SV, (ii) tư vấn, đào tạo hướng nghiệp, khởi nghiệp,... cho SV cuối khóa, (iii)tổ chức hội thảo, giao lưu, đối thoại về việc làm giữa SV và doanh nghiệp, (iv)thiết lập hệ thống thông tin việc làm, giới thiệu việc làm cho SV. Nhà trường luôn tạo điều kiện và cử các CB làm công tác tư vấn và các dịch vụ hỗ trợ người học tham gia các khóa tập huấn, bồi dưỡng nhằm nâng cao chuyên môn nghiệp vụ. Bên cạnh đó, Nhà trường thường xuyên tổ chức các khóa tập huấn cho đội ngũ CB làm công tác tư vấn và các dịch vụ hỗ trợ người học của Trường cũng như đối với đội ngũ CVHT. Đội ngũ CB hỗ trợ của Nhà trường đáp ứng yêu cầu về chuyên môn, trình độ để triển khai các hoạt động tư vấn và các dịch vụ hỗ trợ người học [H17.17.02.05],[H17.17.02.06],[H17.17.02.07]. Căn cứ kế hoạch năm học đã được ban hành, BGH Nhà trường tổ chức họp với các đơn vị và giao trách nhiệm cụ thể để triển khai các hoạt động tư vấn và các dịch vụ hỗ trợ người học [H17.17.02.08], [H17.17.02.09]. Phòng CTSV là đơn vị chủ trì, thường trực để triển khai các hoạt động tư vấn và các dịch vụ hỗ trợ người học của Trường [H17.17.02.02].

Về hỗ trợ tài chính: Nhà trường đã và đang triển khai thực hiện nghiêm túc, giải quyết đầy đủ, chính xác và kịp thời các chế độ chính sách của Đảng và Nhà nước đối với HSSV như: học bổng KKHT, miễn giảm học phí, hỗ trợ chi

phí học tập, hỗ trợ học tập và trợ cấp xã hội cho HSSV. Bên cạnh đó, Nhà trường cũng có những chính sách hỗ trợ tài chính cho SV như: cấp học bổng cho sinh viên được xét tuyển thẳng. Hỗ trợ SV trong trường hợp khó khăn đột xuất, hướng dẫn SV thực hiện thủ tục vay vốn ngân hàng [H17.17.02.10], [H17.17.02.11], [H17.17.02.12]. Hằng năm, Nhà trường hỗ trợ kinh phí hoạt động cho Đoàn TN cũng như tài trợ từ các đối tác chiến lược, thành lập các CLB, nhóm nghiên cứu, các hoạt động ngoại khóa... [H17.17.02.13], [H17.17.02.14], [H17.17.02.15]. Đầu mỗi năm học, Ban quản lý Ký túc xá bố trí chỗ ở cho 100% sinh viên.. Hệ thống KTX của Trường đáp ứng khoảng 1500 nhu cầu chỗ ở nội trú của SV [H17.17.02.16], [H17.17.01.51]. Nhà trường bố trí căng tin, cửa hàng tiện ích phục vụ SV, đảm bảo chất lượng, an toàn vệ sinh và đảm bảo sức khỏe cho SV [H17.17.02.17].

Về *chăm sóc sức khỏe, hoạt động phong trào*: Nhà trường bố trí Phòng Y tế để hỗ trợ các vấn đề về sức khỏe (sơ cứu khi có tai nạn, khám sức khỏe, bảo hiểm y tế) cho SV [H17.17.01.48]. Ngoài ra, việc khám sức khỏe cho SV được tổ chức khám khi SV nhập học hoặc khi kết thúc khóa học, chuẩn bị ra trường [H17.17.02.18], [H17.17.02.19], [H17.17.02.50]. Hiện nay Nhà trường đã phát triển Phòng y tế thành Phòng khám đa khoa với đội ngũ Bác sĩ, kỹ thuật viên nhiều năm kinh nghiệm thường trực hỗ trợ NH các vấn đề về sức khỏe, hướng dẫn sơ cấp cứu và phòng chống một số tai nạn thương tích thường gặp, khám sức khỏe, tư vấn tâm lý cho người học và cho cộng đồng [H17.17.02.50]. .

Về *định hướng nghề nghiệp và giới thiệu việc làm*: Nhà trường thường xuyên phối hợp với các công ty tổ chức chương trình tư vấn kỹ năng nghề nghiệp và ngày hội việc làm cho SV mới nhập trường và chuẩn bị tốt nghiệp, đi trải nghiệm nghề. Trong chu kỳ đánh giá đã có nhiều chương trình tư vấn [H17.17.02.20], [H17.17.02.57], [H17.17.02.58]. Nhà trường ký thỏa thuận hợp tác với nhiều doanh nghiệp trong việc đào tạo và định hướng nghề nghiệp cho SV [H17.17.02.21]. Nhà trường đồng thời giới thiệu cho SV các công việc làm bán thời gian [H17.17.02.22]. Nhà trường luôn tạo nhiều kênh để SV có thể trao đổi trực tiếp với BGH, các phòng, ban, khoa để giải đáp, xử lý các thắc mắc vào

thời gian làm việc của Nhà trường [H17.17.02.23]. Bên cạnh đó, SV được tư vấn khi gặp các vấn đề về học tập và sinh hoạt thông qua hệ thống GVCN kiêm cố vấn học tập [H17.17.02.24], [H17.17.02.25]. Ngoài ra, Phòng CTSV bố trí 1 phòng tiếp SV vào tất cả các ngày làm việc trong tuần để giải quyết các thủ tục hành chính và thắc mắc của SV [H17.17.02.26].

Về phát triển Đảng: Trong nghị quyết chuyên đề của chi bộ về phát triển Đảng viên trong sinh viên Chi bộ trường Đại học Kinh Bắc luôn chú trọng bồi dưỡng, phát triển, kết nạp Đảng viên là sinh viên, trong đó có các sinh viên là người khuyết tật [H17.17.02.27] [H17.17.02.28].

Về đối sinh viên khuyết tật: Nhà trường có các quy định về hỗ trợ, ưu đãi cho sinh viên, đặc biệt, sinh viên khuyết tật từ học tập đến sinh hoạt [H17.17.02.29], [H17.17.02.30], [H17.17.02.31], [H17.17.02.32].

Về Thư viện: Trường có 01 phòng đọc, 01 phòng máy tính (máy nối mạng), kho sách với diện tích mặt sàn 300m²; hàng ngàn đầu sách giáo trình và tài liệu tham khảo, đủ các chuyên ngành; phòng đọc đầy đủ tiện nghi, có máy điều hòa nhiệt độ phục vụ SV tra cứu tài liệu [H17.17.02.33] và có các nội quy của phòng học, đọc, tra cứu thông tin thư viện... [H17.17.02.52] .

Về NCKH: nhằm giúp SV tập làm quen với NCKH, cũng như làm việc nhóm cùng trao đổi một số vấn đề trong học tập, nghiên cứu cho SV, nhất là những Học viên cao học, đã cử các Giảng viên có kinh nghiệm NCKH hỗ trợ các hướng NC cho các Học viên chuẩn bị làm đề tài luận văn Thạc sĩ [H17.17.02.53] .

Về giám sát tiến trình học tập, rèn luyện và hiệu quả học tập của người học được Trường triển khai bằng các quy chế/quy định trong hoạt động học tập và rèn luyện của người học [H17.17.02.54], kiểm tra/giám sát của hệ thống CVHT/GVCN, thông qua hoạt động giám thị học đường, hệ thống các phần mềm quản lý vân tay, quản lý sinh viên, quản lý điểm. Nhà trường giao nhiệm vụ cho Phòng QLĐT, Phòng CTSV, Phòng QLKH và đặc biệt là các Khoa, CVHT triển khai các hoạt động giám sát tiến trình và kết quả học tập của SV [H17.17.02.34]. Phòng QLĐT phân công 01 chuyên viên theo dõi kết quả học tập của SV thông qua phần mềm quản lý đào tạo, trích xuất kết quả học tập của SV và kịp thời gửi

phản hồi đến Ban chủ nhiệm các khoa, CVHT để phối hợp thực hiện giám sát tiến trình học tập của SV [H17.17.02.35], [H17.17.02.36], [H17.17.02.37], [H17.17.02.38], [H17.17.02.55], [H17.17.02.56]. Phòng CTSV phân công 01 chuyên viên theo dõi kết quả rèn luyện của SV toàn trường [H17.17.02.03]. Bên cạnh đó, các Khoa triển khai đồng thời theo dõi tiến trình, kết quả học tập và rèn luyện của SV trong Khoa [H17.17.02.39]. Ngoài ra, CVHT theo dõi tiến trình, kết quả học tập và rèn luyện của SV trong lớp. Phòng Thanh tra của Nhà trường theo dõi việc thực hiện nề nếp học tập của SV và gửi báo kết quả giám sát đến BGH], các đơn vị đặc biệt là các Khoa về các buổi vắng không lý do để kịp thời điều chỉnh, cải tiến [H17.17.02.40], [H17.17.02.59]. CVHT thường xuyên cập nhật tiến trình và kết quả học tập, rèn luyện của SV để kịp thời nhắc nhở những trường hợp SV có kết quả học tập chưa đạt yêu cầu thông qua các buổi họp lớp hoặc thông báo trực tiếp đến SV [H17.17.02.25]. Đánh giá kết quả rèn luyện của SV đại học chính quy đã giúp cho mỗi người học nhìn nhận lại bản thân sau mỗi kỳ học tập và tu dưỡng, tập thể các lớp SV thấy được mình đang đứng ở vị trí nào trong toàn Trường để từ đó có kế hoạch phấn đấu vươn lên đạt kết quả cao hơn ở những kỳ học tiếp theo; hoạt động này tại Trường đã thực sự là kênh giám sát đối với mỗi người học và tập thể các lớp SV.

Nhằm đánh giá về mức độ hài lòng của người học trong việc triển khai các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học, Phòng KT&ĐBCLGD xây dựng kế hoạch khảo sát ý kiến của SV và phối hợp Phòng CTSV tiến hành khảo sát ý kiến của SV về mức độ hài lòng đối với việc triển khai các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học của Nhà trường [H17.17.02.41], [H17.17.02.42], [H17.17.02.43]. Vào cuối mỗi học kỳ, Phòng CTSV phát phiếu khảo sát mức độ hài lòng của SV về việc triển khai các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học [H17.17.02.44], [H17.17.02.45]. Phiếu khảo sát được tổng hợp và gửi về Phòng KT&ĐBCL để xử lý kết quả khảo sát và Phòng KT&ĐBCL gửi báo cáo kết quả khảo sát đến BGH [H17.17.02.46]. Nhà trường thông báo đến các đơn vị kế hoạch cải tiến chất lượng PVCD để áp dụng các biện pháp cải tiến nhằm nâng cao chất lượng các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học, [H17.17.02.47].

Trong giai đoạn 2017-2022, kết quả khảo sát cho thấy SV hài lòng về việc triển khai các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học của Nhà trường [H17.17.02.48], [H17.17.02.49].

Kết quả khảo sát mức độ hài lòng của NH thể hiện bằng bảng sau:

<i>TT</i>	<i>Các tiêu chí đánh giá về các hoạt động phục vụ, hỗ trợ và giám sát người học</i>	<i>Mức độ hài lòng và rất hài lòng (%)</i>
1	Cơ sở vật chất phục vụ hoạt động ngoại khoá; Dịch vụ ăn uống tại nhà ăn, căng tin Trường	80%
2	Người học được đảm bảo chế độ chính sách xã hội	85%
3	Người học được chăm lo khám sức khỏe theo quy định y tế học đường	80%
4	Người học được tạo điều kiện hoạt động Đoàn, Hội, tập luyện văn nghệ, thể dục thể thao	85%
5	Người học được tư vấn hướng nghiệp, giao lưu với doanh nghiệp và tham gia hội chợ việc làm	90%
6	Mức độ hài lòng chung của NH về môi trường sống và học tập tại Trường	85%
<i>Đánh giá chung về hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học</i>		84%

Như vậy, các hoạt động hỗ trợ NH và giám sát NH tại Trường Đại học Kinh Bắc được triển khai theo nguyên tắc có kế hoạch cụ thể, có đơn vị chịu trách nhiệm tư vấn, triển khai, giám sát, có đội ngũ cán bộ, nhân viên hỗ trợ đủ trình độ tư vấn, hỗ trợ NH.

Tự đánh giá: 5/7

Tiêu chí 17.3. Các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học cũng như hệ thống giám sát người học được rà soát

Các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học được Trường thường xuyên rà soát, đánh giá để cải tiến và ngày càng hoàn thiện; các chủ trương, chính sách mới của Đảng và Nhà nước, các quy chế, quy định mới của Bộ GD-ĐT đối với người học được thường xuyên cập nhật trên cổng thông tin điện tử ..., thông qua sinh hoạt lớp, sinh hoạt đoàn/hội,... [H17.17.03.01], [H17.17.03.02]. Căn cứ chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị được quy định trong Quy chế tổ chức hoạt động của Trường đã ban hành, Nhà trường giao nhiệm vụ cho Phòng CTSV triển khai rà soát, đánh giá các hoạt động phục vụ, hỗ trợ người học

[H17.17.03.03], [H17.17.03.04]. Phòng CTSV thông báo đề các đơn vị báo cáo kết quả các hoạt động phục vụ, hỗ trợ người học trong từng học kỳ và năm học để rà soát, đánh giá các hoạt động phục vụ, hỗ trợ người học của Nhà trường [H17.17.03.05]. Dựa trên việc tổng hợp báo cáo kết quả các hoạt động phục vụ, hỗ trợ người học của các đơn vị do Phòng CTSV thực hiện, kết thúc mỗi học kỳ và năm học, BGH Nhà trường tổ chức họp để rà soát, đánh giá các hoạt động phục vụ, hỗ trợ người học của Trường đã thực hiện so với các nội dung, mục tiêu được xác định trong kế hoạch năm học [H17.17.03.06], [H17.17.03.07]. Bên cạnh đó, BGH Nhà trường tiếp nhận các ý kiến góp ý cũng như đề xuất của các đơn vị, SV của Trường trong việc thực hiện các hoạt động phục vụ, hỗ trợ người học [H17.17.03.08], [H17.17.03.21]. Các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học được rà soát/đánh giá thông qua kiến nghị của SV tại các sinh hoạt cuối học kỳ. Những kiến nghị của SV về các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học được Phòng CTSV tổng hợp và báo cáo BGH để có ý kiến chỉ đạo giải quyết....[H17.17.03.02]. Về hỗ trợ người học trong khởi nghiệp-việc làm, sau khi rà soát, đánh giá tình hình việc làm của SV tốt nghiệp, những yêu cầu của thực tế thị trường lao động và trách nhiệm của Nhà trường trong đào tạo khởi nghiệp cho SV...[H17.17.03.09]. Ngoài ra, nhằm hỗ trợ SV được tốt hơn nhà trường còn tiếp nhận ý kiến của SV qua nhiều kênh như: email hoặc trên các group SV, group ban cán sự lớp. Đây cũng là cơ sở để nhà trường rà soát các hoạt động phục vụ và hỗ trợ NH. Bên cạnh đó, chất lượng phục vụ và hỗ trợ người học còn được rà soát, đánh giá thông qua khảo sát ý kiến của CB/GV/NV và SV cuối khóa hàng năm ... [H17.17.03.10]. Trên cơ sở đó, Nhà trường xác định và áp dụng các biện pháp cải tiến chất lượng các hoạt động phục vụ, hỗ trợ người học [H17.17.03.11]. Ngoài ra, các nội dung và biện pháp cải tiến chất lượng các hoạt động phục vụ, hỗ trợ người học được xác định trong kế hoạch năm học tiếp theo, kế hoạch tổ chức tuần sinh hoạt công dân HSSV đầu khóa của Trường [H17.17.03.12], [H17.17.03.20].

Đoàn thanh niên và Hội sinh viên cũng tổ chức các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học, có báo cáo tổng kết đánh giá. Qua báo cáo cho thấy, tỉ lệ SV

tham gia các hoạt động công tác Đoàn và phong trào sinh viên rất nhiệt tình và sôi nổi [H17.17.03.22].

Nhà trường phân công Phòng CTSV thực hiện việc rà soát, đánh giá định kỳ hiệu quả của hệ thống giám sát người học [H17.17.03.13]. Định kỳ từng học kỳ và kết thúc năm học, BGH Nhà trường tổ chức họp lãnh đạo các đơn vị, trong đó Phòng CTSV báo cáo kết quả rà soát, đánh giá định kỳ hiệu quả của hệ thống giám sát người học của Trường [H17.17.03.14], [H17.17.03.15], [H17.17.03.17]. BGH Nhà trường đồng thời tiếp nhận các ý kiến góp ý cũng như đề xuất của các đơn vị của Trường tham gia thực hiện các công việc giám sát người học. Trên cơ sở đó, Nhà trường xác định và áp dụng các biện pháp cải tiến chất lượng hệ thống giám sát người học: Nêu cụ thể các biện pháp cải tiến chất lượng hệ thống giám sát NH mà trường đã thực hiện....[H17.17.03.16].

Kết đánh giá cán bộ viên chức hàng năm cho thấy, hệ thống giám sát người học thực hiện tương đối tốt, nhiều cán bộ viên chức thuộc các đơn vị phòng, khoa, Trung tâm trong trường được tuyên dương, khen thưởng[H17.17.03.18].

Hàng năm, nhà trường đều tổ chức đánh giá các hoạt động phục vụ và hỗ trợ NH nhằm cải tiến chất lượng các hoạt động này như: Khảo sát NH về chất lượng giảng dạy cũng như hoạt động phục vụ và hỗ trợ NH ...Trên cơ sở ý kiến góp ý của NH nhà trường thông báo cho các đơn vị phục vụ và hỗ trợ NH để có kế hoạch rà soát, cải tiến chất lượng các hoạt động để đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu của NH [H17.17.03.19].

Tự đánh giá: 5/7

Tiêu chí 17.4. Các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học cũng như hệ thống giám sát người học được cải tiến để đáp ứng nhu cầu và sự hài lòng của các bên liên quan

Căn cứ ý kiến đóng góp của SV qua biên bản họp lớp, hoạt động đối thoại giữa Nhà trường với SV, ý kiến của CB/GV/NV, phụ huynh SV và kết quả khảo sát mức độ hài lòng của người học, Nhà trường đã có những cải tiến đáng kể nhằm nâng cao chất lượng các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học; Căn cứ

kết quả rà soát, đánh giá các hoạt động phục vụ, hỗ trợ người học hằng năm, BGH Nhà trường phân công các đơn vị triển khai thực hiện các biện pháp cải tiến chất lượng các hoạt động phục vụ, hỗ trợ người học [H17.17.04.01]. Theo đó, Phòng CTSV, QLĐT, Đoàn Thanh niên và các Khoa triển khai cải tiến chất lượng các hoạt động phục vụ, hỗ trợ người học. Các hoạt động phục vụ, hỗ trợ người học của Nhà trường trong giai đoạn 2017-2022 được cải tiến thông qua các chỉ số về chất lượng các hoạt động phục vụ, hỗ trợ người học được cải thiện [H17.17.04.02] .

Về hỗ trợ học tập

Công tác hỗ trợ thủ tục hành chính cho SV: Nhà trường xây dựng nhiều quy trình hướng dẫn SV các thủ tục hành chính, các biểu mẫu để hỗ trợ sinh viên trong quá trình học tập, rèn luyện. Các Quy định đánh giá kết quả rèn luyện của người học, quy trình, biểu mẫu này được công khai trên website của trường đảm bảo chính xác, nhanh chóng và thuận tiện trên phần mềm đào tạo [H17.17.04.17], [H17.17.04.18], [H17.17.04.29] và qua sổ tay sinh viên [H17.17.04.30]. Công tác nhập học cho SV khóa mới cũng được cải tiến các khâu như nộp học phí được thực hiện bằng hình thức chuyển khoản thay vì nộp tiền mặt như trước đây.

. Các hoạt động hỗ trợ cho quá trình học tập của NH như các câu lạc bộ học thuật của SV ngày càng đa dạng về hình thức và nội dung và được giám sát nội dung bởi Đoàn thanh niên – Hội sinh viên trường [H17.17.04.30], các buổi tọa đàm, hội thảo/hoạt động chuyên môn của các Khoa/Viện được tổ chức với nhiều nội dung phong phú, đa dạng , hội nghị nghiên cứu khoa học của SV được tổ chức hàng năm thu hút nhiều SV tham gia [H17.17.04.31],

Về hỗ trợ y tế:

Cải thiện trang thiết bị y tế định kỳ, phát triển Phòng Y tế thành phòng khám đa khoa nhằm tăng tính tiện ích và CSSK cho người học, việc mua bảo hiểm y tế cho SV trước đây được thực hiện 1 lần/năm nhưng hiện nay Nhà trường đã linh động mua thêm nhiều đợt cho SV.

Bên cạnh đó, Nhà trường bố trí 100% sinh viên được ở ký túc xá với phòng ở khang trang, sạch sẽ, đảm bảo an ninh trật tự [H17.17.04.03]. Nhà trường cải tiến, thêm các dịch vụ tiện ích cho SV như: Phòng ở theo nhu cầu, các dịch vụ giặt ủi, siêu thị trong ký túc xá, phòng Gym phục vụ nhu cầu tăng thể lực đẹp thể hình, sân bóng, sân cầu lông... [H17.17.04.04] Nhà trường đồng thời tăng chất lượng dịch vụ phục vụ ăn uống cho SV [H17.17.04.05]. Nhà trường áp dụng chuẩn đầu ra tiếng Anh (Toeic 450), chuẩn đầu ra tin học, tăng cường các lớp kỹ năng mềm để giúp SV có cơ hội tìm việc làm được tốt hơn với kết quả khảo sát SV có việc làm sau 01 năm tăng dần qua từng năm [H17.17.04.06], [H17.17.04.07], [H17.17.04.08], [H17.17.04.09]. Ngoài ra, Nhà trường đa dạng hóa loại hình, địa chỉ kiến tập (theo CTĐT, theo nhóm, theo nhu cầu...) nhằm tạo điều kiện để SV được tiếp xúc, thực hành trong điều kiện việc làm thực tế H17.17.04.10].

Trong giai đoạn 2017-2022, ý kiến của CB, GV, SV về chất lượng các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học thể hiện hầu hết ý kiến của CB, GV, SV hài lòng về chất lượng các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học của Nhà trường [H17.17.04.11], [H17.17.04.12], [H17.17.04.13], [H17.17.04.14], [H17.17.04.15], [H17.17.04.16].

Nhà trường quan tâm, chú trọng việc áp dụng CNTT trong quản lý nói chung và trong quản lý người học nói riêng. Nhà trường đã hợp đồng với công ty Thiên An để thiết kế phần mềm quản lý của Trường, trong đó có các chức năng quản lý SV bao gồm: quản lý và xét học lực từng kỳ học, năm học kết hợp với điểm rèn luyện đưa ra cảnh báo học vụ, khen thưởng hay kỷ luật... Bên cạnh đó, Nhà trường sử dụng phần mềm để quản lý kết quả học tập của người học bao gồm: Điểm học tập từng kỳ học, năm học, điểm rèn luyện, các khen thưởng, kỷ luật [H17.17.04.17], [H17.17.04.18].

Nhà trường thường xuyên tổ chức các khóa tập huấn nâng cao năng lực cho đội ngũ CVHT [H17.17.04.19], [H17.17.04.20], [H17.17.04.21]. Với việc áp dụng phần mềm quản lý, hầu hết ý kiến của CB, GV, SV hài lòng về chất

lượng của phần mềm quản lý của Nhà trường, đặc biệt là trong công tác quản lý người học [H17.17.04.22], [H17.17.04.23] [H17.17.04.24].

Phòng CTSV là đơn vị được giao nhiệm vụ khảo sát ý kiến của người học, cựu người học về các hoạt động phục vụ và hỗ trợ, hệ thống giám sát người học [H17.17.04.11]. Căn cứ kế hoạch khảo sát đã được BGH Nhà trường phê duyệt, Phòng CTSV tiến hành khảo sát ý kiến của người học, cựu người học về các hoạt động phục vụ và hỗ trợ, hệ thống giám sát người học. Việc khảo sát được tiến hành thông qua phiếu khảo sát và khảo sát trực tuyến trên Google Driver [H17.17.04.13], [H17.17.04.24], [H17.17.04.25].

Phòng KT&ĐBCLGD là đơn vị xử lý kết quả khảo sát ý kiến của người học, cựu người học về các hoạt động phục vụ và hỗ trợ, hệ thống giám sát người học, gửi báo cáo BGH và các đơn vị để áp dụng các biện pháp cải tiến các hoạt động phục vụ và hỗ trợ, hệ thống giám sát người học của Trường [H17.17.04.26], [H17.17.04.27].

Năm 2021, kết quả khảo sát về mức độ hài lòng của người học về các hoạt động phục vụ và hỗ trợ cũng như hệ thống giám sát người học đạt trên 85% [H17.17.04.23]. Hầu hết các ý kiến khảo sát cựu SV thể hiện mức độ hài lòng về các hoạt động phục vụ và hỗ trợ, hệ thống giám sát người học của Trường [H17.17.04.25] [H17.17.04.28].

Kết quả khảo sát sinh viên trước khi tốt nghiệp các khóa 4,5,6 về chất lượng của các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học:

<i>TT</i>	<i>Khóa đào tạo</i>	<i>Điểm trung bình (đo theo thang điểm 5)</i>	<i>Tỷ lệ % hài lòng và rất hài lòng</i>
1	4	42,5	85
2	5	40,0	80
3	6	42,5	85

Kết quả khảo sát CB/GV/NV về chất lượng của các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học:

<i>TT</i>	<i>Năm học</i>	<i>Điểm trung bình (đo theo thang điểm 5)</i>	<i>Tỷ lệ % hài lòng và rất hài lòng</i>
1	2016-2017	43,5	87
2	2017-2018	45,0	90
3	2018-2019	42,5	85

Tự đánh giá: 5/7

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 17:

1. Tóm tắt các điểm mạnh

- Các hoạt động phục vụ và hỗ trợ NH của nhà trường đáp ứng tốt nhu cầu của NH và các dịch vụ được rà soát, cải tiến thường xuyên để phục vụ tốt hơn nhu cầu của NH.

- Nhà trường có hệ thống giám sát chặt chẽ, theo sát NH.

- Nhà trường có kế hoạch phân công cụ thể cho các đơn vị theo đúng chức năng nhiệm vụ của đơn vị phụ trách.

- Nhà trường rất quan tâm đến các hoạt động hỗ trợ SV, đặc biệt người khuyết tật, các đơn vị chức năng triển khai tốt các công việc phục vụ SV theo đúng kế hoạch phê duyệt đầu năm học.

- Nhà trường định kỳ hàng năm có kế hoạch rà soát chất lượng các hoạt động hỗ trợ SV thông qua các kênh thông tin phản hồi về các hoạt động hỗ trợ.

- Các đơn vị tham gia vào hoạt động hỗ trợ và giám sát NH luôn có tinh thần cầu thị, tiếp thu các ý kiến phản hồi của NH.

- Nhà trường được nhận nhiều hình thức khen thưởng các cấp đối với các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học, trong đó có người học có nhu cầu đặc biệt.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại

- Một số văn bản, quy định của trường về hoạt động hỗ trợ và phục vụ NH chưa được cập nhật mới theo quy định hiện hành của cấp trên.

- Cần tăng cường bổ sung cập nhật phần mềm trong mọi mặt của hoạt động phục vụ và hỗ trợ NH.

3. Kế hoạch cải tiến

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện [bắt đầu và hoàn thành]
1	Khắc phục tồn	Rà soát, ban hành các văn bản theo quy định hiện	Các đơn vị chức năng	Từ năm học

	tại 1	hành nhằm hỗ trợ và tạo điều kiện thuận lợi cho việc triển khai công tác phục vụ và hỗ trợ NH		2023-2024
2	Khắc phục tồn tại 2	Tăng cường bổ sung cập nhật phần mềm trong mọi mặt của hoạt động phục vụ và hỗ trợ NH, thu thập và xử lý các thông tin khảo sát bằng phần mềm.	TT Thông tin Thư viện và các đơn vị chức năng	Từ năm học 2023-2024
3	Phát huy điểm mạnh 1	Các hoạt động phục vụ và hỗ trợ NH của nhà trường đáp ứng tốt nhu cầu của NH và các dịch vụ được rà soát, cải tiến thường xuyên để phục vụ tốt hơn nhu cầu của NH.	Các đơn vị trong trường	Từ năm học 2023-2024
	Phát huy điểm mạnh 2	Nhà trường có hệ thống giám sát chặt chẽ, theo sát NH.	Các đơn vị trong trường	Từ năm học 2023-2024
	Phát huy điểm mạnh 3	Nhà trường có kế hoạch phân công cụ thể cho các đơn vị theo đúng chức năng nhiệm vụ của đơn vị phụ trách.	Đảng ủy, Ban giám hiệu	Từ năm học 2023-2024
	Phát huy điểm mạnh 4	Nhà trường rất quan tâm đến các hoạt động hỗ trợ SV, các đơn vị chức năng triển khai tốt các công việc phục vụ SV theo đúng kế hoạch phê duyệt đầu năm học	Các đơn vị trong trường	Từ năm học 2023-2024
	Phát huy điểm mạnh 5	Nhà trường định kỳ hàng năm có kế hoạch rà soát chất lượng các hoạt động hỗ trợ SV thông qua các kênh thông tin phản hồi về các hoạt động hỗ trợ.	Phòng TTKT&ĐBCLGD	Từ năm học 2023-2024
	Phát huy điểm mạnh 6	Các đơn vị tham gia vào hoạt động hỗ trợ và giám sát NH luôn có tinh thần cầu thị, tiếp thu các ý kiến phản hồi của NH.	Các đơn vị trong trường	Từ năm học 2023-2024

4. Mức đánh giá

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Tự đánh giá
Tiêu chuẩn 17	5.0
Tiêu chí 17.1	5.0
Tiêu chí 17.2	5.0
Tiêu chí 17.3	5.0
Tiêu chí 17.4	5.0

Tiêu chuẩn 18. Quản lý nghiên cứu khoa học

Tiêu chí 18.1. Thiết lập được hệ thống chỉ đạo, điều hành, thực hiện, giám sát và rà soát các hoạt động nghiên cứu, chất lượng cán bộ nghiên cứu, các nguồn lực và các hoạt động liên quan đến nghiên cứu

Hệ thống chỉ đạo, điều hành, thực hiện, giám sát và rà soát các hoạt động nghiên cứu và liên quan đến NCKH của nhà trường được thiết lập.

Về cơ chế chỉ đạo, điều hành, quản lý: Hiệu trưởng phân công 1 Phó Hiệu trưởng chịu trách nhiệm và chỉ đạo hoạt động NCKH...[H18.18.01.01]. Nhà trường phân công nhiệm vụ cho Phòng QLKH&HTQT là đơn vị quản lý, giám sát, rà soát các hoạt động nghiên cứu của Trường [H18.18.01.02], chức năng nhiệm vụ quyền hạn của phòng theo quyết định số 65/QĐ-ĐHKB ngày 26/3/2014. Phòng QLKH&HTQT có chức năng quản lý NCKH và các vấn đề liên quan đến khoa học công nghệ của nhà trường, sở hữu trí tuệ [H18.18.01.03], [H18.18.01.19]. Trong Quy định về hoạt động khoa học và công nghệ [H18.18.01.04], [H18.18.01.05] quy định rõ: Trong hệ thống quản lý giám sát, rà soát các hoạt động NCKH, nhà trường còn thành lập Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường, với nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng là phân công thực hiện các nhiệm vụ đào tạo, KH&CN; giám sát, rà soát các hoạt động nghiên cứu [H18.18.01.06] , [H18.18.01.20].

Nhà trường đã ban hành rõ Quy trình thực hiện NCKH của trường: VD P.NCKH & HTQT thông báo định hướng NC từng năm gửi tới các đơn vị; các đơn vị làm đề xuất hướng NC phù hợp Đơn vị mình gửi Phòng và tập hợp các ý kiến đề xuất thông qua HĐ KH&ĐT của Nhà trường... [H18.18.01.24], [H18.18.01.25], [H18.18.01.27]. Để đánh giá các công trình NCKH cấp cơ sở, Trường thành lập các Hội đồng đánh giá, nghiệm thu đề tài KH&CN cấp cơ sở

theo năm học, Hội đồng có nhiệm vụ đánh giá, nghiệm thu đề tài KH&CN cấp cơ sở của CBGV và SV [H18.18.01.12].

Trường đã xây dựng các chính sách, cơ chế chỉ đạo thực hiện việc giám sát và rà soát các hoạt động nghiên cứu, như “chế độ làm việc, hướng dẫn tính giờ chuẩn cho các hoạt động khoa học công nghệ đối với giảng viên” [H18.18.01.07], [H18.18.01.21].. Theo đó, khối lượng NCKH của giảng viên được quy định cụ thể theo chức danh như sau: Đối với giảng viên cao cấp là 260 giờ chuẩn; đối với giảng viên chính là 280, giảng viên là 200 giờ chuẩn...[H18.18.01.08]. Trên cơ sở kế hoạch nghiên cứu khoa học [H18.18.01.22], [H18.18.01.23] và dự toán kinh phí NCKH hằng năm và Quy chế thu, chi nội bộ [H18.18.01.09], Nhà trường đã xây dựng kế hoạch tài chính và phân bổ kinh phí cho các hoạt động khoa học công nghệ theo đúng quy định, phù hợp với điều kiện của Trường [H18.18.01.10], [H18.18.01.11].

Để các sản phẩm khoa học công nghệ được tạo ra có chất lượng và thu hút cán bộ, giảng viên, sinh viên tham gia NCKH, Nhà trường đã luôn quan tâm khích lệ về tinh thần, hỗ trợ về tài chính, cơ sở vật chất phục vụ nghiên cứu thông qua các quy định về chính sách khuyến khích, hỗ trợ kinh phí NCKH [H18.18.01.12]. Do vậy, sản phẩm NCKH của cán bộ, giảng viên và sinh viên ngày càng được nâng lên cả về số lượng và chất lượng cụ thể như sau:

Bảng 18.1.1. Bảng thống kê các công trình NCKH của ĐHKB

T	Loại hình NC	2017-2018	2018-2019	2019-2020	2020-2021	2021-2022	Tổng số
I	CBGV						
1	Tổng số đề tài NCKH cấp cơ sở	8	8	9	20	5	52
2	Bài báo đăng Danh mục Scopus			01	05	05	11
3	Tạp chí Khoa học Quốc tế						
4	Bài báo đăng trong tập san cấp trường	03	16	10	25	7	61
5	Số lượng giáo trình/ bài giảng /sách tham khảo						5/2
6	Hội thảo QT						1

7	Hội thảo cấp Trường						3
II	SINH VIÊN						
11	Số lượng sinh viên tham gia đề tài NCKH	13	21	22	27	31	114
12	Số giải thưởng nghiên cứu khoa học, sáng tạo		4	3	3		10
13	Số bài báo được đăng, công trình được công bố		21	22	27	30	100

Các đề tài NCKH của cán bộ giảng viên và sinh viên đều được thực hiện nhằm giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với các địa phương và cơ quan công tác. Bên cạnh đó, nhằm đảm bảo tính pháp lý và bản quyền tác giả đối với các sản phẩm NCKH, Nhà trường đã ban hành các văn bản quy định về tiêu chuẩn đạo đức trong NCKH, hướng dẫn thực thi đạo đức trong NCKH và quy định về quyền sở hữu trí tuệ và quản lý tài sản trí tuệ [H18.18.01.13]. Hàng năm, ngoài việc quản lý các sản phẩm NCKH, Nhà trường đã tăng cường công tác quản lý tài chính cho các hoạt động khoa học đảm bảo tính khách quan thông qua việc công khai các khoản chi cho NCKH [H18.18.01.14].

Hàng năm, việc đánh giá hiệu quả NCKH của giảng viên được thực hiện thông qua phiếu đánh giảng viên với các tiêu chí về: Hướng dẫn sinh viên NCKH, bài báo đăng trên kỷ yếu Hội thảo hoặc tạp chí chuyên ngành, đề tài NCKH các cấp và biên soạn giáo trình, tài liệu học tập. Các tiêu chí này đồng thời là căn cứ để xét mức độ hoàn thành nghĩa vụ NCKH và tham gia tính điểm thi đua năm học [H18.18.01.15], [H18.18.01.16]. Nhà trường đã xây dựng và ban hành bộ tiêu chí đánh giá hiệu quả hoạt động nghiên cứu khoa học (bộ chỉ số KPIs) [H18.18.01.17] để đánh giá hiệu quả NCKH một cách khách quan, phản ánh đúng năng lực và chất lượng các hoạt động KH&CN. Bộ tiêu chí này là căn cứ bổ sung để Nhà trường làm cơ sở đánh giá hiệu quả NCKH, xác định định mức chi trả và hỗ trợ kinh phí cho các hoạt động KH&CN, đồng thời cùng được sử dụng để đánh giá, xếp loại danh hiệu thi đua khen thưởng trong năm học đối với cán bộ, giảng viên [H18.18.01.18].

Tự đánh giá: 5/7

Tiêu chí 18.2. Chiến lược tìm kiếm nguồn kinh phí phục vụ nghiên cứu, thúc đẩy nghiên cứu, phát kiến khoa học, hợp tác và nghiên cứu đỉnh cao được triển khai để đạt được tầm nhìn và sứ mạng của CSGD

Nhà trường luôn quan tâm chú trọng đến việc phát triển các nguồn thu hợp pháp, trong đó có nguồn thu từ hoạt động KHCN. Hằng năm, BGH Nhà trường họp với lãnh đạo các đơn vị, trong đó giao nhiệm vụ cho Phòng QLKH&HTQT là đơn vị chủ trì và phối hợp với các Khoa, các đơn vị tập trung phát triển nguồn thu từ hoạt động KHCN [H18.18.02.01]. Trên cơ sở đó, Phòng QLKH&HTQT và các đơn vị tích cực triển khai đến CB, GV, NV của Nhà trường nhằm tăng cường các đề tài NCKH các cấp, đặc biệt là các đề tài với các đối tác nhằm tăng nguồn thu cho Trường. Trong giai đoạn 2017 - 2022, Nhà trường đã chủ trì và triển khai thực hiện hơn 200 đề tài KHCN cấp trường của giảng viên và NCKH của sinh viên với tổng kinh phí hơn 2 tỷ đồng [H18.18.02.02].

Nhằm thúc đẩy nghiên cứu, phát kiến khoa học, hợp tác và nghiên cứu đỉnh cao để đạt được tầm nhìn và sứ mạng, Nhà trường ban hành Quy chế thành lập và tổ chức hoạt động nhóm nghiên cứu của Trường Đại học Kinh Bắc [H18.18.02.03]. Trong giai đoạn 2017-2022, Nhà trường đã thành lập 03 nhóm nghiên cứu mạnh về “Thực tế ảo và QR code”; “Xây dựng hệ sinh thái khởi nghiệp”; “Phát triển du lịch thông minh trong bối cảnh công nghiệp 4.0” [H18.18.02.04]. Nhà trường dành những chính sách cụ thể để thúc đẩy hoạt động của nhóm nghiên cứu mạnh của Trường.

Bên cạnh việc tăng cường các hoạt động NCKH đối với đội ngũ CB, GV, SV, Nhà trường rất chú trọng đến công tác phối hợp tổ chức hoạt động KHCN đối với các đơn vị bên ngoài. Nhà trường thường xuyên tổ chức nhiều hội thảo khoa học với sự tham gia và phối hợp viết bài, báo cáo giữa CB, GV Trường với các CB, GV của các trường ĐH khác, các tổ chức, doanh nghiệp như: Lễ ký kết hợp tác đào tạo giữa Đại học Kinh Bắc và Học viện Ngân hàng; Lễ ký kết hợp tác đào tạo giữa Đại học Kinh Bắc và Đại học Mỹ thuật công nghiệp; Lễ ký kết

hợp tác đào tạo giữa Đại học Kinh Bắc và Đại học Toyo; Hội thảo hợp tác nghiên cứu khoa học giữa Đại học Kinh Bắc và Đại học Khoa học và Công nghệ Malaysia (MUST); Chương trình thực tập sinh tại Singapore (phối hợp cùng Tập đoàn Du thuyền Universal) [H18.18.02.05]. Bên cạnh đó, Nhà trường ký kết văn bản hợp tác NCKH với Tập đoàn kinh tế Chân - Thiện - Mỹ để triển khai các hoạt động NCKH và chuyển giao công nghệ như sản phẩm nghiên cứu khoa học năm học 2017-2018 là: Máy khắc chữ CNC và xe lăn điện cho người khuyết tật với số tiền thu được là: Một trăm năm mươi triệu đồng [H18.18.02.06].

Trong giai đoạn 2017-2022, Nhà trường triển khai các đề tài NCKH với các đối tác bên ngoài như: ĐH Khoa học và Công nghệ Malaysia về quản lý chất lượng giáo dục đại học, Hội thảo chuyên môn trao đổi phương pháp giảng dạy, thỏa thuận hợp tác nghiên cứu khoa học, Hội thảo áp dụng nghiên cứu khoa học công nghệ vào thực tiễn, hội thảo đồng tổ chức “Khởi sự kinh doanh của sinh viên khối ngành kinh tế”; Giao lưu với diễn đàn Nữ doanh nhân ASEAN; Hợp tác đào tạo với Đại học Toyo; Hợp tác với Tập đoàn du thuyền Universal của Singapore [H18.18.02.07], [H18.18.02.10], [H18.18.02.11].

Hàng năm, căn cứ kế hoạch hoạt động KHCN đã được phê duyệt [H18.18.02.13], Phòng QLKH&HTQT triển khai tổ chức xét duyệt, triển khai các đề tài NCKH các cấp, theo dõi tiến độ thực hiện, tổ chức nghiệm thu theo đúng Quy định quản lý hoạt động KHCN của Trường [H18.18.02.08]. Bên cạnh đó, Phòng KH-TC thực hiện đầy đủ việc chi hỗ trợ kinh phí cho các hoạt động KHCN theo dự toán đã được Hiệu trưởng phê duyệt [H18.18.02.12]. Phòng QLKH&HTQT phối hợp với Phòng KH-TC hướng dẫn cụ thể để các chủ nhiệm đề tài NCKH thực hiện các thủ tục tạm ứng, quyết toán kinh phí đã được cấp đối với đề tài NCKH cấp trường theo quy định. Trong giai đoạn 2017-2022, số lượng đề tài NCKH cấp trường tăng dần qua từng năm [H18.18.02.09], cụ thể bảng dưới đây:

Bảng 18.2.1. Thống kê tổng số đề tài NCKH cấp trường được duyệt trong giai đoạn 2017-2022 (cả sinh viên và cán bộ)

Năm	2017-2018	2018-2019	2019-2020	2020-2021	2021-2022
-----	-----------	-----------	-----------	-----------	-----------

Số đề tài	21	29	31	47	36
------------------	----	----	----	----	----

Tuy nhiên số ĐT của cán bộ chủ yếu từ các GV chuyển từ nơi khác đến làm việc tại trường và của sinh viên chủ yếu là học viên cao học của Trường.

Tự đánh giá: 5/7

Tiêu chí 18.3. Các chỉ số thực hiện chính được sử dụng để đánh giá số lượng và chất lượng nghiên cứu

Trong báo cáo tổng kết hoạt động KHCN&HTQT hàng năm, Nhà trường đã xây dựng các chỉ số thực hiện nhiệm vụ KHCN về số lượng và chất lượng như số lượng đề tài, số lượng bài báo các cấp ... cho từng Khoa để triển khai thực hiện [H18.18.03.08]. Ngoài ra, các nhiệm vụ KHCN còn được định lượng trong kế hoạch hoạt động trung và dài hạn hàng năm của Nhà trường [H18.18.03.09], [H18.18.03.10], [H18.18.03.11]

Phòng QLKH&HTQT là đơn vị được phân công nhiệm vụ đề xuất các chỉ số KPIs cụ thể về số lượng và chất lượng nghiên cứu [H18.18.03.01]. Phòng QLKH&HTQT căn cứ các văn bản quy định của Bộ GD&ĐT về hoạt động KHCN ở trường ĐH, phân tích thực trạng và tiềm lực NCKH của Nhà trường để đề xuất các chỉ số KPIs cụ thể về số lượng và chất lượng nghiên cứu, gửi về Phòng KT&ĐBCLGD để tổng hợp trong bộ chỉ số KPIs của Trường, thông qua cuộc họp giữa BGH với lãnh đạo các đơn vị, trình Hiệu trưởng ký ban hành [H18.18.03.02]. Phòng KT&ĐBCLGD thông báo bộ chỉ số KPIs của Trường, trong đó có các chỉ số KPIs cụ thể về số lượng và chất lượng nghiên cứu đến các đơn vị để thông báo CB, GV, NV, SV biết để thực hiện [H18.18.03.03].

Để triển khai các chỉ số KPIs cụ thể về số lượng và chất lượng nghiên cứu, trong các cuộc họp triển khai kế hoạch năm học, BGH luôn quán triệt, yêu cầu tất cả các đơn vị nghiêm túc thực hiện, trong đó Phòng QLKH&HTQT là đơn vị đánh giá kết quả hoạt động NCKH của toàn trường về số lượng và chất lượng NCKH trong năm học so với các chỉ số KPIs đã ban hành cũng như các chỉ tiêu đã xác định trong kế hoạch năm học [H18.18.03.04], [H18.18.03.12], [H18.18.03.13]. Ngoài ra, Phòng QLKH&HTQT đồng thời đánh giá tác động của hoạt động NCKH và mức độ đóng góp cho xã hội của Nhà trường thông qua

việc tiếp thu ý kiến đánh giá của các đơn vị, cá nhân về hoạt động NCKH của Trường khi tham gia các hội nghị, hội thảo do Trường tổ chức cũng như thông qua ý kiến khảo sát phản hồi của các bên liên quan [H18.18.03.05]. Kết quả đánh giá về chất lượng NCKH, số lượng nghiên cứu, tác động của hoạt động NCKH và mức độ đóng góp cho xã hội của Nhà trường đồng thời được thể hiện trong báo cáo tổng kết năm học của Trường [H18.18.03.06].

Nhà trường giao nhiệm vụ cho Phòng QLKH&HTQT thực hiện rà soát, đánh giá việc thực hiện các chỉ số KPIs về số lượng và chất lượng nghiên cứu của Trường để từ đó có cơ sở điều chỉnh, bổ sung các chỉ số KPIs cho phù hợp với điều kiện thực tiễn và xu thế phát triển của Trường về hoạt động KHCN [H18.18.03.07]. Căn cứ kết quả hoạt động NCKH của Trường đạt được so với chỉ tiêu đã xác định trong kế hoạch năm học cũng như so với các chỉ số KPIs về số lượng và chất lượng nghiên cứu đã xác định, đồng thời tiếp thu ý kiến của các đơn vị tại cuộc họp giao ban về hoạt động NCKH, BGH Nhà trường có những điều chỉnh, bổ sung các chỉ số KPIs về số lượng và chất lượng nghiên cứu cũng như chỉ tiêu, các nội dung triển khai hoạt động NCKH trong kế hoạch năm học. Trong giai đoạn 2017-2022, Nhà trường đã điều chỉnh, bổ sung các chỉ số KPIs về số lượng và chất lượng nghiên cứu qua từng năm với kết quả hoạt động NCKH của Trường được cải thiện đáng kể [H18.18.03.08].

Tự đánh giá: 5/7

Tiêu chí 18.4. Công tác quản lý nghiên cứu được cải tiến để nâng cao chất lượng nghiên cứu và phát kiến khoa học

Trong quá trình cải tiến công tác quản lý NCKH, trường có kế hoạch lấy ý kiến khảo sát của các bên liên quan, về quản lý NCKH [H18.18.04.01]. Nhà trường giao nhiệm vụ cho Phòng KT&ĐBCLGD thực hiện việc lấy ý kiến của các bên liên quan về hoạt động NCKH của Trường. Phòng KT&ĐBCLGD xây dựng kế hoạch khảo sát ý kiến các bên liên quan về chất lượng hoạt động của Nhà trường, trong đó có chất lượng hoạt động NCKH [H18.18.04.02]. Nhằm nâng cao chất lượng nghiên cứu và phát kiến khoa học, vào cuối mỗi năm học Nhà trường đã giao phòng KT&ĐBCLGD phối hợp với phòng ban tiến hành lấy

ý kiến phản hồi về hoạt động NCKH từ các bên thông qua phiếu khảo sát cán bộ, giảng viên và sinh viên trong Nhà trường [H18.18.04.03].

Kết quả rà soát, đánh giá hoạt động NCKH hằng năm của Trường cũng như kết quả khảo sát ý kiến các bên liên quan về chất lượng hoạt động NCKH là cơ sở để Nhà trường xác định các biện pháp cải tiến chất lượng hoạt động NCKH được thể hiện trong kế hoạch năm học tiếp theo. Nhà trường dành kinh phí hằng năm, áp dụng các chính sách cụ thể nhằm đẩy mạnh hoạt động NCKH của Trường. Nêu cụ thể, VD: quy chế chi tiêu nội bộ điều chỉnh tăng mức hỗ trợ cho đề tài NCKH SV cấp trường; tăng mức chi bài báo quốc tế có chỉ số ISI/Scopus...[H18.18.04.04]. Kết quả khảo sát ý kiến các bên liên quan đánh giá mức độ Tốt về công tác quản lý hoạt động NCKH của Trường [H18.18.04.16]. Phòng KT&NCKH căn cứ vào kết quả đó để đưa ra các giải pháp cải tiến công tác quản lý NCKH [H18.18.04.10] trong báo cáo tổng kết hoạt động NCKH hằng năm, đồng thời xây dựng kế hoạch cải tiến trong các năm tiếp theo [H18.18.04.17] , cụ thể: ban hành quy định về đạo đức trong NCKH, quyền SHTT và chống sao chép trong NCKH của cơ quan quản lý cấp trên, NT ban hành các Quy định về một số tiêu chuẩn đạo đức trong hoạt động KH&CN ...[H18.18.04.05]. Trong giai đoạn 2017-2022, tuy là trường ĐH ngoài công lập nhưng Nhà trường đã có nhiều cải thiện trong công tác NCKH của GV và SV như quyết định điều chỉnh về ngân quỹ cho từng hoạt động NCKH [H18.18.04.06], số đề tài tăng lên [H18.18.04.12], [H18.18.04.13],[H18.18.04.14] ; quyết định hỗ trợ cho các tác giả có bài báo quốc tế [H.18.18.04.07]. Nhà trường cũng khuyến khích tính độc lập, sáng tạo của sinh viên bằng việc ký hợp đồng chuyển giao công nghệ sản phẩm nghiên cứu khoa học năm học 2017-2018 là Máy khắc chữ CNC và Xe lăn điện cho người khuyết tật. Nhà trường, nhiều tập thể và cá nhân CB, GV, SV nhận được nhiều hình thức khen thưởng vì đã đạt được thành tích trong hoạt động NCKH [H18.18.04.08], [H18.18.04.11], [H18.18.04.15].

Với sự quan tâm, chỉ đạo sát sao của BGH cùng với những cải tiến phù hợp và sự ủng hộ của cán bộ, giảng viên, các đơn vị trong Trường, công tác

quản lý NCKH của Trường Đại học Kinh Bắc trong những năm qua luôn được đánh giá tốt, việc này được thể hiện thông qua mức độ hài lòng của lãnh đạo, của các giảng viên và sinh viên đối với việc quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học của Nhà trường [H18.18.04.09].

Tự đánh giá: 5/7

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 18:

1. Tóm tắt các điểm mạnh

- Nhà trường ban hành quy định về Quản lý hoạt động KHCN của Trường và thông báo đến các đơn vị, phổ biến đến đội ngũ CB, GV, NV, SV biết để thực hiện.

- Nhà trường đã xác định các chỉ số KPIs cụ thể về số lượng và về chất lượng nghiên cứu của Trường, thông báo đến các đơn vị để thực hiện và sử dụng để đánh giá hoạt động NCKH hằng năm của Trường.

- Nhà trường chú trọng hoạt động hợp tác với các trường Đại học, tổ chức, doanh nghiệp và đã tổ chức được nhiều hội nghị, hội thảo về KHCN cũng như các công trình công bố chung.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại

Những cơ chế, chính sách hiện có của Nhà trường chưa thu hút được nhiều giảng viên tham gia nghiên cứu như kỳ vọng do vậy số lượng hoạt động nghiên cứu còn khiêm tốn. Các đề tài nghiên cứu chủ yếu là từ các cán bộ chuyển công tác từ nơi khác về.

3. Kế hoạch cải tiến

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục tồn tại	- Điều chỉnh bổ sung định mức và kinh phí hỗ trợ nghiên cứu khoa học cho các giảng viên và nhóm nghiên cứu; - Xiết chặt quy chế đối với các cán bộ giảng viên không hoàn thành nghĩa vụ NCKH.	BGH, Trưởng các đơn vị trực thuộc trường và giảng viên	Năm học 2023 - 2024
2	Phát huy điểm mạnh	- Tiếp tục tăng cường công tác quản lý các hoạt động NCKH;	BGH, lãnh đạo các	Năm học 2023 -

		- Hiện thực hóa các nội dung hợp tác với các tổ chức trong và ngoài nước thông qua các hoạt động NCKH có tính ứng dụng	đơn vị và giảng viên	2024
--	--	--	----------------------	------

Từ năm học 2021-2022, Phòng QLKH&HTQT và các Khoa tăng cường liên kết với các cá nhân có kinh nghiệm, thành tích NCKH trong việc phối hợp với đội ngũ CB, GV Nhà trường để thành lập các nhóm nghiên cứu mạnh, nhóm nghiên cứu tiềm năng nhằm nâng cao chất lượng các NCKH của Trường.

4. Mức đánh giá

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Tự đánh giá
<i>Tiêu chuẩn 18</i>	5.0
Tiêu chí 18.1	5.0
Tiêu chí 18.2	5.0
Tiêu chí 18.3	5.0
Tiêu chí 18.4	5.0

Tiêu chuẩn 19. Quản lý tài sản trí tuệ

Tiêu chí 19.1. Thiết lập được hệ thống quản lý và bảo hộ các phát minh, sáng chế, bản quyền và kết quả nghiên cứu

Với triết lý giáo dục của Trường ĐHKB là “Giáo dục toàn diện, chấp cánh tương lai”, Trường ĐHKB luôn đề cao vai trò của đổi mới sáng tạo gắn liền với thực tiễn và hội nhập. Do đó, vấn đề quản lý tài sản trí tuệ đã được nhà trường thiết lập, vận hành các hệ thống quản lý, bảo hộ, ghi nhận, lưu trữ và có cơ chế khai thác tài sản trí tuệ. Năm 2014, Nhà trường đã thiết lập những quy định cụ thể về quản lý đối với tài sản trí tuệ trong Quy định về quản lý hoạt động KHCN. Đến năm 2022, trên cơ sở rà soát các hoạt động về sở hữu trí tuệ cũng như cập nhật các quy định pháp luật về sở hữu trí tuệ, chuyển giao công nghệ và các quy định khác có liên quan của Nhà nước [H19.19.01.17], Nhà trường đã ban hành Quy định quản lý tài sản trí tuệ. Nội dung cơ bản của quy định này

phản ánh rõ chuẩn mực, đạo đức, bảo hộ phát minh, sáng chế, bản quyền và các kết quả nghiên cứu

Quản lý tài sản trí tuệ tại Trường Đại học Kinh Bắc với mục tiêu bảo vệ các sáng tạo trí tuệ của CB, GV, SV, đảm bảo những sáng tạo này không bị sử dụng trái phép. Đây là một phần quan trọng và cấp thiết trong chiến lược đổi mới của Trường. Nhà trường đã thành lập phòng Quản lý Khoa học và Hợp tác Quốc tế (QLKH&HTQT) và phân công Phòng QLKH&HTQT có trách nhiệm hướng dẫn, hỗ trợ bảo hộ các phát minh, sáng chế, bản quyền và kết quả nghiên cứu của CB, GV, SV [H19.19.01.01], [H19.19.01.02], [H19.19.01.03], [H19.19.01.04], [H19.19.01.05]. Bên cạnh đó, Phòng có chức năng khai thác, quản trị TSTT của Trường, xây dựng kế hoạch hoạt động KH-CN, có trách nhiệm xác định các kết quả NC có thể đăng ký sở hữu trí tuệ, hỗ trợ hoạt động NCKH và chuyển giao công nghệ của Trường, hỗ trợ các nhà KH trong việc viết đơn đăng ký SHTT và làm đầu mối giao dịch với Cục SHTT Việt Nam trong việc xử lý đơn, cấp bằng SHTT. Nhà trường đã phân công cho chuyên viên Phòng KH&ĐBCL chuyên trách hỗ trợ, tư vấn cho các hoạt động liên quan đến tài sản trí tuệ [H19.19.01.06].

Để làm cơ sở pháp lý cho hoạt động SHTT tại Trường; nhằm quản lý tốt việc bảo hộ các bản quyền, sáng chế, các phát minh, dữ liệu nghiên cứu, hồ sơ và kết quả nghiên cứu; Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ do Quốc hội và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Sở hữu trí tuệ, quy định của Bộ GD&ĐT, Phòng QLKH&HTQT xây dựng dự thảo *Quy định về quyền SHTT số 390/QĐ-ĐHKB ngày 10/8/2014, Quy định quản lý hoạt động NCKH số 392/QĐ-ngày 10/8/2014* của Trường [H19.19.01.07], [H19.19.01.17], Nhà trường gửi văn bản Quy định về quyền SHTT đến các đơn vị để phổ biến đến CB, GV, SV biết và thực hiện [H19.19.01.08], [H19.19.01.09]. Trong văn bản Quy định về quyền SHTT của Nhà trường ban hành có quy định rõ về việc bảo vệ quyền SHTT, về các sáng chế bản quyền và các kết quả nghiên cứu khác và định giá các đối tượng sở hữu trí tuệ phù hợp với yêu cầu của quốc gia và quốc tế [H19.19.01.08].

Trong văn bản quy định về quản lý hoạt động KHCN cũng như văn bản quy định về SHTT của Nhà trường có quy định rõ *chính sách hỗ trợ* trong giai đoạn chuẩn bị và hỗ trợ khai thác thương mại hóa các đề tài nghiên cứu do CB, GV, SV thực hiện [H19.19.01.09]. Chính sách hỗ trợ trong giai đoạn chuẩn bị và hỗ trợ khai thác các đề tài NCKH của CB, GV, SV Nhà trường thực hiện bao gồm: *Quy định cụ thể về quyền SHTT; Quy định cụ thể về chính sách hỗ trợ trong giai đoạn chuẩn bị và hỗ trợ khai thác thương mại hóa*, Trong đó có các chính sách cụ thể: Hỗ trợ kinh phí thực hiện đề tài NCKH các cấp tối thiểu từ 300 triệu đến 500 triệu đồng; tính thành tích quy đổi thành giờ cho cán bộ, GV nghiên cứu đề tài để xét khen thưởng và nâng bậc thù lao, hỗ trợ cho các bài báo được đăng trên các tạp chí khoa học trong nước và quốc tế bằng quy đổi số tiết/bài để hỗ trợ kinh phí ngoài mức quy định; hỗ trợ kinh phí để CBGV viết và xuất bản các giáo trình, sách chuyên khảo, sách tham khảo 792 triệu đồng; hỗ trợ một phần kinh phí đăng kí bảo hộ quyền tác giả, hỗ trợ kinh phí cho CGCN [H19.19.01.10], [H19.19.01.11].

Việc khai thác, thương mại hoá tài sản trí tuệ (thử nghiệm, sản xuất thử, thương mại hoá/phi thương mại hoá và hướng dẫn trích dẫn) được NT thực hiện theo Quy định quản lý HDSHTT, bao gồm các hình thức khai thác; quy định công bố, quyền và nghĩa vụ về khai thác TSTT của CBGV; các quy định về chuyển giao TSTT; hoạt động xúc tiến thương mại các TSTT; khai thác và phân bổ lợi ích, lợi nhuận, hướng dẫn quy trình đăng ký TSTT và hướng dẫn về việc trích dẫn tài liệu tham khảo, sao chép;... Theo đó, CB, GV, SV Nhà trường được đề nghị đảm bảo quyền lợi đối với các TSTT đang đề nghị đăng ký và khai thác như: Cấp kinh phí hỗ trợ cho việc thu thập tài liệu và mua sắm một số phương tiện, vật liệu cần thiết đáp ứng cho đề tài nghiên cứu. Nhà trường *thông báo và triển khai* đến toàn thể CB, GV, SV thực hiện đúng quy định về việc khai thác tài sản trí tuệ, đặc biệt là tuân thủ các quy định về *trích dẫn trong khoa học* trong quá trình thực hiện các công trình NCKH [H19.19.01.12].

Trong văn bản quy định về quản lý hoạt động KHCN của Nhà trường đã ban hành có quy định cụ thể về các nội dung *cần công bố, theo dõi và lưu trữ kết*

quả nghiên cứu đối với các đề tài NCKH các cấp [H19.19.01.13]. Để công bố, theo dõi và lưu trữ kết quả NCKH, Trường đã quy định quy trình công bố trong Quy chế QLHĐNCKH [H19.19.01.14]. Theo đó, bao gồm Quy trình tuyển chọn đề tài NCKH, giáo trình; Quy trình quản lý, thống kê giờ nghiên cứu khoa học của CBGV và Quy trình cập nhật, quản lý lịch khoa học của CBGV. Thư viện, Nhà trường đã chỉ đạo Phòng QLKH&HTQT phối hợp với Phòng Quản lý Đào tạo và các Khoa có trách nhiệm theo dõi, cập nhật và lưu trữ tài sản trí tuệ của Nhà trường dưới dạng file điện tử và bản cứng [H19.19.01.15]. Các đề tài NCKH của CB, GV, SV Nhà trường đảm bảo thực hiện đúng theo quy trình công bố, theo dõi và lưu trữ kết quả nghiên cứu; khi công bố các bài báo trên tạp chí phải thể hiện bài báo đó được hỗ trợ bằng kinh phí Nhà trường [H19.19.01.16]. Như vậy, Nhà trường đã thiết lập được hệ thống quản lý và bảo hộ tài sản trí tuệ là kết quả nghiên cứu của cán bộ, giảng viên của Nhà trường theo đúng quy định của Nhà nước, và quy định của Trường Đại học KB.

Tự đánh giá: 4/7

Tiêu chí 19.2. Hệ thống ghi nhận, lưu trữ và khai thác tài sản trí tuệ được triển khai

Nhà trường đã đảm bảo các tài sản trí tuệ được đăng kí bảo hộ theo đúng quy định của pháp luật và quy trình, thủ tục đăng kí bảo hộ tài sản trí tuệ của Nhà trường trong Quy định quản lý hoạt động sở hữu trí tuệ (Quyết định Số 390/QĐ-ĐHKB ngày 10/8/2014) [H19.19.02.01]. Các quy định về quyền sở hữu trí tuệ đối với các sản phẩm NCKH như: đăng ký bảo hộ, quy trình đăng ký, biểu mẫu đăng ký, khiếu nại khởi kiện liên quan đến SHTT được phổ biến, hướng dẫn qua các Quy định, Thông báo, Website. Nhà trường giao cho Phòng QLKH & HTQT hỗ trợ, hướng dẫn, khuyến khích CB, GV, SV đăng ký với các sản phẩm NCKH. Các công bố khoa trong nước và quốc tế được thực hiện theo đúng quy định của các tạp chí và tổ chức công bố trong nước và quốc tế; các sách, tài liệu sau khi được nghiệm thu và phê duyệt, được lưu trữ tại Thư viện. Phòng QLKH & HTQT phối hợp cùng với Hội đồng nghiệm thu đề tài NCKH nhận dạng các kết quả nghiên cứu được đăng ký sở hữu trí tuệ trong danh mục

sản phẩm đăng ký của đề tài cũng như trong kết luận, đánh giá của các hội đồng nghiệm thu các đề tài, dự án, các ấn phẩm khoa học, các đăng ký cấp giấy chứng nhận hoàn thành thực hiện đề tài/dự án [H19.19.02.02]. Trong kế hoạch năm học hàng năm của Nhà trường cũng như kế hoạch hoạt động NCKH đều có nội dung về *đăng ký SHTT* đối với các sản phẩm NCKH của Trường [H19.19.02.03]. Bên cạnh đó, trong văn bản quy định về SHTT của Nhà trường ban hành nêu rõ yêu cầu các *TSTT phải được đăng ký bảo hộ theo đúng quy định của pháp luật* [H19.19.02.01]. Trong các cuộc họp giao ban định kỳ, BGH Nhà trường thường xuyên yêu cầu Phòng QLKH&HTQT chủ động phối hợp với các đơn vị để *phổ biến, động viên, khuyến khích, hướng dẫn, hỗ trợ* đề CB, GV, SV tiến hành đăng ký SHTT đối với các sản phẩm NCKH [H19.19.02.04].

Nhà trường giao Phòng QLKH&HTQT chủ trì phối hợp với các đơn vị phổ biến, hướng dẫn, hỗ trợ CBGV các quy định về quyền sở hữu trí tuệ như đăng ký bảo hộ, công nhận sản phẩm KHCN, khiếu nại hoặc khởi kiện về hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ của CBGV trong nhà trường [H19.19.02.05]. Để triển khai thực hiện quy định về SHTT, Phòng QLKH&HTQT đã xây dựng kế hoạch (KH số 279 ngày 10/6/2014), mời báo cáo viên *tập huấn, hướng dẫn* CB, GV về các nội dung cơ bản của SHTT nói chung và văn bản quy định về SHTT của Nhà trường đã ban hành [H19.19.02.06], [H19.19.02.07]. Bên cạnh đó, các đơn vị đồng thời phổ biến đến CB, GV, SV về *quy trình, biểu mẫu cần thực hiện để đăng ký SHTT* cũng như các nội dung liên quan đến việc khiếu nại hoặc khởi kiện về hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ của CB, GV, SV [H19.19.02.08], [H19.19.02.09]. Lồng ghép phổ biến, tuyên truyền các quy định về quyền sở hữu trí tuệ trong các hoạt động KHCN của Nhà trường tại các cuộc họp toàn thể CB, GV. Việc Nhà trường đã thực hiện phổ biến Quy định về quản lý tài sản trí tuệ đã giúp cho tất cả CB, GV, người học của Trường nhận thức rõ về việc không vi phạm quyền sở hữu trí tuệ cũng như ngăn chặn và không cho phép người khác vi phạm quyền sở hữu trí tuệ của bản thân và của Nhà trường [H19.19.02.10].

Nhà trường đã ký kết hợp tác nghiên cứu với Tập đoàn kinh tế Chân – Thiện – Mỹ. Năm 2018, Nhà trường đã chuyển giao công nghệ, gồm 02 sản phẩm nghiên cứu khoa học năm học 2017-2018 là Máy khắc chữ CNC và Xe lăn điện cho người khuyết tật cho Tập đoàn kinh tế Chân – Thiện – Mỹ [H19.19.02.11], [H19.19.02.12].

Quy định về quản lý hoạt động khoa học và công nghệ của Trường; và Quy định quản lý hoạt động sở hữu trí tuệ đã quy định rõ việc xây dựng và lưu giữ cơ sở dữ liệu NCKH và tài sản trí tuệ, trong đó xác định các chỉ số chính đánh giá hoạt động NCKH; lưu trữ dữ liệu về số lượng, thông tin liên quan đến các kết quả đánh giá tài sản trí tuệ; giao nhiệm vụ cho Phòng QLKH&HTQT chủ trì xây dựng và phối hợp với Trung tâm Thư viện Trường lưu giữ cơ sở dữ liệu tài sản trí tuệ [H19.19.02.13]. Toàn bộ cơ sở dữ liệu về tài sản trí tuệ được lưu trữ trong hệ thống lưu trữ của Phòng QLKH&HTQT, Thư viện Trường [H19.19.02.14]. Việc kiểm tra, rà soát các hành vi vi phạm tài sản trí tuệ được thực hiện thông qua việc kiểm tra đánh giá kết quả thực hiện các nhiệm vụ NCKH của CB, GV và SV do Phòng QLKH&HTQT, các tiểu ban nghiệm thu, đánh giá thống nhất và được quy định tại Quy định quản lý hoạt động sở hữu trí tuệ [H19.19.02.09]. Triển khai thực hiện Quy định quản lý hoạt động sở hữu trí tuệ, đến nay Nhà trường chưa phát hiện trường hợp nào xâm phạm về quyền sở hữu trí tuệ [H19.19.02.15], [H19.19.02.16]. Ngoài ra, báo cáo tốt nghiệp, khóa luận tốt nghiệp, luận văn tốt nghiệp, đề tài NCKH... cũng được lưu trữ tại các Khoa chuyên môn và Trung tâm thông tin và thư viện của Nhà trường. Các sản phẩm tài sản trí tuệ của Nhà trường đã được khai thác phục vụ tốt cho hoạt động đào tạo và nghiên cứu khoa học. Các giáo trình, sách tham khảo, đề tài các cấp, luận văn [H19.19.02.17], [H19.19.02.18], [H19.19.02.19], [H19.19.02.20], [H19.19.02.21], [H19.19.02.22], [H19.19.02.23] trên thư viện của Nhà trường được người học mượn đọc, nghiên cứu và học tập .

Tự đánh giá: 4/7

Tiêu chí 19.3. Hệ thống rà soát công tác quản lý tài sản trí tuệ được triển khai thực hiện

Công tác kiểm tra, giám sát các hoạt động SHTT được Nhà trường thực hiện theo đúng Điều 15 của Quy định về quản lý hoạt động sở hữu trí tuệ trong cơ sở GDĐH của Bộ GD&ĐT (*Quyết định số 78/QĐ-BGDĐT ngày 29/12/2008*) [H19.19.03.01]; và Quy định quản lý hoạt động sở hữu trí tuệ của Trường (*Quyết định số 390/QĐ-ĐHKB ngày 10/8/2014*) [H19.19.03.02]. Việc rà soát công tác quản lý TSTT được Nhà trường thực hiện qua các năm nhằm phát hiện, bảo hộ, khai thác TSTT. Rà soát, bổ sung các quy định, quy trình, biểu mẫu về TSTT.

Nhà trường giao nhiệm vụ cho Phòng QLKH&HTQT là đơn vị thường trực và phối hợp với các đơn vị để rà soát công tác quản lý TSTT của Trường, *xây dựng danh mục các TSTT của Trường* [H19.19.03.03]. Phòng QLKH&HTQT tổ chức họp với các đơn vị để rà soát công tác quản lý TSTT của Trường, dựa trên danh mục các TSTT để có thể phát hiện và hỗ trợ tác giả trong công tác bảo hộ, xem có những TSTT nào được đăng ký và những TSTT mang tính phát triển có thể bảo hộ [H19.19.03.04].

Công tác rà soát các văn bản pháp luật hiện hành, các quy trình nghiệp vụ và bổ sung các yếu tố cập nhật có liên quan đến SHTT được thực hiện. Phòng QLKH&HTQT gửi thông báo, hướng dẫn đến các đơn vị về việc triển khai đánh giá công tác quản lý TSTT và xây dựng báo cáo rà soát công tác quản lý TSTT của Trường, báo cáo BGH [H19.19.03.05], [H19.19.03.06], [H19.19.03.07]. Trong đó, yêu cầu nội dung rà soát công tác quản lý tài sản trí tuệ bao gồm: (i) trách nhiệm, nhận thức của các đơn vị, cá nhân trong tổ chức quản lý và khai thác tài sản sở hữu trí tuệ; (ii) các quy định quản lý, bộ máy quản lý hoạt động SHTT; thực hiện bảo hộ TSTT; chính sách và hỗ trợ trong bảo vệ quyền SHTT...; (iii) quy trình và thủ tục đăng ký sở hữu trí tuệ; (iv) lưu trữ kết quả nghiên cứu của Phòng QLKH&HTQT và Thư viện Trường, bảo hộ các phát minh, sáng chế, bản quyền, kết quả nghiên cứu; (v) triển khai thương mại hoá tài sản trí tuệ. Để thực hiện Kế hoạch rà soát, cán bộ/nhân viên chuyên trách của Phòng QLKH&HTQT có trách nhiệm kiểm tra, đối chiếu việc thực hiện và báo cáo kết quả hoạt động NCKH; phối hợp với bộ phận quản lý đề tài để kiểm tra, đánh giá mức độ hoàn

thành và việc bảo hộ, đăng kí quyền sở hữu các sản phẩm sở hữu trí tuệ (các đề tài NCKH, các công bố khoa, các sách, giáo trình, tài liệu; các sáng chế, giải pháp hữu ích...; xuất bản các Tạp chí, Thông báo khoa học) thông qua các buổi nghiệm thu đề tài theo định kỳ, các chứng nhận quyền sở hữu. Việc rà soát các số liệu về hoạt động KHCN được đối chiếu, phân tích, so sánh dữ liệu với kế hoạch hàng năm.

Kết quả kiểm tra, rà soát đã chỉ ra những quy định còn thiếu, cần ban hành như: Quy định quản lý hoạt động sở hữu trí tuệ, Quy chế nghiên cứu khoa học; chỉ ra nội dung quy định chưa phù hợp với yêu cầu thực tiễn (chính sách hỗ trợ công tác NCKH, hỗ trợ đăng ký bảo hộ và sở hữu trí tuệ...); chỉ ra những chỉ tiêu chưa thực hiện được (công bố công trình khoa học trong và ngoài nước, ít đề tài nghiên cứu cấp Bộ và cấp Nhà nước, triển khai thương mại hoá tài sản trí tuệ còn hạn chế) và chỉ ra nguyên nhân từ đó đề ra giải pháp khắc phục, điều chỉnh, cải tiến, bổ sung cho phù hợp. Kết quả rà soát công tác quản lý TSTT của Trường là cơ sở để Nhà trường áp dụng các biện pháp cải tiến số lượng các TSTT của Trường. Năm 2017 và 2022 nhà trường thống kê đánh giá, rà soát công tác quản lý tài sản trí tuệ của Trường có 20 TSTT được rà soát [H19.19.03.08].

Hàng năm, trong báo cáo tổng kết năm học của Nhà trường luôn có nội dung đánh giá về *rà soát công tác quản lý TSTT* của Trường [H19.19.03.09]. Ngoài ra, tại Hội nghị Người lao động hằng năm của Nhà trường có đề cập đến *nội dung công tác quản lý TSTT* của Trường [H19.19.03.10]. Hoạt động này giúp cho đơn vị, CB, GV tổ chức tốt việc thực hiện các hoạt động NCKH trong năm học được kịp thời, đúng tiến độ và đảm bảo chỉ tiêu đề ra. Hoạt động tổng kết, đánh giá kết quả NCKH (bao gồm hoạt động sở hữu trí tuệ) hàng năm được nhà trường công khai tại các Đại hội cổ đông của Nhà trường; qua đó tiếp nhận các ý kiến phản hồi của CB, GV về công tác quản lý tài sản trí tuệ, công tác NCKH đặc biệt là những nội dung hỗ trợ, thúc đẩy hoạt động này [H19.19.03.11].

Tự đánh giá: 4/7

Tiêu chí 19.4. Công tác quản lý tài sản trí tuệ được cải tiến để bảo hộ CSGD, cán bộ nghiên cứu và các lợi ích cộng đồng

Nhà trường chưa có báo cáo kết quả thực hiện cải tiến chất lượng công tác quản lý TSTT một cách cụ thể nhưng việc triển khai quản lý TSTT, thực hiện cải tiến chất lượng về quản lý TSTT được thực hiện thông qua các hoạt động triển khai thực hiện, đánh giá nhiệm vụ KHCN các cấp; biên soạn giáo trình, tài liệu học tập. Trong đó, yêu cầu về trích dẫn tài liệu tham khảo đúng quy định là tiêu chí bắt buộc. Việc triển khai các nhiệm vụ KHCN các cấp của Nhà trường phải đảm bảo quy định về trích dẫn đúng quy định. Trên cơ sở rà soát, đánh giá công tác quản lý tài sản trí tuệ và những ý kiến phản hồi các bên liên quan trong quá trình thực hiện năm 2018, Nhà trường đã xây dựng Kế hoạch cải tiến và triển khai khắc phục một số hạn chế trong công tác quản lý hoạt động NCKH năm 2018-2019 (KH số 610/KH-ĐHKB ngày 09/8/2018 và năm 2019-2020 (KH số 671/KH-ĐHKB ngày 05/8/2019) nhằm đạt mục tiêu đề ra [H19.19.04.01]. Căn cứ kết quả rà soát các hoạt động NCKH và công tác quản lý TSTT, Nhà trường nhận thấy hoạt động NCKH tại trường còn yếu, các TSTT chủ yếu phục vụ cho công tác đào tạo và nâng cao chất lượng giảng dạy [H19.19.04.02]. Nhiều công trình NCKH chưa được đánh giá khả năng thương mại và đăng ký bảo hộ. Nguyên nhân là do mặc dù Nhà trường đã có những thông báo, hướng dẫn và chính sách cụ thể về hoạt động NCKH, nhưng do nhiều GV có học vị cao là GV thỉnh giảng và nguồn kinh phí còn hạn chế [H19.19.04.03]. Từ đó, Nhà trường có các biện pháp và cải tiến để nâng cao hiệu quả của hoạt động NCKH như sau:

BGH phân công cho Phòng QLKH&HTQT phối hợp với các đơn vị, đặc biệt là các Khoa để triển khai các biện pháp cải tiến công tác quản lý TSTT của Trường, tuy nhiên các đề tài NCKH của CB, GV Nhà trường mới chỉ được đăng ký SHTT và chưa có công trình khoa học được cấp phép SHTT. Số lượng TSTT còn ít, một số TSTT được sáng tạo trong quá trình giảng dạy chưa được đăng ký [H19.19.04.04], [H19.19.04.05], [H19.19.04.06], [H19.19.04.07], [H19.19.04.08].

Nhà trường ban hành và áp dụng nhiều chính sách động viên, khuyến khích, tạo điều kiện để CB, GV, SV đăng ký SHTT như: Xây dựng hệ thống cơ chế giám sát, tăng cường hệ thống quản lý và triển khai các hoạt động SHTT trong công tác đào tạo, NCKH; *Tuyển dụng CB chuyên trách cử đi đào tạo, tập huấn về công tác SHTT*; *Xây dựng dự thảo thành lập bộ phận chuyên trách quản lý tài sản SHTT trực thuộc Phòng QLKH&HTQT* [H19.19.04.09]; Xây dựng quy chế quản trị tài sản trí tuệ, Quy trình đăng ký bảo hộ SHTT và Quy trình chuyển giao công nghệ; Cải tiến các chính sách tài chính cho hoạt động KHCN, về SHTT,... [H19.19.04.10], [H19.19.04.11], [H19.19.04.12]. Trong báo cáo tổng kết năm học của Nhà trường và của Phòng QLKH&HTQT có nội dung đánh giá về việc thực hiện cải tiến chất lượng công tác quản lý TSTT cũng như công tác quản lý TSTT của Trường [H19.19.04.13], [H19.19.04.14].

Từ việc xác định việc tiếp thu phản hồi ý kiến của cán bộ, giảng viên nhân viên và người học các năm cuối và trước khi tốt nghiệp; cựu người học, nhà tuyển dụng rất quan trọng cho việc đánh giá cải tiến xây dựng kế hoạch ĐT, NCKH&CN, sở hữu trí tuệ, Nhà trường đều xây dựng và thực hiện Kế hoạch khảo sát ý kiến phản hồi của các bên liên quan (CB, GV, NV; người học các năm cuối và trước khi tốt nghiệp; cựu người học, nhà tuyển dụng) về ĐT, NCKH&CN, sở hữu trí tuệ, các dịch vụ hỗ trợ CB, GV, NV và người học của Trường; trong đó, bao gồm cả công tác triển khai các hoạt động sở hữu trí tuệ; Trong nội dung khảo sát ý kiến các bên liên quan về chất lượng hoạt động của Nhà trường có nội dung khảo sát ý kiến CB, GV về công tác quản lý TSTT năm giai đoạn 2017 - 2022 của Trường [H19.19.04.15], [H19.19.04.16], [H19.19.04.17], [H19.19.04.18]. Các chính sách về NCKH được phổ biến, rà soát, cải tiến nhằm tăng hiệu quả hoạt động KHCN, Sở hữu trí tuệ của Nhà trường, đáp ứng nhu cầu và sự hài lòng của các bên liên quan. Kết quả khảo sát các bên liên quan về TSTT đều thể hiện ý kiến hài lòng trên 80% [H19.19.04.19].

Tự đánh giá: 4/7

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 19:

1. Tóm tắt các điểm mạnh

- Nhà trường phân công cụ thể cho Phòng QLKH&HTQT là đơn vị thường trực và phối hợp với các đơn vị, đặc biệt là các Khoa thực hiện công tác quản lý TSTT của Trường.

- Căn cứ các văn bản quy định về SHTT, Nhà trường xây dựng và ban hành văn bản quy định về SHTT của Trường làm cơ sở cho việc quản lý hoạt động SHTT.

- Nhà trường đã tổ chức tập huấn và phổ biến đến CB, GV, SV quy định về SHTT của Trường để họ biết và thực hiện.

- Hàng năm, Phòng QLKH&HTQT và các đơn vị tiến hành rà soát, đánh giá công tác quản lý các TSTT của Trường và khảo sát ý kiến CB, GV về công tác quản lý TSTT của Trường.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại

- Các đề tài NCKH của CB, GV Nhà trường mới chỉ được đăng ký SHTT và chưa có công trình khoa học được cấp phép SHTT.

- Số lượng TSTT còn ít, một số TSTT được sáng tạo trong quá trình giảng dạy chưa được đăng ký.

3. Kế hoạch cải tiến

Trong giai đoạn 2021-2025, Nhà trường tăng cường các biện pháp (nêu rõ các biện pháp là gì) động viên, khuyến khích CB, GV, SV đăng ký SHTT các đề tài NCKH đã thực hiện nhằm đạt được tối thiểu 02 TSTT được công nhận.

3. Kế hoạch cải tiến

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện [bắt đầu và hoàn thành]
1	Khắc phục tồn tại	- Trong giai đoạn 2021-2025, Nhà trường lập KH, tăng cường các biện pháp (nêu rõ các biện pháp là gì) động viên, khuyến khích CB, GV, SV đăng ký SHTT các đề tài NCKH đã thực hiện nhằm đạt	BGH, Phòng QLKH&HTQT chủ trì phối hợp với các đơn vị	2023-2025

		được tối thiểu 02 TSTT được công nhận.		
2	Phát huy điểm mạnh	Nhà trường luôn cập nhật hệ thống văn bản quy định về quyền SHTT tạo hành lang pháp lý cho việc quản lý hoạt động SHTT, hướng đến chuyển giao công nghệ của các công trình nghiên cứu.	Phòng ĐT-NCKH	2023-2024

4. Mức đánh giá

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Tự đánh giá
Tiêu chuẩn 19	4.0
Tiêu chí 19.1	4.0
Tiêu chí 19.2	4.0
Tiêu chí 19.3	4.0
Tiêu chí 19.4	4.0

Tiêu chuẩn 20. Hợp tác và đối tác nghiên cứu khoa học

Tiêu chí 20.1. Xây dựng hệ thống để thiết lập các mối quan hệ hợp tác và đối tác trong nghiên cứu nhằm đáp ứng các mục tiêu nghiên cứu

Trong các Nghị quyết hằng năm của HĐQT Nhà trường luôn có các nội dung chú trọng đến việc thiết lập, phát triển các mối quan hệ hợp tác giữa Trường với các đối tác trong nước và quốc tế, trong đó có hợp tác trong nghiên cứu theo SM, TN của Trường [H20.20.01.01], [H20.20.01.02], [H20.20.01.03], [H20.20.01.04]. Bên cạnh đó, trong văn bản Quy định về hoạt động HTQT do Nhà trường ban hành có nội dung quy định cụ thể về thiết lập các mối quan hệ hợp tác trong nghiên cứu nhằm đáp ứng các mục tiêu nghiên cứu [H20.20.01.05]. Ngoài ra, kế hoạch hằng năm của các đơn vị và các tổ chức đoàn thể luôn có nội dung cụ thể về việc tham gia thiết lập, phát triển các mối quan hệ hợp tác trong hoạt động ĐT, NCKH và PVCD nhằm hiện thực hóa các mục tiêu chiến lược của Nhà trường, trong đó có các mục tiêu nghiên cứu [H20.20.01.06].

Trong KHCL giai đoạn 2013-2020 tầm nhìn 2025 của Nhà trường cũng như trong kế hoạch trung hạn giai đoạn 2015-2017 và giai đoạn 2018-2020 có nội dung chiến lược phát triển hợp tác, đối tác phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn của Trường [H20.20.01.07], [H20.20.01.08], [H20.20.01.09], Quy chế tổ chức

hoạt động Trường Đại học Kinh Bắc [H20.20.01.20], và Nghị quyết của Đảng ủy, HĐT [H20.20.01.23], [H20.20.01.24]. Bên cạnh đó, trong kế hoạch năm học hằng năm của Nhà trường có các nội dung cụ thể về phát triển hợp tác, đối tác phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn của Trường, trong đó đối với các đối tác quốc tế chú trọng phát triển với Trường Đại học Toyo Nhật Bản, Trung tâm Giáo dục Toppik Korea, Tập đoàn Univeral Shipmanagementpte, Trường Đại học Yibin Trung Quốc, Trường Đại học Khoa học và Công nghệ Malaysia và đối với các đối tác trong nước chú trọng phát triển với Tập đoàn Mường Thanh, Học viện Ngân hàng, Trường Đại học Mỹ thuật, Công ty CP Du lịch Tân Phú, Tập đoàn kinh tế Chân - Thiện - Mỹ, Tập đoàn Foxconn - Hồng Hải, Công ty GTN Việt Nam, Công ty TNHH Đào tạo Lego, Khách sạn Sofia, Công ty Việt Nhân, chuỗi các công ty tại Vincom Bắc Ninh, Ngân hàng Seabank Bắc Ninh, Ngân hàng Tiên Phong, Khách sạn Thành Công - Cát Bà. BGH triển khai đến các đơn vị tham gia phát triển hợp tác, đối tác theo định hướng công nghiệp đã xác định [H20.20.01.10], [H20.20.01.11].

Trong Quy định về hoạt động HTQT do Nhà trường ban hành có phân công trách nhiệm cụ thể cho các đơn vị trong việc thiết lập các mối quan hệ hợp tác trong nghiên cứu nhằm đáp ứng các mục tiêu nghiên cứu của Trường [H20.20.01.05]. Nhà trường phân công trách nhiệm cho Phòng QLKH&HTQT là đơn vị chủ trì việc tìm kiếm, thiết lập các mối quan hệ hợp tác trong nghiên cứu nhằm đáp ứng các mục tiêu nghiên cứu của Trường, bổ sung nhân sự cho phòng [H20.20.01.12], [H20.20.01.22]. Bên cạnh đó, các Khoa có trách nhiệm tích cực tham gia và phát triển các mối quan hệ hợp tác trong nghiên cứu nhằm đáp ứng các mục tiêu nghiên cứu của Nhà trường [H20.20.01.13]. Ngoài ra, Nhà trường thường xuyên động viên, khuyến khích các CB, GV học tập, nghiên cứu trong và ngoài nước có trách nhiệm tích cực tham gia và phát triển các mối quan hệ hợp tác trong nghiên cứu nhằm đáp ứng các mục tiêu nghiên cứu của Nhà trường [H20.20.01.14], [H20.20.01.21]. Trong các cuộc họp giao ban định kỳ, BGH luôn quán triệt, yêu cầu các đơn vị trong Trường nỗ lực tìm

kiểm, thiết lập các mối quan hệ hợp tác trong nghiên cứu nhằm đáp ứng các mục tiêu nghiên cứu của Trường [H20.20.01.15].

Trong văn bản quy định về bộ chỉ số KPIs do Nhà trường ban hành có các chỉ số KPIs đối với việc phát triển số lượng các đối tác, hợp tác trong nghiên cứu của Trường [H20.20.01.16]. Bên cạnh đó, trong KHCL giai đoạn 2013-2020 tầm nhìn 2025, kế hoạch trung hạn giai đoạn 2015-2017 và giai đoạn 2018-2020 cũng như kế hoạch năm học hằng năm của Nhà trường luôn có các chỉ số KPIs đối với việc phát triển số lượng các đối tác, hợp tác trong nghiên cứu của Trường [H20.20.01.07], [H20.20.01.08], [H20.20.01.09], [H20.20.01.16]. Nhà trường thông báo, triển khai các chỉ số KPIs đối với việc phát triển số lượng các đối tác, hợp tác trong nghiên cứu của Trường đến các đơn vị, đặc biệt là Phòng QLKH&HTQT. Bên cạnh đó, hằng năm, Phòng QLKH&HTQT và các Khoa sử dụng các chỉ số KPIs đối với việc phát triển số lượng các đối tác, hợp tác trong nghiên cứu của Trường để đánh giá mức độ và kết quả đạt được của Nhà trường trong việc phát triển số lượng các đối tác, hợp tác trong nghiên cứu và thể hiện trong báo cáo tổng kết năm học của Trường. Trong giai đoạn 2015-2020, Nhà trường đã tiếp 4 đoàn khách quốc tế đến thăm và làm việc với Trường, đồng thời cử 2 lượt CB, GV tham gia học tập, nghiên cứu tại nước ngoài. [H20.20.01.16], [H20.20.01.18], [H20.20.01.19].

Tự đánh giá: 5/7

Tiêu chí 20.2. Triển khai được các chính sách và quy trình thúc đẩy hợp tác và đối tác nghiên cứu

Hằng năm, trong cuộc họp giao ban triển khai kế hoạch năm học, BGH luôn quán triệt, yêu cầu các đơn vị tập trung triển khai thực hiện phát triển hợp tác, đối tác nghiên cứu theo kế hoạch đã ban hành và nhằm đạt được các chỉ số KPIs đã xác định [H20.20.02.01], [H20.20.02.02], [H20.20.02.03], [H20.20.02.04], [H20.20.02.05], [H20.20.02.06], [H20.20.02.07]. Trên cơ sở đó, Phòng QLKH&HTQT chủ động phối hợp với các Khoa, các đơn vị để xác định các đối tác và thực hiện các bước thiết lập, phát triển hợp tác, đối tác theo quy định [H20.20.02.08]. Trong giai đoạn 2017-2022, Nhà trường đã thiết lập, phát

triển với 15 đối tác trong nước, 06 đối tác quốc tế đến từ các quốc gia: Hoa Kỳ, Nhật Bản, Hàn Quốc, Trung Quốc, Singapore, Malaysia [H20.20.02.09], [H20.20.02.10], [H20.20.02.11].

Căn cứ văn bản quy định về việc lựa chọn đối tác và hợp tác đã được ban hành, Phòng QLKH&HTQT tìm kiếm thông tin, báo cáo BGH và lãnh đạo các đơn vị tại cuộc họp giao ban để xác định đối tác và hợp tác NCKH phù hợp với SM, TN của Trường [H20.20.02.09], [H20.20.02.12]. Căn cứ nội dung thống nhất về việc xác định đối tác và hợp tác NCKH phù hợp với SM, TN của Trường, Phòng QLKH&HTQT tiến hành liên hệ với đối tác và thực hiện các bước thiết lập quan hệ hợp tác, đối tác theo quy định. Bên cạnh đó, các đơn vị của Trường, đặc biệt là các Khoa và các CB, GV đã và đang học tập sau đại học ở nước ngoài tích cực, chủ động tìm kiếm, giới thiệu các đối tác phù hợp để Nhà trường thiết lập, ký kết hợp tác trong NCKH [H20.20.02.13], [H20.20.02.14].

Hằng năm, Phòng QLKH&HTQT của Nhà trường tiếp nhận nhiều lời mời hợp tác của các trường ĐH, các doanh nghiệp trong và ngoài nước [H20.20.02.15].

Trên cơ sở đó, Phòng QLKH&HTQT tham mưu BGH Nhà trường lựa chọn và thiết lập quan hệ hợp tác, đối tác với các trường ĐH, các doanh nghiệp trong và ngoài nước để triển khai thực hiện các hoạt động NCKH chung [H20.20.02.09], [H20.20.02.12], [H20.20.02.13]. Trong giai đoạn 2017-2022, Nhà trường đã phối hợp với các đối tác trong và ngoài nước để tổ chức 02 hội nghị, hội thảo khoa học, trong đó hợp tác nghiệm thu công trình nghiên cứu khoa học của sinh viên Khoa CNTT-ĐTTT với Tập đoàn kinh tế Chân - Thiện - Mỹ; trao đổi giảng viên và sinh viên với trường Đại học Khoa học và Công nghệ Malaysia [H20.20.02.10], [H1.20.02.11], [H20.20.02.16]. Ngoài ra, CB, GV Nhà trường tích cực phối hợp với các đơn vị, cá nhân bên ngoài Trường để thực hiện đề tài cấp trường với 300 đề tài nghiên cứu khoa học cũng như đăng tải các bài báo khoa học, xuất bản sách và giáo trình từ năm 2017-2022. Nhà trường đã tiếp nhận 05 tình nguyện viên người nước ngoài tham gia giảng dạy và nghiên cứu tại trường [H20.20.02.17].

Nhà trường luôn áp dụng nhiều chế độ hỗ trợ kinh phí đối với CB, GV, SV tham dự hội nghị, hội thảo, các cuộc thi, khóa tập huấn ngắn hạn ở trong và ngoài nước nhằm góp phần tìm kiếm, phát triển các hợp tác, đối tác nghiên cứu [H20.20.02.18], [H20.20.02.19], [H20.20.02.20]. Nhà trường thường xuyên tổ chức chương trình hợp tác giao lưu của SV Nhà trường với SV các trường ĐH khác ở trong và ngoài nước. Thông qua việc tham dự các hội nghị, hội thảo, các cuộc thi cũng như các khóa tập huấn, đội ngũ CB, GV, SV Nhà trường có cơ hội tiếp xúc với các GS, các nhà nghiên cứu, các SV của các trường ĐH khác để trao đổi chuyên môn, học tập kinh nghiệm cũng như góp phần thiết lập các mối quan hệ hợp tác với Trường [H20.20.02.10]. [H20.20.02.11]. Bên cạnh đó, trong Quy chế chi tiêu nội bộ của Nhà trường luôn có nội dung quy định về việc dành kinh phí, chi phí cho hoạt động tiếp đón các đoàn khách quốc tế đến thăm và làm việc tại Trường [H20.20.02.18]. Trong giai đoạn 2017-2019, số lượng đoàn ra, đoàn vào của Nhà trường tăng lên qua từng năm [H20.20.02.21].

Bên cạnh việc đón tiếp các đoàn khách quốc tế đến liên hệ làm việc, tìm kiếm cơ hội hợp tác, Nhà trường chủ động mời các chuyên gia nước ngoài đến trường làm việc, khảo sát để từ đó thiết lập các hợp tác, đối tác nghiên cứu [H20.20.02.15]. Nhà trường luôn chú trọng triển khai các văn bản ký kết với các trường ĐH, các doanh nghiệp ở trong và ngoài nước [H20.20.02.10], [H20.20.02.11]. Trong trường hợp các văn bản hợp tác chậm triển khai, Nhà trường tiến hành rà soát, đánh giá để từ đó tăng cường liên hệ thông tin với các đối tác để cụ thể hóa các văn bản hợp tác thành các hoạt động NCKH cụ thể trong thực tế [H20.20.02.08], [H20.20.02.22].

Thông qua các hoạt động hợp tác với các đối tác trong và ngoài nước, Nhà trường đã được hỗ trợ và trang bị nhiều thiết bị, phương tiện nghiên cứu hiện đại cũng như góp phần đáng kể nâng cao chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ CB, GV, NV của Trường [H20.20.02.23]. Nhà trường đã hợp tác với Học viện ngân hàng, Đại học Mỹ thuật công nghiệp, Đại học Khoa học và Công nghệ Malaysia, Đại học Yinbin Trung Quốc. Bên cạnh việc tăng cường phát triển các mối quan hệ hợp tác với đối tác nước ngoài, Nhà trường đã triển khai nhiều quan

hệ, hợp tác với các tổ chức, doanh nghiệp ở địa phương và trong cả nước, trong đó năm 2017-2018 Nhà trường đã được Tập đoàn kinh tế Chân - Thiện - Mỹ nghiệm thu sản phẩm nghiên cứu khoa học Máy khắc chữ CNC và Xe lăn điện cho người khuyết tật [H20.20.02.24]. Nhà trường đã có các nguồn thu từ hoạt động nghiên cứu thông qua các đề tài NCKH cấp trường do CB, GV chủ trì hoặc phối hợp, tham gia nghiên cứu [H20.20.02.18]. Trong giai đoạn 2017-2022, CB, GV, SV Nhà trường đã thực hiện 166 đề tài cấp trường [H20.20.02.17] và 72 bài báo chung trên các tạp chí trong nước và Quốc tế [H20.20.02.25].

Tự đánh giá: 5/7

Tiêu chí 20.3. Hệ thống rà soát tính hiệu quả của hợp tác và đối tác nghiên cứu được triển khai thực hiện

Công tác rà soát tính hiệu quả của hợp tác và đối tác nghiên cứu được Nhà trường triển khai thực hiện thường xuyên, thông qua việc phân công rõ chức năng nhiệm vụ, quyền hạn của các đơn vị chức năng có liên quan và việc phối hợp giữa các đơn vị để đánh giá hiệu quả công tác hợp tác quốc tế hàng năm. Trong đó Phòng KHCN&HTQT là đầu mối triển khai và báo cáo tình hình thực hiện công tác hợp tác quốc tế của Nhà trường tới Ban Giám Hiệu. Theo Quy định về chức năng nhiệm vụ và quyền hạn của các đơn vị chức năng thuộc Trường ĐH KB, có quy định rõ về chức năng, nhiệm vụ của Phòng KHCN&HTQT trong công tác quản lý hoạt động hợp tác quốc tế như sau: Tham mưu cho Hiệu trưởng về công tác quản lý hoạt động khoa học và chuyển giao công nghệ, giáo trình, tạp chí và hoạt động hợp tác quốc tế; tổ chức, triển khai thực hiện công tác quản lý và phát triển hoạt động khoa học và chuyển giao công nghệ, giáo trình và hợp tác quốc tế của Nhà trường. Trong văn bản quy định về việc lựa chọn đối tác và hợp tác của Nhà trường đã được ban hành đồng thời có quy định về quy trình rà soát tính hiệu quả trong hợp tác NCKH [H20.20.03.01], [H20.20.03.02], Quy chế quản lý hoạt động đối ngoại của Trường Đại học [H20.20.03.18]. Nhà trường phân công nhiệm vụ cho Phòng QLKH&HTQT là đơn vị rà soát tính hiệu quả hoạt động hợp tác trong NCKH của Trường [H20.20.03.03] [H20.20.03.21],. Bên cạnh đó, Nhà trường yêu cầu

các đơn vị tiến hành rà soát tính hiệu quả trong hợp tác NCKH với các đơn vị đối tác [H20.20.03.04], [H20.20.03.05], [H20.20.03.06]. Trên cơ sở rà soát tính hiệu quả hoạt động hợp tác trong NCKH, Nhà trường áp dụng các biện pháp phù hợp nhằm tăng cường hiệu quả hoạt động hợp tác trong NCKH [H20.20.03.07], [H20.20.03.08].

Định kỳ hằng năm, Phòng QLKH&HTQT rà soát kết quả triển khai các hoạt động hợp tác NCKH so với các văn bản hợp tác đã ký kết [H20.20.03.09], [H20.20.03.10]. Đối với các hợp tác đã triển khai và đạt được kết quả hợp tác trong NCKH, Nhà trường tiếp tục triển khai các hoạt động theo thỏa thuận và kế hoạch đã thống nhất [H20.20.03.11]. Đối với các trường hợp không đạt kết quả NCKH theo như văn bản thỏa thuận, Nhà trường giao nhiệm vụ cho Phòng QLKH&HTQT tăng cường liên lạc, thúc đẩy và áp dụng các biện pháp phù hợp để triển khai các hoạt động hợp tác trong NCKH. Với các đối tác không triển khai các hoạt động hợp tác trong NCKH theo như văn bản hợp tác, Nhà trường gửi công văn yêu cầu phối hợp triển khai các hoạt động hợp tác NCKH theo như thỏa thuận [H20.20.03.12]. Trong trường hợp 03 năm không triển khai hoạt động hợp tác trong NCKH, Nhà trường rà soát để chấm dứt hợp tác và tìm kiếm đối tác mới [H20.20.03.13], [H20.20.03.14].

Định kỳ mỗi học kỳ và cuối năm học, Phòng QLKH&HTQT rà soát, thống kê các đề tài nghiên cứu đang thực hiện đặc biệt là các đề tài NCKH có phối hợp thực hiện với các đối tác bên ngoài [H20.20.03.15]. Bên cạnh đó, Phòng QLKH&HTQT phối hợp với các đơn vị tiến hành rà soát tính hiệu quả của các hợp tác về tài chính, cơ sở vật chất; rà soát về số lượng hợp tác, số hội thảo, số đoàn vào, đoàn ra, số lượng bài báo được công bố trên các tạp chí danh tiếng trong và ngoài nước. Năm 2017 và năm 2019, Phòng QLKH&HTQT phối hợp với các đơn vị rà soát về hiệu quả và nguồn lực mang lại từ các hoạt động hợp tác trong ĐT, NCKH từ các đối tác của Trường [H20.20.03.16]. Bên cạnh đó, trong báo cáo tổng kết năm học của Nhà trường luôn đánh giá về hiệu quả và nguồn lực mang lại từ các hoạt động hợp tác trong ĐT, NCKH từ các đối tác của Trường [H20.20.03.17].

Hệ thống văn bản quản lý nhà nước liên quan đến hoạt động hợp tác quốc tế đều được phòng KHCN&HTQT rà soát, cập nhật và lưu trữ các văn bản có hiệu lực hiện hành để bảo đảm mọi hoạt động hợp tác quốc tế tuân thủ đúng quy định. Các văn bản sau khi được rà soát, điều chỉnh, bổ sung và ban hành đến toàn bộ cán bộ, giảng viên và nhân viên thông qua đường email, công văn và được đưa lên website của Nhà trường.

Tự đánh giá: 5/7

Tiêu chí 20.4. Các hoạt động hợp tác và đối tác nghiên cứu được cải thiện để đạt được các mục tiêu nghiên cứu

Nhà trường có nhiều phương thức, hình thức và những mô hình đa dạng hợp tác, liên kết với các đối tác trong và ngoài nước trong triển khai các hoạt động NCKH và chuyển giao công nghệ như: Tổ chức hội thảo, hội nghị, tập huấn, semina...

Qua rà soát, đánh giá hiệu quả của các hoạt động hợp tác trong và ngoài nước, Nhà trường xác định được thế mạnh của Trường trong NCKH với từng đối tác và tiếp tục duy trì mối quan hệ hợp tác với các đối tác có hiệu quả như: Công ty CP Du lịch Tân Phú, Tập đoàn kinh tế Chân - Thiện - Mỹ, Tập đoàn Foxconn - Hồng Hải để thực hiện các đề tài nghiên cứu chung giữa 2 bên. Đồng thời, Nhà trường tổ chức lại đơn vị hợp tác và đối tác nghiên cứu, nhằm thống nhất chỉ đạo công tác hợp tác và đối tác nghiên cứu, cải thiện các hoạt động hợp tác để đạt được mục tiêu nghiên cứu [H20.20.04.01]; [H20.20.04.02], [H20.20.04.03].

Để tăng tính hiệu quả của hợp tác và đối tác nghiên cứu, nhà trường giao cho các khoa triển khai thêm các chương trình hợp tác với đại học nước ngoài nhằm trao đổi học thuật, trao đổi sinh viên, tổ chức hội thảo khoa học chuyên ngành và đào tạo sinh viên tài năng và nâng cấp đối tác chiến lược như: Nhà trường tổ chức được một số hội thảo khoa học về quản lý doanh nghiệp vừa và nhỏ, đào tạo nguồn nhân lực trong thời đại Công nghiệp 4.0 [H20.20.04.04]; kí kết văn bản ghi nhớ Hợp tác phát triển khoa học công nghệ với Tập đoàn Nexttech, tập đoàn Kangaroo và nhiều công ty khác như Công ty Cổ phần Quốc

tế ICO...[H20.20.04.05], [H20.20.04.06], đưa SV đi thực tập trải nghiệm tại các Công ty, doanh nghiệp, các hoạt động đoàn thanh niên tại cộng đồng.. [H20.20.04.15], [H20.20.04.16], [H20.20.04.17].

Từ năm học 2017-2022, đã phát triển loại hình hợp tác các đối tác trong và ngoài nước của Nhà trường trong hoạt động NCKH đã đạt được nhiều kết quả và đáp ứng được mục tiêu nghiên cứu Trường đã đề ra [H20.20.04.07]. CB, GV của Nhà trường đã thực hiện 52 đề tài NCKH, trong đó có sự tham gia, hợp tác của các đối tác bên ngoài Trường [H20.20.04.08]. Bên cạnh đó, CB, GV của Nhà trường đã công bố 72 bài báo khoa học trên các tạp chí trong và ngoài nước, xuất bản 07 sách và giáo trình với sự hợp tác, tham gia của các đối tác bên ngoài Trường [H20.20.04.09].

Trong quá trình thực hiện dự án với đối tác, Nhà trường luôn kịp thời điều chỉnh, bổ sung các biện pháp cần thiết để cải thiện mối quan hệ, giúp dự án đạt được mục tiêu đề ra, trong giai đoạn 2017-2022, hàng trăm lượt CB, GV Nhà trường đã tham gia các khóa đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ ở trong và ngoài nước, trong đó có 05 TS, 40 ThS. Bên cạnh đó, 10 SV được Nhà trường cử tham dự các khóa tham quan học tập ở trong và ngoài nước, 01 SV được nhận học bổng được tài trợ bởi các tổ chức, doanh nghiệp trong nước và quốc tế [H20.20.04.10], [H20.20.04.11], [H20.20.04.12]. Hoạt động hợp tác và phát triển đối tác NCKH của Nhà trường đã góp phần quan trọng nâng cao chất lượng đội ngũ giảng dạy, chất lượng đào tạo, uy tín của Nhà trường ngày càng tăng. Tuy nhiên, nguồn thu từ các hoạt động đối tác NCKH của Nhà trường vẫn còn hạn chế.

Tự đánh giá: 5/7

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 20:

1. Tóm tắt các điểm mạnh

Nhà trường có Chiến lược, kế hoạch phát triển đối tác và hợp tác NCKH; có quy chế, quy định về quản lý chương trình hợp tác đào tạo và NCKH; thường xuyên và điều chỉnh kịp thời, mở rộng các mối quan hệ hợp tác đồng thời tổ chức triển khai nhiều hình thức phát triển hợp tác trong đào tạo và NCKH.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại

Nhà trường chưa có cơ chế về tài chính tìm kiếm đối tác NCKH hấp dẫn hơn.

3. Kế hoạch cải tiến

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục tồn tại	Ban hành cơ chế cụ thể, rõ ràng về tài chính khuyến khích cá nhân, đơn vị tìm kiếm đối tác NCKH	BGH; P.QLKH&HTQT; Các khoa	Giai đoạn 2023-2025.
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục duy trì các đối tác hiện tại và phát triển các đối tác mới phù hợp với yêu cầu của xã hội	BGH; P.QLKH&HTQT; Các khoa	Giai đoạn 2023-2025.

4. Mức đánh giá

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Tự đánh giá
Tiêu chuẩn 20	5.0
Tiêu chí 20.1	5.0
Tiêu chí 20.2	5.0
Tiêu chí 20.3	5.0
Tiêu chí 20.4	5.0

Tiêu chuẩn 21: Kết nối và phục vụ cộng đồng

Tiêu chí 21.1. Xây dựng được kế hoạch kết nối và cung cấp các dịch vụ phục vụ cộng đồng để thực hiện tầm nhìn và sứ mạng của CSGD

Bên cạnh đào tạo và nghiên cứu khoa học, kết nối và phục vụ cộng đồng là một nhiệm vụ quan trọng của các trường Đại học nói chung và trường Đại học Kinh bắc nói riêng. Từ năm 2017, để toàn bộ giảng viên và cán bộ nhân viên nhà trường biết và hiểu về các hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng. Với vai trò tiên phong trong các hoạt động xã hội- thiện nguyện, đồng thời là vai trò dẫn dắt của nền kinh tế tri thức và cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 hiện nay của một cơ sở giáo dục đại học. Đảng ủy, BGH Nhà trường rất chú trọng đến việc triển khai thực hiện các hoạt động kết nối và PVCD để thực hiện tầm nhìn và sứ mạng đã xác định [H21.21.01.01], [H21.21.01.02]. Trong nội dung Nghị quyết của Đảng ủy hàng năm cũng như kế hoạch năm học, lãnh đạo Nhà trường luôn có chính

sách và kế hoạch kết nối và cung cấp các dịch vụ PVCD [H21.21.01.03], [H21.21.01.04].

Nhà trường phân công phòng TCHC là đơn vị xây dựng kế hoạch, chính sách kết nối và cung cấp các dịch vụ PVCD, chính sách này của Nhà trường được thể hiện rõ ràng, đó là văn bản ban hành chính sách về triển khai các hoạt động kết nối và cung cấp các dịch vụ PVCD của Trường Đại học Kinh Bắc [H21.21.01.05], [H21.21.01.06]. Để việc thực hiện các hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng thống nhất giữa các đơn vị, tuân thủ các quy định của pháp luật, Nhà trường đã ban hành “Quy định hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng của trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh” [H21.21.01.19].

Căn cứ chính sách, kế hoạch về kết nối và cung cấp các dịch vụ PVCD của Nhà trường được thể hiện trong kế hoạch năm học, các đơn vị theo chức năng, nhiệm vụ được phân công, tiến hành xây dựng kế hoạch kết nối và cung cấp các dịch vụ PVCD và được thể hiện trong kế hoạch năm học của đơn vị [H21.21.01.07], [H21.21.01.08], [H21.21.01.09], [H21.21.01.10], [H21.21.01.11], [H21.21.01.12].

Nhà trường phân công Phòng TC-HC là đơn vị xây dựng văn bản quản lý hoạt động kết nối và cung cấp các dịch vụ PVCD [H21.21.01.13], [H21.21.01.14]. Phòng TCHC căn cứ các quy định của Bộ GD&ĐT về hoạt động kết nối và cung cấp các dịch vụ PVCD tiến hành xây dựng dự thảo, tổ chức họp với lãnh đạo các đơn vị dưới sự chủ trì của BGH, tiếp thu ý kiến và chỉnh sửa dự thảo, trình Hiệu trưởng ký ban hành Quy định về hoạt động kết nối và cung cấp các dịch vụ PVCD của Trường [H21.21.01.15], [H21.21.01.16], [H21.21.01.17], [H21.21.01.18], [H21.21.01.19]. Các chính sách và quy định về hoạt động KN&PVCD của Nhà trường được đăng trên website Nhà trường để các bên liên quan dễ dàng tiếp cận, đồng thời gửi văn bản quy định về hoạt động kết nối và cung cấp các dịch vụ PVCD đến các đơn vị để triển khai thực hiện [H21.21.01.20]. Trong văn bản quy định về hoạt động kết nối và cung cấp các dịch vụ PVCD có quy định rõ nội dung về theo dõi, giám sát, định kỳ báo cáo

kết quả triển khai các hoạt động kết nối và cung cấp các dịch vụ PVCD của Trường [H21.21.01.21].

Trong quy định về hoạt động kết nối và cung cấp các dịch vụ PVCD của Nhà trường ban hành đồng thời có sự phân công trách nhiệm cụ thể cho các đơn vị. Theo đó, Phòng QLĐT và các Khoa là đơn vị triển khai các hoạt động kết nối và cung cấp các dịch vụ ĐT. Phòng QLĐT, QLKH&HTQT và các Khoa là đơn vị triển khai các hoạt động kết nối và cung cấp các dịch vụ NCKH phù hợp với Quy định về công tác tổ chức, quản lý, thực hiện hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên [H21.21.01.28].

Phòng CTSV, Công đoàn, Đoàn TN, Trung tâm tuyển sinh là đơn vị triển khai các hoạt động kết nối và cung cấp các dịch vụ PVCD [H21.21.01.22], [H21.21.01.23], [H21.21.01.25], [H21.21.01.26], [H21.21.01.27]. Những năm qua, Nhà trường có nhiều hợp đồng, ký kết hợp tác với các đối tác trong lĩnh vực kết nối và cung cấp các dịch vụ phục vụ cộng đồng [H21.21.01.24]. Tới năm 2022, quy định này được rà soát, sửa đổi để được phù hợp hơn với các quy định mới của pháp luật và tình hình thực tế của Nhà trường [H21.21.01.29]. Trong quá trình rà soát, sửa đổi có tiến hành họp lấy ý kiến của Ban Kết nối và phục vụ cộng đồng [H21.21.01.30].

Tự đánh giá: 5/7

Tiêu chí 21.2. Các chính sách và hướng dẫn cho hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng được thực hiện

Căn cứ vào “Quy định hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng của trường Đại học Kinh Bắc” [H21.21.02.01], Nhà trường đã gửi văn bản quy định về các hoạt động kết nối và cung cấp các dịch vụ PVCD của Trường đến các đơn vị trực thuộc để phổ biến đến toàn thể CB, GV, NV và SV [H21.21.02.02], [H21.21.02.03], [H21.21.02.04], Đồng thời, tại các cuộc họp giao ban định kỳ với lãnh đạo các đơn vị, BGH luôn quán triệt, yêu cầu các đơn vị triển khai các hoạt động kết nối và cung cấp các dịch vụ PVCD đã được xác định trong năm học tới các phòng chức năng.

Phòng QLĐT và các Khoa triển khai các hoạt động kết nối và cung cấp các dịch vụ ĐT như: Đào tạo tiếng Anh, tin học; đào tạo nghiệp vụ hướng dẫn viên du lịch, nghiệp vụ nhà hàng khách sạn; đào tạo kế toán trưởng. Phòng QLĐT, Phòng QLKH&HTQT và các Khoa có trách nhiệm triển khai các hoạt động kết nối và cung cấp các dịch vụ NCKH như: Tổ chức các hội nghị NCKH của giảng viên, sinh viên; chuyển giao một số sản phẩm nghiên cứu khoa học cho Trường Đại học Kinh Bắc và Tập đoàn kinh tế Chân - Thiện - Mỹ.

Phòng CTSV, Công đoàn, Đoàn TN có trách nhiệm triển khai các hoạt động kết nối và cung cấp các dịch vụ PVCD như: Tổ chức cho sinh viên thực tập trải nghiệm thực tế có hưởng lương tại các công ty, doanh nghiệp; thành lập quỹ hỗ trợ sinh viên là người khuyết tật; tổ chức cuộc thi sinh viên thanh lịch, chương trình tiếp sức mùa thi, hiến máu tình nguyện,...

Trong giai đoạn 2017-2022, Nhà trường đã đạt những kết quả khả quan về các hoạt động kết nối và cung cấp các dịch vụ PVCD. Trong lĩnh vực đào tạo, Nhà trường đã tổ chức nhiều khóa đào tạo ngắn hạn như: đào tạo nghiệp vụ hướng dẫn viên du lịch, chứng chỉ ứng dụng CNTT cơ bản, chứng chỉ ngoại ngữ cho hàng nghìn học viên [H21.21.02.05], [H21.21.02.06].

Trong lĩnh vực NCKH, hằng năm, Nhà trường tổ chức hội nghị NCKH, thu hút ngày càng nhiều giảng viên và sinh viên tham gia [H21.21.02.07]. Giảng viên của Trường đã có những bài báo được đăng trên các tạp chí khoa học quốc tế uy tín [H21.21.02.08]. Từ hoạt động NCKH, sinh viên của Trường đã chế tạo được một số sản phẩm có tính ứng dụng thực tiễn cao như: Chuyển giao phần mềm quản lý kết quả học tập cho Phòng KT&ĐBCLGD, chuyển giao xe lăn điện cho người khuyết tật và máy khắc CNC cho Tập đoàn kinh tế Chân - Thiện - Mỹ [H21.21.02.09]. Trong hoạt động NCKH, Nhà trường luôn hợp tác chặt chẽ với các cơ quan chức năng và các đối tác, các nhà tuyển dụng. Trong buổi bảo vệ khóa luận tốt nghiệp của sinh viên khoa CNTT-ĐTTT luôn có sự tham dự của Trưởng phòng Quản lý Khoa học - Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Bắc Ninh, từ đó chọn ra những khóa luận xuất sắc để hỗ trợ, hoàn thiện thêm

[H21.21.02.10]. Đặc biệt, CLB sinh viên NCKH của Trường còn thu hút được sự tài trợ từ VNPT Bắc Ninh và các nhà tuyển dụng [H21.21.02.11].

Hoạt động hiến máu tình nguyện của Nhà trường đạt được những kết quả tích cực, trong các năm 2017, năm 2018, năm 2019, Nhà trường là một trong những đơn vị dẫn đầu thành phố về thành tích hiến máu tình nguyện. Nhà trường nhận được Bằng khen của Trung ương Hội chữ thập đỏ Việt Nam vì có thành tích xuất sắc trong chương trình Hành trình đỏ [H21.21.02.12].

Hằng năm Trường đều triển khai kế hoạch hỗ trợ các thí sinh trong kỳ thi THPT Quốc gia trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh [H21.21.02.13], Kế hoạch tổ chức ngày hội tư vấn tuyển sinh, và nhiều các hoạt động khác [H21.21.02.29] , [H21.21.02.30].

Công tác tổ chức sinh viên đi trải nghiệm thực tế có hướng lương luôn được Nhà trường quan tâm, hằng năm Khoa CNTT-ĐTTT, khoa Du lịch tổ chức cho hàng trăm sinh viên đi thực tập [H21.21.02.14].

Chương trình Sinh viên thanh lịch Trường Đại học Kinh Bắc nhận được sự quan tâm lớn của xã hội, VNPT Bắc Ninh và Khách sạn Mường Thanh Luxury Bắc Ninh là các nhà tài trợ chính, từ những cuộc thi này sinh viên Đại học Kinh Bắc đã giành nhiều giải thưởng cao như: Giải nhất cuộc thi “Người đẹp Kinh Bắc 2017”, Giải Người đẹp thân thiện cuộc thi “Người đẹp Kinh Bắc 2019”, Giải ba cuộc thi “Hành trình bài ca sinh viên khu vực đồng bằng, trung du Bắc bộ” [H21.21.02.15].

Nhà trường là trường Đại học đầu tiên dành chỉ tiêu đào tạo sinh viên là người khuyết tật. Nhà trường xây dựng quỹ hàng trăm triệu đồng để hỗ trợ sinh viên là người khuyết tật, sinh viên nghèo vượt khó bằng những chính sách cụ thể như: Miễn phí ký túc xá, giảm 50% học phí toàn khóa học, sắp xếp việc làm sau khi tốt nghiệp [H21.21.02.16].

Trong giai đoạn 2017-2022, Nhà trường đã dành hơn 7.063 triệu đồng chi cho các hoạt động PVCD và thu được hơn 2.5 tỷ đồng từ các hoạt động kết nối và PVCD [H21.21.02.17].

Trong quá trình xây dựng văn bản quy định về quản lý và hướng dẫn thực hiện các hoạt động kết nối và cung cấp các dịch vụ phục vụ cộng đồng, Phòng TCHC Nhà trường tham khảo và tuân thủ các văn bản quy định của Bộ GD&ĐT và các văn bản khác của pháp luật [H21.21.02.18]. Tại cuộc họp giữa BGH với lãnh đạo các đơn vị để thông qua văn bản quy định về các hoạt động kết nối và cung cấp các dịch vụ PVCD, BGH và lãnh đạo các đơn vị lưu ý đến sự phù hợp, tuân thủ các văn bản quy định của pháp luật [H21.21.02.19]. Trong giai đoạn 2017-2022, các hoạt động kết nối và cung cấp các dịch vụ PVCD của Nhà trường thực hiện luôn đảm bảo và tuân thủ đúng các quy định của pháp luật, không có bất kỳ sai phạm liên quan đến pháp luật [H21.21.02.20], [H21.21.02.21], [H21.21.02.22], [H21.21.02.23], [H21.21.02.24], [H21.21.02.25].

Với những thành tích trong việc triển khai và thực hiện các hoạt động kết nối và cung cấp các dịch vụ PVCD, Đảng bộ và các đoàn thể của Nhà trường đã nhận được nhiều hình thức khen thưởng của các cấp như: Đảng bộ Nhà trường 05 năm liền (2013-2018) được công nhận là Đảng bộ trong sạch vững mạnh; Công đoàn Nhà trường được công nhận là Công đoàn cơ sở vững mạnh, Đoàn TN nhiều lần được chứng nhận của Đoàn cấp trên là đơn vị vững mạnh trong công tác Đoàn và phong trào Thanh niên [H21.21.02.26], [H21.21.02.27]. Từ năm 2013 đến năm 2017, Nhà trường liên tục nhận được Bằng khen của Bộ Trưởng Bộ GD&ĐT, UBND tỉnh Bắc Ninh; Năm 2018 nhận Cờ thi đua đơn vị xuất sắc dẫn đầu phong trào thi đua, 07 tập thể và 13 cá nhân được tặng Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Ninh [H21.21.02.28].

Tự đánh giá: 6/7

Tiêu chí 21.3. Triển khai được hệ thống đo lường, giám sát việc kết nối và phục vụ cộng đồng

Nhà trường ban hành bộ chỉ số KPIs để đo lường, đánh giá các hoạt động của Trường, trong đó có đánh giá kết quả hoạt động kết nối và cung cấp các dịch vụ PVCD [H21.21.03.01], [H21.21.03.02], [H21.21.03.03]. Bên cạnh đó, trong kế hoạch năm học của Nhà trường và của các đơn vị có chỉ tiêu phấn đấu để đo

lượng, đánh giá kết quả các hoạt động, trong đó có hoạt động kết nối và cung cấp các dịch vụ PVCĐ [H21.21.03.04], [H21.21.03.05], [H21.21.03.06], [H21.21.03.07], [H21.21.03.08], [H21.21.03.09]. Tại các cuộc họp giao ban với lãnh đạo các đơn vị, BGH Nhà trường yêu cầu các đơn vị sử dụng chỉ số KPIs cũng như các chỉ tiêu phấn đấu trong kế hoạch năm học để đo lường, đánh giá kết quả hoạt động kết nối và cung cấp các dịch vụ PVCĐ của Trường và của đơn vị [H21.21.03.10].

Phòng CTSV là đơn vị được giao nhiệm vụ xây dựng và quản lý CSDL cấp trường về các hoạt động kết nối và PVCĐ [H21.21.03.11], [H21.21.03.12]. Lãnh đạo Phòng CTSV phân công 01 nhân sự phụ trách việc thu thập, xử lý, lưu trữ, cập nhật CSDL của toàn trường về các hoạt động kết nối và PVCĐ [H21.21.03.11], [H21.21.03.13]. CSDL của Nhà trường về các hoạt động phục vụ cộng đồng bao gồm: Kế hoạch, các bên tham gia, các đóng góp cho xã hội, kinh phí của Nhà trường chi cho các hoạt động PVCĐ, các nguồn lực thu nhận được từ các hoạt động dịch vụ và chuyển giao thông qua các hoạt động kết nối và PVCĐ. Bên cạnh đó, các đơn vị của Trường lưu trữ dữ liệu đối với các hoạt động kết nối và PVCĐ do đơn vị thực hiện, đồng thời định kỳ hằng tháng cập nhật dữ liệu về các hoạt động kết nối và PVCĐ đã thực hiện cũng như định kỳ hằng năm báo cáo Phòng CTSV để cập nhật CSDL của Nhà trường [H21.21.03.14].

Nhà trường giao nhiệm vụ cho Phòng CTSV là đơn vị theo dõi, giám sát các hoạt động kết nối và cung cấp các dịch vụ PVCĐ của Trường [H21.21.03.15] dựa trên Văn bản của Nhà nước và quy định của Nhà Trường [H21.21.03.24] [H21.21.03.25]. Bên cạnh đó, các đơn vị tham gia các hoạt động kết nối và cung cấp các dịch vụ PVCĐ được giao nhiệm vụ tự giám sát hoạt động của đơn vị đã thực hiện [H21.21.03.16]. Định kỳ hằng năm, trước khi kết thúc năm học, các đơn vị tham gia các hoạt động kết nối và cung cấp các dịch vụ PVCĐ gửi báo cáo kết quả hoạt động kết nối và cung cấp các dịch vụ PVCĐ của đơn vị đã thực hiện về Phòng CTSV để tổng hợp [H21.21.03.17]. Ngoài ra, Phòng Thanh tra của Trường triển khai công tác giám sát, thanh tra

việc triển khai các hoạt động kết nối và cung cấp các dịch vụ PVCD của các đơn vị theo chức năng, nhiệm vụ được phân công [H21.21.03.18].

Phòng CTSV tiến hành tổng hợp báo cáo kết quả hoạt động kết nối và cung cấp các dịch vụ PVCD của đơn vị đã thực hiện và xây dựng báo cáo tổng kết hoạt động kết nối và cung cấp các dịch vụ PVCD của Nhà trường [H21.21.03.19]. Bên cạnh đó, trong báo cáo tổng kết năm học hằng năm, Nhà trường đánh giá kết quả hoạt động kết nối và cung cấp các dịch vụ PVCD so với chỉ số KPIs đã xác định cũng như các chỉ tiêu phân đầu trong kế hoạch năm học [H21.21.03.20]. Ngoài ra, tại Hội nghị Người lao động hằng năm, Nhà trường tiến hành đánh giá cũng như tiếp thu ý kiến của CB, GV, NV về kết quả hoạt động kết nối và cung cấp các dịch vụ PVCD của Trường đã đạt được [H21.21.03.21].

Trong giai đoạn 2017-2022, kết quả và hiệu quả các hoạt động kết nối và cung cấp các dịch vụ PVCD của Nhà trường tăng lên qua từng năm [H21.21.03.19], [H21.21.03.23]. Hằng năm, Nhà trường tổ chức lấy ý kiến phản hồi của CB, GV, NV, SV và các bên liên quan ngoài trường về hoạt động kết nối và PVCD, từ kết quả tổng hợp các ý kiến Nhà trường tổ chức cải tiến, nâng cao chất lượng hoạt động kết nối và PVCD [H21.21.03.22].

Tự đánh giá: 5/7

Tiêu chí 21.4. Việc cung cấp các dịch vụ phục vụ và kết nối cộng đồng được cải tiến để đáp ứng nhu cầu và sự hài lòng của các bên liên quan

Trong kế hoạch năm học hằng năm của Nhà trường luôn có các nội dung cụ thể về các hoạt động kết nối và PVCD với các kết quả dự kiến luôn cao hơn năm học trước [H21.21.04.01]. Bên cạnh đó, Nhà trường phân công trách nhiệm cụ thể cho các đơn vị thực hiện các hoạt động kết nối và cung cấp các dịch vụ PVCD [H21.21.04.02].

Hằng năm, Nhà trường luôn dành kinh phí cho việc triển khai các hoạt động ĐT, NCKH và PVCD [H21.21.04.03]. Ngoài ra, căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, trong kế hoạch năm học của các đơn vị luôn có các nội dung triển khai các hoạt động ĐT, NCKH và PVCD [H21.21.04.04].

BGH Nhà trường cũng như lãnh đạo các đơn vị phổ biến, triển khai đến các đơn vị cũng như đội ngũ CB, GV, NV tham gia thực hiện các hoạt động kết nối và cung cấp các dịch vụ PVCĐ của Trường và của đơn vị [H21.21.04.05], [H21.21.04.06], [H21.21.04.07].

Nhà trường giao nhiệm vụ cho Phòng KT&ĐBCLGD triển khai lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về hoạt động kết nối và cung cấp các dịch vụ PVCĐ [H21.21.04.08], [H21.21.04.09], [H21.21.04.10], [H21.21.04.11]. Phòng KT&ĐBCLGD xây dựng kế hoạch khảo sát ý kiến của CB, GV, NV, SV về các hoạt động kết nối và PVCĐ [H21.21.04.12]. Đối với các bên liên quan bên ngoài Trường, các đơn vị triển khai lấy ý kiến của các doanh nghiệp sử dụng lao động, cựu SV về hoạt động kết nối và cung cấp các dịch vụ PVCĐ của Trường thông qua các hội nghị, hội thảo do Nhà trường tổ chức [H21.21.04.13]. Phòng KT&ĐBCLGD tổng hợp dữ liệu đánh giá của các bên liên quan về hoạt động kết nối và cung cấp các dịch vụ PVCĐ của Trường và báo cáo BGH cũng như gửi đến các đơn vị để xác định, áp dụng các biện pháp cải tiến việc cung cấp các dịch vụ PVCĐ của Trường [H21.21.04.14], [H21.21.04.15], [H21.21.04.16]. Nhà trường triển khai nhiều biện pháp cải tiến việc cung cấp các dịch vụ PVCĐ của Trường nhằm đáp ứng nhu cầu của các bên liên quan như: Liên tục rà soát chương trình đào tạo để đáp ứng tốt hơn chuẩn đầu ra; khuyến khích giảng viên và sinh viên NCKH bằng cơ chế khen thưởng; tăng cường tuyên truyền, quan tâm phân bổ ngân sách cho hoạt động kết nối và cung cấp các dịch vụ PVCĐ,... [H21.21.04.17]. Trong giai đoạn 2017-2022, kết quả hoạt động kết nối và PVCĐ của Nhà trường được cải thiện qua từng năm, đặc biệt đã được Bộ GD&ĐT cho phép Trường ĐHKB đào tạo các ngành mới đại học và Sau đại học, trong đó có các mã ngành nhóm sức khỏe để đáp ứng nhu cầu CSSK cộng đồng trong giai đoạn có nhiều dịch bệnh xảy ra [H21.21.04.23].

Phòng KT&ĐBCLGD triển khai khảo sát ý kiến của CB, GV, NV, SV về các hoạt động kết nối và cung cấp các dịch vụ PVCĐ thông qua hình thức phiếu khảo sát ý kiến và khảo sát ý kiến trực tuyến. Đối với doanh nghiệp sử dụng lao động, cựu SV, các đơn vị kết hợp triển khai lấy ý kiến đánh giá về các hoạt động

kết nối và cung cấp các dịch vụ PVCD của Nhà trường tại các hội nghị, hội thảo do Nhà trường tổ chức. Kết quả khảo sát ý kiến của CB, GV, NV, SV thể hiện 85% ý kiến hài lòng về các hoạt động kết nối và cung cấp các dịch vụ PVCD của Nhà trường. Bên cạnh đó, các ý kiến của CB, GV, NV tại Hội nghị Người lao động hằng năm cũng như ý kiến của SV tại diễn đàn đối thoại giữa lãnh đạo Nhà trường với SV thể hiện mức độ hài lòng đối với các hoạt động kết nối và cung cấp các dịch vụ PVCD của Trường [H21.21.04.18], [H21.21.04.19]. Ngoài ra, ý kiến của các doanh nghiệp sử dụng lao động, bản nhận xét khi kết thúc các cuộc trải nghiệm tại cộng đồng của SV, của cựu SV hài lòng về các hoạt động kết nối và cung cấp các dịch vụ PVCD của Trường [H21.21.04.20], [H21.21.04.21] [H21.21.04.22] , [H21.21.04.24] [H21.21.04.25] [H21.21.04.26] Tuy nhiên Nhà trường mới chỉ kết hợp khảo sát ý kiến của doanh nghiệp sử dụng lao động, cựu SV tại các hội nghị, hội thảo hoặc các biên bản cuộc họp khi có sinh sinh đi trải nghiệm..

Tự đánh giá: 5/7

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 21:

1. Tóm tắt các điểm mạnh

- Nhà trường luôn quan tâm, chú trọng và ban hành chính sách cụ thể về hoạt động kết nối và cung cấp các dịch vụ PVCD.
- Hằng năm, Nhà trường dành kinh phí cho việc triển khai các hoạt động kết nối và cung cấp các dịch vụ PVCD.
- Định kỳ hằng năm, trước khi kết thúc năm học, các đơn vị báo cáo kết quả hoạt động kết nối và cung cấp các dịch vụ PVCD về Phòng CTSV để xây dựng báo cáo tổng kết hoạt động kết nối và cung cấp các dịch vụ PVCD của Nhà trường.
- Nhà trường triển khai khảo sát ý kiến các bên liên quan về hiệu quả hoạt động kết nối và cung cấp các dịch vụ PVCD với kết quả hơn 85% ý kiến của CB, GV, NV, SV hài lòng.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại

Nhà trường mới chỉ kết hợp khảo sát ý kiến của doanh nghiệp sử dụng lao động, cựu SV tại các hội nghị, hội thảo do Trường tổ chức.

3. Kế hoạch cải tiến

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện [bắt đầu và hoàn thành]
1	Hàng năm, Nhà trường tổ chức Lấy ý kiến rộng rãi về sự hài lòng của các bên liên quan về các hoạt động kết nối và cung cấp dịch vụ PVCD	- Nhà trường đã giao nhiệm vụ cho Phòng KT&ĐBCLGD triển khai lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về hoạt động kết nối và cung cấp các dịch vụ PVCD. Định kỳ hàng năm Nhà trường tiến hành khảo sát ý kiến của cựu SV và doanh nghiệp sử dụng lao động về hiệu quả các hoạt động kết nối và cung cấp các dịch vụ PVCD thông qua các hình thức như: Kết hợp khảo sát trực tuyến, khảo sát thông qua email, phỏng vấn điện thoại hoặc khảo sát bằng phiếu hỏi trực tiếp tại các hội nghị, hội thảo do Nhà trường tổ chức.	Phòng Khảo thí và đảm bảo chất lượng giáo dục	Từ năm học 2023-2024
2	Tạo điều kiện khuyến khích CB, GV và SV làm nghiên cứu khoa học, đặc biệt là nghiên cứu khoa học phục vụ cộng đồng, địa phương.	- Có chính sách kế hoạch khuyến khích CB, GV và SV làm nghiên cứu khoa học. - Ưu tiên lựa chọn, hỗ trợ các đề tài phục vụ cho cộng đồng, địa phương	HĐT và BGH, phòng Nghiên cứu khoa học và hợp tác Quốc tế	Từ năm 2023-2024
3	Khai thác, triển khai các hoạt động hợp tác quốc tế một cách có hiệu quả	Thông qua mối quan hệ các sở ban ngành địa phương, các doanh nghiệp có liên kết với Nhà trường lựa chọn các chương trình trao đổi sinh viên, hợp tác đào tạo, nghiên cứu khoa học phù hợp.	Nghiên cứu khoa học và hợp tác Quốc tế	Từ năm 2023-2024

4. Mức đánh giá

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Tự đánh giá
<i>Tiêu chuẩn 21</i>	5.0
Tiêu chí 21.1	5.0
Tiêu chí 21.2	5.0
Tiêu chí 21.3	5.0
Tiêu chí 21.4	5.0

Tiêu chuẩn 22. Kết quả đào tạo

Tiêu chí 22.1. Tỷ lệ người học đạt yêu cầu và tỉ lệ thôi học của tất cả các chương trình đào tạo, các môn học/học phần được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến

Trường Đại học Kinh Bắc, tổ chức đào tạo theo khóa học, năm học và học kỳ. Khóa học là thời gian thiết kế để sinh viên hoàn thành một chương trình cụ thể. Thời gian của một khóa học, được quy định tùy thuộc vào trình độ, ngành đào tạo. Thời gian thực hiện các CTĐT của Nhà trường qui định và thông báo cho sinh viên vào đầu mỗi khóa học. Hằng kỳ, Nhà trường xây dựng thời khóa biểu và công bố công khai cho sinh viên. Để tạo điều kiện cho người học nắm bắt kế hoạch học tập, theo dõi quá trình học tập và chủ động trong học tập, trong hồ sơ mở ngành, Trường đã xây dựng khung CTĐT theo tín chỉ, chương trình chi tiết cho SV [H22.22.01.01]. CTĐT được đưa vào hệ thống quản lý phần mềm trực tuyến [H22.22.01.02]. Hệ thống đưa các thông tin cần thiết dựa vào kết quả học tập để SV có thể điều chỉnh Kế hoạch học tập phù hợp theo yêu cầu của mỗi giai đoạn đào tạo trong chương trình đào tạo [H22.22.01.03].

Nhà trường phân công Phòng QLĐT và phòng CTSV theo dõi, giám sát, đánh giá tỷ lệ tốt nghiệp, tỷ lệ thôi học của tất cả các CTĐT; tỷ lệ học lại, thi lại các môn học/học phần [H22.22.01.04]. Phòng QLĐT sử dụng phần mềm QLĐT để theo dõi, giám sát, đánh giá tỷ lệ tốt nghiệp; tỷ lệ học lại, thi lại các môn học/học phần, phòng CTSV tổng hợp tình hình học tập của các lớp, các ngành và đề nghị với nhà trường ra quyết định cho SV thôi học. Phòng CTSV đánh giá kết quả học tập của SV từng CTĐT, lập thành báo cáo năm học, đồng thời tham mưu cho Lãnh đạo trường các biện pháp cải tiến chất lượng đào tạo [H22.22.01.05]. Phòng QLĐT căn cứ kết quả theo dõi, giám sát, đánh giá tỷ lệ tốt nghiệp, tỷ lệ thôi học của tất cả các CTĐT; tỷ lệ học lại, thi lại các môn

học/học phần để đề xuất BGH Nhà trường áp dụng các biện pháp cải tiến phù hợp [H22.22.01.06], [H22.22.01.07]. Bên cạnh đó, kết quả theo dõi, giám sát, đánh giá tỷ lệ tốt nghiệp, tỷ lệ thôi học của tất cả các CTĐT; tỷ lệ học lại, thi lại các môn học/học phần của SV toàn trường được báo cáo BGH và gửi đến các Khoa để có biện pháp cải tiến chất lượng SV của Khoa [H22.22.01.08].

Hằng năm, Phòng QLĐT đã có các Báo cáo tổng kết, đánh giá tỷ lệ tốt nghiệp, thôi học của của tất cả các CTĐT [H22.22.01.20], Báo cáo tổng kết tỷ lệ học lại, thi lại các môn học/học phần trong 5 năm của chu kỳ đánh giá [H22.22.01.21]. Sau khi có các báo cáo tổng kết, đã đối sánh tỷ lệ SV tốt nghiệp, tỷ lệ SV thôi học, tỷ lệ SV học lại, thi lại môn học/học phần của SV Nhà trường trong năm học trên thực tế so với tỷ lệ được dự đoán trong kế hoạch đào tạo năm học [H22.22.01.09], [H22.22.01.10]. Bên cạnh đó, Phòng QLĐT tiến hành đối sánh tỷ lệ SV tốt nghiệp, tỷ lệ SV thôi học, tỷ lệ SV học lại, thi lại môn học/học phần của SV so với tỷ lệ của năm học trước [H22.22.01.11]. Ngoài ra, Phòng QLĐT còn đối sánh tỷ lệ SV tốt nghiệp, tỷ lệ SV thôi học, tỷ lệ SV học lại, thi lại môn học/học phần của SV của các CTĐT tương ứng của các trường ĐH trên địa bàn thành phố Hà Nội [H22.22.01.12]. Các Khoa đồng thời đối sánh tỷ lệ SV tốt nghiệp, tỷ lệ SV thôi học, tỷ lệ SV học lại, thi lại môn học/học phần của SV của Khoa trong năm học trên thực tế so với tỷ lệ được dự đoán trong kế hoạch đào tạo năm học và đối sánh với tỷ lệ của năm học trước [H22.22.01.12]. Kết quả đối sánh tỷ lệ SV tốt nghiệp, tỷ lệ SV thôi học, tỷ lệ SV học lại, thi lại môn học/học phần của Nhà trường được báo cáo BGH và thông báo đến lãnh đạo các đơn vị tại cuộc họp giao ban của Trường [H22.22.01.13].

Căn cứ kết quả theo dõi, giám sát, đối sánh tỷ lệ SV tốt nghiệp, tỷ lệ SV thôi học, tỷ lệ SV học lại, thi lại môn học/học phần của Nhà trường, Phòng QLĐT tổ chức họp với các Khoa đề xuất các biện pháp cải tiến chất lượng để tăng tỷ lệ SV tốt nghiệp, giảm tỷ lệ SV thôi học cũng như giảm tỷ lệ SV học lại, thi lại các môn học/học phần [H22.22.01.14]. Trong giai đoạn 2017-2022, Nhà trường tập trung tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị đáp ứng nhu cầu dạy và học. Thư viện Nhà trường được đầu tư hệ thống máy tính có kết nối

internet và phòng thư viện được trang bị hệ thống máy lạnh tạo môi trường học tập thuận lợi cho SV, [H22.22.01.15], [H22.22.01.16]. Đoàn TN Nhà trường phối hợp với CVHT tổ chức các câu lạc bộ học thuật như: CLB UKB Tech, CLB Tiếng Anh... [H22.22.01.17]. Các khoa tổ chức rà soát điều chỉnh CTĐT nhằm phù hợp với yêu cầu xã hội và tổ chức để GV đổi mới phương pháp dạy học như: Nâng cao chất lượng đội ngũ GV, phát triển chương trình và tài liệu giảng dạy...[H22.22.01.18]. Với việc áp dụng các biện pháp nâng cao chất lượng phù hợp đã góp phần làm tăng tỷ lệ SV tốt nghiệp, giảm tỷ lệ SV thôi học cũng như giảm tỷ lệ SV học lại, thi lại các môn học/học phần của Nhà trường [H22.22.01.19].

Tự đánh giá: 4/7

Tiêu chí 22.2. Thời gian tốt nghiệp trung bình cho tất cả các chương trình đào tạo được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến

Căn cứ Thông tư số 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16 tháng 4 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ; căn cứ Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18/03/2021 của Bộ GD&ĐT về việc ban hành quy chế đào tạo đại học, các CTĐT của Nhà trường đều xác định thời gian tốt nghiệp trung bình cho tất cả các CTĐT là từ 3,5 năm đến 04 năm [H22.22.02.01], [H22.22.02.02], [H22.22.02.03]. Bên cạnh đó, trong quá trình xây dựng kế hoạch đào tạo, căn cứ số liệu thống kê thời gian tốt nghiệp trung bình cho tất cả các CTĐT của Trường trong các năm học trước thông qua việc sử dụng phần mềm quản lý đào tạo, Phòng QLĐT xác định thời gian tốt nghiệp trung bình cho tất cả các CTĐT của Trường [H22.22.02.04], [H22.22.02.05], [H22.22.02.06]. Kế hoạch đào tạo của Nhà trường được thông qua tại cuộc họp do BGH chủ trì với lãnh đạo các đơn vị và Phòng QLĐT chỉnh sửa dự thảo kế hoạch năm học dựa trên cơ sở tiếp thu ý kiến của các đơn vị, trình Hiệu trưởng ký ban hành kế hoạch đào tạo năm học của Trường [H22.22.02.07]. Kế hoạch đào tạo năm học của Nhà trường được

gửi đến các đơn vị để thông báo, phổ biến đến đội ngũ CB, GV, NV và SV biết để thực hiện.

Bảng 22.2. Thời gian tốt nghiệp trung bình của các CTĐT của Nhà trường

Trình độ đào tạo	Khối ngành đào tạo	Thời gian đào tạo thiết kế (năm)	Thời gian học tập tối đa (năm)
Đại học chính quy	QTKD, Kế toán, Du lịch, CNTT, ĐTTT, QLNN, Luật Kinh tế	42 tháng – 48 tháng 3,5 năm - 04 năm	76 tháng 08 năm
Liên thông từ trung cấp lên đại học	QTKD, Kế toán, CNTT	24 tháng – 30 tháng 02 - 2.5 năm	48 tháng – 60 tháng 4 năm - 5 năm
Liên thông từ cao đẳng lên đại học	QTKD, Kế toán, CNTT	18 tháng - 24 tháng 1.5 năm - 02 năm	36 tháng – 48 tháng 03 năm - 04 năm
Đại học vừa làm vừa học	QTKD, Kế toán	48 tháng 04 năm	76 tháng 08 năm

Phòng QLĐT là đơn vị theo dõi, giám sát thời gian tốt nghiệp trung bình của người học của Nhà trường [H22.22.02.08]. Phòng QLĐT sử dụng phần mềm QLĐT để theo dõi, giám sát thời gian tốt nghiệp trung bình của người học của Nhà trường. Bên cạnh đó, Phòng QLĐT gửi kết quả theo dõi, giám sát thời gian tốt nghiệp trung bình của người học của từng CTĐT đến các Khoa để theo dõi, giám sát thời gian tốt nghiệp trung bình của người học của Khoa. Lãnh đạo các Khoa thông báo đến cố vấn học tập để theo dõi, giám sát thời gian tốt nghiệp trung bình của người học của các CTĐT để từ đó tư vấn cho SV của lớp. Ngoài ra Nhà trường đều có Báo cáo kết quả thanh tra toàn khóa học hằng năm [H22.22.02.17]. Hằng năm, sau khi Phòng QLĐT có những Kết quả học tập toàn khóa [H22.22.02.16], sẽ Báo cáo tổng kết, đánh giá thời gian tốt nghiệp trung bình của NH của tất cả các CTĐT trong 5 năm của chu kỳ đánh giá [H22.22.02.18]; Báo cáo đánh giá, dự đoán xu thế về thời gian tốt nghiệp trung

bình của NH ở tất cả các CTĐT và các biện pháp cải tiến chất lượng phù hợp [H22.22.02.19]. Dựa vào kết quả đó Phòng QLĐT thực hiện đối sánh thời gian tốt nghiệp trung bình của người học của các CTĐT của Nhà trường trên thực tế so với tốt nghiệp trung bình được dự đoán trong kế hoạch đào tạo năm học. Phòng QLĐT đồng thời đối sánh thời gian tốt nghiệp trung bình của người học của các CTĐT của Nhà trường với nhau. Bên cạnh đó, Phòng QLĐT tiến hành đối sánh thời gian tốt nghiệp trung bình của người học của các CTĐT trong năm học so với thời gian tốt nghiệp trung bình của người học của các CTĐT của năm học trước [H22.22.02.09]. Ngoài ra, Phòng QLĐT còn đối sánh thời gian tốt nghiệp trung bình của người học của các CTĐT tương ứng của các trường ĐH trên địa bàn thành phố Hà Nội [H22.22.02.10]. Các Khoa đồng thời đối sánh thời gian tốt nghiệp trung bình của SV của Khoa trong năm học trên thực tế so với thời gian tốt nghiệp trung bình được dự đoán trong kế hoạch đào tạo năm học và đối sánh với tỷ lệ của năm học trước [H22.22.02.11]. Kết quả đối sánh thời gian tốt nghiệp trung bình của người học của các CTĐT của Nhà trường được báo cáo BGH và thông báo đến lãnh đạo các đơn vị tại cuộc họp giao ban của Trường [H22.22.02.12].

Căn cứ kết quả theo dõi, giám sát, đối sánh thời gian tốt nghiệp trung bình của người học của các CTĐT của Nhà trường, Phòng QLĐT tổ chức họp với các Khoa để đề xuất các biện pháp cải tiến nhằm nâng cao tỷ lệ tốt nghiệp của tất cả các CTĐT [H22.22.02.13]. Trong giai đoạn 2017-2022, Nhà trường áp dụng nhiều biện pháp nhằm nâng cao tỷ lệ tốt nghiệp như: Đổi mới phương pháp giảng dạy, nâng cao chất lượng đội ngũ GV, hợp tác toàn diện với DN để tạo việc làm thêm cho SV đang theo học tại Trường và đảm bảo việc làm cho SV sau khi tốt nghiệp các CTĐT; chú trọng, đẩy mạnh công tác NCKH cho SV, phát triển chương trình và tài liệu giảng dạy, tăng cường đầu tư cơ sở vật chất phục vụ đào tạo, khuyến khích sinh viên khá giỏi học vượt tín chỉ... [H22.22.02.14], [H22.22.02.15].

Tự đánh giá: 4/7

Tiêu chí 22.3. Khả năng có việc làm của người học tốt nghiệp của tất

cả các chương trình đào tạo được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến

Trong quá trình xây dựng kế hoạch đào tạo, căn cứ số liệu thống kê về việc làm của SV sau khi tốt nghiệp, Phòng QLĐT xác định tỷ lệ có việc làm của người học sau khi tốt nghiệp của tất cả các CTĐT và thể hiện trong kế hoạch đào tạo. Kế hoạch đào tạo của Nhà trường được thông qua tại cuộc họp do BGH chủ trì với lãnh đạo các đơn vị và Phòng QLĐT chỉnh sửa dự thảo kế hoạch năm học dựa trên cơ sở tiếp thu ý kiến của các đơn vị, trình Hiệu trưởng ký ban hành kế hoạch đào tạo năm học của Trường [H22.22.03.01]. Kế hoạch đào tạo năm học của Nhà trường được gửi đến các đơn vị để thông báo, phổ biến đến đội ngũ CB, GV, NV và SV biết để thực hiện [H22.22.03.02].

Nhà trường phân công Phòng CTSV theo dõi, giám sát, đánh giá tỷ lệ có việc làm của người học sau khi tốt nghiệp của tất cả các CTĐT [H22.22.03.03]. Phòng CTSV phân công 01 nhân sự theo dõi, giám sát tỷ lệ có việc làm của người học sau khi tốt nghiệp của tất cả các CTĐT của Nhà trường [H22.22.03.04]. Phòng CTSV căn cứ kết quả theo dõi, giám sát, đánh giá tỷ lệ có việc làm của người học sau khi tốt nghiệp của tất cả các CTĐT để đề xuất BGH Nhà trường áp dụng các biện pháp cải tiến phù hợp [H22.22.03.05]. Bên cạnh đó, kết quả tỷ lệ có việc làm của người học sau khi tốt nghiệp của tất cả các CTĐT của Nhà trường được báo cáo BGH và gửi đến các Khoa để có biện pháp cải tiến tỷ lệ có việc làm của người học sau khi tốt nghiệp [H22.22.03.06], [H22.22.03.07], [H22.22.03.08].

Phòng CTSV là đơn vị triển khai khảo sát tình hình việc làm của SV sau 01 năm tốt nghiệp [H22.22.03.09], [H22.22.03.10]. Phòng CTSV điện thoại liên lạc với SV sau 01 năm tốt nghiệp để khảo sát thông tin về tình hình việc làm, thu thập, mức độ phù hợp giữa việc làm so với CTĐT,... [H22.22.03.11]. Kết quả khảo sát tình hình việc làm của SV sau 01 năm tốt nghiệp với số lượng 116 SV có việc làm trong số 129 SV được khảo sát, chiếm tỷ lệ 90%, trong đó có 95% đúng chuyên môn được đào tạo [H22.22.03.12]. Bên cạnh đó, kết quả khảo sát tình hình việc làm của SV sau 03 năm tốt nghiệp với số lượng 250 SV có việc làm trong số 250 SV được khảo sát, chiếm tỷ lệ 100%, trong đó có 95%

đúng chuyên môn được đào tạo [H22.22.03.13].

Hằng năm, Phòng QLĐT đối sánh tỷ lệ có việc làm và mức độ đáp ứng công việc của người học sau khi tốt nghiệp của tất cả các CTĐT của Nhà trường trong năm học trên thực tế so với tỷ lệ SV có việc làm được dự đoán trong kế hoạch đào tạo năm học [H22.22.03.14]. Bên cạnh đó, Phòng QLĐT tiến hành đối sánh tỷ lệ có việc làm và mức độ đáp ứng công việc của người học sau khi tốt nghiệp của tất cả các CTĐT so với tỷ lệ của năm học trước [H22.22.03.15]. Ngoài ra, Phòng QLĐT còn đối sánh tỷ lệ có việc làm và mức độ đáp ứng công việc của người học sau khi tốt nghiệp của tất cả các CTĐT với các CTĐT tương ứng của các trường ĐH trên địa bàn thành phố Hà Nội [H22.22.03.16]. Kết quả đối sánh tỷ lệ có việc làm và mức độ đáp ứng công việc của người học sau khi tốt nghiệp của tất cả các CTĐT của Nhà trường được báo cáo BGH và thông báo đến lãnh đạo các đơn vị tại cuộc họp giao ban của Trường [H22.22.03.17].

Căn cứ kết quả theo dõi, giám sát, đối sánh tỷ lệ có việc làm và mức độ đáp ứng công việc của người học sau khi tốt nghiệp của tất cả các CTĐT của Nhà trường, Phòng QLĐT tổ chức họp với các Khoa để đề xuất các biện pháp hướng nghiệp và hỗ trợ tìm việc làm cho SV [H22.22.03.18]. Trong giai đoạn 2017-2022, Nhà trường triển khai nhiều biện pháp, hoạt động hướng nghiệp và hỗ trợ tìm việc làm cho SV để nâng cao tỷ lệ có việc làm và mức độ đáp ứng yêu cầu công việc sau tốt nghiệp của tất cả các CTĐT như: chuẩn đầu ra của Nhà trường đã xác định rõ vị trí việc làm mà sinh viên có thể thực hiện [H22.22.03.21]; Tăng thời lượng thực hành cho sinh viên trong quá trình đào tạo, tổ chức nhiều hội thảo, tọa đàm với giám đốc các doanh nghiệp, công ty để sinh viên có thể tiếp cận được kiến thức thực tế, hợp tác với các công ty thuộc Tập đoàn kinh tế Chân - Thiện - Mỹ; Trung tâm Dịch vụ việc làm tỉnh Bắc Ninh, các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh và các tỉnh lân cận để tổ chức Ngày hội việc làm cho SV năm cuối... [H22.22.03.19]. Với những biện pháp hướng nghiệp và hỗ trợ tìm việc làm cho SV, tỷ lệ SV có việc làm của Nhà trường được cải thiện qua từng năm [H22.22.03.20]

Tự đánh giá: 4/7

Tiêu chí 22.4. Mức độ hài lòng của các bên liên quan về chất lượng của người học tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến

Chất lượng sinh viên tốt nghiệp là một vấn đề rất quan trọng, được Nhà trường luôn quan tâm, định kỳ tổ chức khảo sát mức độ hài lòng của các bên liên quan (*gồm cựu sinh viên và người sử dụng lao động*) và coi đó là cơ sở quan trọng để Nhà trường nâng cao chất lượng đào tạo, đáp ứng các yêu cầu của thị trường lao động và làm hài lòng các bên liên quan. Nhà trường đã xây dựng quy định về quy trình, phương pháp, công cụ và tiêu chí đo lường sự hài lòng của các bên liên quan.

Nhà trường phân công nhiệm vụ cho Phòng CTSV xây dựng kế hoạch và triển khai khảo sát mức độ hài lòng của các bên liên quan về chất lượng của người học sau tốt nghiệp của tất cả các CTĐT của Nhà trường và ban hành quy định, quy trình khảo sát cụ thể, chi tiết. [H22.22.04.01], [H22.22.04.02]. Phòng CTSV xây dựng kế hoạch khảo sát ý kiến phản hồi của cựu SV, doanh nghiệp sử dụng lao động về chất lượng của người học sau tốt nghiệp của tất cả các CTĐT của Nhà trường, trình BGH phê duyệt và gửi đến các đơn vị để phối hợp thực hiện [H22.22.04.03]. Trong kế hoạch khảo sát ý kiến phản hồi của cựu SV, doanh nghiệp sử dụng lao động về chất lượng của người học sau tốt nghiệp của tất cả các CTĐT của Nhà trường có sự phân công cụ thể cho các đơn vị thực hiện cùng với phương thức khảo sát cụ thể.

Phòng CTSV là đơn vị được giao nhiệm vụ và tiến hành thu thập thông tin phản hồi của các bên liên quan về chất lượng của người học sau tốt nghiệp của tất cả các CTĐT của Nhà trường. Nhà trường yêu cầu các Khoa đồng thời tiến hành thu thập thông tin phản hồi của các bên liên quan về chất lượng của người học sau tốt nghiệp của tất cả các CTĐT của Khoa [H22.22.04.04]. Tại các cuộc họp giao ban định kỳ của Nhà trường, lãnh đạo các đơn vị báo cáo, phản ánh kịp thời thông tin phản hồi của các bên liên quan về chất lượng người học sau tốt nghiệp các CTĐT [H22.22.04.05]. Ngoài ra, Phòng QLĐT phối hợp với Phòng KT&ĐBCLGD và các Khoa, căn cứ kết quả thu thập ý kiến phản hồi của

các bên liên quan về chất lượng người học sau tốt nghiệp của tất cả các CTĐT của Nhà trường để dự đoán về mức độ hài lòng của các bên liên quan về chất lượng của người học sau tốt nghiệp của tất cả các CTĐT của trường và thể hiện trong kế hoạch đào tạo năm học [H22.22.04.06].

Phòng CTSV triển khai khảo sát ý kiến của cựu SV về chất lượng của người học sau tốt nghiệp của tất cả các CTĐT của Nhà trường thông qua hình thức gọi điện thoại và email [H22.22.04.07]. Đối với các doanh nghiệp sử dụng lao động, các đơn vị triển khai lấy ý kiến bằng phiếu khảo sát kết hợp với việc trao đổi, đóng góp ý kiến về chất lượng của người học sau tốt nghiệp của tất cả các CTĐT của Nhà trường tại các hội nghị, hội thảo do Trường tổ chức [H22.22.04.08]. Trong giai đoạn 2017-2022, Nhà trường đều tiến hành khảo sát mức độ hài lòng của các bên liên quan về chất lượng của người học, kết quả khảo sát của cựu SV và các doanh nghiệp sử dụng lao động về chất lượng của người học sau tốt nghiệp của tất cả các CTĐT của Nhà trường được đánh giá ở mức độ Khá [H22.22.04.09].

Nhà trường yêu cầu các đơn vị sử dụng kết quả khảo sát ý kiến của cựu SV, doanh nghiệp sử dụng lao động về chất lượng của người học sau tốt nghiệp của tất cả các CTĐT của Nhà trường để xác định các biện pháp nhằm nâng cao chất lượng của người học sau tốt nghiệp của Nhà trường [H22.22.04.10]. Nhà trường giao nhiệm vụ cho Phòng KT&ĐBCLGD giám sát việc sử dụng kết quả khảo sát ý kiến của cựu SV, doanh nghiệp sử dụng lao động về chất lượng của người học sau tốt nghiệp của các CTĐT của Nhà trường; bản nhận xét khi kết thúc các cuộc thực hành tốt nghiệp của SV [H22.22.04.26] để xây dựng kế hoạch và thực hiện các biện pháp nâng cao chất lượng của người học sau tốt nghiệp của Nhà trường [H22.22.04.11], [H22.22.04.12]. Bên cạnh đó, tại các cuộc họp giao ban của Nhà trường, BGH yêu cầu các đơn vị báo cáo kết quả thực hiện các biện pháp nâng cao chất lượng của người học sau tốt nghiệp của Nhà trường và có đối sánh với kết quả khảo sát ý kiến của cựu SV, doanh nghiệp sử dụng lao động về chất lượng của người học sau tốt nghiệp của tất cả các CTĐT của Nhà trường [H22.22.04.13], [H22.22.04.14].

Hàng năm, Phòng QLĐT thực hiện đối sánh sự hài lòng của các bên liên quan về chất lượng của người học sau tốt nghiệp của các CTĐT của Nhà trường giữa khóa trước và khóa sau [H22.22.04.15]. Bên cạnh đó, Phòng QLĐT thực hiện đối sánh sự hài lòng của các bên liên quan về chất lượng của người học sau

tốt nghiệp giữa các CTĐT của Nhà trường [H22.22.04.16]. Ngoài ra, Nhà trường thực hiện đối sánh sự hài lòng của các bên liên quan về chất lượng của người học sau tốt nghiệp của các CTĐT của Nhà trường so với các tiêu chí về sự hài lòng của các bên liên quan về chất lượng của người học sau tốt nghiệp của các CTĐT trong tiêu chuẩn đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục do Bộ GD&ĐT ban hành.

Căn cứ kết quả giám sát, đối sánh, khảo sát ý kiến của các bên liên quan chất lượng của người học sau tốt nghiệp giữa các CTĐT của Nhà trường hằng năm, Phòng QLĐT tổ chức họp với các đơn vị để đề xuất kế hoạch cải tiến để nâng cao mức độ hài lòng của các bên liên quan về chất lượng của người học tốt nghiệp của tất cả các CTĐT, trình BGH Nhà trường ký ban hành, gửi đến các đơn vị để thông báo đến CB, GV, NV biết và thực hiện [H22.22.04.17], [H22.22.04.18], [H22.22.04.19]. Nhà trường đã áp dụng nhiều biện pháp và triển khai nhiều hoạt động để nâng cao mức độ hài lòng của các bên liên quan về chất lượng của người học tốt nghiệp của tất cả các CTĐT như: CTĐT được rà soát, định kỳ 02 năm/lần tiến hành điều chỉnh theo hướng nghề nghiệp để phù hợp với nhu cầu của các đơn vị sử dụng lao động; thường xuyên phối hợp với các doanh nghiệp để đưa sinh viên đi thực hành, thực tế trong quá trình học tập tại Trường, đầu tư trang bị cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học, tổ chức hội thảo đổi mới phương pháp giảng dạy tại mỗi tổ bộ môn, khoa, trường [H22.22.04.20], [H22.22.04.21], [H22.22.04.24], [H22.22.04.25]. Trong giai đoạn 2017-2022, mức độ hài lòng của các bên liên quan về chất lượng của người học tốt nghiệp của tất cả các CTĐT của Nhà trường được cải thiện qua từng năm [H22.22.04.22].

Tự đánh giá: 4/7

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 22:

1. Tóm tắt các điểm mạnh

- Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp của Nhà trường đã có cải thiện qua các năm; việc xây dựng lịch học được thực hiện nghiêm túc, kịp thời; các chỉ tiêu kết quả học tập của sinh viên được theo dõi và đánh giá theo từng năm học.

- Nhà trường có theo dõi tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp, các khoa chuyên môn đã dự kiến sinh viên tốt nghiệp và có giải pháp nâng cao tỷ lệ này
- Tỷ lệ sinh viên có việc làm của Nhà trường luôn đạt cao trong các năm qua. Nhà trường đã triển khai định kỳ hằng năm ngày hội việc làm, từ đó tạo cơ hội cho sinh viên có thể tiếp cận việc làm ngay sau khi tốt nghiệp.
- Hằng năm nhà trường đều tiến hành khảo sát nhu cầu của cựu người học, của nhà tuyển dụng, nhà quản lý làm cơ sở cho cải tiến chất lượng giảng dạy của Nhà trường.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại

- Nhà trường chưa thực hiện đối sánh rộng rãi với các trường trong nước và quốc tế; chưa thực hiện đánh giá tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp, sinh viên thôi học giữa kỳ để có những điều chỉnh kịp thời.
- Chưa chuyên nghiệp hóa trong xây dựng hệ thống chỉ số theo dõi tình hình sinh viên tốt nghiệp; chưa thực hiện đối sánh rộng rãi với các trường trong nước và quốc tế về tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp.
- Nhà trường chưa tổ chức được nhiều hoạt động hỗ trợ cho sinh viên để thích ứng tốt hơn nhu cầu của nhà tuyển dụng. Chưa xây dựng được hệ thống theo dõi chuyên nghiệp tình hình việc làm của sinh viên.
- Nhà trường chưa thực hiện đối sánh với các trường trong nước và quốc tế để có cái nhìn chân thực hơn về chất lượng đào tạo của Nhà trường.

3. Kế hoạch cải tiến

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại 1	Mở rộng thêm các trường thực hiện đối sánh trong cả nước và quốc tế	Phòng Đào tạo chủ trì, phòng Công tác HSSV phối hợp thực hiện	Từ năm 2023 và các năm tiếp theo	
2		Kết thúc mỗi học kì tiến hành sơ kết để đánh giá việc thực hiện các chỉ tiêu, đồng thời đề	Phòng Công tác HSSV chủ trì, các khoa và phòng Đào	Từ năm học 2023-2024	

		xuất giải pháp khắc phục tồn tại	tạo phối hợp thực hiện		
3	Khắc phục tồn tại 2	Thể chế hóa chỉ số theo dõi tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp	Phòng Đào tạo	Từ năm học 2023- 2024	
4		Mở rộng đối sánh với các trường trong nước và quốc tế	Phòng Đào tạo	Từ năm 2023	
5	Khắc phục tồn tại 3	Hằng năm tổ chức các đợt tập huấn cho sinh viên trước khi tham gia ngày hội tuyển dụng việc làm	Phòng Công tác SV chủ trì, Đoàn thanh niên và các khoa phối hợp	Từ năm học 2023- 2024	
6		Đẩy mạnh hiệu quả hoạt động của Ban liên lạc cựu sinh viên để theo dõi sát sao hơn tình hình việc làm của sinh viên sau tốt nghiệp	Phòng Công tác sinh viên	Từ năm học 2023- 2024	
7	Khắc phục tồn tại 4	Thực hiện đối sánh mức độ hài lòng của các bên liên quan tới chất lượng đào tạo của Nhà trường	Phòng Công tác SV, các khoa chuyên môn	Từ năm học 2022- 2023	
8	Phát huy điểm mạnh 1	Tiếp tục nâng cao tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp qua các năm, cải tiến phương thức xét tốt nghiệp	Phòng QL Đào tạo	Từ năm 2022 và các năm	
9	Phát huy điểm mạnh 2	Xây dựng hệ thống chỉ số theo dõi tốt nghiệp chuyên nghiệp hơn để có giải pháp hỗ trợ sinh viên tốt nghiệp sớm	Phòng QL Đào tạo, các khoa chuyên môn, cố vấn học tập	Từ năm học 2022- 2023	
10	Phát huy điểm mạnh 3	Làm tốt hơn nữa ngày hội tuyển	Trung tâm tuyển sinh;	Từ năm học 2022-	

		dụng, gắn kết giữa đào tạo của Nhà trường với các nhà tuyển dụng	các khoa chuyên môn	2023	
11	Phát huy điểm mạnh 4	Tổ chức các hội nghị với các cựu người học, với nhà tuyển dụng để lắng nghe, tiếp thu ý kiến nhằm cải tiến hơn nữa chất lượng dạy và học của Nhà trường	Các khoa chuyên môn	Từ năm học 2022-2023	

4. Mức đánh giá

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Tự đánh giá
Tiêu chuẩn 22	4.0
Tiêu chí 22.1	4.0
Tiêu chí 22.2	4.0
Tiêu chí 22.3	4.0
Tiêu chí 22.4	4.0

Tiêu chuẩn 23. Kết quả nghiên cứu khoa học

Tiêu chí 23.1. Loại hình và khối lượng nghiên cứu của đội ngũ giảng viên và cán bộ nghiên cứu được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến

Nhà trường đã xác lập loại hình và khối lượng nghiên cứu của đội ngũ giảng viên và cán bộ nghiên cứu nhằm định hướng, giám sát và làm cơ sở để đối sánh:

- Trong phương hướng phát triển Trường giai đoạn 2013 – 2020, tầm nhìn 2025 cũng như trong chiến lược xây dựng và phát triển trường giai đoạn 2021-2030 [H23.23.01.01], [H23.23.01.02] , loại hình và khối lượng NCKH đã được xác lập, giám sát để đối sánh, cụ thể, trong các văn bản trên đã ghi:

1. Đẩy mạnh hoạt động NCKH và CN phục vụ công tác đào tạo
 - a. Hoàn thiện chương trình đào tạo;

- b. Nâng cao chất lượng giáo trình;
- c. Đổi mới quy trình, phương pháp đào tạo;
- d. Nâng cao chất lượng thi trắc nghiệm khách quan.
- e. Thực hiện các đề tài đáp ứng yêu cầu của SXKD
- f. Đấu thầu các đề tài cấp nhà nước, cấp Bộ, ngành

2. Phát triển và không ngừng nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác nghiên cứu khoa học và công nghệ của SV; đẩy mạnh và khuyến khích hoạt động của các Câu lạc bộ SV NCKH.

- Trong kế hoạch Trung hạn hoạt động NCKH của nhà trường giai đoạn 2015-2017 đã ghi [H23.23.01.03]: Nhà trường khuyến khích mọi hoạt động NCKH trên nguyên tắc kết quả NCKH phải được sử dụng và phải được người sử dụng trả tiền, theo nguyên tắc đó cần tập trung vào 2 hướng:

a. Nghiên cứu khoa học nhằm phục vụ công tác đào tạo của trường (Nhà trường trả tiền để sử dụng các kết quả NCKH đó)

b. Một số ngành kỹ thuật công nghệ (CNTT, Mỹ thuật ứng dụng, Điện tử truyền thông) nghiên cứu chế tạo sản phẩm mới đáp ứng nhu cầu xã hội. Một số ngành (Kiến trúc, Xây dựng) triển khai các hoạt động tư vấn thiết kế đáp ứng nhu cầu của xã hội.

- Trong giai đoạn chiến lược từ 2018 đến 2022, trường *xác lập, giám sát loại hình và khối lượng NCKH* trong các văn bản sau: Kế hoạch Chiến lược phát triển Trường giai đoạn 2018 – 2020 [H23.23.01.04]. Kế hoạch thực hiện kế hoạch chiến lược hoạt động khoa học-công nghệ trường giai đoạn 2018-2020 [H23.23.01.05]. Trong các văn bản trên, loại hình NCKH được quy định như sau:

1. Nghiên cứu lý luận khoa học và ứng dụng liên quan trực tiếp đến các chương trình đào tạo và môn học đang giảng dạy trong Trường.

2. Nghiên cứu đề xuất các biện pháp giải quyết các vấn đề về đào tạo, quản lý, tổ chức, xây dựng và phát triển Trường.

3. Nghiên cứu các vấn đề thuộc lý luận và thực tiễn của các lĩnh vực khoa học tiên tiến trong cách mạng 4.0.

4. Nghiên cứu các đề tài nhằm giải quyết các vấn đề thực tiễn theo đơn đặt hàng của các đối tác trong và ngoài trường.

5. Khuyến khích NCS, Học viên cao học và SV nghiên cứu những đề tài, đề án ứng dụng kiến thức học tập vào thực tế.

Về loại hình NCKH được xác lập:

1. Tham gia nghiên cứu các đề tài NCKH cấp nhà nước, cấp Bộ.
2. Tham gia nghiên cứu các đề tài NCKH cấp trường, học viện.
3. Tham gia nghiên cứu các đề tài NCKH cấp Khoa (Viện, Phòng, Ban, Trung tâm - gọi chung là đề tài cấp Khoa).
4. Tham gia nghiên cứu các đề tài NCKH theo hợp đồng với các tổ chức ngoài trường, bao gồm các đề tài hợp tác quốc tế.
5. Viết giáo trình cho các môn học trong các chương trình đào tạo của trường.
6. Viết sách chuyên khảo, sách hướng dẫn phục vụ đào tạo.
7. Dịch tài liệu phục vụ đào tạo (được Hội đồng cấp trường thông qua hoặc được công bố trên các Tạp chí khoa học).
8. Viết bài đăng trên các tạp chí khoa học chuyên ngành, viết bài tham luận và báo cáo chuyên đề trong các hội thảo, hội nghị khoa học trong và ngoài nước.
9. Tổ chức, hướng dẫn nghiên cứu sinh, học viên, sinh viên thực hiện đề tài NCKH; Đề án khởi nghiệp; Đề án kinh doanh.
10. Tổ chức hội thảo khoa học.
11. Tham gia các cuộc thi cấp Tỉnh, Thành phố, cấp Bộ, cấp Quốc gia và Quốc tế.

Cụ thể hơn, trong Quy chế NCKH [H23.23.01.06] có quy định quy đổi khối lượng theo loại hình NCKH sang tiết giảng cho từng loại hình NCKH mà các GV đã thực hiện như sau:

TT	Nội dung NCKH	Quy ra tiết giảng
I. Đề tài nghiên cứu khoa học		
1	Đề tài cấp nhà nước, cấp Bộ	Quy định riêng cho từng đề tài
2	Đề tài cấp trường	Tối thiểu 100 tiết/đề tài, tối đa không quá 150 tiết/đề tài
3	Đề tài cấp Khoa	Tối thiểu 40 tiết/đề tài, tối đa

		không quá 100 tiết/đề tài
II. Viết bài đăng các tạp chí khoa học chuyên ngành, viết bài tham luận và báo cáo chuyên đề trong các hội thảo khoa học (dưới danh nghĩa giảng viên của Trường) (Mức quy đổi tính cho bài báo có từ 4 trang - 2000 từ trở lên)		
1	Bài viết đăng trên kỷ yếu hội thảo cấp Khoa Viện, Phòng, Trung tâm (có phát hành cấp trường hoặc tương đương)	8 tiết/bài
2	Bài viết đăng trên kỷ yếu hội thảo cấp Trường (có xuất bản)	10 tiết/bài
3	Bài viết đăng trên kỷ yếu hội thảo cấp Bộ (có xuất bản)	15 tiết/bài
4	Bài viết đăng trên kỷ yếu hội thảo cấp quốc gia, quốc tế (có xuất bản)	20 tiết/bài
5	Bài viết đăng trên tạp chí khoa học quốc tế (có xuất bản)	30 tiết/bài
6	Bài viết đăng trên tạp chí chuyên ngành thuộc danh mục các tạp chí xét duyệt học hàm của Bộ (cho bài viết có hệ số 1; có xuất bản)	20 tiết/bài
7	Bài viết có các hệ số 0,5 đăng trên tạp chí chuyên ngành thuộc danh mục các tạp chí xét duyệt học hàm của Bộ (có xuất bản)	15 tiết/bài
8	Bài viết đăng trên tạp chí chuyên ngành không thuộc danh mục các tạp chí xét duyệt học hàm của Bộ (có xuất bản, có trong danh mục ISI, SCI, SCIE)	10 tiết/bài
III	Hướng dẫn NCS, HV, SV thực hiện đề tài NCKH, Đề án khởi nghiệp, Đề án kinh doanh	
1	Hướng dẫn 1 đề tài NCKH của sinh viên, Dự án kinh doanh, Khởi nghiệp	8 tiết/1 đề tài, dự án
2	Hướng dẫn 1 đề tài NCKH của sinh viên được giải nhất cấp trường	10 tiết/đề tài
3	Hướng dẫn HV cao học thực hiện đề tài NCKH (ngoài đề tài Luận văn, đã có quy định riêng)	15 tiết/đề tài
4	Hướng dẫn NCS thực hiện đề tài NCKH (ngoài đề tài Luận án, đã có quy định riêng)	50 tiết/ đề tài
IV	Tổ chức và tham gia các hoạt động	Theo đánh giá của HĐ Khoa học

	hợp tác quốc tế về NCKH	và Đào tạo trường
--	--------------------------------	-------------------

- Chiến lược xây dựng và phát triển, Trường giai đoạn 2013-2020, tầm nhìn 2025 xác lập định hướng về loại hình và khối lượng NCKH như sau:

Nâng cao năng lực NCKH của đội ngũ cán bộ, giảng viên, khuyến khích và động viên mọi người tích cực NCKH phục vụ đào tạo và cộng đồng: 90% giảng viên là Thạc sỹ trở lên tham gia NCKH; có ít nhất 1 bài báo khoa học được đăng trên tạp chí chuyên ngành/năm. Đối với giảng viên có trình độ Giáo sư, Phó Giáo sư, Tiến sỹ trong vòng 5 năm phải có ít nhất 15 công trình NCKH được công bố trên các tạp chí chuyên ngành và tối thiểu làm chủ nhiệm hoặc tham gia nghiên cứu ít nhất 05 đề tài cấp Bộ, cấp Quốc gia, Quốc tế. Trường cũng ban hành nhiều quy định, chính sách tới các hoạt động NCKH như Bộ tiêu chí đánh giá hiệu quả hoạt động KHCN Trường [H23.23.01.16] ; Quy chế chi tiêu nội bộ của Trường [H23.23.01.19] Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên trường Đại học Kinh Bắc [H23.23.01.28].

Từ năm 2017 mỗi năm, mỗi khoa phải thực hiện ít nhất 02 đề tài nghiên cứu cấp Trường hoặc báo cáo khoa học tại các Hội thảo/hội nghị cấp trường. Hàng năm nhà trường có ít nhất 50% giảng viên cơ hữu tham gia các hoạt động phối hợp giữa Nhà trường và thực tế sản xuất kinh doanh hoặc có đề tài được công bố; Phân đấu kinh phí thực hiện hoạt động KHCN đạt mức 0,7% tiến tới đạt 1.0% tổng mức thu học phí cho giai đoạn [H23.23.01.07]. Loại hình NCKH-CN cũng được quy định trong “Quy định đối sánh chất lượng giáo dục trường [H23.23.01.08].

Việc *theo dõi giám sát hoạt động NCKH* đã được quy định trong “Quy định về hoạt động khoa học và công nghệ” của trường, như sau:

Hàng năm các cá nhân, đơn vị đăng ký các đề tài nghiên cứu, các công trình, các giáo trình dự định viết, các bài báo... Hội đồng khoa học Khoa tiến hành xem xét, sau đó Hội đồng khoa học cấp trường thẩm định, trình lãnh đạo trường phê duyệt và cấp kinh phí tạm ứng. Kết quả NCKH được Hội đồng khoa học cấp trường đánh giá, trình lãnh đạo trường phê duyệt và cấp kinh phí trên cơ sở đề nghị của Hội đồng khoa học cấp trường.

Loại hình và khối lượng nghiên cứu đạt được của từng GV, CB nghiên cứu được cập nhật vào cơ sở dữ liệu chung và của từng cá nhân, từng nhóm đề tài và kết quả đó của từng người được sử dụng để đánh giá cán bộ hàng năm. Thông tin phản hồi của các bên liên quan về loại hình và chất lượng nghiên cứu của đội ngũ GV, CB nghiên cứu được khảo sát, thu thập qua kênh khảo sát ý kiến GV, CB, nhân viên trong trường thông qua phiếu hỏi và phần mềm điều tra định kỳ [H23.23.01.10], [H23.23.01.11]. Khi khảo sát, thu thập thông tin, Nhà trường Quy định về việc thu thập ý kiến đánh giá [H23.23.01.09], [H23.23.01.20].

Tổng hợp kết quả khảo sát ý kiến CB, GV, NV về các CS đào tạo, NCKH, PVCĐ và về các mặt hoạt động của trường [H23.23.01.12], [H23.23.01.13]. Thông tin phản hồi của các bên liên quan về loại hình và chất lượng nghiên cứu của đội ngũ GV, CB nghiên cứu được thu thập qua một kênh khác, đó là kênh ý kiến phản biện ngoài trường được nhà trường mời phản biện các đề tài, các giáo trình.

Trường có quy định đối sánh [H23.23.01.08] về CTĐT, CDR và loại hình, khối lượng và chất lượng của đội ngũ GV, CB nghiên cứu. Nhằm tăng số lượng, chất lượng các hoạt động NCKH, trường đã rà soát, điều chỉnh, bổ sung “Quy định về hoạt động khoa học công nghệ của trường”, “Quy chế NCKH”, “Quy định về lựa chọn và biên soạn giáo trình”. Ngoài đối sánh trong nội bộ Trường, việc đối sánh với các CSGD và cơ sở nghiên cứu ngoài Trường vẫn chưa được thực hiện.

Trường ĐH KB thường xuyên có cải tiến để tăng số lượng, chất lượng các hoạt động NCKH của đội ngũ CBGV như:

- Bổ sung các quy chế, quy định, hướng dẫn thực thi các hoạt động NCKH, tạo điều kiện thuận lợi cho CBGV trong các hoạt động KH&CN như: Quy định về việc thu thập ý kiến đánh giá [H23.23.01.20]; Bộ tiêu chí đánh giá hiệu quả hoạt động KHCN Trường [H23.23.01.16]; Báo cáo tổng kết năm học của Phòng QLKH&HTQT Trường Đại học Kinh Bắc về thực hiện NCKH, chỉ ra những điểm tồn tại cần cải tiến kịp thời [H23.23.01.21]; [H23.23.01.23];

[H23.23.01.24]; [H23.23.01.25]; [H23.23.01.26]; [H23.23.01.27]; và từ đó có kế hoạch cải tiến [H23.23.01.22].

Trong các văn bản mới nói trên đã quy định rõ định hướng nghiên cứu, mở rộng loại hình, quy định quy đổi các loại hình sang giờ giảng để khuyến khích GV vừa dạy vừa tham gia NCKH, tăng kinh phí cấp cho các đề tài, nhà trường quy định giành 20% tổng số tiền thu để cấp cho NCKH, tăng kinh phí cho việc viết giáo trình, quy định mức thưởng cho các đề tài khi đạt mức “xuất sắc”, “khá” [H23.23.01.14], [H23.23.01.15].

Tự đánh giá: 5/7

Tiêu chí 23.2. Loại hình và khối lượng nghiên cứu của người học được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến

Loại hình NCKH của sinh viên được xác lập trong Quy định về hoạt động khoa học công nghệ của trường [H23.23.02.01], trong văn bản quy định này đã quy định nội dung hoạt động NCKH, quyền lợi và trách nhiệm của NH tham gia NCKH và tổ chức NCKH của người học; trong Chiến lược Phát triển Trường Đại học Kinh Bắc giai đoạn 2013-2030 [H23.23.02.08]; Kế hoạch trung hạn hoạt động NCKH của Trường [H23.23.02.09]; [H23.23.02.10]; Nghị quyết của HĐT [H23.23.02.18]; trong văn bản của Nhà nước [H23.23.02.19]; [H23.23.02.20]; [H23.23.02.21];

Hàng năm, Phòng KHCN&HTQT ra thông báo về việc đăng ký đề xuất đề tài NCKH của sinh viên, sau đó tổng hợp xét duyệt qua Hội đồng thông qua đề tài cương, Quyết định giao khối lượng thực hiện nhiệm vụ KHCN của người học, và nghiệm thu đề tài [H23.23.02.04], [H23.23.02.05], [H23.23.02.11], [H23.23.02.28] được quy định cụ thể trong Quyết định về việc ban hành Quy định NCKH của sinh viên Trường ĐH KT&QTKD [H23.23.02.23] [H23.23.02.21] [H23.23.02.22] [H23.23.02.26].

Quy chế cũng quy định hàng năm chọn đề tài NCKHCN xuất sắc của SV để nhà trường khen thưởng và đề nghị Bộ GDĐT khen thưởng; Trong giai đoạn 2017-2022 nhà trường tổ chức 3 Hội nghị Khoa học và công nghệ của SV tại cấp Khoa và trường [H23.23.02.29]. Đồng thời trong quy chế đó cũng quy định

rõ trách nhiệm và quyền lợi của người hướng dẫn khoa học đối với các đề tài NCKH của người học, cụ thể:

Hướng dẫn HV, SV thực hiện đề tài NCKH, Đề án khởi nghiệp, Đề án kinh doanh được hưởng tiết giảng theo các mức trong bảng sau [H23.23.02.04]:

	Hướng dẫn 1 đề tài NCKH của sinh viên, Dự án kinh doanh, Khởi nghiệp	8 tiết/1 đề tài, dự án
	Hướng dẫn 1 đề tài NCKH của sinh viên được giải nhất cấp trường	10 tiết/đề tài
	Hướng dẫn HV cao học thực hiện đề tài NCKH (<i>ngoài đề tài Luận văn, đã có quy định riêng</i>)	15 tiết/đề tài

Triển khai thực hiện Quy chế trên, Nhà trường quy định về khen thưởng cho sinh viên xét theo từng học kỳ. Nhà trường ban hành Quy định thành lập Hội đồng xét duyệt để khen thưởng cho các đề tài NCKH, đề án khởi nghiệp của sinh viên [H23.23.02.05].

Theo quy định của Nhà trường, việc khen thưởng sinh viên được xét duyệt như sau [H23.23.02.06]: Sinh viên đạt giải cấp Trường: Giải nhất được cộng từ 0,1 đến 0,3 điểm; sinh viên có bài báo NCKH đăng trong tạp chí khoa học công nghệ được cộng điểm tốt nghiệp 0,5 điểm. Kinh phí hỗ trợ sinh viên nghiên cứu khoa học tăng từ 2 triệu đồng/đề tài năm 2015 lên 3 triệu đồng/đề tài năm 2017 và năm 2019 tăng lên 5 triệu đồng đã khuyến khích sinh viên. Ngoài việc khen thưởng trong NCKH nhà trường ban hành quy định các mức khen thưởng cho sinh viên đạt thành tích cao trong các kỳ thi tài cấp quốc tế, cấp toàn quốc và cấp khu vực trong nước [H23.23.02.07].

Nhà trường đã có đổi mới loại hình, số lượng SV NCKH cũng như thành tích khen thưởng theo từng năm của SV [H23.23.02.27]. [H23.23.02.30]; [H23.23.02.31]; [H23.23.02.32].

Việc đổi mới với các CSGD và cơ sở nghiên cứu ngoài Trường vẫn chưa được thực hiện.

Trường có KH cải tiến để tăng số lượng và chất lượng các hoạt động NCKH của người học. Điều đó được thể hiện qua Quyết định ban hành Quy định về hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên Trường; Kế hoạch rà soát, đánh giá số lượng, chất lượng CTNCKH của trường; Kế hoạch cải tiến, đánh giá

số lượng, chất lượng CTNCKH của trường [H23.23.02.07] [H23.23.02.13]. [H23.23.02.14]; [H23.23.02.15]; Kế hoạch khảo sát SV về hoạt động NCKH của trường [H23.23.02.17]

Tự đánh giá: 5/7

Tiêu chí 23.3. Loại hình và số lượng các công bố khoa học bao gồm cả các trích dẫn được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến

Trường đã xác lập loại hình và khối lượng các công bố khoa học bao gồm cả các chỉ số trích dẫn nhằm để đối sánh, cải tiến. Loại hình và khối lượng các công bố khoa học bao gồm cả các chỉ số trích dẫn được quy định trong Quy định về quản lý hoạt động NCKH bao gồm [H23.23.03.01]:

1. Số đề tài NCKH đã đăng ký trong năm.
2. Số đề tài NCKH được Hội đồng khoa học cấp trường thẩm định, tuyển chọn và được Hiệu trưởng phê duyệt để thực hiện.
3. Số đề tài NCKH được nghiệm thu trong năm; số đề tài NCKH được nghiệm thu đúng tiến độ.
4. Tỷ lệ đề tài NCKH ứng dụng liên quan trực tiếp đến các các chương trình đào tạo và môn học/học phần đang giảng dạy trong Trường; nghiên cứu các biện pháp giải quyết các vấn đề về đào tạo, quản lý, tổ chức, xây dựng và phát triển Trường; gắn với việc giải quyết vấn đề thực tế kinh tế - xã hội so với tổng số đề tài NCKH được triển khai thực hiện.
5. Số hội nghị, hội thảo được tổ chức và số chuyên đề được đăng trên kỷ yếu; số hội nghị, hội thảo quốc tế tổ chức tại Trường.
6. Số bài báo công bố trên các Tạp chí quốc tế (ISI, Scopus và các tạp chí quốc tế khác); bài báo đăng trên tạp chí khoa học chuyên ngành được tính điểm trong nước; bài đăng trên kỷ yếu hội thảo trong nước và quốc tế; bài viết đăng trên thông báo khoa học.
7. Số các phát minh, sáng chế, chuyển giao công nghệ; số lượng tài sản trí tuệ được bảo hộ.
8. Số giáo trình được khoa biên soạn so với số môn học/học phần mà Khoa chịu trách nhiệm giảng dạy; số giáo trình do trường biên soạn so với tổng

các môn học/học phần trong tất cả các chương trình đào tạo ở các trình độ đào tạo.

9. Về hợp tác đối tác NCKH: Số nhóm nghiên cứu đề tài chung, số công bố chung các kết quả nghiên cứu; số đề tài thực hiện chung có ứng dụng chuyển giao công nghệ; số hội thảo, hội nghị khoa học đồng tổ chức; số lượng tọa đàm trao đổi kinh nghiệm với các đối tác nước ngoài...;

10. Số đề tài NCKH của SV được khen thưởng trong năm.

11. Số giải thưởng NCKH đạt được tại các cuộc thi quốc gia và quốc tế.

12. Tổng số kinh phí chi cho hoạt động NCKH trong năm

Loại hình và khối lượng các công bố khoa học bao gồm cả các chỉ số trích dẫn cũng đã được ghi trong, Kế hoạch thực hiện chiến lược phát triển trường giai đoạn 2013-2020, tầm nhìn 2025 [H23.23.03.02].

Trường có hệ thống theo dõi, giám sát, có CSDL được cập nhật về các loại hình và số lượng các công bố khoa học. Hệ thống bao gồm: về mặt cơ sở pháp lý để thực hiện giám sát là “Quy định về hoạt động khoa học công nghệ”, Quy định về quản lý hệ thống thông tin đảm bảo chất lượng bên trong [H23.23.03.01], [H23.23.03.03]; Thông báo điều chỉnh Quy định về quản lý hệ thống quản lý thông tin đảm bảo chất lượng bên trong [H23.23.03.04]; Quy định chức năng nhiệm vụ của phòng QLKH&HTQT [H23.23.03.05]; về mặt cơ cấu tổ chức, trong các văn bản trên đã quy định phòng QLKH&HTQT là bộ phận có trách nhiệm chủ trì phối hợp với các đơn vị, Hội đồng khoa học các cấp theo dõi, giám sát, lập CSDL về các loại hình và số lượng các công bố khoa học của trường [H23.23.03.06].

Trường có *hệ thống thu thập thông tin phản hồi của các bên liên quan* về loại hình và số lượng công bố khoa học, bao gồm cả trích dẫn: Quy định về quản lý hệ thống thông tin đảm bảo chất lượng bên trong [H23.23.03.04]. Việc thu thập thông tin phản hồi của các bên liên quan được thực hiện định kỳ hàng năm do Phòng KT&ĐBCLGD thực hiện theo chức năng nhiệm vụ đã quy định [H23.23.03.07], [H23.23.03.08], [H23.23.03.09]. Việc khảo sát ý kiến các bên

liên quan được thực hiện định kỳ hàng năm theo kế hoạch [H23.23.03.06] thông qua phiếu khảo sát bao gồm các câu hỏi.

Tổng hợp kết quả khảo sát hàng năm ý kiến CB, GV, NV về số lượng và loại hình các công bố khoa học [H23.23.03.10].

Loại hình và số lượng các công bố khoa học như: Số bài báo được đăng trên các Tạp chí khoa học trong và ngoài nước; Số bài báo được đăng trên các Tạp chí khoa học trong và ngoài nước; Số giáo trình do nhà trường biên soạn; Số hội thảo khoa học cấp Trường, trong nước và quốc tế; Số bằng phát minh sáng chế được cấp; Giải thưởng các cuộc thi quốc gia và quốc tế; Các phần mềm ứng dụng đã được xây dựng và sử dụng; Các chỉ số được trích dẫn; Các chương trình máy tính, các cơ sở dữ liệu; Các bản vẽ kỹ thuật, mỹ thuật... được trình bày trong phần cơ sở dữ liệu thuộc báo cáo TĐG này [H23.23.03.11].

Trường thực hiện việc đối sánh về loại hình và số lượng công bố khoa học bao gồm trích dẫn.

Đối sánh với loại hình và số lượng công bố khoa học của trường đại học: Thăng Long (Lý do đối sánh với trường này là vì trường đại học Thăng Long cũng là một trường tư thục và có chu kỳ kiểm định) [H23.23.03.12], [H23.23.03.13].

Phòng KH-CN & HTQT thực hiện Kế hoạch rà soát, đánh giá số lượng, chất lượng các công bố khoa học của trường [H23.23.03.14] và việc đối sánh về các loại hình và số lượng các công bố khoa học bài báo đăng trên tạp chí trong nước và quốc tế, giáo trình và sách chuyên khảo giữa các năm, kết quả được thể hiện MC [H23.23.03.18], [H23.23.03.19].

Tự đánh giá: 5/7

Tiêu chí 23.4. Loại hình và số lượng các tài sản trí tuệ được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến

Nhà trường có Ban hành Quy định quản lý tài sản trí tuệ của Trường Đại học Kinh Bắc cụ thể về các loại hình TSTT được xác lập trong trong các văn bản: Quy định về hoạt động khoa học - công nghệ của trường ban hành theo QĐ số: 73/QĐ-ĐHKB ngày 27/3/2014 và Quy định “Quy định hoạt động sở hữu trí

tuệ trong Trường Đại học Kinh Bắc” ban hành kèm theo Quyết định số: 390/QĐ-ĐHKB ngày 10/8/2014 [H23.23.04.01], [H23.23.04.02], [H23.23.04.16], [H23.23.04.17]; dựa theo Văn bản của pháp luật [H23.23.04.12], [H23.23.04.13], đã được thông qua Nghị quyết của Chi bộ , HĐT Trường Đại học Kinh Bắc về bảo vệ quyền SHTT [H23.23.04.14], [H23.23.04.15]. Bên cạnh đó Nhà trường cũng ban hành Quyết định ban hành Quy trình công bố, theo dõi và lưu trữ kết quả NCKH [H23.23.04.18]; [H23.23.04.19]; [H23.23.04.27]; Quyết định thành lập Hội đồng khoa học và đào tạo [H23.23.04.20] , [H23.23.04.21]; về chính sách, cơ chế giám sát, rà soát các hoạt động NCKH Trường Đại học Kinh Bắc [H23.23.04.22]; [H23.23.04.23];

Trong văn bản quy định này đã quy định nội dung:

Loại hình và số lượng sở hữu trí tuệ

Trong các văn bản trên, loại hình và số lượng sở hữu trí tuệ của Trường gồm:

Giáo trình, tài liệu học tập (do GV,CB của trường biên soạn)

Các ấn phẩm khoa học

Các đề tài NCKH đã được nghiệm thu

Các công trình khoa học đã được công bố

Các thiết kế kỹ thuật, mỹ thuật, bản vẽ, thiết kế mỹ thuật công nghiệp...

Các giải pháp hữu ích, các ý tưởng có khả năng tạo ra sản phẩm có giá trị

Các bài thi quốc gia và quốc tế

Trường quy định chức năng nhiệm vụ và quyền hạn của Phòng QLKH&HTQT [H23.23.04.03], trong đó, phòng QLKH&HTQT có trách nhiệm quản lý công tác quyền SHTT cho các sản phẩm khoa học và công nghệ theo quy định hiện hành và cập nhật cơ sở dữ liệu về tài sản trí tuệ.

Trường thực hiện việc đối sánh về loại hình và số lượng công bố khoa học bao gồm trích dẫn.

Đối sánh với loại hình và số lượng công bố khoa học của trường Đại học Kinh Bắc [H23.23.04.04].

Bảng 23.1: Đối sánh một số loại hình, số lượng công bố khoa học giữa trường với Trường Đại học Thăng Long

Trường Đại học	Đề tài NCKH	Giáo trình	Bài báo	Hội thảo khoa học (số năm hội thảo\số bài tham luận)
Trường ĐH Kinh Bắc	52	7	62	3\20
Trường ĐH Thăng Long	30	10	65	25

Và đối sánh giữa các năm của Nhà trường, được thể hiện bảng dưới đây:

Bảng 23.2: Đối sánh một số loại hình, số lượng công bố khoa học giữa các năm trong trường

TT	Thông tin	Số lượng					
		2017-2018	2018-2019	2019-2020	2020-2021	2021-2022	Tổng số
1	Sách giáo trình\HD\Tham khảo	4			1	2	7
2	Bài báo của cán bộ	03	16	11	30	12	72

Trường có kế hoạch rà soát công tác quản lý hoạt động sở hữu trí tuệ hàng năm [H23.23.04.05]. Trong nội dung các kế hoạch đó có mục tiêu rà soát, thời gian rà soát, nội dung rà soát và phân công tổ chức thực hiện, rà soát về chính sách, quy định, Tên các SGK, tạp chí được phát hành, Quyết định về việc phê duyệt đề tài KH&CN [H23.23.04.25], [H23.23.04.26].

Phòng QLKH&HTQT được phân công là đơn vị đầu mối quản lý hoạt động SHTT, hướng dẫn các đơn vị thực hiện hoạt động SHTT và lưu trữ bảo quản cơ sở dữ liệu [H23.23.04.06], và tham mưu cho Ban giám hiệu ban hành các văn bản quy định hoạt động SHTT. Trong các văn bản đó đã quy định:

1. Trường là chủ sở hữu các quyền SHTT của TSTT được tạo ra do tổ chức, cá nhân thuộc Trường sáng tạo
2. Trường là chủ sở hữu quyền SHTT đối với TSTT được tạo ra trong quá trình làm việc theo hợp đồng với cộng tác viên, giảng viên thỉnh giảng trừ trường hợp có thỏa thuận khác.
3. Trường là chủ sở hữu các nhãn hiệu của các tổ chức quy định

4. Trường là tổ chức đại diện nhận quyền sử dụng chỉ dẫn địa lý từ Nhà nước nếu sản phẩm mang chỉ dẫn địa lý được sản xuất trong phạm vi lãnh thổ mà Trường được giao đất.

5. Trường là đồng sở hữu quyền SHTT với tổ chức, cá nhân khác trong trường hợp có thỏa thuận cụ thể.

Quyền của tác giả trực tiếp sáng tạo ra tài sản trí tuệ.

Nhãn hiệu hàng hóa, dịch vụ và tên sản phẩm của Trường Đại học Kinh Bắc in ấn, phát hành giáo trình trong Trường

a) Sau khi Hiệu trưởng ra Quyết định phê duyệt, công nhận là giáo trình của Trường, khoa có giáo trình căn cứ nhu cầu thực tế, làm việc với Trung tâm dịch vụ và hỗ trợ sinh viên của Trường để in ấn và phát hành giáo trình, phục vụ giảng dạy và học tập. Khoa cũng có thể ký hợp đồng in ấn, phát hành với các nhà xuất bản ngoài Trường để phục vụ cho mục đích này. Hợp đồng cần ghi rõ số lượng phát hành và những điều khoản bảo đảm lợi ích chính đáng cho người viết *theo quy định hiện hành của Luật sở hữu trí tuệ, quyền tác giả và các quyền liên quan trong in ấn, phát hành*, đồng thời Khoa gửi Hợp đồng này để báo cáo BGH...

b) Những giáo trình do Trường tổ chức biên soạn mới, biên soạn lại hay bổ sung *phải được ghi rõ ngoài bìa tên của Trường*, tên nhóm biên soạn hay tên tác giả, tên giáo trình, tên cơ sở in ấn và năm xuất bản.

c) Trường bảo vệ quyền tác giả, quyền bản quyền cho các giáo trình do Trường tổ chức biên soạn theo Luật sở hữu trí tuệ và những thỏa thuận được ký giữa khoa có giáo trình và cơ sở xuất bản trong in ấn, phát hành, tái bản ... giáo trình ở trong và ngoài Trường” [H23.23.04.07].

Nhà trường Quy định về đạo đức nhà giáo và sự trung thực trong các hoạt động khoa học công nghệ [H23.23.04.08], trong đó có các quy định về ứng xử trong các hoạt động khoa học công nghệ.

Trung thực, khách quan trong các hoạt động KHCN;

Tôn trọng, xây dựng hình ảnh của Nhà trường;

Tôn trọng sự thật, tôn trọng quyền tác giả khi tham gia các hoạt động học

thuật bao gồm đào tạo, học tập, giảng dạy, nghiên cứu khoa học cũng như các hoạt động sáng tác, sáng tạo khác; không sao chép, đạo văn, khi trích dẫn phải ghi rõ nguồn trích dẫn;

Không sử dụng danh nghĩa của bất cứ cá nhân, tổ chức nào liên quan đến các hoạt động KHCN khi chưa được sự đồng ý của cá nhân, tổ chức đó;

Tìm hiểu, nắm rõ và tuân thủ các quy định, pháp luật có liên quan trong hoạt động khoa học công nghệ.

Ứng xử với các đồng tác giả.

Trung thực trong việc ghi nhận quyền tác giả và sự đóng góp của cá nhân, tổ chức đối với công trình khoa học.

Tuân thủ theo quy định, hợp đồng đã được ký kết trong hoạt động khoa học công nghệ.

Ứng xử với tổ chức hợp tác, tổ chức tài trợ.

Tôn trọng và tuân thủ các điều khoản trong hợp đồng đã ký kết

Tìm hiểu, nắm rõ và tuân thủ các quy định của tổ chức hợp tác, tài trợ.

Ứng xử trong hoạt động thu thập, xử lý và quản lý dữ liệu.

Thu thập dữ liệu đáng tin cậy một cách hợp pháp, trung thực.

Tôn trọng quyền sở hữu, có trách nhiệm bảo mật (nếu được yêu cầu) đối với dữ liệu đã thu thập được.

Không ngụy tạo dữ liệu, kết quả nghiên cứu.

Đính chính khi có các sai sót khách quan trong quá trình nghiên cứu và kết quả nghiên cứu.

Các hành vi bị nghiêm cấm trong hoạt động khoa học công nghệ.

Lợi dụng hoạt động khoa học và công nghệ để xuyên tạc, chống lại đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước; phá hoại khối đại đoàn kết dân tộc.

Lợi dụng hoạt động khoa học và công nghệ để xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân; gây thiệt hại đến tài nguyên, môi trường, sức khỏe con người; trái với đạo đức, thuần phong mỹ tục của dân tộc.

Xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ, chiếm đoạt, chuyển nhượng, chuyển giao

bất hợp pháp kết quả khoa học và công nghệ, tiết lộ tư liệu kết quả khoa học và công nghệ thuộc danh mục bí mật Nhà nước; lừa dối, giả mạo trong hoạt động khoa học và công nghệ.

Cản trở hoạt động khoa học và công nghệ hợp pháp của tổ chức, cá nhân.

Trong quy định cũng quy định về xử lý các vi phạm.

Cán bộ, giảng viên, chuyên viên của Trường, các cá nhân ngoài Trường có tham gia giảng dạy và các hoạt động KHCN tại Trường hoặc có sử dụng nguồn lực của Trường vi phạm các quy định trên đây thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà xử lý kỷ luật, xử phạt hành chính hoặc bị đề nghị cấp có thẩm quyền truy cứu trách nhiệm hình sự, nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường.

Đối với hệ cao học, nhà trường đã có Quy định về làm luận văn thạc sĩ [H23.23.04.09], trong đó quy định những người làm luận văn phải có cam kết in trong luận văn với nội dung: công trình nghiên cứu là của tác giả, không sao chép, không đạo văn, không vi phạm quy định quyền sở hữu trí tuệ, đồng thời trong quy định đó cũng hướng dẫn tác giả cách ghi trích dẫn tác phẩm của các tác giả khác.

Trong thời gian qua cán bộ, GV của trường không xâm phạm quy định về quyền sở hữu trí tuệ, không xâm phạm bản quyền tác giả.

Trong Quy chế NCKH ban hành năm 2014 nhà trường quy định: Nhà trường hỗ trợ một phần phí đăng ký bảo hộ quyền tác giả tùy theo ý nghĩa và tính chất của đề tài (mức hỗ trợ được xét cho từng trường hợp cụ thể, trên cơ sở đề nghị của Hội đồng khoa học cấp trường).

Trường thực hiện việc đối sánh về loại hình và số lượng công bố khoa học bao gồm trích dẫn.

Trường có kế hoạch khảo sát ý kiến các bên liên quan về loại hình và số lượng sở hữu trí tuệ [H23.23.04.10], [H23.23.04.31] theo mẫu phiếu khảo sát, kết quả cho thấy đa số ý kiến đều hài lòng với hoạt động NCKH, quản lý SHTT của nhà trường [H23.23.04.11], [H23.23.04.32]. Kết quả thực hiện được thể hiện trong MC [H23.23.04.24] [H23.23.04.26] [H23.23.04.29] [H23.23.04.30]. Tuy nhiên các công bố khoa học chủ yếu của các cán bộ mới chuyển đến từ các cơ

quan khác.

Tự đánh giá: 4/7

Tiêu chí 23.5. Ngân quỹ cho từng loại hoạt động nghiên cứu được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến

Ngân quỹ cho loại hoạt động NCKH của trường được xác lập trong các văn bản: Quy định hoạt động NCKH [H23.23.05.01], trong kế hoạch thực hiện chiến lược phát triển trường giai đoạn 2013-2020, tầm nhìn 2025 và 2030 [H23.23.05.02], trong kế hoạch chiến lược hoạt động khoa học - công nghệ giai đoạn 2018-2020 [H23.23.05.03] ; dựa theo Văn bản của pháp luật [H23.23.05.06], [H23.23.05.07], vào Quyết định ban hành Quy chế thực hiện dân chủ trong hoạt động của Trường Đại học Kinh Bắc [H23.23.05.10], Quy chế tổ chức và hoạt động [H23.23.05.09], quy chế thanh tra nội bộ [H23.23.05.13], và Trong Quy định hoạt động NCKH ban hành trong đó đã ghi:

Kinh phí NCKH của nhà trường được hình thành từ các nguồn.

Quỹ NCKH: Trường trích tối thiểu 38% tổng thu của năm học để lập Quỹ NCKH.

- Nguồn kinh phí từ hoạt động NCKH với các đối tác.
- Ngân quỹ cho từng loại hoạt động NCKH được giám sát và đối sánh để cải tiến hàng năm, cụ thể trong quy chế NCKH [H23.23.05.01] đã quy định:

1. Tham gia nghiên cứu các đề tài cấp Nhà nước và cấp Bộ (thực hiện theo quy định chung đối với đề tài cấp nhà nước, cấp Bộ):

a) Về mức thù lao trong nghiên cứu các đề tài: theo dự toán kinh phí và theo kết quả đánh giá - nghiệm thu theo từng đề tài.

b) Được xét thành tích NCKH.

2. Tham gia nghiên cứu các đề tài cấp trường. Kinh phí được cấp theo nhiều mức: tối thiểu

a) Về kinh phí để nghiên cứu đề tài: nhà trường duyệt theo từng đề tài, trên cơ sở kết luận của Hội đồng thẩm định đề tài. Mức kinh phí quyết toán cấp cho đề tài, nhà trường xét duyệt căn cứ vào kết quả nghiệm thu và kết luận của Hội đồng nghiệm thu đề tài.

Mức tạm ứng không quá 50 % mức kinh phí được duyệt.

c) Ngoài tiền thù lao nghiên cứu nói trên, đối với các giảng viên có tham gia đề tài cấp trường, nhà trường khuyến khích tính thành tích giờ giảng được quy đổi. Thành tích về giờ giảng quy đổi được cộng vào tổng mức giờ giảng của giảng viên trong năm để xét khen thưởng và xét khi nâng bậc thù lao. Số giờ giảng được quy đổi từ hoạt động NCKH này không trong diện trả thù lao giờ giảng.

3. Tham gia nghiên cứu các đề tài cấp Khoa. Kinh phí được cấp theo nhiều mức: Tối thiểu 30 triệu đồng.

a) Về kinh phí để nghiên cứu đề tài: nhà trường duyệt theo từng đề tài, trên cơ sở kết luận của Hội đồng thẩm định đề tài. Mức kinh phí quyết toán đề tài, nhà trường xét duyệt căn cứ vào kết quả nghiệm thu và kết luận của Hội đồng nghiệm thu đề tài.

b) Mức tạm ứng không quá 50% mức kinh phí được duyệt.

c) Ngoài tiền thù lao nghiên cứu nói trên, đối với các giảng viên có tham gia đề tài cấp khoa, nhà trường khuyến khích tính thành tích giờ giảng được quy đổi. Thành tích về giờ giảng quy đổi được cộng vào tổng mức giờ giảng của giảng viên trong năm để xét khen thưởng và xét khi nâng bậc thù lao. Số giờ giảng được quy đổi từ hoạt động NCKH này không trong diện trả thù lao giờ giảng.

4. Đối với các đề tài mà các đơn vị tự bỏ kinh phí, sau khi được Hội đồng cấp trường đánh giá - nghiệm thu, thì những giảng viên tham gia đề tài được ghi thành tích về giờ giảng qui đổi như mức quy định đối với đề tài cấp khoa.

5. Đối với việc viết bài đăng các tạp chí khoa học chuyên ngành, bài tham luận và báo cáo chuyên đề trong các hội thảo khoa học (dưới danh nghĩa giảng viên của Trường), ngoài thù lao nhuận bút do các tạp chí, các tổ chức sử dụng các sản phẩm đó chi trả, tác giả được ghi thành tích NCKH, tác giả là giảng viên được tính thành tích giờ giảng. Thành tích về giờ giảng quy đổi được cộng vào tổng mức giờ giảng của giảng viên trong năm để xét khen thưởng và xét khi nâng bậc thù lao. Mức giờ giảng quy đổi từ hoạt động NCKH này không trong

diện trả thù lao giờ giảng .

6. Đối với việc hướng dẫn NCS, HV, SV thực hiện đề tài NCKH, Đề án khởi nghiệp, Đề án kinh doanh, người hướng dẫn được hưởng thù lao hướng dẫn, mức thù lao tính như sau: số tiết nhân với mức thù lao giờ giảng của người hướng dẫn, đồng thời người hướng dẫn được tính thành tích giờ giảng như quy định trên.

7. Các quyền lợi khác.

- Nhà trường hỗ trợ một phần phí đăng ký bảo hộ quyền tác giả tùy theo ý nghĩa và tính chất của đề tài (mức hỗ trợ được xét cho từng trường hợp cụ thể, trên cơ sở đề nghị của Hội đồng khoa học cấp trường).

Kinh phí cho việc biên soạn giáo trình và thù lao cho các hoạt động khoa học khác được quy định trong Quy định về quản lý hoạt động NCKH

Bảng 23.2: Chi cho Nghiên cứu khoa học

Đơn vị : 1000 đ

TT	Nội dung	2016	2017	2018	2019	2020
1	Chi NCKH của GV, SV (gồm chi cho viết giáo trình)	282tr	368tr	398tr	415tr	456tr
2	Chi đào tạo, hội thảo	15.908tr	22.510tr	25.685tr	25.455tr	26.423tr
3	Chi bồi dưỡng phát triển đội ngũ	50tr	200tr	380tr	420tr	186tr
4	Chi mua sách KHKT (thư viện)	20tr	33tr	40tr	50tr	56tr
5	Chi cho phòng thí nghiệm, thực hành	50tr	110tr	350tr	570tr	1,250tr

Bảng trên trích từ báo cáo số liệu tài chính [H23.23.05.04].

Hệ thống giám sát tài chính của trường gồm có: một Trưởng Ban tài chính - HĐT phụ trách công tác tài chính - kế toán, trưởng phòng Tài chính -

kế toán, Ban kiểm soát có trách nhiệm thông qua đại hội bản báo cáo tài chính, qua từng thời kỳ trường có mời tổ chức kiểm toán độc lập tiến hành kiểm toán.

Nhà trường đã có kế hoạch nâng cao mức đầu tư cho từng loại hoạt động NCKH, được thể hiện trong Dự toán kinh phí hoạt động KH&CN hằng năm, sau khi nhận phản hồi từ các báo cáo Tổng kết năm học hàng năm của Trường [H23.23.05.11]; Hội nghị người lao động hàng năm [H23.23.05.12]; biên bản họp lớp của các lớp học [H23.23.05.14]; biên bản họp của các đơn vị [H23.23.05.15]; Báo cáo hiệu quả đầu tư tài chính [H23.23.05.14], từ đó có Kế hoạch rà soát, đánh giá số lượng, chất lượng NCKH của trường. Ngoài ra có kế hoạch khảo sát ý kiến của CB, GV, NV về quản lý và phân bổ tài chính và đã thực hiện khảo sát theo phiếu câu hỏi khảo sát. Tổng hợp kết quả khảo sát được thể hiện qua các kết quả khảo sát cho thấy 85% ý kiến đồng ý với chiến lược và chính sách NCKH của trường [H23.23.05.05].

Như vậy, tuy không có sự tài trợ từ ngân sách nhà nước, bằng nguồn thu của mình Trường đã xác lập ngân quỹ đáng kể cho từng loại hoạt động NCKH, ngân sách đó được giám sát và đối sánh để cải tiến.

Tự đánh giá: 5/7

Tiêu chí 23.6. Kết quả nghiên cứu và sáng tạo (bao gồm cả việc thương mại hóa, thử nghiệm chuyển giao, thành lập các đơn vị khởi nghiệp) được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến

Trường quy định về kết quả NCKH và sáng tạo (bao gồm cả việc thương mại hóa, thử nghiệm chuyển giao, hành lập đơn vị khởi nghiệp) trong các văn bản: Kế hoạch thực hiện chiến lược phát triển trường giai đoạn 2013-2020, tầm nhìn 2025 và 2030 [H23.23.06.01]. Kế hoạch chiến lược phát triển khoa học công nghệ giai đoạn 2018-2020 [H23.23.06.02].

Các quy định cụ thể về kết quả nghiên cứu và sáng tạo (bao gồm cả việc thương mại hóa, thử nghiệm chuyển giao, thành lập đơn vị khởi nghiệp) được thể hiện trong các văn bản: Quy định về hoạt động NCKH [H23.23.06.03].

Trường quy định quy trình thu thập thông tin, xử lý kết quả đánh giá, nghiệm thu và lưu trữ sản phẩm, khoa học và công nghệ [H23.23.06.04].

1. Quy trình nghiệm thu đề tài:

Tất cả các đề tài nghiên cứu phải tổ chức nghiệm thu trước Hội đồng do Nhà trường tổ chức. Thời gian nghiệm thu theo tiến độ nghiên cứu lập ra trong đề cương đã được phê duyệt.

Theo tiến độ đã duyệt, Chủ nhiệm đề tài nộp kết quả NCKH về Phòng Khoa học và Đảm bảo chất lượng giáo dục, chậm nhất 10 ngày, sau khi chủ nhiệm đề tài gửi báo cáo kết quả NCKH, Phòng Khoa học và Đảm bảo chất lượng giáo dục phải tham mưu để tổ chức nghiệm thu từng đề tài NCKH theo quy trình thu thập thông tin, xử lý kết quả đánh giá, nghiệm thu và lưu trữ sản phẩm, khoa học và công nghệ.

2. Lưu trữ sản phẩm KHCN

Các sản phẩm KHCN của Trường gồm có: Danh mục các công bố khoa học và chuyển giao công nghệ; danh mục giáo trình, sách chuyên khảo, tài liệu; danh mục các giải thưởng KHCN của cán bộ, giảng viên, người học; danh mục chương trình/dự án hợp tác nghiên cứu khoa học. Việc lưu trữ thực hiện theo các bước sau đây:

Trường có quy định về quản lý hệ thống thông tin đảm bảo chất lượng [H23.23.06.04] trong đó quy định nội dung khảo sát các bên liên quan về kết quả NCKH và sáng tạo. Trường định kỳ thực hiện khảo sát ý kiến các bên liên quan về kết quả nghiên cứu khoa học và sáng tạo và đã thực hiện việc khảo sát hàng năm [H23.23.06.05]. Tổng hợp kết quả khảo sát và phiếu khảo sát được thể hiện trong [H23.23.06.06].

Kết hợp lý thuyết với thực hành và góp phần giải quyết các vấn đề thực tế, cán bộ, GV nhà trường tiến hành những đề tài NCKH mang tính sáng tạo, một số kết quả nghiên cứu đã được đưa vào thực tế, như:

1. Để đáp ứng chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế thành công trong doanh nghiệp Việt Nam đăng trên tạp chí Tài chính (ISSN2615-8973) tháng 4/2021.

2. Tổ chức Thu thập thông tin kế toán quản trị cho việc ra quyết định điều hành tại doanh nghiệp đăng trên Tạp chí Tài chính (ISSN2615-8973) tháng 5/2021.

3. Trao đổi về công tác kế toán của các đơn vị sự nghiệp công lập khi chuyển sang công ty cổ phần đăng trên Tạp chí Kinh tế Châu Á – Thái Bình Dương (ISSN0868-3808) tháng 8/2021.

4. Yêu cầu phát triển kiểm toán liên tục trong bối cảnh hội nhập đăng trên Tạp chí Kế toán & Kiểm toán (ISSN1859-1914) tháng 10/2021.

Các đề tài NCKH nói trên đã được nghiệm thu và được cơ sở và chuyên gia ngoài Trường đánh giá cao. Kết quả nghiên cứu vừa giúp nâng cao chất lượng đào tạo, NCKH và vừa giải quyết các vấn đề thực tế [H23.23.06.07].

Trường có KH cải tiến để tăng số lượng và chất lượng các hoạt động NCKH. Điều đó được thể hiện tại Kế hoạch rà soát, đánh giá số lượng, chất lượng NCKH của trường [H23.23.06.08], [H23.23.06.09] ; Kế hoạch cải tiến hoạt động KHCN Trường ĐHKB [H23.23.06.10] qua báo cáo về hoạt động tài chính và Báo cáo về hoạt động đầu tư tài chính [H23.23.06.11] .Kết quả các hoạt động KH&CN của GV, CBNV và đơn vị trong năm là một trong những tiêu chí đánh giá xếp loại thi đua khen thưởng và là một điều kiện để xem xét khi đăng ký làm chủ nhiệm đề tài, dự án mới [H23.23.06.12].

Tự đánh giá: 4/7

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 23:

1. Tóm tắt các điểm mạnh

- Nhà trường ban hành quy định về loại hình, số lượng và chất lượng NCKH mà GV phải thực hiện cũng như quy định về loại hình, số lượng và chất lượng NCKH của SV.

- Nhà trường thực hiện đối sánh loại hình, số lượng, chất lượng NCKH của GV cũng như của SV; đối sánh loại hình và số lượng công bố khoa học cũng như các tài sản trí tuệ.

- Nhà trường thực hiện việc thu chi ngân quỹ dành cho hoạt động NCKH một cách công khai, minh bạch và không có vi phạm trong giai đoạn đánh giá.

- Nhà trường triển khai thực hiện giám sát, đối sánh, khảo sát ý kiến các bên liên quan về hoạt động NCKH của Trường, đồng thời sử dụng kết quả giám

sát, đối sánh, khảo sát ý kiến các bên liên quan để xây dựng kế hoạch cải tiến hoạt động NCKH của Trường.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại

➤ Số lượng các bài báo đăng trên các tạp chí khoa học còn thấp. Cơ chế thưởng cho các bài báo đăng trong tạp chí trong nước và quốc tế có uy tín còn hạn chế. Việc công bố các công trình mới chỉ tập trung vào đội ngũ GV có học vị cao, các GV từ thực hiện tại các nơi khác chuyển đến.

➤ Số lượng, chất lượng đề tài SV tham gia NCKH còn chưa cao.

➤ Nguồn thu từ các hoạt động CGCN nhìn chung còn thấp so với tiềm năng của Trường.

3. Kế hoạch cải tiến

Từ năm học 2021-2022 và những năm học tiếp theo, Nhà trường tích cực hỗ trợ, tăng cường động viên, khuyến khích để trong giai đoạn 2020-2025, Nhà trường có ít nhất 02 đề tài NCKH được cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu trí tuệ.

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/cá nhân thực hiện	Thời gian (từ ...đến)
1	Khắc phục tồn tại 1	Xây dựng cơ chế khuyến khích GV tích cực viết bài cho các hội nghị, hội thảo quốc gia, quốc tế và công bố trên các tạp chí khoa học	Phòng KH&CN - HTQT chủ trì, Phòng TCKT phối hợp tham mưu cho BGH	2023 - 2025
	Khắc phục tồn tại 2	Xây dựng quy định nhằm khuyến khích SV, HV cao học, nghiên cứu sinh tham gia nghiên cứu các đề tài KH cùng GV của Trường.	Phòng KH&CN - TT chủ trì, Phòng TCKT phối hợp tham mưu cho BGH	2023 - 2025
	Khắc phục tồn tại 3	Xây dựng cơ chế khuyến khích các đơn vị tăng cường các hoạt động CGCN, tư vấn, dịch vụ, thương mại hóa sản phẩm	Phòng KH&CN - TT chủ trì, Phòng TCKT phối hợp tham mưu cho BGH	2023 - 2025

		KH&CN...nhằm tăng nguồn thu ngoài ngân sách cho đơn vị và Nhà trường. Nhà trường xây dựng cơ chế đóng góp, trích nộp cho Trường theo bậc thang nhằm khuyến khích các nhà khoa học mang được nhiều hợp đồng, dự án về cho Trường.		
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục thực hiện các quy định quản lý NCKH sửa đổi bổ sung năm 2019, hỗ trợ các nhóm nghiên cứu tiềm năng để đạt mục tiêu Chiến lược	BGH P.QLĐT; P.QLKH&HTQT Các khoa	Giai đoạn 2023-2028

4. Mức đánh giá

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Tự đánh giá
Tiêu chuẩn 23	4.7
Tiêu chí 23.1	5.0
Tiêu chí 23.2	5.0
Tiêu chí 23.3	5.0
Tiêu chí 23.4	4.0
Tiêu chí 23.5	5.0
Tiêu chí 23.6	4.0

Tiêu chuẩn: 24. Kết quả phục vụ cộng đồng

Tiêu chí: 24.1. Loại hình và khối lượng tham gia vào hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng, đóng góp cho xã hội được xác lập, giám sát và đổi mới để cải tiến

“Chiến lược phát triển trường Đại học Kinh Bắc giai đoạn 2013 – 2020 tầm nhìn 2025 và 2030 được ban hành. Trong đó, Nhà trường đã ban hành sứ mạng, tầm nhìn, chiến lược phát triển Nhà trường giai đoạn 2020 – 2025 [H24.24.01.03]; cũng như xây dựng hệ thống các giải pháp thực hiện Chiến lược của Nhà trường, trong đó có giải pháp thực hiện công tác kết nối và phục vụ cộng đồng [H24.24.01.04]; Trong Chiến lược Phát triển thực hiện công tác kết nối và phục vụ cộng đồng dựa vào Văn bản pháp luật của Nhà nước

[H24.24.01.42]; [H24.24.01.43]; [H24.24.01.44]; Đã được Nghị quyết của Đảng ủy, HĐT [H24.24.01.01]; [H24.24.01.41];

Nhà trường đã ban hành quy định về các hoạt động kết nối và cung cấp các dịch vụ PVCD, trong đó có xác định CB, GV, NV và SV có trách nhiệm tham gia các hoạt động kết nối và PVCD do Nhà trường và các tổ chức đoàn thể tổ chức với các loại hình và khối lượng được xác định cho từng năm học [H24.24.01.01]; [H24.24.01.02]; [H24.24.01.03]; [H1.24.01.04]. Nhà trường gửi văn bản đến các đơn vị để phổ biến đến CB, GV, NV, SV biết và thực hiện [H24.24.01.05]; [H24.24.01.06]. Trong kế hoạch năm học hằng năm của Nhà trường và của các đơn vị luôn có nội dung về các hoạt động kết nối và cung cấp các dịch vụ PVCD của Trường với sự tham gia của CB, GV, NV và SV [H24.24.01.07]; [H24.24.01.08].

Phòng CTSV được Nhà trường giao nhiệm vụ giám sát loại hình và khối lượng tham gia hoạt động kết nối và PVCD, đóng góp cho xã hội [H24.24.01.09]; [H24.24.01.10]. Trong kế hoạch hằng năm của Phòng CTSV luôn có nội dung giám sát loại hình và khối lượng tham gia hoạt động kết nối và PVCD, đóng góp cho xã hội của Nhà trường [H24.24.01.11]. Phòng CTSV phân công 01 nhân sự có trách nhiệm theo dõi, giám sát loại hình và khối lượng tham gia hoạt động kết nối và PVCD, đóng góp cho xã hội của Nhà trường [H24.24.01.12]. Bên cạnh đó, các đơn vị tham gia các hoạt động kết nối và PVCD, đóng góp cho xã hội có trách nhiệm theo dõi, giám sát loại hình và khối lượng tham gia hoạt động kết nối và PVCD, đóng góp cho xã hội của đơn vị thực hiện [H24.24.01.13]; [H24.24.01.14]; [H24.24.01.15]; [H24.24.01.16]. Trong báo cáo tổng kết năm học của Nhà trường và của các đơn vị luôn có nội dung đánh giá loại hình và khối lượng tham gia hoạt động kết nối và PVCD, đóng góp cho xã hội của Nhà trường [H24.24.01.17]; [H24.24.01.18].

Hằng năm, Phòng CTSV đối sánh kết quả về loại hình và khối lượng tham gia hoạt động kết nối và PVCD, đóng góp cho xã hội của Nhà trường so với các chỉ tiêu về loại hình và khối lượng tham gia vào hoạt động kết nối và PVCD của Trường đã xác định trong kế hoạch năm học [H24.24.01.19]. Bên cạnh đó, các

đơn vị tham gia các hoạt động kết nối, cung cấp dịch vụ PVCD và các tổ chức đoàn thể đồng thời đối sánh kết quả về loại hình và khối lượng tham gia vào hoạt động kết nối và PVCD, đóng góp cho xã hội đạt được so với các chỉ tiêu đã được xác định trong kế hoạch năm học của đơn vị. Ngoài ra, Nhà trường thực hiện đối sánh kết quả về loại hình và khối lượng tham gia vào hoạt động kết nối và PVCD, đóng góp cho xã hội mà Nhà trường đạt được trong tiêu chuẩn đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục do Bộ GD&ĐT ban hành [H24.24.01.20]; [H24.24.01.21]; [H24.24.01.22].

Nhà trường phân công nhiệm vụ cho Phòng KT&ĐBCLGD là đơn vị triển khai khảo sát các bên liên quan về loại hình và khối lượng tham gia vào hoạt động kết nối và PVCD, đóng góp cho xã hội [H24.24.01.23]; [H24.24.01.24]; [H24.24.01.25]. Phòng KT&ĐBCLGD triển khai lấy ý kiến phản hồi của CB, GV về loại hình và khối lượng tham gia vào hoạt động kết nối và PVCD, đóng góp cho xã hội [H24.24.01.26]; [H24.24.01.27]. Phòng KT&ĐBCLGD phối hợp với các đơn vị để phát phiếu khảo sát ý kiến của CB, GV về loại hình và khối lượng tham gia vào hoạt động kết nối và PVCD, đóng góp cho xã hội của Nhà trường [H24.24.01.15]; [H24.24.01.28] [H24.24.01.47]. Kết quả khảo sát ý kiến của CB, GV đánh giá về loại hình và khối lượng tham gia vào hoạt động kết nối và PVCD, đóng góp cho xã hội của Nhà trường ở mức độ Khá [H24.24.01.29].

Căn cứ kết quả giám sát, đối sánh, khảo sát ý kiến CB, GV về loại hình và khối lượng tham gia vào hoạt động kết nối và PVCD, đóng góp cho xã hội của Nhà trường hằng năm, Phòng KT&ĐBCLGD đề xuất kế hoạch cải tiến chất lượng PVCD, đóng góp cho xã hội, trình Ban Giám Hiệu Nhà trường ký ban hành, gửi đến các đơn vị để thông báo đến CB, GV biết và thực hiện [H24.24.01.30]; [H24.24.01.31]; [H24.24.01.32]; [H24.24.01.33]; [H24.24.01.34]. Trong giai đoạn 2017-2021, Nhà trường đã áp dụng nhiều biện pháp và triển khai nhiều hoạt động nhằm cải tiến chất lượng PVCD, đóng góp cho xã hội như: Đổi mới phương pháp giảng dạy nâng cao chất lượng đào tạo; NCKH và chuyển giao công nghệ; tổ chức chương trình tiếp sức mùa thi; Báo cáo kết quả tư vấn hướng nghiệp -tuyển sinh [H24.24.01.45]; Kế hoạch hoạt

động TT Tuyển sinh & GTVL hàng năm [H24.24.01.46], [H24.24.01.48]; Kế hoạch hoạt động thấp hương tưởng nhớ các Liệt sĩ, nhân ngày 27/7 hàng năm [H24.24.01.49]; tổ chức chương trình sinh viên thanh lịch; tham gia các hoạt động hiến máu nhân đạo và một số chương trình thiện nguyện; đào tạo sinh viên có nhu cầu đặc biệt, tạo việc làm cho sinh viên có nhu cầu đặc biệt bằng những chính sách cụ thể như: xây dựng quỹ hỗ trợ sinh viên là người khuyết tật, sinh viên nghèo vượt khó, miễn phí ký túc xá, giảm 50% học phí toàn khóa học, sắp xếp việc làm sau tốt nghiệp... [H24.24.01.17]; [H24.24.01.35] Nhà trường và các đơn vị, các CB, GV, NV và SV được nhận nhiều hình thức khen thưởng các cấp vì đã có thành tích xuất sắc trong hoạt động kết nối và PVCĐ, đóng góp cho xã hội [H24.24.01.36].

Tự đánh giá: 5/7

Tiêu chí: 24.2. Tác động xã hội, kết quả của hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng, đóng góp cho xã hội được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến

Trong kế hoạch năm học của Nhà trường luôn có nội dung đánh giá tác động của hoạt động kết nối và PVCĐ, đóng góp cho xã hội của Trường [H24.24.02.01]; [H24.24.02.02]; [H24.24.02.03]; [H24.24.02.04]; [H24.24.02.05]. Nhà trường phân công nhiệm vụ cho Phòng CTSV chủ trì và phối hợp với các đơn vị trực thuộc để đánh giá tác động của hoạt động kết nối và PVCĐ, đóng góp xã hội của Nhà trường [H24.24.02.06]; [H24.24.02.07]; [H24.24.02.08]. Phòng CTSV triển khai nhiều hình thức để đánh giá tác động của hoạt động kết nối và PVCĐ, đóng góp cho xã hội của Nhà trường như: Khảo sát ý kiến các bên liên quan, lấy ý kiến góp ý thông qua hội nghị, hội thảo, tiếp thu ý kiến góp ý và đánh giá [H24.24.02.09]; [H24.24.02.10]. Kết quả đánh giá tác động của hoạt động kết nối và PVCĐ của Nhà trường được báo cáo BGH và thông báo lãnh đạo các đơn vị tại cuộc họp giao ban định kỳ và phổ biến đến CB, GV, NV, SV [H24.24.02.11]; [H24.24.02.12]; [H24.24.02.13]. Ngoài ra, kết quả đánh giá tác động của hoạt động kết nối và PVCĐ, đóng góp cho xã hội của Nhà trường được thể hiện trong báo cáo tổng kết năm học cũng như báo cáo

tại Hội nghị Người lao động hằng năm [H24.24.02.14]; [H24.24.02.15]; Kế hoạch và báo cáo các hoạt động của Công Đoàn [H24.24.02.38].

Phòng CTSV được Nhà trường giao nhiệm vụ giám sát tác động của hoạt động kết nối và PVCD, đóng góp cho xã hội của Trường. Trong kế hoạch hằng năm của Phòng CTSV luôn có nội dung giám sát tác động của hoạt động kết nối và PVCD, đóng góp cho xã hội của Nhà trường [H24.24.02.09]. Phòng CTSV phân công 01 nhân sự có trách nhiệm theo dõi, giám sát tác động của hoạt động kết nối và PVCD, đóng góp cho xã hội của Nhà trường. Bên cạnh đó, các đơn vị tham gia các hoạt động kết nối và PVCD, đóng góp cho xã hội có trách nhiệm theo dõi, giám sát tác động của hoạt động kết nối và PVCD, đóng góp cho xã hội của đơn vị thực hiện [H24.24.02.16]; [H24.24.02.17]; [H24.24.02.18]. Trong báo cáo tổng kết năm học của Nhà trường và của các đơn vị luôn có nội dung giám sát tác động của hoạt động kết nối và PVCD, đóng góp cho xã hội của Nhà trường [H24.24.02.19].

Hằng năm, Phòng CTSV đối sánh kết quả tác động của hoạt động kết nối và PVCD, đóng góp cho xã hội của Nhà trường so với mục tiêu về tác động của hoạt động kết nối và PVCD, đóng góp cho xã hội của Trường đã xác định trong kế hoạch năm học [H24.24.02.20]; [H24.24.02.21]. Bên cạnh đó, các đơn vị tham gia các hoạt động kết nối và cung cấp dịch vụ PVCD và các tổ chức đoàn thể đồng thời đối sánh kết quả tác động của hoạt động kết nối và PVCD, đóng góp cho xã hội đạt được so với các chỉ tiêu đã được xác định trong kế hoạch năm học của đơn vị [H24.24.02.22]. Ngoài ra, Nhà trường thực hiện đối sánh kết quả tác động của hoạt động kết nối và PVCD, đóng góp cho xã hội mà Nhà trường đạt được so với tiêu chuẩn đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục do Bộ GD&ĐT ban hành [H24.24.02.23].

Nhà trường phân công nhiệm vụ cho Phòng KT&ĐBCLGD là đơn vị triển khai khảo sát các bên liên quan về tác động của hoạt động kết nối và PVCD, đóng góp cho xã hội của Trường [H24.24.02.24]; [H24.24.02.25]; [H24.24.02.26]. Phòng KT&ĐBCLGD triển khai lấy ý kiến phản hồi của CB, GV về tác động của hoạt động kết nối và PVCD, đóng góp cho xã hội của

Trường [H24.24.02.27]; [H24.24.02.28]. Phòng KT&ĐBCLGD phối hợp với các đơn vị để phát phiếu khảo sát ý kiến của CB, GV về tác động của hoạt động kết nối và PVCD, đóng góp cho xã hội của Nhà trường [H24.24.02.29]. Kết quả khảo sát ý kiến của CB, GV đánh giá về tác động của hoạt động kết nối và PVCD, đóng góp cho xã hội của Nhà trường ở mức độ Khá [H24.24.02.30].

Căn cứ kết quả giám sát, đối sánh, khảo sát ý kiến CB, GV về tác động của hoạt động kết nối và PVCD, đóng góp cho xã hội của Nhà trường hằng năm, Phòng KT&ĐBCLGD đề xuất kế hoạch cải tiến chất lượng PVCD, đóng góp cho xã hội, trình BGH Nhà trường ký ban hành, gửi đến các đơn vị để thông báo đến CB, GV biết và thực hiện [H24.24.02.31]; [H24.24.02.32]; [H24.24.02.33]; [H24.24.02.34]; [H24.24.02.35].

Trong giai đoạn 2017-2021, Nhà trường đã áp dụng nhiều biện pháp và triển khai nhiều hoạt động nhằm cải tiến chất lượng PVCD, đóng góp cho xã hội như: Đổi mới phương pháp giảng dạy nâng cao chất lượng đào tạo; NCKH và chuyển giao công nghệ; tổ chức chương trình tiếp sức mùa thi; thành lập quỹ hỗ trợ cho sinh viên khuyết tật, sinh viên nghèo, sinh viên là người dân tộc thiểu số; tổ chức chương trình sinh viên thanh lịch; tham gia các hoạt động hiến máu nhân đạo và một số chương trình thiện nguyện... [H24.24.02.36]; [H24.24.02.37].

Tác động của hoạt động kết nối và PVCD, đóng góp cho xã hội của Nhà trường được cải thiện qua từng năm, Nhà trường và các đơn vị, các CB, GV, NV và SV được nhận nhiều hình thức khen thưởng các cấp vì đã có thành tích xuất sắc trong hoạt động kết nối và PVCD, đóng góp cho xã hội [H24.24.02.38].

Tự đánh giá: 5/7

Tiêu chí: 24.3. Tác động của hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng đối với người học và đội ngũ cán bộ, giảng viên, nhân viên được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến

Trường có kế hoạch và tổ chức thực hiện việc đánh giá tác động của hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng đối với người học và đội ngũ cán bộ, GV, nhân viên.

Trong kế hoạch năm học của Nhà trường hàng năm luôn có nội dung đánh giá tác động của hoạt động kết nối và PVCD, đóng góp cho xã hội của Trường đối với người học và đội ngũ CB, GV, NV [H24.24.03.01]; [H24.24.03.02]; [H24.24.03.03]. Nhà trường phân công nhiệm vụ cho Phòng CTSV chủ trì và phối hợp với các đơn vị để đánh giá tác động của hoạt động kết nối và PVCD, đóng góp xã hội của Nhà trường đối với người học và đội ngũ CB, GV, NV [H24.24.03.04]; [H24.24.03.05]; [H24.24.03.06]; [H24.24.03.07]. Phòng CTSV triển khai nhiều hình thức để đánh giá tác động của hoạt động kết nối và PVCD, đóng góp cho xã hội của Nhà trường đối với người học và đội ngũ CB, GV, NV như: Khảo sát ý kiến của CB, GV, NV và SV; lấy ý kiến góp ý thông qua hội nghị, hội thảo; tiếp thu ý kiến góp ý và đánh giá [H24.24.03.08]; [H24.24.03.09]; [H24.24.03.10], [H24.24.03.11]. Kết quả đánh giá tác động của hoạt động kết nối và PVCD của Nhà trường đối với người học và đội ngũ CB, GV, NV được báo cáo BGH và thông báo lãnh đạo các đơn vị tại cuộc họp giao ban định kỳ và phổ biến đến CB, GV, NV, SV [H24.24.03.12]. Ngoài ra, kết quả đánh giá tác động của hoạt động kết nối và PVCD, đóng góp cho xã hội của Nhà trường đối với người học và đội ngũ CB, GV, NV được thể hiện trong báo cáo tổng kết năm học cũng như báo cáo tại Hội nghị Người lao động hằng năm [H24.24.03.13]; [H24.24.03.14].

Việc khảo sát ý kiến các loại đối tượng trên đã có tác động quan trọng đối với việc nâng cao chất lượng của các hoạt động của nhà trường và đối với những đối tượng được hỏi ý kiến. Trong quá trình tham gia ý kiến vào các phiếu khảo sát, CB, GV, NV được dân chủ đóng góp ý kiến vào các chủ trương, chính sách, quy chế, quy định của nhà trường, mặt khác các ý kiến đóng góp sẽ được chuyển cho CB, GV, NV để họ tiếp thu nhằm không ngừng nâng cao được trách nhiệm bản thân trong việc không ngừng nâng cao chất lượng đào tạo.

Phòng CTSV được Nhà trường giao nhiệm vụ giám sát tác động của hoạt động kết nối và PVCD, đóng góp cho xã hội của Trường đối với người học và đội ngũ CB, GV, NV [H24.24.03.04]; [H24.24.03.05]. Trong kế hoạch hằng năm của Phòng CTSV luôn có nội dung giám sát tác động của hoạt động kết nối

và PVCĐ, đóng góp cho xã hội của Nhà trường đối với người học và đội ngũ CB, GV, NV [H24.24.03.15]. Phòng CTSV phân công 01 nhân sự có trách nhiệm theo dõi, giám sát tác động của hoạt động kết nối và PVCĐ, đóng góp cho xã hội của Nhà trường đối với người học và đội ngũ CB, GV, NV [H24.24.03.06]. Bên cạnh đó, các đơn vị tham gia các hoạt động kết nối và PVCĐ, đóng góp cho xã hội có trách nhiệm theo dõi, giám sát tác động của hoạt động kết nối và PVCĐ, đóng góp cho xã hội của đơn vị thực hiện đối với người học và đội ngũ CB, GV, NV của đơn vị [H24.24.03.07]. Trong báo cáo tổng kết năm học của Nhà trường và của các đơn vị luôn có nội dung đánh giá tác động của hoạt động kết nối và PVCĐ, đóng góp cho xã hội của Nhà trường đối với người học và đội ngũ CB, GV, NV [H24.24.03.13]; [H24.24.03.16].

Hàng năm, Phòng CTSV đối sánh kết quả tác động của hoạt động kết nối và PVCĐ, đóng góp cho xã hội của Nhà trường đối với người học và đội ngũ CB, GV, NV so với mục tiêu về tác động của hoạt động kết nối và PVCĐ, đóng góp cho xã hội của Trường đối với người học và đội ngũ CB, GV, NV đã được xác định trong kế hoạch năm học [H24.24.03.17]. Bên cạnh đó, các đơn vị tham gia các hoạt động kết nối và cung cấp dịch vụ PVCĐ và các tổ chức đoàn thể đồng thời đối sánh kết quả tác động của hoạt động kết nối và PVCĐ, đóng góp cho xã hội đối với người học và đội ngũ CB, GV, NV đã đạt được so với các chỉ tiêu đã được xác định trong kế hoạch năm học của đơn vị [H24.24.03.18]. Ngoài ra, Nhà trường thực hiện đối sánh kết quả tác động của hoạt động kết nối và PVCĐ, đóng góp cho xã hội của Nhà trường đối với người học và đội ngũ CB, GV, NV đã đạt được so với các tiêu chí về tác động của hoạt động kết nối và PVCĐ, đóng góp cho xã hội đối với người học và đội ngũ CB, GV, NV trong tiêu chuẩn đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục do Bộ GD&ĐT ban hành [H24.24.03.19]; [H24.24.03.20].

Nhà trường phân công nhiệm vụ cho Phòng KT&ĐBCLGD là đơn vị triển khai khảo sát ý kiến của CB, GV, NV về tác động của hoạt động kết nối và PVCĐ, đóng góp cho xã hội của Trường đối với người học và đội ngũ CB, GV, NV [H24.24.03.21].

Phòng KT&ĐBCLGD triển khai lấy ý kiến phản hồi của CB, GV, NV về tác động của hoạt động kết nối và PVCD, đóng góp cho xã hội của Trường đối với người học và đội ngũ CB, GV, NV [H24.24.03.22]. Phòng KT&ĐBCLGD phối hợp với các đơn vị để phát phiếu khảo sát ý kiến của CB, GV, NV về tác động của hoạt động kết nối và PVCD, đóng góp cho xã hội của Nhà trường đối với người học và đội ngũ CB, GV, NV [H24.24.03.23].

Kết quả khảo sát ý kiến của CB, GV, NV đánh giá về tác động của hoạt động kết nối và PVCD, đóng góp cho xã hội của Nhà trường đối với người học và đội ngũ CB, GV, NV ở mức độ Khá [H24.24.03.24].

Căn cứ kết quả giám sát, đối sánh, khảo sát ý kiến CB, GV, NV về tác động của hoạt động kết nối và PVCD, đóng góp cho xã hội của Nhà trường đối với người học và đội ngũ CB, GV, NV hằng năm, Phòng KT&ĐBCLGD đề xuất kế hoạch cải tiến chất lượng PVCD, đóng góp cho xã hội, trình BGH Nhà trường ký ban hành, gửi đến các đơn vị để thông báo đến CB, GV, NV biết và thực hiện [H24.24.03.25]; [H24.24.03.26].

Trong giai đoạn 2017-2021, Nhà trường đã áp dụng nhiều biện pháp và triển khai nhiều hoạt động nhằm cải tiến chất lượng PVCD, đóng góp cho xã hội đối với người học và đội ngũ CB, GV, NV như: khuyến khích giảng viên tham gia các hoạt động kết nối và PVCD và lấy đó là tiêu chí đánh giá xếp loại bình bầu cuối năm; khuyến khích CB, GV tham gia nghiên cứu khoa học bằng các cơ chế quyết định cụ thể; tổ chức chương trình tiếp sức mùa thi; thành lập quỹ hỗ trợ cho sinh viên khuyết tật, sinh viên nghèo, sinh viên là người dân tộc thiểu số; tổ chức chương trình sinh viên thanh lịch; tham gia các hoạt động hiến máu nhân đạo và một số chương trình thiện nguyện... [H24.24.03.27]. CB, GV, NV và SV Nhà trường tích cực tham gia các hoạt động kết nối và PVCD, trong đó nhiều cá nhân CB, GV, NV và SV Nhà trường được nhận nhiều hình thức khen thưởng các cấp vì đã có những thành tích xuất sắc trong việc tham gia các hoạt động kết nối và PVCD [H24.24.03.28].

Nhưng nội dung và minh chứng trình bày trên thể hiện rằng, trường đã được xác lập **tác động** của hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng đối với người học và đội ngũ cán bộ, giảng viên, nhân viên của trường.

Tự đánh giá: 5/7

Tiêu chí: 24.4. Sự hài lòng của các bên liên quan về hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng, đóng góp cho xã hội được xác lập, giám sát và đổi mới để cải tiến

Trường có kế hoạch và thực hiện khảo sát, đánh giá, giám sát sự hài lòng của các bên liên quan, đó là Kế hoạch khảo sát ý kiến phản hồi của các bên liên quan về đào tạo, nghiên cứu khoa học - công nghệ, sở hữu trí tuệ, kết nối và phục vụ cộng đồng, các dịch vụ hỗ trợ cán bộ, giảng viên, nhân viên, người học các năm học. Để thực hiện các kế hoạch đó, Trường phân công nhiệm vụ cho Phòng KT&ĐBCLGD xây dựng kế hoạch hằng năm và triển khai khảo sát mức độ hài lòng của các bên liên quan về hoạt động kết nối và PVCD, đóng góp cho xã hội của Trường [H24.24.04.01]; [H24.24.04.02]; [H24.24.04.03]

Phòng KT&ĐBCLGD xây dựng kế hoạch khảo sát và triển khai lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về hoạt động kết nối và PVCD, đóng góp cho xã hội [H24.24.04.04].

Trong kế hoạch khảo sát mức độ hài lòng của các bên liên quan về hoạt động kết nối và PVCD, đóng góp cho xã hội của Trường có sự phân công cụ thể cho các đơn vị thực hiện, trong đó Phòng KT&ĐBCLGD là đơn vị chủ trì và phối hợp với các đơn vị để khảo sát ý kiến của CB, GV, NV, SV, cựu SV, doanh nghiệp sử dụng lao động về mức độ hài lòng đối với hoạt động kết nối và PVCD, đóng góp cho xã hội của Trường [H24.24.04.05].

Phòng KT&ĐBCLGD phối hợp với các đơn vị để phát phiếu khảo sát ý kiến CB, GV, NV về hoạt động kết nối và PVCD, đóng góp cho xã hội của Trường. Bên cạnh đó, Phòng KT&ĐBCLGD phối hợp với các Khoa để phát phiếu khảo sát ý kiến SV về hoạt động kết nối và PVCD, đóng góp cho xã hội của Trường [H24.24.04.06].

Phòng KT&ĐBCLGD xử lý dữ liệu khảo sát ý kiến của CB, GV, NV, SV

về hoạt động kết nối và PVCD, đóng góp cho xã hội của Trường và báo cáo BGH cũng như gửi đến các đơn vị để thông báo đến CB, GV, NV, SV [H24.24.04.07]; [H24.24.04.08].

Đối với cựu sinh viên, doanh nghiệp sử dụng lao động, Phòng CTSV lấy ý kiến đánh giá mức độ hài lòng đối với hoạt động kết nối và PVCD, đóng góp cho xã hội của Trường. Kết quả khảo sát ý kiến về mức độ hài lòng của CB, GV, NV, SV đối với hoạt động kết nối và PVCD, đóng góp cho xã hội của Nhà trường với 85% ý kiến khảo sát thể hiện mức độ hài lòng về hoạt động kết nối và PVCD, đóng góp cho xã hội của Trường. Bên cạnh đó, hầu hết ý kiến của cựu SV, doanh nghiệp sử dụng lao động thể hiện mức độ hài lòng đối với hoạt động kết nối và PVCD, đóng góp cho xã hội của Nhà trường [H24.24.04.09].

Bên cạnh việc khảo sát các bên liên quan về hoạt động kết nối và PVCD, đóng góp cho xã hội hằng năm của Nhà trường do Phòng KT&ĐBCLGD chủ trì thực hiện, Phòng KT&ĐBCLGD đồng thời là đơn vị được giao nhiệm vụ và tiến hành thu thập thông tin phản hồi của các bên liên quan về tác động của hoạt động kết nối và PVCD, đóng góp cho xã hội của Trường [H24.24.04.02].

Nhà trường yêu cầu các đơn vị tham gia hoạt động kết nối và cung cấp các dịch vụ PVCD, đồng thời tiến hành thu thập thông tin phản hồi của các bên liên quan về tác động của hoạt động kết nối và PVCD do đơn vị thực hiện [H24.24.04.10]. Tại các cuộc họp giao ban định kỳ của Nhà trường, lãnh đạo các đơn vị báo cáo, phản ánh kịp thời thông tin phản hồi của các bên liên quan về tác động của hoạt động kết nối và PVCD của Trường [H24.24.04.11].

Phòng CTSV được Nhà trường giao nhiệm vụ giám sát sự hài lòng của các bên liên quan về hoạt động kết nối và PVCD, đóng góp cho xã hội của Trường [H24.24.04.12]. Trong kế hoạch công tác hằng năm của Phòng CTSV luôn có nội dung giám sát sự hài lòng của các bên liên quan về hoạt động kết nối và PVCD, đóng góp cho xã hội của Nhà trường [H24.24.04.13]. Kết quả giám sát sự hài lòng của các bên liên quan về hoạt động kết nối và PVCD, đóng góp cho xã hội của Nhà trường được thể hiện trong báo cáo tổng kết năm học của Phòng CTSV, đồng thời thể hiện trong báo cáo tổng kết năm học cũng như báo

cáo tại Hội nghị Người lao động hằng năm [H24.24.04.14]; [H24.24.04.15], [H24.24.04.16]. Ngoài ra, các đơn vị tham gia các hoạt động kết nối và cung cấp các dịch vụ PVCD được yêu cầu tự giám sát sự hài lòng của các bên liên quan về hoạt động kết nối và PVCD, đóng góp cho xã hội đối với các hoạt động do đơn vị thực hiện và báo cáo BGH cũng như thông báo đến các đơn vị khác tại các cuộc họp giao ban định kỳ của Nhà trường [H24.24.04.17].

Hằng năm, Phòng CTSV thực hiện đối sánh sự hài lòng của các bên liên quan về hoạt động kết nối và PVCD, đóng góp cho xã hội của Nhà trường đạt được so với mục tiêu về sự hài lòng của các bên liên quan về hoạt động kết nối và PVCD, đóng góp cho xã hội của Trường đã được xác định trong kế hoạch năm học [H24.24.04.18], [H24.24.04.19]. Bên cạnh đó, các đơn vị tham gia các hoạt động kết nối và cung cấp dịch vụ PVCD đồng thời đối sánh kết quả sự hài lòng của các bên liên quan về hoạt động kết nối và PVCD, đóng góp cho xã hội đã đạt được thông qua các hoạt động do đơn vị tổ chức, so với mục tiêu đã được xác định trong kế hoạch năm học của đơn vị [H24.24.04.20]. Ngoài ra, Nhà trường thực hiện đối sánh sự hài lòng của các bên liên quan về hoạt động kết nối và PVCD, đóng góp cho xã hội mà Nhà trường đạt được so với các tiêu chí về sự hài lòng của các bên liên quan về hoạt động kết nối và PVCD, đóng góp cho xã hội trong tiêu chuẩn đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục do Bộ GD&ĐT ban hành [H24.24.04.21].

Căn cứ kết quả giám sát, đối sánh, khảo sát ý kiến của các bên liên quan về sự hài lòng đối với hoạt động kết nối và PVCD, đóng góp cho xã hội của Nhà trường hằng năm, Phòng KT&ĐBCLGD đề xuất kế hoạch cải tiến chất lượng PVCD, đóng góp cho xã hội, trình BGH Nhà trường ký ban hành, gửi đến các đơn vị để thông báo đến CB, GV, NV biết và thực hiện [H24.24.04.22]; [H24.24.04.23].

Trong giai đoạn 2017-2022, hằng năm, Nhà trường luôn dành kinh phí để triển khai các hoạt động nhằm cải tiến chất lượng PVCD, đóng góp cho xã hội của Trường [H24.24.04.24].

Nhà trường đã nhận được nhiều hình thức khen thưởng các cấp vì đã có những thành tích xuất sắc trong việc tổ chức, tham gia các hoạt động kết nối và PVCD, đóng góp cho xã hội [H24.24.04.25].

Tự đánh giá: 5/7

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 24:

1. Tóm tắt các điểm mạnh

- Nhà trường đã xây dựng một hệ thống các kế hoạch kết nối và phục vụ cộng đồng, trong đó có xác lập các loại hình và khối lượng tham gia, đánh giá tác động của hoạt động đến xã hội và đến đội ngũ cán bộ, giảng viên và sinh viên với các chỉ tiêu rõ ràng.

- Đã xây dựng công cụ khảo sát ý kiến các bên liên quan để thu thập thông tin phản hồi một cách có hệ thống và đáng tin cậy. Đồng thời, tất cả các đơn vị đều sử dụng các kết quả khảo sát này để cải tiến chất lượng công tác kết nối và phục vụ cộng đồng.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại

- Một số hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng chưa được đồng đều giữa các khoa phòng và sinh viên

- Việc đối sánh với các cơ sở giáo dục khác còn ít

- Công tác lấy ý kiến các bên liên quan chưa được sâu và đồng bộ

3. Kế hoạch cải tiến

Tổ chức khảo sát trên giấy còn nhiều hạn chế.

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục tồn tại 1	Các hoạt động công tác kết nối và phục vụ cộng đồng cần triển khai, chia sẻ đồng đều giữa các khoa phòng và sinh viên	Phòng KT&KĐCL	Từ năm học 2023-2024
2	Khắc phục tồn tại 2	Nhà trường cần tăng cường thực hiện đối sánh với các cơ sở giáo dục khác làm cơ sở	Phòng KT&ĐBCLGD	Năm học 2022 -

		để thực hiện cải tiến		2023
3	Khắc phục tồn tại 3	Cần định kỳ triển khai công tác lấy ý kiến các bên liên quan về hoạt động KN&PVCD	Các Phòng, Khoa, Trung tâm	Năm học 2022 - 2023
4	Phát huy điểm mạnh 1	Nhà trường duy trì việc xây dựng một hệ thống các kế hoạch kết nối và phục vụ cộng đồng, trong đó có xác lập các loại hình và khối lượng tham gia, đánh giá tác động của hoạt động đến xã hội, đội ngũ cán bộ, giảng viên và sinh viên Nhà trường với các chỉ tiêu rõ ràng.	BGH, các Phòng, Khoa, Trung tâm	Từ năm học 2023-2024
5	Phát huy điểm mạnh 2	Duy trì hệ thống giám sát và đối sánh để cải tiến liên tục các hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng cho từng năm học.	Phòng Quản lý chất lượng	Từ năm học 2023-2024
6	Phát huy điểm mạnh 3	Phát huy hiệu quả công cụ khảo sát ý kiến các bên liên quan là các quy trình thực hiện và các biểu mẫu khảo sát kèm theo để thu thập thông tin phản hồi các bên liên quan một cách có hệ thống và đáng tin cậy.	Phòng Quản lý chất lượng	Từ năm học 2023-2024

4. Mức đánh giá

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Tự đánh giá
Tiêu chuẩn 24	5.0
Tiêu chí 24.1	5.0
Tiêu chí 24.2	5.0
Tiêu chí 24.3	5.0
Tiêu chí 24.4	5.0

Tiêu chuẩn 25. Kết quả tài chính và thị trường

Tiêu chí 25.1. Kết quả và các chỉ số tài chính của hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và PVCD được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến

Trong giai đoạn 2017-2022, với mục tiêu đo lường kết quả tài chính của các hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng, Nhà trường đã thực hiện xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chỉ số tài chính của các hoạt động này.

** Về việc xác lập các chỉ số tài chính*

Là trường đại học ngoài công lập, Nhà trường tự chủ về tài chính, chủ động xây dựng và quyết định mức thu học phí cũng như thực hiện chế độ tài chính, kế toán, kiểm toán, thuế và công khai tài chính theo quy định của pháp luật [H25.25.01.01], [H25.25.01.02], [H25.25.01.03], [H25.25.01.04]. Căn cứ Quyết định về việc ban hành Kế hoạch tài chính hàng năm của Nhà trường trong đó có chỉ số tài chính đạt được của hoạt động ĐT, NCKH, PVCD cụ thể như sau: Thu học phí đến năm 2021 đạt trên 71% trên tổng thu; nguồn kinh phí đầu tư được cấp 29 %; chi hoạt động đào tạo đạt 35 %, chi NCKH đạt 1-2 % [H25.25.01.05]. Hàng năm, Nhà trường luôn xác định kết quả và các chỉ số tài chính đạt được của hoạt động ĐT, NCKH, PVCD và được thể hiện trong kế hoạch năm học của Trường [H25.25.01.06]. Bên cạnh đó, Nhà trường có các giải pháp và kế hoạch tự chủ về tài chính, cân đối thu chi, đảm bảo các hoạt động và phát triển Trường Để xây dựng kế hoạch tài chính hàng năm, ngoài việc căn cứ vào báo cáo tài chính năm trước, dựa vào kế hoạch của các phòng, ban, khoa, Nhà trường cân đối thu chi, lập dự toán mức chi cho từng nội dung như: Đào tạo, NCKH, cơ sở vật chất,... [H25.25.01.07].

** Về việc giám sát kết quả và các chỉ tiêu tài chính:*

Nhà trường luôn đảm bảo các hoạt động tài chính được triển khai minh bạch, công khai, tuân thủ các quy định của pháp luật. Nhà trường luôn tạo điều kiện để các tổ chức, cá nhân thực hiện giám sát đối với công tác tài chính như:

Hàng năm báo cáo Hội đồng trường về kết quả tài chính và việc quyết toán kinh phí đối với các nguồn thu hợp pháp của Nhà trường.

Nhà trường đã xây dựng và ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ và thông báo đến các đơn vị để thực hiện [H25.25.01.08], [H25.25.01.09], [H25.25.01.10]. Nhà trường yêu cầu lãnh đạo các đơn vị thông báo, phổ biến đến toàn thể CB, GV, NV biết để thực hiện đồng thời là cơ sở để giám sát công

tác tài chính của Trường [H25.25.01.11]. Bên cạnh đó, kết quả và các chỉ số tài chính của hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ được Phòng Tài vụ định kỳ báo cáo HĐQT, BGH và báo cáo tại cuộc họp giao ban với trưởng các đơn vị [H25.25.01.12]. Giám sát của Bộ phận Thanh tra của Nhà trường, giám sát của người lao động thông qua các báo cáo tài chính được công khai trên trang website “ba công khai” [H25.25.01.13]. Ngoài ra, tại Hội nghị Người lao động hằng năm, Nhà trường báo cáo kết quả và các chỉ số tài chính của hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ của Trường đạt được để GV, NV biết và giám sát [H25.25.01.14], [H25.25.01.15]. Công tác quản lý tài chính nói chung, kết quả và các chỉ số tài chính của hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ của Nhà trường được giám sát thông qua hình thức kiểm toán độc lập từ hệ thống Tập đoàn kinh tế Chân - Thiện - Mỹ thực hiện đánh giá sổ sách kế toán và báo cáo hàng năm về hoạt động kiểm toán nội bộ, thanh tra thuế,... [H25.25.01.16], [H25.25.01.17].

** Về việc đối sánh để cải tiến:*

Công tác đối sánh được Nhà trường thực hiện thường xuyên nhằm đánh giá về kết quả triển khai các hoạt động, đồng thời đưa ra các kết quả và chỉ tiêu phù hợp cho giai đoạn tiếp theo. Việc đối sánh về kết quả và các chỉ số tài chính của hoạt động đào tạo, NCKH và PVCĐ được thể hiện qua Báo cáo tổng kết năm học tại Hội nghị đại biểu viên chức và người lao động và Báo cáo tổng kết công tác tài chính hàng năm

Trong quá trình quản lý công tác tài chính của Nhà trường, Phòng Tài vụ thường xuyên đối sánh các nguồn thu với chỉ số KPIs, đối sánh cơ cấu sử dụng các nguồn thu qua các năm và thực hiện đối sánh nguồn thu với kế hoạch tài chính đã xác định [H25.25.01.18]. Bên cạnh đó, Phòng Tài vụ đối sánh nguồn thu với nguồn chi cũng như đối sánh với năm kế trước [H25.25.01.19]. Kết quả đối sánh kết quả và các chỉ số tài chính của hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ được Phòng Tài vụ báo cáo HĐQT, BGH cũng như báo cáo tại cuộc họp giao ban với trưởng các đơn vị [H25.25.01.12]. Kết quả đối sánh là cơ sở để Nhà trường rà soát, điều chỉnh kết quả và các chỉ số tài chính của hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ hằng năm.

Bảng 25.1. Nguồn thu của Trường qua các năm

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Nội dung	Năm 2016		Năm 2017		Năm 2018		Năm 2019		Năm 2020		Năm 2021	
		Số tiền	Tỷ lệ	Số tiền	Tỷ lệ	Số tiền	Tỷ lệ	Số tiền	Tỷ lệ	Số tiền	Tỷ lệ	Số tiền	Tỷ lệ
1	Nguồn thu từ chủ đầu tư	113.398	92%	2.206	12.4%	1.411	6%	8.687	20%	6.852	25%	10.091	29%
2	Nguồn thu học phí	9.965	8%	15.537	87.6%	21.904	94%	22.902	80%	20.672	75%	25.330	71%
	Tổng cộng	123.363		17.743		23.315		28.589		27.524		35.421	

(Nguồn số liệu: Phòng Tài vụ)

Bảng 25.2. Bảng đối sánh cơ cấu sử dụng các nguồn thu qua các năm (Đơn vị tính: triệu đồng)

TT	Nội dung	Năm 2016		Năm 2017		Năm 2018		Năm 2019		Năm 2020		Năm 2021	
		Số tiền	Tỷ lệ	Số tiền	Tỷ lệ	Số tiền	Tỷ lệ	Số tiền	Tỷ lệ	Số tiền	Tỷ lệ	Số tiền	Tỷ lệ
1	Chi cho cá nhân	5.549	5%	5.935	33%	6.676	28%	9.395	28%	8.013	30%	10.584	28%
2	Chi hàng hóa, DV, chuyên môn, mua sắm sửa chữa	2.675	2%	4.735	27%	7.042	30%	4.329	30%	13.359	50%	13.700	30%
3	Chi xây dựng, cải tạo CSVN	113.398	92%	6.309	36%	9.083	39%	17.131	39%	4.300	16%	9.700	39%
4	Chi học bổng	741	1%	543	4%	499	3%	545	3%	748	4%	1.037	3%
	Tổng cộng	122.363	100 %	17.522	100 %	23.300	100 %	31.400	100%	26.520	100%	35.021	100 %

(Nguồn số liệu: Phòng Tài vụ)

Nhà trường phân công Phòng KT&ĐBCLGD là đơn vị khảo sát ý kiến phản hồi của CB, GV về kết quả và các chỉ số tài chính cho hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ [H25.25.01.20], [H25.25.01.21]. Phòng KT&ĐBCLGD xây dựng kế hoạch khảo sát ý kiến của CB, GV về kết quả và các chỉ số tài chính cho hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ và triển khai đến các đơn vị để phát phiếu khảo sát đến CB, GV. Nội dung lấy ý kiến về kết quả và các chỉ số tài chính, gồm: Nêu cụ thể các nội dung trong Phiếu khảo sát [H25.25.01.22], [H25.25.01.23], [H25.25.01.24]. Các phiếu khảo sát ý kiến của CB, GV về kết quả và các chỉ số tài chính cho hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ được tổng hợp và gửi về Phòng KT&ĐBCLGD để xử lý dữ liệu và báo cáo BGH, trưởng các đơn vị tại cuộc họp giao ban của Trường [H25.25.01.12]. Bên cạnh đó, Nhà trường còn tiếp nhận các góp ý, thông tin phản hồi của CB, GV, SV qua email hoặc hộp thư góp ý về kết quả và các chỉ số tài chính cho hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ [H25.25.01.25]. Kết quả khảo sát của CB, GV thể hiện trên 80% ý kiến của CB, GV hài lòng về kết quả và các chỉ số tài chính của hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ của Nhà trường [H25.25.01.24].

Hằng năm, BGH Nhà trường tổ chức họp với trưởng các đơn vị để xem xét, điều chỉnh kết quả và các chỉ số tài chính của hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ của Trường dựa trên kết quả rà soát, ý kiến phản hồi của CB, GV [H25.25.01.23]. Trong giai đoạn 2017-2022, Nhà trường đã điều chỉnh kết quả và các chỉ số tài chính của hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ cho phù hợp như: tăng cường mua máy chiếu, máy tính phục vụ cho công tác đào tạo, giảng dạy, tăng nguồn lực và kinh phí cho hoạt động nghiên cứu khoa học với sinh viên, triển khai san lấp mặt bằng cơ sở thị xã Từ Sơn, nêu cụ thể kết quả kinh phí?... [H25.25.01.26], [H25.25.01.27], [H25.25.01.28]. Bên cạnh đó, Nhà trường thường xuyên thực hiện điều chỉnh phân bổ nguồn kinh phí cho hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ nhằm đáp ứng sự hài lòng của người học và kế hoạch phát triển của Trường.

Phòng Tài vụ là đơn vị chủ trì và phối hợp thực hiện lưu trữ cơ sở dữ liệu đánh giá về kết quả và các chỉ số tài chính cho hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ

của Nhà trường. Cơ sở dữ liệu đánh giá về kết quả và các chỉ số tài chính của hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ của Nhà trường bao gồm: Kết quả hoạt động tài chính, cơ sở dữ liệu về khảo sát, kết quả đối sánh. Phòng Tài vụ tổng hợp và lưu trữ cơ sở dữ liệu về kết quả hoạt động tài chính, kết quả thực hiện đối sánh về công tác tài chính của Trường. Cơ sở dữ liệu về kết quả khảo sát các bên liên quan về kết quả và các chỉ số tài chính của hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ của Nhà trường do Phòng KT&ĐBCLGD lưu trữ [H25.25.01.29], [H25.25.01.30]. Hoạt động tài chính của Nhà trường được quản lý, thanh tra, kiểm toán theo quy định và kết quả kiểm toán do Phòng Tài vụ lưu trữ [H25.25.01.31]. Bên cạnh đó, để thuận tiện cho việc lưu trữ cơ sở dữ liệu, theo dõi và quản lý hoạt động tài chính, Nhà trường đã sử dụng phần mềm kế toán Misa [H25.25.01.32]. Trên cơ sở đó, Phòng Tài vụ dễ dàng trích xuất dữ liệu để đánh giá, đối sánh cũng như thực hiện các báo cáo kết quả tài chính theo yêu cầu [H25.25.01.29], [H25.25.01.37].

** Về thu thập thông tin phản hồi của các bên liên quan và có kế hoạch cải tiến chất lượng hoạt động:*

Nhà trường đã ban hành quy trình tổ chức lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan, tất cả các hoạt động thu thập ý kiến của các bên liên quan về và các hoạt động đào tạo, NCKH và PVCĐ đều được thực hiện nghiêm túc theo đúng quy trình đã ban hành. Hằng năm, Nhà trường thu thập thông tin phản hồi của các đơn vị/bộ phận, cán bộ giảng viên trong Trường về tình hình thực hiện kết quả của các hoạt động, thông qua báo cáo cuối năm về các lĩnh vực trong cuộc họp giao ban với lãnh đạo các đơn vị [H25.25.01.33], báo cáo kết quả của việc giám sát tài chính [H25.25.01.36], từ đó đã được tổng hợp làm căn cứ, cơ sở cho việc lập kế hoạch cải tiến chất lượng hoạt động: đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ giảng dạy học tập, NCKH, PVCĐ [H25.25.01.34], [H25.25.01.35].

** Về cơ sở dữ liệu đánh giá về kết quả và chỉ số tài chính cho các hoạt động:*

Nhà trường có cơ sở dữ liệu đánh giá về kết quả các chỉ số tài chính của hoạt động đào tạo, NCKH và PVCĐ. Dữ liệu này được quản lý bằng bản

cứng nhằm đảm bảo an toàn, đồng thời được quản lý bằng phần mềm kế toán MISA [H25.25.01.32], phần mềm tuyển sinh của Bộ giáo dục và ĐT, phần mềm quản lý đào tạo có phân quyền cho từng vị trí theo chức năng nhiệm vụ, có mật khẩu đảm bảo an toàn, an ninh. và được kết xuất thành các báo cáo, nếu cần [H25.25.01.37]

Tuy nhiên, Nhà trường chưa có báo cáo phân tích sâu và bài bản về kết quả và các chỉ số tài chính gắn với kết quả đạt được của hoạt động đào tạo, NCKH và PVCĐ.

Tự đánh giá: 5/7

Tiêu chí 25.2. Kết quả và các chỉ số thị trường của hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và PVCĐ được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến

Căn cứ Chiến lược phát triển của NT giai đoạn 2021-2030, trong đó đã xác lập các chỉ số cụ thể như số lượng SV, CTĐT, cơ cấu tổ chức, đội ngũ nhân lực, NCKH và yêu cầu tài chính [H25.25.01.01]. BGH Nhà trường tổ chức họp với trưởng các đơn vị để chỉ đạo, triển khai việc thực hiện chỉ số cạnh tranh của Trường trong hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ [H25.25.02.02]. Căn cứ nội dung thống nhất tại cuộc họp, Hiệu trưởng Nhà trường ban hành văn bản xác định chỉ số cạnh tranh của Trường trong hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ đối với tỉnh Bắc Ninh và khu vực đồng bằng sông Hồng cũng như trong hệ thống các trường ngoài công lập trên toàn quốc [H25.25.02.03]. Bên cạnh đó, trong kế hoạch năm học hằng năm, Nhà trường luôn xác định kết quả dự kiến của hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ của Trường [H25.25.02.04]. Nhà trường xác định chỉ số cạnh tranh trong hoạt động tuyển sinh của Trường là chiếm khoảng 40% trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh và khoảng 75% ở khu vực đồng bằng sông Hồng [H25.25.02.05].

Từ đó, khi xây dựng kế hoạch hoạt động hàng năm của từng lĩnh vực, các chỉ số thị trường đã được xác lập như: chỉ số tuyển sinh, chỉ số đào tạo, chỉ số NCKH. Các chỉ số thị trường cụ thể được thể hiện ở trong các bảng số liệu dưới đây:

Về đào tạo: Nhà trường đã xác định chỉ tiêu tuyển sinh cho từng năm, từng bậc/hệ đào tạo trên cơ sở các quy định hiện hành về tuyển sinh cũng như

đảm bảo tăng quy mô theo lộ trình của Trường được thể hiện ở bảng 25.3

Bảng 25.3. Thống kê chỉ số tuyển sinh theo từng năm (nhập học thực tế)

Số lượng	2017	2018	2019	2020	2021
Tổng số sinh viên chính quy	309	361	294	207	566
Tổng số học viên cao học	73	42		25	39
Tổng số sinh viên không chính quy	46	127	77	126	108
	428	530	371	358	713

Về nghiên cứu khoa học: Nhà trường luôn khuyến khích sinh viên, giảng viên thực hiện các công trình nghiên cứu khoa học để đóng góp cho sự phát triển của đất nước. Số lượng đề tài NCKH về kinh tế, kỹ thuật và công nghệ được thể hiện trong bảng 25.4.

Bảng 25.4. Thống kê các loại hình nghiên cứu khoa học từ 2017-2022

TT	CÁC LOẠI HÌNH NGHIÊN CỨU	Năm 2017-18	Năm 2018-19	Năm 2019-20	Năm 2020-21	Năm 2021-22	Tổng
1	Đề tài NCKH của giảng viên	8	8	9	20	5	52
2	Giáo trình, sách	4			1	2	7
3	Các bài báo, kỷ yếu hội nghị khoa học đã công bố trong nước			1	5	5	11
4	Các bài báo, kỷ yếu hội nghị khoa học đã công bố ngoài nước	3	16	10	25	7	61
5	Đề tài NCKH của sinh viên, học viên	13	21	22	27	31	114
	Tổng						

Các hoạt động PVCD: các chỉ số được xây dựng hàng năm qua việc tổ chức các hoạt động thiện nguyện, đóng góp cứu trợ cho các đồng bào bị lũ lụt, tham gia các dự án hỗ trợ cộng đồng, các hoạt động tiếp sức mùa thi, sinh viên tình nguyện, mùa hè xanh và hiến máu nhân đạo, các hoạt động PVCD khác... [H25.25.02.06], [H25.25.02.14], [H25.25.02.15].

Việc giám sát kết quả và các chỉ số thị trường của hoạt động đào tạo, NCKH và PVCĐ được thực hiện thông qua biên bản họp giao ban hàng tháng, báo cáo tổng kết hoạt động của từng bộ phận, đơn vị trong Trường, thông qua tổng kết năm học [H25.25.02.07]; [H25.25.02.08], [H25.25.02.16]. [H25.25.02.171], [H25.25.02.19], [H25.25.02.20].

Nhà trường đào tạo và cung cấp nguồn nhân lực cho thị trường lao động đạt hiệu quả cao trên các lĩnh vực ĐT, NCKH và PVCĐ được đo lường bằng các chỉ số thể hiện trong Bảng kết quả đào tạo nguồn nhân lực qua các năm [H25.25.02.09] và trong đề án tuyển sinh các năm [H25.25.02.18], và được các nhà tuyển dụng đánh giá cao về chất lượng đào tạo [H25.25.02.10]. Các chỉ số này được theo dõi hàng năm để đánh giá xu thế và hiệu quả thị trường, đồng thời cũng được đối sánh với một số trường đại học khác để giúp xác định được sự đóng góp của Nhà trường trên thị trường giáo dục Việt Nam [H25.25.02.11].

Các kết quả đối sánh hàng năm về chỉ số thị trường của các lĩnh vực; báo cáo hằng năm về từng lĩnh vực: tuyển sinh, đào tạo, NCKH, PVCĐ; kết quả khảo sát ý kiến của các đơn vị/bộ phận, cán bộ giảng viên trong Trường về kết quả và các chỉ số thị trường về hoạt động đào tạo, NCKH và PVCĐ đã được tổng hợp làm căn cứ, cơ sở cho việc cải tiến nâng cao hoạt động NCKH thể hiện như: thay đổi chính sách về NCKH (giao chỉ tiêu KPIs đến từng cá nhân và đơn vị; tăng định mức đối với các tài sản trí tuệ). Từ năm 2017 đến nay, nhằm tăng cường cho phát triển chỉ tiêu tuyển sinh và mục đích duy trì nguồn thu, Nhà trường đã xây dựng các đề án mở ngành mới và năm 2021 đã được Bộ GD&ĐT ra quyết định cho phép triển khai đào tạo các như ngành Y học cổ truyền, Dược [H25.25.02.12]; [H25.25.02.13].

Dữ liệu về tài chính dành cho hoạt động đào tạo, NCKH và PVCĐ được lưu trữ bằng bản cứng và trên phần mềm kế toán MISA, được phân hệ đến từng vị trí kế toán và được kết xuất thành các báo cáo [H25.01.01.37], [H25.01.02.21].

Tuy nhiên, việc đối sánh các chỉ tiêu thị trường của hoạt động đào tạo để cải tiến các hoạt động về chỉ số thị trường mới chỉ so sánh giữa các năm với nhau nhưng chưa có sự đối sánh với các trường đại học khác.

Tự đánh giá: 5/7

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 25:

1. Tóm tắt các điểm mạnh

a. Nhà trường đã xây dựng kế hoạch chiến lược, kế hoạch tài chính cho năm học với các chỉ số rõ ràng về hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ để xác lập các kết quả và các chỉ số tài chính.

b. Các đóng góp của Nhà trường cho thị trường giáo dục là đáng kể. Số lượng các đối tác trong và ngoài nước tìm đến ĐH Kinh Bắc ngày càng tăng; CSVC Nhà trường ngày càng phát triển. Kết quả của nhà trường đã đem lại kết quả rõ rệt trong những năm gần đây và được HĐQT ghi nhận và đánh giá cao.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại

Nhà trường chưa mở rộng và thường xuyên việc khảo sát ý kiến của các bên liên quan bên ngoài Trường về kết quả và các chỉ số thị trường của hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ hằng năm của Trường.

3. Kế hoạch cải tiến

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ Cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Từ năm học 2022-2023, NT tổ chức lấy ý kiến các BLQ ngoài trường (Nhà tuyển dụng, chuyên gia, nhà quản lý, cựu NH...)	BGH, Phòng QLĐT, phòng CTSV	Từ năm 2022	
2	Phát huy điểm mạnh a	Tiếp tục xây dựng hệ thống các kế hoạch chiến lược, kế hoạch năm học với các chỉ số về hoạt động đào tạo, NCKH và PVCĐ	BGH, các đơn vị	Từ năm học 2021-2022	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ Cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
	Phát huy điểm mạnh b	Tiếp tục phân bổ và quản lý tài chính cho các hoạt động đào tạo, NCKH và PVCĐ đúng quy định, hợp lý, minh bạch và hiệu quả để đạt hiệu quả cao.	BGH, Phòng TC-HC-QT, Phòng KH-TC.	Từ năm học 2021-2022	

1. Mức đánh giá

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Tự đánh giá
Tiêu chuẩn 25	5.0
Tiêu chí 25.1	5.0
Tiêu chí 25.2	5.0

BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CSGD

TT	Lĩnh vực/ Tiêu chuẩn/ Tiêu chí	Tự đánh giá (mức điểm)	Ghi chú
I	Lĩnh vực 1. ĐBCL về chiến lược		
I.1	Tiêu chuẩn 1. Tầm nhìn, sứ mạng và văn hóa	4.0	
1.	1.1	4	
2.	1.2	4	
3.	1.3	4	
4.	1.4	4	
5.	1.5	4	
I.2	Tiêu chuẩn 2. Quản trị	5.0	
6.	2.1	5	
7.	2.2	5	
8.	2.3	5	
9.	2.4	5	
I.3	Tiêu chuẩn 3. Lãnh đạo và quản lý	4.0	
10.	3.1	4	
11.	3.2	4	
12.	3.3	4	
13.	3.4	4	
I.4	Tiêu chuẩn 4. Quản trị chiến lược	4.0	
14.	4.1	4	
15.	4.2	4	
16.	4.3	4	

TT	Lĩnh vực/ Tiêu chuẩn/ Tiêu chí	Tự đánh giá (mức điểm)	Ghi chú
17.	4.4	4	
I.5	<i>Tiêu chuẩn 5. Các chính sách về đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng</i>	5.0	
18.	5.1	5	
19.	5.2	5	
20.	5.3	5	
21.	5.4	5	
I.6	<i>Tiêu chuẩn 6. Quản lý nguồn nhân lực</i>	4.7	
22.	6.1	5	
23.	6.2	5	
24.	6.3	5	
25.	6.4	4	
26.	6.5	4	
27.	6.6	5	
28.	6.7	5	
I.7	<i>Tiêu chuẩn 7. Quản lý tài chính và cơ sở vật chất</i>	4.8	
29.	7.1	5	
30.	7.2	5	
31.	7.3	4	
32.	7.4	4	
33.	7.5	5	
I.8	<i>Tiêu chuẩn 8. Các mạng lưới và quan hệ đối ngoại</i>	4.0	
34.	8.1	4	
35.	8.2	4	
36.	8.3	4	
37.	8.4	4	
II	Lĩnh vực 2. ĐBCL về hệ thống		
II.9	<i>Tiêu chuẩn 9. Hệ thống đảm bảo chất lượng bên trong</i>	5	
38.	9.1	5	
39.	9.2	5	
40.	9.3	5	
41.	9.4	5	
42.	9.5	5	
43.	9.6	5	
II.10	<i>Tiêu chuẩn 10. Tự đánh giá và đánh giá ngoài</i>	4.0	
44.	10.1	4	
45.	10.2	4	
46.	10.3	4	

TT	Lĩnh vực/ Tiêu chuẩn/ Tiêu chí	Tự đánh giá (mức điểm)	Ghi chú
47.	10.4	4	
II.11	<i>Tiêu chuẩn 11. Hệ thống thông tin ĐBCL bên trong</i>	4.0	
48.	11.1	4	
49.	11.2	4	
50.	11.3	4	
51.	11.4	4	
II.12	<i>Tiêu chuẩn 12. Nâng cao chất lượng</i>	4.8	
52.	12.1	5	
53.	12.2	5	
54.	12.3	5	
55.	12.4	5	
56.	12.5	4	
III	Lĩnh vực 3. ĐBCL về thực hiện các chức năng		
III.13	<i>Tiêu chuẩn 13. Tuyển sinh và nhập học</i>	5.0	
57.	13.1	5	
58.	13.2	5	
59.	13.3	5	
60.	13.4	5	
61.	13.5	5	
III.14	<i>Tiêu chuẩn 14. Thiết kế và rà soát chương trình dạy học</i>	5.0	
62.	14.1	5	
63.	14.2	5	
64.	14.3	5	
65.	14.4	5	
66.	14.5	5	
III.15	<i>Tiêu chuẩn 15. Giảng dạy và học tập</i>	5.0	
67.	15.1	5	
68.	15.2	5	
69.	15.3	5	
70.	15.4	5	
71.	15.5	5	
III.16	<i>Tiêu chuẩn 16. Đánh giá người học</i>	4.0	
72.	16.1	4	
73.	16.2	4	
74.	16.3	4	
75.	16.4	4	
III.17	<i>Tiêu chuẩn 17. Các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học</i>	5.0	
76.	17.1	5	

TT	Lĩnh vực/ Tiêu chuẩn/ Tiêu chí	Tự đánh giá (mức điểm)	Ghi chú
77.	17.2	5	
78.	17.3	5	
79.	17.4	5	
III.18	Tiêu chuẩn 18. Quản lý NCKH	5.0	
80.	18.1	5	
81.	18.2	5	
82.	18.3	5	
83.	18.4	5	
III.19	Tiêu chuẩn 19. Quản lý tài sản trí tuệ	4.0	
84.	19.1	4	
85.	19.2	4	
86.	19.3	4	
87.	19.4	4	
III.20	Tiêu chuẩn 20. Hợp tác và đối tác NCKH	5.0	
88.	20.1	5	
89.	20.2	5	
90.	20.3	5	
91.	20.4	5	
III.21	Tiêu chuẩn 21. Kết nối và phục vụ cộng đồng	5.0	
92.	21.1	5	
93.	21.2	5	
94.	21.3	5	
95.	21.4	5	
IV	Lĩnh vực 4. Kết quả hoạt động		
IV.22	Tiêu chuẩn 22. Kết quả đào tạo	4.0	
96.	22.1	4	
97.	22.2	4	
98.	22.3	4	
99.	22.4	4	
IV.23	Tiêu chuẩn 23. Kết quả NCKH	4.7	
100.	23.1	5	
101.	23.2	5	
102.	23.3	5	
103.	23.4	4	
104.	23.5	5	
105.	23.6	4	
IV.24	Tiêu chuẩn 24. Kết quả phục vụ cộng đồng	5.0	
106.	24.1	5	
107.	24.2	5	
108.	24.3	5	

TT	Lĩnh vực/ Tiêu chuẩn/ Tiêu chí	Tự đánh giá (mức điểm)	Ghi chú
109.	24.4	5	
IV.25	<i>Tiêu chuẩn 25. Kết quả tài chính và thị trường</i>	5.0	
110.	25.1	5	
111.	25.2	5	

Ghi chú:

- Tiêu chuẩn có điểm cao: 5 điểm (tiêu chuẩn: 2,5,9,13,14,15,17,18,20,21,24,25);
- Tiêu chuẩn có điểm 4: (tiêu chuẩn: 1,3,4,7,8,10,11,16,19,22);
- Số tiêu chuẩn có điểm trung bình từ 4,0 điểm trở lên: 25/25 (100%);
- Số tiêu chuẩn có điểm trung bình dưới 2,0 điểm: 0/25 (0%).

Số: 284 /QĐ-ĐHKB

Bắc Ninh, ngày 23 tháng 4 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Điều chỉnh, bổ sung Hội đồng Tự đánh giá cơ sở đào tạo của
Trường Đại học Kinh Bắc**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH BẮC

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18 tháng 6 năm 2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định 99/2019/NĐ-CP của Chính phủ về quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 350/QĐ – TTg ngày 26 tháng 3 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Kinh Bắc;

Căn cứ Thông tư số 12/2017/TT-BGDĐT ngày 19 tháng 5 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục đại học;

Xét đề nghị của Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng Giáo dục.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh, bổ sung thành viên Hội đồng Tự đánh giá cơ sở đào tạo của Trường Đại học Kinh Bắc gồm các ông (bà) có tên (danh sách kèm theo).

Điều 2. Hội đồng Tự đánh giá cơ sở đào tạo của Trường Đại học Kinh Bắc có trách nhiệm triển khai, thực hiện công tác Tự đánh giá của Nhà trường theo quy định.

Điều 3. Thủ trưởng các đơn vị trong Trường và các ông (bà) có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế các Quyết định đã ký./.

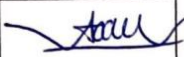
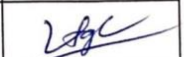
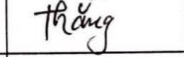
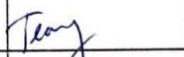
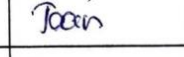
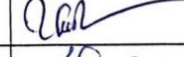
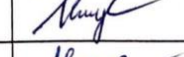
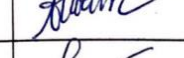
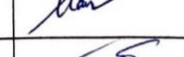
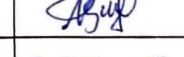
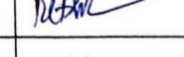
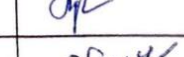
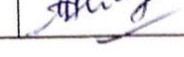
Nơi nhận:

- HDT, BGH: (để b/c);
- Như Điều 3;
- Lưu: VT, KT&ĐBCLGD./.



TS. Nguyễn Văn Hòa

DANH SÁCH THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH BẮC
 (Kèm theo Quyết định số 221/QĐ-ĐHKB-TĐG ngày 22 tháng 4 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh Bắc)

TT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	NHIỆM VỤ	KÝ TÊN
01	Ông Nguyễn Văn Hòa	Hiệu Trưởng	Chủ tịch HĐ	
02	Ông Đoàn Xuân Tiếp	Chủ tịch HĐT	P. Chủ tịch HĐ	
		Bí thư Đảng ủy		
		Tổng Giám đốc Tập đoàn Kinh tế Chân - Thiện - Mỹ		
03	Bà Vũ Thị Minh Nghĩa	Trưởng phòng QLĐT	Ủy viên TT	
04	Bà Nguyễn Thị Thu Thủy	Phòng Khảo thí và ĐBCL Phụ trách ĐBCL và TTGD	Thư ký HĐ	
05	Bà Đoàn Thị Thanh Dung	Chủ tịch công đoàn Trường	Ủy viên	
06	Ông Đỗ Xuân Trung	Bí thư đoàn Trường P.Trưởng khoa CNTT - ĐTTT	Ủy viên	
07	Ông Đào Quang Thủy	Trưởng khoa CNTT - ĐTTT	Ủy viên	
08	Ông Nguyễn Đức Thắng	Viện trưởng viện Du lịch	Ủy viên	
09	Bà Nguyễn Thị Huyền Trang	P. Trưởng khoa NN	Ủy viên	
10	Bà Đoàn Hà Chi	P. Trưởng khoa Kinh tế	Ủy viên	
11	Bà Ngô Thị Toàn	Kế toán Trường	Ủy viên	
12	Bà Đoàn Thị Hào	P. Trưởng phòng KH-TC	Ủy viên	
13	Bà Lê Thị Tuyết Mai	P. Trưởng phòng KT&ĐBCL	Ủy viên	
14	Bà Nguyễn Thị Thủy	P. Giám đốc trung tâm TT&HTDN	Ủy viên	
15	Ông Nguyễn Hữu Hoan	Phụ trách Phòng CTSV	Ủy viên	
16	Bà Hà Bảo Trân	Phụ trách trung tâm TL - TV	Ủy viên	
17	Bà Nguyễn Thị Thảo	Phụ trách công tác Y tế	Ủy viên	
18	Bà Nguyễn Minh Thương	Phòng QLĐT	Ủy viên	
19	Bà Nguyễn Thị Nga	Phòng TC - HC - QT	Ủy viên	
20	Bà Trịnh Thị Thúy	Giảng viên khoa Du lịch	Ủy viên	

TT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	NHIỆM VỤ	KÝ TÊN
21	Bà Vũ Thị Mai	Đại diện sinh viên Trường	Ủy viên	<i>V Mai</i>
22	Ông Lê Trung Thu	Công ty CPDV Quốc tế Việt	Ủy viên	<i>Thu</i>
23	Ông Nguyễn Văn Thảo	Công ty TNHH Thương mại và du lịch Monisa	Ủy viên	<i>Thảo</i>

* Danh sách gồm 23 thành viên.

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH BẮC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 285/QĐ-ĐHKB

Bắc Ninh, ngày 23 tháng 4 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Điều chỉnh, bổ sung Ban thư ký và các nhóm chuyên trách Hội đồng Tự đánh giá cơ sở đào tạo Trường Đại học Kinh Bắc

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH BẮC

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18 tháng 6 năm 2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định 99/2019/NĐ-CP của Chính phủ về quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 350/QĐ-TTg ngày 26 tháng 3 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Kinh Bắc;

Căn cứ Thông tư số 12/2017/TT-BGDĐT ngày 19 tháng 5 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định về kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục đại học;

Xét đề nghị của Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng Giáo dục.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh, bổ sung thành viên Ban thư ký và các nhóm chuyên trách Hội đồng Tự đánh giá cơ sở đào tạo Trường Đại học Kinh Bắc bao gồm các ông (bà) có tên sau đây (danh sách kèm theo).

Điều 2. Ban thư ký và các nhóm chuyên trách có nhiệm vụ giúp việc cho Hội đồng Tự đánh giá triển khai công tác Tự đánh giá của Nhà trường theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Điều 3. Trường các đơn vị có liên quan và các ông (bà) có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế các Quyết định đã ký./.

Nơi nhận:

- HĐT, BGH: (để b/c);
- Như Điều 3;
- Lưu: VT, KT&ĐBCL./.



HIỆU TRƯỞNG

TS. Nguyễn Văn Hòa

**DANH SÁCH BAN THƯ KÝ PHỤC VỤ HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ TRƯỜNG ĐẠI
HỌC KINH BẮC**

*(Kèm theo Quyết định số 285/QĐ-ĐHKB-TĐG ngày 23 tháng 4 năm 2021 của Hiệu
trưởng Trường Đại học Kinh Bắc)*

TT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	NHIỆM VỤ
01	Bà Vũ Thị Minh Nghĩa	Trưởng phòng Phòng QLĐT	Trưởng ban
02	Bà Nguyễn Thị Thu Thủy	Phòng Khảo thí và ĐBCL	Thư ký
03	Ông Đỗ Xuân Trung	P.Trưởng khoa CNTT - ĐTTT	Ủy viên
04	Bà Đoàn Thị Hào	P.Trưởng phòng KH-TC	Ủy viên
05	Bà Lê Thị Tuyết Mai	P.Trưởng phòng KT& ĐBCL	Ủy viên
06	Bà Đoàn Hà Chi	P.Trưởng khoa Kinh tế	Ủy viên
07	Bà Trịnh Thị Thúy	P.Viện Trưởng Viện Du lịch	Ủy viên
08	Bà Nguyễn Minh Thương	Phòng QLĐT	Ủy viên
09	Bà Phạm Thị Nga	Phòng QLĐT	Ủy viên
10	Bà Nguyễn Thị Nga	Phòng TC - HC- QT	Ủy viên

* Danh sách gồm 10 thành viên.

17/4
ĐN
HC
H
★

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH BẮC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH CÁC NHÓM CHUYÊN TRÁCH HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH BẮC
(Kèm theo Quyết định số 4.85./QĐ-ĐHKB ngày 23 tháng 4 năm 2021 của Hiệu Trường Trường Đại học Kinh Bắc)

Nhóm	Các tiêu chuẩn	Họ và Tên	Đơn vị công tác	Phân công
1	Tiêu chuẩn 1: Tâm nhìn, sứ mạng và văn hóa	Nguyễn Văn Hòa	Ban Giám Hiệu	Trưởng nhóm
	Tiêu chuẩn 2: Quản trị	Trần Thị Thùy Linh	Phòng TC - HC - QT	Thư ký
	Tiêu chuẩn 3: Lãnh đạo và quản lý	Nguyễn Thị Nga	Phòng TC - HC - QT	Thành viên
	Tiêu chuẩn 4: Quản trị chiến lược	Nguyễn Minh Thương	Phòng QLĐT	Thành viên
	Tiêu chuẩn 6: Quản lý nguồn nhân lực	Trịnh Thị Thúy	Viện Du lịch	Thành viên
2	Tiêu chuẩn 7: Quản lý tài chính và cơ sở vật chất Tiêu chuẩn 25: Kết quả tài chính và thị trường	Nguyễn Thị Bích Phương	Trung tâm TS và HTDN	Thành viên
		Đoàn Thị Hào	Phòng KH - TC	Trưởng nhóm
		Đoàn Thị Thanh Dung	Phòng TC - HC - QT	Thư ký
		Đào Văn Chuyên	Phòng TC - HC - QT	Thành viên
		Hà Bảo Trân	Trung tâm TL - TV	Thành viên
3	Tiêu chuẩn 9: Hệ thống đảm bảo chất lượng bên trong Tiêu chuẩn 10: Tự đánh giá và đánh giá ngoài Tiêu chuẩn 11: Hệ thống thông tin đảm bảo chất lượng bên trong Tiêu chuẩn 12: Năng cao chất lượng	Nguyễn Thị Trang	Phòng KH - TC	Thành viên
		Trần Quốc Kham	Ban Giám Hiệu	Trưởng nhóm
		Nguyễn Thị Thu Thủy	Phòng KT & ĐBCLGD	Thư ký
		Lê Thị Tuyết Mai	Phòng KT & ĐBCLGD	Thành viên
		Nguyễn Thị Ngọc	Trung tâm TS và HTDN	Thành viên
4	Tiêu chuẩn 5: Các chính sách về đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng Tiêu chuẩn 14: Thiết kế và rà soát chương trình dạy học Tiêu chuẩn 15: Giảng dạy và học tập Tiêu chuẩn 16: Đánh giá người học Tiêu chuẩn 22: Kết quả đào tạo	Vũ Thị Minh Nghĩa	Phòng QLĐT	Trưởng nhóm
		Trịnh Thị Thúy	Viện Du lịch	Thư ký
		Đoàn Hà Chi	Khoa Kinh tế	Thư ký
		Đỗ Xuân Trung	Khoa CNTT & ĐTTT	Thành viên
		Nguyễn Thị Huyền Trang	Khoa NN	Thành viên
		Lê Thị Tuyết Mai	Phòng KT & ĐBCLGD	Thành viên
		Lương Ninh Giang	Viện Du lịch	Thành viên
		Nguyễn Minh Thương	Phòng QLĐT	Thành viên

AC

Phụ lục 8. Cơ sở dữ liệu kiểm định chất lượng CSGD
CƠ SỞ DỮ LIỆU

KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG CƠ SỞ GIÁO DỤC

Thời điểm báo cáo: Tính đến ngày 30/08/2021

I. Thông tin chung về cơ sở giáo dục

1. Tên cơ sở giáo dục (theo quyết định thành lập):

Tiếng Việt: Đại học Kinh Bắc

Tiếng Anh: University of Kinh Bac

2. Tên viết tắt của cơ sở giáo dục:

Tiếng Việt: ĐHKB

Tiếng Anh: UKB

3. Tên trước đây (nếu có): không

4. Cơ quan/Bộ chủ quản: Bộ Giáo dục và Đào tạo

5. Địa chỉ:

- Cơ sở 1: Phường Phù Chẩn, thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh.

- Cơ sở 2: Phố Phúc Sơn, phường Vũ Ninh, thành Phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh

6. Thông tin liên hệ:

Điện thoại: (0222) 872 892/890

Hotline: 086.8666.357 - 086.8666.355

Email: daihockinhbac.edu@gmail.com.

Website: <http://www.daihockinhbac.edu.vn/>

7. Năm thành lập (theo quyết định thành lập): 2012

8. Thời gian bắt đầu đào tạo khóa I: 2012

9. Thời gian cấp bằng tốt nghiệp cho khoá I:

+ Hệ Cao đẳng: 2015

+ Hệ Đại học: 2016

10. Loại hình cơ sở giáo dục:

Công lập ☐ Bán công ☐ Dân lập ☐ Tư thục ☐ ☒

Loại hình khác (đề nghị ghi rõ).....

11. Các loại hình đào tạo của cơ sở giáo dục (đánh dấu x vào các ô tương ứng)

Có Không

Chính quy

☐☐☒

Không chính quy

☐☐☒

Từ xa

☐☐

Liên kết đào tạo với nước ngoài

☐☐

Liên kết đào tạo trong nước

☐☐

Các loại hình đào tạo khác (nếu có, ghi rõ từng loại hình).....

12. Danh sách cán bộ lãnh đạo chủ chốt của CSGD (các phòng, ban, khoa, viện, trung tâm chỉ ghi cấp trưởng)

Các đơn vị (bộ phận)	Họ và tên	Chức danh, học vị, chức vụ	Điện thoại	E-mail
1. Hiệu trưởng	Nguyễn Văn Hòa	TS	0978652789	nguyenhoa@ukb.edu.vn

Các đơn vị (bộ phận)	Họ và tên	Chức danh, học vị, chức vụ	Điện thoại	E-mail
2. Phó Hiệu trưởng	Trương Việt Bình	GS.TS		Truongbinh@ukb.edu.vn
3. Đảng bộ Công Đoàn Đoàn TN ...	Đoàn Xuân Tiếp	Bí Thư Đảng ủy	0982267886	doantiep@ukb.edu.vn
	Đoàn Thanh Dung	Chủ tịch Công đoàn	0394001185	doandung@ukb.edu.vn
	Nguyễn Thị Huyền Trang	Bí thư Đoàn TN		nguyenhuyentrang@ukb.edu.vn
4. Các phòng, ban chức năng	Đoàn Thị Thanh Dung	Trưởng Phòng TC-HC-QT	0394001185	doandung@ukb.edu.vn
	Lê Thị Tuyết	Trưởng Phòng KT&ĐBCL		Letuyet1@ukb.edu.vn
	Ngô Thị Toản	Trưởng Phòng Tài vụ	0912396199	toanukb.gmail.com
	Vũ Thị Minh Nghĩa	Trưởng Phòng QLĐT	0974368036	vunghia@ukb.edu.vn
	Nguyễn Văn Hòa	Trưởng Phòng QLKH &HTQT	0978652789	nguyenhoa@ukb.edu.vn
	Đoàn Thị Khuyên	Phụ trách phòng Công tác SV		doankhuyen@ukb.edu.vn
5. Các Trung tâm/viện trực thuộc	Cao Thế Anh	Giám đốc TT Ngoại ngữ - tin học		Theanh@ukb.edu.vn
	Nguyễn Thị Thu Thủy	Phó Giám đốc TT tuyển sinh &HTDN		nguyenthuy@ukb.edu.vn
6. Các khoa/viện đào tạo	Nguyễn Đức Thắng	Viện trưởng Viện Du lịch quốc tế	0989242468	nguyenthang@ukb.edu.vn
	Nguyễn Thị Bạch Tuyết	Trưởng khoa Y Đa khoa		Nguyentuyet1@ukb.edu.vn
	Vũ Văn Điền	Trưởng khoa Dược học		vudien@ukb.edu.vn
	Đỗ Đình	Trưởng khoa	0985388918	dolong@ukb.edu.vn

Các đơn vị (bộ phận)	Họ và tên	Chức danh, học vị, chức vụ	Điện thoại	E-mail
	Long	Y học cổ truyền		
	Nguyễn Thế Khải	Trưởng Khoa Kinh tế		nguyengkhai@ukb.edu.vn
	Đào Quang Thủy	Trưởng Khoa CNTT - ĐTTT	0912234237	daothuy@ukb.edu.vn
	Lê Thị Châu	Trưởng khoa Luật & QLNN		Lechau@ukb.edu.vn
	Nguyễn Văn Hòa	Trưởng khoa sau đại học	0978652789	nguyenhoa@ukb.edu.vn
	Trương Tuyết Minh	Trưởng Khoa Tiếng Anh	0983007658	truongminh@ukb.edu.vn

13. Các khoa/viện đào tạo của CSGD

Khoa/viện đào tạo	Đại học		Sau đại học		Khác (ghi rõ)	
	Số CTĐT	Số sinh viên	Số CTĐT	Số người học	Số CTĐT	Số người học
Khoa Kinh tế	3	836	1	166		
Khoa Công nghệ thông tin – Điện tử truyền thông	2	546				
Viện Du lịch	1	560				
Khoa Luật và Quản lý Nhà nước	2	16	1	13		
Khoa Ngôn ngữ	1	77				
Khoa Dược học	1	101				
Khoa Y học cổ truyền	1	103				
Tổng	2239		179			

14. Danh sách đơn vị trực thuộc (bao gồm các trung tâm nghiên cứu, chi nhánh/cơ sở của các đơn vị)

TT	Tên đơn vị	Năm thành lập	Lĩnh vực hoạt động	Số lượng nghiên cứu viên	Số lượng cán bộ/nhân viên
----	------------	---------------	--------------------	--------------------------	---------------------------

1.	Phòng Tổ chức hành chính	2012	Tổ chức nhân sự, công tác hành chính của Nhà trường		2/12
2.	Phòng Quản lý đào tạo	2012	Tổ chức thực hiện, kiểm tra giám sát công tác giảng dạy, học tập các hệ và loại hình đào tạo của Trường		3/2
3.	Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục	2012	Thực hiện công tác khảo thí và đảm bảo chất lượng giáo dục		2/2
4.	Phòng Thanh tra giáo dục	2012	Thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra các hoạt động giáo dục đào tạo		1/2
5.	Phòng Quản lý khoa học và Hợp tác quốc tế	2012	Tổ chức triển khai các hoạt động quản lý và nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và hợp tác quốc tế		2/1
6.	Phòng Công tác sinh viên	2012	Thực hiện công tác quản lý sinh viên		2/4
7.	Phòng Tài vụ	2012	Quản lý công tác kế hoạch, tài chính, kế toán		2/1
8.	Tổ Thư viện	2012	Quản lý các tư liệu phục vụ hoạt động giảng dạy, học tập, đào tạo		1/1
9.	Trung tâm Tuyển sinh và Hợp tác doanh nghiệp	2012	Tư vấn, tuyển sinh các hệ đại học chính quy, liên thông, cao học; tìm hiểu thị trường lao động, liên kết doanh nghiệp		2/3
10.	Trung tâm đào tạo, bồi dưỡng và phát triển	2012	Đào tạo, bồi dưỡng tiếng Anh, công nghệ thông tin		2/2
11.	Khoa Cơ bản	2012	Biên soạn giáo trình, tổ chức giảng dạy lý thuyết và thực hành		2/18
12.	Viện Du lịch	2012	Biên soạn giáo trình, tổ chức giảng dạy lý thuyết và thực hành, trải nghiệm thực tế		2/18

13.	Khoa Kinh tế	2012	Biên soạn giáo trình, tổ chức giảng dạy lý thuyết và thực hành, trải nghiệm thực tế		2/12
14.	Khoa Công nghệ thông tin và Điện tử truyền thông	2012	Biên soạn giáo trình, tổ chức giảng dạy lý thuyết và thực hành, trải nghiệm thực tế		2/9
15.	Khoa Luật và Quản lý Nhà nước	2016	Biên soạn giáo trình, tổ chức giảng dạy lý thuyết và thực hành, trải nghiệm thực tế		2/4
16.	Khoa Sau đại học	2017	Biên soạn giáo trình, tổ chức giảng dạy lý thuyết và thực hành		2/7
17.	Khoa Ngôn ngữ	2018	Biên soạn giáo trình, tổ chức giảng dạy lý thuyết và thực hành, trải nghiệm thực tế		2/6

II. Cán bộ, giảng viên, nhân viên

15. Thống kê số lượng giảng viên và nghiên cứu viên:

* Thống kê số lượng giảng viên và nghiên cứu viên 2017 - 2018:

Phân cấp giảng viên và nghiên cứu viên	Cơ hữu/toàn thời gian		Hợp đồng/thỉnh giảng	
	Số lượng	Tiến sĩ (%)	Số lượng	Tiến sĩ (%)
Giảng viên	77	23.4	38	26.3
Nghiên cứu viên	0	0	0	0
Tổng	77	23.4	38	26.3

* Thống kê số lượng giảng viên và nghiên cứu viên 2018 - 2019:

Phân cấp giảng viên và nghiên cứu viên	Cơ hữu/toàn thời gian		Hợp đồng/thỉnh giảng	
	Số lượng	Tiến sĩ (%)	Số lượng	Tiến sĩ (%)
Giảng viên	79	20.3	46	26.1
Nghiên cứu viên	0	0	0	0
Tổng	79	20.3	46	26.1

* Thống kê số lượng giảng viên và nghiên cứu viên 2019 - 2020:

Phân cấp giảng viên và nghiên cứu viên	Cơ hữu/toàn thời gian		Hợp đồng/thỉnh giảng	
	Số lượng	Tiến sĩ (%)	Số lượng	Tiến sĩ (%)
Giảng viên	80	21.3	50	48,0
Nghiên cứu viên	0	0	0	0
Tổng	80	21.3	50	48,0

* Thống kê số lượng giảng viên và nghiên cứu viên 2020-2021

Phân cấp giảng viên và nghiên cứu viên	Cơ hữu/toàn thời gian		Hợp đồng/ thỉnh giảng	
	Số lượng	Tiến sĩ (%)	Số lượng	Tiến sĩ (%)
Giảng viên	85	23.5	56	46,4
Nghiên cứu viên	0	0	0	0
Tổng	85	23.5	56	46,4

* Thống kê số lượng giảng viên và nghiên cứu viên 2021 – 2022 (31/7/2022):

Phân cấp giảng viên và nghiên cứu viên	Cơ hữu/toàn thời gian		Hợp đồng/ thỉnh giảng	
	Số lượng	Tiến sĩ (%)	Số lượng	Tiến sĩ (%)
Giảng viên	142	31,0	57	4,56
Nghiên cứu viên	0	0	0	0
Tổng	142	31,0	57	4,56

16. Thống kê số lượng cán bộ quản lý, nhân viên

* Thống kê số lượng cán bộ quản lý, nhân viên 2017-2018:

Phân cấp cán bộ, nhân viên (Nêu cụ thể)	Số lượng		
	Cơ hữu/toàn thời gian	Hợp đồng bán thời gian	Tổng số
Cán bộ quản lý	28	0	28
Nhân viên	34	0	34
Tổng cộng	62	0	62

* Thống kê số lượng cán bộ quản lý, nhân viên 2018-2019:

Phân cấp cán bộ, nhân viên (Nêu cụ thể)	Số lượng		
	Cơ hữu/toàn thời gian	Hợp đồng bán thời gian	Tổng số
Cán bộ quản lý	29	0	29
Nhân viên	35	0	35
Tổng cộng	64	0	64

* Thống kê số lượng cán bộ quản lý, nhân viên 2019-2020:

Phân cấp cán bộ, nhân viên (Nêu cụ thể)	Số lượng		
	Cơ hữu/toàn thời gian	Hợp đồng bán thời gian	Tổng số
Cán bộ quản lý	29	0	29
Nhân viên	37	0	37
Tổng cộng	66	0	66

* Thống kê số lượng cán bộ quản lý, nhân viên 2020-2021:

Phân cấp cán bộ, nhân viên	Số lượng
----------------------------	----------

	Cơ hữu/toàn thời gian	Hợp đồng bán thời gian	Tổng số
Cán bộ quản lý	29	0	29
Nhân viên	37	0	37
Tổng cộng	66	0	66

* Thống kê số lượng cán bộ quản lý, nhân viên 2021-2022 (31/7/2022):

Phân cấp cán bộ, nhân viên (Nêu cụ thể)	Số lượng		
	Cơ hữu/toàn thời gian	Hợp đồng bán thời gian	Tổng số
Cán bộ quản lý	20	0	20
Nhân viên	178	0	178
Tổng cộng	198	0	198

17. Thống kê số lượng cán bộ, giảng viên và nhân viên (gọi chung là cán bộ) của CSGD theo giới tính:

* Thống kê số lượng cán bộ, giảng viên và nhân viên (gọi chung là cán bộ) của CSGD theo giới tính 2017- 2018:

TT	Phân loại	Nam	Nữ	Tổng số
I	Cán bộ cơ hữu <i>Trong đó:</i>	57	60	117
I.1	Cán bộ được tuyển dụng, sử dụng và quản lý theo các quy định của pháp luật về viên chức (trong biên chế)	0	0	0
I.2	Cán bộ hợp đồng có thời hạn 01 năm trở lên và hợp đồng không xác định thời hạn (hợp đồng dài hạn)	57	60	117
II	Các cán bộ khác Cán bộ hợp đồng ngắn hạn, bao gồm cả giảng viên thỉnh giảng	9	29	38
	Tổng cộng	66	89	155

* Thống kê số lượng cán bộ, giảng viên và nhân viên (gọi chung là cán bộ) của CSGD theo giới tính 2018-2019:

TT	Phân loại	Nam	Nữ	Tổng số
I	Cán bộ cơ hữu <i>Trong đó:</i>	58	66	124
I.1	Cán bộ được tuyển dụng, sử dụng và quản lý theo các quy định của pháp luật về viên chức (trong biên chế)	0	0	0
I.2	Cán bộ hợp đồng có thời hạn 01 năm trở lên và hợp đồng không xác định thời hạn (hợp	58	66	124

TT	Phân loại	Nam	Nữ	Tổng số
	đồng dài hạn)			
II	Các cán bộ khác Cán bộ hợp đồng ngắn hạn, bao gồm cả giảng viên thỉnh giảng	11	35	46
	Tổng cộng	69	101	170

* Thống kê số lượng cán bộ, giảng viên và nhân viên (gọi chung là cán bộ) của CSGD theo giới tính 2019-2020:

TT	Phân loại	Nam	Nữ	Tổng số
I	Cán bộ cơ hữu <i>Trong đó:</i>	64	63	127
I.1	Cán bộ được tuyển dụng, sử dụng và quản lý theo các quy định của pháp luật về viên chức (trong biên chế)	0	0	0
I.2	Cán bộ hợp đồng có thời hạn 01 năm trở lên và hợp đồng không xác định thời hạn (hợp đồng dài hạn)	64	63	127
II	Các cán bộ khác Cán bộ hợp đồng ngắn hạn, bao gồm cả giảng viên thỉnh giảng	13	37	50
	Tổng cộng	77	100	177

* Thống kê số lượng cán bộ, giảng viên và nhân viên (gọi chung là cán bộ) của CSGD theo giới tính 2020- 2021:

TT	Phân loại	Nam	Nữ	Tổng số
I	Cán bộ cơ hữu <i>Trong đó:</i>	69	82	151
I.1	Cán bộ được tuyển dụng, sử dụng và quản lý theo các quy định của pháp luật về viên chức (trong biên chế)			
I.2	Cán bộ hợp đồng có thời hạn 01 năm trở lên và hợp đồng không xác định thời hạn (hợp đồng dài hạn)	69	82	151
II	Các cán bộ khác Cán bộ hợp đồng ngắn hạn, bao gồm cả giảng viên thỉnh giảng	15	36	56
	Tổng cộng	84	118	207

* Thống kê số lượng cán bộ, giảng viên và nhân viên (gọi chung là cán bộ) của CSGD theo giới tính 2021- 2022 (31/7/2022):

TT	Phân loại	Nam	Nữ	Tổng số
----	-----------	-----	----	---------

TT	Phân loại	Nam	Nữ	Tổng số
I	Cán bộ cơ hữu <i>Trong đó:</i>	94	104	198
I.1	Cán bộ được tuyển dụng, sử dụng và quản lý theo các quy định của pháp luật về viên chức (trong biên chế)	0	0	0
I.2	Cán bộ hợp đồng có thời hạn 01 năm trở lên và hợp đồng không xác định thời hạn (hợp đồng dài hạn)	94	104	198
II	Các cán bộ khác Cán bộ hợp đồng ngắn hạn, bao gồm cả giảng viên thỉnh giảng	30	27	57
	Tổng cộng	124	131	255

18. Thống kê, phân loại giảng viên theo trình độ

Tổng số giảng viên cơ hữu: 76 người

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu trên tổng số cán bộ cơ hữu: 63.9%

* Thống kê, phân loại giảng viên theo trình độ 2017-2018:

TT	Trình độ, học vị, chức danh	GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV hợp đồng dài hạn trực tiếp giảng dạy	Giảng viên kiêm nhiệm là cán bộ quản lý	Giảng viên thỉnh giảng trong nước	Giảng viên thỉnh giảng quốc tế	Tổng số
1	Giáo sư, Viện sĩ	0	2	2	0	0	4
2	Phó Giáo sư	0	3	5	1	0	9
3	Tiến sĩ khoa học	0	1	0	0	0	1
4	Tiến sĩ	0	14	4	10	0	28
5	Thạc sĩ	0	36	10	27	0	73
6	Đại học	0	0	0	0	0	0
7	Cao đẳng	0	0	0	0	0	0
8	Trung cấp	0	0	0	0	0	0
9	Trình độ khác	0	0	0	0	0	0
	Tổng cộng	0	56	21	38	0	115

Tổng số giảng viên cơ hữu: 77 người

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu trên tổng số cán bộ cơ hữu: 65.8 %

* Thống kê, phân loại giảng viên theo trình độ 2018-2019:

TT	Trình độ, học vị, chức danh	GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV hợp đồng dài hạn trực tiếp giảng dạy	Giảng viên kiêm nhiệm là cán bộ quản lý	Giảng viên thỉnh giảng trong nước	Giảng viên thỉnh giảng quốc tế	Tổng số
1	Giáo sư, Viện sĩ	0	2	1	0	0	3
2	Phó Giáo sư	0	4	2	01	0	7
3	Tiến sĩ khoa học	0	1	0	0	0	1
4	Tiến sĩ	0	10	6	12	0	28
5	Thạc sĩ	0	43	10	33	0	86
6	Đại học	0	0	0	0	0	0
7	Cao đẳng	0	0	0	0	0	0
8	Trung cấp	0	0	0	0	0	0
9	Trình độ khác	0	0	0	0	0	0
	Tổng cộng	0	60	19	46	0	125

Tổng số giảng viên cơ hữu: 79 người

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu trên tổng số cán bộ cơ hữu: 63.2%

* Thống kê, phân loại giảng viên theo trình độ 2019-2020:

TT	Trình độ, học vị, chức danh	GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV hợp đồng dài hạn trực tiếp giảng dạy	Giảng viên kiêm nhiệm là cán bộ quản lý	Giảng viên thỉnh giảng trong nước	Giảng viên thỉnh giảng quốc tế	Tổng số
1	Giáo sư, Viện sĩ	0	3	1	0	0	4
2	Phó Giáo sư	0	7	2	01	0	10
3	Tiến sĩ khoa học	0	1	0	0	0	1
4	Tiến sĩ	0	11	6	12	0	29
5	Thạc sĩ	0	39	10	37	0	86
6	Đại học	0	0	0	0	0	0
7	Cao đẳng	0	0	0	0	0	0
8	Trung cấp	0	0	0	0	0	0
9	Trình độ khác	0	0	0	0	0	0

	Tổng cộng	0	61	19	50	0	130
--	------------------	----------	-----------	-----------	-----------	----------	------------

Tổng số giảng viên cơ hữu: 80 người

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu trên tổng số cán bộ cơ hữu: 63%

* Thống kê, phân loại giảng viên theo trình độ 2020-2021:

TT	Trình độ, học vị, chức danh	GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV hợp đồng dài hạn trực tiếp giảng dạy	Giảng viên kiêm nhiệm là cán bộ quản lý	Giảng viên thỉnh giảng trong nước	Giảng viên thỉnh giảng quốc tế	Tổng số
1	Giáo sư, Viện sĩ	0	3	0	0	0	3
2	Phó Giáo sư	0	2	1	1	0	4
3	Tiến sĩ khoa học	0	0	0	0	0	0
4	Tiến sĩ	0	42	15	12	0	69
5	Thạc sĩ	0	53	20	37	0	110
6	Đại học	0	21	0	0	0	21
7	Cao đẳng	0	0	0	0	0	0
8	Trung cấp	0	0	0	0	0	0
9	Trình độ khác	0	0	0	0	0	0
	Tổng cộng	0	121	36	0	0	157

* Thống kê, phân loại giảng viên theo trình độ 2021-2022 (31/7/2022):

TT	Trình độ, học vị, chức danh	GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV hợp đồng dài hạn trực tiếp giảng dạy	Giảng viên kiêm nhiệm là cán bộ quản lý	Giảng viên thỉnh giảng trong nước	Giảng viên thỉnh giảng quốc tế	Tổng số
1	Giáo sư, Viện sĩ	0	3	0	0	0	3
2	Phó Giáo sư	0	14	3	1	0	17
3	Tiến sĩ khoa học	0	1	0	0	0	1
4	Tiến sĩ	0	40	3	13	0	56
5	Thạc sĩ	0	70	7	43	0	120
6	Đại học	0	1	0	0	0	1
7	Cao đẳng	0	0	0	0	0	0
8	Trung cấp	0	0	0	0	0	0

9	Trình độ khác	0	0	0	0	0	0
	Tổng cộng	0	139	13	57	0	197

Tổng số giảng viên cơ hữu: 142 người

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu trên tổng số cán bộ cơ hữu: 71.7%

19. Thống kê, phân loại giảng viên cơ hữu theo độ tuổi (số người):

* Thống kê, phân loại giảng viên cơ hữu theo độ tuổi 2017- 2018:

TT	Trình độ / học vị	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Phân loại theo giới tính		Phân loại theo tuổi (người)				
				Nam	Nữ	< 30	30-40	41-50	51-60	> 60
1	Giáo sư, Viện sĩ	04	5,2	04	0	0	0	0	0	04
2	Phó Giáo sư	08	10,4	07	01	0	0	0	0	08
3	Tiến sĩ khoa học	01	1.3	01	0	0	0	0	0	01
4	Tiến sĩ	18	23.4	15	03	0	01	02	01	14
5	Thạc sĩ	46	59.7	19	27	02	22	06	07	09
6	Đại học	0	0	0	0	0	0	0	0	0
7	Cao đẳng	0	0	0	0	0	0	0	0	0
8	Trung cấp	0	0	0	0	0	0	0	0	0
9	Trình độ khác	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	Tổng cộng	77	100	46	31	02	23	08	08	36

Độ tuổi trung bình của giảng viên cơ hữu: 45 tuổi

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ tiến sĩ trở lên trên tổng số giảng viên cơ hữu của CSGD: 42,3%

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ thạc sĩ trên tổng số giảng viên cơ hữu của CSGD: 59,7%

* Thống kê, phân loại giảng viên cơ hữu theo độ tuổi 2018- 2019:

TT	Trình độ / học vị	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Phân loại theo giới tính		Phân loại theo tuổi (người)				
				Nam	Nữ	< 30	30-40	41-50	51-60	> 60
1	Giáo sư, Viện sĩ	03	3.8	03	0	0	0	0	0	03
2	Phó Giáo sư	06	7.6	05	01	0	0	0	0	06
3	Tiến sĩ khoa học	01	1.3	01	0	0	0	0	0	01

TT	Trình độ / học vị	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Phân loại theo giới tính		Phân loại theo tuổi (người)				
				Nam	Nữ	< 30	30-40	41-50	51-60	> 60
4	Tiến sĩ	16	20.2	13	03	0	01	0	03	12
5	Thạc sĩ	53	67.1	19	34	05	20	07	08	13
6	Đại học	0	0	0	0	0	0	0	0	0
7	Cao đẳng	0	0	0	0	0	0	0	0	0
8	Trung cấp	0	0	0	0	0	0	0	0	0
9	Trình độ khác	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	Tổng cộng	79	100	41	38	05	21	07	11	35

Độ tuổi trung bình của giảng viên cơ hữu: 44 tuổi

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ tiến sĩ trở lên trên tổng số giảng viên cơ hữu của CSGD: 32,9%.

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ thạc sĩ trên tổng số giảng viên cơ hữu của CSGD: 67,1%.

* Thống kê, phân loại giảng viên cơ hữu theo độ tuổi 2019- 2020:

TT	Trình độ / học vị	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Phân loại theo giới tính		Phân loại theo tuổi (người)				
				Na m	Nữ	< 30	30-40	41-50	51-60	> 60
1	Giáo sư, Viện sĩ	04	3.8	04	0	0	0	0	0	04
2	Phó Giáo sư	09	7.6	08	01	0	0	0	0	09
3	Tiến sĩ khoa học	01	1.3	01	0	0	0	0	0	01
4	Tiến sĩ	17	20.2	13	04	0	01	0	03	13
5	Thạc sĩ	49	67.1	19	30	05	16	07	07	14
6	Đại học	0	0	0	0	0	0	0	0	0
7	Cao đẳng	0	0	0	0	0	0	0	0	0
8	Trung cấp	0	0	0	0	0	0	0	0	0
9	Trình độ khác	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	Tổng cộng	80	100	45	35	05	17	07	10	41

Độ tuổi trung bình của giảng viên cơ hữu: 48 tuổi

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ tiến sĩ trở lên trên tổng số giảng viên cơ hữu của CSGD: 38,8%.

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ thạc sĩ trên tổng số giảng viên cơ hữu của CSGD: 61,2%.

* Thống kê, phân loại giảng viên cơ hữu theo độ tuổi 2020- 2021:

TT	Trình độ / học vị	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Phân loại theo giới tính		Phân loại theo tuổi (người)				
				Nam	Nữ	< 30	30-40	41-50	51-60	> 60
1	Giáo sư, Viện sĩ	03	3.8	04	0	0	0	0	0	04
2	Phó Giáo sư	03	7.6	08	01	0	0	0	0	09
3	Tiến sĩ khoa học	01	1.3	01	0	0	0	0	0	01
4	Tiến sĩ	20	20.2	13	04	0	01	0	03	13
5	Thạc sĩ	57	67.1	19	35	05	16	12	07	14
6	Đại học	1	0	0	0	0	0	0	0	0
7	Cao đẳng	0	0	0	0	0	0	0	0	0
8	Trung cấp	0	0	0	0	0	0	0	0	0
9	Trình độ khác	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	Tổng cộng	85	100	45	40	05	17	12	10	41

Độ tuổi trung bình của giảng viên cơ hữu: 48 tuổi

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ tiến sĩ trở lên trên tổng số giảng viên cơ hữu của CSGD: 38,8%

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ thạc sĩ trên tổng số giảng viên cơ hữu của CSGD: 37,8%

* Thống kê, phân loại giảng viên cơ hữu theo độ tuổi 2021 – 2022 (31/7/2022):

TT	Trình độ / học vị	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Phân loại theo giới tính		Phân loại theo tuổi (người)				
				Nam	Nữ	< 30	30-40	41-50	51-60	> 60
1	Giáo sư, Viện sĩ	3	2,2	03	0	0	0	0	0	03
2	Phó Giáo sư	17	17,1	15	02	0	0	0	0	17
3	Tiến sĩ khoa học	1	0,7	01	0	0	0	0	0	01
4	Tiến sĩ	43	30,3	24	19	0	3	2	8	30

TT	Trình độ / học vị	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Phân loại theo giới		Phân loại theo tuổi (người)				
				Nam	Nữ	< 30	30-40	41-50	51-60	> 60
5	Thạc sĩ	77	54,2	27	50	2	40	25	8	2
6	Đại học	1	0,7	1	0	1	0	0	0	0
7	Cao đẳng	0	0	0	0	0	0	0	0	0
8	Trung cấp	0	0	0	0	0	0	0	0	0
9	Trình độ khác	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	Tổng cộng	142	100	71	71	03	43	27	16	53

Độ tuổi trung bình của giảng viên cơ hữu: 49 tuổi

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ tiến sĩ trở lên trên tổng số giảng viên cơ hữu của CSGD: 45,1%

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ thạc sĩ trên tổng số giảng viên cơ hữu của CSGD: 54,2%.

20. Thống kê, phân loại giảng viên cơ hữu theo mức độ thường xuyên sử dụng ngoại ngữ và tin học cho công tác giảng dạy và nghiên cứu:

TT	Tần suất sử dụng	Tỷ lệ (%) giảng viên cơ hữu sử dụng ngoại ngữ và tin học	
		Ngoại ngữ	Tin học
1	Luôn sử dụng (trên 80% thời gian của công việc)	10	50
2	Thường sử dụng (trên 60-80% thời gian của công việc)	10	20
3	Đôi khi sử dụng (trên 40-60% thời gian của công việc)	50	20
4	Ít khi sử dụng (trên 20-40% thời gian của công việc)	20	10
5	Hiếm khi sử dụng hoặc không sử dụng (0-20% thời gian của công việc)	10	00
	Tổng	100	100

III. Người học

Người học bao gồm sinh viên, học sinh, học viên cao học và nghiên cứu sinh:

21. Tổng số người học đăng ký dự thi vào CSGD, trúng tuyển và nhập học trong

năm gần đây **hệ chính quy**:

Đối tượng, thời gian (năm)	Số thí sinh dự tuyển (người)	Số trúng tuyển (người)	Tỷ lệ cạnh tranh	Số nhập học thực tế (người)	Điểm tuyển đầu vào (thang điểm 30)	Điểm trung bình của người được tuyển		Số lượng sinh viên quốc tế nhập học (người)
						Tổng điểm thi ba môn thi ĐKXT	Điểm TBC lớp 12	
Nghiên cứu sinh								
1. Học viên cao học								
2017	90	85		73				
2018	50	42		42				
2019								
2020	27	25		25				
2021	40	39		39				
2. Đại học								
2017	800	325	2.5	309	325	13,0	6,6	0
2018	950	556	1.7	361	556	15,0	6,5	0
2019	589	587	1.0	294	587	15,0	6,7	4
2020	299	289	1.0	207	289	15,0	6,8	0
2021	728	719	1.0	566	719	15,0	6,0	0
3. Cao đẳng								
4. Trung cấp								
5. Khác								

Số lượng người học hệ chính quy đang học tập tại CSGD: 1916 người.

22. Tổng số người học đăng ký dự thi vào CSGD, trúng tuyển và nhập học trong 5 năm gần đây **hệ không chính quy**: không

Năm	Số thí sinh dự tuyển (người)	Số trúng tuyển (người)	Tỷ lệ cạnh tranh	Số nhập học thực tế (người)	Điểm tuyển đầu vào (thang điểm 30)	Điểm trung bình của người học được tuyển	Số lượng sinh viên quốc tế nhập học (người)
1. Đại học							
2017	55	19		19			0
2018	131	127		127			0
2019	80	74		74			0
2020	128	126		126			0
2021	111	108		108			0
2. Cao đẳng		454		454			
3. Trung cấp							
4. Khác							

23. Ký túc xá cho sinh viên:

Các tiêu chí	2016 2017	2017 2018	2018 2019	2019 2020	2020 2021
1. Tổng diện tích phòng ở (m ²)	4275	5055	7436	7512	7512
2. Số lượng sinh viên	1252	1302	1411	1798	1916
3. Số sinh viên có nhu cầu ở ký túc xá	570	712	845	889	823
4. Số lượng sinh viên được ở ký túc xá	570	712	845	889	823
5. Tỷ số diện tích trên đầu sinh viên ở trong ký túc xá, m ² /người	7,5	7,1	8,8	8,5	9,1

24. Sinh viên tham gia nghiên cứu khoa học:

	2016 2017	2017 2018	2018 2019	2019 2020	2020- 2021
Số lượng (người) (114 HV,SV)	13	21	22	27	31
Tỷ lệ (%) trên tổng số sinh viên	1,1	1,6	1,55	1,5	1,6

25. Thống kê số lượng người học tốt nghiệp trong 5 năm gần đây:

Đơn vị: người

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2017- 2018	2018- 2019	2019- 2020	2020- 2021	2021- 2022
1. Nghiên cứu sinh bảo vệ thành công luận án tiến sĩ					
2. Học viên tốt nghiệp cao học			73	42	25
3. Sinh viên tốt nghiệp đại học					

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2017-2018	2018-2019	2019-2020	2020-2021	2021-2022
Trong đó:					
Hệ chính quy	369	217	105	164	279
Hệ không chính quy	126	48	60	42	111
4. Sinh viên tốt nghiệp cao đẳng					
Trong đó:					
Hệ chính quy					
Hệ không chính quy					
5. Học sinh tốt nghiệp trung cấp					
Trong đó:					
Hệ chính quy					
Hệ không chính quy					
6. Khác...					

26. Tình trạng tốt nghiệp của sinh viên đại học hệ chính quy:

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2017	2018	2019	2020	2021
1. Số lượng sinh viên tốt nghiệp (người)	369	217	105	164	279
2. Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp so với số tuyển vào (%) (số nhập học)	92,9	94,8	93,8	91,6	90,3
3. Đánh giá của sinh viên tốt nghiệp về chất lượng đào tạo của nhà trường: A. Nhà trường không điều tra về vấn đề này → chuyển xuống câu 4 B. Nhà trường có điều tra về vấn đề này → điền các thông tin dưới đây					
3.1 Tỷ lệ sinh viên trả lời đã học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%)	85,0	85,0	90,0	85,0	80,0
3.2 Tỷ lệ sinh viên trả lời <i>chỉ học được một phần</i> kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%)	15,0	15,0	10,0	15,0	20,0
3.3 Tỷ lệ sinh viên trả lời <i>KHÔNG</i> học được những kiến thức và kỹ	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2017	2018	2019	2020	2021
năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%)					
4. Sinh viên có việc làm trong năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp: A. Nhà trường không điều tra về vấn đề này → chuyển xuống câu 5 B. Nhà trường có điều tra về vấn đề này → điền các thông tin dưới đây					
4.1 Tỷ lệ có việc làm đúng ngành đào tạo (%)					
- Sau 6 tháng tốt nghiệp	80,0	80,0	82,0	83,0	80,0
- Sau 12 tháng tốt nghiệp	85,0	85,0	87,0	88,0	88,0
4.2 Tỷ lệ có việc làm trái ngành đào tạo (%)	12,0	10,0	8,0	7,0	5,0
4.3 Tỷ lệ tự tạo được việc làm (%)	3,0	5,0	5,0	5,0	6,0
4.4 Thu nhập bình quân/tháng của sinh viên có việc làm	4 triệu	4,5 triệu	5 triệu	6 triệu	6 triệu
5. Đánh giá của nhà sử dụng về SV tốt nghiệp có việc làm đúng ngành đào tạo: A. Nhà trường không điều tra về vấn đề này → chuyển xuống kết thúc bảng này B. Nhà trường có điều tra về vấn đề này → điền các thông tin dưới đây					
5.1 Tỷ lệ sinh viên đáp ứng yêu cầu của công việc, có thể sử dụng được ngay (%)	85,0	85,0	87,0	88,0	88,0
5.2 Tỷ lệ SV cơ bản đáp ứng yêu cầu của công việc, nhưng phải đào tạo thêm (%)	15,0	15,0	13,0	12,0	12,0
5.3 Tỷ lệ SV phải được đào tạo lại hoặc đào tạo bổ sung ít nhất 6 tháng (%)	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0

27. Tình trạng tốt nghiệp của sinh viên cao đẳng hệ chính quy:

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2017	2018	2019	2020	2021
1. Số lượng sinh viên tốt nghiệp					

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2017	2018	2019	2020	2021
(người)					
2. Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp so với số tuyển vào (%) (số nhập học)					
3. Đánh giá của sinh viên tốt nghiệp về chất lượng đào tạo của nhà trường: A. Nhà trường không điều tra về vấn đề này → chuyển xuống câu 4 B. Nhà trường có điều tra về vấn đề này → điền các thông tin dưới đây					
3.1 Tỷ lệ sinh viên trả lời đã học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%)					
3.2 Tỷ lệ sinh viên trả lời <i>chỉ học được một phần</i> kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%)					
3.3 Tỷ lệ sinh viên trả lời <i>KHÔNG</i> học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%)					
4. Sinh viên có việc làm trong năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp: A. Nhà trường không điều tra về vấn đề này → chuyển xuống câu 5 B. Nhà trường có điều tra về vấn đề này → điền các thông tin dưới đây					
4.1 Tỷ lệ có việc làm đúng ngành đào tạo (%) - Sau 6 tháng tốt nghiệp - Sau 12 tháng tốt nghiệp					
4.2 Tỷ lệ có việc làm trái ngành đào tạo (%)					
4.3 Tỷ lệ tự tạo được việc làm (%)					
4.4 Thu nhập bình quân/tháng của					6

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2017	2018	2019	2020	2021
sinh viên có việc làm					
5. Đánh giá của nhà sử dụng về SV tốt nghiệp có việc làm đúng ngành đào tạo: A. Nhà trường không điều tra về vấn đề này → chuyển xuống kết thúc bảng này B. Nhà trường có điều tra về vấn đề này → điền các thông tin dưới đây					
5.1 Tỷ lệ sinh viên đáp ứng yêu cầu của công việc, có thể sử dụng được ngay (%)					
5.2 Tỷ lệ SV cơ bản đáp ứng yêu cầu của công việc, nhưng phải đào tạo thêm (%)					
5.3 Tỷ lệ SV phải được đào tạo lại hoặc đào tạo bổ sung ít nhất 6 tháng (%)					

IV. Nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ

28. Số lượng đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ của nhà trường được nghiệm thu trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại đề tài	Số lượng					
		2017-2018	2018-2019	2019-2020	2020-2021	2021-2022	Tổng số
1	Đề tài cấp Nhà nước						
2	Đề tài cấp Bộ*						
3	Đề tài cấp trường	8	8	9	20	5	52
	Tổng cộng	8	8	9	20	5	52

* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước

Tỷ số đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ trên cán bộ cơ hữu: 52/198

29. Doanh thu từ nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ của CSGD trong 5 năm gần đây:

TT	Năm	Doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ (triệu VNĐ)	Tỷ lệ doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ so với tổng kinh phí đầu vào của CSGD (%)	Tỷ số doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ trên cán bộ cơ hữu (triệu VNĐ/ người)
1	2017 - 2018	38.5	0.7	0.32
2	2018 - 2019	150.0	0.7	0.86

TT	Năm	Doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ (triệu VNĐ)	Tỷ lệ doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ so với tổng kinh phí đầu vào của CSGD (%)	Tỷ số doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ trên cán bộ cơ hữu (triệu VNĐ/ người)
3	2019 - 2020	210.0	1.0	1.59
4	2020 - 2021	150	0	0
5	2021 - 2022	0	0	0

30. Số lượng cán bộ cơ hữu của CSGD tham gia thực hiện đề tài khoa học trong 5 năm gần đây:

Số lượng đề tài	Số lượng cán bộ tham gia			Ghi chú
	Đề tài cấp Nhà nước	Đề tài cấp Bộ*	Đề tài cấp trường	
Từ 1 đến 3 đề tài			52	
Từ 4 đến 6 đề tài			0	
Trên 6 đề tài			0	
Tổng số cán bộ tham gia			52	

* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước

31. Số lượng sách của CSGD được xuất bản trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại sách	Số lượng					Tổng số
		2017-2018	2018-2019	2019-2020	2020-2021	2021-2022	
1	Sách chuyên khảo						
2	Sách giáo trình	4			1	2	
3	Sách tham khảo						
4	Sách hướng dẫn						
	Tổng cộng	4			1	2	7

Tỷ số sách đã được xuất bản trên cán bộ cơ hữu: 7/198

32. Số lượng cán bộ cơ hữu của CSGD tham gia viết sách trong 5 năm gần đây:

Số lượng sách	Số lượng cán bộ cơ hữu tham gia viết sách			
	Sách chuyên khảo	Sách giáo trình	Sách tham khảo	Sách hướng dẫn
Từ 1 đến 3 cuốn sách		5	2	
Từ 4 đến 6 cuốn sách				
Trên 6 cuốn sách				
Tổng số cán bộ tham gia		5	2	

33. Số lượng bài của các cán bộ cơ hữu của CSGD được đăng tạp chí trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại tạp chí	Số lượng					
		2017-2018	2018-2019	2019-2020	2020-2021	2021-2022	Tổng số
1	Tạp chí KH quốc tế Trong đó:						
	Danh mục ISI						
	Danh mục Scopus			01	05	05	11
	Khác						
2	Tạp chí KH cấp Ngành trong nước	03	16	10	25	7	61
3	Tạp chí / tập san của cấp trường						
	Tổng cộng	03	16	11	30	12	72

Tỷ số bài đăng tạp chí (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 72/198

34. Số lượng cán bộ cơ hữu của CSGD tham gia viết bài đăng tạp chí trong 5 năm gần đây:

Số lượng cán bộ cơ hữu có bài báo đăng trên tạp chí	Nơi đăng		
	Tạp chí KH quốc tế	Tạp chí KH cấp Ngành trong nước	Tạp chí / tập san của cấp trường
Từ 1 đến 5 bài báo	11	61	0
Từ 6 đến 10 bài báo			
Từ 11 đến 15 bài báo			
Trên 15 bài báo			
Tổng số cán bộ tham gia	14	94	0

35. Số lượng báo cáo khoa học do cán bộ cơ hữu của CSGD báo cáo tại các hội nghị hội thảo, được đăng toàn văn trong tuyển tập công trình hay kỷ yếu trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại hội thảo	Số lượng					
		2017-2018	2018-2019	2019-2020	2020-2021	2021-2022	Tổng số
1	Hội thảo quốc tế				1		1
2	Hội thảo trong nước				3		3
3	Hội thảo của trường	0	8	6	6	0	20
	Tổng cộng	0	8	6	10	0	24

(Khi tính hội thảo trong nước sẽ không bao gồm các hội thảo của trường vì đã được tính 1 lần)

Tỷ số bài báo cáo trên cán bộ cơ hữu: 24/198

36. Số lượng cán bộ cơ hữu của CSGD có báo cáo khoa học tại các hội nghị, hội thảo được đăng toàn văn trong tuyển tập công trình hay kỷ yếu trong 5 năm gần đây:

Số lượng cán bộ cơ hữu có báo cáo khoa học tại các hội nghị, hội thảo	Hội thảo quốc tế	Hội thảo trong nước	Hội thảo của trường
Từ 1 đến 5 báo cáo	1	3	20

Từ 6 đến 10 báo cáo			
Từ 11 đến 15 báo cáo			
Trên 15 báo cáo			
Tổng số cán bộ tham gia	1	3	24

37. Số bằng phát minh, sáng chế được cấp trong 5 năm gần đây:

Năm	Số bằng phát minh, sáng chế được cấp (ghi rõ nơi cấp, thời gian cấp, người được cấp)
2017-2018	
2018-2019	
2019-2020	
2020-2021	
2021-2022	

38. Nghiên cứu khoa học của sinh viên

38.1. Số lượng sinh viên của nhà trường tham gia thực hiện đề tài khoa học trong 5 năm gần đây:

Số lượng đề tài	Số lượng sinh viên tham gia			Ghi chú
	Đề tài cấp Nhà nước	Đề tài cấp Bộ*	Đề tài cấp trường	
Từ 1 đến 3 đề tài			114	
Từ 4 đến 6 đề tài				
Trên 6 đề tài				
Tổng số sinh viên tham gia			145	

* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp nhà nước

38.2 Thành tích nghiên cứu khoa học của sinh viên:

(Thống kê các giải thưởng nghiên cứu khoa học, sáng tạo, các bài báo, công trình được công bố)

TT	Thành tích nghiên cứu khoa học	Số lượng				
		2017-2018	2018-2019	2019-2020	2020-2021	2021-2022
1	Số giải thưởng nghiên cứu khoa học, sáng tạo		4	3	3	0
2	Số bài báo được đăng, công trình được công bố		21	22	27	30

V. Cơ sở vật chất, thư viện, tài chính

39. Diện tích đất, diện tích sàn xây dựng

TT	Nội dung	Diện tích (m ²)	Hình thức sử dụng		
			Sở hữu	Liên kết	Thuê

TT	Nội dung	Diện tích (m ²)	Hình thức sử dụng		
			Sở hữu	Liên kết	Thuê
1	Tổng diện tích đất của trường	296.292,7	296.292,7		
2	Tổng diện tích sàn xây dựng phục vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học của trường Trong đó	15.343,7	15.343,7		
2.1	<i>Hội trường, giảng đường, phòng học các loại, phòng đa năng, phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên cơ hữu</i>	12.573,7	12.573,7		
2.2	<i>Thư viện, trung tâm học liệu</i>	300	300		
2.3	<i>Trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, thực nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập</i>	2.470	2.470		

40. Tổng số đầu sách trong thư viện của nhà trường (bao gồm giáo trình, học liệu, tài liệu, sách tham khảo... sách, tạp chí, kể cả e-book, cơ sở dữ liệu điện tử)

- Tổng số đầu sách trong thư viện của Nhà trường: 538 đầu sách
- Tổng số đầu sách gắn với các ngành đào tạo có cấp bằng của Nhà trường: 68 đầu sách/1 ngành đào tạo.

41. Diện tích phòng học (tính bằng m²):

- Tổng diện tích phòng học: 6.490 m²
- Tỷ số diện tích phòng học trên sinh viên chính quy: 3,6 m²/SV

42. Tổng kinh phí từ các nguồn thu của trường trong 5 năm gần đây:

- Năm 2017: 17.743 triệu đồng
- Năm 2018: 23.315 triệu đồng
- Năm 2019: 31.589 triệu đồng
- Năm 2020: 27.524 triệu đồng
- Năm 2021: 35.421 triệu đồng

43. Tổng thu học phí (chỉ tính hệ chính quy) trong 5 năm gần đây:

- Năm 2017: 15.537 triệu đồng
- Năm 2018: 21.904 triệu đồng
- Năm 2019: 22.902 triệu đồng
- Năm 2020: 20.672 triệu đồng
- Năm 2021: 25.330 triệu đồng

44. Tổng chi cho hoạt động nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và phục vụ cộng đồng:

- Năm 2017: 282 triệu đồng

- Năm 2018: 368 triệu đồng
- Năm 2019: 398 triệu đồng
- Năm 2020: 415 triệu đồng
- Năm 2021: 456 triệu đồng

45. Tổng thu từ hoạt động nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và phục vụ cộng đồng

- Năm 2017: 1.624 triệu đồng
- Năm 2018: 1.271 triệu đồng
- Năm 2019: 848 triệu đồng
- Năm 2020: 1.201 triệu đồng
- Năm 2021: 1.059 triệu đồng

46. Tổng chi cho hoạt động đào tạo

- Năm 2017: 15.908 triệu đồng
- Năm 2018: 22.510 triệu đồng
- Năm 2019: 25.685 triệu đồng
- Năm 2020: 25.455 triệu đồng
- Năm 2021: 26.423 triệu đồng

47. Tổng chi cho phát triển đội ngũ

- Năm 2017: 50 triệu đồng
- Năm 2018: 200 triệu đồng
- Năm 2019: 380 triệu đồng
- Năm 2020: 420 triệu đồng
- Năm 2021: 20.186 triệu đồng

VI. Kết quả kiểm định chất lượng giáo dục

TT	Đối tượng	Bộ tiêu chuẩn đánh giá	Tự đánh giá		Đánh giá ngoài		Thẩm định và công nhận		
			Năm hoàn thành báo cáo TĐG lần 1	Năm cập nhật báo cáo TĐG	Tên tổ chức đánh giá	Tháng/năm đánh giá ngoài	Kết quả đánh giá của Hội đồng KĐC LGD	Giấy chứng nhận	
								Ngày cấp	Giá trị đến
1	Cơ sở giáo dục	TT số 12/2017/T-T-BGDĐT	2019						

		ngày 19/5/2017							
2	Chương trình đào tạo KT, CNTT	TT số 04/2016/T T-BGDĐT ngày 14/3/2016	2017						

VII. Tóm tắt một số chỉ số quan trọng

Từ kết quả khảo sát ở trên, tổng hợp thành một số chỉ số quan trọng dưới đây (số liệu năm cuối kỳ đánh giá):

1. Giảng viên:

Tổng số giảng viên cơ hữu (người): 142

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu trên tổng số cán bộ cơ hữu (%): 71,7%

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ tiến sĩ trở lên trên tổng số giảng viên cơ hữu (%): 31,0%

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ thạc sĩ trên tổng số giảng viên cơ hữu (%): 54,2%

2. Sinh viên:

Tổng số sinh viên chính quy (người): 1916

Tỷ số sinh viên trên giảng viên (sau khi quy đổi): 15,4

Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp so với số tuyển vào (%): 90,3%

3. Đánh giá của sinh viên tốt nghiệp về chất lượng đào tạo của nhà trường:

Tỷ lệ sinh viên trả lời đã học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%): 90%

Tỷ lệ sinh viên trả lời *chỉ học được một phần* kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%): 10%

4. Sinh viên có việc làm trong năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp:

Tỷ lệ sinh viên có việc làm đúng ngành đào tạo, trong đó bao gồm cả sinh viên chưa có việc làm học tập nâng cao (%): 88,0%

Tỷ lệ sinh viên có việc làm trái ngành đào tạo (%): 7,0%

Tỷ lệ tự tạo được việc làm trong số sinh viên có việc làm (%): 5,0%

Thu nhập bình quân/tháng của sinh viên có việc làm (triệu VNĐ): 6 triệu

5. Đánh giá của nhà sử dụng về sinh viên tốt nghiệp có việc làm đúng ngành đào tạo:

Tỷ lệ sinh viên đáp ứng yêu cầu của công việc, có thể sử dụng được ngay (%): 88,0%

Tỷ lệ sinh viên cơ bản đáp ứng yêu cầu của công việc, nhưng phải đào tạo thêm (%): 12,0%

6. Nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và phục vụ cộng đồng:

Tỷ số đề tài nghiên cứu khoa học, chuyển giao khoa học công nghệ và

phục vụ cộng đồng trên cán bộ cơ hữu: 52 /198

Tỷ số doanh thu từ nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và phục vụ cộng đồng trên cán bộ cơ hữu: 308.5 triệu/198 người

Tỷ số sách đã được xuất bản trên cán bộ cơ hữu: 7/198

Tỷ số bài đăng tạp chí trên cán bộ cơ hữu: 72/198

Tỷ số bài báo cáo trên cán bộ cơ hữu: 24/198

7. Cơ sở vật chất (*số liệu năm cuối kỳ đánh giá*):

Tỷ số diện tích sàn xây dựng trên sinh viên chính quy: 8,0 m²/SV

Tỷ số chỗ ở ký túc xá trên sinh viên chính quy:

Năm học	2016	2017	2018	2019	2020
	2017	2018	2019	2020	2021
Tỷ số diện tích trên đầu sinh viên ở trong ký túc xá, m ² /người	11,0	7,5	7,1	8,8	9,1

8. Kết quả kiểm định chất lượng giáo dục:

- Cấp cơ sở giáo dục: (Trường hoàn thành Tự đánh giá lần 1)
- Cấp chương trình đào tạo: (chưa)